

**ABHIDHAMMA PITAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG**

Bộ Sách Chú Giải

**ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP**

Tập V - Chương thứ VIII – Quyển I

**PACCAYASAṄGAHAVIBHÀGO
TỔNG HỢP PHÂN TÍCH DUYÊN HỆ
PAṬICCASAMUPPÀDADÌPANÌ
LIÊN QUAN TƯƠNG SINH MINH GIẢI
(Khóa Trình Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị)**

Tác Giả: **SADDHAMMA JOTIKA DHAMMACÀRIYA**
Dịch Giả: **Bhikkhu PASÀDO**

P.L. 2561

D.L. 2017

LỜI MỞ ĐẦU

(Ngài Trưởng Lão Pháp Sư *Saddhamma Jotika Dhammàcariya*)

<i>Vattukàmo ahaṃ ajja</i>	<i>Paccayàkàraṇaṇṇanam</i>
<i>Patitṭham nàdhigacchàmi</i>	<i>Ajjhogàḷhova sàgaram</i>
<i>Sàsanam panidaṃ nàna</i>	<i>Desanàṇayamaṇḍitaṃ</i>
<i>Pubbàcariyamaggo ca</i>	<i>Abbocchinno pavattati</i>
<i>Yasmà tasmà tadubhayaṃ</i>	<i>Sannissàyatthavaṇṇanam</i>
<i>Àrabhissàmi etassa</i>	<i>Taṃ suṇàtha samàhità.</i>

Bây giờ, Bản Đạo có sở nguyện sẽ đề cập đến việc miêu tả Pháp Liên Quan Tương Sinh một cách đầy đủ chi tiết; tuy nhiên Trí Tuệ của Bản Đạo đã định liệu rằng duy chỉ có một mình thì sẽ không thể nào thực hiện một cách suôn sẻ được, cũng giống như một nam nhân rớt ở trong biển cả đại dương, và không thể nào bám víu được ở nơi nào cả vậy. Tuy nhiên, cho dù như thế nào đi nữa thì Chánh Tạng Pàli mà Đức Phật Ngài đã lập ý khái thuyết một cách đặc thù vi diệu ở trong từng mỗi phần, gồm có *Liên Quan Tương Sinh Phân Tích (Paṭiccasamuppàda vibhaṅga)*, *Phẩm Đại Duyên Tương Ứng (Nidànavaggasaṅyutta)* v.v.; và các bộ *Chú Giải (Atthakathà)* như có bộ *Chú Giải Xua Tan Mê Mờ Giải Minh (Sammohavinodani)*, bộ *Chú Giải Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga)* v.v. và bộ *Phụ Chú Giải (Tikà)* như có bộ *Minh Nghĩa Phụ Chú Giải (Vibhàviniṭṭhà)*, *Siêu Lý Giải Minh Phụ Chú Giải (Paramatthadìpaniṭṭhà)*, *Ngôn Ngữ Phụ Chú Giải (Bhàsàṭṭhà)*, v.v. đã được tất cả các bậc *Thầy Tổ (Pubbàcàriya)* đề cập đến việc miêu tả ý nghĩa nội dung một khi vẫn đang hiện hữu thịnh hành và chưa mất đi. Với lý do này, Bản Đạo mới sẽ trình bày việc miêu tả ý nghĩa nội dung của Pháp Liên Quan Tương Sinh [gồm luôn cả 24 *Duyên (Paccaya)* và *Chế Định (Paññatti)*] đây, với việc nương vào Chánh Tạng Pàli và những bộ Chú Giải – Phụ Chú Giải ấy vậy. Chính vì thế, xin cho tất cả các bậc *Hiền Đức (Sàdhujana)* nên chú ý lắng nghe và nghiên cứu với bộ Kinh này – bộ Kinh *Liên Quan Tương Sinh Minh Giải và Giản Lược 24 Duyên* đây – được tính là bộ Kinh thứ 13 ở trong số lượng Khóa Trình Nghiên Cứu Tạng Vô Tỷ Pháp mà Bản Đạo đã có được soạn tác cho làm thành Khóa Trình Nghiên Cứu của các bậc Học Viên Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị và bậc Giảng Viên Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất.

Lại nữa, bộ Kinh Liên Quan Tương Sinh Minh Giải và Giản Lược 24 Duyên đã được thành tựu đây, cũng do bởi nương vào *Guṇavaṇṇi, Komesa* là những vị đã hỗ trợ biên soạn ở trong lãnh vực thành ngữ Thái Lan; bởi do thế Bản Đạo mới xin được *hoan hỷ tán thành (Anumodanà)* trong *Tư Tác Ý Thiện (Kusalacetanà)* ở phần lớn là của *Guṇavaṇṇi, Komesa*; xin cho Tư Tác Ý Thiện Công Đức này hãy phát sinh đến *Guṇavaṇṇi, Komesa* cho được thành đạt ở trong sở nguyện sở cầu với mọi trường hợp của các quý vị này.

***Ichchitam patthitam tesam
Sabbe pùrentu saṅkappà***

***Khippameva samijjhanu
Chando paṇṇaraso yathà***

“Cầu xin các Quả lành mà người đã mong mỏi, cho được mau thành tựu kịp thời đến người. Cầu xin những sự suy xét chân chánh cho được tròn đủ đến người; cũng như trăng trong ngày Rằm vậy.”

-----00000-----

Từ Ngữ Giải Thích

1. Việc luân chuyển ở trong *Tiền Hữu Luân (Pubbantabhavacakka – Bánh xe luân hồi trước xoay chuyển)* có như vậy:

- Vô Minh (*Avijjà*) làm Nhân – Hành (*Saṅkhàra*) làm Quả.
- Hành làm Nhân – Thức (*Viññàṇa*) làm Quả.
- Thức làm Nhân – Danh Sắc (*Nàmarùpa*) làm Quả.
- Danh Sắc làm Nhân – Lục Xứ (*Salàyatana*) làm Quả.
- Lục Xứ làm Nhân – Xúc (*Phassa*) làm Quả.
- Xúc làm Nhân – Thọ (*Vedanà*) làm Quả.
- Thọ làm Nhân – Vô Minh làm Quả.

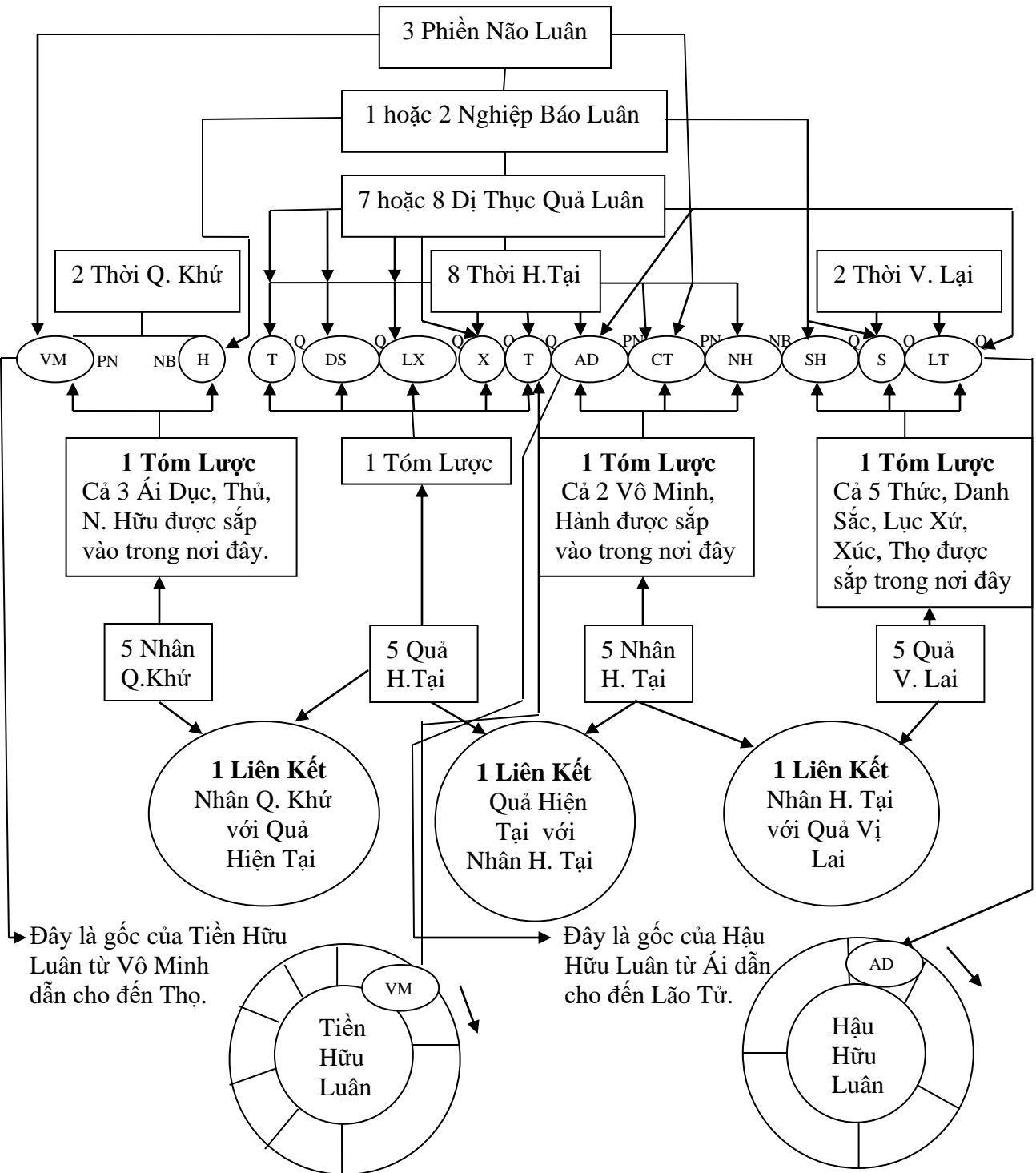
Bất luận khi nào Ái Dục khởi sinh lên bởi do nương vào Thọ làm Nhân thì ngay trong sát na ấy Vô Minh cũng cùng cấu sinh với Ái Dục; chính vì thế một khi bánh xe luân hồi đã xoay đến Thọ rồi, thì mới xoay trở lại gặp Vô Minh và bắt đầu lại thêm lần nữa.

2. Việc luân chuyển ở trong *Hậu Hữu Luân (Aparantabhavacakka – Bánh xe luân hồi sau xoay chuyển)* có như vậy:

- Ái Dục (*Taṇhà*) làm Nhân – Chấp Thủ (*Upàdàna*) làm Quả.
- Chấp Thủ làm Nhân – Nghiệp Hữu (*Kammabhava*) làm Quả.
- Nghiệp Hữu làm Nhân – Sinh (*Jàti*) làm Quả.
- Lão Mại Tử Vong (*Jàramaràṇa*) làm Nhân – Ái Dục làm Quả.

Bất luận khi nào sự lão mại và sự cận tử lâm chung đã khởi sinh lên rồi, thì ngay thời gian đây vì ấy thường có sự dục cầu trở lại thành trai trẻ thanh xuân, và dục cầu thọ mạng lâu dài; mà những thể loại mong cầu này đều đã là *Dục Lậu (Kàmàsava)*, có nghĩa là chính Ái Dục ấy khởi sinh bởi do nương vào Lão Mại Tử Vong làm Nhân; chính vì thế một khi bánh xe luân hồi đã xoay đến Lão Mại Tử

Vong rồi, thì mới xoay trở lại gặp Ái Dục và bắt đầu lại thêm lần nữa. Bởi do thế mới nói rằng: “*Chúng sanh già, chết, khổ sâu,
Bởi do Pháp Lưu khởi đầu Vô Minh*”.



Ghi chú:

- **VM:** Vô Minh (*Avijjà*) thuộc Phiền Não (PN)

- **H:** Hành (*San̄khàra*) thuộc Nghiệp Báo (**NB**)
- **T:** Thức (*Viññàṇa*) thuộc Dị Thục Quả (**Q**)
- **DS:** Danh Sắc (*Nàmarùpa*) thuộc Dị Thục Quả (**Q**)
- **LX:** Lục Xứ (*Salāyatana*) thuộc Dị Thục Quả (**Q**)
- **X:** Xúc (*Phassa*) thuộc Dị Thục Quả (**Q**)
- **T:** Thọ (*Vedanà*) thuộc Dị Thục Quả (**Q**)
- **AD:** Ái Dục (*Taṇhà*) thuộc Phiền Não (**PN**)
- **CT:** Chấp Thủ (*Upàdàna*) thuộc Phiền Não (**PN**)
- **NH:** Nghiệp Hữu (*Kammabhava*) thuộc Nghiệp Báo (**NB**)
- **SH:** Sinh Hữu (*Uppattibhava*) thuộc Dị Thục Quả (**Q**)
- **S:** Sinh (*Jàti*) thuộc Dị Thục Quả (**Q**)
- **LT:** Lão Tử (*Jàramaraṇa*) thuộc Dị Thục Quả (**Q**)

-----00000-----

PARAMATTHAJOTIKA – SIÊU LÝ QUANG MINH

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMÀSAMBUDDHASSA
CUNG KÍNH ĐỨC THẾ TÔN - ÚNG CÚNG – CHÁNH BIẾN TRI

LIÊN QUAN TƯƠNG SINH MINH GIẢI
- (PAṬICCASAMUPPÀDADÌPANÌ) -
VÀ 24 DUYÊN THEO GIẢN LƯỢC

PHẦN I: PAṬICCASAMUPPÀDA (LIÊN QUAN TƯƠNG SINH)

Yesam̄ saṅkhatadhammànaṃ ye dhammàpaccayà yathà, taṃ vibhàgami hedàni pavakkhàmi yathàrahaṃ. Paṭiccasamuppàdanayo, paṭṭhànanayo ceti paccayaṅgaho duvidho veditabbo. Tattha tabbhàvabhàvibhàvàkàramatto palakkhito paṭiccasamuppàdanayo. Paṭṭhànanayo pana àhaccapaccayaṭṭhiti-màrabbha pavuccati. Ubhayaṃ pana vomissetvà papañcenti àcariyà.

Nay, Tôi sẽ giảng một cách tỷ mỉ ở nơi đây, một cách thích hợp, về như thế nào một Pháp liên hệ với một Pháp khác ở trong Thế Giới Hữu Vi. Sự hữu quan ở trong Tổng Hợp Duyên Hệ ấy cần được hiểu biết bởi theo hai Phương Pháp: Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và Phương Pháp Phát Thủ. Ở đây, Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh là sự liên hệ bị chi phối bởi định luật "Cái này sanh khởi do bởi duyên vào cái kia". Phương Pháp Phát Thủ được nói đến sự hiện hữu các điều kiện liên hệ với nhau. Các bậc Giáo Thọ Sư đã giải thích xen lẫn cả hai Phương Pháp này.

Tattha avjìpaccayà saṅkhàrà. Saṅkhàra paccayà viññāṇam. Viññāṇa paccayà nāmarūpam. Nāmarūpa paccayà saḷāyatanam. Saḷāyatana paccayà phasso. Phassa paccayà vedanā. Vedanā paccayà taṇhā. Taṇhā paccayà upādānam. Upādāna paccayà bhavo. Bhava paccayà jāti. Jāti paccayà jarāmaṇa soka parideva dukkha domanassupāyāyā sambhavanti. Evame tassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti ti. Ayamettha paṭiccasamuppādanayo.

Ở nơi đây, Vô Minh làm duyên cho Hành. Hành làm duyên cho Thức. Thức làm duyên cho Danh Sắc. Danh Sắc làm duyên cho Lục Xứ. Lục Xứ làm duyên cho Xúc. Xúc làm duyên cho Thọ. Thọ làm duyên cho Ái Dục. Ái Dục làm duyên cho Chấp Thủ. Chấp Thủ làm duyên cho Hữu. Hữu làm duyên cho Sinh. Sinh làm duyên cho Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Nỗi Hại. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khởi Khổ Uẩn. Và đây là Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh.

Tattha tayo addhā, dvādasāṅgāni, viśatākārā, tisandhi, catusaṅkhepā, tīṇi vaṭṭāni, dve mūlāni ca veditabbāni. Kathaṃ ? Avijjāsaṅkhārā atīto addhā. Jāti jarāmaṇanam anāgato addhā. Majjhe aṭṭha paccuppanne addhā ti tayo addhā. Avijjā, saṅkhārā, viññāṇam, nāmarūpam, saḷāyatanam, phasso, vedanā, taṇhā, upādānam, bhavo, jāti, jarāmaṇanti dvādasāṅgāni. Sokādivacanam panettha nissandaphalanidassanam.

Ở nơi đây cũng cần nên hiểu biết rằng có 3 Thời Kỳ, 12 Chi Phần, 20 Hành Tướng, 3 Liên Kết, 4 Tóm Lược, 3 Luân Hồi, và 2 Căn Nguyên. Như thế nào? Vô Minh, Hành thì thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ; Sinh, Lão Mại, Tử Vong thì thuộc về Thời Kỳ Vị Lai; tám Pháp ở khoảng giữa thì thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại. Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu, Sinh, Lão Mại, Tử Vong là 12 Chi Phần. Từ ngữ Sầu Bi v.v... được nêu lên như là đăng lưu quả của Sinh.

Avijjāsaṅkhāraggahaṇena panettha taṇhupādānabhavāpi gahitā bhavanti. Tathā taṇhupādānabhavaggahaṇena ca avijjāsaṅkhārā, jātijarāmaṇag-gahanena ca viññāṇādiphalaṇakameva gahitanti katvā.

Atīte hetavo pañca, idāni phalapañcakam. Idāni hetavo pañca, āyatim phalapañcakanti.

Viśatākārā, tisandhi catusaṅkhepā ca bhavanti. Avijjā taṇhupādānā ca kilesavaṭṭam; kammabhavaśaṅkhāto; bhavēkadeso saṅkhārā ca kammavattam; upapattibhavaśaṅkhāto bhavēkadeso avasesā ca vipākavaṭṭam ti tīṇi vaṭṭāni. Avijjātaṇhavasena dve mūlāni ca veditabbāni. Tesameva ca mūlānam nirodhena nirujjhati. Jarāmaṇamucchāya pīṭānamabhinhaso. Āsavānam samuppādā avijjā ca pavaḍḍhati.

Vaṭṭamābandhamiccevaṃ tedhūmakamanādikaṃ. Paṭiccasamuppādo ti paṭṭhapesi mahāmuni.

Nơi đây, khi đề cập đến Vô Minh và Hành thì Ái Dục, Chấp Thủ và Hữu cũng được hàm ý ở trong đó. Cùng thế ấy, khi đề cập đến Ái Dục, Chấp Thủ và Hữu thì Vô Minh và Hành cũng được hàm ý ở trong đó.

Như vậy có năm Nhân thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ, năm Dị Thục Quả thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại, năm Nhân thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại và năm Dị Thục Quả thuộc về Thời Kỳ Vị Lai.

Vô Minh, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu thì thuộc về Phiền Nã Luân; một phần của Hữu được gọi là Nghiệp Hữu và Hành thì thuộc về Nghiệp Báo Luân; một phần còn lại của Hữu được gọi là Sinh Hữu thì thuộc về Dị Thục Quả Luân. Như vậy cũng cần nên hiểu biết rằng có ba Vòng Luân Hồi; Vô Minh và Ái Dục là hai Căn Nguyên. Sự tận diệt những Căn Nguyên ấy thì sự Luân Hồi được chấm dứt. Vô Minh được phát sinh và tiếp diễn tăng trưởng là do bởi các Lậu Hoạch, và luôn luôn bị bức bách do bởi Lão Mại Tử Vong.

Như vậy vị Đại Tu Sĩ đã trình bày giải thích tình trạng rối rắm của những kiếp sống vô thủy và hệ lụy này ở trong ba Cõi Giới, dưới hình thức định lý Liên Quan Tương Sinh.

-----00000-----

Phân Pali Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp và Lời Dịch Nghĩa Chương Thứ VIII – Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ

LỜI THỆ NGUYỆN CỦA NGÀI GIÁO THỌ ANURUDDHA

1. “*Yesam saṅkhatadhammaṇaṃ Ye dhammāpaccayā yathā Taṃ vibhāgami hedāni Pavakkhāmi yathārahaṃ*”.

“Nay, Tôi sẽ giảng một cách tỷ mỉ ở nơi đây, một cách thích hợp, về như thế nào một Pháp liên hệ với một Pháp khác ở trong Thế Giới Hữu Vi”.

Những thể loại Pháp nào, tức là Pháp Hữu Vi (*Saṅkhatadhamma*), Pháp Vô Vi (*Asaṅkhatadhamma*) và Pháp Chế Định (*Paññattidhamma*) làm thành Năng Duyên (*Paccaya*) giúp đỡ ủng hộ đối với những thể loại Pháp Sở Duyên (*Paccayuppanna*) nào, tức là Pháp Hữu Vi với những hành trạng khác biệt nhau, như có Mãnh Lực Nhân (*Hetusatti*), Mãnh Lực Cảnh (*Ārammaṇasatti*), v.v. Tại nơi đây, trong **Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ (*Paccayasāṅgahavibhāgo*)** này, thuận theo điều kiện thích hợp mà Bản Đạo sẽ trình bày từng mỗi phân loại khác biệt nhau từ ở nơi mãnh lực hiệp trợ của những thể loại Năng Duyên và những Sở Duyên ấy vậy.

[**Chú thích:** Từ ngữ “*Saṅkhatadhamma*” (Pháp Hữu Vi) còn được gọi là “*Pháp được cấu tạo*”, là những Pháp không tự tiện hiện hữu mà cần phải được

khởi sinh tùy thuộc những yếu tố hoặc điều kiện. Các Pháp Hữu Vi bao gồm tất cả các Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp; và đã có được miêu tả ở trong Chương thứ I, II của bộ sách Chú Giải Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp.]

Trình Bày Hai Phương Pháp Và Sự Khác Biệt Nhau Giữa Cả Hai Phương Pháp

2. ***“Paṭīcasamuppādanayo, paṭṭhānanayo ceti paccayaṅgaho duvidho vedītabbo. Tattha tabbhāvabhāvībhāvāṅkaramatto palakkhito paṭīcasamuppādanayo. Paṭṭhānanayo pana āhaccapaccayaṭṭhitimārabba pavuccati. Ubhayaṃ pana vomissetva papañcenti ācariyā”*** – “Sự liên hệ Tổng Hợp Duyên Hệ ấy cần được hiểu theo hai Phương Pháp: Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và Phương Pháp Phát Thú. Ở đây, Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh là sự liên hệ bị chi phối bởi định luật “Cái này sanh khởi do bởi duyên vào cái kia”. Phương Pháp Phát Thú được nói đến sự hiện hữu các điều kiện liên hệ với nhau. Các bậc Giáo Thọ Sư đã giải thích xen lẫn cả hai Phương Pháp này”.

Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết rằng Tổng Hợp Duyên Hệ đây có hai Phương Pháp, đó là:

- 1/. Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh (***Paṭīcasamuppādanayo***),
- 2/. Phương Pháp Phát Thú (***Paṭṭhānanayo***).

Cả hai Phương Pháp đây, Đức Thế Tôn đã lập ý chỉ hạn định bởi theo hành trạng hiện hành của Pháp Sở Duyên gồm có Hành v.v. có thực tính sinh khởi theo lẽ thường nhiên bởi do nương vào việc sinh khởi của các Pháp Năng Duyên có Vô Minh v.v. và được gọi tên là *Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh*.

Bên phần *Phương Pháp Phát Thú* thì Đức Thế Tôn Ngài đã lập ý đề cập đến mãnh lực của Năng Duyên ở phần đặc biệt. Còn tất cả các Ngài Chú Giải Sư đã kết hợp cả hai Phương Pháp này vào với nhau để trình bày một cách mãn túc.

[***Chú thích:*** Từ ngữ ***“Paṭīcasamuppāda”*** được dịch nghĩa là *Liên Quan Tương Sinh*, hoặc còn gọi là *Pháp Tùy Thuộc Phát Sinh*”, hoặc là *“Thập Nhị Duyên Khởi.”* Khi chiết tự ra thì có được hai từ ngữ, ấy là: ***Paṭīcca*** + ***Samuppāda***, ***Paṭīcca*** dịch nghĩa là *“do bởi, bởi vì, có liên quan”*; ***Samuppāda*** dịch nghĩa là *“nổi lên, mọc lên, khởi sinh, được sản sinh”*. Tại đây lập ý nói đến mối liên quan giữa 12 Pháp được gọi là *Năng Duyên (Paccaya)* và *Sở Duyên (Paccayuppanna)*. Hệ thống giảng giải 12 Pháp liên quan với nhau từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh được gọi tên là *Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh (Paṭīcasamuppādanayo)* hoặc còn gọi là *Định Luật Phát Sinh Tùy Thuộc.*]

Trình Bày Việc Hiệp Trợ Giữa Pháp Năng Duyên Và

Pháp Sở Duyên Thế Theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh

3. *“Tattha avjĵapaccayà saṅkhàrà. Saṅkhàra paccayà viññāṇam. Viññāṇa paccayà nāmarūpam. Nāmarūpa paccayà saĵāyatanaṃ. Saĵāyatana paccayà phassa. Phassa paccayà vedanā. Vedanā paccayà taṇhā. Taṇhā paccayà upādānaṃ. Upādāna paccayà bhava. Bhava paccayà jāti. Jāti paccayà jarāmaraṇa soka parideva dukkha domanassupāyāyā sambhavanti. Evame tassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti ti”*- “Ở nơi đây, Vô Minh làm duyên cho Hành. Hành làm duyên cho Thức. Thức làm duyên cho Danh Sắc. Danh Sắc làm duyên cho Lục Xứ. Lục Xứ làm duyên cho Xúc. Xúc làm duyên cho Thọ. Thọ làm duyên cho Ái Dục. Ái Dục làm duyên cho Chấp Thủ. Chấp Thủ làm duyên cho Hữu. Hữu làm duyên cho Sinh. Sinh làm duyên cho Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Nỗi Hại khởi sinh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khối Khổ Uẩn”.

Trong cả hai Phương Pháp đây, thì sự hiện hành của Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên bởi theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh có được như vậy:

Cả ba gồm *Phúc Hành (Puññābhisaṅkhàra)*, *Phi Phúc Hành (Apuññābhi saṅkhàra)*, *Bất Động Hành (Aneñjābhisaṅkhàra)* đây, hiện khởi lên bởi do nương vào Vô Minh, tức là sự bất liễu tri ở trong Tứ Đế, sự bất liễu tri ở trong *Quá Khứ (Pubbanta)*, sự bất liễu tri ở trong *Vị Lai (Aparanta)*, sự bất tri ở trong *Quá Khứ* và *Vị Lai (Pubbantāparanta)*, sự bất liễu tri ở trong Liên Quan Tương Sinh; kết hợp cả tám điều làm thành Nhân.

Thức (Viññāṇa) tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế hiện khởi lên bởi do nương vào Tam Hành làm thành Nhân.

Danh Sắc (Nāmarūpa) tức là Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp hiện khởi lên bởi do nương vào Thức đó là *Thức Thiện Nghiệp (Kusalakammaviññāṇa)*, *Thức Bất Thiện Nghiệp (Akusalakammaviñña)* ở trong các kiếp sống trước trước và Thức Dị Thục Quả ở trong kiếp sống này làm thành Nhân.

Lục Xứ (Saĵāyatana) tức là *Lục Nội Bộ Xứ (Ajjhatikāyatana)* có Nhãn Xứ v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Danh Sắc làm thành Nhân.

Lục Xứ (Phassa) tức là có *Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa)* v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Lục Nội Bộ Xứ làm thành Nhân.

Lục Thọ (Vedanā) tức là *Nhãn Xúc Thọ (Cakkhusamphassajāvedanā)* v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Lục Xúc làm thành Nhân.

Lục Ái Dục (Taṇhā) hoặc 108 Ái Dục là tính theo toàn bộ, có *Sắc Ái Dục (Rūpatañhā)* v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Lục Thọ làm thành Nhân.

Lục Chấp Thủ (Upādāna) có *Dục Thủ (Kāṃupādāna)* v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Lục hoặc 108 Ái Dục làm thành Nhân.

Hữu (Bhava) tức là cả hai Nghiệp Hữu (*Kammabhava*) và Sinh Hữu (*Uppattibhava*) hiện khởi lên bởi do nương vào Tứ Chấp Thủ làm thành Nhân.

Sinh (Jāti) tức là sự sinh khởi của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tâm Sở và Sắc Nghiệp hiện khởi lên bởi do nương vào Nghiệp Hữu làm thành Nhân.

Lão Mại (Jarà), Tử Vong (Marāṇa) và *Sầu Muộn (Soka), Bi Ai (Parideva), Khổ Đau (Dukkha), Ưu Thọ (Domanassa), Nỗ Hại (Upàyāsa)*; cả bảy điều này hiện khởi lên bởi do nương vào Sinh làm thành Nhân.

Như vậy sự sinh khởi của toàn bộ tất cả các Khô Uẩn đây, là bởi do nương vào những Năng Duyên có Vô Minh v.v. như đã được đề cập đến ở tại đây.

“Ayamettha paṭiccasamuppādanayo”- “*Và đây là Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh*”. Thế theo như đã vừa được đề cập, đây là Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh ở trong Tổng Hợp Duyên Hệ này vậy.

Phân Tích Liên Quan Tương Sinh Thế Theo Những Từng Phương Pháp Có Thời Kỳ (Addhà) v.v.

4. “Tattha tayo addhà, dvādasāṅgaṇi, viśatākārā, tisandhi, catusāṅkhepā, tīṇi vaṭṭāni, dve mūlāni ca veditabbāni”- Ở nơi đây cũng cần nên hiểu biết rằng có 3 Thời Kỳ, 12 Chi Phần, 20 Hành Tướng, 3 Liên Kết, 4 Tóm Lược, 3 Luân Hồi, và 2 Căn Nguyên.

Trong Pháp Liên Quan Tương Sinh đây, tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết đến Tam Thời Kỳ (Addhà 3), Thập Nhị Chi Phần (Aṅga 12), Nhị Thập Hành Tướng (Ākàra 20), Tam Liên Kết (Sandhi 3 – ba Sự Nối Tiếp Nhau), Tứ Tóm Lược (Saṅkhepa 4), Tam Luân Hồi (Vaṭṭa 3), và Nhị Căn Nguyên (Mūla 2).

Tam Thời Kỳ (Addhà 3)

5. “Kathaṃ ? Avijjāsāṅkhārā atīto addhà. Jāti jarāmaranaṃ anāgato addhà. Majjhe aṭṭha paccuppanne addhà ti tayo addhà”- “*Như thế nào? Vô Minh, Hành thì thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ; Sinh, Lão Mại Tử Vong thì thuộc về Thời Kỳ Vị Lai; tám Pháp ở khoảng giữa thì thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại*”.

Nên được hiểu biết như thế nào ? Nên hiểu biết Tam Thời Kỳ như vậy, là:

- Cả hai gồm Vô Minh và Hành đây thì thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ; tức là Pháp đã sinh khởi ở trong các kiếp sống trước trước.
- Cả ba gồm Sinh, Lão Mại, Tử Vong đây thì thuộc về Thời Kỳ Vị Lai; tức là Pháp sinh khởi trong kiếp sống sau.
- Cả tám Chi Pháp ở trong khoảng giữa, đó là: Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Dục Hữu; với những thể loại này thì thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại, tức là Pháp sinh ở ngay trong kiếp sống này.

Thập Nhị Chi Phần (Aṅga)

6. “*Avijjà, saṅkhàrà, viññàṇaṃ, nàmarùpaṃ, saḷàyatanaṃ, phasso, vedanà, taṇhà, upàdànaṃ, bhavo, jàti, jaràmarañanti dvàdasaṅgàni*”- “Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu, Sinh, Lão Mại, Tử Vong là 12 Chi Phần”.

Nên hiểu biết 12 chi Phần như vậy: Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu, Sinh, Lão Mại Tử Vong.

7. “*Sokàdivacanaṃ panettha nissandaphalanidassanaṃ*”- “Từ ngữ Sầu Bi v.v... được nêu lên như là đấng lưu quả của Sinh”.

Trong phần Pàli Liên Quan Tương Sinh đây, từ ngữ Sầu Muộn (*Soka*) v.v. bao hàm ý nghĩa là Sầu Muộn (*Soka*), Bi Ai (*Parideva*), Khổ Đau (*Dukkha*), Ưu Thọ (*Domanassa*), Nỗi Hại (*Upàyàsa*); và những thể loại này trình bày cho được biết đến quả báo làm thành Đấng Lưu Quả (*Nissandaphala*); tức là chỉ làm thành quả báo nối tiếp từ ở nơi Sinh mà thôi, và chẳng phải là một Chi Phần riêng biệt.

Nhị Thập Hành Tướng (Ākàra 20), Tam Liên Kết (Sandhi 3), Tứ Tóm Lược (Saṅkhepa 4)

8. “*Avijjàsaṅkhàraggahaṇena panettha taṇhupàdànaabhavàpi gahitā bhavanti. Tathā taṇhupàdànaabhavaggahaṇena ca avijjàsaṅkhàrà, jàti jaràmarañaggahaṇena ca viññàṇādiphalaṇācākaṃeva gahitanti katvā*”.

Atīte hetavo pañca Idāni phalaṇācākaṃ
Idāni hetavo pañca Āyatim phalaṇācākaṃ
Visatākārā tisandhi Catusaṅkhepā ca bhavanti.

“Nơi đây, khi đề cập đến Vô Minh và Hành thì Ái Dục, Chấp Thủ và Hữu cũng được hàm ý ở trong đó. Cùng thể ấy, khi đề cập đến Ái Dục, Chấp Thủ và Hữu thì Vô Minh và Hành cũng được hàm ý ở trong đó.

Như vậy có năm Nhân thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ, năm Dị Thục Quả thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại, năm Nhân thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại và năm Dị Thục Quả thuộc về Thời Kỳ Vị Lai”.

Đối với ở trong Tam Thời Kỳ, bằng cách đã đề cập đến Vô Minh và Hành để nêu lên trình bày, thì ngay cả ba Ái Dục, Chấp Thủ và Nghiệp Hữu cũng nên tính vào ở trong Thời Kỳ Quá Khứ. Cũng tương tự như nhau, bằng cách đã đề cập đến Ái Dục, Chấp Thủ, và Nghiệp Hữu để nêu lên trình bày, thì cả hai Vô Minh và Hành cũng nên tính vào ở trong Thời Kỳ Hiện Tại. Bằng cách đã đề cập đến

Sinh, Lão Mai, Tử Vong để nêu lên trình bày, thì cả năm thể loại quả báo gồm có Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ cũng nên tính vào ở trong Thời Kỳ Vị Lai.

**Bởi Do Thế, Nhị Thập Hành Tướng, Tam Liên Kết,
Tứ Tóm Lược Mới Hiện Hành Như Vầy:**

- Có năm **Nhân** ở trong kiếp sống **Quá Khứ**, đó là: Vô Minh, Hành, Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu.
- Có năm **Quả** ở trong kiếp sống **Hiện Tại**, đó là: Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ.
- Có năm **Nhân** ở trong kiếp sống **Hiện Tại**, đó là: Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Vô Minh, Hành.
- Có năm **Quả** ở trong kiếp sống **Vị Lai**, đó là: Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ.

Tam Luân Hồi (Vatṭa), Nhị Căn Nguyên (Mūla)

9. *“Avijjā taṇhupādānā ca kilesavaṭṭam; Kammabhavasāṅkhato; bhavakadeso saṅkhārā ca kammavaṭṭam; upapattibhavasāṅkhato bhavakadeso avasesā ca vipākavaṭṭam ti tīni vaṭṭāni. Avijjātaṇhavasena dve mūlāni ca veditabbāni”*- “Vô Minh, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu thì thuộc về Phiền Nã Luân; một phần của Hữu được gọi là Nghiệp Hữu và Hành thì thuộc về Nghiệp Báo Luân; phần còn lại của Hữu được gọi là Sinh Hữu thì thuộc về Di Thục Quả Luân. Như vậy cũng cần nên hiểu biết rằng có ba Vòng Luân Hồi; Vô Minh và Ái Dục là 2 Căn Nguyên”.

Đối với Tam Luân Hồi thì tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết như vầy:

Vô Minh, Ái Dục và Chấp Thủ, với những thể loại này thì thuộc về *Phiền Nã Luân (Kilesavaṭṭa)*. Một phần của Hữu, tức là *Nghiệp Hữu (Kammabhava)* và Hành, với những thể loại này thì thuộc về *Nghiệp Báo Luân (Kammavaṭṭa)*. Một phần của Hữu, tức là *Sinh Hữu (Uppattibhava)* và Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Sinh, Lão Mai Tử Vong, với những thể loại còn lại này thì thuộc về *Di Thục Quả Luân (Vipākavaṭṭa)*.

Còn Nhị Căn Nguyên đây, thì tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết bởi theo phân loại từ ở nơi Vô Minh và Ái Dục.

**Trình Bày Việc Tận Diệt Từ Ở Nơi Cả Tam Luân Hồi
Và Xuất Sinh Xứ Của Vô Minh**

10. “*Tesameva ca mulànaṃ nirodhena nirujjhati. Jaràmaṇaṃ mucchaya pīlītaṃ abhinhaso. Àsavānaṃ samuppàdā avijjà ca pavaḍḍhati*”-

“*Sự tận diệt những Căn Nguyên ấy thì sự Luân Hồi được chấm dứt. Vô Minh được phát sinh và tiếp diễn tăng trưởng là do bởi các lậu Hoặc, và luôn luôn bị bức bách do bởi Lão Mai - Tử Vong.*”

Khi cả Tam Luân Nhị Căn đã tận diệt không còn dư sót với mãnh lực từ ở nơi Đạo Vô Sinh (*Arahattamagga*), thế rồi việc luân chuyển tuần hoàn từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh, tức là cả Tam Luân Hồi cũng tức thì ắt hẳn cùng diệt tất. Vô Minh có được sinh khởi là cũng do nương vào việc sinh khởi từ ở nơi Pháp Lậu Hoặc hiện hữu ở trong bản tánh của tất cả Chúng Hữu Tình; và con người thường luôn bị bức bách hành hạ với sự lão mai, sự tử vong, và Pháp làm thành tác nhân từ ở nơi sự si mê làm lạc, tức là *Sầu Bi Khổ Ưu Nảo* ấy vậy.

Trình Bày Kế Ngôn Cuối Cùng

***Vaṭṭamābandhamiccevaṃ Tedhūmakamaṇādikāṃ
Paṭṭicasamuppādo ti Paṭṭhapesi mahāmuni.***

“*Như vậy vị Đại Tu Sĩ đã trình bày giải thích tình trạng rồi rắm của những kiếp sống vô thủy và hệ lụy này ở trong ba Cõi Giới, dưới hình thức định lý Liên Quan Tương Sinh*”.

Theo như Phương Pháp đã vừa được đề cập đến, thì việc luân chuyển tuần hoàn của cả Tam Luân Hồi đã thúc phược với nhau không gián đoạn, và sinh trú ở trong cả Tam Cõi Giới; như vậy đích thị chính là Pháp chủng tiền tiền vô thủy mà Bạc Đại Tu Sĩ đã thường luôn khái thuyết định đặt đấy là Liên Quan Tương Sinh.

Kết Thúc Phần Pāli Và Lời Dịch Nghĩa Trong Liên Quan Tương Sinh

-----00000-----

Tiếp theo đây sẽ tuần tự giải thích ý nghĩa theo chủ đề đã có trình bày ở phía trên, như sau:

Chương thứ Tám đã được gọi tên là ***Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ (Paccayaṅgahavibhāgo)*** đấy, là cũng do bởi Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã trình bày tập hợp hết tất cả các Pháp làm thành Năng Duyên và Sở Duyên thế theo từ ở nơi *Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh (Paṭṭicasamuppāda)* và từ ở nơi *Phương Pháp Phát Thú (Paṭṭhāna)* hiện hữu ở trong Chương này; chính vì thế Chương này mới được gọi tên là ***Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ***.

Lại nữa, tất cả Pháp làm thành Năng Duyên đã có trình bày ở trong Liên Quan Tương Sinh đấy, thì đều toàn là *Pháp Siêu Lý (Paramattha)* và chẳng có

Pháp Chế Định (Paññatti) nào pha trộn lẫn vào được. Còn Pháp làm thành Năng Duyên đã có trình bày ở trong Phát Thủ đây, thì có cả Siêu Lý và Chế Định. Với lý do này, mà Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới trình bày các Pháp Chế Định và đã đặt để ở trong phần cuối cùng của Chương thứ Tám này.

Đối với Pháp làm thành Sở Duyên thì đơn nhất chỉ có một Pháp Siêu Lý ở cả hai Phương Cách.

Từ ngữ *Paccaya* hoặc là Năng Duyên, có được ý nghĩa làm thành tác nhân của quả báo liên quan với các tác nhân đây.

Từ ngữ *Paccayuppanna* hoặc là Sở Duyên, có được ý nghĩa làm thành quả báo sinh khởi bởi do nương vào các Pháp làm thành tác nhân đây.

Tóm lại, **Năng Duyên** tức là **Pháp làm thành Nhân**.

Sở Duyên tức là **Pháp làm thành Quả**.

Giải Thích Trong Kế Ngôn Thệ Nguyên (*Paṭiñña*)

Trong kế ngôn chỗ nói rằng “*Yesam saṅkhatadhammaṇaṃ* v.v. cho đến *pavakkhāmi yathārahaṃ*”, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã trình bày lên sự việc nói ra lời mở đầu, luôn cả có việc thệ nguyện hoàn thành với lời thệ nguyện của Ngài, ấy là: “*Bây giờ, Bản Đạo sẽ trình bày đến việc phân tích Pháp làm thành Năng Duyên (Paccaya) giúp đỡ ủng hộ đối với những thể loại Pháp Sở Duyên (Paccayuppanna) nào, tức là Pháp Hữu Vi với những hành trạng khác biệt nhau, như có mãnh lực từ ở nơi Nhân (Hetusatti), và mãnh lực từ ở nơi Cảnh (Arammanasatti), v.v. thuận theo điều kiện thích hợp ở trong Tổng Hợp Duyên Hệ (Paccayasāṅgha), như tiếp theo đây.*”

Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã trình bày Pháp Sở Duyên bằng cách sử dụng từ ngữ nói rằng “*Yesam saṅkhatadhammaṇaṃ*” có ý nghĩa là “*Pháp làm thành Sở Duyên thiết yếu một cách đơn nhất phải là Pháp Hữu Vi*”, và cần nên hiểu biết là như vậy, cũng bởi vì Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã không có trình bày nói rằng “*Yesam dhammaṇaṃ*” và lại Ngài đã không có trình bày từ ngữ “*dhammaṇaṃ*”. Một cách đặc biệt, bằng cách đã dùng lấy từ ngữ “*Saṅkhata*” cho kết hợp vào; và Pháp Hữu Vi ấy bao gồm có Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp đã bị tạo tác do bởi các tác nhân, như có Nghiệp, Tâm, Quý Tiết, Vật Thực, và Cảnh.

Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã trình bày Pháp Năng Duyên bằng cách sử dụng từ ngữ nói rằng “*Ye dhammā*” có ý nghĩa là “*Pháp làm thành Năng Duyên thì thường bao gồm hết tất cả Pháp Hữu Vi, Pháp Vô Vi, và Pháp Chế Định bất hạn định*”, và cần nên hiểu biết là như vậy, cũng bởi vì Ngài đã mặc nhiên trình bày nói rằng “*Ye dhammā*” và không có từ ngữ nào khác vào kết hợp ở nơi ấy vậy.

Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã trình bày đến Mãnh Lực Duyên (*Paccaya satti*), tức là các mãnh lực đặc biệt ở trong việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của 24 Duyên, như có *Mãnh Lực Nhân (Hetusatti)*, *Mãnh Lực Cảnh*

(*Àrammanasatti*) v.v. bằng cách sử dụng từ ngữ “*Yathà*” mà đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Yena àkàrena = Yathà*” có ý nghĩa là “*với những hành trạng khác biệt nhau, như có Mãnh Lực Nhân (Hetusatti), v.v.*”

Từ ngữ “*Paccayà*” dịch nghĩa là “*làm thành Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ (Upakàrakà)*”. Việc giúp đỡ ủng hộ có được hai thể loại, đó là:

1. Giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên khi vẫn chưa có sinh, thì cho được sinh khởi.
2. Giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên khi đã có sinh khởi lên rồi, thì cho được kiên trụ và tăng trưởng lên.

Cũng tương tự như người lớn giúp đỡ ủng hộ đối với người nhỏ, thì việc giúp đỡ ủng hộ của người lớn này cũng hiện hữu ở hai thể loại, đó là:

1. Giúp đỡ ủng hộ đối với người nhỏ khi vẫn chưa có được cơ nghiệp, thì cho có được kiến tạo cơ nghiệp lên.
2. Và giúp đỡ ủng hộ đối với người nhỏ khi đã có được kiến tạo cơ nghiệp rồi; thì cho được bền vững lâu dài xuyên suốt và cho được tăng trưởng lên.

Câu nói rằng “*Tam vibhàgamihedàni*”, khi được chiết tự ra thì có như vậy: *Tam + Vibhàgam + Iha + Idàni*”. Trong câu nói rằng “*Tam vibhàgam*”, với từ ngữ “*Tam*” là từ ngữ trình bày kết tập nội dung của cả ba câu, đó là: “*Yesam ye dhammà yathà*”, từ ngữ “*Vibhàgam*” được dịch nghĩa là “*các phân loại khác biệt nhau*”; bởi do thế từ ngữ nói rằng “*Tam vibhàgam*” mới được dịch nghĩa là “*mà các phân loại khác biệt nhau*” từ ở nơi mãnh lực của những thể loại Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên ấy vậy. Như có câu Chú Giải trình bày là: “*Vibha jiyateti = Vibhàgo*”- “*Pháp được phân tích các thể loại, bởi do thế được gọi tên là Phân Loại*”; tức là các mãnh lực của 24 Duyên.

Từ ngữ *Vibhàgo* khi được kết hợp với từ ngữ *Tam* làm thành *Trạng Từ Xác Định (Niyamakammapada)* là “*Tam vibhàgam*” như đã được đề cập đến rồi vậy.

Từ ngữ “*Iha*” lập ý đến “*ở trong Tổng Hợp Duyên Hệ này.*”

Từ ngữ “*Idàni*” dịch nghĩa là “*Bây giờ*”, có nghĩa là “*trong tuần tự tiếp nối từ ở nơi Tổng Hợp Tập Yếu đây*”.

Từ ngữ “*Paccakkhàmi*” lập ý đến “*Lời Thệ Nguyện của Ngài Giáo Thọ Anuruddha chỗ nói rằng “Bản Đạo sẽ trình bày*”.

Từ ngữ “*Yathàraham*” dịch nghĩa là “*tùy thuận theo thích hợp*”, có nghĩa là Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* bảo đảm sẽ trình bày những phân loại từ ở nơi mãnh lực việc hiệp trợ của các Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên thể theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và Phương Pháp Phát Thú tùy thuận theo điều kiện thích hợp sẽ làm được.

**Giải Thích Trong Điều Pàli Thứ Hai Chỗ Trình Bày Đến Cả Hai Phương Pháp
Và Sự Khác Biệt Nhau Từ Ở Nơi Cả Hai Phương Pháp Ấy**

Kê từ phần Pàli chỗ nói rằng **“Paṭiccasamuppàdanayo, paṭṭhànanayo ceti paccayaṅgaho duvidho veditabbo”**- “Sự hữu quan ở trong Tổng Hợp Duyên Hệ ấy cần được hiểu theo hai phương pháp: Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và Phương Pháp Phát Thú”; là việc trình bày cho được biết rằng ở trong Tổng Hợp Duyên Hệ đây hiện hữu hai Phương Pháp hiệp trợ, đó là một Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và một Phương Pháp Phát Thú.

Kê từ phần Pàli chỗ nói rằng **“Tattha tabbhàvabhàvibhàvākàramatto palakkhito paṭiccasamuppàdanayo. Paṭṭhànanayo pana àhaccapaccayaṭṭhiti-màrabbha pavuccati”**- “Ở đây, Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh là sự liên hệ bị chi phối bởi định luật “Cái này sanh khởi do bởi duyên vào cái kia”. Phương Pháp Phát Thú được nói đến sự hiện hữu các điều kiện liên hệ với nhau”; là việc trình bày cho được biết đến sự khác biệt nhau giữa cả hai Phương Pháp, và đó chính là **việc trình bày đến Nhân Quả**.

+ Thế theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh thì chỉ duy nhất trình bày cho được biết rằng tất cả Chúng Hữu Tình hiện bày ở trong Thế Gian này đều là quả báo nương sinh từ ở nơi Pháp làm thành Tác Nhân hết cả thấy, để rồi sẽ tự sinh khởi lên. Hoặc chẳng có đáng tạo hóa nào và do chẳng có nương vào Pháp làm thành Tác Nhân để làm cho sinh khởi lên được. Có nghĩa là một khi đã hội đủ Nhân Duyên rồi thì quả báo ắt hẳn hiện khởi là theo lẽ thường nhiên. Tuy nhiên đã không có trình bày đến mãnh lực của những Duyên ấy, tức là việc giúp đỡ ủng hộ của những Duyên ấy, đã được hiện hành do bởi theo mãnh lực của Nhân (**Hetu**) cũng có, của Cảnh (**Ārammaṇa**) cũng có, của Trưởng (**Ādhipati**) cũng có, v.v. Như có câu Chú Giải trình bày rằng:

“Paccaya sàmaggi paṭicca samam saha ca paccayuppannadhamme uppàdetitī = Paṭiccasamuppàdo”- “Bất luận từ ở nhóm Pháp Nhân nào, có Vô Minh v.v. cho đến Sinh, thường làm cho Pháp Quả có Hành v.v. cho đến Não Hại liên tục đều đặn cùng khởi sinh lên bởi do nương vào sự nhất tề từ ở nơi Duyên hữu quan với các Pháp Nhân ấy; chính vì thế nhóm Pháp Nhân ấy mới được gọi tên là **Liên Quan Tương Sinh**.”

Một trường hợp khác nữa: **“Paṭicca samam saha ca upajjati etasmāti = Paṭiccasamuppàdo”**- “Pháp Quả có Hành v.v. một khi đã được nương vào việc cùng nhau tụ hội từ ở nơi Duyên rồi, và thường liên tục đều đặn cùng khởi sinh lên bởi do nương vào các Pháp Nhân có Vô Minh v.v.; chính vì thế những thể loại Pháp Nhân có Vô Minh v.v. mới được gọi tên là **Liên Quan Tương Sinh**; tức là Vô Minh v.v. cho đến Sinh.”

Câu Chú Giải của từ ngữ **“Naya”**: **“Niyati ñāyatitī = Nayo”**- “Việc trình bày cần phải hiểu biết do bởi tất cả các bậc Hiền Trí (**Paṇḍita**); chính vì thế mới được gọi tên là **Phương Pháp**.”

“Paṭṭicasamuppāde desito nayo = Paṭṭicasamuppādanayo”- “*Phương Pháp Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết ở trong Liên Quan Tương Sinh, thì được gọi tên là **Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh.***”

+ Còn việc trình bày Nhân Quả thể theo Phương Pháp từ ở nơi Phát Thú, thì đó là việc trình bày cho được biết rằng tất cả các sự vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện bày ở trong Thế Gian này, đều là Nhân Quả liên quan với nhau một cách thích hợp. Chẳng thể nào có việc hiện khởi lên mà không có liên quan với Nhân Quả được; luôn cả có việc trình bày đến mãnh lực của những Duyên ấy, tức là việc giúp đỡ ủng hộ của những Duyên ấy, đã được hiện hành do bởi theo mãnh lực của *Nhân (Hetu)* cũng có, của *Cảnh (Ārammaṇa)* cũng có, của *Trưởng (Ādhipati)* cũng có, v.v. Như có câu Chú Giải trình bày rằng:

“Nānappakārāni thānāni paccayā etathāti = Paṭṭhānaṃ”- “*Tất cả các Duyên làm thành tác nhân mà có mãnh lực do bởi những thể loại khác nhau, như có mãnh lực Nhân, mãnh lực Cảnh, v.v. hiện hữu ở trong kinh điển này; chính vì thế quyển kinh điển này mới được gọi tên là Phát Thú.*” Tức là quyển kinh điển trình bày đến 24 Duyên.

“Paṭṭhāne desito nayo = Paṭṭhānanayo”- “*Phương Pháp Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết ở trong Phát Thú, được gọi tên là Phương Pháp Phát Thú.*”

Kê từ phần Pāli chỗ nói rằng **“Ubhayaṃ pana vomissetvā papañcenti ācariyā”-** “*Các bậc Giáo Thọ Sư đã giải thích xen lẫn hai Pháp này*” có nội dung lập ý đến việc trình bày Liên Quan Tương Sinh của Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày ở trong bộ Chú Giải *Xua Tan Mê Mờ (Sammohavinodanī Atthakathā)* bằng cách rút lấy mãnh lực của các Duyên ấy kết hợp lại để trình bày; chẳng hạn như đã trình bày rằng:

+ Trong sự việc **Vô Minh** làm Nhân cho sinh khởi **Phúc Hành** thì có được hai mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya),*
- 2/. *Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya).*

+ **Vô Minh** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Phi Phúc Hành** thì có được 15 mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Nhân Duyên (Hetupaccaya),*
- 2/. *Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya),*
- 3/. *Trưởng Duyên (Ādhipatipaccaya),*
- 4/. *Vô Giác Duyên (Anantarapaccaya),*
- 5/. *Đẳng Vô Giác Duyên (Samantarapaccaya),*
- 6/. *Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya),*

- 7/. *Hổ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*,
- 8/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)*,
- 9/. *Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya)*,
- 10/. *Trùng Dụng Duyên (Àsevanapaccaya)*,
- 11/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*,
- 12/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*,
- 13/. *Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya)*,
- 14/. *Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya)*,
- 15/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*.

+ **Vô Minh** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Bất Động Hành** thì có được một mãnh lực Duyên, đó là: *Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissaya paccaya)*.

+ Danh Sắc hiện hành bởi theo Liên Quan Tương Sinh, một khi phân tích Pháp làm thành Nhân, làm thành Quả thì được gọi tên như vậy, là:

- Pháp làm thành Nhân, tức là Vô Minh v.v. cho đến Sinh; khi kết hợp những 11 thể loại này lại thì gọi tên là Pháp Năng Duyên Liên Quan Tương Sinh.
- Pháp làm thành Quả, tức là Hành v.v. cho đến Lão Mại Tử Vong; khi kết hợp những 11 thể loại này lại thì gọi tên là Pháp Sở Duyên Liên Quan Tương Sinh.

Về việc trình bày câu Chú Giải của từ ngữ Liên Quan Tương Sinh thì đã có trình bày rồi, và đó là lập ý chỉ lấy Pháp làm thành Nhân. Nếu sẽ trình bày cho có được Pháp làm thành Pháp Quả thì có được như vậy, là:

“Paccayaṃ paṭicasamuppajjati = Paṭicasamuppādo”- “*Pháp nào thường sinh khởi bởi do Năng Duyên, chính vì thế Pháp ấy mới được gọi tên là Liên Quan Tương Sinh.*” Tức là Pháp làm thành Quả có Hành, v.v. cho đến Lão Mại Tử Vong. Một trường hợp khác nữa:

“Samuppajjanam = Samuppādo”- “*Việc sinh khởi một cách tốt đẹp, tức là sinh khởi theo thứ tự lớp lang; gọi tên là Tương Sinh.*”

“Yathāsakaṃ paccayaṃ paṭicca tena avinābhāvī hutvā samuppādo = Paṭicasamuppādo”- “*Việc sinh khởi theo thứ tự lớp lang của Pháp nương vào các Năng Duyên của mình, và không có xa lìa khỏi các Năng Duyên của mình, thì mới được gọi tên là Liên Quan Tương Sinh.*” Tức là Pháp làm thành Quả có Hành, v.v.

Lợi Ích Được Đón Nhận Từ Nơi Việc Liễu Tri Danh Sắc Thể Theo Nhân Quả Qua Phương Pháp Của Liên Quan Tương Sinh Và Phát Thú

Trong sự việc Đức Phật Ngài lập ý trình bày sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình, và sự hiện hành của tất cả các sự vật phi sinh mạng đã hiện khởi lên ở trong Thế Gian này, là cũng do bởi nương vào Nhân Quả hữu quan với nhau qua Phương Pháp từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú đây; là cũng nhằm để kỳ vọng cho tất cả Chúng Hữu Tình có được sự liễu tri, sự hiểu biết ở trong Nhân Quả, ở trong sự hiện hữu của tự bản thân mình, chỉ là Danh Sắc chỗ giả định rằng là Ta, là Người đang hiện bày đây; và lại cũng chẳng có một đáng tạo hóa nào đã kiến tạo lên; chỉ có Nhân với Quả liên quan với nhau thể theo thực tính mà thôi; và chẳng có Tự Ngã, là Ta, là Người, bất luận ở trường hợp nào cả. Sự liễu tri, sự hiểu biết ở trong Danh Sắc thể theo Nhân Quả như vậy, đã là điều quan trọng để sẽ dắt dẫn bậc Trí Giả ấy được vượt thoát ra khỏi tất cả các Vòng Luân Hồi Khô Đau, vì lẽ có khả năng đoạn lìa được *Hữu Thân Kiến (Sakkàyadiṭṭhi)* và *Hoài Nghi (Vicikicchà)* với luôn cả *Thường Kiến (Sassatadiṭṭhi)* và *Đoạn Kiến (Uccheda diṭṭhi)*; và lại *Vô Hữu Kiến (Natthidiṭṭhi)*, *Vô Nhân Kiến (Ahetukadiṭṭhi)*, *Vô Hành Kiến (Akiriya diṭṭhi)* cũng được diệt mất vừa theo thích hợp đối với sự liễu tri của mình. Đề cập đến là sự liễu tri sinh khởi bởi do nương vào việc nghiên cứu học hỏi, việc lắng nghe, mà đã được gọi là *Tuệ Văn Như Nguyên Dĩ Thường (Sutamaya pañña)* thì thường có khả năng đoạn lìa được những thể loại Hữu Thân Kiến và Hoài Nghi, v.v. với việc *Nhất Thời Phóng Khí (Tadaṅgapahàna)*, tức là nhất thời đoạn lìa trong từng mỗi sát na. Sự liễu tri sinh khởi bởi do nương vào việc tư duy, quán sát và nghiên cứu tìm tòi Nhân Quả với tự bản thân, chỗ được gọi là *Tuệ Tư Như Nguyên Dĩ Thường (Cintāmayapañña)* thì thường có khả năng đoạn lìa được những thể loại Hữu Thân Kiến và Hoài Nghi, v.v. với việc *Giải Trì Phóng Khí (Vikkambhanapahàna)*, tức là chế áp kìm hãm trong những thời gian lâu dài. Và sự liễu tri sinh khởi bởi do nương vào việc thực hành *Minh Sát (Vipassanā)* thuận từng theo Tuệ Văn hoặc Tuệ Tư, chỗ được gọi là *Tuệ Tu Như Nguyên Dĩ Thường (Bhāvanāmayapañña)* thì thường có khả năng đoạn lìa được những thể loại Hữu Thân Kiến và Hoài Nghi, v.v. với việc *Trì Diệt Phóng Khí (Samucchēdapahàna)*, tức là đoạn lìa được một cách kiên định.

Nếu sẽ trình bày tỷ dụ đối chiếu sự liễu tri ở trong Danh Sắc thể theo Nhân Quả như đã vừa đề cập đến, thì Tuệ Văn cũng chính là Trí Tuệ của bậc có sự liễu tri ở trong Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú bởi do nương vào việc nghiên cứu học hỏi, hoặc việc lắng nghe.

Tuệ Tư một khi theo đạo lộ của Hiệp Thế thì chính là Trí Tuệ của bậc tư duy tìm tòi, kiến tạo lên những của cải vật chất; chẳng hạn như chế tạo ra máy bay, radio điện thoại, v.v. Một khi theo đạo lộ của Giáo Pháp thì đó chính là Trí Tuệ của Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Đột Giác.

Tuệ Tu sinh khởi bởi do nương vào Tuệ Văn thì đó chính là Trí Tuệ của tất cả các Bậc Vô Sinh Thinh Văn Giác.

Tuệ Tu sinh khởi bởi do nương vào Tuệ Tư thì đó chính là Trí Tuệ của Bạc Chánh Đẳng Giác và Bạc Độc Giác.

Sự liễu tri, sự hiểu biết ở trong Danh Sắc thể theo Nhân Quả làm thành Tuệ Văn, Tuệ Tư và Tuệ Tu. Những cả ba thể loại này, nếu như liệt kê vào ở trong *Tuệ Minh Sát (Vipassanāñāṇa)* thì thường có được hai thể loại, đó là: *Tuệ Phân Biệt Danh Sắc (Nāmarūpaparicchedañāṇa)* và *Tuệ Thủ Chấp Duyên Sinh (Paccayapariggahañāṇa)*. Và nếu như liệt kê vào ở trong *Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga)* thì cũng có được hai Thanh Tịnh, đó là: *Kiến Thanh Tịnh (Diṭṭhi visuddhi)* và *Đoạn Nghi Thanh Tịnh (Kaṅkhàvitarāṇavisuddhi)*.

Bạc đã có được sự hiểu biết thuần tịnh ở trong Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú thì thường được chứng đạt đến một cách trực tiếp tầng Tuệ Thủ Chấp Duyên Sinh ấy là Đoạn Nghi Thanh Tịnh. Đối với việc chứng đạt đến Tuệ Phân Biệt Danh Sắc ấy là Kiến Thanh Tịnh, là cũng vì bậc đã được liễu tri ở trong Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú ấy rồi, thì thiết yếu phải được liễu tri một cách rõ ràng ở trong vấn đề Danh Sắc ấy vậy. Với lý do này, Tuệ Phân Biệt Danh Sắc ấy là Kiến Thanh Tịnh mới được liệt kê một cách hoàn hảo.

Theo như vừa đề cập đến đây, trình bày cho được thấy rằng bậc đã tu tập cho đến thành tựu viên mãn bậc Thánh Nhân và đã vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi Khổ Đau, thì sẽ bắt liễu tri đến sự hiện hành của Danh Sắc theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh hoặc Phát Thú do bởi *Tu Tập Như Nguyên Dĩ Thường (Bhavanāmaya)* ắt hẳn là không có vậy. Tuy nhiên bậc đã có được sự liễu tri ở cả hai Phương Pháp ấy quả thật duy nhất chỉ có Bạc Chánh Đẳng Giác, và ngoài ra Bạc Chánh Đẳng Giác rồi, còn tất cả các Bạc Thánh Nhân được tính kể từ Bạc Thất Lai trở đi cho đến Bạc Độc Giác thì thường duy nhất chỉ có liễu tri sự hiện hành của Danh Sắc do bởi *Tu Tập Như Nguyên Dĩ Thường* theo Phương Pháp của Liên Quan Tương Sinh mà thôi. Có nghĩa là một khi hành giả tu tập và đã chứng đạt đến Tuệ Thủ Chấp Duyên Sinh v.v. cho đến *Tuệ Thuận Tòng (Anulomañāṇa)* thì thường có được liễu tri sự hiện hành của Danh Sắc làm thành Nhân làm thành Quả hữu quan với nhau thể theo Liên Quan Tương Sinh hết cả thảy. Tuy nhiên sự liễu tri ở khoảng giữa và có khả năng trình bày cho người khác được lắng nghe một cách tỷ mỹ vi tế thì thiết yếu cần phải nương vào nền tảng *Pháp Học (Pariyatti dhamma)*. Nếu như đã khiếm khuyết nền tảng Pháp Học rồi, thì cho dù là Bạc Độc Giác đi nữa cũng không có khả năng trình bày sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình thể theo Phương Pháp từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh một cách tỷ mỹ vi tế được.

Giải Thích Việc Hiệp Trợ Giữa Năng Duyên Và Sở Duyên Thể Theo Phương Pháp Từ Ở Nơi Liên Quan Tương Sinh Một Cách Mãn Túc

I. AVIJJĀPACCAYĀ SAṅKHĀRA SAMBHAVANTI

(Vô Minh làm duyên cho Hành khởi sinh)

Cả **Tam Hành** thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Vô Minh** làm **Nhân**.

Từ ngữ **Avijjà** (*Vô Minh*) khi chiết tự ra thì có được hai từ ngữ, đó là: **A + Vijjà**. **A** dịch nghĩa là “*Vô, không*” hoặc “*đổi nghịch lại*”. **Vijjà** dịch nghĩa là “*Minh, liễu tri*” hoặc *Trí Tuệ (Paññà)*. Khi kết hợp vào nhau thì dịch nghĩa là “*Vô Minh, bất liễu tri*”, hoặc Pháp chủng hiện hành đối nghịch với Trí Tuệ; tức là Tâm Sở Si.

Như có câu Chú Giải trình bày là: “**Catusaccadhammaṃ vidati pàkaṭaṃ karotīti = Vijjà**”- “*Pháp chủng nào làm thành bậc liễu minh được Tứ Thánh Đế, và thành bậc đã làm cho Tứ Thánh Đế được hiện khởi lên; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là Minh.*” Tức là Tâm Sở Trí Tuệ.

“**Vijjà paṭipakkhāti = Avijjà**”- “*Pháp chủng hiện hành đối nghịch với Trí Tuệ; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là Vô Minh.*” Hoặc là,

“**Avindiyam vindatīti = Avijjà**”- “*Pháp chủng thường có được Ác Hạnh Pháp ở nơi không đáng phải có; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là Vô Minh.*” Hoặc là,

“**Vindiyam na vindatīti = Avijjà**”- “*Pháp chủng thường không có được Thiện Hạnh Pháp ở nơi đáng phải có; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là Vô Minh.*” Hoặc là,

“**Avijjamāne javàpetīti = Avijjà**”- “*Pháp chủng làm thành người kiến chấp sai lầm ở trong Pháp Chế Định, như có người nam, người nữ, v.v. do bởi không có hiện bày thể theo thực tính; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là Vô Minh.*” Hoặc là,

“**Vijjamāne na javàetīti = Avijjà**”- “*Pháp chủng làm thành người bất liễu tri ở trong Pháp Siêu Lý, như có Uẩn, Xứ, v.v. do bởi có hiện bày thể theo thực tính; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là Vô Minh.*” Hoặc là,

“**Viditabbam aviditaṃ karotīti = Avijjà**”- “*Pháp chủng bất liễu minh Pháp đáng được liễu tri, như có Tứ Thánh Đế, v.v.; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là Vô Minh.*”

Và hết tất cả Vô Minh này đây, tức là **Tâm Sở Si**.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Avijjà** dịch nghĩa là *Vô Minh*, hoặc “*bất liễu tri*”, tức là bất liễu tri Tứ Thánh Đế; và cũng còn được giải thích là “**Antavirahite saṃsāre satte javàpeti**”- “*Pháp chủng làm thành tác nhân khiến cho tất cả Chúng Hữu Tình cứ mãi trôi lăn ở trong Vòng Luân Hồi vô tận*”. Một khi Vô Minh được tận diệt thì Minh khởi sinh, sự hiểu biết sáng suốt, thì tất cả các tác nhân đều được tận diệt; như trường hợp của Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Độc Giác và các Bậc Thánh Alahán Vô Sinh.]

**Việc Bất Liễu Tri Thể Theo Chân Lý Của Vô Minh Đây
Hiện Hữu Ở Trong Tám Điều, đó là:**

1. ***Dukkhe aññanam*** (*Bất Tri Khổ Đé*): Bất liễu tri ở trong Khổ Đau.
2. ***Dukkhasamudaye aññanam*** (*Bất Tri Tập Đé*): Bất liễu tri Nguyên Nhân làm cho sinh khởi Khổ Đau.
3. ***Dukkhanirodhe aññanam*** (*Bất Tri Diệt Đé*): Bất liễu tri Pháp làm cho diệt tắt từ ở nơi Khổ Đau.
4. ***Dukkhanirodhagaminipañipadaya aññanam*** (*Bất Tri Đạo Đé*): Bất liễu tri đạo lộ làm cho chứng đạt đến sự diệt tắt Khổ Đau.
5. ***Pubbante aññanam*** (*Bất Tri Quá Khứ*): Bất liễu tri ở trong Uẩn, Xứ, Giới ở thời Quá Khứ.
6. ***Aparante aññanam*** (*Bất Tri Vị Lai*): Bất liễu tri ở trong Uẩn, Xứ, Giới ở trong thời Vị Lai.
7. ***Pubbantaparante aññanam*** (*Bất Tri Quá Khứ Vị Lai*): Bất liễu tri ở trong Uẩn, Xứ, Giới ở trong thời Quá Khứ và Vị Lai.
8. ***Idappaccayatapañiccasamuppannesu dhammesu aññanam*** (*Bất Tri Y Thứ Liên Quan Tương Sinh*): Bất liễu tri ở trong Danh Sắc sinh khởi lên do bởi nương vào tác nhân làm cho khởi sinh thể theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh.

1. Bất Tri Khổ Đé (Dukkhe aññanam): Bất liễu tri ở trong Khổ Đau, đó là:

Theo lẽ thường nhiên thì tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú ở trong Thế Gian này, bất luận một ai cũng sẽ phải tiếp xúc với sự già nua lão邁, sự ốm đau bệnh hoạn, sự chết chóc tử vong, sự khổ tâm buồn lòng, sự khóc lóc than thở, sự xa lìa vật yêu thương thích chuộng, việc phải tiếp xúc với vật bất khả lân ái, việc bất thành tựu thể theo sở nguyện, sự phiền muộn bận lòng, v.v. Những thể loại này đều toàn là sự khổ đau hết cả thấy, và khó có một ai sẽ tránh thoát khỏi được, vả lại sẽ phải đón nhận nhiều hoặc ít tùy theo thích hợp đối với vị trí của mình. Tuy nhiên trong tất cả những thể loại khổ đau sai khác này, thì cả hai gồm việc **Sinh** và việc **Tử** đây là **Nhất Định Khổ Uẩn**, không có việc miễn trừ đối với một ai, cho dù sẽ được sinh làm Người ở bậc Thượng Lưu, Hạ Lưu; hoặc sẽ được sinh làm thành Chư Thiên, Phạm Thiên đi nữa; cũng sẽ phải tiếp xúc đều nhau hết cả thấy. Đối với những thể loại như sự già nua lão邁, sự ốm đau bệnh hoạn, sự khổ tâm buồn lòng, sự khóc lóc than thở, sự xa lìa vật yêu thương thích chuộng, việc phải tiếp xúc với vật bất khả lân ái, việc bất thành tựu thể theo sở nguyện, sự phiền muộn bận lòng, v.v. đây cũng vẫn là những sự khổ đau, thể nhưng không nhất thiết sẽ phải sinh khởi đối với tất cả mọi người. Chẳng hạn như ở trong tất cả các nhóm Chúng Chư Thiên (loại trừ Chúng Chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương bậc thấp) thì cả hai gồm sự già nua lão邁 và sự ốm đau bệnh hoạn đây đã không có hiện bày; tuy

nhiên những sự khổ đau khác khác cũng thường luôn phải đón nhận tùy theo nhiều hoặc ít tương tự như nhau. Đối với nhóm Phạm Thiên thì cho dù quả thật sẽ vượt thoát khỏi biết bao sự khổ đau khác khác đi nữa, ***tuy nhiên khổ đau trọng yếu là việc Sinh và việc Tử cũng vẫn không trốn thoát khỏi được.***

Những sự khổ đau như đã vừa đề cập ở tại đây, cho dù tất cả Chúng Hữu Tình đã phải đón nhận ở trong Quá Khứ đi nữa, đang phải đón nhận ở trong Hiện Tại đi nữa, và sẽ phải đón nhận ở trong Vị Lai đi nữa; tuy nhiên tất cả Chúng Hữu Tình ấy cũng không tự cảm nhận thấy, và cũng không giật mình hoảng sợ đối với những sự khổ đau ấy; vả lại cứ vẫn còn mãi đắm say vui thích ở trong cả sáu Cảnh Dục Trần. Được kể đến là đắm say ở trong con cháu, chồng vợ, cha mẹ, với cả anh em quyến thuộc; đắm say ở trong cả lợi lộc, danh vị, trú xứ, cùng với các vật dụng tiêu dùng. Cũng ví tựa như đàn vịt gà đã bị người chủ bắt lấy nhốt bỏ ở trong chuồng trại, để rồi sẽ phải lấy đem đi giết; thế nhưng những đàn vịt gà này cũng chẳng có tự cảm nhận thấy rằng mình sẽ phải bị giết. Trong sát na đang bị nhốt ở trong chuồng trại thì cứ mãi mê lăng xăng lách xích, đánh đá nhau, cắn mổ nhau, và cứ vẫn mãi giành giật với nhau từng miếng ăn vật thực; chẳng hạn như vậy, là cũng chỉ vì cứ vẫn mãi mê muội, và cũng chẳng có hiểu biết rằng mình đang ở trong cảnh khổ đau ấy vậy. Điều này như thế nào, thì tất cả Chúng Hữu Tình cứ vẫn mãi đắm say vui thích ở trong các Cảnh Dục Trần như đã vừa đề cập đến; là cũng vì bất liễu tri ở trong những sự khổ đau, và rằng những thể loại này đích thị chính là sự khổ đau cũng dường như thế ấy.

Ngay cả ở trong thời kỳ này, với nền khoa học đang phát triển tiến bộ như thế nào đi nữa, tuy nhiên với phương pháp để sẽ không làm cho đã có sinh rồi sẽ còn phải bị già, bệnh và chết ấy, thì quả thật khoa học ngày nay cũng bó tay và cũng không có khả năng để mà trông mong đợi cho thực hiện để được thành tựu một cách hoàn hảo. Phương pháp để sẽ làm cho thoát khỏi sự sinh lão bệnh tử đây, chỉ có duy nhất hiện hữu ở trong Phật Giáo mà thôi; và chính vì thế tất cả các Bậc Trí Tuệ mới nỗ lực tầm cầu con đường tu tập ngõ hầu làm sao cho được thoát ra khỏi những sự khổ đau ấy vậy. Cũng như đã có kệ ngôn trình bày rằng:

Patthenti muccitaṃ santà Saṃsàrà bhayabheravà
Dujjanà modamàṇava Vaṭṭanti bhavasàgare

“Bậc Hiền Triết (Sappurisa) đã trông thấy điều tác nghiệt ở trong sắc thân, đã không còn có sự bám chặt giữ lấy, và có Trí Tuệ mục kích những thể loại này ở thời vị lai; liền có sự giật mình hoảng sợ và có sở nguyện cầu sẽ vượt thoát ra khỏi việc sinh tử luân hồi ở trong 31 Cõi Giới chẳng có điểm chặng cuối cùng với việc sinh lão bệnh tử quả là điều nguy hại đáng kinh sợ.”

Còn đối với kẻ Phi Hiền Triết (*Asappurisa*) thì chẳng có nghĩ tưởng đến, và cũng bắt mục kích việc sinh lão bệnh tử, và lại còn có sự đắm say bám chặt ở trong

những Cảnh Dục Trần này, có sự mắng vui với những Cảnh có sắc, thanh, khí, vị, xúc làm đối tượng, và tư duy nghĩ tưởng đến ở trong các Sinh Hữu sánh tợ như lòng đại dương, thì ắt hẳn phải sinh tử luân hồi ở trong 31 Cõi Giới, và cứ mãi thường luân chuyển di dịch từ Cõi Giới này đến Cõi Giới khác.

Với lời giải thích như đã vừa đề cập ở tại đây, đó là việc giải thích trong sự bất liễu tri ở trong Khổ Đau (*Bát Tri Khổ Đé*).

2. *Bát Tri Tập Đé (Dukkhasamudaye aññam)*: *Bất liễu tri Nguyên Nhân làm cho sinh khởi Khổ Đau, đó là:*

Những sự khổ đau bao gồm các sự việc sinh lão bệnh tử, v.v.; một khi cùng kéo nhau đi tìm cái nguyên nhân đầu tiên đã làm cho khởi sinh những thể loại khổ đau này, thì sẽ được liễu tri rằng chính là *Tham Ái (Lobha)*, tức là sự ham muốn, sự hân hoan duyệt ý, sự mẫn ý hài lòng, sự mê muội dính mắc; và đây đích thị chính là cái nguyên nhân đầu tiên vậy. Vì lẽ thường nhiên hết tất cả mỗi con người ở trong Thế Gian này đã phải tích cực nỗ lực với nhau để tác hành biết bao sự việc, ở cả hai phía tốt và xấu, ngõ hầu tùy tâm tùy tứ cho có được những đối tượng đáng hân hoan duyệt ý, đáng sở cầu sở nguyện, cho dù sẽ phải cực thân khổ trí biết là chừng nào đi nữa, cũng vẫn không thôi chí nãn lòng, cũng chỉ hằng mong kỳ vọng cho được thành tựu ở trong các sự việc mà mình đã có tác hành, đã có tạo tác; và thế rồi cũng sẽ có được điều mà mình đã đắc kỳ sở nguyện. Thế nhưng tất cả những con người ấy đã không tự tìm thấy để được nhận thức rằng mình đã bị rớt ở dưới mãnh lực của *Tham Ái (Lobha)* chính là người đã sắp bày cho mình phải bị vất vả khổ nhọc, lao tâm khổ lực với mãnh lực:

- từ ở nơi *Sắc Ái Dục (Rùpatañhà)* có sự hân hoan duyệt ý ở trong những sắc màu;
- từ ở nơi *Thinh Ái Dục (Saddatañhà)* có sự hân hoan duyệt ý ở trong các âm thanh;
- từ ở nơi *Khí Ái Dục (Gandhatañhà)* có sự hân hoan duyệt ý ở trong các khí hơi;
- từ ở nơi *Vị Ái Dục (Rasatañhà)* có sự hân hoan duyệt ý ở trong các mùi vị;
- từ ở nơi *Xúc Ái Dục (Phoṭṭhabbatañhà)* có sự hân hoan duyệt ý ở trong các việc tiếp xúc đụng chạm;
- từ ở nơi *Pháp Ái Dục (Dhammatañhà)* có sự hân hoan duyệt ý ở trong các việc tư duy nghĩ tưởng.

Tham Ái là sự khao khát ham muốn, là sự duyệt ý vừa lòng ở trong sắc, thanh, khí, vị, xúc v.v. chỗ mà ta nghĩ tưởng rằng sẽ đem lại sự an lạc hạnh phúc,

và đích thị chính những thể loại này đã làm thành **Nhân**; và việc tích cực nỗ lực bằng với Thân, bằng với Lời để cho có được những điều này, đã làm thành **Quả**. Hơn thế nữa, ngay trong sát na đang tích cực nỗ lực ấy, ắt hẳn phải bị đón nhận sự vất vả khổ nhọc, sự lao tâm khổ lực; chính đấy đều toàn là sự khổ đau, và đấy cũng là **Quả** phải bị đón nhận từ ở nơi việc tích cực nỗ lực đã trở lại làm thành **Nhân** một lần nữa. Và lại, nếu giả như việc tích cực nỗ lực ấy đã hiện hành một cách có chừng mực, thì những sự khổ đau mà phải bị đón nhận cũng sẽ hiện hành một cách có chừng mực tương xứng. Và nếu giả như việc tích cực nỗ lực khởi lên nhiều độ chừng bao nhiêu thì việc phải đón nhận sự khổ đau cũng sẽ khởi lên nhiều bằng chừng đấy vậy.

Lại nữa, nếu như việc tích cực nỗ lực đã hiện hành ở trong đạo lộ Thiện Hạnh, chẳng hạn như nỗ lực tác hành các Thiện Sự có *Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập*; ngõ hầu cho có được sự an lạc cùng tốt, phát sinh lên ngay trong kiếp sống này và luôn cả ở kiếp sống sau. Việc tác hành Thiện Sự có sự kỳ vọng như vậy, thì cũng được tính là tác hành với mãnh lực **Tham Ái** đã làm thành **Nhân** cho phải bị đón nhận sự khổ đau khởi sinh lên, và đấy chính là sự vất vả khổ nhọc ở cả Thân và Tâm. Trong sát na đang khi tác hành và một khi đã tử vong lìa khỏi kiếp sống này; thế rồi cũng lại tiếp tục phải bị đón nhận sự khổ đau ở trong kiếp sống sau nữa, và điều ấy chính là sự việc sinh lão bệnh tử. Tuy nhiên người đang bị đón nhận sự khổ đau đây, thì thường khi lại có được sự kham nhẫn, do bởi nhận thấy rằng ấy là thuộc lẽ thường nhiên. Thế nhưng, lại chẳng có nghĩ đến rằng sự việc sinh lão bệnh tử ấy, khổ Thân khổ Tâm ấy v.v. mà mình đang phải đón nhận đây, và sẽ còn tiếp tục phải bị đón nhận nữa ở thời vị lai, đấy chính là **Quả** sinh khởi từ ở nơi **Tham Ái** đã làm thành **Nhân**.

Nếu như việc tích cực nỗ lực đã hiện hành ở trong đạo lộ Bất Thiện Hạnh, chẳng hạn như những thể loại *Sát Mạng, Thâu Đạo, Tính Dục Tà Hạnh, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Thô Ác Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ, Ám Tửu*, v.v. ngõ hầu cho có được của cải tài sản, vàng bạc dùng để cung ứng cho sự vui thích lạc thú đối với mình. Việc tạo tác những Ác Hạnh như đã vừa đề cập đến đây, thì cũng được tính là tạo tác với mãnh lực của **Tham Ái**, và đã làm thành **Nhân** cho phải bị đón nhận sự khổ đau khởi sinh lên ngay trong kiếp sống này và luôn cả ở kiếp sống sau. Sẽ nói rằng trong kiếp sống này thì thường phải bị đón nhận sự khổ đau một cách nghiêm trọng cả về Thân và Tâm; tức là có thể bị khiển trách và khinh miệt từ ở nơi các bậc Hiền Triết, hoặc có thể bị người ta bắt và phải bị thọ hình phạt theo luật pháp nhà nước, hoặc có thể sẽ phải bị trừng phạt cho đến mức thụ khổ án quyết tử hình. Những thể loại này đều toàn là khổ đau mà phải bị đón nhận một cách “*Ác Nghiệp đưa đến Quả Phược hiển hiện nhãn tiền*”. Nếu như người ấy đã tử vong, thì sẽ còn tiếp tục phải bị đón nhận sự khổ đau một cách nghiêm trọng nữa ở trong kiếp sống vị lai; tức là phải đi tục sinh thành Hữu Tình Địa Ngục, hoặc thành hàng Nga Quỷ cũng có, hoặc thành hàng Bàng Sinh cũng có. Và nếu như đã tục sinh vào

bất luận một nhóm nào ở trong Tứ Khổ Thú rồi, thì thường rất ít có hy vọng để sẽ có được tục sinh trở lại làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên; và đây chính là điều rất đáng kinh sợ hãi hùng. Dù cho đã là như thế, thế nhưng tất cả Chúng Hữu Tình vẫn cứ mãi đua nhau si mê đần độn ở dưới mãnh lực của **Tham Ái**, và không tự hiểu biết rằng chính **Tham Ái** đây, là cái nguyên nhân đầu tiên đã làm cho phải bị đón nhận những sự khổ đau.

Cũng ví như một con cá đã trông thấy miếng mồi móc dính ở cuối lưỡi câu rồi, tuy nhiên chỉ có sự hiểu biết rằng “*mình sẽ cần phải ăn miếng mồi ấy mà thôi*”, và chẳng có hiểu rằng “*mình sẽ phải bị nhận lãnh một điều nguy hiểm nào đây*”. Khi há miệng đớp lấy miếng mồi rồi, thì bị lưỡi câu móc dính vào miệng và phải thọ lãnh sự khổ đau thì dĩ nhiên hình nghiêm trọng muôn vàn; hơn nữa lại còn bị người thả lưỡi câu ấy, tóm lấy và giết đi để làm thành vật thực cho mình. Điều này như thế nào, thì tất cả Chúng Hữu Tình phải thọ lãnh sự khổ thân, khổ tâm với biết bao trường hợp, nhiều cũng có, ít cũng có, bởi do việc tích cực tầm cầu sự an lạc đến cho mình với mãnh lực từ ở nơi **Tham Ái** cũng tương tự như nhau.

Lại nữa, tất cả Chúng Hữu Tình cho dù sẽ phải luân hồi sinh tử không thể nào đếm kể xiết trải qua với bao kiếp sống đi nữa, tuy nhiên những Chúng Hữu Tình ấy cũng vẫn không có sự chán ngán dù chỉ một chút ít. Tất cả cứ vẫn mãi hân hoan duyệt ý ở trong từng mỗi kiếp sống của mình đang hiện hữu hết cả thấy. Chẳng kể là sẽ được thọ sinh thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên; mà ngay cả sẽ tục sinh thành nhóm Hữu Tình Bàng Sinh, và cho chí đến tận cả loài dòi ở trong hầm phân đi nữa, thì cũng vẫn mãi duyệt ý vui thích ở trong cảnh trạng sinh sống của mình tương tự như nhau. Sự việc là như vậy, cũng vì tất cả Chúng Hữu Tình hiện hữu ở trong Thế Gian này có *Ái Dục (Tanhà)* đã là bạn hữu thân thích chực chờ để cung phụng và làm thỏa mãn cho mình, mới làm cho tất cả Chúng Hữu Tình ấy chẳng có chán ngán đối với việc Sinh ở trong từng mỗi kiếp sống, mà đây lại là căn nguyên của hết tất cả khổ Khổ Uẩn. Hơn nữa, chẳng nhận thấy rằng những khổ Khổ Uẩn của mình đang tiếp xúc đây, đích thị cũng chính do bởi Ái Dục là cái nguyên nhân đầu tiên. Tương tự như một con chó mắng vui với khúc xương bò mà chẳng còn có chút thịt, là bởi do nương vào nước miếng của chính mình như thế nào; thì tất cả Chúng Hữu Tình đang thụ hưởng Cảnh Dục Trần, và đang phải chịu đựng một cách không có sự chán ngán với biết bao thống khổ mà bản thân đang có được tiếp xúc, là cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi Ái Dục hiện hữu ở trong Uẩn Giới của chính mình dường thế ấy. Còn các sự việc làm thành công cụ để cho khởi sinh lên sự vui thích dính mắc, thì đó chỉ là những Cảnh đối tượng thuộc thành phần phối hợp làm cho Ái Dục sinh khởi và tăng trưởng lớn mạnh lên ngàn ấy mà thôi. Với lý do này, Đức Phật Ngài mới lập ý nói rằng đích thị chính Ái Dục đây, đã là người lôi kéo tất cả Chúng Hữu Tình, để làm cho không được vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi. Như Ngài đã có trình bày rằng:

***Tañhàdutiyo puriso Dìghamaddhàna samsàraṃ
Itthambhàvaññathabhavaṃ Samsàraṃ nàtivattati***

“Với kẻ đã có Ái Dục làm bạn lũ thì cuộc viễn du cứ luôn mãi tiếp tục từ kiếp sống này đến những kiếp sống khác, và như thế cứ đi mãi đi mãi ở trong các kiếp sống ấy, để rồi chẳng có khả năng để vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi kéo dài vô tận; cũng bởi do sự làm thành kẻ có Ái Dục làm bạn lũ.”

Còn đối với bậc đã vượt thoát ra khỏi **Tham Ái** rồi, hoặc bậc đang tác hành với bao công việc mà chẳng có hiện hành với mãnh lực của **Tham Ái**, thì ắt hẳn sẽ vượt thoát khỏi hết tất cả mọi thống khổ. Hoặc nhờ như vẫn chưa được thoát khỏi, thì khi tiếp xúc với sự khổ đau ấy cũng chỉ là hiện hành theo lẽ thường nhiên, tức là chỉ có sinh lão bệnh tử ngàn ấy mà thôi; và sớm muộn rồi cũng có khả năng để sẽ vượt thoát ra khỏi mọi thống khổ. Với lý do này, Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý khái thuyết rằng:

***Tañhàya jàyate soko Tanhàya jàyate bhayaṃ
Tañhàya vippamuttassa Natthi soko kuto bhayaṃ***

“Sự sầu khổ thường sinh khởi bởi do Ái Dục làm Nhân. Bao tai họa cũng thường sinh khởi bởi do Ái Dục làm Nhân. Sự sầu khổ thường không có đối với bậc đã vượt thoát ra khỏi Ái Dục rồi. Khi sự sầu khổ đã không còn, thì nhất định bao tai họa cũng chẳng thể nào còn hiện hữu.”

Với lời giải thích như đã vừa đề cập ở tại đây, đó là việc giải thích trong sự bất liễu tri Nguyên Nhân làm cho sinh khởi Khổ Đau (*Bát Tri Tập Đế*).

3. *Bát Tri Diệt Đế (Dukkhanirodhe aññaṃ):* *Bất liễu tri Pháp làm cho diệt tắt từ ở nơi Khổ Đau, đó là:*

Sự sinh hoạt của tất cả Chúng Hữu Tình luân hồi sinh tử ở trong những cả 31 Cõi Giới đây, đều đã rơi vào ở trong khối Khổ Uẩn; cho dù người ấy sẽ được thọ sinh làm Người Thượng Lưu, Hạ Lưu; hoặc đã tục sinh ở trong Cõi Khổ Thú, Cõi Thiện Thú đi nữa, thì cũng phải bị tiếp xúc với biết bao khổ đau, có sinh lão bệnh tử, v.v. Với lý do này, Đức Phật Ngài mới không có lập ý ca ngợi khuyến khích tất cả Chúng Hữu Tình khả huấn luyện ở trong sự việc sinh lão bệnh tử, ở trong các tầng Cõi Giới cao, hoặc thấp, hoặc luôn cả làm Người Thượng Lưu, Hạ Lưu; mà Ngài chỉ có lập ý hướng dẫn về một đạo lộ để làm cho tất cả Chúng Hữu Tình ấy cùng nhau được thoát ra khỏi các Cõi Giới ấy hết cả thảy.

Phần là vật đáng ghê tởm đối với hết tất cả mọi người, cho dù phần ấy sẽ phát sinh từ ở nơi vật thực có giá trị tinh lương cao quý, chẳng hạn như bơ sữa, pho mát, heo, vịt, gà, v.v.; hoặc sẽ phát sinh từ ở nơi vật thực có giá trị thấp hèn ty liệt, chẳng hạn như cua ướp muối, cá khô mặn, v.v. đi nữa; thì các vật ấy cũng đều đáng

ghê tởm hết cả thầy, và không có một ai tán thán và ca ngợi rằng là tốt đẹp hết cả. Tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú ở trong các Cõi Giới cũng tương tự như nhau. Tất cả các bậc *Hiền Trí (Paṇḍita)* có Bậc Chánh Đẳng Giác v.v. chẳng có một ai ca ngợi và khuyến khích nói tốt về điều ấy cả, là vì phải bị rớt vào ở trong những khối Khổ Uẩn như đã đề cập đến rồi vậy.

Điều mà tất cả các bậc Hiền Trí có Bậc Chánh Đẳng Giác v.v. tán thán và ca ngợi, làm thành vật chí thượng cao quý, đơn nhất chỉ có Níp Bàn mà thôi. Vì lẽ Níp Bàn có thực tính *An Tĩnh (Santilakkhaṇa)*, tức là sự an lạc tĩnh trạng lia khỏi Ngũ Uẩn Danh Sắc; bất hữu quan hết tất cả với việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc ngửi khí hơi, việc nếm mùi vị, việc xúc chạm, việc nghĩ suy. Lời huấn từ của Bậc Chánh Đẳng Giác đã chứa đựng hết ở trong cả Tam Tạng có 84,000 *Pháp Uẩn (Dhammakhandha)*, mà Ngài đã kỳ vọng với mục đích nhắm tới cũng chính là *Vị Giải Thoát (Vimuttirasa)* hàm ý duy nhất chỉ có Níp Bàn. Với lý do này, Đức Phật Ngài mới lập ý miêu tả và tán thán về Níp Bàn với rất nhiều phương cách, và đã có hiện bày như vậy:

“*Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ*”

“*Níp Bàn có sự an vui tuyệt đối*”

“*Natthi santi paraṃ sukhaṃ*”

“*Ất hẳn không có sự an lạc nào tốt cùng chí thượng hơn cả Níp Bàn*”

“*Nibbāna paramaṃ vadanti buddhà*”

**“*Từng mỗi Ngài Chánh Đẳng Giác đều lập ý nói rằng
Níp Bàn là Pháp Chí Thượng.*”**

Cho dù Đức Phật Ngài đã thường luôn lập ý tuyên bố về *Ân Đức Tĩnh Lạc* của Níp Bàn, bất kể là sẽ lập ý khái thuyết Pháp Thoại với bất luận về vấn đề nào, ở trong bất luận trú xứ nào, và trong từng mỗi lần như vậy Ngài cũng đều lập ý nêu Níp Bàn lên để trình bày ở trong phần cuối cùng của Pháp Thoại đi nữa; thế nhưng tất cả Hội Chúng đã cố gắng để thực hành theo sự kỳ vọng của Ngài thì cũng chẳng có được bao nhiêu, còn số lượng người có việc trau dồi thực hành để làm cho phải luân hồi ở trong từng mỗi kiếp sống luôn cả với tự bản thân mình cũng phải đón nhận thì có được rất nhiều, và có số lượng nhiều như thể cát ở trong biển cả vậy. Khi dùng tay múc lấy cát ấy lên để ở trong một nắm tay thì số lượng cát hiện hữu ở trong một nắm tay ấy được sánh tựa như người với tự bản thân thực hành để cho được chứng đạt đến Níp Bàn; còn số lượng cát ở trong biển cả ấy được sánh tựa như số lượng người vẫn còn có sự mảng vui luân hồi ở trong những kiếp sống vậy. Chính vì thế, Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý trình bày rằng:

Appakà te manussesu Ye janà pàragàmino

Athàyaṃ itarà pajà Tìramevànudhàvati

“Trong bất luận những Hội Chúng nào mà có người đạt đến bờ kia, tức là Níp Bàn thì có số lượng hy thiếu ít oi. Còn ngoài ra ấy, thì đại đa số thường chỉ có len lỏi ở phía bên bờ này, tức là cứ mãi luân chuyển ở trong Vòng Luân Hồi bị thúc phược do bởi Hữu Thân Kiến.”

Một trường hợp khác nữa, được so sánh ví tựa như loài chim kên kên. Theo lẽ thường nhiên thì chim kên kên ấy, nếu giả như sẽ có người đi đến loan báo rằng *“ở phía bên bờ kia có vật thực với chất vị bổ dưỡng và có đủ các mùi hương thơm; xin báo cho tất cả nhóm các Ngài hãy cùng rủ nhau để đi đến mà ăn cho được vui sướng đi.”* Nhóm chim kên kên đã được lắng nghe loại tin tức này rồi, thì cũng sẽ chẳng có bất luận một chim kên kên nào có sự hoan hỷ vui thích cả. Thế nhưng, nếu như có người đi đến báo rằng *“ở chỗ kia có một con chó chết, hoặc trâu bò chết, và có nhiều con đang bốc mùi hôi thối rữa; xin hãy cùng rủ nhau để đi đến mà ăn cho được no bụng đi”*. Tin báo như vậy, thì nhóm chim kên kên sẽ có sự vui thích duyệt ý, mới vội rủ nhau để đi đến tại nơi ấy ngay tức thì. Điều này được nêu lên để so sánh với tất cả các bậc Hiền Trí có Bạc Chánh Đăng Giác, v.v. ở các Ngài đã cố gắng lập đi lập lại giải thích và huấn hóa đối với tất cả mọi con người cho được kiến thị điều tác nghiệp của việc luân hồi sinh tử ở trong Vòng Luân Hồi đều toàn là đã bị rớt ở trong khối Khổ Uẩn hết cả thảy; vả lại đã có hướng dẫn đạo lộ để sẽ vượt thoát ra khỏi những khối Khổ Uẩn này, để cho tất cả con người sẽ thực hành tu tập theo. Thế nhưng, quả thật khó khăn để cho tất cả những con người ấy có được sự sùng tín và quan tâm chú ý đến thực tính cốt yếu từ ở nơi những lời hướng dẫn dạy bảo này. Tuy nhiên, nếu giả như có người đi đến miêu tả và ca ngợi về những sự an lạc đang hiện hành ở trong Thế Gian này, thế rồi cả nhóm người ấy sẽ phát sinh lên sự cảm tính vui thích với bao nỗi kích cảm; và sẽ được hướng dẫn để cho thực hành như thế nào thì hết tất cả cũng cùng rủ nhau thực hành theo y như vậy, để mong sao sự an lạc được hiện hữu và tồn tại khắp ở trong Thế Gian; vả lại những điều ấy quả thật chẳng khó khăn chi, và chẳng có thực tính cốt yếu nào cả. Chính vì lý do này, kẻ ấy ắt hẳn chẳng có được đón nhận sự an lạc chí thượng, tức là Níp Bàn ; có nghĩa là kẻ ấy sẽ chẳng có ngày nào được thoát ra khỏi sự sinh lão bệnh tử; và sẽ phải thường luôn bị luân chuyển ở trong Vòng Luân Hồi. Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có lập ý trình bày rằng:

Asàre sàramatino

Sàre càsàradassino

Te sàram nàdhigacchanti

Micchasaṅkappagocarà

“Những hạng người nào có sự kiến chấp thủ ở trong điều chẳng cốt yếu lại cho là cốt yếu, và ở trong điều cốt yếu lại cho là chẳng cốt yếu; những hạng người ấy là kẻ có sự nghĩ suy sai lầm (Tà Tư Duy), chú ý quan tâm ở trong đối tượng sai lầm. Ất hẳn là kẻ không có Giới Đức (Sīlaguṇa), Định Đức (Samādhiguṇa), và

Tuệ Đức (Paññagūṇa), ấy là những thực tính cốt yếu có khả năng dắt dẫn cho chúng đạt đến Níp Bàn.”

Sự an lạc ở trong Níp Bàn chỗ được gọi là *Tịnh Lạc (Santisukha)* với sự an lạc ở trong Thế Gian chỗ được gọi là *Lạc Thu (Vedayitasukha)* có thực tính đối nghịch với nhau. Sẽ nói rằng chính từ nơi sự tĩnh lặng của Danh Sắc, Ngũ Uẩn mới được gọi tên là **Tịnh Lạc**. Còn **Lạc Thu** ấy, là sự an lạc hữu quan với việc thụ hưởng Cảnh, có sắc thính khí vị xúc, v.v. mà sự an lạc ở thể loại này thì tất cả Nhân Loại chả là trẻ con hoặc người lớn, và Chư Thiên, Phạm Thiên cho đến Hữu Tình Khổ Thú cũng hằng mong mỏi được thỏa mãn, cho là hữu ích và hết tất cả cùng nhau đều có sự kỳ vọng đạt thành sở nguyện. Còn đối với **Tịnh Lạc**, thì tất cả Chúng Hữu Tình chẳng trông thấy điều lợi ích, chẳng có sự quan tâm để ý đến; ngay cả một vài nhóm Phật Tử có sở nguyện Níp Bàn, nhưng chỉ thường hay hiện hành qua lời nói, còn tâm trí thì thật tình chẳng có thiên hướng nghĩ tưởng đến Níp Bàn. Đa số có sự hiểu biết với nhau rằng Níp Bàn ấy là một Cõi Giới, một trú xứ ở ngoài khỏi Thế Gian này. Trong Cõi Giới ấy có đầy đủ viên mãn với sự an lạc ở đủ các thể loại, chẳng có sự khổ đau, và người đã đạt đến Níp Bàn này thì cũng có nghĩa là khi đã từ bỏ lìa khỏi Thế Gian này rồi, cũng được sinh trú ở nơi đó; hơn nữa chẳng có việc lão bệnh tử, chẳng có những sự sầu khổ ưu não; tất cả đều toàn là an lạc hạnh phúc. Hoặc một vài nhóm khác lại có hiểu biết rằng người đã thọ sinh ở trong Níp Bàn ấy, thì chẳng có hình tướng sắc thân, đơn nhất chỉ có sự cảm tính, vả lại sự cảm tính hiện hữu ở đây thuần khiết với sự an lạc, và chẳng có sự đau khổ pha trộn vào.

Tuy nhiên người có sở nguyện vọng chúng đạt đến Níp Bàn bởi do nương vào sự hiểu biết về Níp Bàn như đã vừa đề cập ở tại đây làm thành tác nhân, đã có được việc học hỏi một cách chân chánh và đã phát sinh lên sự liễu tri một cách chân chánh rằng bậc đã chúng đạt được Níp Bàn ấy chính là tất cả các Bậc Vô Sinh một khi đã lìa khỏi Thế Gian này rồi, thì Danh Sắc, Ngũ Uẩn của tất cả các Bậc Vô Sinh ấy thường đã được tiệt diệt chẳng còn dư sót, các sự cảm tính cũng chẳng có; như vậy rồi người ấy lại có thể khởi sinh lên sự nghi ngại ở trong lòng nghĩ rằng việc chúng đạt đến Níp Bàn ấy sẽ có được sự an lạc cùng tột như thế nào trong khi chẳng có chi còn dư sót đây ! Với lý do này, tất cả các bậc *Hiền Trí (Paṇḍita)* bậc đã kiến tri cả *Tứ Bồ Úy (Bhaya)* hiện hữu ở trong Vòng Luân Hồi bởi do nương vào việc Sinh Tử chỉ ngần ấy, mới sẽ tự nguyện lòng chúng đạt đến Níp Bàn một cách chân thật; còn ngoài ra các bậc ấy rồi, thì chẳng có sẵn lòng hoan hỷ để sẽ chúng đạt Níp Bàn, bởi nhận thấy rằng không có sự an lạc. Như thế, Đức Phật Ngài mới lập ý khái thuyết rằng:

Sadevakassa lokassa Ete vo sukhasammatà
Yattha cete nirujjhanti Tam tesam dukkasammatam

“Hữu Tình ở khắp cả thế gian cùng với cả Chư Thiên đã giả định với nhau rằng những Cảnh Hiệp Thế có sắc thính khí vị v.v. đấy là tốt đẹp, và có sự an lạc. Pháp chủng nào là Níp Bàn đã diệt hết tất cả những Cảnh Hiệp Thế có sắc thính khí vị v.v. đấy, thì Chúng Hữu Tình ở khắp cả thế gian cùng với cả Chư Thiên mới giả định với nhau rằng Pháp chủng là Níp Bàn ấy là Pháp không tốt, là đau khổ vậy.”

Cả Tứ Bồ Úy (Bhaya 4) Ấy Là:

1. **Dị Giáo Kiến Tập Bồ Úy (Nàṇasatthaullokanabhaya):** Vẫn chưa thoát ra khỏi việc cung kính các bậc Thầy Tổ. Có nghĩa là trong kiếp sống này thì quả thực có việc cung kính đến Bạc Chánh Đẳng Giác, tuy nhiên ở trong các kiếp sống nối tiếp thì không còn cung kính Giáo Pháp của Bạc Chánh Đẳng Giác, mà lại chuyển đổi đi tôn kính các Tôn Giáo khác, chỉ đến tôn kính những cả Chư Thiên, Phạm Thiên, Quỷ Thần Ma, v.v. chẳng hạn với những thể loại này. Đây là một điều thật đáng kinh sợ.

2. **Thụ Khổ Hình Bồ Úy (Vinipatabhaya):** Bất định trú xứ ở trong việc đi thọ sinh. Có nghĩa là một khi chết đi, lìa khỏi Thế Gian này rồi, sẽ đi thọ sinh ở chốn nao cũng không được hay biết; sẽ đi thọ sinh thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên; hoặc sẽ đi thọ sinh thành nhóm Hữu Tình Địa Ngục, Hữu Tình Bàn Sinh, Nga Quỷ, Ác Ma; tất cả và tất cả cũng chẳng được hay biết, ứng hợp tùy theo Nghiệp Lực của mình đã có tạo tích lũy. Hoặc ở trong kiếp sống này được thọ sinh làm thành người sang giàu, xinh đẹp, thông minh, dòng dõi thượng hạng, có sự ghi nhớ minh mẫn, có đầy đủ các bộ phận, và có sức khỏe hoàn hảo. Ở trong kiếp sống kế tiếp, có thể sẽ đi thọ sinh làm thành người nghèo khổ, xấu xí, đàn độn, dòng dõi hạ cấp, có tâm thần bất định, tính khí thất thường, có sự khiếm khuyết các bộ phận, là người yếu đuối hay bệnh; chẳng hạn với những thể loại này. Đây là cũng là một điều thật đáng kinh sợ.

3. **Khổ Thú Bồ Úy (Apāyabhaya):** Vẫn chưa thoát ra khỏi việc đi thọ sinh ở trong Cõi Khổ Thú. Có nghĩa là ở trong kiếp sống này thì được sinh thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên. Kiếp sống kế tiếp có thể đi thọ sinh ở trong Cõi Khổ Thú, thành nhóm Hữu Tình Địa Ngục, Hữu Tình Bàn Sinh, Ác Ma, Nga Quỷ, Atula cũng có. Nhóm Hữu Tình đã đi thọ sinh thành Phạm Thiên thì sẽ không nhất định rằng sẽ không đi thọ sinh ở trong Khổ Thú, bởi vì vẫn đang còn là hàng Phạm Phu. Cho dù ở trong kiếp sống thứ hai thì sẽ không đi thọ sinh ở trong Cõi Khổ Thú đi nữa, tuy nhiên ở trong kiếp sống thứ ba trở đi thì cũng có thể sẽ đi thọ sinh. Đây cũng là một điều thật đáng kinh sợ.

4. **Ác Hạnh Bồ Úy (Duccaritabhaya):** Vẫn chưa thoát ra khỏi việc tạo tác những Ác Hạnh. Có nghĩa là trong kiếp sống này thì không có tạo tác Ác Hạnh, tức là không ưa thích việc sát mạng Hữu Tình, hành hạ bức hại Hữu Tình, không là

lũ trộm cướp, không là người nói năng hồ đồ, không là người uống rượu men và chất say, không là người có sự thấy sai chấp lầm. Thế nhưng ở trong những kiếp sống kế tiếp, thì có thể thọ sinh thành người có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong việc tạo tác Ác Hạnh; tức là ưa thích sát mạng Hữu Tình, là lũ trộm cướp, là người nói năng hồ đồ, ưa thích uống rượu men và chất say, có sự thấy sai chấp lầm; chẳng hạn với những thể loại này. Đây cũng là một điều thật đáng kinh sợ.

Với lời giải thích như đã vừa đề cập ở tại đây, đó là việc giải thích trong sự bất liễu tri Pháp làm cho diệt tắt từ ở nơi Khổ Đau (*Bát Tri Diệt Đế*).

4. *Bát Tri Đạo Đế (Dukkhanirodhagaminìpatipadàya aññanam)*: Bất liễu tri đạo lộ làm cho chứng đạt đến sự diệt tắt Khổ Đau, đó là:

Theo lẽ thường nhiên, tất cả mọi người ở trong Thế gian này ai ai cũng đều hoàn toàn mong mỏi được tránh phải tiếp xúc với sự đau khổ, và với người đã phải tiếp xúc sự đau khổ ấy rồi, thì tích cực phấn đấu tâm cầu đạo lộ để sẽ cho vượt thoát ra khỏi các sự đau khổ ấy. Chính vì nương vào tác nhân này, mà mọi người ai ai cũng đều nỗ lực thực hiện việc tu tập bằng đủ mọi phương cách, cả ở trong đường lối Thế Tục lẫn trong đường lối Đạo Pháp, để ngõ hầu có được sự an lạc và cho thoát khỏi sự đau khổ ấy vậy.

Sự đau khổ này đã được chia ra thành hai thể loại, đó là:

1. *Khổ Phổ Thông (Dukkhasamañña)*: tức là việc sinh lão bệnh tử của tất cả Chúng Hữu Tình trong khắp cả thế gian hiện hành theo lẽ thường nhiên, chẳng có người nào tránh thoát khỏi được.
2. *Khổ Cá Biệt (Dukkhaveṇikà)*: tức là sự đau khổ sinh khởi do bởi năm thể loại *Điêu Tàn (Byasana)*, đó là:
 - *Quyển Thuộc Điêu Tàn (Ñàtibyasana)*: việc điêu tàn thân hữu quyển thuộc.
 - *Tài Sản Điêu Tàn (Bhogabyasana)*: việc điêu tàn tài sản của cải, vàng bạc, danh vị, đồ chúng tùy tùng.
 - *Bệnh Trạng Điêu Tàn (Rogabyasana)*: có việc ốm đau bệnh hoạn bức bách hành hạ.
 - *Giới Luật Điêu Tàn (Sìlabyasana)*: có sự bất tường về giới luật.
 - *Tri Kiến Điêu Tàn (Ditṭhibyasana)*: có sự thấy sai chấp lầm từ ở nơi Chân Lý.

và sự đau khổ sinh khởi bởi do phải bị tiếp xúc với *Hỏa Hoạn Tai Ương (Aggibhaya)* cũng có, hoặc *Đạo Tặc Tai Ương (Corabhaya)* cũng có, hoặc *Vua Quan Tai Ương (Ràjabhaya)* cũng có, hoặc *Phi Hiền Triết Tai Ương (Asappurisa*

bhaya) cũng có; hoặc với những thể loại về sự đói khát, khiếm khuyết ở trong việc tìm kiếm vật thực, trú xứ, v.v.

Có hai thể loại hành động ở tất cả mọi con người đã thực hiện để ngỗ hầu cho thoát khỏi những sự khổ đau này, đó là:

1. Thực hành ở trong đường lối Thế Tục: tức là sự nỗ lực tinh cần phối hợp việc mưu sinh, chẳng hạn như làm ruộng, làm vườn, buôn bán, làm thuê mướn, làm quốc sự, v.v. Và một vài người đã phối hợp việc mưu sinh hiện hành ở trong đường lối Ác Hạnh, chẳng hạn như trộm cắp trâu đạo, làm nghề đánh cá, lừa đảo lường gạt, v.v. Và cũng có một vài người một khi đã tiếp xúc với sự Khổ Thân Khổ Tâm rồi, thì đã chạy đi tìm kiếm thầy thuốc, thầy bói để khắc phục hoặc diệt trừ các sự bất tường, cho thoát khỏi những sự khổ đau này, chẳng hạn như vậy.

2. Thực hành ở trong đường lối Đạo Pháp: tức là việc thực hiện Xả Thí, hoặc thọ trì Giới Luật, hoặc tu tập An Chi; hoặc thực hành theo *Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh (Attakilamathànuyoga)* có nghĩa là thi dĩ khốc hình sắc thân với đủ mọi phương thức tu tập, giống như là bò (*Nguru Hành Giả*), hoặc chó (*Cẩu Hành Giả*); hoặc thực hành theo *Nhiệt Tâm Tế Hoạt Dục Lạc (Kāmasukkhallikànuyoga)* có nghĩa là tự phụng dưỡng cho mình được thụ hưởng thỏa mãn những sự lạc thú thể theo sự duyệt ý của mình, và chẳng cho có bất luận một điều nào đến để quấy nhiễu cản trở được.

Việc thực hành như đã vừa đề cập ở tại đây; với việc thực hành ở trong đường lối Thế Tục ở chỗ chẳng có liên quan với những Ác Hạnh đấy, thì thường chỉ làm cho tạm thời được thoát khỏi sự khổ đau mà thôi. Còn việc thực hành ở chỗ có liên quan với Ác Hạnh đấy, thì trong khoảng thời gian tạo tác vẫn chưa trở sinh quả báo thì cũng có cảm nhận y như thể với sự hiện hữu của an lạc; tuy nhiên một khi hành động tạo tác đấy trở sinh quả báo rồi, thì người ấy ắt hẳn phải đón nhận sự khổ đau gia bội lên rất nhiều. Ứng hợp với Bạc Đại Sư đã có lập ý trình bày để rằng:

Madhùva maññati bàlo
Yadà ca paccati pàpam
Người ngu nghĩ là ngọt
Ác Nghiệp chín muối rồi

Yàva pàpam na paccati
Bàlo dukkham nigacchati
Khi Ác chưa chín muối
Người ngu chịu khổ đau

“Suốt trọn thời gian nào, một khi hành động Ác Nghiệp vẫn còn chưa trở sinh quả báo, thì trong khoảng thời gian ấy người ngu thường có sự hiểu biết ở trong hành động Ác Nghiệp của mình được ví như mật ong, tức là có sự vui thích hài lòng ở trong hành động ấy. Thế nhưng bất luận khi nào hành động Ác Nghiệp của mình đã trở sinh quả báo rồi, thì trong thời gian ấy bọn người ngu ắt hẳn phải bị tiếp xúc sự thống khổ cực cực đại.”

Khi Ác Nghiệp chưa chín muối,
Người ngu lầm tưởng an vui mật đường.
Đến khi quả chín lẽ thường,
Người ngu đón nhận chán chường khổ đau.
(P. C. 69)

+ Còn việc thực hành ở trong đường lối Đạo Pháp chỗ có liên quan với Xả Thí, Trì Giới, và An Chi Tu Tập thì thường được thoát khỏi sự khổ đau ở trong suốt trọn thời gian ấy; hoặc được thoát khỏi suốt trọn cả ngày, cả tháng, cả năm cũng có; hoặc được thoát ra khỏi cả một kiếp sống, cả hai hoặc ba kiếp sống cũng có; và chẳng phải đã dứt khoát được thoát khỏi hết tất cả. Và lại khổ đau đã được thoát khỏi suốt trọn thời gian ấy, đặc biệt chỉ là thoát khỏi với thể loại khổ đau cá biệt liên quan với việc Lão邁 và Bệnh Hoạn mà thôi, còn về khổ đau liên quan với việc Sinh và Tử thì ắt hẳn vẫn còn chưa được thoát khỏi vậy.

+ Người đã thực hành theo *Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh* với kỳ vọng rằng một khi đã thanh lọc cho tận diệt hết Phiền Nã rồi, thì trong kiếp sống sau sẽ được đón nhận sự an lạc, thụ hưởng Thiên Sản ở trong Cõi Thiên Giới, và sẽ thoát khỏi những sự khổ đau mà tất cả mọi con người đang phải tiếp xúc. Sự kỳ vọng của nhóm người này ứng hợp với tà vọng tưởng, bởi vì chẳng những sẽ phải đón nhận sự khổ đau sinh khởi từ ở nơi thi dĩ khốc hình sắc thân ngay trong kiếp sống này chỉ bấy nhiêu đây không thôi, mà một khi đã tử vong lìa khỏi kiếp sống này đi rồi, thì xác tín rằng sẽ còn phải tiếp tục thụ lãnh sự thống khổ cực kỳ nghiêm trọng ở trong Cõi Địa Ngục, bởi do đã nương vào Tà Kiến của chính tự mình vậy.

+ Người đã thực hành theo *Nhiệt Tâm Tế Hoạt Dục Lạc* với sự hiểu biết rằng đời sống hiện hành của con người ta đây nếu nhờ như có bất luận một điều nào đi đến để làm thành chướng ngại vật hòng cản trở đối với việc tầm cầu những sự an vui lạc thú thể theo sự duyệt ý của mình, thế thì thường sẽ làm cho phát sinh lên sự sầu bi ưu não ở trong tâm thức, và không thể nào thoát khỏi sự khổ đau. Bởi do thế mới cần phải nỗ lực tầm cầu với biết bao phương pháp để sẽ dắt dẫn sự an vui lạc thú cho đến với mình, và cũng để cho sự sầu bi ưu não ấy không có thể khởi sinh lên được. Một khi tâm thức đã được an vui ở trong kiếp sống này rồi, thì sẽ thoát khỏi sự Khổ Thân và Khổ Tâm; và đến kiếp sống sau cũng lại được tiếp tục đón nhận sự an vui ở trong Cõi Nhân Loại hoặc ở Cõi Thiên Giới thêm lần nữa vậy. Khi có sự hiểu biết như vậy, thì cũng đã nỗ lực tầm cầu những vật dục cho đi đến để làm thỏa mãn thể theo sự duyệt ý của bản thân. Việc thực hành như vậy, thì có một vài người cũng đã được đón nhận sự thành tựu, tức là có sự mản nguyện thích ý ở trong các Cảnh Dục Trần suốt trọn kiếp sống này; và lại cũng chẳng có bất luận một điều nào đi đến để làm thành chướng ngại vật hầu cản ngăn được cả. Tuy nhiên có một vài người cũng có thực hành nhưng không được suôn sẻ, bởi do có người khác đi đến cản ngăn liên quan với tài sản của cải, vàng bạc cũng có;

hoặc do dính líu với bệnh hoạn tai ương bức bách hành hạ cũng có. Với những thể loại này đã làm cho tâm trí của người ấy trái lại có sự khổ sở ưu não khởi sinh lên lần nữa; và hậu quả cuối cùng khi tâm cầu con đường cứu vãn thì đã không có được, chỉ có thể đi đến hủy diệt sinh mạng của mình, hoặc có thể có người khác đi đến cản ngăn. Thế nhưng cho dù như thế nào, việc thực hành ở thể loại *Nhiệt Tâm Tế Hoạt Dục Lạc* đây, sẽ làm cho được thành tựu suôn sẻ hoặc không được suôn sẻ đi nữa, thì hậu quả cuối cùng khi tử vong lìa khỏi kiếp sống này đi rồi, cũng phải bị thụ lãnh sự đau khổ ở trong Cõi Khổ Thú bởi do nương vào sự tham ái, sự si mê và sự tà kiến ấy vậy.

Tóm lại, việc thực hành ngũ hầu kỳ vọng sẽ cho được thoát khỏi khổ đau hiện hành trong đường lối Thế Tục; và việc thực hành ở những thể loại Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khô Hạnh, Nhiệt Tâm Tế Hoạt Dục Lạc đây, ở phần đa số là việc thực hành của nhóm *Ngũ Muội Phàm Phu (Andhaputhujjana)*. Còn việc thực hành ở những thể loại thực hiện Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập An Chi đây, ở phần đa số là việc thực hành của nhóm *Mỹ Hảo Phàm Phu (Kalyāṇaputhujjana)*. Tuy nhiên những thể loại thực hành này cũng chẳng phải làm thành đạo lộ để sẽ thanh lọc cho tận diệt hết Phiền Não, và rồi cho đạt đến sự diệt tắt khổ đau một cách xác thực được. Và lại sự việc là như vậy cũng bởi vì đích thị chính những hạng người này chẳng có hiểu biết ở trong việc thực hành để làm thành đạo lộ cho đạt đến sự diệt tắt một cách kiên quyết hết tất cả mọi khổ đau.

Điều thực hành để làm thành đạo lộ cho đạt đến sự diệt tắt hết mọi khổ đau, đây chính là việc tiến tu Bát Chi Đạo hữu quan với Tứ Niệm Xứ, và chỉ có ngần ấy thôi. Còn ngoài ra của việc thực hành này rồi, chẳng là việc thực hành ấy sẽ được thực hiện một cách hoàn toàn vắn và khổ sở đi nữa, hoặc sẽ là vi tế tinh lương như thế nào đi nữa, hoặc sẽ sử dụng thời gian thực hành lâu dài bằng chừng nào đi nữa; tất cả những điều ấy cũng chẳng phải làm thành đạo lộ để sẽ thanh lọc cho tận diệt hết Phiền Não, và rồi sẽ đạt đến sự diệt tắt hết tất cả sự khổ đau. Có nghĩa là cần nên ghi nhớ rằng việc thực hành và sự kiên trì đối với việc thực hành đây phải luôn được thường xuyên, và lại cũng cần xác tín rằng ấy là của mình và để sẽ làm thành đạo lộ chân chánh cho chính mình. Với lý do này, Ngài Đại Chú Giải Sư *Buddhaghosa* mới trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Thanh Tịnh Đạo (Visuddhi magga Atthakatha)* nói rằng:

Yathabhūtaṃ ajānantā Suddhikāmaṇi ye idha
Visuddhiṃ nādhigacchanti Vāyamantāpi yogino

“Hành Giả là bậc đã kết hợp với sự nỗ lực tinh cần trong việc tiến tu tất cả những thể loại tu tập, cho dù đã có sự kỳ vọng đạt sự thanh tịnh ở trong Giáo Pháp của Bậc Chánh Đẳng Giác và đã có sự nỗ lực tinh cần thực hành theo đi nữa; tuy nhiên lại bất liễu tri ở trong Chánh Đạo thể theo Pháp Chân Lý, thế thì các bậc hành giả ấy ắt hẳn không thể nào thành đạt sự thanh tịnh được.”

Thế nhưng dù sao đi nữa, tất cả những hạng người ấy vẫn cứ rủ nhau thực hành theo các học thuyết tín ngưỡng của mình, cũng với chủ tâm sẽ cùng nhau đạt đến sự diệt tận hết tất cả các sự đau khổ. Tuy nhiên các sự đau khổ ấy lại không thể nào được diệt tận thể theo sự kỳ vọng, mà trái lại càng khởi lên trầm trọng hơn nữa. Hoặc chẳng là như thế, thì việc sinh lão bệnh tử hiện hữu ở trong Vòng Luân Hồi ấy vẫn cứ kéo dài mãi bất khả cùng tận. Tất cả sự việc này, là cũng do bởi một vài nhóm người ở trong Đạo Giáo của Đức Phật, thế nhưng lại chẳng có một sự sở nguyện nào về bất luận một trong những thể loại thuộc Chánh Đẳng Giác Trí, Độc Giác Trí, Chí Thượng Thinh Văn Giác Trí, Đại Thinh Văn Giác Trí; luôn cả có sở nguyện cho được thoát khỏi khổ đau và cho được chứng đạt đến Níp Bàn đơn nhất chỉ một lần một. Như thốt lên lời sở nguyện rằng **“*Idam me puññam àsavakkhayaṃ vahaṃ hotu*”**- **“*Do Quả Phước Báo này xin cho được diệt tận Lậu Hoặc*”**. Tuy nhiên vị hành giả ấy cũng vẫn có sự duyệt ý thực hành đơn nhất chỉ có Xả Thí, Trì Giới, cùng với An Chi Tu Tập, và chẳng có thực hành cho chứng đạt đến Chi Đạo ở trong đạo lộ của cả Tứ Niệm Xứ; chính bởi do thế việc thực hành như vậy cũng vẫn được tính kể là vẫn đang hiện hành với mãnh lực **Tham Ái**. Với lý do này, vị hành giả thực hành ở những thể loại này mới vẫn còn phải bị sinh lão bệnh tử ở trong Vòng Luân Hồi thêm nhiều nữa với thời gian lâu dài; quả là đối nghịch với sự kỳ vọng của chính mình.

+ Người đã thực hành theo *Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh* đây, đã thực hành hiện hành với mãnh lực **Tà Kiến** và **Si Mê**; chính vì thế mới trở sinh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Địa Ngục. Tuy nhiên vị hành giả ấy cũng vẫn không tự cảm nhận được rằng việc thực hành như vậy chẳng phải là đạo lộ để sẽ thanh lọc Phiền Não và sẽ đạt đến sự diệt tất khổ đau.

+ Còn người đã thực hành thể loại *Nhiệt Tâm Tế Hoạt Dục Lạc* đây, thì chẳng phải chỉ là người chấp thủ những học thuyết tín ngưỡng khác để sẽ thực hành như vậy, mà ngay cả chấp thủ vào Đạo Giáo của Đức Phật cũng có thực hành như nhau. Chẳng hạn như với người chẳng thấy sự lợi ích ở trong việc thực hiện Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; có quan điểm rằng sự an lạc hữu quan với Níp Bàn thì chẳng có chi là đặc biệt cả, mà đích thị chính là ở trong khoảng thời gian vẫn còn sinh mạng đây, chúng ta có sự kỳ vọng mong mỗi điều chi, hoan hỷ duyệt ý với điều chi thì vẫn cứ thực hành theo sự duyệt ý của mình; đại loại như là mong mỗi sẽ trông thấy điều chi thì cứ việc trông thấy, mong mỗi sẽ lắng nghe điều chi thì cứ việc lắng nghe, mong mỗi sẽ ăn vật thực chi thì cứ việc ăn, mong mỗi sẽ ngủ nghỉ thì cứ việc ngủ nghỉ, mong mỗi sẽ đi đâu thì cứ việc đi, mong mỗi sẽ làm điều chi thì cứ việc làm, mong mỗi sẽ nói điều chi thì cứ việc nói, v.v. ai sẽ là như thế nào thì cũng vẫn cứ mặc kệ. Đích thị chính việc tự thực hành thể loại này, được gọi là thực hành cho thoát khỏi khổ đau, cho được đón nhận sự an lạc; bởi do thế việc thực hành như vậy mới hiện hành với mãnh lực của **Tham Ái**, **Tà Kiến**, **Si Mê**; ắt

hẳn trở sinh quả báo cho người ấy phải đi tục sinh ở một trong những Cõi Thống Khổ. Và lại người ấy cũng chẳng có tự cảm nhận rằng việc thực hành như vậy thì chẳng phải là đạo lộ để sẽ thanh lọc Phiền Não và cho đạt đến sự diệt tất khổ đau.

Với lời giải thích như đã vừa đề cập ở tại đây, đó là việc giải thích trong sự bất liễu tri đạo lộ làm cho chúng đạt đến sự diệt tất Khổ Đau (*Bất Tri Đạo Đế*).

5. *Bất Tri Quá Khứ (Pubbante aññanam):* *Bất liễu tri về Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Quá Khứ, đó là:*

Câu nói rằng “*Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Quá Khứ*” đây, là nói theo *Dĩ Pháp Bản Nguyên*. Một khi nói theo *Dĩ Nhân Bản Nguyên* thì đích thị chính là tất cả Chúng Hữu Tình đã từng Sinh và Tử ấy vậy. Bởi do thế, ở trong điều nói rằng “***Pubbante aññanam***” đây, là cũng lập ý đến “*bất tự liễu tri bản thân hoặc tha nhân đã từng tục sinh thành Nhân Loại, hoặc Chư Thiên cũng có, hoặc Phạm Thiên cũng có, hoặc Hữu Tình Khổ Thú cũng có; thế nhưng đối với ở trong kiếp sống kế tiếp thì nhận biết rằng sẽ còn phải tục sinh lại nữa.*” Chẳng hạn như có người có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình có Thượng Đế là đấng Tạo Hóa đã sáng tạo ra; chính vì thế một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã mệnh chung rồi, thì sẽ phải đi tục sinh theo mệnh lệnh của Đấng Thượng Đế lại thêm lần nữa.

6. *Bất Tri Vị Lai (Aparante aññanam):* *Bất liễu tri về Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Vị Lai, đó là:*

Uẩn, Xứ, Giới ở Thời Kỳ Vị Lai tức là sự làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên và Hữu Tình Khổ Thú tiếp nối từ ở nơi kiếp sống này. Bởi do thế, ở trong điều nói rằng “***Aparante aññanam***” đây, là cũng lập ý đến người có quan điểm rằng “*tự bản thân hoặc tha nhân một khi đã mệnh chung là khỏi kiếp sống này rồi, thì không còn phải tiếp tục đi tục sinh lại nữa.*” Tuy nhiên lại có niềm xác tín rằng tất cả Chúng Hữu Tình ắt hẳn đã có từng sinh ở trong kiếp sống trước. Nhóm người có quan điểm như vậy, thì đã có rất nhiều học thuyết tín ngưỡng với nhau, ngay cả người đã chấp thủ vào Đạo Giáo của Đức Phật có cùng quan điểm như vậy cũng vẫn có. Những hạng người này bất xác tín rằng một khi đã mệnh chung rồi, thì sẽ phải tiếp tục còn đi tục sinh lại nữa; tuy nhiên lại xác tín rằng đã từng có tục sinh ở trong kiếp sống trước, bởi do dựa vào sự việc đã từng hội kiến với bậc có được Túc Mạng Minh ở trong việc truy niệm kiếp sống ấy vậy.

7. *Bất Tri Quá Khứ Vị Lai (Pubbantàparante aññanam):* *Bất liễu tri về Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Quá Khứ và Vị Lai, đó là:*

Ấy chính là sự làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên và Hữu Tình Khổ Thú đã từng có tục sinh ở trong thời Quá Khứ và sẽ còn phải tiếp tục đi tục sinh ở trong kiếp sống kế sau. Bởi do thế, ở trong điều nói rằng

“*Pubbantàparante añàṇaṃ*” đây, là cũng lập ý đến “*người bất tử liễu tri bản thân hoặc tha nhân đã từng có tục sinh và sẽ còn phải tiếp tục đi tục sinh ở trong kiếp sống kế sau*”. Nhóm người có quan điểm như vậy, thì cũng đã có rất nhiều học thuyết tín ngưỡng tương tự như nhau, là do bởi nhóm người này không từng được tiếp thụ việc nghiên cứu học hỏi ở trong Kinh Tạng và Vô Tỷ Pháp Tạng; và lại cũng không từng thực hành Minh Sát Nghiệp Xứ, luôn cả cũng vẫn chưa từng hội kiến với bậc có được Túc Mạng Minh ở trong việc truy niệm kiếp sống.

8. *Bất Tri Y Thứ Liên Quan Tương Sinh (Idappaccayatapaṭiccasamuppannesu dhammesu añàṇaṃ)*: *Bất liễu tri ở trong Danh Sắc sinh khởi lên do bởi nương vào tác nhân làm cho khởi sinh thể theo Phương Cách Liên Quan Tương Sinh, đó là:*

Sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, v.v. và việc trông thấy, việc được lắng nghe, được ngửi, nếm vị, xúc chạm; với tất cả những thể loại này đều toàn là **Quả** phát sinh từ ở nơi **Nhân** mà ấy chính là việc tác hành với Thân, Ngũ, Ý ở cả hai phía Thiện và Bất Thiện đã làm thành **Nhân cũ** có **Vô Minh, Ái Dục** làm Căn Nguyên. Và do bởi nương vào chỗ có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v. và lại cũng có việc tác hành với Thân, Ngũ, Ý ở cả hai phía Thiện và Bất Thiện khởi sinh lên lần nữa đã làm thành **Nhân mới** có **Ái Dục, Vô Minh** làm Căn Nguyên; và hơn thế nữa đã làm cho sắc thân cùng với việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v. được gọi với nhau rằng là “*người ấy, người này*” làm thành **Quả** lại tiếp tục khởi sinh lên lần nữa. Nhân và Quả như đã vừa đề cập đến ở tại đây, một khi trình bày thể theo Phương Cách của Liên Quan Tương Sinh, có nghĩa là các việc tạo tác làm thành Nhân cũ đấy, tức là Vô Minh, Hành, Ái Dục, Chấp Thủ, và Nghiệp Hữu; còn tất cả Chúng Hữu Tình và việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v. làm thành Quả sinh khởi lên đấy, tức là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, và Thọ. Việc tạo tác với Thân, Lòi, Ý của tất cả Chúng Hữu Tình làm thành Nhân mới đấy, tức là Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Vô Minh, và Hành; còn tất cả Chúng Hữu Tình với việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v. sẽ làm thành Quả sinh khởi nối tiếp đấy, tức là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, và Thọ.

Sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình như đã vừa đề cập đến ở tại đây, một khi thẩm sát thì cũng sẽ trình bày cho được thấy rằng chẳng có chi ngoài ra Pháp làm thành Nhân Pháp làm thành Quả cả, và nương tựa lẫn nhau để cùng sinh khởi chỉ ngần ấy mà thôi. Thế nhưng với hạng *Ngũ Muội Phạm Phu (Andhaputhujjana)*, là người chẳng có Trí Tuệ để nhìn thấy được điều ấy, và ắt hẳn sẽ bất liễu tri đến sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình thể theo Liên Quan Tương Sinh như đã vừa đề cập đến ở tại đây; trái lại hiểu biết với nhau rằng tất cả Chúng Hữu Tình đang hiện bày hằng mỗi ngày ở trong Thế Gian này, là đã được sinh khởi cũng do bởi Thượng Đế là đấng Tạo Hóa đã kiến tạo ra. Một vài nhóm người

cũng có sự hiểu biết rằng chẳng có Nhân Quả chi cả, và tất cả Chúng Hữu Tình đã được sinh khởi là cũng do bởi có người Mẹ người Cha mà ra vậy thôi.

Đích thị chính là sự bất liễu tri ở trong Nhân Quả từ ở nơi sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình thể theo Liên Quan Tương Sinh đây, nên đã được gọi tên là *Bát Tri Y Thứ Liên Quan Tương Sinh (Idappaccayatàpaṭiccasamuppānesu dhammesu aññaṇaṃ)*.

Lại nữa, Vô Minh có thực tính bung bít, không cho phát sinh lên sự hiểu biết về Chân Lý, đã được chia ra thành nhiều phân loại với nhau như sau:

1. Một vài hạng người bất liễu tri rằng việc tạo tác như thế này là tịnh hảo, là Thiện; việc tạo tác như thế này là xấu xa, là Bất Thiện; bởi do mãnh lực từ ở nơi Vô Minh đã bung bít để không cho được hiểu biết. Bởi do thế, hạng người này mới táo bạo đến mức liễu tri tạo tác ở trong những Ác Hạnh một cách chẳng có ý thức và chẳng nề sợ tầm quý chi cả. Thể loại Vô Minh này thuộc loại **Vô Minh ở phần đại đa số**.

2. Một vài hạng người liễu tri việc tạo tác như thế này là tịnh hảo, là Thiện; như thế này là xấu xa, là Bất Thiện; bởi do thế hạng người này một khi Bất Thiện khởi sinh lên thì cũng có khả năng kiềm chế, và không cho xâm lấn đến Thân, Lối; thế rồi chuyển đổi tâm thức và tác hành hành động ấy cho thành Thiện khởi sinh lên. Vô Minh của hạng người này được sắp thành loại **Vô Minh ở phần nhiều**.

3. Bậc đã thành tựu viên mãn Quả vị Thất Lai, Nhất Lai, Bất Lai; và đã được xưng danh là bậc liễu minh Tứ Thánh Đế; tuy nhiên vẫn chưa tiệt diệt hết cả Vô Minh. Bởi do thế, Vô Minh của những bậc Thánh Nhân này là **Vô Minh ở phần cuối cùng**.

Bậc đã tiệt diệt hết cả Vô Minh thì chỉ có duy nhất là Bậc Vô Sinh; bởi do thế việc bung bít không cho hiểu biết thể theo sự việc thành Chân Lý của Vô Minh đây, chỉ mới không có hiện hữu đối với tất cả Bậc Vô Sinh. Tuy nhiên nếu giả như sẽ vấn hỏi rằng Bậc Vô Sinh một khi đã không còn có Vô Minh thì cũng có khả năng liễu tri hết tất cả mọi sự việc hay không? Giải đáp rằng “*Chẳng phải là như thế!*” Việc liễu tri của Bậc Vô Sinh thì cũng phải tùy thuộc vào năng lực của Trí Tuệ. Nếu là Trí Tuệ của Bậc Chánh Đẳng Giác thì toàn tri diệu giác chẳng có dư sót. Nếu là Trí Tuệ của Bậc Độc Giác thì chỉ có liễu tri sự hiện hành của Danh Sắc ở phần *Nghĩa Vị (Attharasa)*, còn đối với sự liễu tri ở trong thực tính sự hiện hành của Danh Sắc thể theo *Pháp Vị (Dhammarasa)* ở phần *Pháp Học (Pariyatti)* thì không thể hiểu biết được. Nếu là Trí Tuệ của Bậc Chí Thượng Thịnh Văn Giác, Đại Thịnh Văn, thì thường liễu tri được cả hai Nghĩa Vị và Pháp Vị, tuy nhiên không thể thấu hiểu bằng với Trí Tuệ của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Tóm lại, cho dù bậc đã thành tựu viên mãn thành Bậc Vô Sinh và đã đoạn tận Vô Minh đi nữa, thế nhưng nếu nhớ như không phải là Bậc *Vô Ngại Giải Giả (Paṭisambhidāpatta)* và không có được học hỏi ở trong Tam Tạng và Chú Giải, thì

cũng không thể nào thấu hiểu được ở trong Pháp Học. Và lại cho dù sẽ có được thấu hiểu ở trong Pháp Học một cách tốt đẹp đi nữa, tuy nhiên dứt khoát là cũng không có khả năng để liễu tri đến tính khí của hết tất cả Chúng Hữu Tình Khả Huấn Luyện một cách thấu đáo được; vì lẽ có được việc hiểu biết như vậy, là không thuộc *Phạm Vi (Visaya – Lãnھ Vực)* của tất cả Chúng Thịnh Văn, mà duy nhất chỉ là thuộc phạm vi của Bậc Chánh Đẳng Giác ngàn ấy thôi. Và trong sự việc tất cả các Bậc Vô Sinh không thể liễu tri cùng khắp hết cả, cũng chẳng phải là do bởi Vô Minh đã bung bít không cho được hiểu biết, chẳng là do bởi năng lực của Trí Tuệ không được đầy đủ mà thôi. Chẳng hạn như một người chẳng trông thấy một vật thể ở nơi xa trong thời gian giữa ban ngày. Việc chẳng được trông thấy đây, cũng chẳng phải là do bởi bóng tối bung bít che khuất lấy, mà trái lại chính là do bởi năng lực của thị lực chẳng được đầy đủ. Điều này như thế nào, thì Bậc Vô Sinh không có khả năng để liễu tri hết tất cả, là cũng do bởi năng lực từ ở nơi Trí Tuệ không được đầy đủ như đã vừa đề cập đến cũng dường như thế ấy.

Việc bung bít của Vô Minh ở chỗ bất liễu tri thể theo Chân Lý thì cũng chỉ hiện hữu vồn vện với tám thể loại, đó là: cả Tứ Đế, và Quá Khứ, Vị Lai, Quá Khứ và Vị Lai, Liên Quan Tương Sinh chỉ ngàn ấy mà thôi. Còn việc bất liễu tri ở trong các câu chuyện khác mà bất hữu quan với Vô Minh, thì như có kiểu mẫu tích truyện điển hình để trình bày cho được thấy như sau: Ngài Trưởng Lão *Sàriputta* là bậc có Trí Tuệ thù thắng hơn tất cả các Bậc Thịnh Văn, chỉ ngoại trừ Bậc Chánh Đẳng Giác ra thôi, thì chẳng có một ai có được Trí Tuệ để sánh bằng; thế mà cũng vẫn từng sai trật ở trong câu chuyện chỉ bảo Nghiệp Xứ cho đối với nhóm Chư Tỳ Khưu môn đồ của Ngài. Sẽ nói đến là Ngài có sự hiểu biết rằng nhóm Chư Tỳ Khưu trẻ này đang ở chạn tuổi thanh xuân, vì thế tâm trí sẽ xiêu ngã hướng theo ở trong Cảnh Dục Trần. Khi đã là như vậy, Ngài đã chỉ bảo cho thăm sát *Bát Tịnh Nghiệp Xứ (Asubhakkammaṭṭhàna)*. Nhóm Chư Tỳ Khưu đã nỗ lực thăm sát Bát Tịnh Nghiệp Xứ này suốt trọn cả bốn tháng, và cũng chẳng có gặt hái bất luận một kết quả nào cả, ngay cả điếm trăm triệu cũng chẳng có hiện bày; chả vì Nghiệp Xứ đây chẳng ăn khớp với tính nết của mình. Ngài Trưởng Lão *Sàriputta* mới bèn dắt dẫn đi đến tác bạch với Đức Thế Tôn cho được biết hết mọi sự việc. Đức Thế Tôn Ngài mới liền biến hóa ra một đóa hồng liên cho nhóm Chư Tỳ Khưu này thăm thị, vì lẽ Ngài đã liễu tri ở trong tính khí của nhóm Chư Tỳ Khưu ấy đã từng có tục sinh làm thợ kim hoàn đến năm trăm kiếp sống; bởi do thế, đóa hồng liên này mới làm thành Nghiệp Xứ vừa thích hợp với tính khí. Ngài đã biến hóa cho từng mỗi cánh hoa đã phải héo dần xuống, mỗi lần một ít và như thế từng tí một, để cho thực tính ở phần Vô Thường có được hiện bày; và chính trong cùng một ngày ấy, thì nhóm Chư Tỳ Khưu ấy đã thành tựu viên mãn thành Bậc *Vô Sinh Lậu Tận (Arahantakhināsava)*. Dẫn chứng tích truyện này để làm thành điều trình bày cho được thấy rằng bậc đã hoàn toàn diệt Vô Minh đi rồi, thế nhưng không hẳn đã là tường tri và thấu triệt ở trong tất cả mọi sự việc sự tình, và cũng chẳng

phải là do Vô Minh bung bít che khuất lấy, mà đích thị chính do bởi năng lực Trí Tuệ không được tròn đủ, như đã vừa đề cập ở tại đây rồi vậy.

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, Và Nhân Cần Thiết Của Vô Minh

1. *Bất Tri Trạng Thái (Aññalakkhaṇa)*: Có sự bất liễu tri làm thành trạng thái, hoặc làm thành đối nghịch đối với Trí Tuệ.
2. *Si Độn Phận Sự (Sammohanarasa)*: Thường luôn làm cho Pháp phối hợp với mình, và người đang khởi sinh si mê có sự lầm lạc hoặc mê mờ tâm tối, làm thành phận sự.
3. *Yểm Cái Thành Tựu (Chādanapaccupaṭṭhāna)*: Là Pháp chùng bung bít che khuất thực tính đang hiện hữu ở trong các Cảnh ấy.
4. *Lậu Hoặc Nhân Cận (Asavapadaṭṭhāna)*: Có ba Lậu Hoặc làm thành Nhân cận lân (loại trừ chính tự mình).

HÀNH (SAÑKHÀRA)

Từ ngữ *Sañkhàra* (Hành) có ý nghĩa là Pháp tác hành làm cho Pháp Quả sinh khởi; như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Sañkhatam sañkharoti abhisañkharontīti = Sañkhàra*”- “*Những thể loại Pháp chùng nào thường tác hành một cách trực tiếp Pháp Hữu Vi (Sañkhatadhamma) cho làm thành quả báo; bởi do thế gọi tên những thể loại Pháp chùng ấy là Hành.*” Tức là Tư Tác Ý ở trong Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế.

Hoặc một trường hợp khác nữa: “*Sañkhatam kāyavacīmanokammaṃ abhisañkharonti etehīti = Sañkhàra*”- “*Tất cả Chúng Hữu Tình thường tác hành Thân Nghiệp Lực, Ngữ Nghiệp Lực, Ý Nghiệp Lực là Pháp Hữu Vi do bởi những Tư Tác Ý ấy; bởi do thế Tư Tác Ý làm thành tác nhân tác hành những thể loại ấy, được gọi tên là Hành.*” Tức là Tư Tác Ý ở trong Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế.

Có 6 Thể Loại Hành Làm Thành Quả Của Vô Minh, đó là:

1. *Phúc Hành (Puññābhisākhàra)*: Tư Tác Ý Thiện làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Thiện Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Thiện; tức là 8 Tư Tác Ý Đại Thiện và 5 Tư Tác Ý Thiện Hữu Sắc Giới.
2. *Phi Phúc Hành (Apuññābhisākhàra)*: Tư Tác Ý Bất Thiện làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Bất Thiện và Sắc Nghiệp Bất Thiện; tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện.

3. *Bất Động Hành (Àneñjàbhisāṅkhàra)*: Tư Tác Ý Thiện kiên định bất dao động, làm người tác hành một cách trực tiếp Dĩ Thục Quả Vô Sắc Giới; tức là 4 Tư Tác Ý Thiện Vô Sắc Giới.
4. *Thân Hành (Kāyasaṅkhàra)*: Tư Tác Ý làm người tác hành cho được thành tựu Thân Ác Hạnh và Thân Thiện Hạnh; tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 8 Tư Tác Ý Đại Thiện hữu quan với Lộ Thân Môn.
5. *Ngữ Hành (Vacisaṅkhàra)*: Tư Tác Ý làm người tác hành cho được thành tựu Ngữ Ác Hạnh và Ngữ Thiện Hạnh; tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 8 Tư Tác Ý Đại Thiện hữu quan với Lộ Ngữ Môn.
6. *Tâm Hành (Cittasaṅkhàra)*: Tư Tác Ý làm người tác hành cho được thành tựu Ý Ác Hạnh và Ý Thiện Hạnh; tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 17 Tư Tác Ý Thiện Hiệp Thế hữu quan với Lộ Ý Môn.

Đôi với Tư Tác Ý Thiện Siêu Thế, thì một cách xác thực cũng vẫn được gọi tên là **Puñña** (*Phước Báo*), tuy nhiên không được gọi là **Puññābhisāṅkhàra** (*Phúc Hành*), bởi vì không có chức năng để làm cho sinh khởi lên kiếp sống, lên chủng loại là những thành phần thuộc về Vòng Luân Hồi; và lại đơn nhất chỉ có chức năng hủy diệt các kiếp sống, chủng loại mà thôi; bởi do thế mới không đem đến trình bày ở trong chỗ này.

[**Chú thích:** Từ ngữ **Saṅkhàra** (*Hành*) là một danh từ bao hàm nhiều ý nghĩa, và nên được hiểu biết tùy theo ở từng mỗi đoạn văn. Tại đây, **Saṅkhàra** tức là *Tư Tác Ý (Cetanà)* Bất Thiện, Thiện và Bất Động (**Àneñjà – không chuyển động**), vốn tạo tác ra Nghiệp Lực dắt dẫn đưa đi tục sinh.

Tư Tác Ý Bất Thiện bao gồm tất cả những Tư Tác Ý ở trong 12 Tâm Bất Thiện. Tư Tác Ý Thiện bao gồm tất cả những Tư Tác Ý ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Thiên Hữu Sắc Giới. Tư Tác Ý Bất Động bao gồm tất cả những Tư Tác Ý ở trong 4 Tâm Thiện Thiên Vô Sắc Giới.

Saṅkhàra (*Hành*) là một trong Ngũ Uẩn, là danh từ gọi chung cả 50 Tâm Sở, ngoại trừ hai Tâm Sở Thọ (Thọ Uẩn) và Tưởng (Tưởng Uẩn).

Tư Tác Ý của bốn Tâm Đạo Siêu Thế không được xem là **Saṅkhàra** (*Hành*), vì lẽ có chiều hướng diệt trừ Vô Minh. Trí Tuệ (**Pañña**) là một yếu tố trường trội ở trong những thể loại Tâm Siêu Thế; trong khi đó thì trái lại Tư Tác Ý là một yếu tố trường trội ở trong những thể loại Tâm Hiệp Thế.

Vô Minh là một yếu tố trường trội ở trong những thể loại Tâm Bất Thiện, cùng lúc đó cũng có ngu ngằm ở trong những thể loại Tâm Thiện. Do đó cả hai – tác hành Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế và tạo tác Bất Thiện Nghiệp Lực – đều được xem là bắt nguồn từ ở nơi Vô Minh.]

+ Trình bày các câu Chú Giải của câu nói rằng *Puññabhisaṅkhàro* (Phúc Hành) v.v.như sau:

“*Attano santānaṃ punāti sodhetīti = Puññaṃ*”- “Pháp chủng nào thường thanh lọc Uẩn Giới của mình, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là *Puñña* (Phước Báu)”.

“*Na puññaṃ = Apuññaṃ*”- “Pháp chủng nào thành đối nghịch đối với Phước Báu, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là Tội Lỗi, Xấu Ác (*Pàpa*).

“*Na añjatīti = Anījjaṃ, Anījjaṃyeva = Aneñjaṃ*”- “Pháp chủng nào làm thành người kiên trụ bất chuyển động, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Bất Động** (*Anījja*); và đích thị chính Pháp chủng bất chuyển động ấy được gọi tên là **Bất Động** (*Aneñja*).

“*Puññañca taṃ abhisaṅkhàro cāti = Puññabhisaṅkhàro*”- “Pháp chủng nào vừa làm Phước Báu, vừa làm người tác hành một cách trực tiếp; bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Phúc Hành**.”

“*Apuññañca taṃ abhisaṅkhàro cāti = Apuññabhisaṅkhàro*”- “Pháp chủng nào vừa làm tội lỗi, vừa làm người tác hành một cách trực tiếp; bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Phi Phúc Hành**.”

“*Aneñjañca taṃ abhisaṅkhàro cāti = Aneñjābhisaṅkhàro*”- “Pháp chủng nào vừa kiên trụ bất chuyển động, vừa làm người tác hành một cách trực tiếp; bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Bất Động Hành**.”

“*Kāyaṃ saṅkhàrotīti = Kāyasaṅkhàro*”- “Pháp chủng nào làm người tác hành từ ở nơi Thân, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Thân Hành**.”

“*Vācaṃ saṅkhàrotīti = Vacisaṅkhàro*”- “Pháp chủng nào làm người tác hành từ ở nơi Lời, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Ngữ Hành**.”

“*Cittaṃ saṅkhàrotīti = Cittasaṅkhàro*”- “Pháp chủng nào làm người tác hành từ ở nơi Tâm, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Tâm Hành**.”

Trong những thể loại Hành làm thành Quả của Vô Minh đây, thì chỉ riêng với những thể loại Phúc Hành hữu quan với Đại Thiện và Phi Phúc Hành đây, đã được thành tựu với Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực và Ý Hành Nghiệp Lực.

Còn những thể loại Phúc Hành hữu quan với Thiện Hữu Sắc Giới và Bất Động Hành đây, thì duy nhất chỉ được thành tựu với Ý Hành Nghiệp Lực.

Phúc Hành được thành tựu với mãnh lực *Xả Thi (Dāna)*, *Trì Giới (Sīla)*, *Tu Tập (Bhàvanà)*.

Phi Phúc Hành được thành tựu với mãnh lực *Thập Ác Hạnh (Duccarita)*.

Bất Động Hành được thành tựu với mãnh lực từ ở nơi *Tu Tập (Bhàvanà)*.

**Có Bảy Thể Loại Pháp Xứng Danh Hành
Nhưng Bất Thành Quả Của Vô Minh, đó là:**

1. *Phối Chế Hành (Saṅkhatasaṅkhàra)*: Những Pháp đã bị Tứ Tác Duyên tạo tác, đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và toàn bộ hết cả thấy; chẳng hạn như “*Aniccà vata saṅkhàra*”- “*Chư Hành Vô Thường*”.
2. *Tạo Thành Hành (Abhisāṅkhatasaṅkhàra)*: Danh Sắc bị Nghiệp Lực làm người tác hành một cách trực tiếp; tức là Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp, và Tạo Thành Hành đây cũng được liệt kê vào ở trong Phối Chế Hành tương tự như nhau.
3. *Kiến Thủy Hành (Abhisāṅkharāṇakasaṅkhàra)*: Pháp làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp; tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 17 Tư Tác Ý Thiện Hiệp Thế.
4. *Cần Ích Hành (Payogābhisaṅkhàra)*: Sự nỗ lực tinh cần tác hành theo Lộ Thân Môn và Lộ Ý Môn; tức là Tâm Sở Cần hữu quan với Thân Nghiệp Lực và Ý Nghiệp Lực.
5. *Thân Hành (Kāyasaṅkhàra)*: Pháp chung tác hành với sắc thân, tức là hơi thở vô ra.
6. *Ngữ Hành (Vacisaṅkhàra)*: Pháp chung tác hành qua lời nói, tức là Tầm và Tứ.
7. *Tâm Hành (Cittasaṅkhàra)*: Pháp chung tác hành ở tâm thức; tức là Tưởng, Thọ; hoặc 50 Tâm Sở (loại trừ Tầm, Tứ).

Ghi chú: Trong điều thứ 4, đó là Cần Ích Hành đã không lấy Tâm Sở Cần hữu quan với Ngữ Nghiệp Lực; là bởi vì Tâm Sở Cần không có được làm trưởng trội ở Lộ Ngữ Môn, và duy nhất chỉ có hữu quan với Tầm Tứ mà thôi.

Phúc Hành Hiện Khởi Bởi Do Nương Vào Vô Minh Làm Nhân, đó là:

Người đã có sự sùng tín duyệt ý ở trong những việc *Tác Phúc*, có việc thực hiện Xả Thí, thọ trì Giới Luật, tiến hóa Tu Tập; thì đa phần đã có sở nguyện cầu là sẽ được tiếp tục thụ hưởng sự an vui hạnh phúc ở trong kiếp sống sau, sẽ được thù thắng vi diệu hơn cả chính bản thân đã và đang đón nhận ở trong kiếp sống hiện tại này. Sẽ có quan điểm rằng một khi đã được lắng nghe, đã được đọc bài tường thuật có đề cập đến con người ta được sinh ra làm bá hộ, làm trưởng giả, vị vua, hoàng hậu, làm người xinh đẹp, có quyền lực, có sự thông minh và lanh lợi; hoặc được sinh làm Thiên Nam, Thiên Nữ, có rất nhiều Thiên Sản, được tuổi thọ lâu dài, không có sự vất vả khốn khổ ở trong bất luận một trường hợp nào cả. Tất cả những sự việc này đều là quả báo đã được đón nhận từ ở nơi việc Xả Thí cho ra, thọ trì Giới Luật, tiến hóa Tu Tập hết cả thấy. Khi đã là như vậy rồi, thì người ấy phát sinh lên sự hân hoan phấn khởi, mong muốn sẽ có được sự an vui hạnh phúc ở những thể loại này. Thế rồi, người ấy đã tích cực tác hành Thiện Sự, có việc Xả

Thí cho ra cũng có, hoặc thọ trì Giới Luật cũng có, hoặc Thính Pháp tụng niệm kinh điển cũng có, hoặc hành Thiền An Chi tu tập Minh Sát cũng có. Và hơn thế nữa, người ấy cũng khẩn nguyện rằng **“*Idam me puññam nibbānassa paccayo hotu*”**- **“*Do Quả Phước Báo này xin làm duyên đến Níp Bàn*”**, thế mà, lời khẩn nguyện này là việc thệ nguyện chỉ bằng với lời nói mà thôi; còn tâm thức thì lại thường có thiên hướng nhắm đến những sự an lạc như đã vừa đề cập đến rồi vậy. Sự việc là như vậy, cũng bởi vì người ấy không có trông thấy tác nghiệt của Khổ - Tập; và không trông thấy ân đức của Diệt – Đạo. Việc không được trông thấy ân đức và tác nghiệt đây, là cũng chính do bởi **Vô Minh** ấy vậy.

Một vài người có quan điểm rằng việc được thọ sinh làm Nhân Loại hoặc Chư Thiên đây, cho dù xác thực sẽ có sự an lạc đi nữa, tuy nhiên sự an lạc ấy cũng vẫn không có được tinh lương bằng với sự an lạc của nhóm Phạm Thiên; vì lẽ nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới ấy có được tuổi thọ lâu dài hơn, quyền lực cũng có nhiều hơn, sự xinh đẹp của sắc thân và thiên cung cũng được tinh lương hơn, sự Khổ Thân – Khổ Tâm cũng chẳng có dù chỉ là một chút ít; và bởi do thế mới nỗ lực thực hành An Chi Nghiệp Xứ cho đến chứng đắc tầng Thiên Sắc Giới. Người có sự hiểu biết như vậy, cũng do bởi không được trông thấy tác nghiệt và ân đức của Tứ Thánh Đế; và lại cũng chính do bởi mãnh lực từ ở nơi **Si Mê** ấy vậy. Chính vì thế mới nói được rằng **Vô Minh** làm **Nhân** và **Phúc Hành** làm **Quả** từ ở nơi Vô Minh.

Phi Phước Hành Hiện Khởi Bởi Do Nương Vào Vô Minh Làm Nhân, đó là:

Một vài người chẳng có tin rằng tác hành Thiện Sự là Phước Báo, và tạo tác điều xấu ác là Tội Lỗi; bởi do thế nhóm người này mới có sự duyệt ý ở trong việc tạo tác những Ác Hạnh, có việc sát mạng Hữu Tình, trộm cắp tài sản, lường gạt, âm mưu, v.v. Hoặc một vài người cũng hiểu biết được rằng tạo tác các việc xấu ác ấy là bất thiện, là tội lỗi; thế nhưng bản thân thì cũng vẫn không từ bỏ; bởi do thế nhóm người này cũng có duyệt ý ở trong việc tạo tác những Ác Hạnh tương tự như nhau. Hoặc một vài người chấp thủ tà thuyết với những tín điều ở Thượng Đế, hiểu biết rằng nếu như sát mạng Hữu tình rồi lấy đem cúng dường đến Thượng Đế hoặc Quý Thần như vậy rồi thì Thượng Đế hoặc Quý Thần sẽ ban phát cho thành tựu thể theo sự nguyện vọng của mình, và sẽ phù hộ cho luôn được mát lạnh trong sự an lạc suốt trọn cả cuộc đời; và lại một khi đã mệnh chung lia khỏi Thế Gian này đi rồi, thì Thượng Đế hoặc Quý Thần ấy sẽ sắp xếp nâng đỡ cho Thức của mình được đi đến Cõi Thiên Đàng; bởi do thế, nhóm người này mới sát mạng Chúng Hữu Tình để lấy đem đi cúng dường điều mà mình đã thủ tín.

Việc tạo tác những Ác Hạnh của những hạng người như đã vừa đề cập đến đây, là cũng do bởi không được trông thấy tác nghiệt của Khổ - Tập và chẳng có tư duy đến ân đức của Diệt – Đạo, và cũng chính do bởi mãnh lực từ ở nơi **Si Mê**

bung bít che khuất lấy; bởi do thế mới nói được rằng **Vô Minh** làm **Nhân** và **Phi Phúc Hành** làm **Quả** từ ở nơi Vô Minh.

Bất Động Hành Hiện Khởi Bởi Do Nương Vào Vô Minh Làm Nhân, đó là:

Một vài nhóm người cũng có quan điểm rằng sự khổ đau với biết bao sự thống khổ mà tất cả Chúng Hữu Tình đang phải thụ lãnh ấy, chính là thường hữu quan từ ở nơi Sắc Pháp làm thành Tác Nhân; vì lẽ một khi đã có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân rồi thì sẽ phải có việc mong muốn được trông thấy, mong muốn được lắng nghe, mong muốn được ngửi, mong muốn được biết vị, mong muốn được đụng chạm. Những thể loại này mà nếu như không hiện hành thể theo sở nguyện vọng, thì ắt hẳn sẽ phát sinh lên sự khôn khổ ưu não, hoặc sẽ có những sự ôm đau với bao điều bất an; và đích thị là cũng chính do bởi dựa vào có sắc thân ấy vậy. Nếu giả như không có sắc thân này đi rồi, thì bao sự thống khổ ấy cũng không nào có được, và duy nhất là chỉ có sự an lạc mà thôi. Chính vì lẽ ấy, nhóm người này mới nỗ lực tầm cầu đạo lộ để sẽ làm cho Sắc Pháp không còn khởi sinh lên; bằng với sự nỗ lực thực hành An Chỉ Nghiệp Xứ cho được chứng đắc theo tuần tự các tầng Thiên Định chí đến cả các tầng Thiên Vô Sắc Giới vậy.

Hoặc bậc đã chứng đắc Thiên Hữu Sắc Giới rồi, và tất cả nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới có quan điểm rằng Thiên Hữu Sắc Giới mà mình đã có đây, một khi đem so sánh với Thiên Vô Sắc Giới thì vẫn không có sự tinh lương bằng, vì lẽ vẫn còn đang dao động do bởi mãnh lực từ ở nơi Chi Thiên và Cảnh. Còn đối với Thiên Vô Sắc Giới ấy, rằng khi tính theo Chi Thiên thì chỉ có Chi *Xả (Upekkhà)* với *Nhất Thống (Ekaggatà)* mà ấy chính là thực tính kiên trụ bất dao động; rằng tính theo Cảnh thì cũng có nhiều sự vi tế tinh lương hơn Cảnh của Thiên Hữu Sắc Giới; bởi do thế bậc đã được chứng đắc Thiên Vô Sắc Giới mới có nhiều sự an lạc, và một khi đã mệnh chung lìa khỏi Thế Gian này rồi, thì cũng được thọ sinh thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới, chỉ có Danh Pháp và thoát khỏi tất cả mọi khổ đau. Thế là, các Ngài ấy mới nỗ lực thực hành tầng Thiên Định nối tiếp cho đến được chứng đắc Thiên Vô Sắc Giới.

Nhóm người có quan điểm như đã vừa đề cập đến ở tại đây, là cũng do bởi vẫn có sự si mê bung bít không cho thấy ở trong Tứ Thánh Đế; có nghĩa là cho dù tất cả nhóm Phạm Thiên Vô Sắc Giới sẽ không có Khổ Thân – Khổ Tâm, vì lẽ xung quanh chẳng có điều chi để sẽ làm cho phát sinh các sự khôn khổ ưu não đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn không trốn thoát khỏi sự tử vong, mà đây chính là một thể loại *Tử Khổ (Marañadukkha)*. Một trường hợp khác nữa, một khi mãnh lực từ ở nơi Thiên Vô Sắc Giới đã hoại diệt đi, thế thì cũng sẽ phải đi thọ sinh làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên, sẽ phải bị tiếp xúc với biết bao sự vất vả khôn khổ hiện hữu ở trong Cõi Nhân Loại và Cõi Thiên Giới. Và lại, khi đã mệnh chung lìa khỏi Thế Gian này rồi, thì cũng có thể sẽ phải đi tục sinh ở trong Cõi Khổ Thú, và

cũng phải bị tiếp xúc *Khổ Cự Đại (Mahàdukkha)*. Sự việc không thấy tác nghiệp của Thiền Vô Sắc Giới, và đích thị chính việc làm thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới đây, mới được gọi là *Bát Tri Khổ Đế (Dukkhe añàṇaṃ)*.

Trong sự việc có sự hân hoan duyệt ý mong muốn có được Thiền Vô Sắc Giới, mong muốn thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới, là cũng với mãnh lực từ ở nơi *Ái Dục (Tanhà)* làm thành cái nguyên nhân đầu tiên cho sinh khởi sự khổ đau. Tuy nhiên người ấy cũng không thấy tác nghiệp của việc hân hoan duyệt ý ở trong Thiền Vô Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới; và đích thị chính là như vậy mới được gọi là *Bát Tri Tập Đế (Dukkhasamudaye añàṇaṃ)*.

Bậc đã thọ sinh thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới, và chỉ có sát trừ khổ đau bằng với phương cách *Giải Trừ (Vikkhambhana)*, mà chẳng phải là *Bính Tuyệt (Samuccheda)*; bởi do thế sự an lạc của nhóm Phạm Thiên Vô Sắc Giới đang thụ lãnh ấy mới chẳng phải là sự an lạc một cách xác thực; mà đó chỉ là sự an lạc hữu quan với *Hành Khổ (Saṅkhàradukkha)* và *Hoại Khổ (Vipariṇāmadukkha)*. Việc sát trừ khổ đau một cách bính tuyệt, và có được sự an lạc một cách xác thực, thì chỉ có một thể loại đơn nhất và đây chính là Níp Bàn mà thôi. Tuy nhiên vị ấy cũng chẳng có được biết đến, mà lại nghĩ rằng sự an lạc ở trong Thiền Vô Sắc Giới và thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới ấy, mới chính là sự an lạc một cách tuyệt hảo; và đích thị chính là như vậy mới được gọi là *Bát Tri Diệt Đế (Dukkhanirodhe añàṇaṃ)*.

Lời giải thích như đã vừa đề cập đây, là việc đề cập đến **Vô Minh làm Nhân** và **Bát Động Hành làm Quả**.

Lại nữa, người chỉ trông thấy tác nghiệp của Sắc Pháp, nhưng lại không trông thấy tác nghiệp của Danh Pháp; thế rồi cũng thực hành Thiền Vô Sắc Giới đây, thì đa số chỉ hiện hành ở trong khoảng thời gian không có Phật Giáo; còn đối với ở trong thời kỳ Phật Giáo thì chỉ là thiểu số. Còn bậc đã chứng đắc được Thiền Định rồi lại tiếp tục thực hành cho đến chứng đắc Thiền Vô Sắc Giới ở trong thời kỳ của Phật Giáo, thì chẳng phải thực hành cho được tiến triển vì trông thấy tác nghiệp của Sắc Pháp, mà thực ra chỉ thực hành nhằm để thực hiện *Thắng Trí (Abhiññā)*; và hơn nữa, nếu đã là bậc Bất Lai hoặc bậc Vô Sinh thì cũng nhằm để cho nhập được *Thiền Diệt (Nirodhajhāna)* mà thôi. Tuy nhiên, dù sao đi nữa ngoài trừ bậc đã có sở nguyện *Tuệ Chánh Đẳng Giác, Tuệ Độc Giác, Tuệ Chí Thượng Thỉnh Văn Giác, Tuệ Đại Thỉnh Văn Giác*; ngoài ra đây, thì nên thực hành Minh Sát nhằm để làm cho Tâm Đạo được phát triển lên, để rồi có khả năng diệt trừ được *Si Mê (Moha)*. Và một khi đã diệt trừ được Si Mê rồi, thì coi như cả Tam Hành ở chỗ thuộc Quả của Vô Minh cũng bị diệt trừ luôn thể; vì lẽ công việc diệt trừ được Phước Báo quả là một việc làm vô cùng khó khăn; duy nhất chỉ có đặc biệt là ở trong thời kỳ của Phật Giáo còn đang hiện bày mà thôi. Còn công việc kiến tạo Phước Báo cho được sinh khởi thì quả là chẳng có khó nhọc chi, và được thực hiện bất kể thời gian. Người vẫn chưa diệt được Vô Minh, tuy

nhiên tác hành của người ấy chẳng thành Tội Phước, và thường được vượt thoát ra khỏi Hành thì quả thực là không có vậy.

Sẽ Nói Được Rằng Vì Sao Bậc Đã Đoạn Lưu Vô Minh Rồi Thì Sẽ Không Còn Tiếp Tục Thực Hiện Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập

Một vài Ngài có thể hiểu biết sai trật rằng Bậc đã thành tựu viên mãn Quả Vô Sinh rồi, thì Tội Lỗi luôn cả Phước Báo cũng không còn sinh khởi; do bởi có lời đã nói rằng Bậc đã diệt được Vô Minh rồi, thì coi như cả Tam Hành ở chỗ là Tội Phước, với những thể loại này ắt hẳn cũng bị diệt luôn thể. Khi đã là như vậy thì lập ý rằng Bậc Vô Sinh ấy chẳng phải chỉ là không tạo tác điều tội lỗi, có việc sát mạng Hữu Tình, trộm cắp tài sản, v.v. không thôi; mà ngay cả các việc *Tác Phước* có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập cũng không có thực hiện luôn. Điều này được giải thích rằng “*chẳng phải là như thế!*” vì lẽ sự thật về điều ấy, là tất cả các Bậc Vô Sinh cũng vẫn còn tác hành Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; tuy nhiên Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập của Bậc Vô Sinh đang thực hiện đấy, thì chẳng phải được liệt kê là Phúc Hành hoặc Bất Động Hành, vì chính những điều này là Quả của Vô Minh. Còn những việc tác hành ấy, thì được liệt kê chỉ là *Duy Tác (Kiriya)* thuộc về *Hành Phổ Thông (Saṅkharasamāñña)*, và chẳng có việc cho trở sinh quả báo nối tiếp ở trong Thời Tái Tục.

Việc tác hành với Thân, Lời, Ý của Bậc Vô Sinh chỗ gọi là *Hành Phổ Thông* đấy, thì cũng lập ý đến việc kiến tạo những công việc hữu quan với Thân, Lời, Ý cho được thành tựu mà thôi; đúng với câu đã nói rằng “*Na hi koci paṭicca samuppādarahito saṅkhatadhammo nāma atthi*”- “*Ắt hẳn chẳng có bất luận một Pháp nào được gọi tên là Phối Chế Pháp mà vượt thoát ra khỏi Liên Quan Tương Sinh*”. Có nghĩa là Tâm Duy Tác của Bậc Vô Sinh cũng vẫn được gọi là Hành, và cũng được liệt kê vào một Chi Phần của Liên Quan Tương Sinh.

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, Và Nhân Cần Thiết Của Hành

1. *Kiến Thủy Trạng Thái (Abhisāṅkharāṇalakkhaṇa)*: Có việc tác hành tạo tác làm thành trạng thái.
2. *Cần Miễn Phận Sự (Āyuhanarasā)*: Có việc nỗ lực làm cho Thức Tái Tục sinh khởi; hoặc nỗ lực làm cho Pháp thành Quả, ấy là khối Danh (Danh Uẩn) và bộn Sắc (Sắc Uẩn) cho được sinh khởi, làm thành phận sự.
3. *Tư Tác Ý Thành Tựu (Cetanāpaccupaṭṭhāna)*: Là Pháp chủng thúc đẩy lôi kéo, là hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí (Paṇḍita)*.
4. *Lậu Hoặc Nhân Cận (Āsavapadaṭṭhāna)*: Có Vô Minh làm Nhân cận lân.

Tóm lại, tất cả các việc tác hành tạo tác với Thân, Lời, Ý của tất cả Chúng Hữu Tình ắt hẳn không thể nào trốn thoát ra khỏi cả Tam Hành, ấy là Phúc Hành, Phi Phúc Hành và Bất Động Hành; luôn cả có sự hân hoan duyệt ý ở trong cả Tam Hành ấy nữa. Tất cả sự việc này cũng do bởi Vô Minh, đích thị chính là sự bất liễu minh tác nghiệp của Khổ và Tập, và bất liễu minh ân đức của Diệt và Đạo. Bởi do thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong bộ *Chú Giải Xua Tan Mê Mờ (Sammohavinodani Atthakathà)* rằng:

<i>Maruppàtaṃ dipacciṃ</i>	<i>Madhulittassa lehanaṃ</i>
<i>Gùthakīlaṃ visamaṃ khàdaṃ</i>	<i>Pisàcanagaraṃ yathà.</i>
<i>Bàlo karoti saṅkhàre</i>	<i>Tividhe dukkhahetavo</i>
<i>Tasmà sati avijjàya</i>	<i>Bhàvato hoti paccayo.</i>

“Người đã bị che lấp do bởi Vô Minh thì ắt hẳn thường hay kiến tạo cả Tam Hành có Phúc Hành, v.v., và tất cả đều là Nhân Khổ Đau cả thấy. Cũng ví tựa như người nhảy xuống vực thẳm vì đã nương dựa vào sự mong mỏi có được nàng Thiên Nữ. Hoặc ví tựa như con thiêu thân đã bay vào đống lửa do bởi có sự duyệt ý ở trong ánh sáng của đống lửa ấy vậy. Hoặc ví tựa như người liếm lưỡi dao mà người ta đã thoa mật ong lên đấy, do bởi nương vào sự duyệt ý ở trong mùi vị. Hoặc ví tựa như trẻ sơ sinh đùa nghịch với chính phần của mình. Hoặc ví tựa như người uống thuốc độc do bởi dựa vào sự buồn lòng muốn được chết đi. Hoặc ví tựa như người đi lạc đường vào trong thành phố Quý vậy. Bởi do thế, tất cả các bậc hiền đức mới liễu tri rằng Vô Minh làm duyên của Hành, vì lẽ một khi đã có Vô Minh rồi, thì nhất định cả Tam Hành cũng thường luôn sinh khởi theo.”

Lại nữa, người đang bước đi ở trong khoảng giữa của màn đen u tối, thì ắt hẳn không trông thấy được con đường; bởi do thế người ấy phải bước đi một cách đoán mò dò dẫm dựa theo Phước - Nghiệp của chính mình; đúng cũng có, và sai trật cũng có. Một khi đã bước đi sai trật con đường rồi, thì cho dù có nói rằng quả thực là bởi do tăm tối mới phải bị đi trật đường đi nữa; tuy nhiên sát na đã bước đi đúng đường, thì cũng sẽ không được nói rằng là bởi do ánh sáng mới đi đúng được. Điều này nên thâm sát cho được liễu tri như thế. Tất cả Chúng Phạm Phu đang viễn du trên lộ trình luân chuyển ở trong Vòng Luân Hồi, thì nên được nói rằng đây là những hạng người đang cùng nhau bước đi ở trong màn đêm u tối, và thiếu người dìu dắt, đó là **Chân Giác Trí (Saccapañivedhañña)**. Chính với lý do này, việc tác hành tạo tác của những hạng người này, đôi khi thì cũng tác phúc, được gọi là Phúc Hành và Bất Động Hành; và đôi khi thì cũng tạo tội, mà gọi là Phi Phúc Hành. Vì thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày tiếp nối theo như vậy:

<i>Yathàpi nàma jaccandho</i>	<i>Naro aparinaṇṇiko</i>
--------------------------------------	---------------------------------

*Ekadà yàti maggena
Samsàre samsaram bàlo
Karoti ekadà puññaṃ*

*Kummaggenàpi ekadà.
Tathà aparinàyako
Apuññaṃpi ekadà.*

“Ngu Muội Phàm Phu (*Andhaputhujjana*) đang bước đi ở trong Vòng Luân Hồi và thiếu người dìu dắt, đó là Chân Giác Trí; vì thế đôi khi ắt hẳn cũng có tác phúc, và cũng có đôi khi hẳn là tạo tội; cũng ví tựa như người khiếm thị nhưng lúc sinh ra lại thiếu người dìu dắt, vì thế có đôi khi bước đi thì cũng đúng đường, và cũng có đôi khi hẳn là bước sai trật đường.”

Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu **Vô Minh Làm Duyên Hành (Avijjàpaccaya Saikhàrà)**

1. Vô Minh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Phúc Hành** thì có được hai mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Cảnh Duyên (Àrammaṇapaccaya)*,
- 2/. *Thường Cận Y Duyên (Pakatùpanissayapaccaya)*.

[Tính giản lược thì có hai mãnh lực Duyên, như ở phần trên đã vừa đề cập đến. Tính rộng và đầy đủ thì có bốn mãnh lực Duyên, tức là:

- 1/. *Cảnh Duyên* và
- 2/. *Cảnh Trưởng Duyên (Àrammaṇàdhipatipaccaya)*,
- 3/. *Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya)* và
- 4/. *Thường Cận Y Duyên*.

Lại nữa, **Phúc Hành** được phân tích ra làm hai thể loại, đó là:

- Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với Tâm Thiện Hữu Sắc Giới thì được gọi tên là **Phúc Hành Sắc Giới**.
- Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với Tâm Đại Thiện thì được gọi là **Phúc Hành Dục Giới**.]

2. Vô Minh làm Nhân cho sinh khởi **Phi Phúc Hành** thì có được 15 mãnh lực Duyên, đó là:

1/. *Nhân Duyên (Hetupaccaya)*: Tâm Sở Si thuộc về Nhân Tương Ưng hiệp trợ với Tâm Sở Tư Tác Ý cùng phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện.

2/. *Cảnh Duyên (Àrammaṇapaccaya)*: Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện thuộc của tha nhân và của mình ở trong cả Tam Thời (Quá Khứ, Hiện Tại và Vị Lai) tiếp thân Tâm Sở Si làm thành Cảnh.

3/. *Trưởng Duyên (Adhipatipaccaya)*: bao gồm có cả *Cảnh Cận Y Duyên (Àrammaṇupanissayapaccaya)*, *Cảnh Trưởng Duyên*; với Tâm Sở Si kết hợp với Tâm Sở Tham đặng thành *Cảnh Trưởng Duyên* của Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với Tâm Sở Tham.

4/. *Vô Giác Duyên (Anantarapaccaya)*: Tâm Sở Si phối hợp với Tâm Bất Thiện sinh trước, còn Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với Tâm Bất Thiện sinh sau.

5/. *Đẳng Vô Giác Duyên (Samantarapaccaya)*: tương tự cùng phương thức với Vô Giác Duyên.

6/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya)*: Tâm Sở Si cùng câu sinh với Tâm Sở Tư Tác Ý ở trong 12 Tâm Bất Thiện.

7/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*: Tâm Sở Si cùng hỗ trợ Tâm Sở Tư Tác Ý ở trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

8/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)*: Tâm Sở Si và Tâm Sở Tư Tác Ý cùng nương tựa và câu sinh với nhau ở trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

9/. *Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya)*: Tâm Sở Si và Tâm Sở Tư Tác Ý cùng nương tựa cận kề khấn khít với nhau ở trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

10/. *Trùng Dụng Duyên (Àsevanapaccaya)*: Tâm Sở Si phối hợp với cái Tâm Bất Thiện sinh trước hỗ trợ cho Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với cái Tâm Bất Thiện sinh sau kế đó; và Tâm Đồng Lực sinh trước hỗ trợ cho Tâm Đồng Lực sinh kế sau.

11/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*: Tâm Sở Si và Tâm Sở Tư Tác Ý cùng hòa hợp giúp với nhau trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

12/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*: Tâm Sở Si và Tâm Sở Tư Tác Ý cùng câu sinh và cùng hiện hữu trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

13/. *Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya)*: Tâm Sở Si phối hợp với Tâm Bất Thiện sinh trước đã vừa diệt mất, và Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với Tâm Bất Thiện sinh nối tiếp kế liền sau đó.

14/. *Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya)*: tương tự cùng phương thức với Vô Hữu Duyên.

15/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*: tương tự cùng phương thức với Hiện Hữu Duyên.

3. Vô Minh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Bất Động Hành** thì có được một mãnh lực Duyên, đó là: *Thường Cận Y Duyên (Pakatùpanissaya paccaya)*.

Tổng kết lại, thì Vô Minh Làm Duyên Hành có được 17 mãnh lực Duyên (tính tròn đủ), đó là:

- 1/. *Nhân Duyên (Hetupaccaya)*
- 2/. *Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya)*
- 3/. *Cảnh Trường Duyên (Ārammaṇàdhipatipaccaya)*
- 4/. *Vô Giác Duyên (Anantarapaccaya)*
- 5/. *Đẳng Vô Giác Duyên (Samantarapaccaya)*

Còn ở trong **Phúc Hành** thì nhất định loại trừ Tư Tác Ý trong Thiện Thắng Trí, bởi vì Tư Tác Ý Thiện Thắng Trí đây không có chức năng trở sinh quả báo, tức là Thức Quả Dị Thục, bất luận một Thời nào trong cả hai Thời Kỳ, Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi. Những Thắng Trí có Thần Túc Thắng Trí v.v. ở chỗ sinh khởi làm **Quả** từ ở nơi Thiện Thắng Trí, đích thị chính là Quả sinh khởi theo Thời Hiện Tại hiển hiện năng lực rõ ràng. Tuy nhiên cho dù sẽ loại trừ Tư Tác Ý ở trong Thiện Thắng Trí đi nữa, số lượng Tư Tác Ý ở phần Phúc Hành cũng có thể có được 13 như lúc ban đầu; vì lẽ Thiện Ngũ Thiên Hữu Sắc Giới bất hữu quan với Thắng Trí cũng vẫn có hiện hữu.

Đối với **Bất Động Hành** có thể có toàn bộ Tư Tác Ý và không có loại trừ điều nào; bởi do thế khi tổng kết số lượng **Hành** làm **Nhân** cho sinh khởi **Thức** thì có thể có được như vậy:

- **13 Phúc Hành** (loại trừ Tư Tác Ý ở trong Thiện Thắng Trí)
- **12 Phi Phúc Hành** (loại trừ Tư Tác Ý Trạo Cử ở chỗ không cho quả báo ở trong Thời Tái Tục)
- **4 Bất Động Hành**

Kết hợp lại thì có 29 Tư Tác Ý.

Lại nữa, Tư Tác Ý Bất Thiện bị diệt trừ do bởi cả Tứ Đạo, và Tư Tác Ý Thiện - Bất Thiện ở phần *Vô Hiệu Nghiệp Lực (Ahosikamma)*, cho dù sẽ là **Hành** sinh khởi từ ở nơi **Vô Minh** làm **Nhân** có thực sự đi nữa, tuy nhiên cũng không sắp vào ở trong **Hành** làm **Nhân** của **Thức** tương tự như nhau được.

Trình bày câu Chú Giải của từ ngữ *Viññàṇa (Thức)*:

“Vijānānti = Viññāṇam”- *“Pháp chủng nào hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt, chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là Thức.”* (Lập ý lấy 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế). Một trường hợp khác nữa: **“Vijānanti etenānti = Viññāṇam”**- *“Tất cả người ta thường hay biết Cảnh một cách đặc biệt bởi do Pháp chủng ấy; chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng làm thành tác nhân cho tất cả người ta được hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt, là Thức.”* (Lập ý lấy 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế cùng phối hợp với Tâm Sở).

Chi Pháp của Thức đây được trình bày thể theo hai *Phương Pháp (Naya)*, đó là: *Phương Pháp Phân Tích thể theo Vô Tỷ Pháp Tạng (Abhidhamma bhājanīyanaya)* và *Phương Pháp Phân Tích thể theo Kinh Tạng (Suttanta bhājanīyanaya)*.

+ Rằng theo Phương Pháp Phân Tích thể theo Vô Tỷ Pháp Tạng, tức là 89 Tâm, bởi vì từ ngữ *Viññàṇa (Thức)* có việc hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt từ ở nơi việc hiểu biết của *Tướng (Saññā)* và *Trí Tuệ (Paññā)*; chính vì thế mới tính lấy toàn bộ hết tất cả các Tâm. Một trường hợp khác nữa, tất cả các Tâm có được

sinh khởi lên, thì cũng phải nương vào Hành, tức là việc tác hành tạo tác; chính vì thế mới tính lấy toàn bộ hết tất cả các Tâm.

+ Rằng theo Phương Pháp Phân Tích thể theo Kinh Tạng, tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, bởi vì việc trình bày Liên Quan Tương Sinh bởi theo Phân Tích Theo Kinh Tạng đây, thì có việc phân chia theo *Thời Kỳ (Kāla)* nghĩa là kiếp sống ở trong Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai; phân chia theo Nhân – Quả, cả Tam Luân, v.v. Chính vì thế, một khi tính **Thức** theo Thời Kỳ thì cũng được sắp vào ở trong kiếp sống Hiện Tại, như đã có được trình bày rằng “*Majjhe attha paccayuppanno addhà*”. Một khi tính theo Nhân Quả thì cũng được sắp vào ở trong Quả, như đã có được trình bày rằng “*Idāni phalapañcakam*”. Một khi tính theo cả Tam Luân thì cũng được sắp vào ở trong Dị Thục Quả Luân, như đã có được trình bày rằng “*Avasesà ca vipākavattam*”. Chính vì thế, từ ngữ *Viññāṇa (Thức)* ở chỗ làm **Quả** của **Hành** đây, đích thị mới bao gồm 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế ấy vậy.

Còn việc trình bày thể theo Phương Pháp Phân Tích thể theo Vô Tỷ Pháp Tạng thì không có sắp bày Chi Pháp; có nghĩa là từ ngữ *Viññāṇa (Thức)* cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Tâm. Từ ngữ *Nāma (Danh)* thì cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Tâm Sở. Từ ngữ *Rūpa (Sắc)* thì cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Sắc Pháp. Từ ngữ *Phassa (Xúc)* cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Xúc. Là như vậy chẳng hạn, cũng bởi vì không có việc phân biệt bởi theo Thời Kỳ, Nhân Quả, v.v.

Việc trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo cả hai Phương Pháp như đã vừa đề cập đến đây, Đức Phật Ngài đã có lập ý trình bày để ở trong *Bộ Kinh Phân Tích (Vibhaṅgapakaraṇa)* của Tạng Vô Tỷ Pháp.

+ **Giải thích trong câu Chú Giải ở điều thứ nhất, đó là: “*Vijānātī = Viññāṇam*”.**

Pháp chủng của Tâm thì thường luôn có việc được tiếp thu lấy Cảnh chẳng kể thời gian nào; và đích thị chính là việc thường luôn được tiếp thu lấy Cảnh chẳng kể thời gian nào đây, mới được gọi tên là “*thường hay biết Cảnh một cách đặc biệt*”.

Một trường hợp khác nữa, ở trong số lượng những thể loại Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế thì đa số có việc hiểu biết Cảnh đặc biệt rất là hạn chế; khác biệt với việc hiểu biết Cảnh của Thiện và Duy Tác thì đa số là bất hạn lượng. Chẳng hạn như Tâm Nhãn Thức thì đặc biệt hiểu biết Cảnh Xúc; Tâm Tiếp Thu thì đặc biệt cũng chỉ có việc hiểu biết Ngũ Cảnh, Xả Thọ, Tâm Thảm Tấn, Tâm Đại Quả và Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại một khi thực hiện chức năng ở chỗ Tái Tục, Hữu Phần và Tử thì đặc biệt cũng chỉ có việc hiểu biết Cảnh hữu quan với kiếp sống Quá Khứ. Và cũng chính vì như vậy, mới được gọi tên là “*liều tri Cảnh một cách đặc biệt*”, nghĩa là không hiểu biết cùng khắp tất cả.

+ **Giải thích trong câu Chú Giải ở điều thứ hai, đó là: “*Vijānanti etenāti = Viññāṇam*”.**

Tất cả Chúng Hữu Tình hoặc Tâm Sở có việc hiểu biết những các Cảnh, kể cả Siêu Lý và Chế Định đây, là cũng do bởi nương vào Thức Dị Thục Quả làm Nhân. Sẽ nói rằng nếu như Tâm Nhân Thức không có sinh khởi, thì cũng coi như là người ấy không có việc trông thấy, v.v. Nếu như Tâm Thân Thức không có sinh khởi, thì cũng coi như là người ấy không có sự cảm giác về Thân Môn. Nếu như thiếu Tâm Hữu Phần đi rồi, thì kể như là người ấy chẳng có sự hiểu biết bất luận một Cảnh nào cả. Chính với lý do này, những thể loại Thức Dị Thục Quả đây, mới làm thành Pháp Tác Nhân để cho tất cả Chúng Hữu Tình hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt.

Thức làm thành Quả của tất cả các Hành đây, được phân chia ra thành hai nhóm, đó là:

1. Thức sinh khởi ở trong Thời Tái Tục thì được gọi tên là *Thức Tái Tục (Paṭisandhiviññāṇa)*; tức là 19 Tâm Tái Tục, và
2. Thức sinh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi thì được gọi tên là *Thức Chuyển Khởi (Pavattiviññāṇa)*; tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

Phân Tích 19 Thức Tái Tục Bởi Theo Cả Tam Hành (Phi Phúc Hành, Phúc Hành, Bất Động Hành)

1. **11 Phi Phúc Hành** (loại trừ Tư Tác Ý Trạo Cử) làm **Nhân**. 1 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Thâm Tấn Xả Thọ làm **Quả** cho đi Tái Tục ở trong cả Tứ Khổ Thú, làm thành nhóm *Người Khổ Thú Vô Nhân (Duggatiahetuka puggala)*, tức là nhóm Hữu Tình Khổ Thú. [**Chú thích:** Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với Tâm Si Trạo Cử tạo tác ra 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Vô Nhân thì không trở sinh việc Tái Tục.]
2. **Phúc Hành** tức là 4 *Tư Tác Ý Đại Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm (Mahākusala dvihetukaomakacetanā)* làm **Nhân**. 1 Tâm Dị Thục Quả Thiện Thâm Tấn Xả Thọ làm **Quả** cho đi Tái Tục ở trong 1 Cõi Nhân Loại, 1 Cõi Tứ Đại Thiên Vương, làm thành nhóm *Người Thiện Thú Vô Nhân (Sugatiahetuka puggala)*, tức là Nhân Loại và Chư Thiên bậc thấp; ở dạng tiên thiên bất túc, dị tật câm điếc, cuồng điên, đui mù, v.v.
3. **Phúc Hành** tức là 4 *Tư Tác Ý Đại Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm (Mahākusaladvihetukaukkaṭṭhacetanā)* và 4 Tư Tác Ý Tam Nhân Hạ Phẩm làm **Nhân**. 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí làm **Quả** cho đi Tái Tục ở trong 1 Cõi Nhân Loại, 6 Cõi Thiên Dục Giới, làm thành nhóm *Người Nhị Nhân*, tức là Nhân Loại và Chư Thiên bậc trung.

4. **Phúc Hành** tức là 4 Tư Tác Ý Đại Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm làm **Nhân**. 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí làm **Quả** cho đi Tái Tục ở trong 1 Cõi Nhân Loại, 6 Cõi Thiên Dục Giới, làm thành nhóm *Người Tam Nhân*, tức là Nhân Loại và Chư Thiên bậc cao.
5. **Phúc Hành** tức là 5 Tư Tác Ý Thiện Hữu Sắc Giới làm **Nhân**. 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới làm **Quả** cho đi Tái Tục ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Vô Tướng Hữu Tinh), làm thành nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới.
6. **Bất Động Hành** tức là 4 Tư Tác Ý Thiện Vô Sắc Giới làm **Nhân**. 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới làm **Quả** cho đi Tái Tục ở trong 4 Cõi Vô Sắc Giới, làm thành nhóm Phạm Thiên Vô Sắc Giới.

Phân Tích 32 Thức Tái Tục Bởi Theo Cả Tam Hành
(Phi Phúc Hành, Phúc Hành, Bất Động Hành)

1. **12 Phi Phúc Hành** làm **Nhân**, tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp 12 Tâm Bất Thiện làm thành tác nhân). Và 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, tức là việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, việc tiếp thu Cảnh, việc thẩm tra Cảnh, và việc tiếp thu Cảnh từ ở nơi Đồng Lực Bất Thiện làm **Quả** ở trong 11 Cõi Dục Giới.
2. **12 Phi Phúc Hành** làm **Nhân**, tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện làm thành tác nhân). Và 4 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện tức là việc trông thấy (Tâm Nhãn Thức), việc được lắng nghe (Tâm Nhĩ Thức), việc tiếp thu Cảnh (Tâm Tiếp Thu), việc thẩm tra Cảnh Bất Thiện (Tâm Thẩm Sát) làm **Quả** (thụ lãnh Cảnh xấu) ở trong 15 Cõi Sắc Giới.
3. **Phúc Hành** tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân**. 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân tức là việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, việc tiếp thu Cảnh, việc thẩm tra Cảnh, và việc tiếp thu Cảnh từ ở nơi Đồng Lực Thiện làm **Quả** ở trong 11 Cõi Dục Giới.
4. **Phúc Hành** tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân**. 8 Tâm Đại Quả tức là việc tiếp thu Cảnh (làm việc Na Cảnh) từ ở nơi Đồng Lực Thiện làm **Quả** ở trong 7 Cõi Thiên Dục Giới.
5. **Phúc Hành** tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân**. Và 5 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân tức là việc trông thấy (Tâm Nhãn Thức), việc được lắng nghe (Tâm Nhĩ Thức), việc tiếp thu Cảnh (Tâm Tiếp Thu), việc thẩm tra Cảnh Thiện (Tâm Thẩm Sát) làm **Quả** ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới.
6. **Phúc Hành** tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới làm **Nhân**. Và 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới, tức là làm việc duy

trì bảo hộ kiếp sống (làm việc của Tâm Hữu Phần) làm **Quả** ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới.

7. **Bất Động Hành** tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới làm **Nhân**. Và 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới tức là việc duy trì bảo hộ kiếp sống (Tâm Hữu Phần) làm **Quả** ở trong 4 Cõi Vô Sắc Giới.

Việc Phân Tích 19 Thức Tái Tục Bởi Theo Từng Các Phần

+ Những 19 Thức Tái Tục đây một khi phân tích bởi theo *Hỗn Hợp (Missaka)* và *Thuần Nhất (Suddha)* thì chia ra thành hai phần, đó là:

1. *Sắc Hỗn Hợp Thức (Rùpamissakaviññàṇa)*: Thức trộn lẫn với Sắc Pháp, thì có được **15**, đó là: 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả và 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới.
2. *Sắc Bất Hỗn Hợp Thức (Rùpaamissakaviññàṇa)*: Thức không trộn lẫn với Sắc Pháp, thì có được **4**, đó là: 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới.

+ Khi phân tích Thức Tái Tục bởi theo *Cõi Giới (Bhùmi)* thì chia ra thành ba phần, đó là:

1. *Thức Dục Giới (Kàmaviññàṇa)* có 10, đó là: 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả.
2. *Thức Sắc Giới (Rùpaviññàṇa)* có 5, đó là: 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới.
3. *Thức Vô Sắc Giới (Arùpaviññàṇa)* có 4, đó là: 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới.

+ Khi phân tích Thức Tái Tục bởi theo *Chủng Loại (Jàti)* thì chia ra thành bốn phần, đó là:

1. *Thức Noãn Sinh (Aṇḍajaviññàṇa)* có 10 Thức Tái Tục, đó là: 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả.
2. *Thức Thai Sinh (Jalàbujaviññàṇa)* có 10 Thức Tái Tục, đó là: 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả.
3. *Thức Thấp Sinh (Saṅsedajaviññàṇa)* có 1 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.
4. *Thức Hóa Sinh (Opapàtikaviññàṇa)* có 19 Thức Tái Tục, đó là: 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả và 9 Tâm Dị Thục Quả Đại Đại.

+ Khi phân tích Thức Tái Tục bởi theo *Sinh Thú (Gati)* thì chia ra thành năm phần (còn gọi là Ngũ Đạo), đó là:

1. *Thức Chư Thiên Sinh Thú (Devagativīñña)* có 18 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả và 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại.
2. *Thức Nhân Loại Sinh Thú (Manussagativīñña)* có 9 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân và 8 Tâm Đại Quả.
3. *Thức Địa Ngục Sinh Thú (Nirayagativīñña)* có 1 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.
4. *Thức Bàng Sinh Sinh Thú (Tiracchānagativīñña)* có 1 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.
5. *Thức Ngạ Quỷ Sinh Thú (Petagativīñña)* có 1 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.

+ Khi phân tích Thức Tái Tục bởi theo *Thức Trụ (Viññaṇaṭṭhi – Thường Trụ Thức: Cõi Giới thành trụ xứ của Thức)* thì có được bảy phần, đó là:

1. *Thức Thân Dị Tướng Dị (Nānattakāyanānattasaññivīñña)* có 9 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Thiện Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả.
2. *Thức Thân Dị Tướng Đồng (Nānattakāyaekattasaññivīñña)* có 2 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện cho đi tục sinh Tứ Khổ Thú; và 1 Tâm Dị Thục Quả Sơ Thiên Hữu Sắc Giới cho đi tục sinh làm 3 Bậc Phạm Thiên Sơ Thiên Hữu Sắc Giới.
3. *Thức Thân Đồng Tướng Dị (Ekattakāyanānattasaññivīñña)* có 2 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Nhị Thiên và 1 Tâm Dị Thục Quả Tam Thiên Hữu Sắc Giới.
4. *Thức Thân Đồng Tướng Đồng (Ekattakāyaekattasaññivīñña)* có 2 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Tứ Thiên và 1 Tâm Dị Thục Quả Ngũ Thiên Hữu Sắc Giới.
5. *Thức Không Vô Biên Xứ (Ākāsañcāyatanavīñña)* có 1 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Không Vô Biên Xứ.
6. *Thức Thức Vô Biên Xứ (Viññaṇañcāyatanavīñña)* có 1 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Thức Vô Biên Xứ.
7. *Thức Vô Sở Hữu Xứ (Ākiñcaññāyatanavīñña)* có 1 Thức Tái Tục, đó là 1 Tâm Dị Thục Quả Vô Sở Hữu Xứ.

+ Khi phân tích bởi theo *Lưu Cư Địa Giới (Sattāvāsabhūmi – Cõi Giới làm thành chỗ nương trú của Hữu Tình)* thì có được tám phần, tức là từ điều thứ 1 cho đến điều thứ 7 của *Thất Thức Trụ (ở phần trên)* là tính được bảy phần, và:

8. *Thức Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ (Nevasaññānāsaññāyatana vīñña)* có một Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Phi Tướng Phi Phi

Tướng Xứ. (Loại trừ một Lưu Cư Địa Giới, đó là Vô Tướng Hữu Tình Địa Giới vì không có Tâm Thức).

Ghi chú: Việc phân tích Thức Tái Tục bởi theo **Thức Trụ** và **Lưu Cư Địa Giới**, thì ở trong chỗ này chỉ trình bày thể theo phần số lượng mà thôi; còn tên gọi của các Thức ấy thì đã có hiện bày ở trong Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Tập III, Chương thứ V, quyển I, trang 214 và 215.

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, Và Nhân Cần Thiết Của Thức

1. *Thức Tri Trạng Thái (Vijñānalakkhaṇaṃ):* Có việc hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt từ ở nơi Trí Tuệ và Tướng làm thành trạng thái.
2. *Thủ Sự Phận Sự (Pubbaṅgamarasaṃ):* Làm chủ quản đối với Tâm Sở và Sắc Nghiệp, làm thành phận sự.
3. *Tái Tục Thành Tựu (Paṭisandhipaccupaṭṭhānaṃ):* Có việc nối tiếp giữa kiếp sống cũ và kiếp sống mới, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí (Paṇḍita)*.
4. *Hành Nhân Cận (hoặc) Cảnh Vật Nhân Cận (Saṅkhàrapadaṭṭhānaṃ) (và) (Vatthàrammaṇapadaṭṭhānaṃ):* Có Tam Hành làm Nhân cận lân, hoặc có Lục Căn với Lục Cảnh làm Nhân cận lân.

Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu Hành Làm Duyên Thức (Saṅkhàrapaccayaṃ Viññānaṃ)

Cả **Tam Hành** (Phi Phúc Hành, Phúc Hành, Bất Động Hành) làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Thức Di Thục Quả**, thì có được hai mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissaya paccaya),*
- 2/. *Di Thời Nghiệp Duyên (Nānakkhaṇikakamma paccaya).*

Tổng kết lại, thì **Hành Làm Duyên Thức** có được hai mãnh lực Duyên (tính tròn đủ), đó là:

- 1/. *Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissaya paccaya),*
- 2/. *Di Thời Nghiệp Duyên (Nānakkhaṇikakamma paccaya)*

[**Chú thích:** Một cách chính xác, **Thức** được nói đến tại đây là 19 *Thức Tái Tục (Paṭisandhiviññāna)* đã được mô tả ở trong Chương thứ V. Tất cả những 32

thể loại Tâm Dị Thục Quả được chứng nghiệm ở trong đời sống cũng được bao gồm trong đó.

Bào thai trong bụng người Mẹ được cấu thành do sự phối hợp của Thức Tái Tục, cùng với Tinh Cha và Huyết Mẹ. Trong Thức Tái Tục này ngủ ngầm tất cả những cảm thọ, các đặc tính, và những thiên hướng tâm tính của một Chúng Hữu Tình, đã được huân tập từ trong kiếp sống quá khứ xa xưa của dòng nghiệp báo.

Thức Tái Tục được xem như rực rỡ chói sáng (*Pabhassara – Chiêu Diệu*) vì không phối hợp với các Căn Bất Thiện của Tham, Sân, Si [như trong trường hợp của những Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân (*Ahetukavipàka*)], hoặc cùng cấu sinh với những Căn Thiện [như trong trường hợp các thể loại Tâm Dị Thục Quả Hữu Nhân]

Kết Thúc Hành Duyên Thức

-----00000-----

III. VIÑÑANA PACCA YA NÀMARÙPA M SAMBHAVATI

(Thức làm duyên cho Danh Sắc khởi sinh)

Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp thường hiện khởi lên bởi do nương vào *Thức Nghiệp Lực (Kammaviññàna)* và *Thức Dị Thục Quả (Vipàkaviññàna)* làm thành **Nhân**.

Thức (Viññàna) làm thành **Nhân** cho sinh khởi **Danh Sắc (Nàmarùpa)** đây, hiện hữu ở hai thể loại, đó là:

- 1/. *Thức Dị Thục Quả (Vipàkaviññàna)* và
- 2/. *Thức Nghiệp Lực (Kammaviññàna)*.

Thức Dị Thục Quả tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

Thức Nghiệp Lực tức là Tâm Bất Thiện, Tâm Đại Thiện, Tâm Thiện Hữu Sắc Giới phối hợp với Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện ở trong kiếp sống quá khứ.

Danh (Nàma) tức là 35 Tâm Sở phối hợp với 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

Sắc (Rùpa) tức là Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Nghiệp Chuyển Khởi, Sắc Tâm (Đối với Sắc Nghiệp Chuyển Khởi và Sắc Tâm được sắp vào ở trong câu **Sắc Pháp**, đích thị cũng chính là do nương vào Thức Nghiệp Lực và Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi ấy vậy, được kể vào thể loại linh động áp dụng.)

+ Khi phân tích Thức Dị Thục Quả và những thể loại Danh Sắc đây bởi theo Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi, thì thường được hiện hành như vậy, là:

Thức Dị Thục Quả Tái Tục tức là 19 Tâm Tái Tục.

Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ Thức Tái Tục).

Danh Tái Tục tức là 35 Tâm Sở phối hợp với 19 Thức Tái Tục.

Danh Chuyển Khởi tức là 35 Tâm Sở phối hợp với 32 Thức Quả Dị Thục Chuyển Khởi (loại trừ Thức Tái Tục).

Sắc Tái Tục tức là Sắc Nghiệp cấu sinh với Thức Tái Tục.

Sắc Chuyển Khởi tức là Sắc Tâm sinh khởi từ ở nơi 18 Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới) và Sắc Nghiệp Chuyển Khởi sinh khởi từ ở nơi 25 Thức Nghiệp Lực (tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Quả và 4 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới).

+ Trình bày câu Chú Giải của từ ngữ *Nàma* (Danh Pháp): “*Ārammaṇe namaṭīti = Nàmaṃ*”- “*Pháp chủng nào hướng diện vào ở trong Cảnh, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là Danh.*” Tức là Tâm Sở phối hợp với 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

+ Câu Chú Giải của từ ngữ *Rùpa* (Sắc Pháp): “*Sitūṇhàdivirodhipaccayehi ruppattīti = Rùpaṃ*”- “*Pháp chủng nào thường hay tan vỡ hoại diệt bởi do Tác Duyên đối nghịch, có sự lạnh, sự nóng, v.v., bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là Sắc.*” Tức là Sắc Nghiệp và Sắc Tâm.

+ Câu Chú Giải của câu nói *Nàmarùpa* (Danh Sắc): “*Nàmañca rùpañca nàmarùpañca = Nàmarùpaṃ*”- “*Gọi tên Pháp chủng vừa là Danh và vừa là Sắc, lại vừa cả Danh và Sắc, ấy là Danh Sắc.*”

Giải Thích Trong Câu Chú Giải Của **Danh Sắc**

Lời nói rằng **Danh Sắc** đây, nếu như trình bày thể theo sự hiện hành của Danh và Sắc sinh từ ở nơi Thức, thì sẽ phải trình bày là “*Viññāṇapaccayà nama rūpanàmarùpaṃ*”, tuy nhiên ở trong chỗ này đã cắt lấy đi một câu Danh Sắc ra rồi, và chỉ còn đơn nhất một câu **Danh Sắc** mà thôi. Việc trình bày như vậy được gọi là *Phương Pháp Tôn Tại Nhất Ngôn (Ekasesanaya)*.

Giải thích rằng Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc đây, thì có được ba thể loại, đó là:

1. Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc ở trong Cõi Vô Sắc Giới và một phần ở Cõi Ngũ Uẩn. Trong chỗ này thì từ ngữ **Thức** tức là 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 30 Tâm Sở ở cả trong Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi, và trong Cõi Vô Sắc Giới.

Và 10 Ngũ Song Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 7 Tâm Sở Biên Hành ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, và trong 26 Cõi Ngũ Uẩn tùy theo thích hợp.

2. Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Pháp ở trong Cõi Vô Tướng Hữu Tình và một phần ở Cõi Ngũ Uẩn. Trong chỗ này thì từ ngữ **Thức** lập ý lấy

Thức Nghiệp Lực, tức là Tâm Thiện Ngũ Thiên Hữu Sắc Giới phối hợp với *Tư Tác Ý Tưởng Ly Ái Tu Tập (Saññàviràgabhàvanàcetanà)* ở trong kiếp sống quá khứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp ở cả trong Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi của nhóm Phạm Thiên Vô Tướng Hữu Tình.

Và 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện phối hợp với Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện ở trong kiếp sống quá khứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Chuyển Khởi ở trong 11 Cõi Dục Giới.

Và 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới phối hợp với Tư Tác Ý Thiện ở trong kiếp sống quá khứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Chuyển Khởi ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Vô Tướng Hữu Tình.)

3. Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc và một phần ở Cõi Ngũ Uẩn. Trong chỗ này thì từ ngữ **Thức** tức là 15 Thức Tái Tục Ngũ Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 35 Tâm Sở và Sắc Nghiệp Tái Tục ở trong 26 Cõi Ngũ Uẩn.

Và 18 Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi Ngũ Uẩn (loại trừ 10 Ngũ Song Thức) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 35 Tâm Sở và Sắc Tâm ở trong 26 Cõi Ngũ Uẩn.

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, Và Nhân Cần Thiết Của **Danh**

1. *Dẫn Đạo Trạng Thái (Namalakkhaṇam)*: Có việc hướng diện đến Cảnh, làm thành trạng thái.
2. *Phối Hợp Phận Sự (Pubbaṅgamarasam)*: Có việc phối hợp với Tâm và tự phối hợp lẫn nhau, bởi theo trạng thái *Đồng Sinh (Ekuppàdatà)* v.v. làm thành phận sự.
3. *Bất Ly Tán Thành Tựu (Paṭisandhipaccupaṭṭhànam)*: Có việc không tách ly xa lìa với Tâm, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí (Paṇḍita)*.
4. *Thức Nhân Cận (Viññānapadaṭṭhànam)*: Có Thức làm Nhân cận lân.

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, Và Nhân Cần Thiết Của **Sắc**

1. *Hoại Diệt Trạng Thái (Ruppanalakkhaṇam)*: Có việc tiêu hoại đổi thay, làm thành trạng thái.
2. *Phân Tán Phận Sự (Vikiraṇarasam)*: Có việc tách ly chia lìa nhau, làm thành phận sự.
3. *Vô Ký Thành Tựu (Abyàkatapaccupaṭṭhànam)*: Có sự làm thành Pháp Vô Ký, hoặc có sự bất liễu tri Cảnh, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ

của tất cả các *Bậc Hiền Trí*. [*Acetanà abyàkatàti ettha viya anàrammaṇatà vā abyàkatatà daṭṭhabbà*] (Trích ở trong Đại Phụ Chú Giải)

4. *Thức Nhân Cận (Viññāṇapadaṭṭhānam)*: Có Thức làm Nhân cận lân.

Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu Thức Làm Duyên Danh Sắc (Viññāṇapaccayā Nāmarūpaṃ)

1. Thức Dị Thục Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Danh Pháp** tức là Tâm Sở phối hợp, thì có được chín mãnh lực Duyên, đó là:

1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng câu sinh với nhau.

2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp, giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau.

3/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ nương nhờ với nhau.

4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ với tác ý thành nhân thành quả.

5/. *Vật Thục Duyên (Āhārapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế thuộc về Thức Thục và Tâm Sở cùng phối hợp với nhau.

6/. *Quyền Duyên (Indriyapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế thuộc về Ý Quyền và Tâm Sở cùng phối hợp với nhau.

7/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp hòa trộn với nhau.

8/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế cùng hiện hữu với Tâm Sở phối hợp.

9/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*: Tâm Dị Thục Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ và chẳng có tách lìa xa nhau.

2. Thức Tái Tục làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sắc Ý Vật** thì có được chín mãnh lực Duyên, đó là:

1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)*,

2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*,

3/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)*,

4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya)*,

5/. *Vật Thục Duyên (Āhārapaccaya)*,

6/. *Quyền Duyên (Indriyapaccaya)*,

7/. *Bất Tương Ứng Duyên (Vippayuttapaccaya)*,

8/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*,

9/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*.

Tương tự cùng phương thức như ở phần trên, chỉ thay đổi phần Bất Tương Ứng Duyên vào vị trí của Tương Ứng Duyên, bởi vì Danh với Sắc.

3. Thức Tái Tục làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sắc Nghiệp Tái Tục** (loại trừ Sắc Ý Vật) thì có được tám mãnh lực, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 2/. *Y Chi Duyên (Nissayapaccaya),*
- 3/. *Di Thực Quả Duyên (Vipàkapaccaya),*
- 4/. *Vật Thực Duyên (Àhàrapaccaya),*
- 5/. *Quyền Duyên (Indriyapaccaya),*
- 6/. *Bất Tương Ứng Duyên (Vippayuttapaccaya),*
- 7/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 8/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

Tương tự cùng phương thức như ở phần trên, chỉ có bốn Hồ Tương Duyên.

4. Thức Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sắc Nghiệp Tái Tục** ở trong Cõi Vô Tướng Hữu Tình, và **Sắc Nghiệp Chuyển Khởi** ở trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Nhất Uẩn, thì có được bảy mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Thường Cận Y Duyên (Pakatùnissayapaccaya)*
- 2/. *Bất Tương Ứng Duyên (Vippayuttapaccaya)*
- 3/. *Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya)*
- 4/. *Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya)*
- 5/. *Vô Gián Duyên (Anantarapaccaya)*
- 6/. *Đẳng Vô Gián Duyên (Samantarapaccaya)*
- 7/. *Vô Gián Cận Y Duyên (Anantarùpanissayapaccaya)*

[**Chú thích:** Tâm Bất Thiện, Tâm Đại Thiện, và Tâm Thiện Hữu Sắc Giới ở trong kiếp sống quá khứ, mới được gọi tên là **Thức Nghiệp Lực**; bởi vì có Tâm Sở Tư Tác Ý thuộc phần tác hành tạo tác cho thành Nghiệp Lực. Sự mong mỏi hoặc chấp thủ thì ắt hẳn có Tâm Sở Dục, tuy nhiên Tâm tác hành dắt dẫn cho các Tâm Sở rất trọng yếu, đã tạo tác ra Nghiệp Lực, Sắc Nghiệp Tái Tục và Sắc Nghiệp Chuyển Khởi. Cõi Vô Tướng Hữu Tình là Quả của những Tâm Thức này. Và câu nói rằng **Thức Duyên Danh Sắc**, do đó mới đổi từ ngũ Tâm thành Thức cho thích hợp, và chính vì thế mới gọi là **Thức Nghiệp Lực**.

Những Tâm Thức vừa đề cập ở trên đã hỗ trợ và tạo tác ra Sắc Nghiệp Tái Tục và Sắc Nghiệp Chuyển Khởi ở trong Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới với bảy mãnh lực Duyên như đã vừa nêu trên.

Tác Ý hằng mong muốn của kiếp sống quá khứ, với mãnh lực của Thường Cận Y Duyên. Tâm Thức hỗ trợ cho Sắc Pháp với mãnh lực Bất Tương Ứng Duyên. Kiếp sống quá khứ đã lìa khỏi, và kiếp sống hiện tại lại tiếp nối sinh khởi

với mãnh lực của các Duyên, gồm Vô Hữu Duyên, Ly Khứ Duyên, Vô Gian Duyên và Đẳng Vô Gian Duyên.]

Khi tổng kết mãnh lực Duyên ở trong việc giúp đỡ ủng hộ của Thức đối với Danh Sắc thì có được 12 hoặc 16 mãnh lực Duyên (tính tròn đủ có đến 21 Duyên), đó là:

- 1/. Cảnh Trướng Duyên (*Àrammaṇādhīpatipaccaya*),
- 2/. Câu Sinh Duyên (*Sahajātapaccaya*),
- 3/. Câu Sinh Y Duyên (*Sahajātanissayapaccaya*),
- 4/. Cảnh Cận Y Duyên (*Àrammaṇūpanissayapaccaya*),
- 5/. Thường Cận Y Duyên (*Pakatūpanissayapaccaya*),
- 6/. Di Thực Quả Duyên (*Vipākapaccaya*),
- 7/. Danh Vật Thực Duyên (*Nāmāhārapaccaya*),
- 8/. Câu Sinh Quyền Duyên (*Sahajātindriyapaccaya*),
- 9/. Tương Ứng Duyên (*Sampayuttapaccaya*),
- 10/. Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (*Sahajātavippayuttapaccaya*),
- 11/. Bất Tương Ứng Duyên (*Vippayuttapaccaya*) [kể theo Nghiệp Thức]
- 12/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (*Sahajātatthipaccaya*),
- 13/. Quyền Hiện Hữu Duyên (*Indriyatthipaccaya*),
- 14/. Vô Hữu Duyên (*Natthipaccaya*) [kể theo Nghiệp Thức]
- 15/. Ly Khứ Duyên (*Vigatapaccaya*) [kể theo Nghiệp Thức]
- 16/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (*Sahajātavigatapaccaya*),
- 17/. Quyền Bất Ly Duyên (*Indriyavigatapaccaya*),
- 18/. Sắc Mạng Quyền Duyên (*Rūpajīvitindriyapaccaya*),
- 19/. Vô Gian Duyên (*Anatarapaccaya*),
- 20/. Đẳng Vô Gian Duyên (*Samanantarapaccaya*),
- 21/. Vô Gian Cận Y Duyên (*Anantarūpanissayapaccaya*).

[**Chú thích:** Từ ngữ *Nāmarūpa* (Danh Sắc) là một danh từ kép và phải được hiểu biết một cách riêng rẽ; *Nāma* (Danh) riêng, *Rūpa* (Sắc) riêng, và *Nāmarūpa* (Danh Sắc) cùng chung một từ ngữ. Trong trường hợp ở Cõi Vô Sắc Giới thì chỉ có Danh Pháp; ở Cõi Vô Tướng Hữu Tình thì chỉ có Sắc Pháp; và ở trong Cõi Dục Giới và Cõi Sắc Giới thì có cả hai thể loại, Danh và Sắc.

Danh Pháp (*Nāma*) ở đây có nghĩa là ba Danh Uẩn, gồm Thọ (*Vedanā*), Tưởng (*Saññā*) và Hành (*Saṅkhāra*) cùng câu sinh với Thức Tái Tục.

Sắc Pháp (*Rūpa*) ở đây có nghĩa là ba Bợn Tổng Hợp Sắc gồm Thân Thập, Tính Thập và Vật Thập; cùng sinh khởi cùng một thời điểm với Thức Tái Tục, bởi do Nghiệp Quả Khứ đã tạo duyên.]

Kết Thức Thức Làm Duyên Danh Sắc

IV. NÀMARÙPAPACCAYÀ SAḶĀYATANAM SAMBHAVATI (Danh Sắc làm duyên cho Lục Xứ khởi sinh)

Lục Nội Bộ Xứ (*Ajjhattikàyatana*) có Nhân Xứ v.v. thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Danh Sắc** (*Nàmarùpa*) làm **Nhân**. Trong chỗ này, thì:

- **Danh** tức là 35 Tâm Sở phối hợp với 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.
- **Sắc** tức là 16 Sắc Nghiệp, là 8 *Sắc Bất Giản Biệt* (*Avinibbhogarùpa*), 5 *Sắc Thanh Triệt* (*Pasàdarùpa*), 1 *Sắc Bản Tính* (*Bhàvarùpa*), 1 *Sắc Tâm Cơ* (*Hadayarùpa*), 1 *Sắc Mạng Quyền* (*Jivitarùpa*).
- **Lục Xứ** tức là Nhân Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ và Ý Xứ là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

Trình bày câu Chú Giải của từ ngữ *Salàyatana* (*Lục Xứ*):

“*Āyatam saṅsāravatṭam nayatīti = Āyatanam*”- “*Pháp chủng nào duy trì Vòng Luân Hồi lâu dài, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là Xứ*”. Tức là 12 Xứ.

“*Cha àyatanani = Saḷāyatanam*”- “*Cả Lục Xứ gọi tên là Lục Xứ.*” Tức là Lục Nội Bộ Xứ. “*Salāyatanañca chaṭṭhāyatanañca = Saḷayatanam*”- “*Cả Lục Xứ (Ngoại) và Lục Trú Xứ (Nội), gọi tên là Lục Xứ*”.

Giải thích rằng: Từ ngữ **Lục Xứ** ở trong câu nói rằng “*Nàmarùpapaccayà saḷāyatanam - Danh Sắc làm duyên Lục Xứ*” đây, là câu đã làm cho dư thừa tới cả hai câu, tức là *Saḷāyatanam chaṭṭhāyatanaṃ*. Gọi tên việc đã làm cho hiện hành như vậy là *Phương Pháp Tồn Tại Nhất Ngôn* (*Ekasesanaya*), tức là loại trừ *Chaṭṭhāyatanaṃ* này ra, thế là chỉ còn lại duy nhất mỗi một *Saḷāyatanam* mà thôi. Có nghĩa là Lục Nội Bộ Xứ làm thành **Quả** của Danh Sắc này. Khi phân tích bởi theo Địa Giới thì thường hiện hành như vậy là:

Trong Cõi Ngũ Uẩn thì **Danh Sắc** làm **Nhân**, và Lục Nội Bộ Xứ chỗ gọi tên là **Lục Ngoại Xứ** làm **Quả** tùy theo thích hợp.

Trong Cõi Vô Sắc Giới thì Danh Pháp làm **Nhân** và Ý Xứ chỗ gọi là **Lục Nội Xứ** làm **Quả**.

Việc làm Nhân làm Quả giữa Danh Pháp với Ý Xứ, thì cùng câu sinh với nhau và làm Nhân làm Quả lẫn nhau cũng được. Còn việc làm Nhân làm Quả giữa Danh Pháp với Ngũ Xứ, thì cùng câu sinh với nhau cũng có, bắt câu sinh với nhau cũng có; và tùy theo Thời Kỳ. Và làm Nhân làm Quả giữa Sắc Pháp với Ý Xứ, và Sắc Pháp với Ngũ Xứ, thì cùng câu sinh với nhau cũng có, bắt câu sinh với nhau cũng có, và tùy theo Chủng Loại.

Điều giải thích đã vừa đề cập ở tại đây, thì sẽ hiện bày rõ ràng ở trong thời gian phân tích bởi theo 24 Duyên.

**Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu,
Và Nhân Cần Thiết Của Lục Xứ**

1. *Khu Vực Trạng Thái (Āyatanaḷakkhaṇaṃ)*: Có việc tiếp xúc hoặc có việc làm cho Vòng Luân Hồi phải lâu dài, làm thành trạng thái.
2. *Quan Thưởng Phận Sự (Dassanārasaṃ)*: Có việc trông thấy, v.v., làm thành phận sự.
3. *Vật Môn Bản Tính Thành Tựu (Vatthudvāraabhāvapaccupaṭṭhānaṃ)*: Có sự làm thành Vật và Môn của Ngũ Thức Giới, Ý Giới, Ý Thức Giới tùy theo thích hợp, và làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Danh Sắc Nhân Cận (Nāmarūpapadaṭṭhānaṃ)*: Có Tâm Sở và Sắc Nghiệp làm Nhân cận lân.

**Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu
Danh Sắc Làm Duyên Lục Xứ (Nāmarūpapaccaya Saḷāyatanaṃ)**

1. Danh Pháp tức là ba Uẩn Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được bảy mãnh lực Duyên, đó là:

1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng sinh chung một lượt với nhau.

2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ bằng cách hỗ trợ lẫn nhau.

3/. *Câu Sinh Ý Duyên (Sahajātanissayapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng sinh chung và nương nhờ giúp đỡ lẫn nhau.

4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ bằng cách làm thành Pháp Quả.

5/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ hòa hợp với nhau.

6/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng nhau hiện hữu giúp đỡ với nhau.

7/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp khắn khít giúp đỡ lẫn nhau và chẳng có xa lìa.

2. Danh Pháp tức là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm

Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được tám mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Nhân Duyên (Hetupaccaya)*,
- 2/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya)*,
- 3/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*,
- 4/. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajàtanissayapaccaya)*,
- 5/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya)*,
- 6/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*,
- 7/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*,
- 8/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*.

Tương tự cùng phương thức như phần trên, chỉ thêm phần **Nhân Duyên** vì Pháp làm thành Nhân giúp đỡ hỗ trợ với nhau.

3. Danh Pháp tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được chín mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya)*,
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*,
- 3/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)*,
- 4/. *Câu Sinh Nghiệp Duyên (Sahajàtakammappaccaya)*,
- 5/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya)*,
- 6/. *Danh Vật Thục Duyên (Nàmaàhàrapaccaya)*,
- 7/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*,
- 8/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*,
- 9/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*.

4. Danh Pháp tức là Xúc, Tư Tác ý phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được tám mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya)*,
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*,
- 3/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)*,
- 4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya)*,
- 5/. *Danh Vật Thục Duyên (Nàmaàharappaccaya)*,
- 6/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*,
- 7/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*,
- 8/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*.

5. Danh Pháp tức là Tầm, Tứ, Hỷ phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Xứ (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được tám mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. Câu Sinh Duyên (*Sahajàtapaccaya*),
- 2/. Hỗ Tương Duyên (*Aññamaññapaccaya*),
- 3/. Y Chỉ Duyên (*Nissayapaccaya*),
- 4/. Dị Thục Quả Duyên (*Vipàkapaccaya*),
- 5/. Thiên Na Duyên (*Jhànapaccaya*),
- 6/. Tương Ứng Duyên (*Sampayuttapaccaya*),
- 7/. Hiện Hữu Duyên (*Atthipaccaya*),
- 8/. Bất Ly Duyên (*Avigatapaccaya*).

6. Danh Pháp tức là Mạng Quyền, Thọ, Tín phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Xứ (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được tám mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. Câu Sinh Duyên (*Sahajàtapaccaya*),
- 2/. Hỗ Tương Duyên (*Aññamaññapaccaya*),
- 3/. Y Chỉ Duyên (*Nissayapaccaya*),
- 4/. Dị Thục Quả Duyên (*Vipàkapaccaya*),
- 5/. Câu Sinh Quyền Duyên (*Sahajàtindriyapaccaya*),
- 6/. Tương Ứng Duyên (*Sampayuttapaccaya*),
- 7/. Hiện Hữu Duyên (*Atthipaccaya*),
- 8/. Bất Ly Duyên (*Avigatapaccaya*).

7. Danh Pháp tức là Cần, Niệm, Trí Tuệ phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Xứ (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được chín mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. Câu Sinh Duyên (*Sahajàtapaccaya*),
- 2/. Hỗ Tương Duyên (*Aññamaññapaccaya*),
- 3/. Y Chỉ Duyên (*Nissayapaccaya*),
- 4/. Dị Thục Quả Duyên (*Vipàkapaccaya*),
- 5/. Câu Sinh Quyền Duyên (*Sahajàtindriyapaccaya*),
- 6/. Đồ Đạo Duyên (*Maggapaccaya*),
- 7/. Tương Ứng Duyên (*Sampayuttapaccaya*),
- 8/. Hiện Hữu Duyên (*Atthipaccaya*),
- 9/. Bất Ly Duyên (*Avigatapaccaya*).

8. Danh Pháp tức là Nhất Thống phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được 10 mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya),*
- 3/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya),*
- 4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya),*
- 5/. *Câu Sinh Quyền Duyên (Sahajàtindriyapaccaya),*
- 6/. *Thiền Na Duyên (Jhànapaccaya),*
- 7/. *Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya),*
- 8/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya),*
- 9/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 10/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

Việc phân tích Năng Duyên và Sở Duyên, tính kể từ điều thứ 1 – 8 thì làm duyên được cả ở trong Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi.

9. Danh Pháp tức là ba Uẩn Tâm Sở phối hợp với Tâm Tái Tục Ngũ Uẩn làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** ở trong Thời Kỳ Tái Tục của Cõi Ngũ Uẩn, thì có được sáu mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 2/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya),*
- 3/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya),*
- 4/. *Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Sahajàtavippayuttapaccaya),*
- 5/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 6/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

Trong chỗ này, thì cả Tứ Xứ gồm Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ đây, thì lập ý chỉ lấy Chung Loại Thấp Sinh và Hóa Sinh; còn Thân Xứ thì có được tất cả các Chung Loại.

10. Danh Pháp tức là ba Uẩn Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Ngũ Uẩn làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, thì có được bốn mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Hậu Sinh Duyên (Pacchajàta paccaya),*
- 2/. *Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Pacchajàtavippayuttapaccaya),*
- 3/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 4/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

11. Sắc Pháp tức là Ý Vật làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Xứ (mà ấy chính là 15 Tâm Tái Tục Ngũ Uẩn) ở trong Thời Kỳ Tái Tục của Cõi Ngũ Uẩn, thì có được sáu mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya),*
- 3/. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajàtanissaya paccaya),*
- 4/. *Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Sahajàtavippayuttapaccaya),*
- 5/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 6/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

12. Sắc Pháp tức là Ý Vật sinh trước và đang an trụ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Xứ (mà ấy chính là 18 Tâm Dị Thục Quả Ngũ Uẩn) (loại trừ Ngũ Song Thức) ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, thì có được năm mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya),*
- 2/. *Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejātapaccaya),*
- 3/. *Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Vatthupurejātavippayutta paccaya),*
- 4/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 5/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

13. Sắc Pháp tức là Ngũ Xứ sinh trước và đang an trụ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Xứ (mà ấy chính là 10 Tâm Ngũ Song Thức) ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, thì có được sáu mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya),*
- 2/. *Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejātapaccaya),*
- 3/. *Tiền Sinh Quyền Duyên (Purejātindriyapaccaya),*
- 4/. *Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Vatthupurejātavippayutta paccaya),*
- 5/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 6/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

14. Sắc Pháp tức là Tứ Sắc Tứ Đại Hiện Nghiệp làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ngũ Xứ đang an trụ ở trong cùng một Bọn Tổng Hợp với mình, ở cả trong Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, thì có được bốn mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 2/. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajàtanissayapaccaya),*
- 3/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 4/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

15. Sắc Pháp tức là Sắc Mạng Quyền làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ngũ Xứ đang an trú ở trong cùng một Bọn Tổng Hợp với mình, ở cả Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, thì có được ba mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Sắc Mạng Quyền Duyên (Rùpajìvitindriyapaccaya),*
- 2/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 3/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

16. Sắc Pháp tức là Bồ Phẩm Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ngũ Xứ đang an trú ở trong cùng một Bọn Tổng Hợp với mình, và trong các Bọn Tổng Hợp khác, ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Dục Giới, thì có được ba mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Sắc Vật Thực Duyên (Rùpaàhàrapaccaya),*
- 2/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 3/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

**Khi tổng kết mãnh lực Duyên ở trong việc giúp đỡ ủng hộ của
Danh Sắc đối với Lục Xứ thì có được 22 Duyên, đó là:**

- 1/. *Nhân Duyên (Hetupaccaya),*
- 2/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 3/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya),*
- 4/. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajàtanissayapaccaya),*
- 5/. *Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejatanissayapaccaya),*
- 6/. *Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejāta paccaya),*
- 7/. *Hậu Sinh Duyên (Pacchajàtapaccaya),*
- 8/. *Nghiệp Lực Duyên (Kammapaccaya),*
- 9/. *Dị Thực Quả Duyên (Vipàkapaccaya),*
- 10/. *Sắc Vật Thực Duyên (Rùpaàhàrapaccaya),*
- 11/. *Danh Vật Thực Duyên (Nàmaàhàrapaccaya),*
- 12/. *Câu Sinh Quyền Duyên (Sahajàtindriyapaccaya),*
- 13/. *Tiền Sinh Quyền Duyên (Purejātindriyapaccaya),*
- 14/. *Sắc Mạng Quyền Duyên (Rùpajìvitindriyapaccaya),*
- 15/. *Thiền Na Duyên (Jhànapaccaya),*
- 16/. *Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya),*
- 17/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya),*
- 18/. *Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Sahajàtavippayuttapaccaya),*
- 19/. *Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Vatthupurejātavippayutta paccaya),*

- 20/. *Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Pacchàjàtavippayuttapaccaya)*,
 21/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)* (kể cả 5 Duyên),
 22/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)* (kể cả 5 Duyên).

[**Chú thích:** Trong thời kỳ thụ thai của người Mẹ thì Lục Căn phát triển từ những hiện tượng tâm lý, ở trong đó có ngủ ngầm một năng lực vô cùng tận. Một điểm nhỏ không quan trọng vô cùng vi tế đấy, thế rồi đã phát triển lớn dần lên và trở thành một guồng máy với sáu giác quan vô cùng phức tạp tác hành gần như tự động, không nương tựa bất luận một cơ quan nào khác, ví tựa như có một mãnh lực tâm linh vô hình đang điều khiển. Sáu giác quan hay còn gọi là Lục Căn, gồm có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; với năm giác quan đầu là phần nhậy cảm – Nhãn Căn, Nhĩ Căn, Tỷ Căn, Thiệt Căn, Thân Căn – dần dần phát triển theo thời gian; và Ý Căn thì đã có được đề cập ở trong một phần trước.]

Kết Thúc Danh Sắc Làm Duyên Lục Xứ

-----00000-----

V. SAḶĀYATANAPACCAYÀ PHASSO SAMBHAVATI

(Lục Xứ làm duyên cho Xúc khởi sinh)

Lục Xúc (Phassa) thường hiện khởi lên do bởi nương vào **Lục Nội Bộ Xứ (Ajjhattikàyatana)** làm **Nhân**.

Lục Xứ mà làm thành **Nhân** cho sinh khởi **Xúc** đây, cũng chính là Lục Nội Bộ Xứ làm thành **Quả** của Danh Sắc ấy vậy.

Lục Xúc ấy là:

- 1/. *Nhãn Phủ Xúc (Cakkhusamphassa)*,
- 2/. *Nhĩ Phủ Xúc (Sotasamphassa)*,
- 3/. *Tỷ Phủ Xúc (Ghànasamphassa)*,
- 4/. *Thiệt Phủ Xúc (Jivhàsamphassa)*,
- 5/. *Thân Phủ Xúc (Kàyasamphassa)*,
- 6/. *Ý Phủ Xúc (Manosamphassa)*.

Cả Lục Xúc đây, tức là Tâm Sở Xúc phối hợp với 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

+ Trình bày câu Chú Giải của **Xúc**: “*Àrambhaṃ phusatīti = Phasso*”- “*Pháp chủng tiếp xúc với Cảnh, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là Xúc.*”

Một trường hợp khác nữa: “*Phusanti sampayuttadhammā etenāti = Phasso*”- “*Pháp Tương Ứng là tất cả các Tâm và Tâm Sở thường tiếp xúc với Cảnh bởi do Pháp chủng ấy; chính vì thế Pháp chủng làm tác nhân cho Pháp Tương Ứng tiếp xúc với Cảnh, mới được gọi tên là Xúc.*”

Một trường hợp khác nữa: “*Phusanam = Phasso (và) “Samphusate = Samphasso”*”- “*Việc tiếp xúc Cảnh được gọi tên là Xúc, hoặc gọi tên là Phủ Xúc.*”

+ Trình bày câu Chú Giải của Nhân Phủ Xúc, v.v.: “*Cakkhuvīñāṇena sampayutto samphassoti = Cakkhusamphasso*”- “*Xúc là việc tiếp xúc phối hợp với Nhân Thức, bởi do thế mới gọi tên là Nhân Phủ Xúc.*” Tức là Tâm Sở Xúc phối hợp với Nhân Thức.

(Nhĩ Phủ Xúc, v.v. Thân Phủ Xúc cũng trình bày trong cùng một phương thức như nhau).

“*Manovīñāṇena sampayutto samphassoti = Manosamphasso*”- “*Xúc là việc tiếp xúc phối hợp với Ý Thức, bởi do thế mới được gọi tên là Ý Phủ Xúc.*” Tức là Tâm Sở Xúc phối hợp với 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ Ngũ Song Thức)

Giải thích rằng: Người đã mệnh chung rồi, thì cho dù đã có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đi nữa, tuy nhiên các việc tiếp xúc có Nhân Phủ Xúc v.v. ấy, ắt hẳn sẽ không còn sinh khởi lên được nữa; có nghĩa là không còn có việc được trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, các việc nghĩ ngợi. Sự việc là như vậy, cũng chính do bởi đã mất hết cả Ngũ Thanh Triệt và Tâm Hữu Phần chỗ được gọi là Lục Xứ ấy vậy. Và ở trong người đang khi còn có sinh mệnh, nếu nhớ như mắt đã mù đi rồi, thế thì Nhân Phủ Xúc cũng không thể nào sinh khởi lên được. Hoặc nếu nhớ như tai đã bị điếc đi rồi, thế thì Nhĩ Phủ Xúc cũng không thể nào sinh khởi lên được, và thế là cũng tương tự như nhau vậy.

Lại nữa, Xúc là Quả của Lục Xứ đây, tức là việc cùng tụ hội vào nhau giữa cả Ngũ Thanh Triệt với Ngũ Cảnh và Ngũ Thức; thế thì được gọi tên là Nhân Phủ Xúc, Nhĩ Phủ Xúc, Tỷ Phủ Xúc, Thiệt Phủ Xúc, Thân Phủ Xúc; cũng bởi vì có được việc sinh khởi của Nhân Thức v.v. đây, là cũng do nương vào việc tiếp xúc với nhau giữa Nhân Thanh Triệt với Cảnh Sắc; Nhĩ Thanh Triệt với Cảnh Thính; Tỷ Thanh Triệt với Cảnh Khí; Thiệt Thanh Triệt với Cảnh Vị; Thân Thanh Triệt với Cảnh Xúc; thế rồi đã làm cho Nhân Thức v.v. có được sinh khởi lên. Một khi Nhân Thức v.v. đã sinh khởi lên rồi, thì Nhân Phủ Xúc v.v. cũng được hiện bày. Còn Ý Phủ Xúc tức là việc tiếp xúc với nhau giữa Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính, ở cả Siêu Lý và Chế Định, mà ấy chính là Cảnh Pháp hoặc Lục Cảnh lập ý chỉ lấy ở trong khoảng giữa Tâm Lộ Trình vẫn chưa sinh khởi. Bởi vì một khi Tâm Hữu Phần đã sinh khởi lên rồi, là cũng do việc tiếp xúc thường luôn với bất luận một thể loại Cảnh nào ở phần Nghiệp, Nghiệp Tướng và Thú Tướng; và việc tiếp xúc này đã được gọi tên là Ý Phủ Xúc, đích thị chính là Xúc phối hợp với Tâm Hữu Phần ấy vậy.

Một trường hợp khác nữa, Ý Phủ Xúc tức là việc tụ hội vào nhau giữa Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính, ở cả Siêu Lý và Chế Định. Và lại Ý Thức đây,

lập ý lấy ở trong khoảng giữa Tâm Lộ Trình đã sinh khởi lên rồi, bởi vì Tâm Lộ Trình đã được sinh khởi lên rồi đấy, cũng phải nương vào nhau qua việc tiếp xúc giữa Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính làm Nhân. Một khi Tâm Lộ Trình đã sinh khởi lên rồi, thì Ý Phủ Xúc cũng sẽ hiện bày lên; thế nhưng đã không lấy Xúc phối hợp ở trong Thiện, Bất Thiện và Vô Ký. Lập ý đặc biệt chỉ lấy riêng phần Xúc phối hợp ở trong Ý Thức Dị Thục Quả có Tiếp Thâu, Thảm Tấn, Na Cảnh mà thôi. Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có lập ý khái thuyết để ở trong Chánh Tạng Pàli Tương Ưng Bộ Kinh, *Phẩm Căn Nguyên (Nidānavagga)* rằng:

“Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhaviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso”

“Sotañca paṭicca sadde ca uppajjati sotaviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso”

“Ghāṇañca paṭicca gandhe ca uppajjati ghānaviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso”

“Jivhañca paṭicca rase ca uppajjati jivhaviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso”

“Kāyañca paṭicca phoṭṭhabbe ca uppajjati kāyaviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso”

“Manañca paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso”

Được dịch nghĩa là:

Nhãn Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Nhãn Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Nhãn Thức đây, mới được gọi tên là Xúc.

Nhĩ Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Nhĩ Thanh Triệt với Cảnh Thinh. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Nhĩ Thanh Triệt, Cảnh Thinh và Nhĩ Thức đây, mới được gọi tên là Xúc.

Tỷ Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Tỷ Thanh Triệt với Cảnh Khí. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Tỷ Thanh Triệt, Cảnh Khí và Tỷ Thức đây, mới được gọi tên là Xúc.

Thiệt Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Thiệt Thanh Triệt với Cảnh Vị. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Thiệt Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Thiệt Thức đây, mới được gọi tên là Xúc.

Thân Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Thân Thanh Triệt với Cảnh Xúc. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Thân Thanh Triệt, Cảnh Xúc và Thân Thức đây, mới được gọi tên là Xúc.

Ý Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính, ở cả Siêu Lý và Chế Định. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Tâm Hữu Phần, các Pháp Thực Tính và Ý Thức đây, mới được gọi tên là Xúc.

Lại nữa, việc Xúc tiếp xúc với Cảnh đây, thì chẳng giống với việc tiếp xúc giữa Sắc với Sắc, chẳng hạn như hai bàn tay tiếp xúc với nhau; hoặc hai vật thể đụng chạm với nhau; mà ấy là việc tiếp xúc thể theo bản thể thực tính ở trong bất luận của một Cảnh hoặc của một đối tượng. Tuy nhiên việc tiếp xúc với Cảnh thể theo bản thể thực tính mà chỗ được gọi là Xúc đây, thì cũng có đôi khi hiện bày rõ ràng na ná y như bất luận một vật thể nào mà sắc thân đã có được tiếp xúc đụng chạm vậy. Chẳng hạn như sát na đang trông thấy người ta ăn các thức ăn chua, thì người trông thấy có cảm giác chảy nước dãi ra vậy. Hoặc có bất luận một người nào đang mài dao trên mặt đá có sạn cát, thì người đã được lắng nghe âm thanh ấy rồi sẽ có cảm giác ê cả răng vậy. Hoặc có một vài người yếu đuối, một khi trông thấy người có vóc dáng rất to lớn thì cũng có cảm giác khủng khiếp sợ hãi, có trạng thái run rẩy khiếp đảm. Hoặc có người nhút nhát, một khi trông thấy người ta đánh, chém với nhau và máu chảy ra thì cũng có cảm giác sợ hãi đến ngất xỉu đi. Hoặc một khi nai đã trông thấy hổ thì sẽ run sợ chết đứng tại chỗ, và chân không bỏ chạy đi được. Hoặc có người đi vào khu vực tĩnh lặng, và có các bậc Hiền Triết đang hành trì Nghiệp Xứ, một khi đã được trông thấy các bậc ấy cùng với trú xứ như vậy rồi, thì tức thì cũng có khởi lên một sự cảm giác an vui mát mẻ, và thanh tịnh. Sự hiện hành như đã vừa đề cập đến ở tại đây, cũng chính là việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh chỗ gọi là Xúc ấy vậy. Và cả Lục Xúc khởi sinh là cũng do bởi có Lục Nội Bộ Xứ sinh khởi từ ở nơi Nghiệp Quá Khứ làm Nhân; chính vì thế Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý khái thuyết rằng “*Salayatanapaccaya phasso*”- “*Lục Xứ làm duyên cho Xúc*”.

Khi phân tích Lục Xúc bởi theo Cõi Giới thì có được như vậy, đó là:

Thường thì có được cả Lục Xúc sinh khởi ở trong 11 Cõi Dục Giới.

Thường thì có được ba Xúc, đó là: Nhãn Phủ Xúc, Nhĩ Phủ Xúc, và Ý Phủ Xúc sinh khởi ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Vô Tướng Hữu Tình).

Thường chỉ có được một Xúc, đó là Ý Xúc sinh khởi ở trong Cõi Vô Sắc Giới.

Còn ở trong Cõi Vô Tướng Hữu Tình thì Xúc thường không có sinh khởi lên được, bởi không có Lục Nội Bộ Xứ sinh khởi ở trong Cõi Giới này.

**Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu,
Và Nhân Cần Thiết Của Xúc**

1. *Xúc Cảm Trạng Thái (Phusanalakkhana)*: Có việc tiếp xúc Cảnh, làm thành trạng thái.
2. *Xúc Quan Phận Sự (Samghaṭṭaraso)*: Có việc làm cho Tâm với Cảnh nối tiếp nhau liên tục, làm thành phận sự.

3. *Tụ Hội Thành Tụ (Saṅgatipaccupaṭṭhānam)*: Có việc cùng tụ hội với nhau giữa Vật, Cảnh và Thức, và làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Lục Nội Xứ Nhân Cận (Saḷāyatanapadaṭṭhānam)*: Có Lục Nội Bộ Xứ làm Nhân cận lân.

**Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu
Lục Xứ Làm Duyên Xúc (Saḷāyatanapaccaya Phasso)**

1. Nhãn Xứ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nhãn Phú Xúc** thì có được sáu mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya)*,
- 2/. *Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejātapaccaya)*,
- 3/. *Tiền Sinh Quyền Duyên (Purejātindriyapaccaya)*,
- 4/. *Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Vatthupurejātavippayutta paccaya)*,
- 5/. *Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (Vatthupurejātatthipaccaya)*,
- 6/. *Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên (Vatthupurejātāvīgatapaccaya)*.

2. Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nhĩ Phủ Xúc, Tỷ Phủ Xúc, Thiệt Phủ Xúc, Thân Phủ Xúc** thì cũng có được sáu mãnh lực Duyên, và cũng tương tự cùng một phương thức với Nhãn Xứ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Nhãn Phú Xúc làm Sở Duyên vậy.

3. Ý Xứ tức là 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ 10 Ngũ Song Thức) làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Phủ Xúc** phối hợp với mình, thì có được chín mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)*,
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*,
- 3/. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya)*,
- 4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya)*,
- 5/. *Danh Vật Thục Duyên (Nāmahārapaccaya)*,
- 6/. *Câu Sinh Quyền Duyên (Sahajātindriyapaccaya)*,
- 7/. *Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccaya)*,
- 8/. *Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya)*,
- 9/. *Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātāvīgatapaccaya)*.

**Khi tổng kết mãnh lực Duyên ở trong việc giúp đỡ ủng hộ của
Lục Xứ đối với Xúc thì có được 13 hoặc 15 Duyên, đó là:**

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya),*
- 3/. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajàtanissayapaccaya),*
- 4/. *Vật Tiền Sinh Y Duyên (Vatthupurejatanissayapaccaya),*
- 5/. *Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejàtapaccaya),*
- 6/. *Di Thực Quả Duyên (Vipàkapaccaya),*
- 7/. *Danh Vật Thực Duyên (Nàmàhàrapaccaya),*
- 8/. *Câu Sinh Quyền Duyên (Sahajàtindriyapaccaya),*
- 9/. *Tiền Sinh Quyền Duyên (Purejātindriyapaccaya),*
- 10/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya),*
- 11/. *Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Vatthupurejātavippayutta paccaya),*
- 12/. *Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajàtatthipaccaya),*
- 13/. *Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (Vatthupurejātatthipaccaya),*
- 14/. *Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajàtāvīgatapaccaya),*
- 15/. *Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên (Vatthupurejātāvīgatapaccaya).*

[**Chú thích:** Từ ngữ *Phassa* (Xúc) xuất nguyên từ căn “*Phas*” (tiếp xúc). Sự cảm nhận hoặc sự hay biết của giác quan thì cần phải hội đủ ba yếu tố, đó là Tâm Thức, giác quan tương ứng và đối tượng. Ví dụ như Tâm Nhãn Thức trông thấy một Sắc Trần xuyên qua Nhãn Căn.

Khi một đối tượng hiện khởi đến Thức, xuyên qua một trong Lục Căn thì Tâm Sở Xúc sinh khởi. Và cũng không nên hiểu rằng sự xúc chạm suông là Xúc (*Na sangatimatto eva phasso*). Ví như cây cột chính nâng đỡ trọn vẹn toàn thể sườn nhà, cùng thế ấy, Xúc cũng có chức năng tương tự, đã nâng đỡ các Tâm Sở đồng câu sinh.

Xúc có nghĩa là “*đụng chạm đến*” (*Phusatīti*). Có sự Xúc Phạm (*Phusana*) là trạng thái, *đụng chạm* (*Sanghattana*) là phận sự, sự trùng hợp của nền tảng đối tượng và thức là, biểu tượng, và có đối tượng đi đến xúc chạm là nguyên nhân gần.

“Có sự tiếp chạm do Xúc, Thức chứng nghiệm do Thọ, Tri Giác do Tưởng, và có ý muốn do Tư Tác Ý” (*Phassena phusitvā, vedanāya vediyati, saññāya sañjānāti, cetanāya ceteti*). Theo Phương Cách Liên Quan Tương Sinh cũng tương tự, Xúc tạo điều kiện để Thọ khởi sinh. Các Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày như thế này: Có Thọ và Xúc, Tưởng và Xúc, Tư Tác Ý và Xúc; có Thọ và Xúc, Thọ, Tưởng, Tư Tác Ý, Tâm.]

Kết Thúc Lục Xứ Làm Duyên Xúc

-----00000-----

VI. PHASSAPACCAYÀ VEDANÀ SAMBHAVATI

(Xúc làm duyên cho Thọ khởi sinh)

Lục Thọ (Vedanà) thường hiện khởi lên do bởi nương vào **Lục Phủ Xúc (Samphassa)** làm Nhân.

Lục Thọ sinh khởi lên bởi do Lục Phủ Xúc ấy, đó là:

1. *Nhãn Phủ Xúc Thọ (Cakkhusamphassajà vedanà)*: Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh bởi do nương vào việc tiếp xúc giữa Nhãn Thức với Cảnh Sắc, ấy chính là Thọ ở trong Tâm Nhãn Thức.
2. *Nhĩ Phủ Xúc Thọ (Sotasamphassajà vedanà)*: Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh bởi do nương vào việc tiếp xúc giữa Nhĩ Thức với Cảnh Thinh, ấy chính là Thọ ở trong Tâm Nhĩ Thức.
3. *Tỷ Phủ Xúc Thọ (Ghànasamphassajà vedanà)*: Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh bởi do nương vào việc tiếp xúc giữa Tỷ Thức với Cảnh Khí, ấy chính là Thọ ở trong Tâm Tỷ Thức.
4. *Thiệt Phủ Xúc Thọ (Jivhàsamphassajà vedanà)*: Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh bởi do nương vào việc tiếp xúc giữa Thiệt Thức với Cảnh Vị, ấy chính là Thọ ở trong Tâm Thiệt Thức.
5. *Thân Phủ Xúc Thọ (Kàyasamphassajà vedanà)*: Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh bởi do nương vào việc tiếp xúc giữa Thân Thức với Cảnh Xúc, ấy chính là Thọ ở trong Tâm Thân Thức.
6. *Thân Phủ Xúc Thọ (Manosamphassajà vedanà)*: Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh bởi do nương vào việc tiếp xúc giữa Thân Thức với Cảnh Pháp hoặc 6 Cảnh, ấy chính là Thọ ở trong 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).

Trình bày câu Chú Giải của cả **Lục Thọ**: “*Vedayatitì = Vedanà*”- “*Pháp chủng nào thường hay thụ hưởng Cảnh, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là Thọ.*”

“*Cakkhusamphassato jàtà vedanàti = Cakkhusamphassajà vedanà*”- “*T thọ sinh khởi bởi do nương vào Nhãn Phủ Xúc làm Nhân, bởi do thế mới gọi tên là Nhãn Phủ Xúc Thọ.*”

“*Sotasamphassato jàtà vedanàti = Sotasamphassajà vedanà*”- “*T thọ sinh khởi bởi do nương vào Nhĩ Phủ Xúc làm Nhân, bởi do thế mới gọi tên là Nhĩ Phủ Xúc Thọ.*”

“*Ghànasamphassato jàtà vedanàti = Ghànasamphassajà vedanà*”- “*T thọ sinh khởi bởi do nương vào Tỷ Phủ Xúc làm Nhân, bởi do thế mới gọi tên là Tỷ Phủ Xúc Thọ.*”

“*Jivhàsamphassato jàtà vedanàti = Jivhàsamphassajà vedanà*”- “*T thọ sinh khởi bởi do nương vào Thiệt Phủ Xúc làm Nhân, bởi do thế mới gọi tên là Thiệt Phủ Xúc Thọ.*”

“Kàyasamphassato jàtā vedanāti = Kàyasamphassajā vedanā”- “Thọ sinh khởi bởi do nương vào Thân Phủ Xúc làm Nhân, bởi do thế mới gọi tên là Thân Phủ Xúc Thọ.”

“Manosamphassato jàtā vedanāti = Manosamphassajā vedanā”- “Thọ sinh khởi bởi do nương vào Ý Phủ Xúc làm Nhân, bởi do thế mới gọi tên là Ý Phủ Xúc Thọ.”

Những cả Lục Thọ này một khi phân tích bởi theo Lạc (*Sukha*), Khổ (*Dukkha*), Xả (*Upekkhā*) thì có được như vậy là:

- kể từ Nhân Phủ Xúc Thọ cho đến Thiết Phủ Xúc Thọ, thì cả Tứ Thọ này là việc thụ hưởng Cảnh ở thể loại Xả Thọ.
- Thân Phủ Xúc Thọ là việc thụ hưởng Cảnh ở cả 2 thể loại: 1/. Lạc Thọ, 2/. Khổ Thọ.

+ Rằng khi tính theo Pháp chủng hiện hành ở trong Thế Gian này rồi, thì việc thụ hưởng Cảnh hiện hữu ở ba thể loại, đó là:

1. Sự cảm thụ Thân An Tâm An trong khi tiếp xúc với Cảnh duyệt ý, thì gọi đó là một thể loại Lạc Thọ.
2. Sự cảm thụ Thân Bất An Tâm Bất An trong khi tiếp xúc với Cảnh bất duyệt ý, thì gọi đó là một thể loại Khổ Thọ.
3. Sự cảm thụ tĩnh lặng, thản nhiên trong khi tiếp xúc với Cảnh trung bình vừa phải, thì gọi đó là một thể loại Xả Thọ.

+ Rằng khi tính theo Dĩ Nhân Bản Nguyên thì việc thụ hưởng Cảnh thường hiện hữu hai thể loại, đó là: 1/. Lạc Thọ, 2/. Khổ Thọ.

- Lạc Thọ tức là: Lạc Câu Hành Thân Phủ Xúc Thọ (*Sukhasahagatakàyasamphassajāvedanā*), Hỷ Câu Hành Ý Phủ Xúc Thọ (*Somanassasahagatamano samphassajāvedanā*), Xả Thọ (*Upekkhāvedanā*) hữu quan Thiện, Duy Tác và Dị Thục Quả Thiện.
- Khổ Thọ tức là Khổ Câu Hành Thân Phủ Xúc Thọ (*Dukkhasahagatasamphassajāvedanā*), Ưu Câu Hành Ý Phủ Xúc Thọ (*Domanassasahagatamano samphassajāvedanā*), Xả Thọ hữu quan với Dị Thục Quả Bất Thiện và Thiện.

Sự an lạc và sự khổ đau như đã vừa đề cập rồi đây, sẽ được sinh khởi lên là cũng do bởi Xúc; điều đó đích thị chính là việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh làm Nhân; bởi do thế, sự an lạc hoặc sự khổ đau có nhiều hoặc ít, thì cũng phải tùy thuộc vào năng lực của Xúc. Sẽ nói rằng nếu như việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh có năng lực mạnh mẽ, thì sự cảm thụ an lạc, khổ đau cũng hiện bày mạnh mẽ. Nếu như việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh có năng lực yếu kém thì sự cảm

thụ an lạc, khổ đau cũng hiện bày yếu kém. Cũng ví như sát na thọ thực, răng có chức năng nhai nghiền vật thực, lưỡi có chức năng nhận biết vị. Nếu như răng làm đủ chức năng ở chỗ nhai nghiền một cách tối đa, thì lưỡi cảm thụ được vị một cách rõ ràng. Nếu như răng đã không làm đủ chức năng ở chỗ nhai nghiền một cách tối đa, thế rồi lưỡi cảm thụ chỉ có được một chút ít vị. Điều này như thế nào; thì Xúc cũng được sánh tựa như răng, Thọ thì cũng được sánh tựa như lưỡi, Cảnh thì cũng được sánh tựa như vật thực, việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh được sánh tựa như việc nhai nghiền vật thực, và việc tiếp xúc có năng lực mạnh hoặc yếu thì được sánh tựa như việc nhai nghiền đậm đà và hời hợt đó vậy.

Việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh chỗ gọi là Xúc như đã vừa đề cập đến đây, sẽ được thấy trong sự hiện hành khởi lên với tất cả ở mọi người. Chẳng hạn như trong sát na đi xem ca kịch hoặc điện ảnh; nếu như nhìn không rõ, nghe không rõ vì chỗ ngồi quá xa hoặc ánh sáng yếu kém đi, mà điều ấy đã là theo Dĩ Pháp Bản Nguyên rồi, thế là Xúc sẽ có năng lực yếu kém vậy. Với lý do này, người xem ấy mới cố gắng xê dịch cho vào đến chỗ gần, để cho việc thấy và việc nghe được rõ ràng. Hoặc nếu như ánh sáng yếu kém, thì cũng cố gắng tìm kiếm phương cách nào để cho có được thêm nhiều ánh sáng lên. Nếu như việc thấy hoặc việc được nghe rõ ràng tốt đẹp rồi, thì cũng có nghĩa là Xúc đã có được năng lực mạnh mẽ vậy. Khi Xúc đã có được năng lực mạnh mẽ rồi, thì Thọ là việc thụ hưởng Cảnh cũng hiện bày rõ ràng bền vững; có nghĩa là khởi lên việc được thấy hoặc việc được nghe một cách rõ ràng vậy. Một khi đã có được việc thấy, việc được nghe rõ ràng, thế rồi *Chát Vị Duyệt Ý (Itthirasa)* hoặc *Chát Vị Bất Duyệt Ý (Anitthirasa)* hiện hữu ở trong những Cảnh ấy cũng ắt hẳn hiện bày rõ ràng. Tất cả sự việc như vậy, cũng bởi vì Nhãn Thức là việc trông thấy, v.v. đây, chỉ thực hiện đơn nhất một chức năng cho Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc làm thành Cảnh mà thôi; chớ chẳng phải thực hiện cho hiện khởi lên Chát Vị Duyệt Ý hoặc Chát Vị Bất Duyệt Ý hiện hữu ở trong những Cảnh ấy được. Pháp chủng có khả năng thực hiện Chát Vị Duyệt Ý hoặc Chát Vị Bất Duyệt Ý cho được hiện khởi lên, thì đây chính là Xúc vậy. Bởi do thế trong bất luận thời lúc nào có được tiếp thu lấy Cảnh tốt đẹp, thì cũng có nghĩa là Xúc thực hiện chức năng thúc ép để cho Chát Vị Duyệt Ý hiện khởi lên. Và trong thời lúc nào có được tiếp thu lấy Cảnh không tốt, thì cũng có nghĩa là Xúc thực hiện chức năng bức bách cho Chát Vị Bất Duyệt Ý hiện khởi lên. Một khi Chát Vị Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý đã hiện khởi lên, thế rồi Thọ cũng nhảy vào thực hiện chức năng thụ hưởng, tức là cảm thụ an lạc hoặc bất an ở trong những Cảnh ấy. Với lý do này, sát na nào Thọ đang thụ hưởng sự an lạc ở trong Cảnh, thì Thọ ấy ắt hẳn biểu lộ cho hiện khởi đến với người ấy; tức là làm cho có diện mạo trong sáng vui tươi; và khi tính theo Tục Đế thì sẽ nói với nhau rằng người ấy, người này đang có sự an vui hạnh phúc. Và trong sát na nào Thọ đang thụ hưởng sự khổ đau ở trong Cảnh, thì Thọ ấy ắt hẳn cũng biểu lộ trạng thái cho hiện khởi lên đến với người ấy tương tự như nhau, tức là làm cho có diện

mạo sầu bi ưu não; và khi tính theo Tục Đế thì sẽ nói với nhau rằng người ấy, người này đang có sự bất hạnh khổ đau vậy.

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, Và Nhân Cần Thiết Của Thọ

1. *Xúc Phạm Trạng Thái (Phusanalakkhaṇa)*: Có việc thụ hưởng Cảnh, làm thành trạng thái.
2. *Thụ Vị Di Lập Phận Sự (Visayarasasambhogarasā)*: Có việc thụ hưởng chất vị của Cảnh, làm thành phận sự.
3. *Lạc Khổ Thành Tựu (Sukhadukkhapaccupaṭṭhānam)*: Có sự an lạc và khổ đau, và làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Xúc Nhân Cận (Phassapaṭṭhānam)*: Có Xúc làm Nhân cận lân.

Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu Xúc Làm Duyên Thọ (Phassapaccaya Vedanā)

Cả **Lục Xúc** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả **Lục Thọ** thì có được tám mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)*,
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*,
- 3/. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya)*,
- 4/. *Di Thực Quả Duyên (Vipākapaccaya)*,
- 5/. *Danh Vật Thực Duyên (Nàmàhàrapaccaya)*,
- 6/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*,
- 7/. *Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya)*,
- 8/. *Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātavigatapaccaya)*.

Khi tổng kết tám mãnh lực Duyên ở trong việc giúp đỡ ủng hộ của Xúc đối với Thọ thì có được tám Duyên, tương tự như trên.

[**Chú thích:** Từ ngữ *Vedanā* (Thọ) xuất nguyên từ căn “*Vid*” (*cảm thụ*).

Cảm thụ là một danh từ thích nghi hơn cả từ ngữ “*Cảm giác*”, để phiên dịch cho Pàli ngữ *Vedanā*. Tương tự như Xúc, Thọ là đặc tính chính yếu của tất cả các thể loại Tâm Thức. Thọ có thể là Hỷ, Ưu hoặc Xả thuộc lãnh vực tinh thần. Khổ và Lạc thì thuộc về sắc thân vật chất. Tuy nhiên Khổ Thọ hoặc Lạc Thọ thuộc về sắc thân, thì không có tầm quan trọng về phương diện đạo đức.

Thể theo các Ngài Chú Giải Sư thì Thọ được ví như một ông chủ thường thức các thực phẩm do người đầu bếp nấu ăn. Người đầu bếp cũng được ví như các Tâm Sở còn lại ở trong một tư tưởng. Một cách chính xác, đích thị chính là

Thọ cảm thụ một đối tượng, một khi đối tượng ấy đã tiếp xúc với giác quan tương ứng. Và lại Thọ cảm thụ những quả báo an lành hoặc xấu ác từ ở nơi một tác hành đã thực hiện ngay trong kiếp sống hiện tại, hoặc ở trong kiếp sống đã qua. Ngoài Tâm Sở Thọ này ra, thì không có một linh hồn hoặc một cá nhân nào khác cảm thụ kết quả của hành động đã tạo tác. Cũng nên hiểu biết rằng, an lạc Níp Bàn thì bất hữu quan với Thọ. An lạc Níp Bàn thì quả thật an lạc thù thắng, thế nhưng chính đó là sự an lạc của *Chát Vị Giải Thoát (Vimuttirasa)* ra khỏi mọi khổ đau trong biển trần Khô Đế, xác tín chẳng là sự vui thích ở trong một đối tượng khá ái.]

Kết Thúc Xúc Làm Duyên Thọ

-----00000-----

VII. VEDANÀPACCAYÀ TANHÀ SAMBHAVATI (Thọ làm duyên cho Ái Dục khởi sinh)

Ái Dục (Tanhà) thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Lục Thọ (Vedanà)** làm **Nhân**.

Câu Chú Giải của từ ngữ **Tanhà (Ái Dục)**: “*Vatthukàmaṃ paritassasatīti = Tanhà*”- “*Pháp chủng nào thường đắm nhiễm vào trong Vật Dục, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là Ái Dục.*”

Một trường hợp khác nữa: “*Vatthukàmaṃ tassanti paritassanti sattā etāyāti = Tanhà*”- “*Tất cả Chúng Hữu Tình thường ưa thích đắm nhiễm vào trong Vật Dục bởi do Pháp chủng ấy, chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng mà làm Nhân cho tất cả Chúng Hữu Tình ưa thích đắm nhiễm vào trong Vật Dục ấy là Ái Dục.*”
Tức là Tâm Sở Tham hiện hữu ở trong 8 Tâm căn Tham.

Giải thích rằng một khi Sắc, Thinh, Khí, Vị, Phũ Xúc và các Pháp Thực Tính đã đi đến hiện bày ở trong Lộ Nhãn Môn, Nhĩ Môn, Tỷ Môn, Thiệt Môn, Thân Môn và Ý Môn; thế rồi Ái Dục là sự hoan hỷ, ưa thích đắm nhiễm ở trong các Cảnh ấy, thì cũng thường sinh khởi theo lẽ thường nhiên đến với tất cả mọi người; chỉ ngoại trừ ra Bạc Vô Sinh. Và nếu như Cảnh ấy hữu quan với Cảnh Dục Trần, thế rồi cũng loại trừ ra Bạc Bất Lai. Sự việc là như vậy, cũng chính do bởi nương vào ở nơi Thọ, là sự cảm thụ ở trong việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v. đó vậy. Và cũng theo lẽ thường nhiên, thì cho dù tất cả mọi người sẽ khởi sinh sự duyệt ý đắm nhiễm ở trong bất luận một Cảnh nào đi nữa, thì cũng sẽ phải là Cảnh mà bản thân đã từng có tiếp xúc đến rồi, hoặc đang có được tiếp thu. Còn đối với Cảnh mà bản thân vẫn chưa từng có được hội diện, thì Ái Dục ắt hẳn sinh khởi quả thật khó khăn; bởi vì Thọ, là việc thụ hưởng lấy Cảnh mà bản thân vẫn chưa từng có được hội diện đấy, ắt hẳn cũng là khó khăn để mà có được. Ái Dục là sự duyệt ý nhiễm đắm ở trong những thể loại Cảnh có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc

v.v. đây, thì cũng chính là sự duyệt ý đối với Lạc Thọ mà bản thân đã được tiếp thu từ ở nơi các Cảnh ấy vậy. Một khi đã duyệt ý đối với Lạc Thọ rồi, thì tương tự như nhau, là cũng phải có sự duyệt ý ở trong Cảnh mà đã làm cho Lạc Thọ có được sinh khởi lên vậy. Và người đã được thụ lãnh sự an lạc, thế rồi Ái Dục ấy cũng ắt hẳn đắm nhiễm ở trong sự an lạc mà bản thân mình đang có được thụ lãnh. Và lại đôi khi cũng còn có sự mong mỏi để cho việc được thụ lãnh sự an lạc càng bội tăng lên nữa. Chính vì thế, Đức Phật Ngài mới lập ý khái thuyết rằng **“Vedanàpaccayà taṇhà”**- *“Thọ làm duyên cho Ái Dục”* có nghĩa là Lạc Thọ làm Nhân cho sinh khởi Ái Dục.

Người đang đón nhận sự khổ đau với biết bao sự vất vả khổ sở hoặc đang bị bất an, thì thường luôn tư duy nghĩ ngợi đến sự an lạc và Cảnh làm cho sự an lạc sinh khởi; thế rồi nỗ lực tinh cần tìm kiếm con đường để sẽ cho vượt thoát ra khỏi sự khổ đau với biết bao sự vất vả khổ sở, đã bằng với đủ mọi phương cách. Người ốm đau bất an cũng đã nỗ lực tìm kiếm thầy hay thuốc giỏi đăng chữa trị cho được dứt khỏi việc ốm đau bệnh hoạn ấy. Một khi vẫn chưa thoát khỏi những sự khổ đau ấy, thì cũng vẫn cứ than vãn và nghĩ ngợi rằng biết đến bao giờ thì mình mới sẽ thoát ra khỏi sự khổ đau với biết bao sự vất vả khổ sở này được hỉ ? Sự việc như vậy, là cũng chính do bởi mãnh lực Ái Dục sinh khởi hữu quan từ ở nơi Khổ Thọ đã làm Nhân. Và ở tại đây, là việc trình bày cho được thấy rằng Khổ Thọ cũng là Nhân làm cho Ái Dục được khởi sinh.

Người chẳng có sự khổ đau và cũng chẳng có sự an lạc đặc biệt nào, tức là đang thụ hưởng ở thể loại Xả Thọ; và thực tính của Xả Thọ đây, là thực tính an tịnh, trái nghịch với Lạc Thọ. Người đang ở trong thực tính như vậy, thì thường có sự hoan hỷ duyệt ý đối với trạng thái Xả Thọ này; và thế rồi tư duy nghĩ suy rằng chẳng thà không có được đón nhận bất luận sự an lạc đặc biệt nào đi nữa, thì cũng xin cho vẫn được thường luôn là như vậy đi, chứ còn hơn phải có sự khổ đau phát sinh lên đến với mình (*Thà nhịn đói nằm co còn hơn ăn no mà phải đi mần*). Hoặc như là *“Nhứt nhật thanh nhàn nhứt nhật Tiên – Một ngày rảnh rang an nhàn, đó là một ngày Thần Tiên !”* Sự việc như vậy, cũng chính do bởi mãnh lực Ái Dục sinh khởi hữu quan từ ở nơi Xả Thọ đã làm Nhân. Và tại đây, là việc trình bày cho được thấy rằng Xả Thọ cũng làm Nhân cho Ái Dục được khởi sinh.

Khi Phân Tích Theo Cảnh Thì Ái Dục Có Được Sáu Thể Loại, đó là:

1. **Sắc Ái (Rùpatañhà):** Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Sắc, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Rùpe taṇhà = Rùpatañhà”**- *“Ưa thích đắm nhiễm vào Sắc, bởi do thế mới gọi là Sắc Ái.”*
2. **Thinh Ái (Saddatañhà):** Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Thính, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Sadde taṇhà = Saddatañhà”**- *“Ưa thích đắm nhiễm vào Thính, bởi do thế mới gọi là Thinh Ái.”*

3. **Khí Ái (Gandhatanà):** Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Khí, như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Gandhe tanhà = Gandhatanà*”- “*Ưa thích đắm nhiễm vào Khí, bởi do thế mới gọi là Khí Ái.*”
4. **Vị Ái (Rasatanà):** Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Vị, như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Rase tanhà = Rasatanà*”- “*Ưa thích đắm nhiễm vào Vị, bởi do thế mới gọi là Vị Ái.*”
5. **Xúc Ái (Phoṭṭhabbatanà):** Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Xúc, như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Phoṭṭhabbe tanhà = Phoṭṭhabbatanà*”- “*Ưa thích đắm nhiễm vào Xúc, bởi do thế mới gọi là Xúc Ái.*”
6. **Pháp Ái (Dhammatanà):** Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Pháp, tức là các Pháp Thực Tính, như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Dhamme tanhà = Dhammatanà*”- “*Ưa thích đắm nhiễm vào Thực Tính Pháp, bởi do thế mới gọi là Pháp Ái.*”

Giải thích rằng khi đề cập thể theo Dĩ Pháp Bản Nguyên thì một khi Cảnh Sắc đã đi đến tiếp xúc với Nhãn Thanh Triệt, thế rồi Tâm Nhãn Thức sinh khởi và cũng trong cùng một sát na này thì Xúc, Thọ đã cùng câu sinh; và được gọi là “*trông thấy*”. Nếu đề cập theo Dĩ Nhân Bản Nguyên thì ở trong giai đoạn này vẫn chưa có bất luận một sự cảm thụ nào khởi sinh lên cả, Tâm Lộ Trình phải đi đến Đồng Lực hẳn trước đã, thì liền khi đó mới sẽ có chỉ là một chút ít sự cảm thụ ở trong việc trông thấy, tuy nhiên vẫn chưa được rõ ràng cho lắm. Nói tiếp một khi đã đi đến Lộ Trình Ý Môn hẳn rồi, thì lúc bấy giờ mới có được sự cảm thụ ở trong việc trông thấy này một cách rõ ràng. Tuy nhiên, Ái Dục sẽ có được sinh khởi lên, là tính kể từ sát na mà đã có sự cảm thụ dù chỉ một chút ít ở ngay trong việc trông thấy đây, Ái Dục cũng đã có khởi sinh lên rồi; có nghĩa là Ái Dục đã có sinh khởi lên ngay ở trong Lộ Trình Nhãn Môn rồi vậy. Cũng bởi vì người ấy hẳn đã có sẵn *Ái Dục Thụy Miên (Tanhànusaya)*; chính vì thế Thọ mới làm Nhân cho Ái Dục sinh khởi lên được. Đối với bậc đã đoạn lưu Ái Dục Tùy Miên, hoặc với bậc đang có Chánh Niệm thu thúc ở trong việc trông thấy ấy, v.v. và Niệm Định Lực của vị ấy cũng đã đang hiện hành khấn khít với nhau không gián đoạn; thì cho dù sẽ khởi sinh lên sự cảm thụ ở trong việc trông thấy dù chỉ là chút ít đi nữa, Thọ đây cũng không có khả năng để làm Nhân cho Ái Dục sinh khởi lên được. Chính vì thế, ở trong sự việc Đức Phật Ngài đã có lập ý khái thuyết để ở trong Chánh Tạng Pàli Tương Ứng Bộ Kinh, *Phẩm Căn Nguyên (Nidānavagga)* nói rằng: “*Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuvinnānaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso phassapaccayā vedanā vedanāpaccayā tanhā.*” (*Nhãn Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc. Đích thị chính do việc tựu hội vào nhau giữa cả ba Nhãn Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Nhãn Thức đây, mới được gọi tên là Xúc. Xúc làm duyên cho Thọ. Thọ làm duyên cho Ái Dục.*)

Và đây, là việc trình bày đặc biệt chỉ nhắm lấy Dĩ Pháp Bản Nguyên mà thôi; vả lại nếu lập ý nhắm lấy phần Dĩ Nhân Bản Nguyên thì đa số sự hiện hành chẳng phải có được hết cả thấy.

Trong phần **Thịnh Ái, Khí Ái, Vị Ái, Xúc Ái** cũng hiện hành tương tự như nhau.

Đôi với **Pháp Ái** thì có nghĩa là ở trong sát na tư duy đến những thể loại Tham, Sân, Si, Mạn, Kiến, v.v. ở bên phía Bất Thiện; và tư duy đến những thể loại Tín, Cần, Niệm, Định, Trí Tuệ, Thiên Định, Thắng Trí v.v. ở bên phía Thiện Hiệp Thế và Duy Tác; hoặc tư duy đến những việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc ngủ nghỉ, ở bên phía Dị Thục Quả Dục Giới; hoặc tư duy đến những thể loại Sắc Thanh Triệt, Sắc Vi Tế, và các Pháp Chế Định; mà có khởi sinh lên sự ưa thích duyệt ý thì đều được gọi là **Pháp Ái**.

Lại nữa, trong Bộ *Chú Giải Trung Phần Ngũ Thập (Majjhimaṇṇāsa Atthakathā)* đã có trình bày để rằng sự ưa thích đắm nhiễm ở trong việc tiến hóa An Chỉ và Minh Sát thì tương tự cũng vẫn được gọi là **Pháp Ái**. Như dẫn chứng phần **Pàli** đã có trình bày nói rằng: *“Dhammarāgena dhammanandiyāti padadvayehi samathavipassanāsu chandarāgo vutto”*- Dịch nghĩa là: *“Đức Thế Tôn lập ý đề cập đến sự ưa thích đắm nhiễm ở trong việc tiến hóa An Chỉ Nghiệp Xứ và Minh Sát Nghiệp Xứ bằng với hai từ ngữ, đó là Pháp Ái (Dhammarāga) và Hỷ Duyệt Pháp (Dhammanandi).”* Có nghĩa là Tham Dục (*Chandarāga*) sinh khởi lên ở trong An Chỉ Tu Tập, Minh Sát Tu Tập, mới được gọi tên là **Pháp Ái**.

Rằng Khi Theo Hành Trạng Thì Ái Dục Hiện Hữu Ở Ba Thể Loại, đó là:

1. Dục Ái (Kāmatanāhā): Sự ưa thích đắm nhiễm ở trong cả Lục Cảnh, bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là *Dục (Kāma)*.

Pháp Thực Tính nào vừa ưa thích dục cầu có được cả Lục Cảnh, lại vừa đắm nhiễm ở trong các Cảnh ấy; bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là **Dục Ái**. Tức là Tâm Sở Tham phối hợp với Tâm Tham Tương Ứng Kiến.

2. Hữu Ái (Bhavatanāhā): Tức là Ái Dục cùng câu sinh với *Thường Trú Kiến (Sassataditṭhi)* bởi do nương vào Sắc, Thịnh, Khí, Vị, Phũ Xúc; lập ý nhắm đến người có quan điểm rằng Sắc, Thịnh, Khí, Vị, Phũ Xúc mà bản thân đang có được tiếp thân đây thì hằng luôn hiện hữu, và chẳng hiểu biết rằng có việc sinh rồi diệt; như có câu Chú Giải trình bày như sau:

“Bhavatīti = Bhavo”, “Bhavo ca so tanhā cati = Bhavatanāhā”- *“Pháp Thực Tính nào thường nhận thấy rằng bản thân mình hiện hữu ở trong cả Lục Cảnh, và hằng thường luôn hiện hữu, chẳng có hoại diệt; chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là Hữu (Bhava).”* Tức là **Thường Trú Kiến**.

Một trường hợp khác nữa, khi trình bày thể theo Bộ *Chú Giải Đại Phẩm thuộc Kinh Tạng (Suttantamahāvagga Atthakathā)* thì **Hữu Ái** đây có được năm thể loại, đó là:

1. Có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong *Dục Giới Hữu (Kāmabhava)* tức là việc được sinh làm thành Nhân Loại và Chư Thiên .
2. Có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong *Hữu Sắc Giới Hữu (Rūpabhava)* tức là việc được sinh làm thành Phạm Thiên Hữu Sắc Giới .
3. Có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong *Vô Sắc Giới Hữu (Kāmabhava)* tức là việc được sinh làm thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới .
4. Có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong *Nhập Thiền Định (Jhānasamāpatti)* tức là việc được chứng đắc Thiền Định Hữu Sắc Giới, và Thiền Định Vô Sắc Giới.
5. Có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong *Thường Trú Kiến (Sassatadiṭṭhi)* tức là quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình có Bản Ngã, có Cái Tôi. Và Cái Tôi này thường hằng bất hoại, đến khi sẽ tử vong thì chỉ Thân Tử và Tâm Bất Tử. Hoặc Cái Tôi hiện hữu ở trong sắc thân của Nhân Loại, thế rồi Nhân Loại mệnh chung thì Cái Tôi ấy sẽ lại đi tục sinh thành một Nhân Loại khác nữa. Cái Tôi hiện hữu ở trong sắc thân của Hữu Tình Bàng Sinh thì cũng tương tự như nhau, một khi Hữu Tình ấy đã mạng vong, thế rồi Cái Tôi sẽ lại đi tục sinh thành một Hữu Tình Bàng Sinh khác nữa, chẳng có biến chuyển.

Như có phần Pāli dẫn chứng trình bày rằng: **“Bhave taṇhā = Bhavataṇhā”, “Bhavapattānāvasena uppannaṃ sassatadiṭṭhisahagatassa rūpārūpabhava rāgassa ca jhānanikantiyā cetamādhivacanam”**- “Gọi tên sự hoan hỷ duyệt ý ở trong các Hữu là **Hữu Ái**.” Từ ngữ **Hữu Ái** đây, tức là:

- 1/. Tham Ái (**Rāga**) sinh khởi bởi do có sở nguyện cầu về Dục Giới Hữu.
- 2/. Tham Ái (**Rāga**) cùng cầu sinh với Thường Kiến.
- 3/. Tham Ái (**Rāga**) sinh khởi ở trong Hữu Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu.
- 4/. Tham Ái (**Rāga**) sinh khởi trong Nhập Thiền Định.”

3. Ly Hữu Ái (Vibhavataṇhā): tức là Ái Dục cùng cầu sinh với Đoạn Kiến (**Ucchedadiṭṭhi**) bởi do nương vào Lục Cảnh. Lập ý đến người có quan điểm rằng trong Lục Cảnh, tức là tất cả các vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng ở trong Thế Gian này có Cái Tôi hiện hữu; và Cái Tôi này thì không có khả năng đặng tồn tại vĩnh viễn, ắt hẳn phải bị diệt đi; thế rồi đã có sự ưa thích đắm nhiễm ở trong Cảnh ấy. Hoặc có quan điểm rằng hết tất cả chẳng chừa một ai, một khi đã tử vong rồi thì cũng hẳn là diệt, và chẳng có tục sinh lại nữa; thế rồi đã có sự ưa thích đắm nhiễm ở trong quan điểm ấy. Người có quan điểm ở trong Níp Bàn

rằng có Ngã, và Bản Ngã; thế rồi khởi sinh dục tầm cầu về Níp Bàn. Sự dục tầm cầu về Níp Bàn, với sự dục cầu này cũng được gọi tên là **Ly Hữu Ái**.

Như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Na bhavatīti = Vibhavo*”, “*Vibhavo ca so taṇhā cāti = Vibhavataṇhā*” (và) “*Vibhave taṇhā = Vibhavataṇhā*”- “*Pháp Thực Tính nào thường quan điểm rằng Cái Tôi hiện hữu ở trong Lục Cảnh ấy, thì không có khả năng đứng tồn tại vĩnh viễn, ắt hẳn phải bị tiệt diệt đi; bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là Ly Hữu (Vibhava).*”

Hoặc dịch nghĩa theo một trường hợp khác nữa: “*Pháp Thực Tính nào có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình một khi đã mạng vong rồi thì ắt hẳn phải tiệt diệt, không có được tục sinh lại nữa; bởi do thế mới gọi tên Pháp Thực Tính ấy là Ly Hữu (Vibhava).*” Tức là **Đoạn Kiến**.

“*Pháp Thực Tính nào thường có quan điểm rằng Cái Tôi hiện hữu ở trong Lục Cảnh ấy, vừa không có khả năng đứng tồn tại vĩnh viễn, lại vừa hằng luôn phải bị tiệt diệt đi, lại vừa ưa thích đắm nhiễm ở trong Cảnh ấy; bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là Ly Hữu Ái.*” “*Hoặc sự ưa thích đắm nhiễm ở trong Đoạn Kiến, được gọi tên là Ly Hữu Ái.*” Tức là Tâm Sở Tham câu sinh với Đoạn Kiến.

Một trường hợp khác nữa, đó là có **108 Ái Dục**, bao gồm:

Dục Ái có 36, Hữu Ái có 36, Ly Hữu Ái có 36, kết hợp lại thì có 108.

Từng mỗi thể loại của Dục Ái, Hữu Ái và Ly Hữu Ái có được 36 đây đã hữu quan với 6 Cảnh làm thành nền tảng, tức là Lục Cảnh đang đi đến hiện bày ở cả Lục Môn, có Lộ Nhân Môn, v.v. Những cả Lục Cảnh này ở Thời Kỳ Hiện Tại đã làm Nhân cho Dục Ái, Hữu Ái, và Ly Hữu Ái có được sinh khởi lên. Khi đã là như vậy, thì từng mỗi thể loại của Dục Ái, Hữu Ái, và Ly Hữu Ái mới có được là 6 Cảnh. Kết hợp lại thì có được 18 Ái Dục hữu quan với Lục Cảnh Hiện Tại.

Cũng có Lục Cảnh đã từng hiện bày đến cả Lục Môn. Những cả Lục Cảnh này ở Thời Kỳ Quá Khứ đã làm Nhân cho cả Tam Ái có được sinh khởi lên; chính vì thế, từng mỗi thể loại của Dục Ái, Hữu Ái, và Ly Hữu Ái sinh khởi bởi do nương vào Lục Cảnh Thời Kỳ Quá Khứ mới có được là 6. Kết hợp lại thì có được 18 Ái Dục hữu quan với Lục Cảnh Quá Khứ.

Cũng có Lục Cảnh sẽ đi đến hiện bày ở trong cả Lục Môn. Những cả Lục Cảnh này ở Thời Kỳ Vị Lai đã làm Nhân cho cả Tam Ái có được sinh khởi lên; chính vì thế, từng mỗi thể loại của Dục Ái, Hữu Ái và Ly Hữu Ái sinh khởi bởi do nương vào Lục Cảnh Thời Kỳ Vị Lai mới có được là 6. Kết hợp lại thì có được 18 Ái Dục hữu quan với 6 Cảnh Vị Lai.

Khi phân tích cả Tam Ái bởi theo Lục Cảnh và theo Tam Thời Kỳ; thì Dục Ái có 18, Hữu Ái có 18, Ly Hữu Ái có 18; kết hợp lại thành 54. Cả Lục Cảnh này hiện bày ở bên trong bản thân của mình, mới được gọi tên là *Nội Bộ Cảnh (Ajjhattàrammaṇa)*. Cũng có hiện bày ở bên ngoài thân của mình, tức là tha

nhân và vật thể phi sinh mạng, mới được gọi tên là *Ngoại Bộ Cảnh (Bahid dhàramma)*. Chính vì thế:

- **18 Dục Ái:** - sinh khởi bởi do nương vào Nội Bộ Cảnh có được 18.
- sinh khởi bởi do nương vào Ngoại Bộ Cảnh có được 18.
Kết hợp lại thì Dục Ái có được 36.
 - **18 Hữu Ái:** - sinh khởi bởi do nương vào Nội Bộ Cảnh có được 18.
- sinh khởi bởi do nương vào Ngoại Bộ Cảnh có được 18.
Kết hợp lại thì Hữu Ái có được 36.
 - **18 Ly Hữu Ái:** - sinh khởi bởi do nương vào Nội Bộ Cảnh có được 18.
- sinh khởi bởi do nương vào Ngoại Bộ Cảnh có được 18.
Kết hợp lại thì Ly Hữu Ái có được 36.
- Dục Ái có 36, Hữu Ái có 36, Ly Hữu Ái có 36; kết hợp lại thì có 108.**

Lục Ái Dục, Tam Ái Dục, 108 Ái Dục như đã vừa đề cập ở tại đây, đã sinh khởi đối với tất cả Chúng Hữu Tình cũng bởi do nương vào Thọ; tức là việc thụ hưởng Cảnh ở phần Lạc, Khổ và Xả ấy vậy. Nếu như thiếu vắng đi những việc thụ hưởng Cảnh này rồi, thì những thể loại Ái Dục này cũng không có thể sinh khởi lên được.

Chính với lý do này, Đức Phật Ngài mới nói rằng “*Vedanàpaccayà taṇhà*”- “*Thọ làm duyên cho Ái Dục.*”

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, Và Nhân Cần Thiết Của Ái Dục

1. *Tác Nhân Trạng Thái (Hetulakkhaṇa)*: Có việc làm Nhân của tất cả mọi khổ đau, làm thành trạng thái.
2. *Hỷ Ủy Phận Sự (Abhinandanarasà)*: Có sự ưa thích đắm nhiễm ở trong Cảnh, Cõi Giới, và kiếp sống, làm thành phận sự.
3. *Bất Mãn Tức Thành Tựu (Sukhadukkhapaccupaṭṭhānaṃ)*: Có sự không no đủ hoặc vừa lòng ở trong các Cảnh của Tâm hoặc của Người, và làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Thọ Nhân Cận (Phassapaṭṭhānaṃ)*: Có Thọ làm Nhân cận lân.

Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu Thọ Làm Duyên Ái Dục (Vedanàpaccayà Taṇhà)

Thọ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ái Dục** đây, thì có được một mãnh lực Duyên, đó là: *Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya)*.

Khi tổng kết mãnh lực Duyên ở trong việc giúp đỡ ủng hộ của Thọ đối với Ái Dục thì có được 1 Duyên, tương tự như trên.

[**Chú thích:** Có ba thể loại Ái Dục (*Tañhà*), đó là:

- 1/. Ái Dục duyên theo Cảnh Dục Trần, còn gọi là *Dục Ái (Kàmatañhà)*;
- 2/. Ái Dục duyên theo dục lạc kết hợp với quan điểm Thường Kiến, còn gọi là *Hữu Ái (Bhavatañhà)*, tức là ưa thích đắm nhiễm Cảnh Dục Trần với quan điểm hằng thường còn, vĩnh viễn và bất hoại diệt.
- 3/. Ái Dục duyên theo dục lạc kết hợp với quan điểm Đoạn Kiến, còn gọi là *Ly Hữu Ái (Vibhavatañhà)*, tức là ưa thích đắm nhiễm Cảnh Dục Trần với quan điểm tất cả đều hoại diệt, tất cả đều chấm dứt sau khi tử vong. Đây cũng còn là quan điểm của Chủ Thuyết Duy Vật.

Ngoài ra, Hữu Ái và Ly Hữu Ái cũng còn được chú giải là luyện ái duyên theo Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới. Thông thường hai từ ngữ này còn được hiểu biết là Ái Dục ở trong trạng thái sinh tồn (Hữu Ái), và Ái Dục ở trong trạng thái bất sinh tồn (Ly Hữu Ái).

Cũng ngoài ra nữa, có cả sáu thể loại Ái Dục duyên theo Lục Trần, như có Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, v.v. Sáu thể loại này trở thành 12 nếu được kết hợp với Lục Căn, như có Nhãn Căn, Nhĩ Căn, v.v., và trở thành 36 nếu tính kể cả Tam Thời Kỳ gồm có Thời Kỳ Quá Khứ, Thời Kỳ Hiện Tại, Thời Kỳ Vị Lai. Và cuối cùng, nếu kết hợp với cả thể loại Ái Dục, ấy là Dục Ái, Hữu Ái và Ly Hữu Ái thì có hết cả thảy là 108.]

Kết Thúc Thọ Làm Duyên Ái Dục

-----00000-----

VIII. TANHÀPACCAYÀ UPÀDÀNAṀ SAMBHAVATI

(Ái Dục làm duyên cho Chấp Thủ khởi sinh)

Chấp Thủ (*Upàdàna*) thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Ái Dục (*Tañhà*)** làm Nhân.

Từ ngữ *Upàdàna* (*Chấp Thủ*) lập ý đến việc bám giữ chặt ở trong điều sai lầm bởi do Tham và Tà Kiến. Như có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Bhusaṃ àdiyanti amuñcagàhaṃ gayhantīti = Upàdànāni*”- “*Những thể loại Pháp nào bám giữ chặt một cách mãnh liệt, tức là giữ chặt lấy không buông; bởi do thế mới gọi tên những thể loại Pháp ấy là Chấp Thủ.*”

Một trường hợp khác nữa: “*Upàdiyantīti = Upàdànāni*”- “*Những thể loại Pháp nào chấp thủ chặt, bởi do thế mới gọi tên những thể loại Pháp ấy là Chấp Thủ.*” Tức là Ái Dục và Tà Kiến có nhiều năng lực.

Câu Chú Giải này đã trình bày cho thấy rằng Ái Dục và Tà Kiến thuộc thể loại thông thường, vẫn chưa được gọi tên là Chấp Thủ được. Tiếp đến một khi Ái Dục và Tà Kiến ấy khởi lên có năng lực mãnh liệt, sẽ nói là việc ưa thích đắm nhiễm ở trong các Cảnh ấy một cách dính mắc không chịu buông bỏ; thì lúc bấy giờ Ái Dục đấy được gọi tên là **Chấp Thủ**. Và một khi có quan điểm sai lầm, lại đi bám dính chặt vào không sửa đổi được, thì lúc bấy giờ Tà Kiến đấy cũng được gọi tên là **Chấp Thủ**.

[*Chú thích:* Từ ngữ *Upàdàna* (*Chấp Thủ*) được xuất nguyên từ ngữ căn “*Upa*” + “*A*” + “*Da*” có nghĩa là “cho ra”. *Upàdàna* (*Chấp Thủ*) là Ái Dục ở mức cao độ, với trạng thái tham ái mãnh liệt và bám giữ chặt lấy, một hình thức của sự chấp cứng không buông bỏ. *Tañhà* (*Ái Dục*) tựa như một tên trộm rình mò trong đêm tối để trộm lấy một vật thể. *Upàdàna* (*Chấp Thủ*) đích thị chính là hành động lấy trộm ấy. Chấp Thủ là hệ quả của sự ái luyến và si mê lầm lạc. Chấp Thủ đưa đến quan kiến sai lầm về “Bản Ngã”, “Tự Ngã”, “Ta” và “Của Ta”.]

Có Bốn Thể Loại **Chấp Thủ** (*Upàdàna*), đó là:

1. *Dục Chấp Thủ* (*Kàmupàdàna*): Sự bám giữ chặt ở trong cả Lục Vật Dục (Lục Cảnh Dục Trần) có Cảnh Sắc, v.v. Tức là Tâm Sở Tham bám giữ chặt ở trong Lục Cảnh Dục Trần [*Lục Vật Dục* (*Vatthukàma*)].
2. *Kiến Chấp Thủ* (*Diṭṭhupàdàna*): Sự bám giữ chặt ở trong việc thấy sai chấp lầm, có Tam Chuẩn Xác Tà Kiến, 62 Tà Kiến, và 10 *Hữu Biên Tưởng Vô Biên Tưởng Kiến* (*Anantaggàhikadiṭṭhi*). Tức là Tâm Sở Tà Kiến ở ngoài ra *Giới Cấm Thủ Tà Kiến* (*Silabbatadiṭṭhi*), và *Thường Trú Kiến*.
3. *Giới Cấm Chấp Thủ* (*Silabbatupàdàna*): Sự bám giữ chặt ở trong việc thực hành sai trật. có việc thực hành bất chước theo con bò (*Ngưu Hành Giả*), và con chó (*Cẩu Hành Giả*), v.v. Tức là **Giới Cấm Thủ Tà Kiến**.
4. *Ngã Luận Chấp Thủ* (*Attavàdupàdàna*): Sự bám giữ chặt ở trong Ngũ Uân của mình và của tha nhân. Tức là **Hữu Thân Kiến**.

Trình Bày **Tứ Chấp Thủ** Một Cách Mãn Túc

1. *Dục Chấp Thủ* (*Kàmupàdàna*) có sáu, đó là:
 - *Sắc Dục Chấp Thủ* (*Rùpakàmupàdàna*),
 - *Thinh Dục Chấp Thủ* (*Saddakàmupàdàna*),
 - *Khí Dục Chấp Thủ* (*Gandhakàmupàdàna*),
 - *Vị Dục Chấp Thủ* (*Rasakàmupàdàna*),

- *Xúc Dục Chấp Thủ (Phoṭṭhabakàmupàdàna)*,
- *Pháp Dục Chấp Thủ (Dhammakàmupàdàna)*.

2. Kiến Chấp Thủ (Ditṭhupàdàna) có Tam Chuẩn Xác Tà Kiến, 62 Tà Kiến, Thập Hữu Biên Tướng Vô Biên Tướng Kiến, kết hợp lại thì có được 75, đó là:

Tam Chuẩn Xác Tà Kiến, đó là:

1/. Vô Hữu Kiến Chấp Thủ, 2/. Vô Nhân Kiến Chấp Thủ, 3/. Vô Hành Kiến Chấp Thủ; cả ba này là *Đại Tà Kiến (Mahàditṭhi)*.

62 Tà Kiến, đó là:

- *Kiến Chấp Bản Ngã Quá Khứ (Pubbantakappikadiṭṭhi)*: Quan điểm sai lầm bởi do việc tự nghĩ suy lấy trong câu chuyện hiện hành của Ngũ Uẩn đã trải qua ở trong Thời Kỳ Quá Khứ, có được 18 luận thuyết.
- *Kiến Chấp Bản Ngã Vị Lai (Aparantakappikadiṭṭhi)*: Quan điểm sai lầm bởi do việc tự nghĩ suy lấy trong câu chuyện hiện hành của Ngũ Uẩn ở trong Thời Kỳ Vị Lai, có được 44 luận thuyết.

Kết hợp lại thì có được 62 luận thuyết.

+ 18 Kiến Chấp Bản Ngã Quá Khứ, đó là:

- 1/. 4 Thường Trú Kiến (*Sassatadiṭṭhi*),
- 2/. 4 Thường Trú Vô Thường Trú Kiến (*Ekaccasassatadiṭṭhi*),
- 3/. 4 Hữu Biên Vô Biên Kiến (*Antànantadiṭṭhi*),
- 4/. 4 Nguy Biện Kiến (*Amaràvikkhepaditṭhi*),
- 5/. 2 Vô Nhân Tương Sinh Kiến (*Adhiccasamuppannadiṭṭhi*).

+ 44 Kiến Chấp Bản Ngã Vị Lai, đó là:

- 1/. 16 Chủ Trương Hữu Tướng Luận Kiến (*Uddhamàghàtanikasaññhì vādadiṭṭhi*),
- 2/. 8 Chủ Trương Vô Tướng Luận Kiến (*Uddhamàghàtanikaasaññhìvādadiṭṭhi*),
- 3/. 8 Chủ Trương Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Luận Kiến (*Uddhamàghàtanikanevasaññhìnāsaññhì vādadiṭṭhi*),
- 4/. 7 Đoạn Luận Kiến (*Ucchedavādadiṭṭhi*),
- 5/. 5 Hiện Tại Níp Bàn Luận Kiến (*Ditṭhadhammanibbānavādadiṭṭhi*).

Thập Hữu Biên Tướng Vô Biên Tướng Kiến (Antaggàhikadiṭṭhi), đó là:

1. *Sassato loko*: Quan điểm rằng thế gian trường tồn.
2. *Asassato loko*: Quan điểm rằng thế gian không trường tồn.
3. *Antvà loko*: Quan điểm rằng thế gian có nơi tận cùng.
4. *Anantvà loko*: Quan điểm rằng thế gian không có nơi tận cùng.
5. *Tam jivam tam sariram*: Quan điểm rằng mạng sống và cơ thể là một với nhau.
6. *Aññam jivam aññam sariram*: Quan điểm rằng mạng sống và cơ thể là mỗi người riêng biệt nhau.
7. *Hoti tathagato param marañà*: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy sau khi tử vong rồi thì tiếp tục đi tục sinh nữa.
8. *Na hoti tathagato param marañà*: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy sau khi tử vong rồi thì không còn tiếp tục đi tục sinh nữa.
9. *Hoti ca na hoti tathagato param marañà*: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy chỉ trong thời vị lai sau khi tử vong rồi, thì thường đi tục sinh nữa cũng có, hoặc không đi tục sinh nữa cũng có.
10. *Neva hoti na na hoti tathagato param marañà*: Quan điểm rằng Hữu Tình ấy trong thời vị lai sau khi tử vong rồi, thì cũng chẳng có đi tục sinh nữa, cũng chẳng có không đi tục sinh nữa.

3. Giới Cấm Chấp Thủ (Sìlabbatupàdàna):

Việc thực hành sai trật với đường lối chân chánh, chẳng hạn như tự thực hành làm cho giống với con bò (*Nguru Hành Giả*) hoặc con chó (*Cẩu Hành Giả*), bởi do người ấy nghĩ suy cần phải vượt thoát ra khỏi sự khổ đau với biết bao vất vả khổ sở ở trong Vòng Luân Hồi, hoặc cần phải đi tục sinh ở trong Cõi Thiên Giới; thế nhưng lại không có được cơ hội để giao tiếp với tất cả các Bậc Hiền Triết, có Bậc Chánh Đẳng Giác, v.v. và cũng không có được cơ hội để học hỏi Chánh Pháp Học Giáo Truyền. Nhóm người này nhận thấy rằng những Bất Thiện đã phát sinh đến với mình rồi, thì không biết là bao nhiêu để mà đếm cho xuể được; và thiết yếu sẽ phải tìm kiếm đạo lộ ngõ hầu tiết diệt hết những thể loại Bất Thiện này. Bởi vì chính những thể loại Bất Thiện này đã làm cho mình không thể nào thụ hưởng được sự an lạc ở trong chốn bông lai tiên cảnh. Khi đã nghĩ suy như vậy, thế rồi đã phát sinh tư duy nhận thức rằng hẳn là ta đã có mắc nợ với Bất Thiện rồi, thì ta cần phải cố gắng để giải quyết nợ cũ Bất Thiện cho được hết sạch đi, còn nợ mới thì quyết sẽ không tạo thêm nữa; và như vậy mới có thể sẽ trả hết sạch nợ trần được. Hơn nữa Bất Thiện cũ, đây là người chủ nợ đã làm cho ta phải bị khốn khổ vất vả vô cùng, nhất quyết là ta sẽ phải lấy sự vất vả đây, dùng để trả cho dứt sạch hết nợ trần. Điều này cũng được ví như một người đã là con nợ bạc vàng của người ta, vả lại không có khả năng để đi kiếm được bạc vàng ngõ hầu trả cho dứt nợ của người; thế thì cũng phải tự đem thân đem sức đi đến đối diện với sự vất vả khổ sở ấy, có nghĩa là phải cam chịu làm kẻ tởm cho người ta sử dụng để thay thế

bạc vàng. Chính sự vất vả khổ sở này đã có khả năng sẽ giúp cho bản thân mình vượt thoát ra khỏi và giữ sạch hết cả những nợ trần ấy được. Điều này như thế nào, thì bản thân đang mắc nợ Bất Thiện cũng như thế ấy vậy, tất yếu cũng sẽ cần phải lấy sự vất vả khổ sở thuộc loại nhóm Hữu Tình Bàng Sinh có bò và chó v.v. đang được đón nhận đấy, để làm thành phương dụng hỗ trợ cho bản thân được vượt thoát ra khỏi người chủ nợ Bất Thiện, thì đến lúc bấy giờ bản thân mình mới sẽ được thoát ra khỏi Bất Thiện. Khi đã nghĩ suy theo đường lối như vậy, thế rồi đã cùng rủ nhau tiến hành tu tập bản thân cho giống với bò (*Nguru Hành Giả*) và chó (*Cẩu Hành Giả*); có việc ăn, việc ngủ, việc ngồi, việc đứng, việc bài tiết tiêu tiểu, suốt trọn cho đến cả việc bày trí sắc thân hình thù cũng cho được giống với bò hoặc chó ấy vậy; mà chính ngay điều này là đã trái ngược lại việc sinh hoạt của tất cả Nhân Loại. Hơn thế nữa, cũng chính việc thực hành như vậy mới được gọi tên là **Giới Cẩm Chấp Thủ**.

4. Ngũ Luận Chấp Thủ (*Attavàdupàdàna*):

Tức là *Kiến Chấp Ngũ* (*Attadiṭṭhi*) hoặc *Hữu Thân Kiến* (*Sakkàyadiṭṭhi*) bám giữ chặt ở trong Ngũ Uẩn rằng là Ngũ, là Bản Ngũ; và hiện hữu đến 20 thể loại, hoặc tính theo tròn đủ thì có được 256 thể loại, đó là:

- Hữu Thân Kiến sinh khởi bởi do nương vào Sắc Uẩn làm Cảnh thì có được 4 hoặc 112.
- Hữu Thân Kiến sinh khởi bởi do nương vào Thọ Uẩn làm Cảnh thì có được 4 hoặc 72.
- Hữu Thân Kiến sinh khởi bởi do nương vào Tưởng Uẩn làm Cảnh thì có được 4 hoặc 24.
- Hữu Thân Kiến sinh khởi bởi do nương vào Hành Uẩn làm Cảnh thì có được 4 hoặc 24.
- Hữu Thân Kiến sinh khởi bởi do nương vào Thức Uẩn làm Cảnh thì có được 4 hoặc 24.

Hữu Thân Kiến Sinh Khởi Bởi Do Nương Vào Sắc Uẩn Làm Thành Cảnh Thì Có Được Bốn Thể Loại, đó là:

1. *Rùpaṃ attato samanupassati* = Có quan điểm rằng *Sắc này là Ta, và Ta là Sắc này*. (Hiểu biết rằng Ta với Sắc Thân là một như nhau; cũng tương tự như trông thấy ngọn lửa với ánh sáng ngọn lửa vậy.)
2. *Rùpavantam và attanam* = Có quan điểm rằng *Ta có Sắc này*. (Hiểu biết rằng Ta với Sắc Thân là mỗi người riêng biệt nhau; cũng tương tự như cây với bóng cây vậy.)

3. **Attani và rùpaṃ** = Có quan điểm rằng *Sắc này ở trong Ta*. (Hiểu biết rằng Ta với Sắc Thân là mỗi người riêng biệt nhau; cũng tương tự như mùi hương của hoa hiện hữu ở trong bông hoa vậy.)
4. **Rùpasmim và attanaṃ** = Có quan điểm rằng *Ta ở trong Sắc này*. (Hiểu biết rằng Ta với Sắc Thân là mỗi người riêng biệt nhau; cũng tương tự ngọc Ma Ni ở trong hộp kim hoàn vậy.)

Tính về số lượng tròn đủ thì có được 112 thể loại ấy, tức là:

Bốn thể loại Hữu Thân Kiến có Sắc Uẩn làm thành Cảnh đây, sinh khởi bởi do nương vào Địa Tố Chất cũng có, sinh khởi bởi do nương vào Thủy Tố Chất cũng có, v.v. cho đến Sắc Lão Mại, Sắc Vô Thường cũng có; chính vì thế Tứ Hữu Thân Kiến nhân (x) với 28 Sắc Pháp mới trở thành 112 thể loại, là như vậy.

Hữu Thân Kiến Sinh Khởi Bởi Do Nương Vào Thọ Uẩn Làm Thành Cảnh Thì Có Được Bốn Thể Loại, đó là:

1. **Vedanaṃ attato samanupassati** = Có quan điểm rằng *Việc thụ hưởng Cảnh là Ta, và Ta là việc thụ hưởng Cảnh*. (Hiểu biết rằng Ta và việc thụ hưởng Cảnh là một như nhau)
2. **Vedanàvantam và attanaṃ** = Có quan điểm rằng *Ta có việc thụ hưởng Cảnh*. (Hiểu biết rằng Ta và việc thụ hưởng Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)
3. **Attani và vedanaṃ** = Có quan điểm rằng *Việc thụ hưởng Cảnh ở trong Ta*. (Hiểu biết rằng Ta và việc thụ hưởng Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)
4. **Vedanàya và attanaṃ** = Có quan điểm rằng *Ta ở trong việc thụ hưởng Cảnh*. (Hiểu biết rằng Ta và việc thụ hưởng là mỗi người riêng biệt nhau.)

(Điều tỷ dụ hữu quan với cả Tứ Thọ vừa nêu trên thì cũng tương tự như đã trình bày ở trong Sắc Uẩn vậy.)

Tính về số lượng tròn đủ thì có được 72 thể loại ấy, tức là:

Một khi tính theo Môn thì có Lục Thọ, tức là Nhãn Phủ Xúc Thọ v.v. Trong cả sáu thể loại Thọ này, được phân tích ra thành 3, tức là Lạc Thọ, Khổ Thọ, Xả Thọ, và kết hợp lại thì có được 18.

Cả Tứ Hữu Thân Kiến sinh khởi bởi do nương vào Nhãn Phủ Xúc Lạc Thọ cũng có, sinh khởi bởi do nương vào Nhãn Phủ Xúc Khổ Thọ cũng có, sinh khởi bởi do nương vào Nhãn Phủ Xúc Xả Thọ cũng có. Hơn thế nữa, cả Tứ Hữu Thân Kiến sinh khởi bởi do nương vào Lạc, Khổ, Xả mà hữu quan với Nhãn Phủ Xúc, v.v.

cho đến Ý Phủ Xúc cũng tương tự như nhau; chính vì thế Tứ Hữu Thân Kiến nhân (x) với 18 Thọ mới trở thành 72, là như vậy.

Hữu Thân Kiến Sinh Khởi Bởi Do Nương Vào Tướng Uẩn **Làm Thành Cảnh Thì Có Được Bốn Thể Loại, đó là:**

1. **Saññam attato samanupassati** = Có quan điểm rằng *Việc tưởng nhớ Cảnh là Ta, và Ta là việc tưởng nhớ Cảnh.* (Hiểu biết rằng Ta với việc tưởng nhớ Cảnh là một như nhau)
2. **Saññàvantam và attanam** = Có quan điểm rằng *Ta có việc tưởng nhớ Cảnh.* (Hiểu biết rằng Ta với việc tưởng nhớ Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)
3. **Attani và saññam** = Có quan điểm rằng *việc tưởng nhớ Cảnh ở trong Ta.* (Hiểu biết rằng Ta với việc tưởng nhớ Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)
4. **Saññàya và attanam** = Có quan điểm rằng *Ta ở trong việc tưởng nhớ Cảnh.* (Hiểu biết rằng Ta với việc tưởng nhớ Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)

(Điều tỷ dụ hữu quan với cả Tứ Tướng vừa nêu trên thì cũng tương tự như đã trình bày ở trong Sắc Uẩn vậy.)

Tính về số lượng tròn đủ thì có được 24 thể loại ấy, tức là:

Một khi tính theo Cảnh thì việc tưởng nhớ Cảnh đây, có được 6 thể loại; tức là Sắc Tướng, Thinh Tướng, Khí Tướng, Vị Tướng, Xúc Tướng và Pháp Tướng.

Cả Tứ Hữu Thân Kiến sinh khởi bởi do nương vào Sắc Tướng cũng có, nương vào Thinh Tướng cũng có, v.v., chính vì thế Tứ Hữu Thân Kiến nhân (x) với Lục Tướng mới trở thành 24, là như vậy.

Hữu Thân Kiến Sinh Khởi Bởi Do Nương Vào Hành Uẩn **Làm Thành Cảnh Thì Có Được Bốn Thể Loại, đó là:**

1. **Saṅkhàre attato samanupassati** = Có quan điểm rằng *Việc tạo tác ở trong Cảnh là Ta, và Ta là việc tạo tác ở trong Cảnh.* (Hiểu biết rằng Ta và việc tạo tác ở trong Cảnh là một như nhau)
2. **Saṅkhàravantam và attanam** = Có quan điểm rằng *Ta có việc tạo tác ở trong Cảnh.* (Hiểu biết rằng Ta và việc tạo tác ở trong Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)
3. **Attani và saṅkhàrà** = Có quan điểm rằng *Việc tạo tác ở trong Cảnh ở trong Ta.* (Hiểu biết rằng Ta và việc tạo tác ở trong Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)

4. *Vedanàya và attànaṃ* = Có quan điểm rằng *Ta ở trong việc tạo tác ở trong Cảnh*. (Hiểu biết rằng *Ta* và việc tạo tác ở trong Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau.)

(Điều tỷ dụ hữu quan với cả Tứ Hành vừa nêu trên thì cũng tương tự như đã trình bày ở trong Sắc Uẩn vậy.)

Tính về số lượng tròn đủ thì có được 24 thể loại ấy, tức là:

Một khi tính theo việc tạo tác ở trong Cảnh đây thì có được 6 thể loại; tức là *Sắc Tưởng Tư Tác Ý (Rùpasaññacetanà)*, *Thinh Tưởng Tư Tác Ý (Saddasañña cetanà)*, *Khí Tưởng Tư Tác Ý (Gandhasaññacetanà)*, *Vị Tưởng Tư Tác Ý (Rasasaññacetanà)*, *Xúc Tưởng Tư Tác Ý (Phoṭṭhabbasaññacetanà)*, *Ý Tưởng Tư Tác Ý (Manosaññacetanà)*.

Cả Tứ Hữu Thân Kiến sinh khởi bởi do nương vào Sắc Tưởng Tư Tác Ý cũng có, nương vào Thinh Tưởng Tư Tác Ý, v.v. cũng có, chính vì thế Tứ Hữu Thân Kiến nhân (x) với Lục Tư Tác Ý mới trở thành 24, là như vậy.

Hữu Thân Kiến Sinh Khởi Bởi Do Nương Vào Thức Uẩn Làm Thành Cảnh Thì Có Được Bốn Thể Loại, đó là:

1. *Viññàṇaṃ attato samanupassati* = Có quan điểm rằng *Việc tri thức Cảnh là Ta, và Ta là việc tri thức Cảnh*. (Hiểu biết rằng *Ta* với việc tri thức Cảnh là một như nhau)

2. *Viññàṇavantaṃ và attànaṃ* = Có quan điểm rằng *Ta có việc tri thức Cảnh*. (Hiểu biết rằng *Ta* với việc tri thức Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)

3. *Attani và viññàṇaṃ* = Có quan điểm rằng *việc tri thức Cảnh ở trong Ta*. (Hiểu biết rằng *Ta* với việc tri thức Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)

4. *Viññàṇasmim và attànaṃ* = Có quan điểm rằng *Ta ở trong việc tri thức Cảnh*. (Hiểu biết rằng *Ta* với việc tri thức Cảnh là mỗi người riêng biệt nhau)

(Điều tỷ dụ hữu quan với cả Tứ Thức vừa nêu trên thì cũng tương tự như đã trình bày ở trong Sắc Uẩn vậy.)

Tính về số lượng tròn đủ thì có được 24 thể loại ấy, tức là:

Một khi tính theo Môn thì việc tri thức Cảnh đây, có được sáu thể loại; tức là *Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Ý Thức*.

Cả Tứ Hữu Thân Kiến sinh khởi bởi do nương vào Nhãn Thức cũng có, nương vào Nhĩ Thức cũng có, v.v., chính vì thế Tứ Hữu Thân Kiến nhân (x) với Lục Thức mới trở thành 24, là như vậy.

Giải thích rằng người đã có Ngã Luận Chấp Thủ đây; thì bất kiến, bất liễu tri và bất tín rằng Danh Sắc, Ngũ Uẩn này là Vô Ngã, là một thực tính không nằm ở trong mãnh lực cai quản và chỉ đạo của một ai, không có Ngã, và không có Bản Ngã. Lại hiểu biết rằng Danh Sắc Ngũ Uẩn này là *Ngã (Atta)*, là Bản Ngã; và Bản Ngã này là độc lập, có khả năng chủ quản và chỉ đạo Danh Sắc Ngũ Uẩn được. Bản Ngã chỉ thị cho sắc thân thực hiện những việc đứng, đi, ngồi, nằm, nói, nhìn, nghe, v.v., và sắc thân cũng đã thực hiện theo Bản Ngã chỉ thị.

**Sự Chấp Thủ Rằng Là Bản Ngã (Atta) Đây, Có Hai Thê Loại, đó là:
Chí Tôn Bản Ngã (ParamaAtta), Bản Sinh Mệnh Ngã (JivaAtta)**

Sự chấp thủ rằng Bản Ngã đây có khả năng kiến lập được Thế Gian; tất cả những vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện bày ở trong thế gian hằng mỗi ngày đều được sinh ra từ ở nơi mãnh lực của Bản Ngã ấy hết cả thảy; và sự chấp thủ như vậy mới được gọi tên là **Chí Tôn Bản Ngã**.

Sự chấp thủ rằng tất cả Chúng Hữu Tình hiện hữu ở trong Thế Gian này, có Tôi có Ta, tức là có sinh mệnh bảo hộ giữ gìn; và sự chấp thủ như vậy được gọi tên là **Bản Sinh Mệnh Ngã**.

Giải thích rằng **Chí Tôn Bản Ngã** có lịch sử nói rằng vào thời kỳ Thế Gian đã bị tiêu hoại do bởi Hỏa Tai, và bắt đầu kiến thủy tân thiên vũ trụ, thì ba Cõi Sơ Thiên Hữu Sắc Giới đã được kiến tạo lên trước cả các Cõi Giới khác. Trong thời gian tân kiến tạo đã được hoàn mãn đây, thì vẫn chưa có bất luận một vị Phạm Thiên nào sinh khởi lên cả. Tiếp đến Phạm Thiên ở tầng trên kể từ Cõi Nhị Thiên Hữu Sắc Giới, bất luận một vị nào đã vừa dứt Phúc Thọ mạng diệt từ ở Cõi Giới ấy, và đi thọ sinh ở trong Cõi Sơ Thiên Hữu Sắc Giới này, hiện bày làm vị Đại Phạm Thiên đầu tiên; ở đằng phía sau vị Đại Phạm Thiên này có hào quang sáng rực. Thời gian về sau thì vị Đại Phạm Thiên này đã khởi sinh cảm thụ trông trải cô đơn, mới chợt nghĩ đến ước nguyện sao cho có các vị Phạm Thiên khác nữa đến sinh sống chung với mình; đột nhiên vừa trùng khớp với thời gian ấy, có một vài vị Phạm Thiên ở trong tầng Cõi Giới trên cũng vừa dứt Phúc Thọ mạng diệt, đã cùng rủ nhau tử vong đến tục sinh ở trong Cõi Sơ Thiên Hữu Sắc Giới này trong thời gian nối tiếp với nhau có được rất nhiều vị. Tuy nhiên nhóm Phạm Thiên đi tục sinh ở thứ bậc sau đây, thì không được làm vị Đại Phạm Thiên, mà có một số vị làm hàng *Phạm Chúng Thiên (Brahmapàrisajjà – Bộc chúng vị Đại Phạm Thiên)*, một số vị làm *Phạm Phụ Thiên (Brahmapurohità – Quân Sư vị Đại Phạm Thiên)* và tất cả đều là hàng quần thần tùy tùng của Ngài Đại Phạm Thiên cả thảy. Sự rực rỡ của hào quang phún tỏa ở châu thân cũng ít hơn Ngài Đại Phạm Thiên. Khi Ngài Đại Phạm Thiên đã được trông thấy tất cả nhóm Phạm Thiên vừa hóa sinh lên ở trong thời gian ấy, thì cũng liền nghĩ suy rằng “*Khi Ta vừa khởi lên ước nguyện mong cầu có được vị Phạm Thiên hóa sinh cùng sống chung với Ta, thì sự ước*

nguyện cũng đã được thành tựu ứng hợp với sở nguyện; bởi do thế đích thị chính là Ta đây mới là Đấng kiến lập tất cả Chúng Phạm Thiên cho được hiện khởi lên ở trong Thế Gian này.”

Còn tất cả các nhóm Chúng Phạm Thiên vừa mới hóa sinh, đã được trông thấy Ngài Phạm Thiên có sắc tướng xinh đẹp, có hào quang chói sáng rực rỡ bày thiết khắp cả châu thân cho đến cả tòa Thiên Cung cũng vô cùng xinh đẹp; mới cùng rủ nhau hiện khởi lên tác bạch rằng: *Ayaṃ kho bhavaṃ brahmā mahābrahmā abhibhū anabhibhūto aññadattthudaso vasavatti issaro kattā nimmitā seṭṭho sajjitā vasi pitā bhūtabhabyānaṃ iminā mayaṃ bhotā brahmunā nimmitā.* Dịch nghĩa là: “*Vị Phạm Thiên này là Ngài Đại Phạm Thiên có quyền năng cai quản tất cả Chúng Hữu Tình, không có ở trong sự cai quản của vị nào khác; là Đấng Tạo Hóa nhất định có quyền năng liễu tri thông suốt tất cả sự vật, có quyền năng điều khiển làm cho tất cả Chúng Hữu Tình tiến hành thực hiện theo sự duyệt ý của mình; là Đấng Hóa Sinh Chủ, Đại Tôn cai quản tất cả Chúng Hữu Tình; là Sáng Tạo Chủ Thế Gian và Chúng Hữu Tình; là Đấng Thượng Tôn ở trong thế gian; là Chủ Tể mọi định mệnh, sắp bày tạo tác Hữu Tình cho làm Đại Vương, cho làm Bà La Môn, làm bá hộ, làm người giàu, người nghèo, tùy theo thích hợp với vị trí địa vị; là Tổ Phụ của Chúng Hữu Tình đã sinh lên và sắp sẽ sinh lên về sau. Ngay cả tất cả chúng ta hóa sinh lên ở ngay trong lãnh địa này, là cũng chính do bởi Ngài Đại Phạm Thiên này là Bạc đã kiến lập lên.*” Khi đã nhắc nhở nhau như vậy, thì cùng rủ nhau đi đến trông chờ để được hầu hạ và phục vụ Ngài Đại Phạm Thiên với mọi trường hợp.

Tiếp đến những nhóm Phạm Chúng Thiên này, khi đã vừa dứt Phúc Thọ mạng diệt, thì liền tử vong và đi tục sinh ở trong Cõi Nhân Loại. Đối với Ngài Đại Phạm Thiên ấy, thì vẫn còn hiện hữu sinh mạng, bởi vì thọ mạng miên trường hơn nhóm Phạm Thiên ấy. Còn tất cả Chúng Phạm Thiên khi đã đi tục sinh làm thành Nhân Loại rồi, thì có một vài nhóm đã tu tập An Chi, chứng đắc Thiên Định và Thắng Trí, có khả năng trông thấy Ngài Đại Phạm Thiên ấy; liền khởi sinh lên sự chấp thủ rằng Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình sinh sống ở trong thế gian này, thì Ngài Đại Phạm Thiên là Đấng Sáng Tạo Chủ hết cả thấy; chính vì thế, Ngài Đại Phạm Thiên này là Đấng Thượng Tôn, có được hồng danh là **Chí Tôn Bản Ngã (ParamaAtta)** là Đấng Bất Tử Bất Diệt. Sự kiến chấp bám chặt như vậy đã được thông tin liên lạc với nhau rất nhiều, cứ tiếp tục loan truyền mãi cho đến ngày nay. Chính vì thế, một nhóm người có quan điểm rằng hằng mỗi ngày tất cả những vật thể hữu sinh mạng và phi sinh mạng đã hiện bày ở trong thế gian này, suốt trọn cho đến cả sự an vui hạnh phúc, sự vất vả khổ sở, sự giàu có, sự nghèo khổ, sự thụ hưởng, sự không thụ hưởng, dòng giống thượng lưu, hoặc dòng giống thấp hèn, v.v.. Những thế loại này, cũng do bởi **Chí Tôn Bản Ngã** là Đấng đã kiến lập lên, có được thọ sinh từ ở nơi người trong thời kỳ Kiến Lập Kiếp Sơ đã có được chứng đắc Thiên Định, Thắng Trí, và có khả năng tự trông thấy Ngài Đại

Phạm Thiên ấy, làm cái nguyên nhân thưở ban đầu. Tiếp đến những con người tục sinh trong những thời kỳ nối tiếp về sau cũng có sự trông thấy như vậy, tiến hành theo cũng cùng một lối với nhau. Tuy nhiên những người đã tục sinh về sau này, thì không có khả năng được trông thấy Ngài Đại Phạm Thiên, bởi vì không có được Thăng Trí; và một khi có người đến vấn hỏi rằng Đấng Sáng Tạo Chủ kiến lập thế gian ấy đang ở nơi đâu ? Thì cũng chỉ giải đáp được rằng ở phía trên hư không mà thôi.

Chí Tôn Bản Ngã đây, thì có rất nhiều đề kêu gọi, thể theo dòng giống chủng loại và ngôn ngữ của nhà cầm quyền dân tộc này, tức là:

- Theo ngôn ngữ Bắc Phạn (*Sanscrit*) và Ấn Độ Giáo (*Hindu*) thì gọi là Thần **Sira**, Đấng Tối Cao, Đại Phạm Thiên Vương.
 - Theo ngôn ngữ Ba Tư (*Iran*) thì gọi là **Goda**.
 - Theo ngôn ngữ Ả Rập (*Arabic*) thì gọi là Thánh **Alla**.
 - Theo ngôn ngữ Anh Quốc thì gọi là Thượng Đế (**God**).
 - Theo ngôn ngữ Miến Điện (*Burma*) thì gọi là Đấng Kiên Chủ.
 - Theo ngôn ngữ Thái Lan thì gọi là Đức Chúa Trời.
 - Theo ngôn ngữ An Nam thì gọi là Đức Chúa Trời.
- Mà tất cả đều là **Chí Tôn Bản Ngã** hết cả thấy.

Bản Sinh Mệnh Ngã (JivaAtta)

1. Có người đã quan điểm rằng ở phía bên trong sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình đây có một bản ngã gọi là *Mệnh Ngã*. *Mệnh Ngã* này có được quyền năng tác hành tạo tác hết tất cả mọi công việc; chẳng hạn như trong lúc đang bước đi, thì cử chỉ oai nghi bước đi, là chẳng phải hiện hành với mãnh lực của bàn chân, chả là hiện hành với mãnh lực của chính **Bản Sinh Mệnh Ngã** ấy, và đã làm thành người chỉ thị cho giờ bàn chân lên bước đi. Hoặc giả trong lúc nào Bản Sinh Mệnh Ngã có ý định sẽ thực hiện ở trong một điều Bất Thiện, thì Thân Hành và Ngũ Hành cũng đều thực hiện ở trong điều Bất Thiện ấy đúng theo ý định của Bản Sinh Mệnh Ngã. Hoặc giả Bản Sinh Mệnh Ngã có ý định sẽ thực hiện ở trong một điều Thiện, thì Thân Hành và Ngũ Hành cũng đều thực hiện ở trong điều Thiện ấy đúng theo lời chỉ thị của Bản Sinh Mệnh Ngã. Chẳng hạn như trong lúc đang đưa bàn tay lên vái lạy ở ngay trước kim thân Đức Phật; thì việc đưa bàn tay lên để chắp tay vái lạy ở ngay trước kim thân Đức Phật ấy, là cũng với mãnh lực của Bản Sinh Mệnh Ngã. Hoặc trong lúc đang tụng niệm kinh thì việc thốt lên lời tụng đọc ấy, là cũng với mãnh lực của Bản Sinh Mệnh Ngã; và lại việc tụng đọc kinh được đúng đắn, cũng đều là với mãnh lực của Bản Sinh Mệnh Ngã hết cả, v.v. Chính vì thế, Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là *Tự Hành Mệnh Ngã (Kàraka Jiva Atta – Người tác hành tạo tác)*.

2. Có người đã quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây, đã làm thành người thụ lãnh quả báo phát sinh từ ở nơi Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực, sự an vui, sự khổ đau, ốm đau bệnh hoạn, và việc thọ thực thương vị và hạ vị, v.v. Việc tác hành Thiện, tạo tác Bất Thiện để rồi sẽ phải đón nhận quả báo trong thời vị lai, thì Bản Sinh Mệnh Ngã cũng sẽ làm thành người đón nhận thụ lãnh. Chính vì thế, Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là **Tự Thọ Mệnh Ngã (Vedaka JivaAtta – Người thụ lãnh)**.

3. Có người đã quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây, là vị chủ quản lý sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình, bởi vì có quyền năng làm người chủ quản khắp cả các bộ phận của sắc thân; chính vì thế Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là **Chủ Quyền Mệnh Ngã (Sàmi JivaAtta – Chủ nhân)**.

4. Có người đã quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây, một khi sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình đã bị hư hoại đi, do bởi sự già nua lão邁 hoặc do bởi bất luận một nguyên nhân bất tường nào đi nữa, thì Bản Sinh Mệnh Ngã này cũng sắp bày kiến tạo lên một sắc thân mới được nữa, thế rồi cũng chuyển đi ở trong sắc thân mới ấy. Sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình cho dù sẽ có bị hư hoại đi, tuy nhiên Bản Sinh Mệnh Ngã đây thì bất hoại, và có quyền năng kiến tạo lên sắc thân mới được hoàn hảo.

Hoặc một vài nhóm người cũng có quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây là một phần của **Chí Tôn Bản Ngã**. Khi Hữu Tình cận tử lâm chung, thì sắc thân ấy ngay tức thời cũng quay trở về lại trú xứ của Chí Tôn Bản Ngã hằng hiện hữu ở trên Cõi Trời. Có nghĩa là Chí Tôn Bản Ngã là Bậc đã gọi về, và coi như là Bản Sinh Mệnh Ngã ấy đã không có việc tử vong. Chính vì thế, Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là **Trường Tôn Mệnh Ngã (Nivàsi JivaAtta – Sống vĩnh hằng)**.

5. Có người đã quan điểm rằng **Bản Sinh Mệnh Ngã** đây có năng lực ở trong sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình, có quyền năng điều khiển sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình để làm được bất cứ việc gì thế theo ý định của mình. Chính vì thế, Bản Sinh Mệnh Ngã đây mới được gọi là **Tự Chế Mệnh Ngã (Sayamvasi – Người có quyền năng điều khiển được sắc thân)**.

Khi kết hợp cả hai thể loại quan điểm, đó là **Trường Tôn Mệnh Ngã (Nivasi)** và **Tự Chế Mệnh Ngã (Sayamvasi)** vào với nhau, cũng có nghĩa là có một nhóm người có cả hai thể loại quan điểm này. Hiểu biết rằng Bản Sinh Mệnh Ngã này là cốt lõi, là cốt lõi bền vững cùng tột, không có bất luận một vật thể nào có khả năng để sẽ phá hủy cho diệt đi được. Hơn nữa, lại còn có quyền năng một cách đặc biệt để có khả năng điều khiển sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình cho thực hiện thế theo ý định của mình, mới được gọi là **Đặc Quyền Mệnh Ngã (Vasavattana – Người có quyền lực đặc biệt)**.

Sự bám giữ chặt ràng là Bản Sinh Mệnh Ngã với năm trường hợp như đã vừa đề cập đến ở tại đây; thì có một vài nhóm người cũng chấp thủ giữ chặt lấy Thức Uẩn là cái Mệnh Ngã, một vài nhóm người cũng chấp thủ giữ chặt lấy Sắc Uẩn là cái Mệnh Ngã; và cũng có một vài nhóm người chấp thủ giữ chặt lấy bất luận một trong những thể loại Thọ Uẩn, Tướng Uẩn, hoặc Hành Uẩn là cái Mệnh Ngã, là Ta, của Ta. Bởi do thế, với quan điểm chấp thủ giữ lấy bất luận một trong Ngũ Uẩn rằng là Ta, của Ta; và cũng chính vì như thế mới được gọi tên là **Hữu Thân Kiến (Sakkàyadiṭṭhi)**, và cũng sắp vào ở trong nhóm được gọi là **Ngã Luận Chấp Thủ (Attavàdupàdàna)**.

Các thể loại Tà Kiến đã có được hiện khởi lên cũng chính do bởi nương vào Hữu Thân Kiến ấy vậy; bởi do thế Đức Phật Ngài mới trình bày để ở trong **Phẩm Tâm (Cittavagga) – Phần Lục Nội Xứ (Saḷāyatana)** thuộc Chánh Tạng Pàli Tương Ưng Bộ Kinh đã nói rằng **Hữu Thân Kiến** này là hạt giống căn gốc của tất cả các Tà Kiến. Nếu sẽ trình bày câu Chú Giải của Hữu Thân Kiến này thì có được như vậy là: **“Santo kayo = Sakkāyo”, “Sakkāye pavattàdiṭṭhi = Sakkākāyadiṭṭhi”** – **“Khối Ngũ Uẩn có được phối hợp thể theo Thực Tính Siêu Lý thì được gọi tên là Hữu Thân.”** Tức là Ngũ Uẩn. **“Tà Kiến là sự chấp thủ giữ lấy, đã sinh khởi ở trong khối Ngũ Uẩn có được việc hiện bày thể theo Thực Tính Siêu Lý, thì được gọi tên là Hữu Thân Kiến.”**

Lại nữa, đa số Phật Tử cho dù sẽ không có quyết định được rằng là thuộc bất luận một nhóm Bản Sinh Mệnh Ngã nào đi nữa, tuy nhiên quan điểm chấp thủ giữ lấy ở trong Danh Sắc là Ta, của Ta đây, thì ắt hẳn thường hay có với nhau hết cả thấy, chỉ ngoại trừ bậc Thánh Nhân mà thôi. Sự chấp thủ giữ lấy thì đa phần là đã bám giữ giữ chặt ở trong Thức Uẩn; chẳng hạn như một người nào đã chết, thì người còn sống sẽ thường hay nói rằng người này người nọ mạng sống đã tan rã, lìa khỏi sắc thân rồi. Hoặc giả những con trẻ thì sẽ hoảng hốt giạt mình, còn người lớn thì thường hay bảo rằng **“kinh hồn bạt vía”**; mà ý nghĩa của lời nói rằng **“kinh hồn bạt vía”** đây, cũng có thể lập ý chỉ lấy chính cái Tâm hoặc Thức của những con trẻ ấy thoát ra trong khoảnh khắc khỏi cơ thể ấy vậy. Hoặc đôi khi người đã chết đi rồi, nhưng Thức vẫn có thể đang bay lơ lửng, vẫn chưa có đi tục sinh chỗ nào cả; và đôi khi Thức của người ấy đi đến réo gọi rử rê anh chị em, con cháu, chồng vợ, v.v. cho đi với nhau. Hoặc đôi khi Thức của người ấy đã chết đi, lại đến ám ngụ vào ở trong những sắc thân của thân quyến, anh chị em, chồng vợ; và đã khiến cho phải thực hiện một buổi lễ xua đuổi trục xuất Thức ấy đi, như vậy chẳng hạn.

Sự chấp thủ giữ lấy phần Ngã Luận Kiến đây rất là rộng lớn, không chỉ sẽ chấp thủ riêng biệt vào Ngũ Uẩn là sắc thân không thôi, mà ngay cả cho đến các vật thể ở phía bên trong, chẳng hạn như núi đồi, cây cối, mặt đất, sông nước; với những thể loại này cũng chấp thủ rằng có Bản Ngã, tất cả đều là Bản Sinh Mệnh Ngã Kiến cả thấy. Với lý do này, Bậc Chánh Đẳng Giác mới lập ý trình bày để ở

trong Chánh Tạng Pàli về “thảo mộc điều học chỗ trú ngụ” thuộc Tạng Luật Tỳ Khưu Ung Đối Trị (“*Bhùtagàmasikkhàsenàsana*” – *Bhikkhupàcittiya*) nói rằng “*Jivasāñño hi moghapurisà manussà rukkhasmim*” (*Mahavibhaṅga II – Đại Phân Tích II, điều 354*) dịch nghĩa là “*Này kẻ ngu si kia, tất cả Nhân Loại có sự chấp thủ rằng cây cỏ có mạng sống.*”

Trình Bày Kệ Ngôn Kết Luận Trong Bản Sinh Mệnh Ngã

Sattiyà yassa jivassa Loko vattati mañño
Kàrako vedako sàmi Nivàsi so sayamvasi

“*Những kẻ Vô Văn Phạm Phu có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình đang thực hiện biết bao hành động của mình và đã được tồn tại, là cũng chính do bởi nương vào năng lực của Mệnh Ngã ấy vậy. Và cũng chính Mệnh Ngã này là người có quyền năng thực hiện được mọi hành động, là người thụ lãnh quả báo tốt và cả xấu, là chủ quản sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình, có quyền năng kiến lập sắc thân mới; hoặc trở về trú xứ của Chí Tôn Bản Ngã bất hoại diệt; có quyền năng điều khiển sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình để cho làm được bất cứ việc gì thể theo ý định của mình.*”

Mệnh Ngã người đời há khỏi qua,
Chấp rằng chủ quản đều do Ta,
Chế quyền chẳng mất quy về Bản,
Định đặt nhiều tên tựa lý xa.
(Ngài Đại Trưởng Lão Tịnh Sự)

- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, thì trong ngôn ngữ Bắc Phạn (*Sanskrit*) gọi là *Hữu Ngã (Àtamà)*, *Bản Ngã (Àtamana)*.
- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, thì trong ngôn ngữ Ma Kiệt Đà (*Magadha*) gọi là *Bản Ngã (Àtumà)*.
- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, thì trong ngôn ngữ Tam Tạng (*Tipitaka*) gọi là Sinh Mệnh, Bản Thể, Người, Chúng Sinh, Hữu Tình.
- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, thì trong ngôn ngữ Ả Rập (*Arabic*) gọi là *Rùha*.
- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, thì trong ngôn ngữ Anh Quốc gọi là Linh Hồn (*Soul*).
- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, thì trong ngôn ngữ An Nam gọi là Thần Hoàng.
- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, thì trong ngôn ngữ Thái Lan gọi là Mệnh Chủ.
- Bản Sinh Mệnh Ngã đây, thì trong ngôn ngữ Miến Điện (*Burma*) gọi là *Otte*.

Kiến Chấp Ngã (Attadiṭṭhi) ở phần *Ngã Luận Chấp Thủ (Attavàdupàdàna)* đây, tức là người ấy sẽ phải chấp thủ giữ lấy rằng ở trong sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình; và nếu như trong việc trình bày Pháp hoặc trong việc dùng để bảo với nhau rằng “*Attà hi attano nàtho*”- “*Chính tự Ta là chỗ nương tựa của chính mình*” hoặc lời nói rằng “*Tự tin*” thì những thể loại này chẳng phải là Ngã Luận Chấp Thủ.

Bậc Chánh Đẳng Giác đã lập ý trình bày để ở trong *Chương Toát Yếu (Nikkhepakanda)* thuộc *Bộ Kinh Pháp Tụ (Dhammasaṅginipakarana)* rằng: “*Silabbatupàdānaṅca sabbāpi micchādiṭṭhi diṭṭhupàdānaṃ*” dịch nghĩa là “*Loại trừ Giới Cấm Chấp Thủ và Ngã Luận Chấp Thủ đi rồi, thì tất cả những thể loại Tà Kiến ấy đều là Kiến Chấp Thủ hết cả thảy.*”

Trình Bày Sự Khác Biệt Nhau Giữa Ái Dục Với Dục Chấp Thủ

Ái Dục một khi tính theo Chi Pháp, tức là Tâm Sở **Tham**.

Dục Chấp Thủ một khi tính theo Chi Pháp, cũng chính là Tâm Sở **Tham** tương tự như nhau.

Bởi do thế, trong sự việc nói rằng **Ái Dục** làm duyên cho **Dục Chấp Thủ** khởi sinh lên, cũng có nghĩa chính là **Tham** làm duyên cho **Tham** khởi sinh lên vậy. Khi đã là như vậy, Tham chỗ được gọi tên là **Ái Dục** với Tham chỗ được tên là **Dục Chấp Thủ** thì có sự khác biệt nhau như thế nào ?

Giải thích rằng sự đắm nhiễm, sự mong muốn ở trong những thể loại Cảnh có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Phũ Xúc đây, thì được gọi tên là **Ái Dục**.

Đích thị chính sự đắm nhiễm, sự mong muốn này đây, một khi đã có khởi sinh lên với nhiều năng lực mạnh mẽ, và thường làm cho tâm thức luôn phải bị cột trói dính mắc với những Cảnh ấy, không thể mất đi được; hoặc một khi sự vật mà bản thân đã có sự mong mỏi kỳ vọng rồi, và có sự nâng niu quý trọng sự vật ấy không chịu buông bỏ, như vậy chẳng hạn thì được gọi là **Dục Chấp Thủ** khởi sinh lên bởi do nương vào **Ái Dục** làm duyên.

- Ái Dục đây, là sự hoan hỷ duyệt ý sinh khởi ở lần đầu tiên trong bất luận một Cảnh Dục Trần nào đó.
- Và Dục Chấp Thủ này, là sự đắm nhiễm dính mắc ở trong những Cảnh Dục Trần ấy mà không chịu buông bỏ.
- Ái Dục được ví như cây cối vừa bắt đầu nảy sinh những mầm mới lên.
- Dục Chấp Thủ được ví như cây cối đã phát triển tươi tốt và to lớn lên rồi.

Theo lẽ thường, cây cối vừa nảy sinh những mầm mới lên thì rễ cây hãy còn nhỏ và làn mò mọc xuống trong lòng đất khi vẫn còn cạn hẫng chưa sâu. Nếu sẽ cần phải di chuyển đem đi trồng ở chỗ khác, thì cũng có khả năng nhổ lên được dễ dàng, và cũng không làm cho rễ cây phải bị đứt hoặc bị hư hỏng đi bất cứ trường

hợp nào cả. Còn cây khi đã phát triển to lớn rồi, thì thường có rễ cây mọc dài sâu thẳm xuống trong lòng đất, đã và đang bám giữ chặt lấy; thật là khó khăn cho việc sẽ nhổ lên và đem đi trồng ở chỗ khác; bởi vì rất có thể sẽ làm cho rễ cây bị đứt lìa và chết đi được. Điều này như thế nào, thì sự hiện hành từ ở nơi **Ái Dục** và **Dục Chấp Thủ** cũng tương tự như nhau. **Ái Dục** là sự duyệt ý ở trong những Cảnh khi vẫn đang còn có năng lực yếu kém, và chưa có đủ năng lực để bám níu giữ chặt ở trong những thể loại Cảnh ấy. Còn **Dục Chấp Thủ** là sự duyệt ý ở trong Cảnh với năng lực đã sinh khởi lên mạnh mẽ, đã và đang bám giữ chặt lấy ở trong những thể loại Cảnh ấy mà không chịu buông bỏ.

Ái Dục đây, là Pháp ở thành phần đối nghịch đối với **Đức Hạnh Thiểu Dục (Appicchàgūṇa)** tức là việc làm thành người ít mong muốn, và biết đủ.

Dục Chấp Thủ này, là Pháp ở thành phần đối nghịch đối với **Đức Hạnh Túc Nguyên (Santosagūṇa)** tức là việc làm thành người duyệt ý mãn nguyện ở trong điều mà mình đang có.

Ái Dục làm Nhân từ ở nơi **Tâm Cầu Khổ (Pariyesanadukkha)** tức là sự khổ đau hữu quan với việc tầm cầu tìm kiếm ở trong những Cảnh Dục Trần.

Dục Chấp Thủ làm Nhân từ ở nơi **Bảo Tồn Khổ (Arakkhadukkha)** tức là sự khổ đau hữu quan với việc canh phòng gìn giữ ở trong những Cảnh Dục Trần mà mình đã có được, không cho bị hư hoại mất mát đi.

1. Trình Bày **Ái Dục** Làm Duyên Cho **Dục Chấp Thủ** Khởi Sinh

Ái Dục làm duyên cho **Dục Chấp Thủ**, sẽ nêu lên một kiểu mẫu điển hình như tích truyện về Ngài Giác Hữu Tình (**Bodhisatta – Bồ Tát**) có nội dung như sau: “Ngài Giác Hữu Tình (**Bodhisatta – Bồ Tát**) trong một kiếp sống làm vị Đạo Sĩ đã thành tựu viên mãn Thiên Định và Thắng Trí, có khả năng bay trên hư không, thế rồi đã đi đến trú ngụ trong vườn ngự uyển của Đức Vua ở kinh thành **Baranasi**, và từng mỗi ngày đã đi vào Hoàng Cung để đón nhận thực phẩm và thọ thực ở tại nơi đó. Tiếp đến Đức Vua **Baranasi** có quốc sự và tạm thời phải đi ra khỏi kinh thành; Ngài đã chỉ thị cho Vương Phi có tên gọi là **Mudulakkhanā** thay thế cho mình, để thực hiện việc sắp bày vật thực cúng dường đến Ngài Đạo Sĩ. Vương Phi đã vâng theo lời chỉ thị của Vua ban một cách nghiêm nhặt. Một ngày nọ, Nàng ta đã sửa soạn sắp bày vật thực cho đến Ngài Đạo Sĩ xong xuôi đâu vào đấy cả rồi, và trong khi chờ đợi Ngài Đạo Sĩ đến, Nàng ta đã đi nằm nghỉ ngơi ở tại bệ đài của đại sảnh. Đến thời đã quy định, Ngài Đạo Sĩ đã bay vào khoang cửa sổ, và khi nghe được âm thanh của Ngài Đạo Sĩ đã đến, Nàng ta cũng liền vội đứng lên cho việc đón tiếp. Thế nhưng, tình cờ mảnh vải lụa của Nàng ta đã sút sổ ra khỏi long thể mà không kịp hay biết. Ngài Đạo Sĩ đã trông thấy được sắc thân của Nàng ấy, thế rồi đã mất đi năng lực của sự kiểm thúc, và đã phát sinh lên sự luyến ái ưa thích ở trong sắc thân mỹ lệ của Nàng ta. Ái Dục đã tỉnh lặng ở

nội tâm bấy giờ tức thì đã bùng phát khởi lên, cũng giống như một thân cây có mú nhựa đã bị dao rạch vào, thế là nhựa cũng liền rỉ chảy ra vậy. Thiên định của Ngài đã bị tổn hại, đứng sững sờ không màng đón nhận vật thực, vội vàng rời khỏi cung điện, liền bước đi đến vườn ngự uyển, và đã vào trong thảo am, buông bỏ vật thực để nằm ở đó và đã đi nằm khóc than đến nòng Vương Phi ấy suốt trọn cả thời gian 7 ngày, chẳng màng nghĩ tưởng đến việc ăn uống.”

Tích truyện này trình bày cho được thấy rằng Ái Dục làm Nhân cho Dục Chấp Thủ khởi sinh; tức là phút giây tiên khởi mà Ngài Đạo Sĩ đã được trông thấy sắc thân của nòng Vương Phi, thế rồi liền phát sinh lên sự ưa thích ái luyến, ấy là giai đoạn của Ái Dục khởi sinh. Tiếp đến năng lực của sự duyệt ý ấy đã phát khởi lên một cách mãnh liệt, cho đến phải nằm khóc than suốt cả bảy ngày chẳng màng nghĩ đến việc ăn uống, ấy chính là giai đoạn của Dục Chấp Thủ đã khởi sinh lên rồi vậy.

Trong *Túc Sinh Truyện Tham Dục (Kàmajataka)* thuộc *Phẩm Thập Nhị Kế Ngôn (Dvādasanipāta)* đã có nêu lên tích truyện để trình bày cho thấy đến sự hiện hành của Dục Chấp Thủ khởi sinh do bởi nương vào Ái Dục làm Nhân, có nội dung như vậy là:

*“Một thuở nọ, Đức Vua **Brahmadatta** trị vì kinh thành **Baranasi** (Ba La Nại) có hai vị Vương Tử. Nhà vua đã phong chức Phó Vương cho Thái Tử, còn vị thứ hai làm Quan Đại Thượng Thư. Sau đó khi Vua **Brahmadatta** bằng hà, triều thần đã trao Vương Sản bằng cách phong vương cho Thái Tử bằng nghi lễ quán đảnh. Tuy nhiên Thái Tử đã từ chối và bảo rằng:*

- Ta chẳng màng giang sơn quốc độ, và hãy trao Vương Sản cho Vương Đế của Ta trị vì đất nước.

Quần thần cùng với đại chúng đã van xin cầu khẩn Thái Tử, song chàng chẳng muốn chuyện ấy, nên vị Vương Đế đã được quán đảnh phong vương. Thái Tử cũng không màng ngôi vị phó vương hay chức tước chi cả, khi triều thần xin chàng ở lại sinh sống trên mảnh đất trù phú này, tuy nhiên đã từ khước nói rằng;

- Không, Ta chẳng làm được chi ở trong kinh thành này !

*Thế rồi chàng Thái Tử đã ra đi, rời khỏi kinh thành **Baranasi** (Ba La Nại), đã đi đến một vùng nông thôn ở cuối biên địa, và đến sinh sống với một gia đình trưởng giả giàu có, bằng với đôi tay làm lụng công việc vườn trại. Trải qua một thời gian, nhóm người này đã biết được chàng là một vị Thái Tử, nên không để cho chàng làm việc nữa; và đã trở lại hầu hạ chàng như thể một Vương Tử phải được cung phụng như vậy.*

Bấy giờ, sau một thời gian thì triều thần đã đi đến làng đó để vẽ họa đồ đồng ruộng. Lúc ấy, người lái buôn nói với Vương Tử:

- *Tâu Điện Hạ, vì công lao chúng thần phụng dưỡng Ngài, mong Ngài gửi về Đại Vương là Vương Đệ của Ngài một bức thư để xin dùm cho chúng thần được miễn giảm thuế chăng ?*

Chàng Thái Tử đã đồng ý làm việc ấy và thảo một lá thư với nội dung như sau: “Ta đang sống với gia đình một trưởng giả giàu có, Ta xin Vương Đệ hãy vì Ta mà miễn thuế cho họ.”

Nhà vua chấp thuận, và đã làm y theo như vậy. Từ đó dân làng và dân cả vùng ấy đến gặp chàng Thái Tử và quỳ tâu:

- *Hãy xin giúp cho chúng thần được miễn thuế, rồi chúng thần sẽ đóng thuế cho Ngài.*

Chàng Thái Tử này lại làm thỉnh nguyện thư cho họ, và xin cho họ miễn thuế. Sau đó dân chúng đã trả thuế cho chàng. Lúc ấy tài hỷ và sự sùng kính cùng với danh tiếng của chàng rất lớn; thế rồi lợi danh này đã lòng tham của chàng cũng khởi lên, vì thế dần dần chàng đòi cả thị trấn, đòi đến chức Phó Vương cũ và vị Vương Đệ của chàng cũng đã ban phát cho chàng hết tất cả. Lúc ấy lòng tham của chàng cứ tăng trưởng lớn dần lên, chàng không hài lòng với chức vị Phó Vương và quyết định chiếm lấy ngai vàng. Nhắm mục đích ấy, chàng lên đường cùng với một đám người, đóng tại ở bên ngoài kinh thành, và gửi thư vào Vương Đệ:

- *Hãy trao quốc độ cho Ta, không thì phải giao chiến !*

Vị Vương Đệ suy nghĩ: “Ngày trước kẻ ngu si này đã từ chối ngai vàng, địa vị Phó Vương và tất cả; nay lại bảo muốn đánh chiếm lại, nếu Ta lại giết anh ta trong chiến trận thì đó là điều ô nhục cho Ta, vậy Ta cần làm Vua chi nữa ?”

Vì thế chàng gửi chiếu chỉ:

- *Vương Đệ không muốn gây chinh chiến binh đao, xin Vương Huynh cứ nhận lấy ngai vàng.*

Và như thế, vị Vương Huynh đã chấp thuận việc ấy và đã phong vị người em của mình làm Phó Vương. Từ đó chàng đã trị vị Vương Quốc, nhưng lòng tham lam đã như vậy, nên một Vương Quốc cũng chưa làm chàng ta đủ thỏa mãn, và muốn hai Vương Quốc, rồi ba, tuy thế vẫn thấy lòng tham còn vô tận.

*Lúc bấy giờ, Thiên Chủ Đé Thích (Sakka) quán sát nhìn xuống Cõi Nhân Thế. Ngài đã nghĩ suy: “Ai là người chăm lo phụng dưỡng Mẹ Cha đây ? Ai là người xả thí và làm điều thiện đây ? Ai là người bị tham dục chi phối ?” Sau đó, Ngài đã nghĩ suy: “Kẻ ngu si này không hài lòng trị vì ở kinh thành **Baranasi**. Thôi được, Ta sẽ dạy cho vị này một bài học.”*

Vì thế, Ngài đã biến hóa thành một thanh niên Bà La Môn, đứng ở trước ngọ môn quan và đưa tin rằng có một thanh niên lanh lợi đang đứng chầu nơi đây. Và chàng ta đã được lệnh cho vào; sau khi lễ chào chúc tụng đến nhà vua xong xuôi rồi, thì vua đã vấn hỏi:

- *Tại sao công tử đến đây ?*

- *Tâu Đại Vương, hạ thần có chuyện cần tấu trình với Đại Vương, song le hạ thần lại muốn được giữ kín.*

Nhờ vào thần lực của Thiên Chủ Đế Thích mọi quân thần đều rút lui. Và chàng ta đã nói tiếp:

- *Tâu Đại Vương, hạ thần biết đến ba kinh thành trù phú, đông dân, quân đội và các chiến mã đều hùng mạnh. Hạ thần cậy nhờ vào quyền lực của mình sẽ làm chủ cả ba kinh thành ấy; và rồi sẽ hiến dâng đến Đại Vương. Như thế, Đại Vương không nên trì hoãn mà phải lập tức đi ngay thôi.*

Nói vừa dứt lời, thì Thiên Chủ đã trở về lại Cõi Tam Thập Tam Thiên Giới. Nhà vua với cả lòng tham to lớn nên đã đồng ý ngay tức thì. Và cũng nhờ vào thần lực của Thiên Chủ Đế Thích đã che án, nên vị vua này đã không vấn hỏi rằng: “Thế công tử là ai, và từ đâu đến vậy? Công tử sẽ nhận lại điều chi?”

Sau đó, vua đã triệu tập quân thần, và đã bảo với họ rằng:

- *Một thanh niên đã vừa đến đây, và đã hứa sẽ lấy và dâng lên cho Trẫm thống trị ba Vương Quốc! Các khanh hãy đi tìm kẻ ấy. Ra lệnh đánh trống khắp cả kinh thành, triệu tập binh lính, không được trì hoãn, vì Trẫm sắp chiếm ba Vương Quốc đấy.*

- *Tâu Đại Vương, thế Đại Vương có tiếp đãi thanh niên ấy, hoặc hỏi xem chàng ấy từ ở đâu đến chăng?*

- *Ồ không, không; Trẫm không tiếp đãi đến chàng ta, cũng không vấn hỏi chàng ta là từ ở đâu đến cả; như vậy các khanh hãy cố gắng đi tìm chàng đi!*

Quần thần đã nỗ lực đi tìm khắp cả kinh thành này, thế nhưng không thể tìm ra chàng thanh niên ấy. Nghe vậy, vua đã phát sinh buồn bực ở trong lòng:

- *Thế là quyền cai trị cả ba kinh thành coi như đã mất rồi vậy!*

Nhà vua lại nghĩ suy miên man: “Ta bị tước mất vinh quang tột bậc, chắc hẳn là do thanh niên ấy đã bỏ đi, đã bực tức Ta lắm vì chẳng ban phát cho chàng ta tiền lộ phí, cũng chẳng cấp phát nơi trú ở vậy.”

Tức thời, trong cơ thể của nhà vua đã phát nóng lên như thiêu đốt. Trong khi cơ thể đang nóng bừng lên như vậy thì ruột của nhà vua cũng bị lỵ huyết chảy ra; các thầy thuốc cũng không thể nào chữa trị được, và đã làm cho nhà vua phải bị kiệt sức. Bệnh trạng của vua đã được đồn đãi khắp cả kinh thành.

*Vào thời lúc ấy, Ngài Bồ Tát từ ở thành phố **Takkasilà** đã trở về nhà Mẹ Cha ở thành **Baranasi**, sau khi đã tinh thông hết t mọi ngành học thuật. Ngài được biết tin tức tức về nhà vua, nên đã gửi vào Hoàng Cung một sớ tấu trình để được trị bệnh cho nhà vua. Vua bèn phán rằng:*

- *Các đại danh y lừng lẫy khắp gần xa còn chưa chữa nổi căn bệnh của Trẫm, chả là một thanh niên làm cách chi được hỉ? Thôi trả lộ phí cho anh ta rồi bảo hãy ra về.*

Thanh niên ấy đáp rằng:

- Ta không cần chi phi chữa bệnh, song Ta sẽ chữa lành nhà vua, thì Ngài chỉ cần trả lệ phí cho ta món thuốc chữa bệnh mà thôi.

Khi vua nghe vậy, liền chấp thuận cho chàng vào. Vào đến Hoàng Cung, thì thanh niên kính lễ quỳ tâu rằng:

- Tâu Đại Vương, chớ có sợ chi ! Thần sẽ trị lành bệnh cho Đại Vương, song xin Đại Vương nói cho hạ thần nghe căn nguyên bệnh tình của Ngài.

Vua nổi thịnh nộ quát rằng:

- Người hỏi thế để làm gì chứ ? Cứ làm món thuốc chữa trị đi.

- Tâu Đại Vương, đây là phương cách của vị thầy thuốc. Trước tiên phải biết vì sao phát sinh bệnh trạng này, sau đó mới làm thuốc chữa cho thích hợp.

- Thôi được rồi, chú bé !

Và vua đã bắt đầu kể lại căn nguyên bệnh tình, từ lúc chàng thanh niên ấy hứa hẹn sẽ giành lấy và sẽ dâng lên ba kinh thành cho vua được quyền thống trị.

- Như vậy, này bé con, căn bệnh phát sinh từ ở nơi lòng tham, chú bé có giỏi thì hãy chữa đi.

- Sao, tâu Đại Vương, có chiếm được các kinh thành ấy do bởi buồn phiền hay chăng ?

- Ở không đâu, này bé con.

- Nếu vậy, thì tại sao Đại Vương lại phải buồn phiền ? Mọi vật dù vô tri giác hay hữu tri giác, đều phải bị hủy diệt, bỏ lại hết tất cả, ngay cả chính thân xác của mình. Cho dù Đại Vương có trị vì cả bốn kinh thành đi nữa, Đại Vương cũng không thể nào cùng một lúc ăn cả bốn mâm cơm, ngủ bốn sang tọa, mặc cả bốn bộ y phục được. Đại Vương không nên làm nô lệ cho tham dục, vì khi tham dục tăng trưởng thì ta không thể thoát khỏi bốn cảnh Khổ Thú.

Sau khi đã khuyên giáo như vậy xong, bậc Đại Sĩ khái thuyết Giáo Pháp qua các vần kệ như sau:

1. Người nào mong muốn việc trong lòng,
Khi ước nguyện kia được vẹn toàn,
Chắc chắn tâm tràn đầy hỷ lạc,
Vì ấy đã đạt được cầu mong.
2. Người nào ước vọng việc trong lòng,
Khi ước vọng kia được vẹn tròn,
Ước vọng tràn vào tâm trí mãi,
Như đang cơn khát gặp oi nồng.
3. Trong loại bò trâu có mọc sừng,
Sừng kia càng lớn, cứ to dần,
Cũng như tâm địa người vô trí,
Chẳng biết chút gì, chẳng biết phân,
Trong lúc người kia càng lớn tuổi,

- Thì niềm khát vọng cứ gia tăng.*
4. *Dem hết lúa ngô ở cõi đời,
Bò trâu, nô lệ, ngựa, cho người,
Vẫn chưa đầy đủ, này nên biết,
Và giữ đường công chính mãi thôi.*
 5. *Một vua chinh phục cả phàm trần,
Trần thế trái mình tận đại dương,
Ở phía bên này chưa thỏa mãn,
Vật ngoài khơi vẫn thấy thêm thương.*
 6. *Dục Tham áp ủ ở trong tim,
Tri Túc chẳng hề phát khởi lên,
Người tránh Dục Tham tìm đúng thuốc,
Người nào Tri Túc, trí như nguyên.*
 7. *Tối ưu là trí tuệ đầy tràn,
Tham Dục không hề đốt cháy tan,
Chẳng bao giờ người trí tuệ,
Lại làm nô lệ của lòng tham.*
 8. *Thiếu Dục, phá tan mọi Dục Tham,
Chẳng ham chiếm đoạt cả trăm phần,
Người kia cũng giống như lòng biển,
Chẳng bị đốt thiếu bởi Dục Tâm,
Như thợ giày luôn bào guốc, dép,
Hợp làn da bọc ở bàn chân.*
 9. *Cứ mỗi Dục Tham được bỏ đi,
Một niềm hạnh phúc đến liền khi,
Người nào muốn hưởng tròn an lạc,
Phải bỏ mọi Tham Dục tức thì.*

Ngay khi Ngài Bồ Tát đang ngâm những vần kệ này thì Tâm thức của Ngài đã chuyên chú vào chiếc lọng trắng của vua, vì thế phát khởi lên hỷ lạc của Thiên định và đã chứng đạt được đề mục Hoàn Tịnh Ánh Sáng Trắng. Riêng về phần vua thì đã được bình phục, khỏe khoắn, liền hoan hỷ đứng lên từ chỗ ngồi và nói với Ngài Bồ Tát rằng:

- Trong khi các vị lương y kia không thể chữa lành bệnh của Trẫm, thì chỉ một thanh niên hiền trí này đã làm cho Trẫm khỏe mạnh nhờ vào phương lương diệu được của Trí Tuệ.

Thế rồi, nhà vua đã ngâm lên vần kệ thứ mười:

10. *Chín khúc chàng ngâm đáng chín ngàn,
Ngàn vàng mỗi khúc, Đại La Môn,
Xin chàng nhận số vàng, vì lẽ,*

Lời nói chàng đây thật dịu dàng.
Nghe vậy, bậc Đại Sĩ ngâm vắn kệ thứ mười một như sau:

11. Dù có ngàn, muôn, triệu, triệu lần,
Ngàn vàng, Ta cũng chẳng mơ màng.
Như lời kệ cuối vừa ngâm ấy,
Tham Dục Tâm Ta đã lụi tàn.

Vua càng hân hoan hơn nữa, liền ngâm vắn kệ cuối cùng để tán thán bậc Đại Sĩ:

12. Quả thiếu sinh này Thiện Trí Nhân,
Am tường mọi kiến thức trần gian,
Dục Tham kia chính là Sinh Mẫu,
Của khổ đau, chàng mới vạch trần.

Ngài Bồ Tát lại dặn bảo rằng:

- Tâu Đại Vương, Ngài phải biết tinh cần và nên bước vào Chánh Đạo.

Thuyết giáo cho vua xong, Ngài đã bay vào hư không đi đến Tuyết Sơn Hy Mã, và sống suốt đời làm một vị ẩn sĩ tu hành. Ngài đã chuyên chú hành trì Tứ Phạm Trú Từ Bi Hỷ Xả vô lượng, cho đến khi thọ mạng diệt thì đã thọ sinh về Cõi Phạm Thiên Hữu Sắc Giới.”

Tích truyện này dạy cho thấy rằng Ái Dục một khi đã khởi sinh lần đầu tiên, nếu như không nỗ lực phòng chống để cho nó khởi lan truyền ra nhiều thêm lên trở thành Chấp Thủ rồi, thì khó mà sẽ diệt trừ cho hết đi được.

2. Trình Bày Ái Dục Làm Duyên Cho Kiến Chấp Thủ Khởi Sinh

Sự ưa thích đắm nhiễm ở trong các Cảnh ấy, đã làm Nhân cho khởi sinh sự thấy sai chấp lầm mà bất hữu quan với cả hai thể loại Giới Cẩm Chấp Thủ và Ngã Luận Chấp Thủ, khởi lên trước hết, thì được gọi tên là **Kiến Chấp Thủ**.

Cảnh đã làm thành đối tượng cho sinh khởi sự ưa thích duyệt ý đấy, thì có được cả hai thể loại Nội Phần và Ngoại Phần. Cảnh Nội Phần đây, đích thị chính là Ta và của Ta ấy vậy. Sự ưa thích duyệt ý về Ngã và Tự Ngã đã làm thành Nhân cho Tà Kiến được khởi sinh lên. Và sự ưa thích duyệt ý ở trong Cảnh Ngoại Phần, ấy chính là tất cả các vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng cũng đã làm thành Nhân cho Tà Kiến được khởi sinh lên.

Có một tích truyện điển hình như vậy:

“Vua **Àngiti** cai trị kinh thành **Mithilà** ở trong tiểu vương quốc **Videha**. Vua **Àngiti** này đã có niềm thủ tín ở trong lời nói của một vị Quan Đại Tướng có tên gọi là **Alàta** đã hướng dẫn cho Vua **Àngiti** đi đến trú xứ của một vị Ẩn Sĩ Tà Kiến có tên gọi là **Guna** thuộc dòng họ **Kassapa** chấp thủ lấy chủ thuyết hỏa thể. Vua **Àngiti** đã vấn hỏi đến Ẩn Sĩ **Guna** rằng “Sẽ thực hành như thế nào thì mới sẽ

được thọ sinh ở trong Cõi Thiện Thú ?” **Ấn Sĩ Guna** trả lời rằng: “Việc thực hành những thể loại Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực đây, cũng chẳng có được đón nhận bất luận một quả báo nào cả. Việc phụng hành những Thiện Sự đến người Mẹ, người Cha, Thầy Tổ, Giáo Thọ, và các bậc Học Vị Trưởng Bồi, Niên Linh Trưởng Bồi đây, cũng chẳng có được đón nhận bất luận một quả báo nào cả, tương tự như nhau. Chính vì thế, người kiêu mạn rằng có Trí Tuệ đầy, đích thị người ấy là kẻ si độn. Ưa thích thiết lập việc từ thiện, người Hữu Trí đích thị là những bậc Trí Tuệ, chính là người thọ thí, mà cuối cùng rồi người làm việc từ thiện ấy cũng chẳng có được đón nhận bất luận một quả báo nào cả, chỉ là việc vô ích, chẳng nhất thiết phải làm như vậy. Khi hội đủ 84 Đại Kiếp rồi, thì tâm thức của tất cả Chúng Hữu Tình cũng sẽ tự tinh khiết thuần tịnh, và cùng rủ nhau đi đến Níp Bàn, vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi đều nhau cả thảy.”

Khi **Ấn Sĩ Guna** đã trình bày vừa dứt, thì **Quan Đại Tướng Alàta** liền ủng hộ nói rằng: “Ngài **Ấn Sĩ Guna** đã nói như vậy, quả thật đúng vô cùng, bởi vì chính tự bản thân tôi đây, trong kiếp sống trước kia, tôi được sinh ra đã là một **Nguru Đồ Tế**; nhưng khi tôi chết đi thay vì sẽ phải rớt vào trong **Khổ Thú**, thì trái lại được đi thọ sinh làm thành **Người ở trong kiếp sống này**; và đã được thụ hưởng sự an vui hạnh phúc cho đến chức **Quan Đại Tướng** như vậy đây, mới biểu thị cho được thấy rằng hành động tạo tác việc xấu ác cũng chẳng làm cho phải thụ lãnh quả báo nào cả, đúng y như lời của Ngài **Ấn Sĩ** đã vừa nói vậy.”

Quan Đại Tướng Alàta là bậc đã chứng đạt được **Tuệ Truy Niệm Kiếp Số (Jàtisarañàna)** là có được việc tưởng nhớ lại các kiếp sống, thế nhưng chỉ có thể tưởng nhớ duy nhất được một kiếp sống mà thôi; bởi do thế mới không có khả năng để sẽ biết đến sự hiện hành của mình ở trong kiếp sống thứ ba được. Mà sự thật thì ở trong kiếp sống thứ ba đây, **Quan Đại Tướng Alàta** là người đã từng có kiến tạo **Thiện Nghiệp Lực**, tức là đã lấy bông hoa đi cúng dường đến **Bảo Tháp tôn trí Ngọc Xá Lợi** của **Đức Chánh Đẳng Giác Kassapa**. Tuy nhiên khi đến thời cận tử lâm chung ở trong kiếp sống ấy, **Thiện sự** cúng dường đến **Bảo Tháp Xá Lợi** thì không có được cơ hội trở sinh quả báo; còn các **Thiện sự** khác ở thể loại thấp kém hơn mà đã thực hiện thì lại có cơ hội trở sinh quả báo trước; bởi do thế mới phải đón nhận quả báo cho được sinh làm thành người hạ đẳng có việc mưu sinh của hạng **Nguru Đồ Tế** trong kiếp sống thứ hai vậy. Và khi mệnh chung khỏi kiếp sống thứ hai thì **Bất Thiện Nghiệp** của việc sát mạng loài bò, vẫn chưa có cơ hội cho trở sinh quả báo. **Thiện Nghiệp Lực** đã từng cúng dường đến **Bảo Tháp Xá Lợi** thì lại có được cơ hội cho quả báo, mới trở sinh cho làm thành **Người thượng đẳng**, được làm **Quan Đại Tướng** có sự an lạc trong kiếp sống hiện tại này. Thế nhưng, **Quan Đại Tướng Alàta** không có khả năng biết đến sự kiện của mình trong kiếp sống thứ ba ấy được; mới có sự hiểu biết sai lầm rằng **Bất Thiện Nghiệp Lực** mà mình đã có tạo trong kiếp sống thứ hai ấy, đã không cho quả báo với bất luận trường hợp nào. Sinh mệnh của mình đã tăng trưởng phát đạt lên trong kiếp sống

hiện tại, ấy là điều tự nó sinh khởi lên và chẳng phải là quả báo của bất luận Nghiệp Lực nào cả.

Trong sát na ấy thì có một nam nhân là hạng nông nô có tên gọi là **Bijaka**, là người thường luôn tu tập thọ trì Giới Luật, có được lắng nghe ở tại nơi đấy. Khi đã được nghe Ấn Sĩ **Guna** trình bày Pháp Lý, và Quan Đại Tướng **Alata** nói lên lời ủng hộ xác nhận, và luôn cả trình bày sự kiện của mình cho được lắng nghe như thế; nô bộc **Bijaka** tức thì đã khóc than lên, nói rằng: “Pháp Lý của Ngài Giáo Sĩ ấy quả thật đúng đắn hoàn toàn; vì lẽ tiểu nô tôi đây cũng tương tự như nhau. Khi kiếp sống trước đây, tiểu nô đã từng được sinh thành một vị bá hộ giàu có với tài sản 800 triệu đồng tiền vàng, và tiểu nô cũng đã từng tác phúc thường luôn thọ trì Giới Luật, không có tạo bất cứ một điều Ác Hạnh nào cả. Thế nhưng đến khi tiểu nô chết đi, thì Thiện Nghiệp Lực mà tiểu nô đã từng tác hành cũng không thấy cho quả báo đến với tiểu nô, đáng cho được đón nhận sự an vui hạnh phúc nào đâu. Tiểu nô phải bị tục sinh làm thành người hạ đẳng, làm nô bộc cho người ta như bây giờ đây. Tuy nhiên cho dù sự thế đã là như thế, tiểu nô cũng vẫn cứ kham nhẫn, vẫn cứ kiên trì thường luôn tác phúc thọ trì Giới Luật, cũng chẳng hề nghĩ tưởng đến sự vất vả khổ sở chi cả, và tự kiểm thúc không cho tạo tác những Ác Hạnh, tương tự như nhau. Khi tiểu nô đã được nghe Ngài Ấn Sĩ và Ngài Quan Đại Tướng trình bày sự kiện như vậy, thì cũng nhận thấy rằng những Thiện Nghiệp Lực mà tôi đã có bỏ nhiều công sức đầu tư để thực hiện đây, trông thấy thực chẳng hữu ích chút nào, vì bằng như tiểu nô đã từng tác hành Thiện tích lũy trong kiếp sống trước cũng chẳng có hiện bày quả báo đến với tiểu nô trong kiếp sống này đã được thấy rành rành rồi; và cũng chính vì thế, Thiện Nghiệp Lực mà tiểu nô đã có thực hiện mới đây ngay trong kiếp sống hiện tại, thì cũng có thể chẳng cho quả báo trong kiếp sống vị lai chắc thật nữa rồi. Với lý do này tiểu nô mới cảm thấy rất buồn ở trong lòng.”

Sự kiện của người nô bộc **Bijika** đây, cũng hiện hành trong cùng một phương thức tương tự với Quan Đại Tướng **Alata**; tức là nô bộc **Bijika** chỉ có thể tưởng nhớ duy nhất được một kiếp sống mà thôi; chẳng biết được rằng trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác **Kassapa** thì nô bộc **Bijika** đã sinh thành người chăn nuôi bò. Một ngày kia, bò dưỡng nuôi ấy đã chạy mất đi, ra đến tận ở trong rừng. Sát na ấy có một thầy Tỳ Khuru lạc đường đang đi đến, khi gặp người nuôi bò mới vấn hỏi lộ đường nào thì sẽ đi đâu về đâu. Người nuôi bò ấy cũng chẳng có hài lòng với lời vấn hỏi của thầy Tỳ Khuru ấy, vì chủ yếu chỉ sẽ tìm kiếm cho gặp được bò mà thôi. Ngài mới vấn hỏi thêm lần nữa rằng lộ đường nào thì sẽ đi đến đâu về đâu, vui lòng nói cho Bản Đạo được biết với. Người nuôi bò cảm thấy không hài lòng mới nói ra lời nói bất lịch sự khiếm nhã rằng: “Vị Tỳ Khuru này rắc rối quá, chẳng biết chi là đúng thời và đúng chỗ cả, trông thấy đúng là dòng giống tôi đòi nô lệ vậy.” Lời nói khi đã nói ra như vậy cũng đã thành tựu Ngũ Nghiệp Lực, chỉ có điều là sẽ chờ có cơ hội cho quả báo đã; bởi do thế Ngũ

Bất Thiện Nghiệp Lực mới vẫn chưa có cơ hội cho quả báo. Tiếp đến một khi chính ngay kiếp sống được sinh thành vị bá hộ giàu có ấy đã dứt, thì Ngừ Bất Thiện Nghiệp Lực mà đã tích lũy qua việc nguyên rửa thầy Tỳ Khuru ấy, mới có cơ hội cho quả báo. Với lý do này, khi đã chết đi lìa khỏi kiếp sống bá hộ, mới phải đi tục sinh làm hạng người ty liệt, và phải thành nô lệ người ta.

Vua **Anṅati** khi đã được lắng nghe Ấn Sĩ **Guṇa** trình bày vừa dứt sự kiện, luôn cả cũng được lắng nghe chuyện đời của Quan Đại Tướng **Alāta** cùng với kẻ nô lệ **Bijaka** cũng vừa xong, thì cảm thấy thỏa mãn trong lòng và đã đi kết luận nhất trí với việc chẳng thấy hữu ích của việc làm thiện, và chẳng thấy tác nghiệp của việc làm xấu ác. Trong lúc ấy Tà Kiến là sự thấy sai chấp làm đã xâm nhập và thống trị Vua **Anṅati** đi rồi. Khi trở về đến Hoàng Cung thì đã từ bỏ tác phúc tác thí, và chỉ thị cho tháo dỡ sảnh đường phát chẩn đi. Những việc quốc sự với bao trọng trách cũng đã trao truyền lại cho vị quan triều thần khác thay thế đảm trách. Còn tự bản thân chỉ có quan tâm ở trong việc thụ hưởng những dục trần mà thôi, chẳng kể điều ấy sẽ là Thiện Hạnh hoặc Ác Hạnh đi nữa, nếu đã vừa lòng thì cần phải thực hiện cho kỳ được. Gái xinh hoặc chẳng xinh ở trong đất nước của nhà vua, nếu như đã thích hợp vừa lòng rồi, thì cũng đã bị cưỡng bức cho đi hầu hạ làm thỏa mãn dục vọng đến cho vua. Thế là đã làm cho tất cả dân chúng phải đón nhận sự khốn khổ ưu não trầm trọng, và đã đi đến tấu trình nhắc nhở với cô Công Chúa, đây là người sùng tín ở trong việc thường luôn tác thiện thọ trì Giới Luật, để cầu xin cho từ bỏ những hành động sai trật ấy đi, bằng cách nêu lên những câu chuyện Nhân Quả cho được lắng nghe. Tuy nhiên nhà vua **Anṅati** cũng chẳng hề tin theo. Tiếp đến Ngài Giác Hữu Tình (Bồ Tát) là một đấng Phạm Thiên có tên gọi là **Nārada** đã biến hóa thành một Đạo Sĩ đến thuyết giảng thị hiện thi dĩ khốc hình với đủ mọi trường hợp. Kết quả cuối cùng thì Đức Vua **Anṅati** mới chịu từ bỏ Kiến Chấp Thủ ấy đi. Sau khi thuyết giảng Chánh Pháp cho Vua và phá tan mọi Tà Kiến, cùng an trú Vua vào giới hạnh, Ngài Giác Hữu Tình lại khuyên Vua từ nay lánh xa bạn xấu ác, thân cận với bạn lành và cẩn trọng trong mọi bước tiến. Rồi Ngài Giác Hữu Tình đã tán thán mọi đức hạnh của Công Chúa, nói lời khích lệ cả triều đình cùng các cung phi xong, Ngài liền bay trở về Cõi Phạm Thiên Giới với thân lực thù thắng siêu phàm.”

Tích truyện này trình bày cho thấy rằng **Ái Dục** tức là sự hảo ngoạn thú vị, đắm nhiễm ở trong Cảnh Dục Trần làm Nhân cho **Kiến Chấp Thủ** khởi sinh, tức là sự thấy sai chấp làm rằng là tác thiện bất thụ quả thiện, và tác ác bất thụ quả ác. Việc tầm cầu sự an lạc ở trong chính những Cảnh Dục Trần ấy đã làm cho được thụ lãnh sự lợi ích cùng tột.

3. Trình Bày **Ái Dục** Làm Duyên Cho **Giới Cẩm Chấp Thủ** Khởi Sinh

Dục tầm cầu sự an lạc, nghĩa là với một thể loại làm cho vượt thoát ra khỏi sự khổ đau ở trong Vòng Luân Hồi, hoặc với một thể loại dục tầm cầu sự an lạc ở trong Cõi Thiên Giới; cả hai thể loại này được gọi tên là **Ái Dục (Tanhà)**. Khi những thể loại Ái Dục này sinh khởi ở trong tâm thức của người nào rồi, thì người ấy thường hay tìm kiếm đạo lộ tự hành trì tu tập để cho được đón nhận sự an lạc y như sở nguyện sở cầu. Trong việc tự hành trì tu tập đây, nếu như có được hội kiến với nhóm *Hiền Triết (Sappurisa)* là những bậc *Trí Tuệ (Paṇḍita)*, hoặc tự bản thân có được chánh tri kiến ở trong những điều tu tập đúng theo *Chánh Pháp Học Giáo Truyền (Pariyattisāsanā)* trọn vẹn; thì việc hành trì tu tập ấy được tiến hành một cách khôn khéo, chân chánh, không sai trật với phương châm hành động của tất cả các bậc Hiền Trí. Nếu giả như người ấy lại không có được kết giao với nhóm các bậc Hiền Trí, hoặc không có được tri kiến ở trong Chánh Pháp Học Giáo Truyền; thế rồi việc tu tập ấy sẽ tiến hành trong một đường lối sai trật, bởi do hiểu biết sai lầm rằng đây là Chánh Đạo. Và lại, đường lối hành trì tu tập có được hiện hữu với hai thể loại, đó là:

1/. Hành trì tu tập trong phương thức thi dĩ khốc hình sắc thân của mình cho phải đón nhận biết bao sự khốn khổ vất vả, được gọi là hành trì theo *Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh (Attakilamathānuyoga)* có nghĩa là thi dĩ khốc hình sắc thân với đủ mọi phương thức tu tập, giống như là bò (*Nguru Hành Giả*), hoặc chó (*Cẩu Hành Giả*); hoặc là,

2/. Hành trì theo *Nhiệt Tâm Tế Hoạt Dục Lạc (Kāmasukkhallikānuyoga)* có nghĩa là tự phụng dưỡng cho mình được thụ hưởng thỏa mãn những sự lạc thú thể theo sự duyệt ý của mình, và chẳng cho có bất luận một điều nào đến để quấy nhiễu cản trở được.

Việc hành trì tu tập cả hai phương thức này (còn gọi là *Khổ Hạnh* và *Lợi Dưỡng*) đều toàn là việc tu tập theo tà đạo sai trật hết cả thảy; và thay vì sẽ được đón nhận sự an lạc y theo sở nguyện cầu, thì trái lại cho quả báo đối nghịch, tức là thường phải đón nhận sự thống khổ càng gia bội thêm lên nữa.

Việc hành trì ở trong đường lối *Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh* đây, cũng hiện hữu với nhiều phương thức, chẳng hạn như việc thi dĩ khốc hình với những thể loại bằng cách chịu nhịn đói khát, không nằm, không chuyển đổi oai nghi, không tắm rửa; hoặc thiêu đốt sắc thân bằng cách phơi nắng cũng có, hơ lửa cũng có, ngâm thân mình ở trong nước cũng có, nằm ở trên chông gai, nằm ở trên đỉnh cũng có, v.v.; hoặc tự hành trì tu tập cho giống như bò (*Nguru Hành Giả*), hoặc giống như chó (*Cẩu Hành Giả*); với những thể loại này được gọi là **Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh**.

Ở tại đây, chỗ gọi tên là **Giới Cấm Chấp Thủ** đây, tức là việc tự hành trì ở trong đường lối **Nhiệt Tâm Tự Tu Tập Khổ Hạnh** với phương thức tự hành trì cho giống như bò, như chó; và lại đích thị việc tự hành trì ở thể loại này cũng chính là quả báo hữu quan từ ở nơi **Ái Dục** làm Nhân đó vậy.

Trong tích truyện được nêu lên trình bày đề ở trong bài Kinh thứ 57 với tựa đề *Kinh Câu Hành Giả (Kukkurovādasutta)* thuộc Chánh Tạng Pāli Trung Phần Ngũ Thập Trung Bộ Kinh, có nội dung như sau:

“Có hai vị *Du Sĩ Ngoại Đạo (Paribbājaka)*; một người tên gọi là **Punṇa Koliyaputta**, và một người kia có tên gọi là **Seniya**. Cả hai người này dục tâm cầu sự an lạc ở trong Cõi Thiên Giới, mong mỗi được làm Chư Thiên có năng lực, mới rủ nhau hành trì tu tập giống như bò, giống như chó; bởi do hiểu biết rằng hành trì như vậy rồi, thì sẽ làm cho tất cả các Phiền Nã sẽ không còn sinh khởi, và tất cả Bất Thiện Nghiệp Lực cũ cũng được tiệt diệt. **Du sĩ ngoại đạo Punṇa** đã tự hành trì tu tập giống như loài chó. **Seniya** tự hành trì tu tập giống như loài bò; và đã hành trì như vậy một cách thường luôn. Tiếp đến cả hai vị này phát sinh lên sự nghi lự thắc mắc ở trong điều tu tập của mình rằng điều tu tập của ai sẽ là đúng hơn! Tranh cãi lời qua tiếng lại và đã quyết định không thích hợp. Kết quả cuối cùng là rủ nhau đi diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác, tác bạch kể lại câu chuyện cho được nghe, và rồi đã vấn hỏi rằng: “Việc hành trì của cả hai chúng con đang tu tập đây, có phước báu như thế nào; hoặc tự tu tập giống như chó thì tốt hơn là tu tập giống như bò; hoặc ngược lại tự tu tập giống như bò thì tốt hơn là tu tập giống như chó; và cả hai chúng con khi chết đi lìa khỏi kiếp sống này rồi thì sẽ thọ sinh nơi nao?” Khi Đức Chánh Đẳng Giác đã được lắng nghe như vậy rồi thì Đức Phật Ngài đã lập ý cấm chỉ cả hai vị du sĩ ngoại đạo rằng: “Thôi đủ rồi, chớ nên vấn hỏi như vậy nữa!” và đã lập ý cấm chỉ như vậy đến cả 3 lần. Thế nhưng cả hai vị du sĩ ngoại đạo này cũng không chịu làm thinh, vẫn cứ cố gắng vấn hỏi lặp lại mãi cho đến hội đủ lần thứ 4. Đức Phật mới lập ý nói lên rằng: “Này du sĩ ngoại đạo, người tự hành trì giống như chó một cách hoàn toàn viên mãn, thì khi chết đi rồi nhất định sẽ sinh thân hữu với loài chó. Và người tự hành trì giống như bò một cách hoàn toàn viên mãn, thì khi chết đi rồi nhất định sẽ sinh thân hữu với loài bò, tương tự như nhau. Và giả sử rằng người hành trì như thế có sự hiểu biết ở thế loại rằng: “Việc tu tập của Ta đây, sẽ làm Nhân cho được thụ lãnh quả báo đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, và trở thành vị Chư Thiên có năng lực.” Với quan điểm thế loại này đã được coi như là kẻ có Tà Kiến; chính vì thế một khi thân hoại mạng chung thì sẽ phải đi thụ lãnh thống khổ ở trong Địa Ngục trước đã; và khi đã thoát ra khỏi Địa Ngục rồi, thì mới sẽ phải đi tục sinh làm thành hàng Bàng Sinh một lần nữa.” Khi Đức Chánh Đẳng Giác đã lập ý khái thuyết vừa dứt xong, cả hai vị du sĩ ngoại đạo tức thì chảy nước mắt và khóc than với sự cảm nhận ưu não buồn lòng khi biết mình đã lầm lạc hành trì sai trật trong thời gian lâu dài. Tiếp theo đó, Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý khái thuyết Pháp Thoại cho cả hai vị du sĩ ngoại đạo được lắng nghe về bốn thế loại Nghiệp Báo; đó là:

1/. Nghiệp Lực đen đưa đến Quả Báo đen,

- 2/. Nghiệp Lục trắng đưa đến Quả Báo trắng,
- 3/. Nghiệp Lục có cả đen trắng đưa đến Quả Báo có cả đen trắng,
- 4/. Nghiệp Lục không đen trắng đưa đến Quả Báo không đen trắng.

Khi khái thuyết vừa dứt xong, thì du sĩ ngoại đạo **Puṇṇa** đã nói lên lời Thọ Trì Tam Quy (**Tisarāṇāgamana**) làm thành chỗ quy ngưỡng, làm thành chỗ trụ niệm; giữ sạch hết chủ thuyết cũ, và đã gia nhập làm hàng cư sĩ Phật Tử tính kể từ thời điểm ấy cho đến mạng chung. Còn du sĩ ngoại đạo **Seniya** thì xin được xuất gia, thọ Đại Giới ở trong Giáo Pháp của Đức Phật; thế rồi đã tu tập Minh Sát Nghiệp Xứ và đã được thành tựu Quả vị Vô Sinh ở trong thời gian tiếp sau đó.”

Tích truyện này trình bày cho được thấy rằng **Ái Dục** tức là dục tâm cầu cho được thụ lãnh sự an lạc ở trong kiếp sau, đã làm Nhân cho **Giới Cẩm Cháp Thủ** khởi sinh, tức là hành trì sai trật phương thức tu tập, như đã có trình bày ở tại đây.

4. Trình Bày Ái Dục Làm Duyên Cho Ngã Luận Cháp Thủ Khởi Sinh

Theo lẽ thường con người ta có được việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết vị, việc biết phủ xúc, là sẽ cần phải phối hợp với Nhân với Duyên tùy theo thích hợp; chẳng hạn như việc trông thấy, tức là Lộ Trình Nhãn Môn sẽ được sinh khởi, thì cũng phải nương vào Hữu Nhân Hữu Duyên tùy theo thích hợp, đó là:

1. Sẽ cần phải có Nhãn Thanh Triệt (**Cakkhupasāda**) tức là có mắt tốt đẹp.
2. Sẽ cần phải có Cảnh Sắc (**Rūpārammaṇa**) tức là có các sắc màu.
3. Sẽ cần phải có Ánh Sáng (**Āloka**).
4. Sẽ cần phải có Tác Ý (**Manasikāra**) tức là sự chú tâm.

Khi đã hội đủ cả bốn yếu tố Tác Duyên này rồi, thì Lộ Trình Nhãn Môn có được sinh khởi; tiếp đến thì sẽ phải có thêm bốn Lộ Trình Tâm Ý Môn nữa, đó là:

1. **Lộ Trình thứ 1:** là Lộ Trình tiếp thu Cảnh Sắc từ ở nơi Lộ Trình Nhãn Môn, gọi tên là **Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ (Atītaggahanavithi)** là Lộ Trình làm nhiệm vụ tiếp thu Cảnh Sắc Cực Minh Hiện (**Ativibhūtarūpārammaṇa**) ở thời kỳ quá khứ; tức là Cảnh Sắc Quá Khứ (**Atītarūpārammaṇa**) hiện bày rõ ràng trong Lộ Trình Ý Môn; hoặc là Cảnh Sắc Minh Hiện (**Vibhūtarūpārammaṇa**) tức là Cảnh Sắc Quá Khứ hiện bày rõ ràng trong Lộ Trình Ý Môn sinh khởi tiếp nối từ ở nơi Lộ Ngũ Môn.
2. **Lộ Trình thứ 2:** là Lộ Trình tiếp thu Cảnh Sắc từ ở nơi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, gọi tên là **Lộ Trình Thu Dung Tập Thành (Samūhaggahana vithi)** là Lộ Trình làm nhiệm vụ tập trung lại từng mỗi phần, từng mỗi đoạn của Cảnh Sắc Cực Minh Hiện ở thời kỳ quá khứ; hoặc là Cảnh Sắc Minh

Hiện ở thời kỳ quá khứ mà sinh khởi tiếp nối từ ở nơi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ.

3. **Lộ Trình thứ 3:** là Lộ Trình liễu tri sắc thái hình trạng của các Cảnh Sắc ấy, gọi tên là *Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa (Atthaggahanavithi)* là Lộ Trình làm nhiệm vụ tiếp thu sắc thái hình trạng ở nơi vị trí của Cảnh Sắc mà làm thành *Nghĩa Chế Định (Atthapaññatti)* sinh khởi tiếp nối từ ở nơi Lộ Trình Thu Dung Tập Thành.
4. **Lộ Trình thứ 4:** là Lộ Trình liễu tri tên gọi của các Cảnh Sắc ấy, gọi tên là *Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng (Nàmagghanavithi)* là Lộ Trình làm nhiệm vụ tiếp thu danh xưng tên gọi của những sắc thái hình trạng đấy, mà làm thành *Nghĩa Chế Định* để hiện hành theo thành ngữ dân gian dùng để kêu gọi nói chuyện với nhau, được sinh khởi tiếp nối từ ở nơi Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa; hoặc là sinh khởi tiếp nối từ ở nơi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, tùy theo thích hợp đối với *Danh Chế Định (Nàmapaññatti)* tức là gọi tên với nhau, nói chuyện với nhau, mà có liên quan với các Cảnh Sắc ấy.

Khi Tâm Lộ Trình Ý Môn sinh khởi hội đủ cả bốn yếu tố này rồi, thì người trông thấy ấy tức thì cũng nhận biết được rằng sự vật này sự vật nọ. Việc được lắng nghe cũng hiện hành trong cùng phương thức tương tự như vậy.

Chỗ được giải thích đây, thì thường trình bày cho được thấy rằng tất cả mọi sự vật hiện hành ở trong thế gian này, ngoài Sắc với Danh ra rồi, thì chẳng còn có chi khác nữa. Và trong việc trông thấy như đã đề cập rồi đấy, thì người trông thấy cũng chẳng phải xa lạ chi cả, đó chính là Sắc với Danh làm thành người trông thấy; tức là Nhân Thanh Triệt với Lộ Trình Nhân Môn, và Sắc Ý Vật với Lộ Trình Ý Môn. Chỉ cả hai thể loại này thôi đấy, làm thành người liễu tri, làm thành người trông thấy, đích thực chính là thực tính Vô Ngã, chẳng phải là Hữu Ngã; tức là chẳng phải *Tôi trông thấy, người đó trông thấy, người này trông thấy*.

Hoặc trong những oai nghi, chẳng hạn như đứng, đi, ngồi, nằm, và việc chuyển động trong những tiểu oai nghi sẽ được hoàn thành các sự việc đấy, cũng phải nương nhờ vào Nhân Duyên tương tự như nhau; chẳng hạn như sẽ được thành tựu trong việc bước đi thì cần phải có bốn yếu tố Tác Duyên, đó là:

1. Sẽ cần phải có việc chú tâm để sẽ bước đi.
2. Sẽ cần phải có Tâm chỉ dẫn.
3. Sẽ cần phải có *Sắc Tâm Phong Tố Chất (Cittajavàyodhātu)* sinh khởi.
4. Sẽ cần phải có chân cứng tốt (#).

[**Chú thích:** Trong bộ Chú Giải *Xua Tan Mê Mờ*, bộ Chú Giải Chánh Tạng Pàli Vô Tỷ Pháp Bộ Phân Tích, điều thứ 461, kể từ câu nói rằng “*Idha bhikkhu abhikkamanto và v.v.*” Còn bản dịch thuật điều thứ 398 có nội dung đề cập đến một cách tóm tắt rằng là việc sẽ chuyển động được thì cũng cần phải phối hợp với:

1/. Có Tâm, 2/. Có sự chú tâm để sẽ bước đi, 3/. Có Sắc Tâm Phong Tố Chất phát tỏa ra.]

Khi đã hội đủ cả bốn yếu tố này rồi, thì việc bước đi cũng sẽ được thành tựu. Và người đang bước đi ấy, một khi tính theo *Thực Tính (Sabhàva)* thì người bước đi tức là Tâm, Tâm Sở làm thành người có sự chú tâm để sẽ bước đi và người chỉ dẫn; Sắc Tâm Phong Tố Chất hiện hữu ở trong sắc thân làm thành người thúc đẩy; *Địa Tố Chất (Pathavidhātu)* là sắc thân thành người bước đi; và giả định với nhau rằng *Tôi bước đi, nam nhân K bước đi, nam nhân Kh bước đi*; như vậy chẳng hạn. Mà sự thực ra Tôi hoặc Nhân Loại Hữu Tình không có khả năng để sẽ bước đi được, mà hết cả thấy chỉ có Danh với Sắc bấy nhiêu thôi.

Trong những oai nghi khác cũng hiện hành tương tự trong cùng một phương thức này.

Cho dù rằng việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v. những thể loại này sẽ hiện hành tùy theo Nhân tùy theo Duyên, và thực sự chẳng có bất luận một Người nào làm thành người sắp bày tạo tác đi nữa; thế nhưng theo lẽ thường thì tất cả Chúng Hữu Tình đây, một khi có việc trông thấy, việc được lắng nghe khởi sinh lên rồi, và nếu giả như Cảnh là chỗ được trông thấy, chỗ được lắng nghe ấy v.v. lại là Cảnh tốt đẹp, thì cũng khởi sinh lên sự ưa thích duyệt ý ở trong lòng; và như thế, được gọi là **Tham** hoặc **Ái Dục** đã sinh khởi đối với người ấy rồi. Nếu giả như Cảnh là chỗ được trông thấy, chỗ được lắng nghe, v.v. lại là Cảnh không tốt đẹp, thì cũng khởi sinh lên sự bất duyệt ý chẳng ưa thích ở trong lòng; và cũng như thế, được gọi là Sân đã sinh khởi lên đối với người ấy rồi. Tuy nhiên Cảnh làm thành Nhân cho **Sân** sinh khởi lên, thì lại không có khả năng để sẽ bám giữ chặt lấy tâm thức của tất cả Chúng Hữu Tình ấy để cho *Chấp Thủ (Upàdāna)* có được khởi sinh lên. Còn Cảnh làm thành Nhân cho **Tham** sinh khởi lên đây, thì trái lại thường có khả năng thúc phục tâm thức của tất cả Chúng Hữu Tình để cho *Chấp Thủ* có được sinh khởi lên. Sẽ nói là một khi đã được trông thấy, hoặc đã được lắng nghe Cảnh làm thành chỗ thường luôn ưa thích duyệt ý biết bao nhiêu lần rồi, thì cũng làm cho tâm thức của người ấy bám giữ chặt tâm thức vào những Cảnh ấy mà không chịu buông bỏ. Việc bám giữ chặt lấy Cảnh mà không chịu buông bỏ như vậy, thì gọi là **Chấp Thủ**. Và cùng trong một thời gian đây, người ấy lại hiểu biết sai trật ở trong Danh Sắc Ngũ Uẩn sinh khởi trong sát na trông thấy, sát na được lắng nghe v.v. rằng là *Tôi trông thấy, Tôi đã được lắng nghe, Tôi nghĩ suy, Tôi nói, Tôi ăn, Tôi ngồi, Tôi nằm, Tôi bước đi*, như thế này chẳng hạn. Như vậy được liệt kê thành **Ngã Luận Chấp Thủ** đã sinh khởi lên, vì lẽ đã nương vào **Ái Dục** làm thành Nhân.

Như có một tích truyện nêu lên làm kiểu mẫu điển hình như sau:

“Trong kinh thành **Vesali** (Xá Vệ) có một tu sĩ tên gọi là **Saccaka Aggivessanagotara**. Vị tu sĩ **Saccaka** này đã thường luôn lấy một tấm mảnh sắt quấn quanh thân bụng của mình, vì có quan điểm rằng Ta là bậc Đại Trí; nếu không lấy tấm mảnh sắt quấn quanh để bảo hộ Trí Tuệ thì bụng của Ta nhất định sẽ phải bị bẻ vỡ ra. Vị tu sĩ **Saccaka** này đã tự tuyên bố rằng: “Chả là bất luận một người nào, hoặc bất luận một vị Giáo Thọ nào đi nữa; nếu như đi đến tranh luận với Ta rồi, thì người ấy sẽ phải có trạng thái giật mình run sợ, toàn thân run rẩy toát cả mồ hôi chảy ra; chẳng phải chỉ là người không thôi, mà ngay đến cả khúc gỗ nếu như Ta nói ra lời rồi, thì khúc gỗ ấy cũng sẽ phải phát sinh trạng thái run rẩy tương tự như nhau.” Tu sĩ **Saccaka** thường luôn tuyên bố như vậy; mà sự thật là trong thời gian ấy, những người nào đã tự xưng là Giáo Thọ rồi cũng thực sự không có khả năng để sẽ trả lời lại với tu sĩ **Saccaka** ấy được. Với lý do này mới làm cho tu sĩ **Saccaka** phát khởi lên sự kiêu mạn lừng lẫy.

Tiếp đến một ngày nọ, tu sĩ **Saccaka** đã được nghe rằng Đức Chánh Đẳng Giác **Samana Gotama** (Sa Môn Cồ Đàm) đã lập ý khái thuyết Pháp Thoại rằng “Tất cả Chúng Hữu Tình đây đều toàn là Danh Sắc Ngũ Uẩn hết cả thảy; và thường luôn có sự sinh diệt; bởi do thế mới là Vô Thường (**Anicca**), không bền vững; là Khổ Đau (**Dukkha**), không thể nào chịu đựng nổi; là Vô Ngã (**Anatta**), chẳng có Tôi Ta là người chủ quản được. Như thế tất cả Chúng Hữu Tình chẳng nên hiểu biết sai trật trong sắc thân của mình rằng là Ta, là Người, là nữ nhân, là nam nhân.” Khi tu sĩ **Saccaka** đã nghe thông tin như vậy rồi, thì nghĩ suy mong muốn sẽ đi đến diện kiến và tranh biện với Đức Chánh Đẳng Giác; mới rủ nhóm Vương Giả (**Khattiyà**) **Licchavi** với 500 vị cho cùng đi với nhau; và nói khoe khoang với nhóm Vương Giả **Licchavi** rằng: “Xin cho nhóm Quý Ngài hãy chờ xem Ta sẽ làm cho Ngài Sa Môn Cồ Đàm rung động sợ hãi đối với lời nói của Ta giống như con dê bị chụp lấy cổ mà lúc lắc vậy.” Thế rồi tu sĩ **Saccaka** cùng với 500 vị Vương Giả **Licchavi** rủ nhau đi đến diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác, nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Tu sĩ **Saccaka** tác bạch vấn hỏi rằng: “Kính bạch Tôn Giả Sa Môn **Gotama**, Ngài huân giới các vị Thinh Văn của Ngài với Pháp môn nào?” Đức Phật Ngài mới lập ý đáp lời rằng: “Ta huân giới các vị Thinh Văn của Ta với Pháp môn là Danh Sắc Ngũ Uẩn hiện bày thành tất cả Chúng Hữu Tình ấy, đều là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã, là không bền vững, là thống khổ, không ở trong mãnh lực cai quản mệnh lệnh của một ai, chẳng phải là Tự Ngã, Ta, Người, là như vậy.”

Tu sĩ **Saccaka** mới nói lên rằng: “Kính bạch Tôn Giả Sa Môn **Gotama**, lẽ thường tất cả các hạt giống của cây sẽ được phát triển tươi tốt lên, là cũng phải nương nhờ vào mặt đất như thế nào; thì tất cả Chúng Hữu Tình nương nhờ vào Ngũ Uẩn, và rồi cũng thường được thụ hưởng sự an lạc hoặc khổ đau, làm Thiện sự hoặc Ác sự, tầm cầu sự an lạc ở trong Đạo hoặc Quả; và trong khoảng thời gian vẫn đang còn sinh mạng đây, thì Tự Bản Ngã vẫn còn đang hiện bày như thế

ấy. Trong sự việc Ngài Tôn Giả Sa Môn **Gotama** nói rằng: “**Sabbe dhammā anattā**” (Chư Pháp là Vô Ngã) ấy, sẽ đúng như thế nào ?”

Đức Phật Ngài mới lập ý đáp lời rằng: “ Trong sự việc người nói như vậy, có nghĩa là người có quan điểm rằng Ngũ Uẩn ấy là Tự Ngã, là của Ta như vậy phải chăng ?” Tu sĩ **Saccaka** tâu trình rằng: “Thế loại quan điểm này chẳng phải chỉ là một mình con không thôi, mà ngay cả nhóm người đang ngồi ở tại nơi đây cũng có cùng một quan điểm tương tự như nhau.” Đức Phật Ngài mới phán rằng: “Người không nên lấy những người khác vào để mà viện dẫn. Như Lai chỉ muốn thấu hiểu quan điểm của một mình người thôi.” **Saccaka** trả lời rằng: “Đúng vậy, con có quan điểm như vậy.” Đức Phật Ngài mới phán rằng: “Khi người có quan điểm như thế, thì Như Lai muốn hỏi rằng thông thường một vị Vua Sát Đế Ly có tự do quyền hành ở trong đất nước của mình rằng người ấy đáng bị cưỡng bức thì được cưỡng bức, người ấy đáng ngợi khen thì được ngợi khen, người ấy đáng bị giết thì được giết, người ấy đáng tẩn xuất thì được tẩn xuất, như vậy à ?” **Saccaka** trả lời rằng: “Đúng như vậy rồi.” Đức Phật Ngài mới phán rằng: “Khi là như thế, người có công nhận hoặc không công nhận rằng người có tự do quyền hành ở trong sắc thân của người. Người có khả năng ra lệnh cho sắc thân không có xinh đẹp, hoặc ra lệnh không cho tóc bạc, răng gãy, da nhăn, cho sắc thân có sắc da phu sắc giống với người trẻ thanh xuân chạn 16 tuổi, là như vậy có được hay không ?”

Saccaka khi đã nghe lời vấn hỏi của Đấng Chánh Đẳng Giác như vậy rồi, thì lặng thinh nghĩ thầm ở trong tâm rằng: “Nếu Ta trả lời rằng có khả năng ra lệnh sắc thân cho được hiện hành theo sở thích của Ta, thế rồi nhóm Vương Giả **Licchavi** sẽ rủ nhau khẩn cầu Ta ra lệnh cho sắc thân của Ta không xinh đẹp, cho trở lại xinh đẹp lên, thế thì nhất định là Ta sẽ bị rơi vào trong vị trí khốn khổ vô cùng. Thế nhưng nếu như Ta sẽ trả lời rằng không có khả năng để sẽ ra lệnh cho sắc thân của Ta được hiện hành theo sở nguyện vọng như vậy rồi, thì sẽ mặc nhiên xác nhận lời nói của Tôn Giả Sa Môn **Gotama** đã nói rằng “**Sabbe dhammā anattā**” (Chư Pháp là Vô Ngã), và như thế Ngài Tôn Giả Sa Môn **Gotama** nhất định sẽ thắng Ta.” **Saccaka** nghĩ đi nghĩ lại rồi cũng không nói ra lời, mới ngồi lặng thinh. Đức Chánh Đẳng Giác lập ý nhắc lại rằng: “Tại làm sao người lại lặng thinh, hãy giải đáp câu nói của Như Lai !” **Saccaka** cũng vẫn cứ lặng thinh không nói ra lời nào.

Lúc bấy giờ, Ngài Thiên Chủ Đế Thích (**Sakka**) hóa thân thành Dạ Xoa **Vajirapani** (Kim Cang Thủ) tay nắm quả chùy sắt bước đến **Saccaka** đưa quả chùy với tư thế sẽ đánh rồi nói rằng: “Này **Saccaka**, Đức Như Lai đã lập ý vấn hỏi người, tại làm sao người lại lặng thinh đi không trả lời ? Nếu người không trả lời, thì Ta sẽ đánh người với quả chùy này cho cái đầu của người phải bẻ ra làm bảy mảnh ngay bây giờ đây.” Khi Ngài Thiên Chủ hóa thân thành Dạ Xoa và bước vào nói với **Saccaka** như thế, thì những người khác ở tại nơi ấy chẳng có một ai

được trông thấy, duy chỉ có Đức Chánh Đăng Giác với **Saccaka** trông thấy mà thôi. Khi **Saccaka** trông thấy như thế rồi, thì không thể nào lặng thinh được nữa, mới tác bạch rằng: “Bây giờ con xin chịu giải đáp câu nói của Đức Như Lai.” Đức Chánh Đăng Giác mới lập ý lại vấn hỏi rằng; “Này **Saccaka**, sắc của người - chỗ người đang cho là tự do ấy, không xinh, không đẹp; người sẽ ra lệnh cho xinh đẹp giống với sắc của nhóm Vương Giả **Licchavi** đây, sẽ hiện hành như vậy có được hay không?” **Saccaka** tác bạch rằng: “Sẽ không thể nào ra lệnh cho hiện hành như thế ấy được!” Đức Chánh Đăng Giác phán rằng: “Này **Saccaka**, người nên cẩn thận lời giải đáp của người cho đúng đắn. Lời nói của người ban đầu với lúc sau đã không giống nhau.” Thế rồi Ngài lập ý vấn hỏi thêm nữa rằng: “Danh Sắc của người chỗ đang là tự do ấy, người sẽ ra lệnh cho chuyển đổi đi theo sở nguyện vọng của người có được hay không?” **Saccaka** tác bạch rằng: “Tương tự như nhau, Danh Uẩn của con cũng không thể nào ra lệnh cho hiện hành đi theo sở thích được!” Đức Chánh Đăng Giác lập ý vấn hỏi thêm nữa rằng: “Có một người đang thụ lãnh sự thống khổ về Thân, thống khổ về Tâm; thế nhưng người ấy nhận thấy rằng sự thống khổ này là Ngã, là của Tự Ngã, là của Bản Ngã. Khi đã nhận thấy như vậy rồi, thì sự thống khổ ấy sẽ có được biến mất hay không?” **Saccaka** tác bạch rằng: “Không được.” Đức Chánh Đăng Giác lập ý vấn hỏi thêm nữa rằng: “Ngũ Uẩn thì đang bị thống khổ, thế mà người đang bám chặt giữ lấy là Ngã, là Tự Ngã, là Ta, là Người, có phải như vậy hay không?” **Saccaka** tác bạch rằng: “Phải rồi, con chấp thủ như thế.” Đức Chánh Đăng Giác lập ý vấn hỏi thêm nữa rằng: “Người muốn được lời cây, tầm cầu lời cây, thế nhưng lại đi chặt cây chuối bỏ chẻ ra, để sẽ tìm được lời cây, thì bằng mọi giá cũng thế nào gặp được, bởi vì cây chuối ấy là loại cây đã không có cốt lõi rồi. Kết quả cuối cùng thì cũng không có được cái chi là vững chắc cả. Điều này như thế nào, lời nói của người cũng là như thế ấy. Khi người chỉ nói mỗi một mình thì cũng có cảm nhận y như thế là Danh Dắc Ngũ Uẩn này là Tự Ngã, là bản chất thực thể. Thế nhưng một khi bậc đã liễu tri có tri thức ở trong Ngũ Uẩn vừa khéo, có Như Lai v.v. vấn đi vấn lại rồi, thì cũng nhận thức được rằng lời nói của người không có chi là cốt lõi, chẳng có chi là căn bản cả. Và theo như người đã từng có nói rằng: “chả là bất luận một người nào đi đến tranh luận với người thì sẽ phải có trạng thái giật mình rúng động, rơi vào trạng thái rụt rè sợ hãi, toát cả mồ hôi ra. Hiện tại đây, Như Lai là người đang tranh luận với người, thế mà Như Lai không có cảm nhận chi cả, mồ hôi cũng không có chảy ra, và đích thị chính người là người đang toát mồ hôi ra.” **Saccaka** đã không thể nào thốt ra một lời chi để tranh luận được nữa, đành phải ngồi lặng thinh ở tại nơi đó. Cuối cùng thì, **Saccaka** đã cầu xin Đức Chánh Đăng Giác cùng với Chúng Thinh Văn đi đến thọ thực ở tại trú xứ của mình trong ngày hôm sau.”

Tích truyện này trình bày cho được thấy rằng **Ái Dục** làm Nhân cho **Ngã Luận Chấp Thủ** khởi sinh, chẳng hạn như tu sĩ *Saccaka* là người có sở thích trong Ngũ Uẩn của mình làm Nhân cho sinh khởi sự thấy sai chấp lầm ở trong Ngũ Uẩn của mình, làm thành **Ngã Luận Chấp Thủ** như đã có trình bày ở tại đây.

**Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu,
Và Nhân Cần Thiết Của Chấp Thủ**

1. *Thủ Kết Trạng Thái (Gahaṇalakkhaṇam)*: Có việc bám chặt giữ lấy, làm thành trạng thái.
2. *Bất Giải Thoát Phận Sự (Amuñcanarasam)*: Có việc không buông bỏ, làm thành phận sự.
3. *Ái Cường Ngã Kiến Thành Tựu (Taṇhādāhattadiṭṭhipaccupaṭṭhānam)*: Có Ái Dục với năng lực mãnh liệt, và có sự thấy sai chấp lầm (Tà Kiến) làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Ái Dục Nhân Cận (Taṇhāpadaṭṭhānam)*: Có Ái Dục làm Nhân cận lân.

**Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu
Ái Dục Làm Duyên Chấp Thủ (Taṇhāpaccayā Upādānam)**

1/. **Ái Dục** sinh trước trước làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Dục Chấp Thủ** sinh sau sau, thì có được một mãnh lực Duyên, đó là: *Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya)*.

2/. **Ái Dục** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ **Kiến Chấp Thủ, Giới Cấm Chấp Thủ, Ngã Luận Chấp Thủ** cùng câu sinh với mình, thì có được bảy mãnh lực Duyên, đó là:

1. *Nhân Duyên (Hetupaccaya)*,
2. *Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)*,
3. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*,
4. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya)*,
5. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*,
6. *Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya)*,
7. *Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātavigatapaccaya)*.

3/. **Ái Dục** sinh trước trước làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả ba Chấp Thủ (loại trừ **Dục Chấp Thủ**) sinh sau sau, thì có được một mãnh lực Duyên, đó là: *Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya)*.

**Khi tổng kết mãnh lực Duyên ở trong việc giúp đỡ ủng hộ của
Ái Dục đối với Chấp Thủ thì có được tám Duyên, đó là:**

1. Nhân Duyên (*Hetupaccaya*),
2. Câu Sinh Duyên (*Sahajàtapaccaya*),
3. Hồ Tương Duyên (*Aññamaññapaccaya*),
4. Câu Sinh Y Duyên (*Sahajàtanissayapaccaya*),
5. Tương Ứng Duyên (*Sampayuttapaccaya*),
6. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (*Sahajàtatthipaccaya*),
7. Câu Sinh Bất Ly Duyên (*Sahajàtavigatapaccaya*),
8. Thường Cận Y Duyên (*Pakatùpanissayapaccaya*).

Kết Thúc Ái Dục Làm Duyên Chấp Thủ

-----00000-----

IX. UPÀDÀNAPACCAYÀ BHAVO SAMBHAVATI
(Chấp Thủ làm duyên cho Hữu khởi sinh)

Hữu (*Bhava*) thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Chấp Thủ** (*Upàdàna*) làm **Nhân**.

Upàdàna (*Chấp Thủ*) làm thành **Nhân** cho **Hữu** (*Bhava*) khởi sinh, tức là Tứ Thủ có Dục Chấp Thủ, v.v. như đã có được trình bày đến rồi vậy.

Hữu có hai thể loại, đó là:

1. *Nghiệp Hữu* (*Kammabhava*) là việc tạo tác làm cho quả báo sinh khởi, tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 17 Tư Tác Ý Thiện Hiệp Thế; kết hợp lại có được 29 Tư Tác Ý.
2. *Sinh Hữu* (*Uppattibhava*) quả báo sinh khởi trong những kiếp sống ấy bởi do nương vào Nghiệp Hữu, tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp.

Rằng khi tính theo Dĩ Nhân Bản Nguyên thì **Nghiệp Hữu** ấy, tức là hành động tạo tác với Thân, Lời, Ý ở trong Thiện Sự và Bất Thiện Sự của tất cả Nhân Loại (loại trừ Bậc Vô Sinh).

Sinh Hữu tức là tất cả Chúng Hữu Tình hiện hữu ở trong 31 Cõi Giới, luôn cả với những việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết vị, việc phủ xúc, việc ngủ nghỉ.

Trình bày câu Chú Giải của từ ngữ **Bhava** (*Hữu*):

1. “*Bhavati etasmàti = Bhavo*”- “*Quả báo thường sinh khởi bởi do nương vào Nghiệp Lực, chính vì thế gọi tên Nghiệp Lực làm thành Nhân của quả báo ấy là Hữu.*”

2. “**Kammameva bhavo = Kammabhavo**”- “Đích thị chính là Nghiệp Lực làm Nhân cho quả báo khởi sinh; chính vì thế mới gọi tên là **Nghiệp Hữu**.” Tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 17 Tư Tác Ý Thiện Hiệp Thế.
3. “**Upapajjatì = Upapatti**”- “Pháp chủng nào đi thọ sinh vào trong kiếp sống mới; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Sinh**.”
4. “**Bhavatì = Bhavo**”- “Pháp nào được sinh khởi lên bởi do nương vào Nghiệp Lực; chính vì thế gọi tên Pháp ấy là **Hữu**.”
5. “**Upapatti ca sà bhavo catti = Upapattibhavo**”- “Pháp nào vừa đi thọ sinh vào trong kiếp sống mới, vừa được sinh khởi lên bởi do nương vào Nghiệp Lực; chính vì thế mới gọi tên Pháp ấy là **Sinh Hữu**.” Tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp.

Phân tích Nghiệp Hữu bởi theo Môn (Dvāra):

Nghiệp Hữu đây, khi phân tích bởi theo Môn thì có được ba thể loại, đó là:

1. Nghiệp Hữu sinh khởi bởi theo Lộ Thân Môn thì được gọi tên là *Thân Hành Nghiệp Lực (Kāyakamma)*. Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.
2. Nghiệp Hữu sinh khởi bởi theo Lộ Ngữ Môn thì được gọi tên là *Ngữ Hành Nghiệp Lực (Vacikamma)*. Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.
3. Nghiệp Hữu sinh khởi bởi theo Lộ Ý Môn thì được gọi tên là *Ý Hành Nghiệp Lực (Manokamma)*. Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, 9 Thiện Đáo Đại Nghiệp Lực.

Sinh Hữu (Upapattibhava) Có Chín Thể Loại, đó là:

Rằng Theo Môn (Dvāra):

1. *Dục Hữu (Kāmbhava)*: tức là 23 Tâm Dị Thục Quả Dục Giới, 33 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp.
2. *Sắc Hữu (Rūpabhava)*: tức là 5 Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới, 2 Tâm Nhãn Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thảm Tấn, 35 Tâm Sở, 15 Sắc Nghiệp.
3. *Vô Sắc Hữu (Arūpabhava)*: tức là 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới, 30 Tâm Sở.

Rằng Theo Tâm (Citta):

1. *Tưởng Hữu (Saññibhava)*: tức là 31 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ Tâm Dị Thục Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ), 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp.
2. *Vô Tưởng Hữu (Asaññibhava)*: tức là Tổng Hợp Mạng Cứu.
3. *Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Hữu (Nevasaññinàsaññibhava)*: tức là 1 Tâm Dị Thục Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, 30 Tâm Sở.

Rằng Theo Uẩn (Khandha):

1. *Nhất Uẩn Hữu (Ekavokàrabhava)*: tức là Tổng Hợp Mạng Cứu.
2. *Tứ Uẩn Hữu (Catuvokàrabhava)*: tức là 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới, 30 Tâm Sở.
3. *Ngũ Uẩn Hữu (Pañcavokàrabhava)*: tức là 23 Tâm Dị Thục Quả Dục Giới, 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới, 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp.

Hoặc Một Trường Hợp Khác Nữa, Sinh Hữu Có Chín Thể Loại, đó là:

1. *Thân Dị Tưởng Dị Hữu (Nànattakàyanànattasaññibhava)*: tức là Chúng Hữu Tình sinh sống ở trong 7 Cõi Thiên Dục Giới.
2. *Thân Dị Tưởng Đồng Hữu (Nànattakàyaekattasaññibhava)*: tức là Chúng Hữu Tình sinh sống ở trong Tứ Khổ Thú, 3 Cõi Sơ Thiên Hữu Sắc Giới.
3. *Thân Đồng Tưởng Dị Hữu (Ekattakàyanànattasaññibhava)*: tức là Chúng Hữu Tình sinh sống ở trong 3 Cõi Nhị Thiên Hữu Sắc Giới.
4. *Thân Đồng Tưởng Đồng Hữu (Ekattakàyaekattasaññibhava)*: tức là Chúng Hữu Tình sinh sống ở trong 3 Cõi Tam Thiên Hữu Sắc Giới, 7 Cõi Tứ Thiên Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Hữu Sắc Giới).
5. *Vô Tưởng Hữu (Asaññibhava)*: tức là Hữu Tình sinh sống ở trong Cõi Vô Tưởng Hữu Tình Phạm Thiên Hữu Sắc Giới.
6. *Không Vô Biên Xứ Hữu (Àkàsànañcàyanabhava)*: tức là Hữu Tình sinh sống ở trong Cõi Không Vô Biên Xứ.
7. *Thức Vô Biên Xứ Hữu (Viññàṇaṇcayatanabhava)*: tức là Hữu Tình sinh sống ở trong Cõi Thức Vô Biên Xứ.
8. *Vô Sở Hữu Xứ Hữu (Àkiñcañṇàyanabhava)*: tức là Hữu Tình sinh sống ở trong Cõi Vô Sở Hữu Xứ.
9. *Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Hữu (Nevasaññinàsañṇàyanabhava)*: tức là Hữu Tình sinh sống ở trong Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Trình Bày Cứu Sinh Hữu Bởi Theo Dĩ Nhân Bản Nguyên

1. *Dục Hữu (Kāmabhava)*: tức là Hữu Tình Khổ Thú có Bằng Sinh, v.v. Nhân Loại, Chư Thiên.
2. *Sắc Hữu (Rūpabhava)*: tức là tất cả Chư Phạm Thiên Hữu Sắc Giới.
3. *Vô Sắc Hữu (Arūpabhava)*: tức là tất cả Chư Phạm Thiên Vô Sắc Giới.
4. *Tướng Hữu (Saññībhava)*: tức là Hữu Tình Khổ Thú, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên Hữu Sắc Giới, Phạm Thiên Vô Sắc Giới (loại trừ Phạm Thiên Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ).
5. *Vô Tướng Hữu (Asaññībhava)*: tức là Phạm Thiên Vô Tướng Hữu Tình.
6. *Phi Tướng Phi Phi Tướng Hữu (Nevasaññīnasaññībhava)*: tức là Phạm Thiên Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.
7. *Nhất Uẩn Hữu (Ekavokàrabhava)*: tức là Phạm Thiên Vô Tướng Hữu Tình.
8. *Tứ Uẩn Hữu (Catuvokàrabhava)*: tức là Phạm Thiên Vô Sắc Giới.
9. *Ngũ Uẩn Hữu (Pañcavokàrabhava)*: tức là Hữu Tình Khổ Thú, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên Hữu Sắc Giới.

Cả **Cửu Sinh Hữu** như đã được đề cập đến ở tại đây, khi nói theo giản lược thì có được ba thể loại, đó là:

1. *Dục Hữu (Kāmabhava)*,
2. *Sắc Hữu (Rūpabhava)*,
3. *Vô Sắc Hữu (Arūpabhava)*.

Cả hai Nghiệp Hữu và Sinh Hữu như đã vừa đề cập đây, có được hiện khởi lên cũng bởi do nương vào cả Tứ Thủ làm Nhân; và chính cả hai Hữu này cũng làm thành Nhân làm Quả lẫn nhau, như sẽ đề cập đến như sau:

+ Nếu đề cập đến **Thời Kỳ Vị Lai** thì **Nghiệp Hữu** làm **Nhân**, **Sinh Hữu** làm **Quả**. Có nghĩa là tất cả Chúng Hữu Tình ở phần **Sinh Hữu** đây, thì sẽ được hiện khởi lên, là cũng bởi do nương vào các hành động tạo tác với Thân, Ngữ, Ý ở phần **Bất Thiện Nghiệp Hữu**. Và **Thiện Hiệp Thế Nghiệp Hữu** làm **Nhân** đây, thì được tính là *Xuất Sinh Nhân (Janakahetu)*. Như Ngài Chú Giải Sư đã trình bày ở trong bộ *Chú Giải Xua Tan Mê Mờ (Sammohavinodani)* rằng: “*Tatrassa upapattihetu bhūtaṃ kammaṃ kammabhavo kammanibbattā khandhā upapattibhavo*”- “Trong cả hai thể loại Hữu đây, Tư Tác Ý Bất Thiện Nghiệp Lực và Tư Tác Ý Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực làm thành Nhân từ ở nơi việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình đây, được gọi tên là **Nghiệp Hữu**. Ngũ Uẩn sinh khởi bởi do nương vào Nghiệp Hữu ấy, thì được gọi tên là **Sinh Hữu**.”

+ Nếu đề cập đến **Thời Kỳ Hiện Tại** thì **Sinh Hữu** làm **Nhân**, **Nghiệp Hữu** làm **Quả**; bởi vì tất cả những công việc hữu quan với Thân, Lời, Ý sẽ được hiện

khởi lên cũng cần phải nương vào tất cả Chúng Hữu Tình ở phần **Sinh Hữu** làm **Nhân**. Vói lý do này, tất cả các Bậc Trí Tuệ mới cho lời khuyên bảo rằng:

*Amataṃ niyyamānena
Nibbutaṃ tapamānena*

*Jaramānena nijjaraṃ
Nimeyya bondinā sivaṃ*

Dịch nội dung chính là: “Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có sự tử vong vô cùng tận, đem trao đổi với Níp Bàn tịch nhiên và bất tử; cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy.”

“Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có sự lão邁 vô cùng tận, đem trao đổi với Níp Bàn tịch nhiên và bất lão; cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy.”

“Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có sự thường luôn thống khổ do bởi Phiền Não, đem trao đổi với Níp Bàn tịch nhiên và thường luôn diệt mọi thống khổ do bởi Phiền Não; cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy.”

Trình Bày Việc Sinh Khởi Của Nghiệp Hữu Và Sinh Hữu Bởi Do Nương Vào Dục Chấp Thủ

Theo lẽ thường nhiên, tâm thức của tất cả Chúng Phạm Phu thường ưa thích bám chặt giữ lấy trong cái quan điểm của mình là trọng đại, chẳng hề có việc suy xét đến nhân quả tương quan; tựa như sự hiện hành của người thất niệm, ứng hợp như lời đã có đề cập đến rằng: “*Puthujjano ummattako viya*”- “*Sự sinh hoạt của hạng Phạm Phu như người loạn trí*”. Như thế, với mãnh lực từ ở nơi Dục Chấp Thủ mà trong mọi hành động tạo tác của tất cả con người ta đều có sự mong mỏi sự an vui hạnh phúc ở trong Cõi Nhân Loại và Chư Thiên. Một vài nhóm người đã thủ tín ở trong những lời hướng dẫn chỉ dạy của vị Giáo Sĩ Tà Kiến, là người không từng học hỏi ở trong Tạng Luật, Tạng Kinh, và Tạng Vô Tỷ Pháp; thường hay thực hiện các hành động hữu quan với Ác Hạnh, có việc sát mạng loài Hữu Tình, thâm đạo, âm tửu, v.v. rồi dùng những lễ vật cúng dường tế lễ đến những vật linh thiêng. Hành động tạo tác như vậy là **Bất Thiện Nghiệp Hữu** sinh khởi bởi do nương vào **Dục Chấp Thủ** làm **Nhân**. Hạng người này một khi lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì ắt hẳn phải đi tục sinh ở trong Tứ Khổ Thú, và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

Một vài nhóm người đã thủ tín ở trong những lời hướng dẫn chỉ dạy của vị Giáo Thọ có quan điểm chân chánh; rồi hành trì trong những Thiện Sự hữu quan với Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; và ấy chính là **Thiện Nghiệp Hữu** nương vào **Dục Chấp Thủ** làm **Nhân**. Hạng người này một khi lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì ắt hẳn được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiện Dục Giới, làm Nhân Loại và Chư Thiên, và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

Một vài nhóm người đã được thụ lãnh việc huấn tập hướng dẫn trong việc thực hành Thiền An Chỉ cho đến được chứng đắc Thiền Định, và có khả năng làm cho đi thọ sinh thành Phạm Thiên Hữu Sắc Giới, Phạm Thiên Vô Sắc Giới; được thụ hưởng sự an lạc thù thắng về Thân và Tâm, hơn cả sự an lạc ở trong Cõi Nhân Loại và Chư Thiên. Khi đã được thụ lãnh việc hướng dẫn như vậy rồi, thì đã nỗ lực tiến hóa An Chỉ Nghiệp Xứ cho đến chứng đắc Thiền Định Hữu Sắc Giới hoặc Thiền Định Vô Sắc Giới; và ấy chính là **Thiện Nghiệp Hữu** nương vào Dục Chấp Thủ làm Nhân. Hạng người này một khi lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì cũng ắt hẳn được đi thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

Trình Bày Việc Sinh Khởi Của Nghiệp Hữu Và Sinh Hữu Bởi Do Nương Vào Kiến Chấp Thủ

Người có quan điểm sai lầm ở bất luận một trong những thể loại Chuẩn Xác Tà Kiến, đó là:

1. Vô Hữu Kiến (*Natthidiṭṭhi*): có quan điểm rằng cho dù làm cái chi đi nữa, thì cũng sẽ không thụ lãnh quả báo ở thời vị lai; chẳng hạn như trong *Thập Hữu Biên Tướng Vô Biên Tướng Kiến (*Anantaggāhikadiṭṭhi*)* v.v. và lại người có quan điểm Vô Hữu Kiến đây lại cũng sẽ phải có *Đoạn Kiến (*Ucchedadiṭṭhi*)* tức là có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình khi thọ mạng diệt thì cũng diệt.

2. Vô Nhân Kiến (*Ahetukadiṭṭhi*): có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình cho dù đang thụ lãnh sự khốn khổ hoặc sự an lạc đi nữa, thì cũng chẳng có nương vào cái chi làm tác nhân để cho sinh khởi lên cả. Khốn khổ hoặc an lạc, với những thể loại này chính tự nó hiện khởi lên.

3. Vô Hành Kiến (*Akiriyaḍḍhi*): có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình cho dù làm tốt hoặc làm xấu ác đi nữa, cũng không thành tác nhân để sẽ làm cho quả báo sinh khởi trong thời vị lai, và cũng không có thụ lãnh quả báo ở trong thời vị lai. Ngay cả sẽ làm tốt hoặc làm xấu ác như thế nào đi nữa thì cũng không gọi là tác hành Thiện Sự, hoặc tạo tác Bất Thiện Sự; và có sai bảo người khác làm việc tốt, tương tự như vậy, cũng không gọi là tác hành Thiện Sự.

Người có quan điểm sai lầm như đã vừa đề cập đến ở tại đây, thì được gọi tên là **Kiến Chấp Thủ**. Hạng người này thường hành động đi theo sở thích của mình, và phần lớn thường sẽ hiện hành ở trong đường lối Bất Thiện. Ứng hợp với Đức Thế Tôn Ngài đã có lập ý đề cập đến rằng: **“Pāpasmīṃ ramatī mano”** (*Tiểu Bộ Kinh tập 25/ điều 19*) - **“Theo lẽ thường, tâm thức của những hạng người ấy, thì thường vui thích ở trong những việc làm xấu ác.”** Và người đã có **Kiến Chấp Thủ** đây, thì thường hay bạo dạn tạo tác trong những điều Ác Hạnh, những điều Tà Mạng thuộc phần Bất Thiện Nghiệp Hữu bởi do nương vào Kiến Chấp Thủ làm

Nhân; tức là chỉ mong mỗi ở trong việc danh thơm tiếng tốt, và cũng chỉ mong mỗi được đáp trả lại điều lợi ích cho đến với mình ngay trong hiện tại mà thôi.

Thiện Nghiệp Hữu sinh khởi bởi do nương vào Kiến Chấp Thủ làm Nhân đặc biệt sinh khởi chỉ đối với nhóm người có Đoạn Kiến đầy, là cũng bởi vì nhóm người này có quan điểm rằng Bản Ngã này nếu sẽ diệt mất ở trong Cõi Thiên Giới hoặc Cõi Phạm Thiên Giới thì cũng là việc rất tốt. Khi đã nhận thức như vậy rồi, thì tác hành Thiện Sự có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập An Chỉ cho sinh khởi lên, ngõ hầu mong mỗi sự diệt mất ở trong Cõi Giới mà mình hằng mong muốn. Nếu việc Thiện Sự hiện hành một cách viên mãn hoàn hảo thì cũng sẽ được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, hoặc Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu**. Tuy nhiên nếu như việc Thiện Sự ấy không được thành tựu viên mãn, thì cũng không thể nào cho đi thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới được; và chỉ có thể tục sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu** mà thôi.

Còn đối với Bất Thiện Nghiệp Hữu sinh khởi bởi do nương vào Kiến Chấp Thủ thì được hết cả thảy.

Trình Bày Việc Sinh Khởi Của Nghiệp Hữu Và Sinh Hữu Bởi Do Nương Vào Giới Cẩm Chấp Thủ

Người đang hành trì bất chước như loài bò như loài chó đẫy, thì đa phần có quan điểm rằng “Ta đang hành trì ở thể loại này, là một việc tiến hành ở trong đường lối của Bậc Hiền Triết, quả là điều rất khó làm vậy !” Và lại có sự tín thực kiên cố rằng “Việc hành trì của mình đây, thì nhất định sẽ trở sinh quả báo cho Ta đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới.” Và trông thấy việc hành trì của người khác, với những thể loại của việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập thì “cho là không đúng đắn; hơn nữa, những hạng người đẫy cũng không có khả năng để sẽ tu tập hành trì ở thể loại của mình được !” Với lý do này, những hạng người này mới không thể nào sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới và Cõi Phạm Thiên Giới thuận theo sở nguyện được.

Quan kiến của người hành trì trong đường lối sai trật (Tà Đạo) như vậy, thì thường là *Tà Thắng Giải (Micchàdhimokkha)* tức là Ngã Kiến với việc quyết định sai trật; và là *Sân Hận (Dosa)* có việc miệt thị chê bai đối với việc hành trì của người khác. Quan điểm của người này đã là **Bất Thiện Nghiệp Hữu** sinh khởi bởi do nương vào Giới Cẩm Chấp Thủ làm Nhân. Và lại, hạng người này một khi sẽ lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì ắt hẳn sẽ đi tục sinh làm thành Hữu Tình Khổ Thú; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

Một vài nhóm người có quan điểm rằng việc hành trì bất chước như loài bò, bất chước như loài chó chỉ là bấy nhiêu đẫy thôi, thì cũng có khả năng trực tiếp diệt trừ Phiền Não; và làm cho được thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh. Việc

hành trì ở thể loại khác, có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; với những thể loại ấy thì chỉ làm cho được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới mà thôi. Tuy nhiên việc hành trì như vậy, vả lại hành trì ở trong Cõi Nhân Loại thì sẽ đi đến việc thành tựu quả là khó khăn; vì lẽ không có được thuận lợi và thích hợp. Nếu như được hành trì ở trong Cõi Thiên Giới hoặc Cõi Phạm Thiên Giới thì sẽ thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh một cách dễ dàng. Một khi đã có quan điểm như vậy rồi, thì cũng cố gắng nỗ lực thực hiện việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, và ấy chính là **Thiện Nghiệp Hữu** để cho có được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới. Một vài người hành trì cho được chứng đắc Thiên Định; và một vài người cũng không được chứng đắc Thiên Định. Người hành trì đã chứng đắc Thiên Định, một khi đã mệnh chung rồi, thì cũng được đi thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên. Còn người không được chứng đắc Thiên Định, một khi mệnh chung rồi, thì sẽ đi thọ sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

Trình Bày Việc Sinh Khởi Của Nghiệp Hữu Và Sinh Hữu Bởi Do Nương Vào Ngã Luận Chấp Thủ

Ngã Luận Chấp Thủ đây sinh khởi khắp tất cả Chúng Phàm Phu, bởi vì hạng người này không trông thấy sự hiện hành của Danh Sắc Ngũ Uẩn với Thực Tính Vô Ngã; mà chỉ trông thấy rằng là Tự Ngã, Tôi, Người, là Hữu Tình, Con Người, Trai, Gái, v.v. Đề cập đến là sự nhận thức ở trong việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v. rằng trong sát na trông thấy với việc trông thấy đích thị chính là Ta, và Ta là người trông thấy. Trong sát na được lắng nghe, thì việc được lắng nghe đích thị chính là Ta, và Ta là người được lắng nghe. Trong sát na tư duy, thì việc tư duy đích thị chính là Ta, và Ta là người tư duy. Trong sát na đang đứng, bước đi, ngồi, nằm, thì việc đang đứng, bước đi, ngồi, nằm đích thị chính là Ta, và Ta là người đang đứng, bước đi, ngồi, nằm. Sự nhận thức quan điểm như vừa đề cập tại đây, được khởi sinh từ ở nơi Ngã Luận Chấp Thủ hết cả thấy. Với lý do này mới nhận thấy được rằng trong những hành động Thiện và Bất Thiện mà tất cả mỗi con người tạo tác với nhau hằng mỗi ngày đây, là cũng bởi do nương vào Ngã Luận Chấp Thủ làm Nhân; vì có nghĩ suy rằng “*Tự bản thân Ta đây vẫn đang còn có sự an vui hạnh phúc rất ít ỏi; hoặc có tài sản của cải bạc vàng, danh thơm tiếng tốt vẫn đang còn rất ít ỏi, sẽ cần phải nỗ lực để cho những điều này nhiều thêm lên.*” Thế rồi tác hành Thiện cũng có, Bất Thiện cũng có, thể theo tính nết tập khí của từng mỗi người; hoặc tùy thuộc vào việc tiếp thu một nền giáo dục từ ở nơi người Mẹ, người Cha, Thầy Tổ, Giáo Thọ; tức là nếu như người nào có tính nết tập khí bất thiện hoặc không có được tiếp thu một nền giáo dục thiện hảo, thì người ấy ắt hẳn sẽ tầm cầu điều mà bản thân hằng mong mỏi đi theo con đường bất chánh, là Ác Hạnh và Tà Mạng; và ấy chính là **Bất Thiện Nghiệp Hữu**. Và một khi lìa

khỏi Thế Gian này đi rồi, thì ắt hẳn sẽ đi tục sinh làm thành Hữu Tình Khổ Thú; và ấy chính là một thể loại **Sinh Hữu**. Và nếu như người nào có được tính nét tập khí thiện hảo, hoặc có được việc giáo dục thiện hảo, thì người ấy ắt hẳn sẽ tâm cầu điều mà bản thân hằng mong mỏi đi theo con đường chân chánh, là Thiện Hạnh và Chánh Mạng; có việc kiến tạo Xả Thí, thọ trì Giới Luật, tiến hóa An Chỉ Nghiệp Xứ; và điều ấy được sắp thành **Thiện Nghiệp Hữu**. Thế rồi một khi sẽ lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì ắt hẳn sẽ được đi thọ sinh làm thành Nhân Loại cũng có, Chư Thiên cũng có, Phạm Thiên Hữu Sắc Giới cũng có, Phạm Thiên Vô Sắc Giới cũng có; và ấy chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

Trình Bày Việc Khác Biệt Nhau Giữa **Hành (Saṅkhàra) Với **Nghiệp Hữu (Kammabhava)****

Hành là thuộc quả báo của **Vô Minh (Avijjàpaccayà saṅkhàrà – Vô Minh làm duyên cho Hành)**; và **Nghiệp Hữu** là thuộc quả báo của **Chấp Thủ (Upàdāna paccayà bhavo – Chấp Thủ làm duyên cho Hữu)**. Cả hai này; một khi tính theo Chi Pháp thì đó chính là 29 Tư Tác Ý ở trong 12 Tâm Bất Thiện và 17 Tâm Thiện Hiệp Thế tương tự như nhau. Tuy nhiên chỗ khác biệt với nhau, đó là:

+ Trong phần *Tam Thời Kỳ (Addhà)* thì 29 Tư Tác Ý sinh khởi ở trong Hữu Quá Khứ, mà làm Nhân cho *Thủ Uẩn (Upàdānakhandha)* sinh khởi ở trong Hữu này; được gọi tên là **Hành**, như có câu Pàli trình bày rằng “*Avijjà saṅkhàrà atito addhà*” (Vô Minh, Hành thì thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ)

+ 29 Tư Tác Ý sinh khởi ở trong Hữu Hiện Tại, mà làm Nhân cho *Thủ Uẩn* sinh khởi ở trong Hữu vị lai; được gọi tên là **Nghiệp Hữu**, như có câu Pàli trình bày rằng “*Majjhe attha paccuppanno addhà*” (Tám Pháp ở khoảng giữa thì thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại)

Còn việc trình bày ở trong 20 *Hành Tướng (Ākàra)* đây chính là 20 Phân Loại, thì sự hiện hành bởi theo *Thời Kỳ (Addhà)* của cả hai Hành và Nghiệp Hữu đây không có khác biệt nhau. Sẽ nói rằng ở trong 5 Nhân Quá Khứ thì Hành và Nghiệp Hữu cũng cùng vào chung ở trong Pháp làm thành Nhân Quá Khứ tương tự như nhau. Với lý do này, mới biết được rằng sự khác biệt nhau giữa Hành với Nghiệp Hữu chỗ tính theo Thời Kỳ mới không có ở trong chỗ này; thế nhưng sự khác biệt với nhau thì có như vậy là:

- *Tư Tiên (Pubbacetanà)* sinh trước hành động tạo tác Thiện hoặc Bất Thiện, thì gọi tên là **Hành**.
- *Tư Hiện (Muñcanacetanà)* sinh khởi sát na đang hành động tạo tác Thiện hoặc Bất Thiện, thì gọi tên là **Nghiệp Hữu**.

Hoặc một trường hợp khác nữa, ở trong 7 sát na Tâm Đồng Lực Thiện hoặc Bất Thiện đây,

- Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện sinh khởi ở trong cái Tâm Đồng Lục thứ 1 cho đến cái thứ 6, thì gọi tên là **Hành**.
- Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện sinh khởi ở trong cái Tâm Đồng Lục thứ 7 thì gọi tên là **Nghiệp Hữu**.

Hoặc một trường hợp khác nữa,

- Tâm và Tâm Sở câu sinh với nhau với Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện, thì gọi tên là **Hành**.
- Tâm Sở Tư Thiện – Bất Thiện thì gọi tên là **Nghiệp Hữu**.

Như có câu Pàli trình bày rằng:

*Saṅkhàrà purecetanà Bhavo tu muñcasattamà
Sabbà và cetanà bhavo Saṅkhàrà sampayuttakà*

*“Tư Tiền hoặc Tư Tác Ý phối hợp với 6 cái Tâm Đồng Lục trước trước, thì gọi tên là **Hành**.*

*Tư Hiền hoặc Tư Tác Ý phối hợp với Đồng Lục Tương Ung Trí, Danh Sắc, Lục Xứ, thì gọi tên là **Nghiệp Hữu**.”*

Hoặc là: *“Tất cả Tư Tác Ý Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế, thì gọi tên là **Nghiệp Hữu**.*

*Tâm, Tâm Sở phối hợp với những thể loại Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện, thì gọi tên là **Hành**.”*

Hoặc một trường hợp khác nữa,

- **Hành** tức là duy nhất chỉ có một thể loại Tâm Sở Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện.
- **Nghiệp Hữu** tức là Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện luôn cả với Danh Sắc, Ngũ Uẩn còn lại.

Hoặc một trường hợp khác nữa,

- **Hành** tức là duy nhất chỉ có một thể loại 29 Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện làm thành Nhân của Thức Dị Thục Quả Hiệp Thế ở phần Tái Tục và Chuyển Khởi.
- **Nghiệp Hữu** tức là 29 Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện làm thành Nhân của Thức Dị Thục Quả Hiệp Thế ở phần Tái Tục, Chuyển Khởi và Vô Tướng Hữu.

[*Chú thích:* Từ ngữ “**Bhava**”(Hữu) có nghĩa là trở thành, và được giải thích ở cả hai thể loại tác hành tạo tác Nghiệp Lục – Thiện và Bất Thiện – được gọi là

Nghiệp Hữu (Kammabhava), tiến trình tích cực của sự trở thành – cùng với những Cõi Giới sinh tồn khác nhau, được gọi là *Sinh Hữu (Upapattibhava)* một tiến trình tiêu cực của sự trở thành.

Giữa hai từ ngữ *Hành (Saṅkhàra)* và *Nghiệp Hữu (Kammabhava)* chỉ có sự khác biệt là **Hành** được hiểu theo ý nghĩa “*Nghiệp Lực đã được tạo tác ở trong Thời Quá Khứ*”; và **Hữu** được hiểu theo ý nghĩa “*Nghiệp Lực được tạo tác ở trong Thời Hiện Tại*.” Chỉ có **Hữu** tức là Nghiệp Lực hiện tại tạo Năng Duyên cho sự đi thọ sinh ở trong Thời Vị Lai.]

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, Và Nhân Cần Thiết Của **Nghiệp Hữu**

1. *Nghiệp Lực Trạng Thái (Kammalakkhaṇa)*: Có sự tác thành Nghiệp Lực, làm thành trạng thái.
2. *Sinh Khí Phận Sự (Bhàvanaraso)*: Có việc làm cho sinh khởi, làm thành phận sự.
3. *Thiện Bất Thiện Thành Tựu (Kusalàkusalapaccupaṭṭhàno)*: Có sự tác thành Thiện, Bất Thiện, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Chấp Thủ Nhân Cận (Upàdànapadaṭṭhàno)*: Có Chấp Thủ làm Nhân cận lân.

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, Và Nhân Cần Thiết Của **Sinh Hữu**

1. *Nghiệp Quả Trạng Thái (Kammaphalakkhaṇam)*: Có sự tác thành quả báo của Nghiệp Lực, làm thành trạng thái.
2. *Sinh Khí Phận Sự (Bhàvanarasam)*: Có việc làm cho sinh khởi, làm thành phận sự.
3. *Vô Ký Thành Tựu (Abyàkatapaccupaṭṭhànām)*: Có sự tác thành Pháp Vô Ký, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Chấp Thủ Nhân Cận (Upàdànapadaṭṭhànām)*: Có Chấp Thủ làm Nhân cận lân.

Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu **Chấp Thủ Làm Duyên Hữu (Upàdànapaccayà Bhavo)**

1. Dục Chấp Thủ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nghiệp Hữu** cùng phối hợp với mình, thì có được bảy mãnh lực Duyên, đó là:

1. *Nhân Duyên (Hetupaccaya)*,

2. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
3. *Hồ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya),*
4. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajàtanissayapaccaya),*
5. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya),*
6. *Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajàtatthipaccaya),*
7. *Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajàtavigatapaccaya).*

2. Cả ba là **Kiến Chấp Thủ, Giới Cẩm Chấp Thủ** và **Ngã Luận Chấp Thủ** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nghiệp Hữu** cùng phối hợp với mình, thì có được bảy mãnh lực Duyên, đó là:

1. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
2. *Hồ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya),*
3. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajàtanissayapaccaya),*
4. *Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya),*
5. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya),*
6. *Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajàtatthipaccaya),*
7. *Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajàtavigatapaccaya),*

3. Cả **Tứ Thủ** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nghiệp Hữu** sinh khởi nối tiếp nhau với mình không có khoảng cách xen kẽ, thì có được sáu mãnh lực Duyên, đó là:

1. *Vô Gian Duyên (Anantarapaccaya),*
2. *Đẳng Vô Gian Duyên (Samanantarapaccaya),*
3. *Vô Gian Cận Y Duyên (Anantarùnissayapaccaya),*
4. *Trùng Dụng Duyên (Àsevanapaccaya),*
5. *Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya),*
6. *Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya).*

4. Cả **Tứ Thủ** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nghiệp Hữu** và **Sinh Hữu** bắt câu sinh với mình; có nghĩa là theo lẽ thường nhiên người đã không có **Chấp Thủ**, hành động tạo tác của người ấy thì không là **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu**; và một khi đã lìa khỏi Thế Gian này, **Sinh Hữu** tức là việc sinh thành Hữu Tình lớn nhỏ thì ắt hẳn không có. Tuy nhiên hành động tạo tác của tất cả **Chúng Hữu Tình** đã tác thành viên mãn **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu**, và một khi đã lìa khỏi Thế Gian này, thì việc sinh thành Hữu Tình lớn nhỏ, đã làm thành **Sinh Hữu**. Những thể loại này thường hiện hành với mãnh lực của một trong **Tứ Thủ** đã hiện hữu ở trong Uẩn giới tính của chính tự bản thân làm Năng Duyên; bởi do thế, trong việc giúp đỡ ủng hộ của cả **Tứ Thủ** đối với với cả hai **Hữu** đây, thường duy nhất chỉ có một thể loại là *Thường Cận Y Duyên (Pakatùpanissayapaccaya).*

5. Trong sát na **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu** sinh khởi bởi có bất luận một trong Tứ thủ làm thành Cảnh một cách phổ thông; thì sát na ấy bất luận một trong cả **Tứ Thủ** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu** thì có được một mãnh lực Duyên, đó là *Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya)*.

6. Trong sát na **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu** sinh khởi bởi có bất luận một trong Tứ Thủ làm thành Cảnh quan tâm một cách đặc biệt; thì sát na ấy bất luận một trong cả Tứ Thủ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ **Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu** thì có được ba mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya)*,
- 2/. *Cảnh Trướng Duyên (Ārammaṇādhīpatipaccaya)*,
- 3/. *Cảnh Cận Y Duyên (Ārammaṇūpanissayapaccaya)*.

Kết Thúc Cháp Thủ Làm Duyên Hữu

-----00000-----

X. BHAVAPACCAYÀ JÀTI SAMBHAVATI

(Hữu làm duyên cho Sinh khởi sinh)

Sự sinh khởi từ ở nơi Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tâm Sở và Sắc Nghiệp thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Nghiệp Hữu (Kammabhava)** làm **Nhân**.

Hữu làm Năng Duyên của **Sinh** là chỉ lấy **Nghiệp Hữu**, vì lẽ việc sinh khởi từ ở nơi Tâm Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp để hình thành **Sinh** đấy, sẽ sinh khởi lên được cũng do bởi nương vào Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế mà thôi. Với lý do này, Hữu ở trong câu **“Bhavapaccayà Jāti”** (Hữu làm duyên cho Sinh) duy nhất chỉ có một thể loại, đó là **Nghiệp Hữu**.

Sinh (Jāti) là việc sinh khởi lần đầu tiên của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp, và ấy chính là **Sinh Hữu** ở trong 31 Cõi Giới, bởi do chỉ có Nhất Uẩn, hoặc Tứ Uẩn, hoặc Ngũ Uẩn cũng có. Như có câu Chú Giải trình bày rằng:

“Jananam = Jāti”- “Gọi tên của việc sinh khởi của Ngũ Uẩn là **Sinh**.”
Hoặc một trường hợp khác nữa: **“Jāyanti pātubhavanti dhammā etāyāti = Jāti”**-
“Tất cả Pháp Hành thường hiện khởi lên bởi do nương vào Pháp chủng ấy, bởi do thế gọi tên Pháp chủng làm thành Nhân từ ở nơi việc hiện khởi của Pháp Hành ấy, là **Sinh**.”

Sinh – rằng tính theo Dĩ Pháp Bản Nguyên thì có hai thể loại, đó là:

1. **Danh Sinh (Nāmajāti)**: việc sinh khởi của Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả.
2. **Sắc Sinh (Rūpajāti)**: việc sinh khởi của Sắc Nghiệp.

+ Rằng tính theo Thời Gian thì có ba thể loại, đó là:

1. *Tái Tục Sinh (Paṭisandhijàti)*,
2. *Liên Tiếp Sinh (Santatijàti)*,
3. *Sát Na Sinh (Khaṇikajàti)*.

Trong ba thể loại Sinh này, thì việc sinh khởi lần đầu tiên trong Hữu mới của tất cả Chúng Hữu Tình đã mệnh chung lìa khỏi Hữu cũ; thì được gọi tên là **Tái Tục Sinh**. Và khi tính theo Dĩ Pháp Bản Nguyên, tức là 19 Tâm Tái Tục, 35 Tâm Sở, 3 – 7 – 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp sinh khởi ở trong Thời Kỳ Tái Tục.

Tiếp nối từ ở nơi Thời Kỳ Tái Tục, từng mỗi Danh Pháp và Sắc Pháp sinh khởi mới lên nối tiếp với nhau không gián đoạn trọn cả ngày, trọn cả tháng, trọn cả năm; cho đến suốt cả cuộc đời; thì được gọi tên là **Liên Tiếp Sinh**. Rằng tính theo Chi Pháp, tức là việc tiếp nối với nhau của tất cả Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp.

Việc sinh khởi từng mỗi sát na của từng mỗi cái Tâm, và việc sinh khởi từng mỗi sát na của từng mỗi Tổng Hợp Sắc Pháp, thì được gọi tên là **Sát Na Sinh**; tức là việc sinh khởi từng một sát na của tất cả Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp.

Từ ngữ *Jàti* ở trong câu “*Bhavapaccayà jàti*”- “*Hữu làm duyên Sinh*” đây, lập ý chỉ lấy *Tái Tục Sinh (Paṭisandhijàti)* mà thôi.

Tái Tục Sinh đây, một khi tính theo *Sinh Chúng (Jàti)* thì có được bốn thể loại, đó là:

1. *Thai Sinh Chúng (Jalàbujajàti)*: Việc sinh khởi ở trong tử cung người Mẹ.
2. *Noãn Sinh Chúng (Aṇḍajajàti)*: Việc sinh khởi ở trong quả trứng.
3. *Thấp Sinh Chúng (Saṅsedajajàti)*: Việc sinh khởi ở trong chỗ có nhựa mủ cây.
4. *Hóa Sinh Chúng (Opapàtikajàti)*: Việc vọt phát sinh lên to lớn tức thì.

+ Khi tính theo *Uẩn (Khandha)* thì có được ba thể loại, đó là:

1. *Ngũ Uẩn Sinh Chúng (Pañcavokàrajàti)*: Việc sinh khởi của Ngũ Uẩn.
2. *Tứ Uẩn Sinh Chúng (Catuvokàrajàti)*: Việc sinh khởi của Tứ Danh Uẩn.
3. *Nhất Uẩn Sinh Chúng (Ekavokàrajàti)*: Việc sinh khởi của đơn nhất Sắc Uẩn.

Sinh Chúng (Jàti) là việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình ở trong 31 Cõi Giới với rất nhiều trường hợp sai khác, có nhóm Hữu Tình Khổ Thú, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên. Những thể loại này cũng bởi do từ ở nơi **Nghiệp Hữu**, và đấy chính là hành động tạo tác với Thân, Lời, Ý ở phần Thiện cũng có,

Bất Thiện cũng có. Bởi do thế mới nhận thấy được rằng tất cả Chúng Hữu Tình ở trong Thế Gian này, ngoài Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực này ra rồi thì chẳng có một ai là đấng Tạo Hóa cả; ứng hợp với Đức Phật Ngài đã lập ý khái thuyết rằng: **“Kammam satte vibhajati yadidaṃ hinappanītatāya”**- “Nghiệp Lực thường phân biệt tất cả Chúng Hữu Tình cho có thực tính ty liệt và tinh lương.” Và Ngài Đại Giáo Thọ Sư **Buddhaghosa** cũng đã có trình bày rằng:

***Tulyopi bahi hetumhi Yamakànaṃ payayutlyatà
Na cāñño kammato tasmà Ñeyyo so jātipaccayo***

Dịch nghĩa nội dung chính rằng: “Ngay cả chỉ có duy nhất một Ngoại Tác Nhân là máu huyết và thực phẩm đi nữa, tuy nhiên trẻ song sinh cũng vẫn có điểm khác biệt với nhau để cho được nhận thấy. Sẽ nói rằng một người nam, một người nữ cũng có; sắc thân hình tướng khang khác nhau cũng có; Trí Tuệ khác biệt nhau cũng có.”

Điều này trình bày cho nhận thấy rằng ngoài Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu ra rồi, thì chẳng có tác nhân nào khác nữa để sắp bày trong việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình; bởi do thế, tất cả các bậc Hiền Trí nên thấu hiểu được rằng **Nghiệp Hữu** đây làm Năng Duyên của **Sinh** vậy.

**Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu,
Và Nhân Cần Thiết Của Sinh**

1. **Tiên Sinh Khởi Hữu Trạng Thái (*Tattha tattha bhavē paṭhamābhiniḃbati lakkaṇa*):** Có việc sinh khởi lần đầu tiên ở trong các Hữu ấy, làm thành trạng thái.
2. **Truyền Thế Phận Sự (*Niyyātanarasā*):** Có việc hiện hành tương tự như là trao truyền Ngũ Uẩn có sự hạn độ ở trong từng mỗi Hữu cho đến tất cả Chúng Hữu Tình, làm thành phận sự.
3. **Quá Khứ Truyền Thừa Hiện Tại Thành Tựu (hoặc) Khổ Đau Túc Chương Thành Tựu (*Atītabhavato idha ummujjana paccupaṭṭhānā* (và) *Dukkha vicittatāpaccupaṭṭhānā*):** Có việc quả báo từ ở nơi Hữu trước sinh khởi trong Hữu này, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các **Bậc Hiền Trí**; (hoặc) Có thực tính với quả khổ hiện khởi lên quá vất vả.
4. **Lũy Tích Danh Sắc Nhân Cận (*Upacitanāmarūpapadaṭṭhānā*):** Có Danh Sắc sinh khởi lần đầu tiên làm Nhân cận lân.

**Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu
Hữu Làm Duyên Sinh (*Bhavapaccayā Jāti*)**

Mại, Tử Vong đây, đã được liệt kê vào ở trong Dị Thục Quả Luân. Như trong đoạn văn Pàli có trình bày để trong đoạn trước rằng **“Upapattibhavasāṅkhato bhavēkadeso avasesā ca vipākavaṭṭam”** dịch nghĩa là **“Một phần còn lại của Hữu được gọi là Sinh Hữu thì thuộc về Dị Thục Quả Luân.”** Có nghĩa là một phần còn lại của Hữu gồm những thể loại Sinh Hữu và Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Sinh, Lão Mại và Tử Vong đây, là thuộc về Dị Thục Quả Luân.

Còn đối với trong Phần Phân Tích Liên Quan Tương Sinh (**Paṭicca samuppāḍavibhaṅga**) trình bày thể theo Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng (**Suttantabhājanīyanaya**) đây, đã có trình bày rằng:

“Tattha katamā jarā ? Ya tesam tesam sattānaṃ tamhi tamhi sattanikāye jarā jiraṇatā khaṇḍiccaṃ paḷiccaṃ valittacatā āyuno saṃhāni indriyānaṃ paripāko ayaṃ vuccati jarā.”

“Tattha katamaṃ maraṇaṃ ? Ya tesam tesam sattānaṃ tamhā tamhā sattanikāyā cuti avanatā bhedo antaradhānaṃ muccu maraṇaṃ kālakiriya khandhānaṃ bhedo kaḷavarassa nikkhepo jīvitindriyassa upacchedo idaṃ vuccati maraṇaṃ.” Dịch nghĩa là:

“Trong cả hai thể loại Lão Mại và Tử Vong đây, thì như thế nào là Lão Mại? Sự già nua, sự cổ lỗ, sự mất mát răng, sự tóc bạc, sự da nhăn, sự giảm sút tuổi tác; sự già lợm khòm của các căn, có Nhãn căn v.v. trong nhóm Hữu Tình ấy, của nhóm Hữu Tình ấy, cái này, cái nọ; được gọi là **Lão Mại.”**

“Trong cả hai thể loại Lão Mại và Tử Vong đây, thì như thế nào là Tử Vong? Sự chết, sự chuyển động, sự hư hoại rã tan, sự mất đi, sự tử vong, sự chết chóc, sự hết thời, sự rã tan từ ở nơi Uẩn, sự vứt bỏ tử thi, sự mất đi mạng quyền của nhóm Hữu Tình ấy, của Chúng Hữu Tình ấy, cái này, cái nọ; được gọi là **Tử Vong.”**

Chính vì thế, từ ngữ Lão Mại và Tử Vong ở trong Liên Quan Tương Sinh đây, sẽ lập ý chỉ lấy sự già nua và sự tử vong của tất cả Chúng Hữu Tình giả định ở trong Thế Gian này; có nghĩa là nối tiếp từ nơi **Sinh** của việc sinh khởi v.v. mãi cho đến tử vong; thì gọi tên là **Lão Mại**. Tức là sự lão mại của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp, Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực.

Trong sát na mà tất cả Chúng Hữu Tình đây gọi tên là **Tử Vong**, chính là sự tử vong của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, và Sắc Nghiệp, Sắc Tâm, Sắc Vật Thực.

Như có câu Chú Giải đã trình bày rằng: **“Jiranti jīṇṇabhavaṃ kacchanti etāyāti = Jarā”-** **“Tất cả Pháp Hành thường thâm nhập vào sự lão mại bởi do nương vào Pháp chủng ấy; bởi do thế gọi tên Pháp chủng làm thành Nhân từ ở nơi việc thâm nhập vào sự lão mại của những thể loại Pháp Hành đây là **Lão Mại.**”**

“Maranti sattā etenāti = Maraṇaṃ”- **“Tất cả Chúng Hữu Tình thường tử vong bởi do nương vào Pháp chủng ấy; bởi do thế gọi tên Pháp chủng làm thành Nhân từ ở nơi việc tử vong của tất cả Chúng Hữu Tình ấy là **Tử Vong.**”**

Lão Mại có chín thể loại, đó là:

1. *Lão Nhược Điều Tàn Lão Mại (Vayovuddhijarà)*: Tức là sự già nua tuân tự khởi sinh lên bởi do có những trạng thái hiện bày, chẳng hạn như tóc bạc, răng gãy, da nhăn, sợi dây gân hiện bày, lưng còng, v.v.
2. *Liên Tiếp Lão Mại (Santatijarà)*: Tức là sự già nua liên tiếp sinh khởi lên hoài không có gián đoạn của Danh Sắc cho mãi đi đến tử vong; cũng ví như một người bị bệnh sốt, trong sát na đang lên cơn sốt ấy được so sánh với Liên Tiếp Lão Mại vậy; và cơn sốt ấy từ từ giảm xuống cũng được so sánh với Liên Tiếp Lão Mại vậy.
3. *Sát Na Lão Mại (Khanikajarà)*: Tức là sát na Trụ của Danh và Sắc hiện khởi lên tiếp nối liên tục với nhau bởi theo trạng thái Sinh – Trụ - Diệt của sát na Tiểu.
4. *Hiển Hiện Lão Mại (Pàkaṭajarà)*: Tức là sự già nua hiển hiện rõ ràng, và đó cũng chính là Lão Nhược Điều Tàn Lão Mại vậy.
5. *Ẩn Tàng Lão Mại (Paṭicchannajarà)*: Tức là sự già nua bị ẩn khuất, không có khả năng để trông thấy được; và đó chính là sự lão mại của Danh Pháp.
6. *Bất Kiến Lão Mại (Avìcjarà)*: Tức là sự già nua không có cách nào cho nhận biết được; tức là sự suy giảm của ngọc xoàn, đá thạch, mặt trời, mặt trăng, trẻ con, nhóm nam nữ thanh xuân, v.v.
7. *Hữu Kiến Lão Mại (Savìcjarà)*: Tức là sự già nua có cách cho nhận biết được, đó chính là sự tổn hại của xe cộ, nhà cửa, đất đai điền thổ, những của cải vật chất, và người già nua, chúng sinh già nua, cây cối cỏ thụ, v.v.
8. *Siêu Lý Lão Mại (Paramatthajarà)*: Tức là sát na Trụ của Danh và Sắc; cũng tương tự với Sát Na Lão Mại.
9. *Chế Định Lão Mại (Paññattijarà)*: Tức là những sự việc già nua, ngoài ra Sát Na Lão Mại.

Trong tất cả những thể loại Lão Mại đây, một khi tính theo *Niên Hạn (Vaya)* thì **Lão Nhược Điều Tàn Lão Mại** có được 3 hoặc 10 thể loại, đó là:

Có Tam Niên Hạn (Vaya) đó là:

1. *Sơ Thứ Niên Hạn (Paṭhamavaya)*: Trong khoảng thời gian thọ mạng hạn định là 75 tuổi thọ; tính kể từ khi sinh ra cho đến 25 tuổi thọ thì sắp vào trong Sơ Thứ Niên Hạn (Chạn tuổi thanh niên).
2. *Nhị Thứ Niên Hạn (Dutiyavaya)*: Tính kể từ 25 tuổi cho đến 50 tuổi thọ thì sắp vào trong Nhị Thứ Niên Hạn (Chạn tuổi trung niên).

3. *Tam Thứ Niên Hạn (Tatīyavaya)*: Tính kể từ 50 tuổi cho đến 75 tuổi thọ thì sắp vào trong Tam Thứ Niên Hạn (Chạn tuổi lão niên).

Có Thập Niên Hạn (Vaya) đó là:

1. *Nhi Độn Thập Niên Hạn (Mandadasakavaya)*: Niên hạn yếu kém, tính kể từ 1 tuổi cho đến 10 tuổi thọ.
2. *Ngoạn Lộng Thập Niên Hạn (Khiddādasakavaya)*: Niên hạn vui chơi thỏa thích, tính kể từ 10 tuổi cho đến 20 tuổi thọ.
3. *Nhan Sắc Thập Niên Hạn (Vaṇṇadasakavaya)*: Niên hạn mỹ lệ xinh đẹp, tính kể từ 20 tuổi cho đến 30 tuổi thọ.
4. *Năng Lực Thập Niên Hạn (Baladasakavaya)*: Niên hạn có sức lực, tính kể từ 30 tuổi cho đến 40 tuổi thọ.
5. *Trí Tuệ Thập Niên Hạn (Paññādasakavaya)*: Niên hạn có Trí Tuệ, tính kể từ 40 tuổi cho đến 50 tuổi thọ.
6. *Suy Nhược Thập Niên Hạn (Hānidasakavaya)*: Niên hạn suy giảm, tính kể từ 50 cho đến 60 tuổi thọ.
7. *Suy Tàn Thập Niên Hạn (Pabbhāradasakavaya)*: Niên hạn ở sắc thân bắt đầu khòm ròm xuống, tính kể từ 60 cho đến 70 tuổi thọ.
8. *Suy Lão Thập Niên Hạn (Vaṅkadasakavaya)*: Niên hạn sắc thân đã khòm khem, tính kể từ 70 cho đến 80 tuổi thọ.
9. *Si Độn Thập Niên Hạn (Mamūhadāsakavaya)*: Niên hạn si mê lầm lạc, tính kể từ 80 cho đến 90 tuổi thọ.
10. *Ngọa Bệnh Thập Niên Hạn (Sayanadasakavaya)*: Niên hạn nằm hoài dật không nổi, đau nằm không dậy được; tính kể từ 90 đến 100 tuổi thọ.

[**Chú thích:** Thập Niên Hạn này trích lược ở trong bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo (*Visuddhimagga*) Phẩm 3, điều 247.]

Thập Niên Hạn như đã vừa đề cập đây, là việc trình bày thể theo Niên Hạn với thọ mạng hạn định 100 tuổi thọ. Còn nếu như ở trong giai đoạn thọ mạng suy giảm dần xuống thì cả Thập Niên Hạn này cũng tuân tự suy giảm theo.

Trong Liên Quan Tương Sinh này, từ ngữ **Lão Mại** lập ý lấy **Lão Nhược Điều Tàn Lão Mại, Hiện Hiện Lão Mại**; và cả hai thể loại Lão Mại này là Lão Mại chỉ có hữu quan với Sắc Pháp mà thôi, và trong Danh Pháp thì không có thể loại Lão Mại này.

Lẽ thường tuổi thọ của từng mỗi Sắc Pháp thì có được tương đương với tuổi thọ của 17 cái Tâm, không tăng hơn cũng không giảm hơn; bởi do thế khi đề cập bởi theo Thực Tính Siêu Lý thì “*Sắc ấy già nua, Sắc này yếu kém chẳng có chi cả; thế nhưng Tôi nhận thấy rằng da nhăn, răng gãy, v.v. cũng chỉ là điều mà Tôi đã*

giả định với nhau rằng là “**Lão Mại**” đó mà.” Với lý do này, một khi đã loại trừ **Sát Na Lão Mại, Ân Tàng Lão Mại, và Siêu Lý Lão Mại** ra rồi, thì Lão Mại ngoài ra đó cũng chỉ là Ché Định Lão Mại hết cả thấy.

Lại nữa, Lão Mại này là điều không thể trông thấy được, bởi vì đó là Cảnh Pháp. Chỗ nhận thấy rằng da nhăn, răng gãy, v.v. đó cũng chẳng phải là Tụ Ngã; mà chỉ là quả báo sinh từ ở nơi mãnh lực của một lần Lão Mại khác nữa. Thế nhưng, tất cả con người ta khi trông thấy rằng da nhăn, răng gãy, v.v. thì nhận biết được là người này, người nọ đã già nua rồi.

Nếu sẽ vấn hỏi rằng “*Tại làm sao Lão Mại có da nhăn, răng gãy, v.v. chỉ có hiện bày đối với người cao niên lớn tuổi; còn các trẻ nhỏ, và những trai trẻ thanh xuân thì chẳng có hiện bày; y như thể là sự Lão Mại đây chỉ có hiện hữu riêng biệt ở trong người già cao niên mà thôi; còn những trẻ nhỏ, trai trẻ thanh xuân thì không có. Sự việc như vậy là do bởi lý do nào?*” Điều này được giải đáp rằng “*Lẽ thường Lão Mại đầy ắp hẳn hiện hữu đối với hết cả thấy tất cả Chúng Hữu Tình, và chẳng có lựa chọn rằng sẽ là trẻ nhỏ, hoặc trai trẻ thanh xuân; hoặc chỉ là người cao niên lớn tuổi mà thôi. Và lại Lão Mại này có chức năng làm cho Sắc Pháp thâm thấu đến sự già nua với nhau hết cả thấy. Những trẻ nhỏ thì từ từ lớn dần lên thành trai trẻ thanh xuân, cũng với mãnh lực của Lão Mại. Trai trẻ thanh xuân thì từ từ bước đi đến thành người lớn, và cho đến thành người già; điều đầy cũng với mãnh lực của Lão Mại tương tự như nhau. Vì lẽ sự Lão Mại đây được chia ra làm hai thể loại, với một thể loại là “già nua thêm lên” gọi là “**Gia Tăng Lão Mại**” (**Abhikkamajarà**), và một thể loại là “già nua giảm xuống” gọi là “**Giảm Thiểu Lão Mại**” (**Paṭikkamajarà**). Đối với Lão Mại hiện hữu ở trong trẻ nhỏ, kể từ **Nhi Độn Thập Niên Hạn** cho đến **Năng Lực Thập Niên Hạn** là thuộc **Gia Tăng Lão Mại**; tức là Lão Mại sự già nua thêm lên dần. Chính với lý do đây, những trẻ nhỏ mới từ từ lớn dần lên mãi cho đến chám dứt hạn độ của Gia Tăng Lão Mại. Tiếp nối nơi đây thì từ từ sự già nua giảm xuống dần, hiện bày trạng thái tóc bạc, răng gãy, da nhăn, mắt mờ, v.v. mãi cho đến tử vong; được gọi là **Giảm Thiểu Lão Mại**. Và sự việc như vậy, đích thị cũng chính do bởi mãnh lực từ ở nơi “**Lão Nhiệt Khí**” (**Jirāṇatejo**) thiêu đốt Sắc Pháp cho có trạng thái tuần tự suy giảm xuống dần ấy vậy.”*

Lại nữa, trạng thái tóc bạc, răng gãy, da nhăn, mắt mờ, v.v. ấy chính là **Lão Nhược Điều Tàn Lão Mại** đây, thì thường không có đối với nhóm Chư Thiên và Chúng Phạm Thiên. Tất cả ở đây, cũng do bởi nhóm Chư Thiên và Chúng Phạm Thiên có Sắc Nghiệp làm thành nền tảng vững chắc hơn cả Sắc Vật Thực, và Sắc Quý Tiết. Còn nhóm Nhân Loại và tất cả Chúng Hữu Tình Bàng Sinh thì có Sắc Nghiệp yếu kém hơn Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực; bởi do thế mới có **Lão Nhược Điều Tàn Lão Mại** hiện bày rất nhiều.

Tử Vong (Marāṇa) Có Chín Thể Loại, đó là:

1. *Giả Định Tử Vong (Sammutimarāṇa)*: Tức là sự tử vong của tất cả Chúng Hữu Tình mà giả định gọi với nhau là nam nhân **K.** chết, nam nhân **Kh.** chết, cây chết, thủy ngân chết, v.v.
2. *Liên Tiếp Tử Vong (Sattatimarāṇa)*: Tức là việc nối tiếp của Danh Sắc có sự biến đổi từng thời kỳ, không có người đặt đê; chẳng hạn như Sắc sinh khởi ở trong thời bất an và một khi đã dứt khởi rồi, thì Sắc bất an ấy cũng diệt đi. Sắc an lạc tức thì sinh khởi mới lên và một khi có sự bực bội buồn lòng sinh khởi lên, tiếp đến lại sinh khởi sự vừa lòng duyệt ý, thì sự bực bội buồn lòng ấy cũng dứt khởi và diệt mất đi, chẳng hạn như vậy.
3. *Sát Na Tử Vong (Khaṇikamarāṇa)*: Tức là sự diệt mất của Sắc và Danh trong từng mỗi sát na Diệt.
4. *Bính Tuyệt Tử Vong (Samucchēdamarāṇa)*: Tức là viên tịch Níp Bàn của tất cả các Bậc Vô Sinh không còn việc tiếp nối sinh khởi được nữa.
5. *Mãn Kiếp Tử Vong (Jātikkhayamarāṇa)*: Tức là sự tử vong và chấm dứt trong từng mỗi kiếp sống.
6. *Tận Mệnh Tử Vong (Upakkamamarāṇa)*: Tức là việc hạn định thọ mạng cũng vẫn chưa dứt, Nghiệp Lực cũng vẫn chưa dứt, thế nhưng đã đến sự tử vong bởi do nương vào sự cố gắng của tự bản thân (tự tử), hoặc của tha nhân với mãnh lực *Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upacchedakkamma)*.
7. *Luỡng Toàn Tử Vong (Sarasamarāṇa)*: Tức là sự tử vong khi đã đến hạn định Tuổi Thọ và Nghiệp Lực.
8. *Thọ Diệt Tử Vong (Āyukkhayamarāṇa)*: Tức là sự tử vong khi đã đến hạn định tuổi thọ, cho dù vẫn chưa chấm dứt Nghiệp Lực đi nữa.
9. *Phúc Diệt Tử Vong (Puññakkhayamarāṇa)*: Tức là sự tử vong khi đã đến hạn định của Phước Báo và Nghiệp Lực, cho dù vẫn chưa chấm dứt tuổi thọ đi nữa.

Trong Liên Quan Tương Sinh đây, từ ngữ **Tử Vong** lập ý chỉ lấy **Giả Định Tử Vong, Mãn Kiếp Tử Vong, Tận Mệnh Tử Vong, Luỡng Toàn Tử Vong, Thọ Diệt Tử Vong, Phúc Diệt Tử Vong** mà thôi. Và kể từ Mãn Kiếp Tử Vong cho đến Phúc Diệt Tử Vong, với cả 5 thể loại này một khi đã có thâm sát rồi, thì tất cả đều sát nhập vào **Giả Định Tử Vong** hết cả.

Lão Mại và Tử Vong như đã vừa đề cập đến đây, là Thực Tính *Bát Duyệt Ý (Aniṭṭha)* đã làm thành điều đáng sợ hãi, và chẳng thích đáng cho việc mong cầu chút nào cả. Thế nhưng từng mỗi con người cũng không thể nào lẩn tránh được, mà phải bị đối diện với nhau hết cả thấy, và lại chẳng có con đường nào để sẽ trốn chạy cho vượt thoát ra khỏi trong kiếp sống này. Sự việc như vậy cũng do bởi có **Sinh**, đó chính là sự sinh khởi đã làm cái Nhân tiên khởi. Nếu như bất luận một người nào đã có sự sợ hãi Lão Mại và Tử Vong này rồi, thiết yếu người ấy sẽ phải

tâm cầu đạo lộ hủy diệt mầm **Sinh** đi, thì mới sẽ mong vượt thoát đi được. Và phương thức để sẽ hủy diệt mầm **Sinh** đây, thì đặc biệt chỉ có hiện hữu ở trong Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác mà thôi. Tức là việc hủy diệt **Nghiệp Hữu** cho hoàn toàn diệt; nỗ lực làm cho Thân, Ngữ, Ý của mình thấm nhập đến tác hành *Duy Tác (Kiriya)* và đích thị chính là sự thành Quả vị Vô Sinh. Và lại hành động tạo tác để sẽ cho thành tựu tác hành Duy Tác đấy, thì nhất thiết phải ở trong khoảng thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật một khi vẫn còn tồn tại. Khi đã xa rời khỏi Giáo Pháp của Đức Phật đi rồi, thì coi như đã chấm dứt đạo lộ để sẽ thực hiện được điều ấy; và chỉ còn lại Bất Thiện Nghiệp Lực với Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực. Hành động tạo tác cho Thiện Sự ấy được thành tựu một cách dễ dàng và có được nhiều cơ hội, là chỉ khi được thực hiện ngay ở trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật vẫn đang còn hiện hữu mà thôi. Và trong thời gian xa rời khỏi Giáo Pháp của Đức Phật rồi, thì việc thực hành Toàn Thiện ấy rất là khó khăn, và cơ hội có được thì lại rất hạn chế. Ngài so sánh ví như việc kiến tạo Thiện Sự này tỷ như người bệnh phải uống thuốc đắng; mà theo lẽ thường thuốc đắng thì thường không một ai ưa thích uống cả; thế nhưng người bệnh cố gắng để phải uống cũng bởi vì muốn dứt khỏi bệnh vậy. Điều này như thế nào, thì những thể loại Tâm Thiện Hiệp Thế cũng được ví như là thuốc đắng; và người tâm cầu vượt thoát ra khỏi bao Phiền Não thì cũng cần phải nỗ lực kiến tạo Thiện Hiệp Thế cho được khởi sinh lên, để rồi từ đó tuần tự tiến hành việc sát trừ Phiền Não, mãi cho đến chứng đạt viên mãn Quả vị Vô Sinh và diệt hết bao điều Phiền Não, thì cũng đã được ví như một người bệnh cần phải diệt căn bệnh của mình vậy; phải cố gắng thường luôn chăm uống thuốc đắng, mãi cho đến khi căn bệnh đã được dứt hẳn. Một khi những căn bệnh đã được dứt hẳn rồi, thì không cần phải tiếp tục uống thuốc đắng nữa; cũng như Đức Chánh Đẳng Giác của chúng ta đây đã nói với Thiên Ma trong sát na Ngài đang hành trì Pháp Hành Duy Tác, bởi do vị Thiên Ma đã đi đến tác bạch rằng: “*Kinh xin Đức Thế Tôn hãy cố gắng làm cho mình là người có được thọ mạng lâu dài, để sẽ có được thời gian kiến tạo Thiện Pháp, có việc thọ trì Giới Luật, tế lễ thần lửa, v.v. Nếu như ở trong rừng già và hành trì như vậy thì sẽ chẳng có lợi ích chi cả.*” Đức Phật Ngài mới trả lời với vị Thiên Ma rằng:

Anumattopi puññaena

Attho mayham na vijjati

Yesañca attho puññaena

Te mào vuttamarahati

Dịch nghĩa nội dung chính như sau: “*Này Thiên Ma, sự duyệt ý ở trong Thực Tính Thiện Pháp đã không có đối với Ta dù chỉ là chút ít; còn đối với người chỉ có chút ít Phước Báo thì lại có sự duyệt ý ở trong Thiện Pháp. Bởi do thế, Ngươi hãy nên đi nói với người vẫn còn có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong việc làm Thiện ấy vậy.*”

Lại nữa, ở trong bộ *Chú Giải Phân Tích Đé (Saccavibhaṅga Atthakathà)* Ngài Giáo Thọ Sư *Mahàbuddhaghosàcàriya* đã trình bày điều tỷ dụ để so sánh với cả ba **Sinh, Lão Mại, Tử Vong** này, tương tự với ba nam nhân đã hợp tác nhau để lường gạt kẻ thù đem đi sát mạng. Với nam nhân thứ nhất nhận nhiệm vụ làm người dụ dỗ kẻ thù cho đi vào trong rừng già, bằng cách nói lên lời khen ngợi về vẻ xinh đẹp thiên nhiên của rừng già ấy cho y được lắng nghe, và đã làm cho phát sinh lên sự mong muốn được đi thưởng ngoạn; thế rồi đã đồng ý cùng đi với nam nhân ấy. Khi đã vào đến khu vực rừng già rồi, thì nam nhân thứ hai đã thi hành nhiệm vụ làm người hành hạ và đả thương kẻ thù ấy cho phải bị thương tích đến cả kiệt sức. Thế rồi, nam nhân thứ ba đã thực hiện nhiệm vụ sát hại bằng cách cầm lấy con dao và đã chém vào cổ của kẻ thù ấy phải bị chết đi. Điều này như thế nào, thì nam nhân thứ nhất được ví với **Sinh** làm người dắt dẫn Chúng Hữu Tình sinh khởi ở trong những kiếp sống ấy, thì cũng giống như bị kẻ thù dắt dẫn cho đi vào trong khu rừng già ấy vậy. Nam nhân thứ hai được ví với **Lão Mại** đã hành hạ bức hại Ngũ Uẩn của tất cả Chúng Hữu Tình cho phải tuần tự bị lão mại dần xuống dẫn đến tử vong; thì cũng giống như đã bị kẻ thù lén lút hại ngầm cho đến phải mất hết cả sức lực vậy. Nam nhân thứ ba được ví với **Tử Vong** đã làm cho Ngũ Uẩn của tất cả Chúng Hữu Tình phải bị thiệt mạng trong từng mỗi kiếp sống; cũng giống như đã bị kẻ thù cầm dao sát hại khiến phải tử vong dường thế ấy.

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, Và Nhân Cần Thiết Của **Lão Mại**

1. *Khai Thục Uẩn Trạng Thái (Khandhaparipàkalakkhaṇà)*: Có sự già nua của Ngũ Uẩn đang hiện bày ngay trong kiếp sống hiện tại, làm thành trạng thái.
2. *Thôi Thúc Tử Vong Phận Sự (Maranūpanayanarasà)*: Có việc dắt dẫn cho vào đến sự cận tử, làm thành phận sự.
3. *Nguy Hại Thanh Niên Thành Tựu (Yobbanavinàsapaccupaṭṭhàṇà)*: Có thực tính hủy diệt chạn tuổi thanh xuân, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Sắc Pháp Thành Thục Nhân Cận (Paripaccamànarūpapadaṭṭhàn)*: Có Sắc Pháp đang chín muồi làm Nhân cận lân.

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, Và Nhân Cần Thiết Của **Tử Vong**

1. *Tử Vong Trạng Thái (Cutilakkhaṇam)*: Có việc hiện bày chuyển di lìa khỏi kiếp sống, làm thành trạng thái.

2. *Ly Khai Phận Sự (Viyogarasam)*: Có việc cách ly xa lìa với vật hữu mạng và phi sinh mạng đã từng có hội kiến với nhau ở trong kiếp sống này, làm thành phận sự.
3. *Bát Tại Thế Thành Trụ (Gativippavàsapaccupaṭṭhànam)*: Có việc chuyên đi lìa khỏi trú xứ cũ, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Danh Sắc Diệt Vong Nhân Cận (Paribhijjamaṇanàmarūpa padaṭṭhànam)*: Có Danh Sắc đang diệt làm Nhân cận lân.

Trình Bày Việc Liệt Kê 24 Duyên Vào Trong Câu **Sinh Làm Duyên Lão Mai – Tử Vong (Jàtipaccaya Jaràmarāṇa)**

Lão Mai – Tử Vong trình bày theo *Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng (Abhidhammabhàjanīyanaya)* thì chẳng có việc liệt kê Duyên để kể vào, vì lẽ Lão Mai cũng chính là sát na Trụ của Danh và Sắc; và Tử Vong thì cũng chính là sát na Diệt của Danh và Sắc tương tự như nhau. Còn trình bày theo *Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng (Suttantabhàjanīyanaya)* thì có được liệt kê Duyên kể vào.

Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Lão Mai – Tử Vong**, thì có được 1 mãnh lực Duyên, đó là: *Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya)*.

+ Câu Chú Giải của *Soka (Sầu Muộn)*: “**Socanam = Soko**”- “Gọi tên sự đau thương buồn rầu là **Sầu Muộn**.” Tức là Ưu Thọ phối hợp với 2 Tâm căn Sân sinh khởi từ ở nơi 5 thể loại *Điều Tàn (Bayasana)*. Một trường hợp khác nữa: “**Socanti cittaparilāham gacchanti etenāti = Soko**”- “Tất cả Chúng Hữu Tình thường có sự sầu muộn thâm thấu đến sự khốn khổ bởi do nương vào *Pháp* chủng ấy; bởi do thế gọi tên những thể loại *Pháp* chủng làm Nhân từ ở nơi sự sầu muộn khốn khổ của tất cả Chúng Hữu Tình ấy là **Sầu Muộn**.” Tức là Ưu Thọ phối hợp với 2 Tâm căn Sân.

Theo lẽ thường, tất cả Chúng Hữu Tình có khởi sinh lên sự sầu muộn buồn lòng, cũng chính là thực tính của Sầu Muộn ấy vậy; và Sầu Muộn sẽ sinh khởi lên được thì cũng phải có nương vào tác nhân để làm cho khởi sinh; và tác nhân ấy cũng chính là năm thể loại *Điều Tàn*, đó là:

1. *Quyến Thuộc Điều Tàn (Nàtibayasana)*: Sự sụp đổ tiêu tan từ ở nơi quyến thuộc; tức là Mẹ, Cha, Anh Chị Em, Con Cháu, Chồng Vợ, Bạn Hữu tiêu tan, chết mất đi.
2. *Tài Sản Điều Tàn (Bhogabayasana)*: Sự sụp đổ tiêu tan từ ở nơi tài sản của cải, chức vụ, danh vị; chẳng hạn như bị tai họa do bởi lửa đốt cháy, đạo

tặc trộm lấy, vua quan tịch thu, nước cuốn trôi, bị tước khỏi chức vụ, quân hàm, v.v.

3. *Bệnh Hoạn Điều Tàn (Rogabayasana)*: Sự sụp đổ tiêu tan do bởi bệnh tật; hoặc bị tai họa từ ở nơi bệnh tật hành hạ bức hại.
4. *Giới Hạnh Điều Tàn (Silabayasana)*: Sự sụp đổ tiêu tan từ ở nơi Giới Luật, tức là bị khiếm khuyết về điều học đã nguyện thọ trì.
5. *Tri Kiến Điều Tàn (Ditthibaysana)*: Sự sụp đổ tiêu tan từ ở nơi kiến thức; tức là có tri kiến sai lầm khởi sinh lên đã làm cho tiêu tan hết Chánh Kiến.

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, Và Nhân Cần Thiết Của **Sâu Muộn**

1. *Sâu Hoài Trạng Thái (Antonijhànalakkhaṇo)*: Có việc thiêu đốt ở nội tâm, hoặc có sự buồn bã, nóng nảy ở trong lòng, làm thành trạng thái.
2. *Sâu Khổ Phận Sự (Niyyàtanaraso)*: Đã làm cho Tâm thường luôn nóng nảy khổ sở, làm thành phận sự.
3. *Sâu Trường Thành Tựu (Anusocanapaccupaṭṭhàno)*: Thường luôn có sự sâu muộn đi theo sự điều tàn mà mình đã tiếp xúc, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Tâm Sân Khởi Sinh Nhân Cận (Upacitanàmarùpapadaṭṭhàno)*: Có Tâm Sân khởi sinh làm Nhân cận lân.

+ Câu Chú Giải của *Parideva (Bi Ai)*: “*Paridevanam = Paridevo*”- “*Gọi tên sự khóc lóc thở than là Bi Ai.*” Một trường hợp khác nữa: “*Tam tam pavattim parikittetvā devanti kandanti etenāti = Paridevo*”- “*Tất cả Chúng Hữu Tình than thở đến những sự kiện, thế rồi khóc lóc bởi do nương vào Pháp chủng ấy; chính vì thế gọi tên Pháp chủng làm Nhân từ ở nơi việc than thở để rồi khóc lóc của tất cả Chúng Hữu Tình ấy là Bi Ai.*” Tức là *Sắc Tâm Thịnh Diên Đảo (Cittajavippalāsa sadda)* sinh khởi bởi do có việc khóc lóc than thở do đã dựa vào bất luận một trong Ngũ Điều Tàn làm Nhân.

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, Và Nhân Cần Thiết Của **Bi Ai**

1. *Bi Đề Trạng Thái (Lāppanalakkhaṇo)*: Có việc rên rỉ khóc than, làm thành trạng thái.
2. *Phước Tội Bi Hoài Phận Sự (Gūṇadosaparikittanaraso)*: Có việc khóc lóc đến những Ân Đức và Tội Lỗi, làm thành phận sự.
3. *Hỗn Loạn Thành Tựu (Sambhamapaccupaṭṭhàno)*: Có Tâm rối loạn bất an, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.

4. *Đại Hiện Nương Sinh Tâm Sân Nhân Cận (Dosacittajamahabhūta padaṭṭhāno)*: Có Sắc Đại Hiện sinh từ ở nơi Tâm Sân làm Nhân cận lân.

+ Câu Chú Giải của *Dukkha* (Khổ Đau): “*Dukhucchitaṃ hutvā kàyika sukhaṃ khaṇatīti = Dukkhaṃ (và) “Dukkhamanti = Dukkhaṃ”*- “Pháp chủng nào thật đáng ghê tởm và hủy hoại đi sự an lạc về Thân (Thân Thọ Lạc); bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Khổ Đau**.” (Hoặc) “Tất cả Chúng Hữu Tình thường phải khó khổ để chịu đựng với cảm thọ nào; bởi do thế gọi tên cảm thọ ấy là **Khổ Đau**.” Một trường hợp khác nữa: “*Khamitūṃ dukkarantaṃ = Dukkhaṃ*”- “Cảm thọ nào khó khổ để chịu đựng được, bởi do thế gọi tên cảm thọ ấy là **Khổ Đau**.” Tức là *Thân Khổ Thọ (Kàyikadukkavedanā)*.

Sự Khổ Đau Có Chín Thể Loại, đó là:

1. *Khổ Khổ (Dukkhadukkha)*: Sự khổ có thực tính là xác thực khổ; tức là Thân Khổ Thọ và Tâm Sở Khổ Thọ.
2. *Biến Hoại Khổ (Vipariṇāmadukkha)*: Tức là *Thân Lạc Thọ (Kàyika sukhavedanā)* và *Tâm Sở Lạc Thọ*, bởi vì cả hai Lạc này làm Nhân cho *Thân Khổ Thọ* và *Tâm Sở Khổ Thọ* sinh khởi bởi do nương vào sự huyễn biến dị thường.
3. *Hành Khổ (Saṅkhàradukkha)*: Tức là Xả Thọ và Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp ở phần loại trừ ra *Khổ Khổ* và *Biến Hoại Khổ*; vì lẽ làm người bị hành hạ bức hại do bởi thường luôn có sự sinh diệt.
4. *Ẩn Tàng Khổ (Paṭicchannadukkha)* hoặc *Bất Hiện Khổ (Apàkaṭadukkha)*: Tức là nhức răng, nhức lỗ tai, nhức đầu, đau bụng, v.v. và sự bất an ở trong lòng sinh khởi bởi do mãnh lực của ái luyến, sân hận, v.v. Vì lẽ thể loại khổ đau này chỉ sẽ được biết, là phải do dựa vào việc thăm hỏi, và trạng thái hành hạ đẩy lại chẳng có hiện bày.
5. *Bất Ẩn Khổ (Appaṭicchannadukkha)* hoặc *Hiện Hiện Khổ (Pàkaṭadukkha)*: Tức là sự đau đớn phát sinh từ ở nơi những thương tích, và sự khổ đau về Thân hữu quan từ ở nơi hành hạ 32 thể loại *Hình Phạt (Kammakaraṇa)*. Vì lẽ thể loại khổ đau này được rõ biết mà chẳng cần phải có việc hỏi thăm; và lại trạng thái hành hạ bức hại đẩy cũng có được hiện bày rõ ràng.
6. *Biểu Hiện Khổ (Pariyāyadukkha)*: Tức là *Biến Hoại Khổ* và *Hành Khổ*; vì lẽ thể loại khổ đau này chẳng phải trực tiếp tự hình thành khổ, mà là phát sinh từ ở nơi những khổ đau khác khác nữa. (còn gọi là *Ảnh Hưởng Khổ*)
7. *Bất Dị Biệt Khổ (Nippariyāyadukkha)*: Tức là khổ đau, ưu thọ, sự buồn rầu, đều được gọi là *Khổ Khổ* ấy vậy.
8. *Thân Khổ Thọ (Kàyikadukkha)*: Tức là sự khổ đau phát sinh từ ở nơi sắc thân, có nhức răng, đau bụng, nhức đầu, và những thương tích v.v.

9. *Tâm Sở Khổ (Cetasikadukkha)*: Tức là sự khổ đau phát sinh từ ở nơi Lộ Ý Môn, có sự khổ tâm, sự buồn lòng, sợ hãi, sân hận, v.v.

Và ở trong Liên Quan Tương Sinh đây, từ ngữ *Dukkha (Khổ Đau)* tức là **Thân Khổ Thọ**.

**Việc Hình Phạt (Kammakaraṇa) Với 32 Thể Loại
Đã Làm Cho Phát Sinh Về Thân Khổ Thọ, đó là:**

1. Đánh đập với cây mây gai.
2. Đánh đập với cây mây mà không có gai.
3. Đánh đập với cây búa.
4. Chặt tay.
5. Chặt chân.
6. Chặt cả tay và chân.
7. Cắt lỗ tai.
8. Cắt lỗ mũi.
9. Cắt cả lỗ tai và lỗ mũi.
10. Lột da đầu rồi lấy cục sắt cháy đỏ ấn gí vào.
11. Giật tóc cho sút khỏi đầu.
12. Lấy thanh sắt banh miệng ra rồi lấy lửa châm vào miệng.
13. Lấy vải nhúng dầu quấn bó thân người rồi châm lửa vào vải.
14. Lấy vải nhúng dầu quấn bó tay lại rồi châm lửa ví như ngọn đuốc.
15. Lột da kể từ cổ cho đến hông.
16. Lột da kể từ cổ cho đến tay.
17. Lấy dây xích trói thúc ké hai phía khuỷu tay và hai phía đầu gối cho dính vào nhau, rồi dùng mũi sắt nhọn đâm thẳng xuống và lấy lửa thiêu đốt.
18. Dùng lưỡi câu móc dính thịt rồi giật mạnh cho thịt sút sỏ ra.
19. Lấy rìu lưỡi vòm chặt thịt cho rớt ra thành từng mảnh, từng mảnh.
20. Đánh đập khắp cả châu thân rồi dùng nước muối acide (cường toan) rưới cho thịt sút sỏ ra.
21. Cho nằm nghiêng rồi lấy thanh sắt đâm cho thủng lỗ tai giữ lấy, rồi nắm lấy chân xoay vòng tròn.
22. Lấy cục đá đánh đập khắp cả châu thân cho xương cốt bẻ vụn ra, rồi nắm lấy cho cuộn tròn bó lại thành từng cục, từng cục.
23. Lấy dầu sôi rưới khắp cả châu thân.
24. Cho nhịn đói 2 – 3 ngày rồi lấy vật thực của chó cho ăn.
25. Lấy thanh sắt nhọn chọc thủng kể từ đầu suốt đến hậu môn.
26. Dùng thanh kiếm chặt đầu.
27. Lấy đinh nung lửa đỏ đóng xuống bàn tay phía bên phải.

28. Lấy đỉnh nung lửa đỏ đóng xuống bàn tay phía bên trái.
29. Lấy đỉnh nung lửa đỏ đóng xuống bàn chân phía bên phải.
30. Lấy đỉnh nung lửa đỏ đóng xuống bàn chân phía bên trái.
31. Lấy đỉnh nung lửa đỏ đóng xuống bộ ngực.
32. Lấy búa rìu và bàn tay vạc đều thân xác.

(Trích trong Chánh Tạng Pàli Tăng Chi Bộ Kinh, quyển 14/ điều 510)

**Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu,
Và Nhân Cẩn Thiết Của **Khổ Đau****

1. *Áp Bức Thân Trạng Thái (Kàyapīlanalakkhaṇam)*: Có việc hành hạ bức hại sắc thân, làm thành trạng thái.
2. *Thiếu Trí Phát Sân Phận Sự (Duppāññānam domanassakaraṇarasam)*: Làm Nhân cho phát sinh sự sân hận, sự khổ tâm buồn phiền, khởi sinh lên đối với người thiếu trí, làm thành phận sự.
3. *Thân Bệnh Hoạn Thành Tựu (Kàyikābādhapaccupaṭṭhānam)*: Có sự ốm đau bệnh hoạn về Thân, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Thân Thanh Triệt Nhân Cẩn (Kàyapasādapadaṭṭhānam)*: Có Thân Thanh Triệt làm Nhân cẩn lân.

Sự Khổ Thân đây là sự khổ đau đặc biệt, bởi vì vừa hành hạ bức hại sắc thân rồi vẫn còn hành hạ ưu não nội tâm nữa. Tức là một khi sắc thân đã bất an rồi, thì sự bất an này thường làm cho người ấy phát sinh sự khổ tâm buồn phiền. Với lý do này, Ngài Giáo Thọ Sư *Mahābuddhaghosācāriya* mới trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Phân Tích Đé (Saccavibhaṅga Atthakathā)* và bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo rằng:

Pīleti kàyikamidam Dukkhañca mānasam bhiyyo

Janayati yasmā tasmā Dukkanti visesato vuttam

“*Khổ Thân thường hành hạ bức hại đến người đang thọ lãnh sự khổ đau đây, và có khả năng làm cho Khổ Tâm sinh khởi lên rất nhiều. Với lý do này, Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý nói rằng “là khổ đặc biệt.”*”

+ Câu Chú Giải của *Domanassa (Ưu Thọ)*: “*Domanassa bhavo = Domanassam*”- “*Thực tính làm Nhân cho thành người có lòng dạ không tốt, gọi tên là Ưu Thọ.*” Tức là Tâm Sở Khổ Thọ, là Khổ Tâm.

Sự Ưu Thọ một khi đã sinh khởi đối với người nào rồi, thì đã làm cho người ấy có tâm thức bức bối, khó chịu, có cử chỉ hành động khác thường cả về Thân lẫn về Lời. Và sự Ưu Thọ này thường làm Nhân cho Thân Khổ Thọ sinh khởi đối với

vào nhau thì gọi là *Upàyàsa* (*Não Hại*) dịch nghĩa là **Sự Khổ Tâm một cách nghiêm trọng**.

Thực tính của Não Hại là sự buồn lòng cùng cực bi thảm, được nối tiếp từ sự *Sầu Muộn* (*Soka*). Khi năng lực của Sầu Muộn đã phát khởi mạnh mẽ, thì lên đến giai đoạn Bi Ai; nối tiếp từ Bi Ai thì lên đến giai đoạn Não Hại, và ấy là cùng tột của sự sầu thảm; đã làm cho người đang cảm thọ đầy có tâm thức khô cứng ngay tức thì, và không còn có khả năng để sẽ chống đỡ với thể loại cảm thọ ấy được; chỉ còn cách ngồi lặng thinh chết điếng, nói cũng không được, và rồi khóc khô không lệ. Có đôi khi thì đi đến trạng thái bất tỉnh nhân sự; hoặc trở thành người mất trí đi rồi; hoặc có thể đi đến tự hủy diệt sinh mệnh của mình. Phần nhiều thì đã phát sinh với người đang phải tiếp xúc bất luận một trong Ngũ Điều Tàn, bởi do việc nghĩ tưởng chẳng hạn như người Mẹ, người Cha, Chồng, Vợ, hoặc Con Cháu đã vừa quá vắng ngay trong hiện tại này; hoặc là của cải tài sản đã phải bị mất mát cùng kiệt, do bởi tai họa lửa đốt cháy, đao tặc trộm lấy, bị nước cuốn trôi, hoặc bị lường gạt, v.v.; hoặc do bởi tai họa bệnh hoạn hết đường chạy chữa, v.v. Với những thể loại này đã làm cho người ấy ắt phải bị thọ lãnh sự tổn thương nặng nề, tác động mạnh mẽ đến tâm thức; và đích thị chính thể loại thực tính này được gọi tên là **Não Hại**. Như Đức Thế Tôn đã lập ý truyền dạy để ở trong Chánh Tạng Pàli Bộ Đại Xiển Minh (*Mahàniddesa*) rằng:

Tassa ce kàmayànassa Chandajàtassa jantuno
Te kàmà parihàyanti Sallaviddhova ruppati

Dịch nghĩa nội dung chính rằng: “Người đi với phương tiện giao thông - đấy chính là Cảnh Dục Trần đang hiện hữu - một cách mảng vui hơn hờ và có cảm thọ đắm nhiễm ái luyến ở trong những thể loại Cảnh Dục Trần ấy. Nếu như những thể loại Cảnh Dục Trần ấy phải bị mất đi; một khi đã là như vậy, thì người đang đắm đuối mảng vui ấy, ắt phải bị thọ lãnh sự tổn thương nặng nề, tác động mạnh mẽ đến tâm thức; rúng động vùng vẫy đi theo những thực tính từ ở nơi sầu muộn, bi ai, não hại; tương tự như loài nai bị trúng tên ngã xuống giữa vùng vẫy khi sắp phải tử vong như thế ấy.”

Sự Khác Biệt Giữa Sầu Muộn, Bi Ai Và Não Hại

Sầu Muộn sự sầu thảm, và ấy chính là *Ưu Thọ* (*Domanassavedanà*). **Bi Ai** sự khóc lóc thở than, và ấy chính là Sắc Tâm Thịnh Diên Đảo phát sinh từ ở nơi *Tâm Khởi Sinh Căn Sân* (*Dosamùlacittuppàda*). Và **Não Hại** sự Khổ Tâm một cách nghiêm trọng, hoặc sự vất vả khôn khổ ở trong lòng, và ấy chính là cái Tâm Sở Sân. Cả ba thể loại này, nếu sẽ đề cập đến điều tỷ dụ để so sánh, thì cũng được ví với dầu ở trong chảo rán đặt trên bếp lửa. Khi bị đun cháy thì dầu bắt đầu nóng lên từ từ. Khi sự nóng ấy lên đến cùng tột rồi, thì dầu cũng sôi sùng sục lên. Khi

để sôi một lúc lâu thì sự nóng sôi ấy cũng từ từ hiện khởi nhiều thêm lên; và cho đến cùng cực vượt quá hạn độ, thì lúc bấy giờ đã có khói hiện khởi lên rồi. Tiếp nối từ nơi ấy, thì dầu cũng dần dần bốc hơi và vơi cạn xuống, cho đến khô mất đi. Điều này như thế nào, thì **Sâu Muộn** cũng được ví với sự nóng của dầu khi mới bắt đầu nóng lên; **Bi Ai** được ví với dầu đang sôi sùng sục; **Não Hại** được ví với dầu đã nóng vượt quá hạn độ rồi từ từ vơi cạn xuống cho đến khô mất đi. Ứng hợp với Ngài Giáo Thọ Sư *Mahàbuddhaghosàcàriya* đã trình bày để ở trong bộ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo cũng trong cùng một phương thức như sau:

Bhàjananto telapàko Uttaritvā ca nikkhamo
Sesassa khayapàkoti Imehete tayosamā

Dịch nghĩa là: “*Cả ba Sâu Muộn, Bi Ai và Não Hại đây cũng tương tự với sự hiện hành của dầu ở ba giai đoạn, có như vậy: giai đoạn một là dầu nóng lên ở trong nồi gốm, giai đoạn hai là dầu sôi sùng sục lên, nối tiếp từ nơi ấy đến giai đoạn ba là dầu còn lại dư sót ấy nóng cho đến cạn khô đi.*”

**Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu,
Và Nhân Cần Thiết Của Não Hại**

1. *Thiêu Hủy Tâm Trạng Thái (Cittaparidayhanalakkhaṇo)*: Có việc thiêu đốt tâm thức một cách nặng nề, làm thành trạng thái.
2. *Di Thất Tâm Phận Sự (Nitthunanaraso)*: Có việc ruồng rẫy tâm thức, làm thành phận sự.
3. *Đoản Khuyết Thành Tựu (Visàdapaccupaṭṭhāno)*: Thân và Tâm hụt hẫng năng lực, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Tâm Cơ Nhân Cận (Hadayavatthupadaṭṭhāno)*: Có Sắc Ý Vật làm Nhân cận lân.

**Trình Bày Việc Liệt kê 24 Duyên Vào Trong Câu Sinh Làm Duyên
Sâu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại Khởi Sinh
(Jàtipaccayā Sokaparidevadukkhadomanassupàyāsā sambhavanti)**

Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những thể loại Sâu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại này đây, thì có được một mãnh lực Duyên, đó là: *Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya)*.

Sự sinh hoạt của tất cả Chúng Hữu Tình có việc sinh tử luân hồi ở trong thế gian này, ấy cũng chính là việc luân chuyển tuần hoàn của bánh xe Luân Hồi, đích thị chính là Pháp Liên Quan Tương Sinh, có Vô Minh v.v. đấy vậy. Thế nhưng tất

cả Chúng Hữu Tình thì đa phần chẳng có được liễu tri đến sự hiện hành từ ở nơi thể thức sinh hoạt như vậy, và chỉ có một việc là chấp thủ vào *Tục Đế (Sammuti sacca)* ngàn ấy mà thôi; tức là người ấy đã chết, người này sinh ra, tôi trông thấy, tôi đã được nghe, v.v. chỉ gồm có bấy nhiêu. Mà một khi nói theo chân như thực tính rồi, thì người ấy người này, tôi, anh, người nam, nữ nhân v.v. những thể loại này thì quả thực không có; và chỉ có Pháp làm tác nhân, làm thành quả báo nối tiếp nhau sinh khởi không gián đoạn. Hơn thế nữa, những thể loại Pháp này đều toàn là một khối Khổ Uẩn hết cả thảy. Và lại, sự sinh khởi từ ở nơi toàn bộ khối Khổ Uẩn ấy đều giả định với nhau rằng là người ấy, người này, tôi, anh, người nam, nữ nhân; mà ở những thể loại này thì cũng chẳng có bất luận một người nào là Đấng kiến tạo lên cả. Việc sinh khởi của những thể loại Pháp này cũng bởi do nương vào những Tác Duyên, có Vô Minh v.v. ấy vậy. Chính vì thế, Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý truyền dạy rằng **“*Evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti*”**- **“*Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ Khổ Uẩn*”**; có nghĩa là sự sinh khởi từ ở nơi toàn bộ khối Khổ Uẩn này, đích thị chính là do bởi nương vào những Tác Duyên, có Vô Minh v.v. như đã vừa được đề cập đến ở tại đây.

Khi thẩm sát theo Pháp Liên Quan Tương Sinh rồi, thì cũng nhận thấy được rằng tất cả những vật hữu sinh mạng, có Hữu Tình, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên; ở những thể loại này hiện khởi lên được, đích thị cũng do bởi nương vào Vô Minh chính là cái tác nhân tiên khởi vậy. Còn Hành v.v. sinh khởi nương từ ở nơi Vô Minh thêm một lần nữa, chẳng phải ngay chính cái tác nhân tiên khởi. Và nếu giả như bên phía nào Vô Minh vẫn còn hiện hữu, thì việc sinh việc tử của tất cả Chúng Hữu Tình ắt hẳn cũng vô cùng tận ở bên phía ấy. Đến khi nào đã sát trừ được Vô Minh cho tột diệt đi rồi, thế thì Hành v.v. cũng cùng được diệt tận hết cả. Có nghĩa là việc sinh, lão, bệnh, tử của tất cả Chúng Hữu Tình cũng coi như là chấm dứt. Với lý do này, Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo *Phần Nghịch Thuyết (Paṭilomadesanā)* như vậy: **“*Avijjāya tveva asesavirāganirodhā saṅkhāranirodho, saṅkhāranirodhā viññāṇanirodho, viññāṇanirodhā nāmanirodho, nāmarūpanirodhā saḷāyatananirodho, saḷāyatananirodhā phassanirodho, phassanirodhā vedanānirodho, vedanānirodhā taṇhānirodho, taṇhānirodhā upādānanirodho, upādānanirodhā bhavanirodho, bhavanirodhā jātīnirodho. Jātīnirodhā jarāmaṇasokaparideva dukkhamanassupāyāsā nirujjhanti evametassa kevalassa dukkhakhandhassa nirodho hoti.*”**- **“*Hẳn thật, Vô Minh tột diệt thì Hành diệt, Hành tột diệt thì Thức diệt, Thức tột diệt thì Danh Sắc diệt, Danh Sắc tột diệt thì Lục Xứ diệt, Lục Xứ tột diệt thì Xúc diệt, Xúc tột diệt thì Thọ diệt, Thọ tột diệt thì Ái Dục diệt, Ái Dục tột diệt thì Chấp Thủ diệt, Chấp Thủ tột diệt thì Hữu diệt, Hữu tột diệt thì Sinh diệt, Sinh tột diệt thì Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Nỗi Hại cũng cùng diệt. Tính cách diệt tất toàn bộ khối Khổ Uẩn ấy, là theo bởi duyên có như vậy.*”**

Có nghĩa là:

1/. Bởi do việc tiết diệt từ ở nơi **Vô Minh** không còn dư sót, và chính do bởi mãnh lực Vô Minh gọi tên là *Vô Tính Dục (Viràga)* ấy vậy, thì **Hành** tức là Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực mới được diệt mất.

2/. Bởi do việc tiết diệt từ ở nơi **Hành**, thì **Thức** tức là *Thức Nghiệp Lực (Kammaviññàna)* ở trong các Hữu trước trước, và *Thức Di Thục Quả (Vipàkaviññàna)* ở trong Hữu này, mới được diệt mất.

3/. Bởi do việc tiết diệt từ ở nơi **Thức**, thì **Danh Sắc** tức là Tâm Sở và Sắc Nghiệp mới được diệt mất.

4/. Bởi do việc tiết diệt từ ở nơi **Danh Sắc**, thì **Lục Xứ** tức là Lục Nội Bộ Xứ mới được diệt mất.

5/. Bởi do việc tiết diệt từ ở nơi **Lục Xứ**, thì **Xúc** có Nhãn Phủ Xúc, v.v. mới được diệt mất.

6/. Bởi do việc tiết diệt từ ở nơi **Xúc**, thì **Thọ** có Nhãn Phủ Xúc Thọ, v.v. mới được diệt mất.

7/. Bởi do việc tiết diệt từ ở nơi **Thọ**, thì 6 hoặc 108 **Ái Dục** có Sắc Ái Dục, v.v. mới được diệt mất.

8/. Bởi do việc tiết diệt từ ở nơi **Ái Dục**, thì **Tứ Chấp Thủ** có Dục Chấp Thủ, v.v. mới được diệt mất.

9/. Bởi do việc tiết diệt từ ở nơi **Chấp Thủ**, thì **Hữu** tức là Nghiệp Hữu và Sinh Hữu mới được diệt mất.

10/. Bởi do việc tiết diệt từ ở nơi **Hữu**, thì **Sinh** tức là sự sinh khởi từ ở nơi Tâm Di Thục Quả Hiệp Thế, Tâm Sở và Sắc Nghiệp mới được diệt mất.

11/. Bởi do việc tiết diệt từ ở nơi **Sinh**, thì **Lão Mại** sự già nua, **Tử Vong** sự chết chóc, **Sâu Muộn** sự sâu thẳm, **Bi Ai** sự khóc lóc thở than, **Khổ Đau** sự Khổ Thân, **Ưu Thọ** sự Khô Tâm, **Não Hại** sự vất vả khôn khổ ở trong lòng, mới được diệt mất.

Sự tiết diệt từ ở nơi toàn bộ khối Khổ Uẩn thường được hiện hành như đã vừa đề cập đến tại đây.

Trong Liên Quan Tương Sinh theo *Phần Nghịch Thuyết (Paṭilomadesanà)* thì điều quan trọng chánh yếu, đó chính là việc tiết diệt của Vô Minh ấy vậy. Còn việc diệt mất của Hành v.v. một khi Vô Minh đã diệt đi rồi thì những thể loại Hành, v.v. đây, thường cũng cùng nhau đồng diệt mất; chẳng phải diệt đi theo thứ tự ở từng mỗi thể loại; ấy là điều rất khác biệt trong *Phần Thuận Thuyết (Anulomadesanà)*. Tỷ dụ như mầm hạt giống nếu đã được uơm trồng rồi, thì kết quả là thân cây cũng được hiện khởi lên. Khi đã có thân cây rồi, thì cành nhánh cũng được hiện khởi lên. Khi đã có cành nhánh rồi, thì cuống và lá cũng được hiện khởi lên. Khi đã có cuống và lá rồi, thì bông hoa cũng được hiện khởi lên. Khi đã có bông

hoa rồi, thì trái quả cũng được hiện khởi lên. Khi đã có trái quả rồi, thì hạt giống cũng lại được hiện khởi lên. Khi đã có hạt giống rồi, thì thân cây cũng lại được hiện khởi lên. Khi đã có thân cây rồi, thì cành nhánh cũng lại được hiện khởi lên; đã làm thành nhân thành quả với nhau một cách đặc biệt thường luôn luôn chuyển không gián đoạn; thì cũng tương tự với việc trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phần Thuận Thuyết có *“Avijjāpaccayā saṅkhārā”* (Vô Minh làm duyên cho Hành) v.v. Thế nhưng, nếu giả như lấy mầm hạt giống ấy đem thiêu hủy đi rồi, thì thân cây cũng không thể hiện khởi lên được. Khi thân cây không được sinh khởi thì cành nhánh cũng không được sinh khởi. Khi cành nhánh không được sinh khởi thì cuống và lá cũng không được sinh khởi. Khi cuống và lá không được sinh khởi thì bông hoa cũng không được sinh khởi. Khi bông hoa không được sinh khởi thì trái quả cũng không được sinh khởi. Khi trái quả không được sinh khởi thì hạt giống cũng không được sinh khởi. Khi hạt giống không được sinh khởi thì thân cây cũng không được sinh khởi. Tuy nhiên trong việc trình bày Nhân Quả theo đường lối của việc không được sinh khởi đây; đã đề cập đi theo thứ tự như vậy, cũng chỉ là việc trình bày theo cách thức của thành ngữ văn chương mà thôi. Chứ sự thật ra, một khi đã hủy diệt mầm hạt giống cho mất đi rồi; thì thân cây, cành nhánh, cuống, lá, bông hoa, trái quả, hạt giống; với những thể loại này cũng không thể sinh với nhau được; thì cũng tương tự với việc trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phần Nghịch Thuyết có *“Avijjāya tveva asesā virāgaṇirodhā saṅkhāranirodho”* v.v. *“Hủy thật, Vô Minh diệt thì Hành diệt,”* v.v.

Chỗ nói rằng sự diệt từ ở nơi Vô Minh, ấy cũng chính là Níp Bàn vậy; tuy nhiên cũng vẫn còn là Hữu Dư Y Níp Bàn; tức là Ngũ Uẩn vẫn đang còn dư sót hiện hữu. Và Hữu Dư Y Níp Bàn này tiếp nối cũng sẽ là Vô Dư Y Níp Bàn, tức là diệt mất Dị Thục Quả từ ở nơi Ngũ Uẩn do bởi không còn tục sinh lại nữa; và chính vì thế mới không có được hết tất cả các bậc đều đã có sự liễu tri ở trong thực tính của Níp Bàn một cách chân chánh. Theo đại đa số thì liễu tri rằng bậc đã được thụ hưởng sự an lạc ở trong Vô Dư Y Níp Bàn, cũng vẫn còn tự ngã có người đang thụ hưởng; tuy nhiên bậc ấy đã không còn việc sinh lão bệnh tử; và đã vượt thoát ra khỏi toàn bộ Khổ Uẩn. Mà sự thật ấy là Vô Dư Y Níp Bàn đây, thì chẳng còn có tự ngã, tôi, anh, bất luận thể nào cả; tức là việc diệt tất việc sinh khởi từ ở nơi Ngũ Uẩn một cách hoàn toàn, và không còn có việc tục sinh mới lại nữa; cũng ví như ngọn lửa đã diệt tắt như thế nào thì tất cả các Bậc Vô Sinh cũng chứng đạt đến Vô Dư Y Níp Bàn như thế ấy.

Trong sự kiện Níp Bàn đây, Ngài Đại Phạm Thiên có danh xưng là Phạm Thiên *Baka* khi đã được lắng nghe thực tính sự hiện hành của Níp Bàn mà Đức Chánh Đẳng Giác đã lập ý trình bày rồi, không chịu được lặng thinh mới vụt thốt lên rằng: *“Tucchakaññeva ahoṣi rittakaññeva ahoṣi niratthakaññeva ahoṣi”*-*“Kính bạch Ngài Sa Môn Gotama, ... Níp Bàn của Ngài là rỗng không, rỗng tuếch, không có cái chi cả, quả thật vô ích.”* Ở sự kiện này, thì người trình bày

cũng chính là Bạc Chánh Đẳng Giác, và người lắng nghe cũng chẳng phải là hạng bình thường, đến cả bậc Đại Phạm Thiên; ấy thế mà cũng vẫn không có sự hoan hỷ duyệt ý trong thực tính sự an lạc của Níp Bàn chẳng có dính líu với bất luận một thể loại nào của Danh Sắc Ngũ Uẩn. Với lý do này, một vài bậc Thầy Tế Độ, Giáo Thọ Sư và Thuyết Pháp Giả, là những bậc vẫn chưa có sự hiểu biết vừa đủ trong sự kiện sự an lạc của Níp Bàn mới có quan điểm rằng “*Bậc đã chứng đạt đến Níp Bàn rồi, thì cho dù sẽ không còn có Danh Sắc Ngũ Uẩn đi nữa, thế nhưng cũng vẫn có thực tính đặc biệt ngoài ra Danh Uẩn Ngũ Uẩn, đang làm thành người đang thụ hưởng. Và lại thực tính đặc biệt này không có việc sinh lão bệnh tử, vượt thoát ra khỏi toàn bộ khối Khổ Uẩn, là sự an lạc tuyệt đối.*” Một khi đã có quan điểm như vậy, mới cố gắng giải thích, và đã hướng dẫn đến với những môn đồ đệ tử của mình, chỉ đến tất cả những người có sự lưu tâm để ý ở trong Giáo Pháp cho được am hiểu đến sự kiện thể loại Níp Bàn mới mẻ mà mình đã kiến lập lên. Thế rồi những hạng người đầy đã được lắng nghe, lại hiểu biết rằng “*sự thật là thế đấy*”, và đã rủ nhau lầm tin vào tri kiến sai trật ấy vậy.

Lại nữa, khi đề cập đến tính nét tập khí của hai nhóm người; tức là một nhóm người thì phối hợp với **Tổ Chất Ly Dục Trần (Nekkhamadhātu)**, và một nhóm người lại phối hợp với **Ái Dục (Tanhà)**, thì ắt hẳn có sự cảm thọ ở trong tâm thức khác biệt nhau. Sẽ đề cập đến là người mà phối hợp với **Tổ Chất Ly Dục Trần** thì thường có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong sự tĩnh lặng đoạn lưu những cảnh Phiền Não. Còn người mà phối hợp với **Ái Dục** thì thường hân hoan duyệt ý ở trong sự nô đùa vui thích, đều toàn là Phiền Não hết cả. Sẽ nêu lên thí dụ điển hình trình bày cho nhận thấy sự khác biệt nhau từ ở nơi tâm thức của hai nhóm người này; chẳng hạn như tất cả các Bạc Bất Lai và các Bạc Vô Sinh một khi được lắng nghe người nói rằng ở trong rừng già ấy, hang động ấy, núi đồi ấy là trú xứ tịch mịch xa lánh quần thể nhân loại, có cây cối thoáng mát, nước sông đầy đủ; như vậy rồi cũng có cảm thọ duyệt ý nhu thiết đi đến nương nấu trú xứ như thế. Và khi đã được nương trú rồi, thì cũng không còn mong muốn để quay trở lại sống hòa lẫn với quần thể nhân loại được nữa. Còn đối với tất cả nhóm người đam mê ẩm tửu rượu chè, khi được lắng nghe như vậy thì cho dù bất luận trường hợp nào đi nữa, cũng cảm thấy không có sự duyệt ý; nghĩ suy rằng trú xứ như thế sẽ có sự an lạc như thế nào được, chỉ có sự đáng ghê sợ, và đáng chán ngán. Ấy thế mà, nếu giả như có người đến bảo rằng chỗ này chỗ nọ là trú xứ có rất nhiều chuyện nô đùa vui thích, có đại hý viện vui chơi rầm rộ, có đầy đủ các cửa hàng bán rượu và vật thực; như vậy rồi, nhóm người đam mê ẩm tửu rượu chè khi đã được nghe như thế, liền cảm thấy nôn nóng muốn cấp tốc để đi đến nơi ấy ngay thôi. Và khi đã đến nơi ấy rồi, cứ mải vui chơi và chẳng muốn trở về. Còn Bạc Bất Lai và Bạc Vô Sinh, khi đã được nghe như vậy liền cảm thấy bi mẫn thương xót, chẳng phát sinh sự hoan hỷ duyệt ý dù chỉ là chút ít. Sự việc như vậy, cũng do bởi trong đặc tính bản chất của các Ngài Bất Lai và Vô Sinh đây đã có Tổ Chất Ly Dục Trần đang

chủ quản. Một khi đã được lắng nghe sự kiện sự an lạc thì đã lắng nghe với Tố Chất Ly Dục Trần. Nếu giả như sự kiện sự an lạc chẳng có liên quan với Ái Dục, thì ấy là sự tịnh lạc hoan hỷ để được lắng nghe. Nếu như sự kiện ấy lại dính líu với Ái Dục rồi, thì chẳng có hoan hỷ để lắng nghe, lòng cảm thấy thản nhiên và đã trông thấy điều tác nghiệt tội lỗi. Còn nhóm người đam mê âm tửu rượu chè thì trái ngược lại, chỉ một lòng ưa thích được lắng nghe sự kiện sự an lạc liên quan với Tham Ái mà thôi. Nếu đã là sự kiện tịnh lạc, xa lìa khỏi Ái Dục thì chẳng hoan hỷ để lắng nghe.

Đối với Níp Bàn, ấy chính là *Tố Chất Không Hư (Suññatadhātu)* tinh trạng tuyệt đối, và xa lìa khỏi Danh Sắc Ngũ Uẩn; bởi do thế bậc sẽ được lắng nghe sự kiện Níp Bàn thì cần phải lắng nghe với Tố Chất Ly Dục Trần; mới sẽ kiên tịnh được sự an lạc. Còn nếu như lắng nghe với Ái Dục thì ắt hẳn chẳng thấy được sự an lạc, mà trái lại nhận thấy rằng đây là điều vô ích chẳng đáng tầm cầu, tương tự với quan điểm của Đại Phạm Thiên *Baka* ấy vậy.

Phương Thức Của Việc Thuyết Giảng

Việc trình bày Liên Quan Tương Sinh của Đức Chánh Đẳng Giác để trong Tương Ứng Bộ Kinh, thì đã có phân loại với bốn phương thức từ ở nơi việc trình bày. Bốn phương thức ấy là:

1/. Trình bày từ đầu đi đến cuối: Tức là kể từ Vô Minh đi tuần tự cho đến Lão Mai – Tử Vong là nơi cuối cùng; được gọi là *Tự Thủy Chí Chung Thuận Thuyết (Àdipariyosànaanulomadesanà)*.

2/. Trình bày từ giữa đi đến cuối: Tức là kể từ Thọ đi tuần tự cho đến Lão Mai – Tử Vong là nơi cuối cùng; được gọi là *Tự Trung Chí Chung Thuận Thuyết (Majjhimapariyosànaanulomadesanà)*.

3/. Trình bày từ cuối đi đến đầu: Tức là kể từ Lão Mai – Tử Vong đi thụt lùi lại tuần tự cho đến Vô Minh là nơi cuối cùng; được gọi là *Tự Chung Chí Thủy Nghịch Thuyết (Pariyosanaàdipaṭilomadesanà)*; chẳng hạn như “*Jàtipaccayà jaràmarañam, bhavapaccayà jàti, v.v. avijjàpaccayà saṅkhàrà*”- “*Sinh làm duyên Lão Mai – Tử Vong; Hữu làm duyên Sinh, v.v. Vô Minh làm duyên Hành.*”

4/. Trình bày từ giữa đi đến đầu: Tức là kể từ Ái Dục đi thụt lùi tuần tự cho đến Vô Minh là nơi cuối cùng; được gọi là *Tự Trung Chí Thủy Nghịch Thuyết (Majjhimaàdipaṭilomadesanà)*; chẳng hạn như “*Ime ca bhikkhave cattàro àhàrà kiṃnidànà kiṃsamudayà kiṃjàtikà kiṃpabhavà ? Ime cattàro àhàrà taṇhànidànà taṇhàsamudayà taṇhàjàtikà taṇhàpabhavà. Taṇhà kiṃnidànà kiṃsamudayà kiṃjàtikà kiṃpabhavà ? Vedanànidànà vedanà samudayà vedanàjàtikà vedanàpabhavà v.v. Saṅkhàrà kiṃnidànà kiṃ samudayà kiṃjàtikà kiṃpabhavà ? Avijjànidànà avijjàsamudayà avijjà jàtikà avijjàpabhavà.*”-

Dịch nghĩa là: “*Này tất cả Chư Tỳ Khuru, những cả Tứ Vật Thực này có cái chi làm căn nguyên, có cái chi làm xuất sinh, có cái chi làm Nhân cho sinh khởi, có cái chi làm cái Nhân tiên khởi? Giải đáp rằng: Những cả Tứ Vật Thực này có Ái Dục làm căn nguyên, có Ái Dục làm xuất sinh, có Ái Dục làm Nhân cho sinh khởi, có Ái Dục làm cái Nhân tiên khởi.*

Ái Dục đây, có cái chi làm căn nguyên, có cái chi làm xuất sinh, có cái chi làm Nhân cho sinh khởi, có cái chi làm cái Nhân tiên khởi? Giải đáp rằng: Ái Dục đây có Thọ làm căn nguyên, có Thọ làm xuất sinh, có Thọ làm Nhân cho sinh khởi, có Thọ làm cái Nhân tiên khởi.

Hành đây, có cái chi làm căn nguyên, có cái chi làm xuất sinh, có cái chi làm Nhân cho sinh khởi, có cái chi làm cái Nhân tiên khởi? Giải đáp rằng: Hành đây có Vô Minh làm căn nguyên, có Vô Minh làm xuất sinh, có Vô Minh làm Nhân cho sinh khởi, có Vô Minh làm cái Nhân tiên khởi...v.v.” Và như vậy gọi là *Tự Trung Chí Thủy Nghịch Thuyết (Majjhimaàdipaṭilomadesanà).*

Những Lợi Ích Được Đón Nhận Từ Nơi Việc Thuyết Giảng Thê Theo Cả Tứ Phương Thức

1. Việc trình bày thê theo **Tự Thủy Chí Trung Thuận Thuyết** để làm thành lợi ích trong việc giải thích đến những người bất liễu tri, không hiểu biết trong việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình, đã phê phán sai lầm với những sai biệt, đã phán quyết rằng không có cái chi làm tác nhân cho sinh khởi; và để cho hiểu biết rằng việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình, (1) ắt hẳn là phải nương theo tác nhân riêng biệt của từng mỗi người, (2) và để cho thấu hiểu đến việc sinh khởi của những thê loại tác nhân này, rằng là sinh khởi hiện hành theo thứ tự.

2. Việc trình bày thê theo **Tự Trung Chí Thủy Thuận Thuyết** để làm thành lợi ích đối với một vài nhóm người chẳng tin rằng một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã chết đi, thê rồi sẽ lại phải đi tục sinh ở trong Hữu vị lai nữa. Những hạng người này sẽ được nhận thức đến 5 Nhân Duyên, đó là **Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Vô Minh** và **Hành** là chỗ nương náu, là sinh trú đối với mình. Và một khi đã có tác nhân hiện tại rồi, thì nhất định sẽ phải có quả báo ở trong thời vị lai. Và quả báo ấy chính là **Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ**; và được gọi là tất cả Chúng Hữu Tình ấy vậy.

3. Việc trình bày thê theo **Tự Chung Chí Thủy Nghịch Thuyết** để làm thành lợi ích cho tất cả mọi người được trông thấy Pháp làm tác nhân của sự khổ đau; đi theo thứ tự kể từ Sinh v.v. cho đến Vô Minh. Là để cho hiểu biết rằng sự khổ đau có Lão邁, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Nỗi Hại mà tất cả Chúng Hữu Tình đang phải đón nhận từng mỗi ngày đây, hiện khởi lên được cũng bởi do nương vào **Sinh** làm Nhân. Nếu đã không có Sinh rồi, thì những thê loại khổ đau này cũng không sinh khởi lên được. Một khi đã trông thấy Sinh rồi, thì

cũng cho thấy tác nhân làm cho Sinh được sinh khởi, ấy là **Nghiệp Hữu**. Một khi đã trông thấy Nghiệp Hữu rồi, thì cũng cho thấy tác nhân làm cho Nghiệp Hữu được sinh khởi, ấy là **Chấp Thủ**; để cho được trông thấy tác nhân nối tiếp đi theo thứ tự từng bậc cho đến **Vô Minh**. Một khi đã trông thấy Vô Minh rồi, thì cũng sẽ được hiểu biết rằng đích thị chính Vô Minh này là chủ vị của tất cả mọi tác nhân.

4. Việc trình bày thể theo **Tự Trung Chí Thủy Nghịch Thuyết** để làm thành lợi ích cho hiểu biết đến Nhân Quả theo thứ tự làm chỗ xuất sinh xứ của cả Tứ Vật Thực được coi như là người dẫn dắt của tất cả Chúng Hữu Tình; kể từ Hữu Quá Khứ cho đến Hữu Hiện Tại. Tức là:

(1) Sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình có được tồn tại, tăng trưởng to lớn lên được, là cũng bởi do nương vào những Vật Thực làm thành người dẫn dắt.

(2) Tất cả Chúng Hữu Tình có sự cảm thọ an lạc, khổ đau, thân nhiên, là cũng bởi do nương vào Xúc, là việc tiếp xúc giữa Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý với Lục Cảnh.

(3) Tất cả Chúng Hữu Tình hành động tạo tác ở cả Thiện Hạnh và Bất Thiện Hạnh, là cũng bởi do nương vào Tư Tác Ý làm người thúc đẩy dẫn dắt.

Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Tâm Cơ, Nữ Giới Tính, Nam Giới Tính và việc tiếp xúc Cảnh, việc thụ hưởng Cảnh, việc ghi nhớ Cảnh, v.v. những thể loại này sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Thức Tái Tục làm người dẫn dắt. Đối với trong Thời Chuyển Khởi, thì sự tham lam, sự sân hận, sự si mê, sự chấp ngã, sự thấy sai, sự đố kỵ ganh tỵ v.v, hoặc sự sùng tín, sự hiểu biết, sự bi mẫn, sự tưởng nhớ, v.v. những thể loại này sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Thức Chuyển Khởi làm người dẫn dắt.

Cả Tứ Vật Thực - làm người dẫn dắt tất cả Chúng Hữu Tình cho sinh khởi lên và được tồn tại, tạo tác biết bao hành động suốt trọn cả kiếp sống - sẽ được sinh khởi lên, là cũng bởi do nương vào Ái Dục làm Nhân. Ái Dục sẽ sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Thọ làm Nhân. Thọ sẽ sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Xúc làm Nhân. Xúc sẽ sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Lục Xứ làm Nhân. Lục Xứ sẽ sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Danh Sắc làm Nhân. Danh Sắc sẽ sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Thức làm Nhân. Thức sẽ sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Hành làm Nhân. Hành sẽ sinh khởi lên được, là cũng bởi do nương vào Vô Minh làm Nhân; để cho được nhận thấy Nhân Quả hiện hành đi theo thứ tự, bằng cách lấy Tứ Vật Thực làm nền tảng để quy định cho việc thâm sát.

Kết luận rằng **Pháp Liên Quan Tương Sinh** đây, là **Pháp Vận Hành Hoàn Bảo** (*Samantabhadhadhamma*) tức là Pháp có sự hoàn bị tốt đẹp, vì lẽ cho dù sẽ trình bày bởi theo bất luận phương thức nào đi nữa, thì người đã được lắng nghe rồi ắt hẳn thành đạt sự lợi ích; tức là xác định được liễu tri Khổ Đế, đoạn tận Tập Đế, kiến tịnh Diệt Đế, tiến hóa Đạo Đế; và rồi chúng đạt đến Níp Bàn. Một trường hợp khác nữa, Đấng Như Lai Ngài là Bạc Hảo Thuyết Giáo Kỳ Tài (*Desanà*

vilàsapattapuggala) là bậc có khả năng cải tiến việc thuyết giảng cho được hoàn hảo thích hợp.

+ Giải thích trong câu Pàli ở điều thứ 4, chỗ nói rằng “*Tattha tayo addhà, dvàdasan̄gani, viṣatākàrà, t̄isandhi, catusaṅkhepà, t̄iṇi vaṭṭani, dve mùlani ca veditabbani.*”- “Ở nơi đây cũng cần nên hiểu biết rằng có 3 Thời Kỳ, 12 Chi Phần, 20 Hành Tướng, 3 Liên Kết, 4 Tóm Lược, 3 Luân Hồi, và 2 Căn Nguyên.”

Trong câu Pàli của điều này có sự lập ý để cho tất cả các bậc học giả có được hiểu biết đến điều nên được hiểu biết ở trong Pháp Liên Quan Tương Sinh; tức là Thời Kỳ là có ba thời gian, 12 Chi Phần, Hành Tướng là 20 phân loại, Tam Liên Kết là sự tiếp tục nối tiếp nhau, Tóm Lược là bốn hội nhóm, Luân Hồi là ba sự luân chuyển tuần hoàn, Căn Nguyên là 2 Nhân tiên khởi.

+ Giải thích trong câu Pàli ở điều thứ 5, chỗ nói rằng “*Katham ? Avijjasaṅkhàrà at̄ito addhà. J̄ati jaràmaranam̄ an̄agato addhà. Majjhe aṭṭha paccuppanne addhà t̄i tayo addhà.*”- “Như thế nào? Vô Minh, Hành thì thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ; Sinh, Lão Mạt, Tử Vong thì thuộc về Thời Kỳ Vị Lai; tám Pháp ở khoảng giữa thì thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại.”

Trong câu Pàli của điều này đã làm sáng tỏ thêm câu nói rằng “*tayo addhà*” có ở trong câu Pàli điều thứ 4.

Từ ngữ nói rằng “*Katham*” đây, là câu vấn hỏi ở thể loại “*Nêu Vấn Đề Lên Rồi Tự Trả Lời*” (*Kathetukammayat̄apucchà*) là đặt vấn đề lên nhằm chủ ý sẽ tự trả lời, và chẳng phải cho người khác trả lời.

Câu Vấn Hỏi Hiện Hữu Ở Năm Thể Loại, đó là:

1. *Bát Đắc Nhi Tri Sở Vấn (Adiṭṭhajotan̄apucchà)*: Là nêu câu vấn hỏi lên để được sáng tỏ trong vấn đề mà mình bất liễu tri.
2. *Trắc Nghiệm Kiến Giải Sở Vấn (Diṭṭhasaṅsandanāpucchà)*: Là câu vấn hỏi mà mình đã có sự liễu tri rồi nhưng vẫn cứ nêu lên, để bằng với việc đối thoại tiến hành kiểm tra tri kiến với nhau.
3. *Đoạn Nghi Sở Vấn (Vimaticchedanāpucchà)*: Là nêu câu hỏi lên để cắt đứt sự nghi lự thắc mắc, bất xác tín trong những sự kiện ấy.
4. *Hạch Chuẩn Sở Vấn (Anumatipucchà)*: Là nêu câu hỏi lên để cho người trả lời sẽ trả lời theo sự hiểu biết của mình.
5. *Sở Kỳ Tự Vấn Đáp (Kathetukammayat̄apucchà)*: Là nêu câu hỏi lên để kỳ vọng sẽ tự trả lời.

Trong cả năm thể loại vấn hỏi đây, đối với Đức Chánh Đẳng Giác Ngài chỉ sử dụng ở hai thể loại vấn hỏi, đó là Hạch Chuẩn Sở Vấn và Sở Kỳ Tự Vấn Đáp mà thôi; vì lẽ Ngài đã là Bạc Toàn Tri Diệu Giác; chính vì thế Ngài mới không có thể loại vấn hỏi thứ nhất. Hơn thế nữa, việc đối thoại nhằm để kiểm tra tri kiến với nhau giữa Đức Chánh Đẳng Giác với Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên cũng không có thích hợp; chính vì thế, thể loại vấn hỏi thứ hai mới không có đối với Ngài. Một trường hợp khác nữa, Đức Chánh Đẳng Giác Ngài là Bạc Toàn Tri tất cả các Pháp một cách không dư sót, đoạn tận mọi nghi lự bất xác tín trong tất cả mọi sự kiện; chính vì thế, thể loại vấn hỏi thứ ba cũng không có đối với Ngài tương tự như nhau. Còn những hạng người khác, có Bạc Độc Giác Phật, Bạc Chí Thượng Thịnh Văn, v.v suốt cho đến tất cả các hạng Phạm Phu thì thường có đủ cả năm thể loại vấn hỏi này.

Giải Thích Trong Việc Phân Tích Chi Phần Từ Ở Nơi 12 Liên Quan Tương Sinh Thể Theo Cả Tam Thời Kỳ

Từ ngữ *Addhà* dịch nghĩa là *Thời Kỳ (thời gian)* là *Chế Định (Paññatti)* không có Chi Pháp Siêu Lý. Tuy nhiên ở trong chỗ này, từ ngữ “*Atītaaddhà, Anāgataaddhà, Paccuppannaaddhà*” lập ý lấy Pháp sinh khởi trong cả Tam Thời Kỳ thì có Chi Pháp Siêu Lý; tức là:

- Vô Minh, Hành là Thời Kỳ Quá Khứ,
- Sinh, Lão Mại Tử Vong là Thời Kỳ Vị Lai,
- Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu là Thời Kỳ Hiện Tại.

Bởi do thế; Vô Minh, Hành được gọi tên là Thời Kỳ Quá Khứ v.v. đây, là việc gọi tên thể theo *Phân Vị Trí Cận Lân (Thànũpacàranaya)* tức là rút lấy tên gọi của cả Tam Thời Kỳ đặt để ở trong Bản Thể Pháp, thế rồi gọi là Vô Minh, Hành, v.v. đây là Thời Kỳ Quá Khứ, Thời Kỳ Vị Lai, Thời Kỳ Hiện Tại.

Giải thích rằng theo lẽ thông thường, trong bản tính tâm thức của tất cả mọi người, ngoại trừ Bạc Vô Sinh ra, thì thường có Si Mê (*Moha*) làm người chủ quản hăng thường hiện hữu; với lý do này, mới làm cho tất cả con người ta chẳng trông thấy điều tác nghiệt trong việc tạo tác Bất Thiện, và cũng chẳng thấy được Vòng Luân Hồi Khổ trong việc tác hành Thiện của mình. Đích thị chính Si Mê đây, được gọi tên là **Vô Minh**; và trong việc tạo tác những thể loại Thiện và Bất Thiện đây, cũng cần phải có Tư Tác Ý làm người thúc đẩy, sắp bày trước tiên thì những hành động tạo tác đây mới sẽ sinh khởi lên được. Đích thị chính Tư Tác Ý đã hình thành thúc đẩy để cho hạ thủ hành động tạo tác chỗ gọi là *Tư Tiền (Pubba cetanà)* đây, đã được gọi tên là **Hành**; bởi do thế cả hai gồm Vô Minh và Hành đây mới là Thời Kỳ Quá Khứ.

Khi đã có Vô Minh làm người chủ quản, có Hành làm người thúc đẩy sắp bày, thế thì tất cả mọi con người tác hành ở phần Thiện cũng có, hoặc Bất Thiện cũng có, sắc thân, tâm thức, và hành động tạo tác của những hạng người đấy, rằng khi tính theo Dĩ Pháp Bản Nguyên thì đó chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu; và cũng chính vì thế, Thức, Danh Sắc, v.v. cả tám thể loại Chi Phần này mới được liệt kê vào trong Thời Kỳ Hiện Tại.

Khi tất cả mọi người đã hoàn tất những tác hành ở phần Thiện – Bất Thiện; và với mãnh lực từ ở nơi tác hành Thiện – Bất Thiện đấy, chỗ được gọi là **Nghiệp Hữu** thường cho quả báo phát sinh lên trong Thời Kỳ Vị Lai; bởi do những hạng người ấy khi mệnh chung lìa khỏi Hữu này rồi thì thường đi tục sinh ở trong Hữu mới tiếp nối sau nữa, tùy thuộc vào tác hành của mình. Nghĩa là, nếu như đã tạo Bất Thiện Nghiệp Lực thì sẽ đi tục sinh thành nhóm Hữu Tình Khổ Thú; nếu như tạo Thiện Nghiệp Lực thì sẽ đi thọ sinh thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên tùy theo thích hợp đối với những Thiện Hạnh đấy. Đích thị chính với những việc được tục sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên v.v. này đây, được gọi tên là Sinh; hoặc gọi là **Sinh Hữu** cũng được. Một khi đã có Sinh hiện khởi lên rồi, thì Lão Mai – Tử Vong theo lẽ thường cũng phải nối tiếp sinh khởi; và chính vì thế, những thể loại Sinh, Lão Mai, Tử Vong này mới được liệt kê vào trong Thời Kỳ Vị Lai.

Lại nữa, Vô Minh, Hành được liệt kê vào trong Thời Kỳ Quá Khứ đấy, là Thời Kỳ Quá Khứ trong Hữu trước cũng có, hoặc Thời Kỳ Quá Khứ trong Hữu này cũng có. Nghĩa là nếu đề cập đến quả báo trong Thời Kỳ Hiện Tại thì ấy chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ (**Vô Minh, Hành cũng là Thời Kỳ Quá Khứ trong Hữu trước**). Nếu đề cập đến quả báo trong Thời Kỳ Vị Lai thì ấy chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ sẽ được sinh khởi mới nữa trong Hữu vị lai (**Vô Minh, Hành cũng là Thời Kỳ Quá Khứ trong Hữu này**).

+ Giải thích trong câu Pàli ở điều thứ 5, chỗ nói rằng “*Avijjà, saṅkhàrà, viññāṇaṃ, nāmarūpaṃ, saḷāyatanāṃ, phasso, vedanā, taṇhā, upādānaṃ, bhavo, jāti, jarāmaraṇanti dvādasāṅgaṇi.*” - “*Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu, Sinh, Lão Mai, Tử Vong là 12 Chi Phần.*” Câu Pàli điều này nhằm giải thích rõ thêm ý nghĩa của từ ngữ “*dvādasāṅgaṇi*” hiện hữu ở trong câu Pàli điều thứ 4.

Từ ngữ **Āṅga** (*Chi Phần*) có nghĩa là thành phần liên kết của Liên Quan Tương Sinh, có khả năng làm cho luân chuyển tuần hoàn đi mãi vô cùng tận, không có điểm cuối cùng; tương tự với vật dụng kết hợp của vòng bánh xe giúp cho bánh xe ấy được quay tròn; bởi do thế Chi Phần này là thành phần quan trọng trong việc sinh tử luân hồi của tất cả Chúng Hữu Tình, được gọi là **Xa Luân Liên Quan Tương Sinh**.

Đối với 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh, cho thấu hiểu thể theo lời dịch nghĩa thì đã có trình bày để ở trong đoạn trên.

+ Giải thích trong điều nói rằng Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. đặc biệt không có được sắp thành Chi Phần của Liên Quan Tương Sinh.

Pháp Liên Quan Tương Sinh mà Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết, khi nói tiếp từ ở nơi Lão Mại – Tử Vong thì vẫn còn có năm thể loại Pháp Quả nữa, đó là Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ và Nảo Hại. Tuy nhiên những cả năm thể loại Pháp Quả này đặc biệt không được tính vào thành Chi Phần. Tất cả sự việc này cũng bởi vì không thể sinh khởi đến với khắp cả mọi người; chẳng hạn như nhóm Phạm Thiên, và Chư Thiên bậc thượng đẳng. Cả hai nhóm này cho dù có Vô Minh, v.v. cho đến Tử Vong sinh khởi đi nữa; thế nhưng Sầu Muộn, v.v. thường không có sinh khởi lên. Ở Nhân Loại, thì với những Bạc Bất Lai và Bạc Phúc Lộc Thiên Giả đây, cho dù có Vô Minh, v.v. cho đến Lão Mại – Tử Vong sinh khởi đi nữa; thế nhưng cả bốn thể loại - ấy là Sầu Muộn, Bi Ai, Ưu Thọ, và Nảo Hại đây cũng không có sinh khởi lên được; chỉ có sinh khởi duy nhất ở phần Khổ Đau mà thôi. Bạc đã được tu tập ở trong Pháp bậc thượng đẳng, và những Bạc Thất Lai, Bạc Nhất Lai đây, thì chỉ có Nảo Hại là không khởi sinh, còn các Pháp Liên Quan Tương Sinh ngoài ra đây thì có được khởi sinh; và với lý do này mới đặc biệt không tính thành Chi Phần; thế nhưng cũng vẫn là Pháp Quả sinh khởi từ ở nơi Sinh làm Nhân như nhau. Chỉ có khác biệt ở chỗ nói rằng những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. đây, là quả báo sinh từ ở nơi Sinh một cách bất định. Tương tự với Lão Mại – Tử Vong, mà gọi là *Đẳng Luru Quả (Nissandaphala)* thì ấy chính là thành quả ở phần kết cuộc (ở phần cuối cùng). Còn Lão Mại – Tử Vong, mà gọi là *Dị Thục Quả Báo (Vipàkaphala)* thì ấy là quả báo trực tiếp của Sinh.

+ Giải thích trong câu Pàli ở điều thứ 8, chỗ nói rằng “*Avijjà saṅkhàraggaṇena panettha taṇhùpàdàṇabhavàpi gahitā bhavanti.*”- “*Nơi đây, khi đề cập đến Vô Minh và Hành thì Ái Dục, Chấp Thủ và Hữu cũng được hàm ý ở trong đó.*” Câu Pàli điều này làm sáng tỏ thêm ý nghĩa của thành ngữ “*Viṣatàkàrà tisandhi catusaṅkhepà*” ở trong câu Pàli ở điều thứ 4.

Nhị Thập Hành Tướng (*Viṣatàkàrà 20*)

Trong việc trình bày phân tích 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh thể theo Thời Kỳ đã vừa trình bày xong; là việc trình bày quyết định đặc biệt trong 12 Chi Pháp Liên Quan Tương Sinh này; bởi do thế Pháp ở Thời Kỳ Quá Khứ, Thời Kỳ Vị Lai, Thời Kỳ Hiện Tại mới có được hạn định. Tuy nhiên khi trình bày đến thực tính sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh bởi theo Nhân Quả trong Quá Khứ với Hiện Tại, Hiện Tại với Vị Lai thì có đến 20 thể loại; đó là 5 Nhân Quá Khứ, 5 Quả Hiện Tại, 5 Nhân Hiện Tại, 5 Quả Vị Lai. Sự việc như vậy cũng bởi vì cả 5 thể loại Vô Minh, Hành, Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu này đây, một khi đã sinh

khởi lên rồi, thì thường sẽ không thể nào cách bức lẫn nhau được. Tức là khi Vô Minh, Hành đã sinh khởi đối với người nào rồi, thì Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu sẽ không thể nào không sinh khởi theo được. Một khi Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu sinh khởi đối với người nào rồi, thì sẽ không thể nào không có Vô Minh, Hành sinh khởi theo được, tương tự như nhau. Và Sinh, Lão Mai, Tử Vong sinh khởi; đích thị cũng chính là do Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ đầy đủ hình thành. Còn đối với Tử Vong thì đặc biệt không có Chi Pháp; bởi do thế, trong việc trình bày Tác Nhân ở trong Quả Khứ thì mới liệt kê lấy cả 3 Chi gồm Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu này vào cùng ở chung với Vô Minh và Hành; cũng bởi vì khi đề cập thể theo Tam Luân Hồi, thì Vô Minh, Ái Dục, Chấp Thủ là thuộc nhóm Phiền Não Luân với nhau; và Hành với Nghiệp Hữu thì thuộc nhóm Nghiệp Báo Luân với nhau.

Trong tám Chi Pháp Liên Quan Tương Sinh ở Thời Kỳ Hiện Tại thì được phân chia ra làm hai nhóm; đó là một nhóm Quả, và một nhóm Nhân. Quả ấy chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ. Nhân ấy chính là Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu. Trong 5 Quả Hiện Tại thì không tính lấy Sinh, Lão Mai, Tử Vong cùng vào chung với nhau; cũng bởi vì cả 3 Chi gồm Sinh, Lão Mai, Tử Vong này đây không có Chi Pháp đặc biệt, và chỉ là trạng thái hiện hành của Thức, Danh Sắc, v.v. như đã vừa đề cập đến rồi vậy. Còn ở trong 5 Nhân Hiện Tại đây, thì đã tính kể Vô Minh, Hành cùng vào chung với Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu; cũng bởi vì cả những 5 Pháp này phải thường luôn câu sinh với nhau như đã đề cập đến rồi vậy. Đối với 2 Chi Pháp Liên Quan Tương Sinh, đó là Sinh, Lão Mai – Tử Vong ở Thời Kỳ Vị Lai đây, một khi tính theo Tam Luân Hồi thì đó là Di Thực Quả Luân. Và bản thân Sinh, Lão Mai – Tử Vong thì cũng chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ ấy vậy; bởi do thế, trong 5 Quả Vị Lai mới lấy được Thức, Danh Sắc, v.v. những thể loại này rút đưa lên trình bày thay thế Sinh, Lão Mai – Tử Vong.

Lời giải thích như đã vừa đề cập đến đây, là việc giải thích ở trong phân loại của Nhị Thập Hành Tướng.

Tam Liên Kết (Sandhi 3)

Từ ngữ *Sandhi* (*Liên Kết*) dịch nghĩa là “*Việc nối tiếp*”, trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Sandhiyate = Sandhi*”- “*Gọi tên việc nối tiếp giữa Nhân với Quả, Quả với Nhân, là Liên Kết.*” Một trường hợp khác nữa: “*Sandhiyanti hetuphala dhammà etthāti = Sandhi*”- “*Pháp làm thành Nhân với Quả nối tiếp nhau ở trong chỗ ấy, bởi do thế ở trong khoảng giữa ấy được gọi tên là Liên Kết.*”

Khi phân tích 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh bởi theo việc nối tiếp nhau, thì có được Tam Liên Kết, đó là:

- Một Liên Kết nối tiếp ở trong khoảng giữa Hành với Thức thuộc Nhân Quá Khứ với Quả Hiện Tại.
- Một Liên Kết nối tiếp ở trong khoảng giữa Thọ với Ái Dục thuộc Quả Hiện Tại với Nhân Hiện Tại.
- Một Liên Kết nối tiếp ở trong khoảng giữa Nghiệp Hữu với Sinh thuộc Nhân Hiện Tại với Quả Vị Lai.

Tứ Tóm Lược (**Saṅkhepa 4**)

Từ ngữ **Saṅkhepa** (*Tóm Lược*) dịch nghĩa là “Tập hợp để thành từng khối nhóm”; trình bày câu Chú Giải nói rằng: “**Saṅkhipiyanti saṅgayhanti padhānadhammā etthāti = Saṅkhepo**”- “Việc tập hợp Pháp thuộc phần chủ vị để thành từng khối nhóm ở trong chỗ đấy, bởi do thể chỗ tập hợp những thể loại Pháp ấy mới được gọi tên là **Tóm Lược**.”

Khi phân tích 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh bởi theo khối nhóm, thì có được Tứ Tóm Lược, đó là:

- Một khối nhóm với Vô Minh và Hành thuộc Nhân Quá Khứ.
- Một khối nhóm với Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc và Thọ thuộc Quả Hiện Tại.
- Một khối nhóm với Ái Dục, Chấp Thủ và Nghiệp Hữu thuộc Nhân Hiện Tại.
- Một khối nhóm với Sinh và Lão Mại – Tử Vong thuộc Quả Vị Lai.

Còn đối với Sâu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ và Nỗi Hối, thì cả 5 Chi Phần này được liệt kê vào ở trong khối nhóm thứ 4.

+ Giải thích trong câu Pāli ở điều thứ 9, chỗ nói rằng “**Avijjā taṇhūpādāna ca kilesavaṭṭam; kammabhavaṣaṅkhāto; bhavakadeso saṅkhārā ca kammavattam; upapattibhavaṣaṅkhāto bhavakadeso avasesā ca vipākavattam ti tīṇi vaṭṭāni**.”- “Vô Minh, Ái Dục, Chấp Thủ, Hữu thì thuộc về Phiền Nỗi Luân; một phần của Hữu được gọi là Nghiệp Hữu và Hành thì thuộc về Nghiệp Báo Luân; một phần còn lại của Hữu được gọi là Sinh Hữu thì thuộc về Dị Thục Quả Luân.” Câu Pāli điều này làm sáng tỏ thêm ý nghĩa của thành ngữ “**Tīṇi vaṭṭāni**” ở trong câu Pāli ở điều thứ 4.

Tam Luân Hồi (**Vaṭṭa 3**)

Từ ngữ **Vaṭṭa** (*Luân Hồi*) dịch nghĩa là “Việc luân chuyển tuần hoàn tương tự với việc quay của bánh xe.” Trình bày câu Chú Giải rằng: “**Vaṭṭanti**

punappunam àvaṭṭantīti = Vaṭṭam”- “*Những thể loại Pháp nào thường luân luân chuyển tuần hoàn; bởi do thế gọi tên những thể loại Pháp ấy là **Luân Hồi**.*”

Có 3 Thể Loại Luân Chuyển Tuần Hoàn, đó là:

- *Phiền Nã Luân (**Kilesavaṭṭa**)* tức là Vô Minh, Ái Dục, Chấp Thủ.
- *Nghiệp Báo Luân (**Kammavaṭṭa**)* tức là Nghiệp Hữu, Hành.
- *Dị Thục Quả Luân (**Vipàkavaṭṭa**)* tức là Sinh Hữu, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Sinh, Lão Mại, Tử Vong.

Giải thích rằng ở trong sắc thân và tâm thức của tất cả mọi người – ngoài trừ Bạc Vô Sinh ra – thì cả Tam Luân Hồi thường hội tụ đầy đủ. Tức là sắc thân và tâm thức của tất cả mọi người đích thị chính là **Dị Thục Quả Luân**. Sự si mê, sự ham muốn, sự tà kiến khởi sinh ở bản tính nội tâm, ấy là **Phiền Nã Luân**. Hành động tạo tác tốt xấu với Thân, Ngữ, Ý mà con người ta đã tạo tác với nhau hằng mỗi ngày, và đấy chính là **Nghiệp Báo Luân**. Cả ba thể loại thực tính này thường luân luân phiền chuyển đổi nhau, làm Nhân làm Quả hiện hữu ở từng mỗi Hữu, từng mỗi kiếp sống cho đến vô cùng tận. Đề cập đến là một khi con người ta có sự si mê, sự ham muốn, sự tà kiến thì coi như Phiền Nã Luân đã hằng định ở trong bản tính nội tâm rồi. Với mãnh lực từ ở nơi Phiền Nã Luân này thường làm cho người ấy có hành động tạo tác về Thân cũng có, hoặc về Lời cũng có, hoặc về Ý cũng có. Thiện cũng có, hoặc Bất Thiện cũng có, thì đích thị chính là Nghiệp Báo Luân đã sinh khởi tạo tác ra những thể loại hành động này. Thế rồi sẽ cho quả báo trong thời vị lai ngay khi người ấy mệnh chung lìa khỏi kiếp sống này ra đi; và sẽ đi tục sinh ở trong một Hữu mới, một kiếp sống mới ở trong 31 Cõi Giới tùy theo thích hợp đối với hành động tạo tác của mình. Việc thọ sinh mới của Danh Sắc Ngũ Uẩn chỗ gọi là tất cả Chúng Hữu Tình, thì đích thị chính là Dị Thục Quả Luân. Khi Dị Thục Quả Luân đã sinh khởi rồi, thì Phiền Nã Luân cũng thường sinh khởi do bởi nương vào Phiền Nã Luân làm Nhân luân chuyển tuần hoàn mãi với nhau không có chỗ để chấm dứt, cho đến khi sẽ chứng đạt Quả vị Níp Bàn. Việc luân chuyển tuần hoàn của Tam Luân Hồi như đã vừa đề cập, một khi nương theo thành ngữ dân gian dùng để nói chuyện với nhau, thì ấy chính là tử rồi sinh, sinh rồi lại kiến tạo Nghiệp Lực mới, thế rồi cũng chết đi; chết rồi thì cũng sinh mới lại lần nữa; sinh rồi cũng lại kiến tạo Nghiệp Lực mới thêm nữa, để rồi cũng chết thêm lần nữa; cứ thế luân chuyển tuần hoàn mãi với nhau như vậy. Nếu sẽ nêu lên điều tỷ dụ thì cũng tương tự với sự hiện hành của cây cối được nhân giống từ những cành cây chiết ra. Tức là thân cây sinh khởi lên được cũng vì nương mầm hạt giống. Mầm hạt giống sinh khởi lên được cũng vì nương vào mù kết dính ở trong thân cây. Mù kết dính sinh khởi cũng vì nương vào thân cây. Khi so sánh với cả Tam Luân Hồi này, thì Dị Thục Quả Luân được ví tương tự với

thân cây. Phiền Nảo Luân được ví tương tự với mũ kết đỉnh. Nghiệp Báo Luân được ví tương tự với mầm hạt giống.

Khi thâm sát ở trong cả Tam Luân Hồi này, thì sẽ nhận thấy được rằng Phiền Nảo Luân là quan trọng cùng tột; chính vì thế trong sự việc hủy diệt Vòng Luân Hồi để cho không còn tiếp tục xoay chuyển đi nữa, thì thiết yếu phải hủy diệt chính ngay Phiền Nảo Luân. Một khi Phiền Nảo Luân đã bị hủy diệt xong rồi, thì cả hai còn lại là Nghiệp Báo Luân và Dị Thục Quả Luân đây, tất yếu cũng phải bị hủy diệt theo cùng.

Nhị Căn Nguyên (**Dvemùlani – Mùla 2**)

Từ ngữ **Mùla** (*Căn Nguyên*) dịch nghĩa là “*Làm trú xứ thiết lập hoặc làm Nhân tiên khởi của tất cả Vòng Luân Hồi Khổ*” như trình bày câu Chú Giải rằng: “*Mùlayanti sabbepi vaṭṭadhammā tiṭṭhanti etthāti = Mùlani*” (và) “*Mùlayanti patitṭhahanti vaṭṭadhammā etehiti = Mùlani*”- “*Tất cả Pháp Luân Hồi thường được tồn tại ở trong chỗ ấy; chính vì thế Pháp được coi như làm trú xứ thiết lập của những thể loại Pháp Luân Hồi ấy, thì gọi tên là Căn Nguyên.*” (Hoặc) “*Pháp Luân Hồi thường được tồn tại bởi do nương vào những thể loại Pháp ấy; chính vì thế Pháp được coi như là Nhân làm cho những thể loại Pháp Luân Hồi ấy được tồn tại, mới gọi tên là Căn Nguyên.*” Tức là Vô Minh và Ái Dục.

Khi phân chia Pháp Liên Quan Tương Sinh ra thành *Xa Luân (Bhavacakka)*, thì có được hai thể loại, đó là:

1. Kể từ Nhân Quá Khứ v.v. cho đến Quả Hiện Tại làm thành một Xa Luân, và gọi tên là *Tiền Hữu Luân (Pubbantabhavacakka)*, là Xa Luân ban đầu.
2. Kể từ Nhân Hiện Tại v.v. cho đến Quả vị Lai làm thành một Xa Luân, và gọi tên là *Hậu Hữu Luân (Aparantabhavacakka)*, là Xa Luân phía sau.

Trong Tiền Hữu Luân thì có 7 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh, đó là Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ. Trong những cả 7 Chi Phần này, thì Vô Minh làm Nhân tiên khởi, hoặc làm trú xứ dẫn dắt cho đến Thọ.

Trong Hậu Hữu Luân thì có 5 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh, đó là Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong. Trong những cả 5 Chi Phần này, thì Ái Dục làm Nhân tiên khởi, hoặc làm trú xứ dẫn dắt cho đến Lão Mại – Tử Vong.

+ Trong **Tiền Hữu Luân** có 7 Chi Phần đầy, thì đặc biệt chỉ lập ý lấy Chi Phần hiện hiện lộ diện. Thế nhưng trong sát na mà 7 Chi Phần đang luân chuyển tuần hoàn, thì cả 5 Chi Phần gồm Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại –

Tử Vong đây cũng lại lần nữa luân chuyển theo cùng. Có nghĩa là tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú ở trong Hữu Hiện Tại đây, thì thường sinh khởi với mãnh lực từ ở nơi Vô Minh làm người dẫn dắt, có Hành làm người sắp bày ở trong Hữu kế tiếp; chính vì thế, mới gọi **Vô Minh** là *Tiền Căn Nguyên (Pubbantamùla)*. Khi đã có Vô Minh làm người dẫn dắt, có Hành làm người sắp bày ở trong Hữu đây rồi, thì ắt hẳn phải có Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu cũng cùng sinh khởi; vì lẽ Vô Minh làm người che án bùng bít, không cho thấy tác nghiệp tội lỗi và chân như thực tính; mới làm cho người ấy sinh khởi lên sự hoan hỷ, sự ham muốn, sự tà kiến, sự chấp thủ; và thường tạo tác ra những hành động với Thân, Ngữ, Ý về Thiện cũng có, hoặc Bất Thiện cũng có, thể theo nguyện vọng của Ái Dục và Chấp Thủ cho được thành tựu; do bởi có Hành làm người sắp bày để cho tạo tác. Đối với sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú ở trong Hữu Hiện Tại đây, ấy cũng chính là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ đấy vậy. Và trong khoảng giữa thời gian khi vẫn còn hiện hữu sinh mạng, thì những sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình ắt hẳn cũng phải có việc chuyển đổi đi theo lẽ thường nhiên; tức là từ ở nơi trẻ con cho được lớn lên thành thanh niên, thanh nữ; từ ở nơi nam nữ thanh xuân cho được tiến lên thành người lớn; từ ở nơi người lớn cho được tiến lên thành người già, có trạng thái tóc bạc, răng gãy, da nhăn, mắt lờ, và những sự nghĩ suy, sự ghi nhớ cũng tuần tự suy giảm xuống v.v.; và cuối cùng rồi cũng đi đến chạn tuổi của sinh mạng, ấy chính là Lão Mại – Tử Vong. Còn đối với Sinh, thì một khi sát na Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, bắt đầu khởi sinh lên trong Hữu mới, thì Sinh cũng đã được liệt kê thành tựu ở trong sát na ấy rồi. Chính vì lý do này mới nói rằng một khi những cả 7 Chi Phần gồm Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ này đây, luân chuyển tuần hoàn ở trong Tiền Hữu Luân, thì những cả 5 Chi Phần gồm Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong đây ắt hẳn cũng phải luân chuyển theo cùng.

+ Trong **Hậu Hữu Luân** có 5 Chi Phần đấy, thì đặc biệt chỉ lập ý lấy Chi Phần hiển hiện lộ diện, tương tự như nhau. Thế nhưng trong sát na 5 Chi Phần đang luân chuyển tuần hoàn, thì cả 7 Chi Phần gồm Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ này đây cũng luân chuyển theo cùng. Có nghĩa là tất cả Chúng Hữu Tình sẽ đi tục sinh ở trong Hữu mới kế tiếp, thì thường đi tục sinh với mãnh lực từ ở nơi Ái Dục làm người dẫn dắt, và có Chấp Thủ, Nghiệp Hữu làm người giúp đỡ; chính vì thế mới gọi **Ái Dục** là *Hậu Căn Nguyên (Aparantamùla)*. Và tất cả Chúng Hữu Tình hiện bày ở trong Thế Gian này – trừ Bạc Vô Sinh ra rồi – ngoài ra đây thì thường có những hành động tạo tác với Thân, Ngữ, Ý hiện hành thể theo sự duyệt ý, sự kỳ vọng, sự chấp chặt dính mắc, sự tà kiến hằng định ở trong bản thân cái gọi là Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu. Và sự duyệt ý, sự chấp chặt dính mắc, sự tà kiến ở trong các sự vật; những thể loại này có được sinh khởi lên, là cũng do bởi người ấy chẳng trông thấy điều tác nghiệp tội lỗi, hoặc chân như

thực tính. Chỗ gọi là Vô Minh làm người che án bung bít, và có Hành làm người thúc đẩy cho tạo tác những hành động, và những hành động ấy cho được thành tựu thể theo sự nguyện vọng và quan điểm của người ấy; chính vì thế Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu mới chính là những yếu tố quan trọng ở trong Hậu Hữu Luân, và có Vô Minh, Hành luân chuyển theo cùng. Đối với Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ cùng luân chuyển tuần hoàn đi theo Sinh, Lão Mại – Tử Vong đấy, tức là tất cả con người ta có những hành động tạo tác với Thân, Ngữ, Ý thuộc về Thiện cũng có, hoặc Bất Thiện cũng có, thể theo mãnh lực của Ái Dục, Chấp Thủ, đang hằng định nơi đấy. Khi đã tử vong lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì cũng phải đi tục sinh ở trong bất luận một Hữu mới nào đó, và khi đã có sự sinh khởi lên rồi thì sự già nua, sự tử vong ắt hẳn cũng phải tuần tự hiện khởi lên. Việc sinh khởi, già nua, bệnh hoạn, tử vong, chỗ được gọi là Sinh, Lão Mại – Tử Vong; thì đích thị chính cả 3 Chi Phần này cũng tức là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ ấy vậy. Chỗ nói rằng người sinh, lão, bệnh, tử; đích thị chính với lý do này mới nói được rằng khi Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong, với những cả 5 Chi Phần này luân chuyển tuần hoàn ở trong Hậu Hữu Luân thì Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, với những cả bảy Chi Phần này cũng ắt hẳn thường luân chuyển theo cùng.

Khi thâm sát Chi Phần Liên Quan Tương Sinh ở trong Tiền Hữu Luân và Hậu Hữu Luân - ở cả hai phía này rồi - thì cũng sẽ thấu hiểu được rằng Vô Minh, Hành, và Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu sinh ở trong Hữu trước đã được liệt kê vào trong Tiền Hữu Luân. Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, và Vô Minh, Hành sinh ở trong Hữu này, thì được liệt kê vào ở trong Hậu Hữu Luân. Đối với Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, và Sinh, Lão Mại – Tử Vong, ấy chính là tất cả Chúng Hữu Tình, kể từ bắt đầu khởi sinh cho đến khi tử vong ở trong Hữu Hiện Tại đây, thì được liệt kê vào trong Tiền Hữu Luân. Sinh, Lão Mại - Tử Vong và Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, mà sẽ sinh ở trong Hữu mới kế tiếp, ấy chính là tất cả Chúng Hữu Tình bắt đầu sinh khởi cho đến khi tử vong ở trong Hữu mới đấy, thì liệt kê vào trong Hậu Hữu Luân.

Chỗ nói rằng Chi Phần Liên Quan Tương Sinh đang luân chuyển tuần hoàn, thì có nghĩa là sinh khởi nối tiếp hữu quan nhau giữa Hữu trước với Hữu này, và Hữu này với Hữu kế tiếp vậy.

Tri Kiến Được Tiếp Thâu Từ Ở Nơi Việc Trình Bày Sự Hiện Hành Của Cả Nhị Xa Luân (Bhavacakka)

Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh như đã vừa đề cập rồi đây, chỉ cho thấy rằng khi đã có Hữu Hiện Tại thì cũng phải có Hữu Quá Khứ và Hữu Vị Lai tiếp nối. Sẽ nói là tất cả Chúng Hữu Tình sinh trú ở trong Hữu này thì cũng đã từng sinh từng chết đi, tính đếm quả là khôn siết; và rồi sẽ phải lại thêm việc sinh

việc tử nối tiếp đi nữa ở về sau, cũng tính đếm quả là khôn siết, tương tự như nhau. Và trong việc tìm kiếm Nhân, tìm kiếm Xuất Sinh Xứ đã làm cho tất cả Chúng Hữu Tình phải thường luôn có sinh có tử đây, thì cũng chẳng cần phải đi tìm kiếm ở chỗ nơi nào khác, mà nó hiện hữu chính ở ngay trong bản thân của chúng ta. Ấy chính là những hành động tạo tác với Thân cũng có, với Ngũ cũng có, với Ý cũng có; và đích thị chính là có Vô Minh và Ái Dục làm Nhân. Như thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ nói rằng: *“Kẻ tạo tác Ác Hạnh thì dắt dẫn cho đi đến Khổ Thú; bởi do nương vào Vô Minh làm Nhân đặc biệt, và có Ái Dục làm Nhân phổ thông. Người tác hành Thiện Hạnh thì dắt dẫn cho đi đến Thiện Thú; bởi do nương vào Ái Dục làm Nhân đặc biệt, và có Vô Minh làm Nhân phổ thông.”*

Giải thích rằng kẻ đã tạo tác những Ác Hạnh, cũng do kẻ ấy chẳng trông thấy điều tác nghiệp của Ác Hạnh. Tức là việc tạo tác những Ác Hạnh đây, chẳng có mang lại sự an vui đến cho mình, chẳng có sự lợi ích chút nào cả, mà chỉ có hủy diệt đi sự lợi ích, và dắt dẫn cho quả báo xấu ác trở sinh mà thôi. Việc chẳng được trông thấy những điều tác nghiệp đây, là cũng do bởi mãnh lực của Vô Minh làm người chi phối, che án bùng bít; và Ái Dục làm người cứ mải vui cho thực hiện. Cũng ví như bò kia đã bị thi dĩ khốc hình với việc lấy lửa thiêu đốt, rồi lại bị đánh đập bằng búa. Bò kia ắt hẳn có trạng thái hành thân hoại thể giãy giụa, quần quai; và phải bị khát nước vô cùng. Khi gặp phải nước sôi mà người ta mang ra cho uống, thì cũng vội uống ngay tức thì. Khi đã uống nước sôi vào rồi, thì lại phải thụ lãnh sự thi dĩ khốc hình vô cùng khốc liệt thêm một lần nữa; vì lẽ nước sôi ấy đã làm bỏng cả miệng và cổ họng đi. Thế nhưng bò kia cũng vẫn phải cố gắng uống vào, do bởi mãnh lực từ ở nơi nóng lòng, bòn chòn lo lắng qua việc khát nước ấy vậy. Điều này như thế nào, thì kẻ cố gắng tạo tác những Ác Hạnh, đã làm Nhân dắt dẫn cho đọa sinh ở trong Cõi Khổ Thú, với mãnh lực từ ở nơi Vô Minh và Ái Dục, cũng dường như thế ấy.

Còn người đã tác hành những Thiện Hạnh, cũng do người ấy sợ hãi đối với sự khổ đau, sự vất vả khốn khổ mà sẽ phải thụ lãnh ở trong Cõi Khổ Thú; và có kỳ nguyện sẽ được đón nhận sự an vui làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, và Phạm Thiên. Kế tiếp, mới cố gắng nỗ lực thực hiện những Thiện Nghiệp Lực, có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập. Ấy là những Thiện Sự rất hoan hỷ, dắt dẫn sự vui mừng phấn khởi đến cho mình. Ấy là điều hữu ích, mang lại quả báo tốt đẹp đến cho mình. Thế nhưng người ấy cũng vẫn không được trông thấy điều tác nghiệp trong Vòng Luân Hồi Khổ, đã làm cho phải luân hồi sinh tử, không thể nào trốn thoát được. Cũng ví như bò kia đã bị thi dĩ khốc hình với biết bao trường hợp sai khác, như đã vừa đề cập đến rồi, và đã có sự khô khát nước. Khi đã gặp được nước lạnh mà người ta mang ra cho uống, thì cũng liền vội uống ngay. Khi đã uống nước lạnh vào rồi, thì cũng có cảm thọ mát mẻ tươi tỉnh, nguôi ngoai sự khô nóng, và sự khát nước ấy đi. Điều này như thế nào, thì người cố gắng nỗ lực thực hiện Thiện

Hạnh, đã làm Nhân dắt dẫn cho đi thọ sinh ở trong Cõi Thiện Thú với mãnh lực từ ở nơi Ái Dục và Vô Minh, cũng dường như thế ấy.

Sự hiện hành của Xa Luân có chủ vị làm người dắt dẫn ở phía trước và cả ở phía sau; tức là Vô Minh và Ái Dục dắt dẫn tất cả Chúng Hữu Tình quanh quần luân chuyển đi trong Cõi Giới thấp hoặc cao, vô cùng tận và chẳng có điểm cuối cùng. Cũng tựa như xe lửa có hai đầu bánh xe ở phía trước và phía sau, dắt dẫn đoàn tàu xe chạy leo lên núi cũng có, hoặc xuống núi cũng có, hoặc chạy quanh co khúc khuỷu theo sườn núi cũng có. Khi xe chạy lên núi thì sử dụng đầu bánh xe ở phía trước làm người dắt dẫn. Khi xe chạy xuống núi thì sử dụng đầu bánh xe ở phía sau làm người dắt dẫn, luân phiên thay đổi với nhau như vậy. Với lý do này Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày đến sự hiện hành của cả Nhị Căn Nguyên Luân Hồi luân phiên thay đổi tương tự với xe lửa có hai đầu bánh xe như sau:

Oggacchantova cuggaccham Dusiso aggiko ratho
Evam bhavaratho yati Ciram saṃsàraañjase.

Dịch nghĩa là: “*Xa Luân có hai đầu, đó là Vô Minh và Ái Dục, đã chạy đi lên đi xuống trong lộ trình của Vòng Luân Hồi. Tức là chạy xuống đến Cõi Khổ Thú cũng có, hoặc chạy lên đến Cõi Thiện Thú cũng có, suốt cả thời gian lâu dài. Cũng tương tự với xe lửa có hai đầu xe bánh xe đã chạy xuống cũng có, hoặc chạy lên cũng có, quanh quần ở trên ngọn núi dường như thế ấy.*”

Lại nữa, từ ngữ ***Saṃsàra*** (*Luân Hồi*) hoặc ***Saṃsàravatṭa*** (*Vòng Luân Hồi*) chẳng phải sử dụng cho việc sinh khởi nối tiếp nhau của Hữu Tình, của bất luận người nào; mà dùng cho việc sinh khởi nối tiếp nhau của Uẩn, Xứ, Giới, và đích thị chính là Pháp Liên Quan Tương Sinh ấy vậy. Như thế, Ngài Giáo Thọ Sư ***Mahābuddhaghosācāriya*** mới trình bày để ở trong bộ Chú Giải ***Aṭṭhasālinī*** rằng:

Khandhānañca paṭipāṭi Dhātuāyatanāna ca
Abbochinnam vaṭṭamānā Saṃsāroti pavuccati

Dịch nghĩa là: “*Việc sinh khởi hiện hành liên tục nối tiếp nhau không gián đoạn của những thể loại Uẩn, Giới, Xứ đây, được gọi là Luân Hồi.*”

Giải Thích Trong Kệ Ngôn Pāli Điều 10 Trình Bày Việc Tận Diệt Từ Ở Nơi Cả Tam Luân Hồi Và Xuất Sinh Xứ Của Vô Minh

Nguyên nhân làm cho cả Tam Luân Hồi bị tận diệt:

Theo lẽ thường nhiên, cây cối thường tươi tốt và được phát triển lên, là cũng do nương vào rễ cái. Nếu như rễ cái đã bị hủy diệt đi rồi, thì cây ấy ngay tức khắc cũng sẽ phát sinh lên hiện trạng ủ rũ héo hon; và hệ quả kết cuộc thì cũng phải chết đi. Điều này như thế nào, thì Danh Sắc tức là tất cả Chúng Hữu Tình phát triển ở

trong Vòng Luân Hồi vô cùng tận và không có điểm cuối cùng; là cũng do mãnh lực từ ở nơi Vô Minh và Ái Dục. Khi nào cả hai Vô Minh và Ái Dục đây đã bị hủy diệt đi, với mãnh lực từ ở nơi Tâm Đạo Vô Sinh; thế rồi sự phát triển của Danh Sắc, và đây cũng chính là việc luân chuyển của tất cả Chúng Hữu Tình, cuối cùng rồi cũng coi như đã tiệt diệt. Như thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới trình bày rằng: **“Tesameva ca mùlānaṃ nirodhena nirujjhati”**- **“Sự tận diệt những Căn Nguyên ấy thì sự Luân Hồi được chấm dứt.”** Dịch nghĩa là: **“Khi cả hai Căn Nguyên Luân Hồi đã tận diệt không còn dư sót với mãnh lực từ ở nơi Tâm Đạo Vô Sinh rồi, thì việc luân chuyển tuần hoàn từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh, tức là cả Tam Luân Hồi cũng thường diệt tất ngay tức thì.”** Ứng hợp với Đức Thế Tôn Ngài đã lập ý trình bày đề ở trong Liên Quan Tương Sinh Phần Nghịch Thuyết, như đã trình bày đề trong đoạn trên nói rằng: **“Avijjāya tveva asesā virāgaṇirodhā saṅkhāranirodho”** v.v. **“Hẳn thật, Vô Minh tiệt diệt thì Hành diệt,”** v.v. và đã trình bày đề ở trong Chánh Tạng Pāli Tương Ứng Bộ Kinh rằng:

Yathāpi mūle anupaddave dalhe Chinnopi rukkho punadeva ruhati
Evampi taṇhānusāye anuhate Nibbatti dukkhamidaṃ punappunam

Dịch nghĩa là: **“Rễ cái là Ái Dục Tùy Miên (Taṇhānusāya), và nếu như vẫn chưa phá hủy cho tiệt diệt thì Vòng Luân Hồi Khổ ấy là Sinh, Lão Mai, Bệnh Tật, Tử Vong v.v. cũng vẫn thường luôn sinh khởi lên hoài hoài (còn nếu như đã sát trừ tuyệt Ái Dục Tùy Miên cho tiệt diệt thì tất cả Vòng Luân Hồi Khổ ắt hẳn cũng cùng diệt mất). Tương tự như rễ cái có rễ phụ làm vật phụ thuộc; mà nếu như vẫn còn bám chặt giữ lấy và không có bị hủy diệt, thì cho dù sẽ chẻ thân cây ra đi nữa, cây ấy cũng vẫn lại phát triển tươi tốt lên được như thường (một khi nhổ sạch hết rễ cái đi rồi thì cây ấy mới không còn tiếp tục phát triển được nữa) như thế ấy.”**

Xuất Sinh Xứ Của Vô Minh

Nếu như có khởi lên một câu vấn hỏi rằng **“Khi cả Tam Hành ở phần Phước Báo (Phúc Hành – Bất Động Hành) và Tội Lỗi (Phi Phước Hành) sinh khởi bởi do nương vào Vô Minh làm Nhân, cho đến khi Lão Mai, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Nỗi Hại sinh khởi bởi do nương vào Sinh làm Nhân; thế rồi cái chi đã làm Nhân cho Vô Minh khởi sinh ?”** Đề sẽ đề cập đến Xuất Sinh Xứ của Vô Minh, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới trình bày tiếp theo như vậy:

Jarāmaramucchāya Pīlītānamabhiṅhaso
Āsavānaṃ samuppāda Avijjā ca pavattati

Dịch nghĩa là: **“Vô Minh có được sinh khởi lên, là cũng do nương vào việc khởi sinh từ ở nơi Pháp Lậu Hoặc trong bản tính của tất cả Chúng Hữu Tình. Người bị hành hạ bức hại với sự già nua, sự tử vong; và Pháp làm thành Nhân từ ở**

nơi sự si mê, đó là sầu muộn, bi ai, khổ đau, ưu thọ, và não hại đây, cũng thường luôn xảy ra.”

Từ ngữ **“Mucchà”** (*Mát Tri*) dịch nghĩa là *“Si mê, lầm lạc”*, tuy nhiên ở trong chỗ này thì lập ý lấy Pháp làm Nhân cho si mê, tức là sầu muộn, bi ai, v.v.

Giải thích rằng Xuất Sinh Xứ của Vô Minh, ấy chính là cả Tứ Lộ Hoặc, có Dục Lộ v.v. Có nghĩa là ở trong phần Pàli Liên Quan Tương Sinh, thì cả năm Chi Phần gồm Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ và Não Hại đây, đã lập ý trình bày đến phần cuối cùng. Rằng khi tính theo Chi Pháp, thì cả ba Chi Phần gồm Sầu Muộn, Ưu Thọ và Não Hại, ấy là Ưu Thọ và Tâm Sở Sân. Như thế, khi một người nào có sự sâu thẳm, buồn lòng, khổ tâm khởi sinh lên, thì Si Mê ắt hẳn cũng cùng câu sinh hiện hữu. Và Bi Ai việc khóc lóc than thở đây, sinh khởi cũng bởi do bởi Tâm khởi sinh Sân; và chính vì thế ngay sát na khóc lóc than thở thì cũng đã có Si Mê cùng câu sinh hiện hữu. Còn Khổ Thân cũng làm Nhân cho sự buồn lòng, bất duyệt ý sinh khởi; và ngay sát na sự buồn lòng, bất duyệt ý khởi sinh lên thì cũng đã có Si Mê cùng câu sinh hiện hữu. Như thế, Si Mê cùng câu sinh với Sầu Muộn, Bi Ai, Ưu Thọ, Não Hại, và khởi sinh về sau từ nơi Khổ Thân, được gọi là Vô Minh. Ứng hợp với Ngài Giáo Thọ Sư **Mahàbuddhaghosàcàriya** đã trình bày để ở trong bộ *Chú Giải Phân Tích Liên Quan Tương Sinh (Paṭicca samuppādavibhaṅga Atthakathā)* rằng: **“Ettha hi sokadukkhadomanassupāyāsā avijjāyaaviyogino paridevo ca nāmamūlhaṣṣatī tesu tāva siddhesu hoti avijjā”**- Dịch nghĩa là: *“Trong sự hiện hành của Xa Luân, thì những thể loại Sầu Muộn, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại đây, thường luôn phối hợp với Vô Minh; không thể nào tách ly ra được. Và Bi Ai cũng thường sinh khởi đối với người có sự si mê lầm lạc. Bởi do thế, một khi Sầu Muộn v.v. đã sinh khởi xong hết rồi, thì ắt hẳn Vô Minh cũng vừa câu sinh hoàn mãn. Khi đã là như vậy, đích thị chính xuất sinh xứ của Sầu Muộn, v.v. là xuất sinh xứ của Vô Minh.”*

Ngay cả ở trong Liên Quan Tương Sinh đã có trình bày rằng: **“Jatipaccayā sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti”**- *“Sinh làm duyên cho Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại khởi sinh”*. Quả thật, những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại đây sinh khởi lên được, là cũng do bởi Sinh làm Nhân. Tuy nhiên Sinh đây, chẳng phải là Nhân Cận Lân của Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. mà chỉ là Nhân Dao Viễn và là *Căn Nguyên Nhân (Mūlahetu)*, tức là sự sâu thẳm v.v. đã sinh khởi lên thì sẽ không thể nào loại trừ Sinh ra khỏi được. Còn Pháp làm Nhân Cận Lân, ấy chính là cả Tứ Lộ Hoặc. Tương tự như tất cả Chúng Hữu Tình thọ sinh đến đây, thì cũng phải nương vào hai yếu tố Tác Nhân, tức là Nhân Dao Viễn và Nhân Cận Lân, cũng còn gọi là *Căn Nguyên Nhân (Mūlahetu)* và *Căn Hành Nhân (Mūlihetu)*. Nhân Dao Viễn, ấy chính là Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thể Nghiệp Lực đã có tạo tác ở trong Hữu trước. Nhân Cận Lân, ấy chính là người Mẹ, người Cha; bởi do thế, chỗ nói rằng Sinh làm Nhân

Dao Viễn, và Lậu Hoặc làm Nhân Cận Lân của Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. đã hiện hành trong cùng một phương thức như nhau. Như Ngài Chú Giải Sư đã trình bày ở trong bộ Chú Giải *Phân Tích Liên Quan Tương Sinh* rằng: “*Àsavasamudayà cete sokàdayo honti*”- “*Những thể loại Sầu Muộn đây mà sinh khởi, cũng bởi do việc khởi sinh lên của Lậu Hoặc.*” Với lý do này mới quyết định được rằng những cả Tứ Lậu Hoặc đây, cũng cùng làm thành tựu xuất sinh xứ của Vô Minh vậy. Và cũng như thế, Đức Thế Tôn Ngài đã lập ý trình bày rằng: “*Àsavasamudayà avijjà samudayo*”- “*Việc sinh khởi của Vô Minh, là cũng do nương vào việc sinh khởi của Lậu Hoặc làm Nhân*”. Chính vì thế, thể theo Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã nói rằng: “*Àsavànaṃ samuppàdà avijjà ca pavattati*”- “*Lậu Hoặc đã khởi sinh, và Vô Minh cũng chuyển khởi.*” Đây cũng là việc đúng đắn, và Ngài Giáo Thọ Sư *Mahàghosàcàriya* đã có trình bày ở trong bộ *Chú Giải Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga Atthakathà)* rằng: “*Iti yasmà àsavasamudayà ete dhammà honti tasmà ete sijjhamànà avijjàya hetubhùte àsave sàdhenti àsavesu ca saddhesu paccayabhàve bhàvato siddhà hoti*”- Dịch nghĩa là: “*Những thể loại Sầu Muộn v.v. đây, thường sinh khởi bởi do việc khởi sinh lên của Lậu Hoặc theo như phần đã vừa đề cập đến; chính vì thế khi những thể loại Sầu Muộn v.v. đây đã sinh khởi lên rồi, thì ắt hẳn đã làm cho hiểu biết đến Lậu Hoặc cũng cùng làm thành tựu viên mãn Tác Nhân của Vô Minh. Và một khi tất cả các Lậu Hoặc đã sinh khởi xong hết rồi, thì Vô Minh cũng vừa cấu sinh hoàn mãn. Vì lẽ khi đã có Nhân là Lậu Hoặc khởi sinh lên rồi, thì Quả là Vô Minh cũng phải cùng cấu sinh.*”

Trình Bày Việc Sinh Khởi Của Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. Bởi Do Nương Vào Cả Tứ Lậu Hoặc

1. Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. sinh khởi bởi do nương vào **Dục Lậu Hoặc làm Nhân, đó là:**

Khi Người mà Ta đã yêu thương, có người Mẹ, người Cha, Chồng, Vợ, Con, Cháu, v.v. từ trần, lìa khỏi cuộc đời này, thì ắt hẳn Ta khởi sinh lên sự sầu thảm, buồn lòng, khóc lóc, than thở, có sự tịch lự thương tiếc đến với những Người đấy, và đôi khi đi đến chẳng màng ăn uống ngủ nghỉ. Ứng hợp với Đức Thế Tôn Ngài đã trình bày rằng: “*Kàmato jàyate soko v.v.*”- Có nghĩa là “*Sự sầu thảm khởi sinh lên chính do bởi sự ái luyến.*” Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. sinh khởi chính do bởi nương vào **Dục Lậu Hoặc làm Nhân**.

2. Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. sinh khởi bởi do nương vào **Hữu Lậu Hoặc làm Nhân, đó là:**

Tất cả Chư Thiên có sự hoan hỷ trong sự sinh hoạt của mình; tức là người có thọ mạng miên trường, có sự mỹ lệ xinh đẹp, có sự an vui hạnh phúc trong tòa Thiên Cung của mình suốt trọn thời gian lâu dài; với mãnh lực của Hữu Lậu Hoặc. Khi đã có được cơ hội lắng nghe Giáo Pháp của Đức Phật hữu quan với vấn đề Vô

Thường, Khổ Đau, Vô Ngã; rằng là tất cả những sự vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng ở trong Thế Gian này đều toàn là vật vô thường, không bền vững; là khổ đau chẳng an vui; là không ở trong quyền lực cai quản, mệnh lệnh của người nào. Chính vì thế những sự xinh đẹp, hoặc những sự an vui hạnh phúc, hoặc tuổi thọ, những thể loại này cũng không có thể tồn tại, hiện hữu được, thường luôn có sự biến hoại đổi thay theo lẽ thường tình. Khi nhóm Chư Thiên đã được lắng nghe như vậy rồi, thì có sự rung động, khiếp đảm kinh sợ; thế rồi khởi sinh lên sự sầu thảm bởi do nghĩ tưởng đến Thiên Sản, sự an lạc, sự có quyền lực, sự có thọ mạng miên trường của mình đang thụ hưởng đây, sẽ không còn được tiếp tục bền vững lâu dài. Chính vì thế, Đức Chánh Đẳng Giác Ngài mới lập ý trình bày rằng: **“Yepi te devà dighàyukà vaṇṇavanto sukhabahulà uccesu vimānesu ciraṃ dīghamaddhānaṃ tīṭhanti tepi tathāgatassa dhammadesanaṃ sutvā bhayaṃ santāsaṃ saṃvegamaṃ pajjanti”**- Dịch nghĩa là: *“Tất cả Chư Thiên cho dù có được thọ mạng miên trường, có da dẻ hồng hào xinh xắn, có sự an vui tột cùng, có được an trú suốt trọn thời gian lâu dài ở trong tòa Thiên Cung tinh lương thù thắng đi nữa; thế nhưng một khi những nhóm Chư Thiên đây đã được lắng nghe Giáo Pháp của Đức Như Lai khái thuyết, thì ắt hẳn cũng đi đến sự rung rợn khủng khiếp, rung động, có sự bất an ở trong lòng, khiếp đảm kinh sợ. Đích thị Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. sinh khởi lên chính do bởi nương vào Hữu Lộ Hoặc làm Nhân.*

3. Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. sinh khởi bởi do nương vào Kiến Lộ Hoặc làm Nhân, đó là:

Người có sự chấp thủ rằng Ngã này là Ta, Ngã này là của Ta, thế rồi cứ mãi thường luôn nâng niu cái bản ngã ấy. Trong thời gian kế tiếp thì chính ngay cái bản ngã ấy phát sinh trạng thái biến hoại đổi thay theo lẽ thường nhiên; hoặc phát sinh biến hoại đổi thay bởi do bệnh hoạn, có tóc bạc, răng gãy, da thịt nhăn nhúm, bị thương tích phát sinh lên, v.v. Người ấy ắt hẳn khởi sinh sự bất an trong lòng, khổ tâm, buồn lòng, khóc than. Như Đức Thế Tôn đã lập ý trình bày rằng: **“Ahaṃ rūpaṃ mama rūpanti pariyutṭhatṭhāvino rūpavipariṇāmaññathābhāvā uppajjanti sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā.”**- *“Tất cả Chúng Hữu Tình thường có quan điểm tà kiến rằng sắc thân này là Ta, hoặc Ta là sắc thân này; sắc thân này là của Ta. Như vậy rồi đến khi sắc thân ấy biến đổi bất thường thành một thể dạng khác theo lẽ thực tính; thế thì sự sầu thảm, buồn lòng, v.v. ắt hẳn phát sinh đến với người ấy.”* Đích thị Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. đã sinh khởi lên chính do bởi nương vào Kiến Lộ Hoặc làm Nhân.

4. Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. sinh khởi bởi do nương vào Vô Minh Lộ Hoặc làm Nhân, đó là:

Người thiếu trí, có chút ít tri kiến; người si độn; kẻ điên rồ; người vẫn còn chạn tuổi thanh niên; hoặc người đã được đón nhận một nền giáo dục tốt, nhưng lại thiếu trí; những hạng người này ắt hẳn đã tạo tác trong điều không nên tạo tác, và đã không tạo tác trong điều nên được tạo tác, là do bởi mãnh lực của Vô Minh Lộ

Hoặc. Tức là *Si Mê (Moha)*, là người đã người đã che án bung bít, không cho thấy điều tác nghiệt và điều lợi ích; bởi do thế, mới ưa thích làm ở trong điều không nên làm, vì lẽ không thấy được điều tác nghiệt; và lại chẳng ưa thích làm ở trong điều nên phải làm, cũng vì lẽ không thấy được điều lợi ích. Nhóm hạng người này ắt hẳn đã phải tiếp xúc sự Khô Thân Khô Tâm, và đã làm Nhân cho phát sinh sự sầu thảm, sự buồn lòng. Như Đức Thế Tôn đã lập ý khái thuyết rằng: **“*Sakho so bhikkhave bālo ditṭheva dhamme tividham dukkham domanassam paṭisaṃvedeti*”**- “*Này tất cả Chư Tỳ Khuru, kẻ không có Trí Tuệ đã phải tiếp xúc với ba thể loại vất vả khôn khổ; đó là Sầu Muộn, Bi Ai, Khô Thân và Khô Tâm chính ngay trong Hữu này.*” Đích thị Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. đã sinh khởi lên chính do bởi nương vào **Vô Minh Lậu Hoặc làm Nhân.**

Xuất Sinh Xứ Của Lậu Hoặc

Nêu như tiếp tục khởi lên một câu vấn hỏi nữa rằng: “*Khi những thể loại Lậu Hoặc đây đã làm Nhân của Vô Minh rồi, thế thì cái chi làm thành Nhân của Lậu Hoặc ?*”

Giải đáp rằng: “*Những thể loại Lậu Hoặc này đã được liệt kê vào ở trong Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, tùy theo thích hợp; bởi do thế, đích thị chính Pháp làm thành Nhân cho Ái Dục, Chấp Thủ, Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu sinh khởi, thì thường được đề cập đến làm thành Nhân của Lậu Hoặc.*”

Trình Bày Nguyên Nhân Rút Lấy Vô Minh Đưa Lên Làm Cái Nhân Diệt Đầu Tiên Trong Liên Quan Tương Sinh

Khi Vô Minh đã có được sinh khởi, là cũng bởi do nương vào việc khởi sinh từ ở nơi những Pháp Lậu Hoặc; thế tại làm sao lại rút lấy Vô Minh lên đặt để làm thành cái Nhân đầu tiên ?

Trong sự hiện hành của Danh Sắc luân chuyển tuần hoàn ở trong Vòng Luân Hồi, thì Vô Minh đây đã là yếu tố quan trọng, được gọi tên là *Xa Luân Thủ Sự (Vattasīrasa)* tương tự với cái đầu của tất cả Chúng Hữu Tình; bởi do thế, Đức Phật Ngài mới lập ý rút lấy Vô Minh đưa lên đặt để làm cái Nhân đầu tiên.

Giải thích rằng ở trong Liên Quan Tương Sinh, thì Vô Minh và Ái Dục - cả hai yếu tố này vô cùng quan trọng, cũng tương tự với cái đầu của tất cả Chúng Hữu Tình vậy. Và trong việc kiến tạo lên những Hành, thì có Phúc Hành v.v. đã được thành tựu việc mãn, là cũng do bởi nương vào sự hân hoan duyệt ý, vui thích ở trong Cảnh; tức là Ái Dục đã làm thành Nhân. Ái Dục là sự hân hoan duyệt ý, vui thích ở trong Cảnh, sẽ sinh khởi lên được, là cũng do bởi nương vào Vô Minh làm người che án bung bít, không cho thấy chân như thực tính. Giả như đã không có Vô Minh làm người che án bung bít Chân Lý rồi, thế thì Ái Dục ắt hẳn cũng không

có thể khởi sinh lên được. Một khi Ái Dục đã không có khởi sinh, thế thì những hành động tạo tác của tất cả mỗi con người cũng không hoàn thành những Pháp Hành. Bởi do thế, hai thể loại Vô Minh và Ái Dục đây, thì Vô Minh là yếu tố quan trọng hơn cả Ái Dục. Và cũng chính vì lý do này, Đức Phật Ngài mới lập ý rút lấy Vô Minh lên đặt để làm thành cái Nhân diệt đầu tiên; chẳng phải chủ đích nhắm lấy Vô Minh sinh trước các Pháp khác trong việc luân chuyển tuần hoàn từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh.

Trong việc trình bày câu kệ ngôn cuối cùng, chỗ nói rằng: **“*Vatṭamābandha miccevaṃ tedhūmakamanādikāṃ. Paṭṭicasamuppādo ti paṭṭhapesi mahāmuni.*”** – “*Như vậy vị Đại Tu Sĩ đã trình bày giải thích tình trạng rối rắm của những kiếp sống vô thủy và hệ lụy này ở trong ba Cõi Giới, dưới hình thức định lý Liên Quan Tương Sinh.*” Kệ ngôn này có ý nghĩa là sự hiện hữu của tất cả Chúng Hữu Tình luân chuyển tuần hoàn liên tục với nhau; tức là sinh khởi, hiện hữu, và tử vong. Khi đã tử vong rồi, thì cũng liền sinh khởi, hiện hữu, và lại tử vong thêm lần nữa, như vậy một cách thường luôn và không gián đoạn. Những thể loại này - rằng khi tính theo Dĩ Pháp Bản Nguyên, thì cũng chỉ toàn là việc sinh khởi của Pháp Liên Quan Tương Sinh hết cả thảy. Sẽ nói rằng:

- Một khi đã có **Vô Minh** rồi, thì cũng chỉ làm thành Nhân cho **Hành** được sinh khởi, một cách đặc biệt chỉ có bấy nhiêu thôi; há chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nữ, người Nam, Nhân Loại, Chư Thiên sinh khởi, v.v.
- Và khi đã có **Sinh** rồi, thì cũng chỉ làm thành Nhân cho **Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Náo Hại** sinh khởi; há chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, Nhân Loại, Chư Thiên sinh khởi.
- Và khi đã có **Sầu Muộn, Bi Ai, v.v.** rồi, thì cũng chỉ làm thành Nhân cho **Vô Minh** sinh khởi; há chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, Nhân Loại, Chư Thiên sinh khởi.

Sự hiện hành thể loại như vậy, thì thường được gọi tên là *Vòng Luân Hồi (Vatṭasaṅkhāra)* bởi vì có:

1. sự thúc phược ràng buộc với nhau, không gián đoạn,
2. thường luôn hiện hành ở trong cả Tam Cõi Giới,
3. há chẳng phải cái ban đầu.

Chính vì lý do này, Bậc Đại Tu Sĩ mới phán quyết rằng là Pháp Liên Quan Tương Sinh.

Lại nữa, chỗ nói rằng “*há chẳng phải cái ban đầu*” đã được Đức Thế Tôn lập ý nói ở giữa Hội Chúng Tỳ Khuru rằng: **“*Anamataggoyam bhikkhave saṃsāro pubbakoṭi na paññāyati avijjānāvaraṇānaṃ sattānaṃ taṇhāsamyojanānaṃ sandhāvataṃ saṃsāratam.*”**- Dịch nghĩa là: “*Này tất cả Chư Tỳ Khuru, Vòng Luân Hồi đây, hẳn nhiên chẳng phải được biết đến đầu tiên, cũng chẳng phải hiện*

bày ở phía sau cùng. Tất cả Chúng Hữu Tình có Vô Minh Triền Cái (Avijjānivarāṇa) và Ái Dục Kiết Sử (Taṇhāsamyojana), chính những thể loại này mới luân chuyển quanh quẩn ở trong Vòng Luân Hồi.”

Phân Tích Chi Phần Liên Quan Tương Sinh Thê Theo Đê (Sacca) Nương Vào Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp (Abhidhammabhājanīyanaya)

- **Vô Minh, Hành** được liệt kê vào trong Tập Đê.
- **Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ** được liệt kê vào trong Khô Đê.
- **Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu** được liệt kê vào trong Tập Đê.
- **Sinh Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong** được liệt kê vào trong Khô Đê.

Trình Bày Việc So Sánh Chi Phần Vô Tỷ Pháp Thê Theo Phương Pháp Bộ Chú Giải Xua Tan Mê Mờ (Sammohavinodanī Atthakathā)

- **Vô Minh** so sánh với người khiếm thị.
- **Hành** so sánh với người khiếm thị bước đi bị vấp.
- **Thức** so sánh với người khiếm thị té ngã.
- **Danh Sắc** so sánh với người khiếm thị phát sinh thương tích vì bị té ngã.
- **Lục Xứ** so sánh với vết thương mới phát khởi tây giộp lên tiếp nối với vết thương cũ.
- **Xúc** so sánh với vết thương cũ với vết thương mới bị đụng chạm vào bất luận một chỗ nào.
- **Thọ** so sánh với người khiếm thị kia cảm thọ đau đớn ở vết thương đã bị đụng chạm.
- **Ái Dục** so sánh với người khiếm thị có nhu cầu cần phải có thuốc chữa trị vết thương ấy.
- **Chấp Thủ** so sánh với người khiếm thị đi lấy đem tới loại thuốc không đúng với việc chữa trị vết thương.
- **Hữu** so sánh với người khiếm thị lấy thuốc ấy bôi vào chỗ vết thương.
- **Sinh** so sánh vết thương bị lan rộng ra vì không đúng với loại thuốc.
- **Lão Mại – Tử Vong** so sánh vết thương bị bể vỡ nặng nề ra.

Việc Thâm Sát Liên Quan Tương Sinh Thê Theo Cả Tứ Phương Pháp Đê Từ Bỏ Thất Tà Kiến (Ditṭhi 7)

Việc thâm sát Liên Quan Tương Sinh nhằm để cho lia bỏ bảy thể loại Tà Kiến, thì có được bốn Phương Pháp, đó là:

1. *Phương Pháp Thống Nhất (Ekattanaya),*

2. *Phương Pháp Biệt Thể (Nànattanaya)*,
3. *Phương Pháp Phi Cần Lao (Abyàpàranaya)*,
4. *Phương Pháp Như Thị Pháp (Evaṃdhammatànaya)*.

1. Khi đã thâm sát xong rồi thì hiểu biết được rằng Danh Sắc Ngũ Uẩn của tất cả Chúng Hữu Tình có việc sinh diệt nối tiếp nhau không gián đoạn, trong một Hữu hoặc trong những Hữu nối tiếp. Việc thâm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là *Phương Pháp Thống Nhất (Ekattanaya)*.

2. Khi đã thâm sát xong rồi thì hiểu biết được rằng việc nối tiếp nhau của Danh Sắc Ngũ Uẩn đây, cho dù quả thật sẽ hiện hành một cách không gián đoạn, tuy nhiên Thực Tính của những thể loại Pháp Liên Quan Tương Sinh đây, lại có Thực Tính khác biệt nhau, có Nhân Quả khác biệt nhau. Việc thâm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là *Phương Pháp Biệt Thể (Nànattanaya)*.

3. Khi đã thâm sát xong rồi thì hiểu biết được rằng những Nhân sai khác có Vô Minh v.v. cho trở sinh quả báo sai khác, có Hành v.v. Việc sinh khởi như thế để cho trở sinh quả báo thì chẳng cần có sự nỗ lực tinh cần nào cả. Pháp làm thành Nhân và làm thành Quả nương theo Thực Tính mà sinh khởi lên hiện hành chỉ bấy nhiêu thôi; và chẳng có bất luận một điều nào để sẽ sắp bày cho hiện hành được. Việc thâm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là *Phương Pháp Phi Cần Lao (Abyàpàranaya)*.

4. Khi đã thâm sát xong rồi thì hiểu biết được rằng việc sinh khởi của những Pháp Quả đây, thì chỉ chính bởi Nhân của mình, một cách đặc biệt không có chòng chéo với nhau; chẳng hạn như Hành chỉ sinh khởi khi có Vô Minh làm Nhân, ngoài Vô Minh này ra, thì những Pháp khác không thể nào làm Nhân cho Hành sinh khởi lên được. Việc thâm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là *Phương Pháp Như Thị Pháp (Evaṃdhammatànaya)*.

+ Việc thâm sát thể theo **Phương Pháp Thống Nhất** thì có khả năng từ bỏ được **Đoạn Kiến** và **Vô Hữu Kiến**, vì lẽ trông thấy liên tục nối tiếp nhau không gián đoạn; tức là sinh rồi diệt, hết diệt rồi lại sinh, không chấm dứt.

+ Việc thâm sát thể theo **Phương Pháp Biệt Thể** thì có khả năng từ bỏ được **Thường Kiến**, vì lẽ trông thấy Thực Tính của Nhân và Thực Tính của Quả ấy không giống nhau; và Pháp làm thành Nhân làm thành Quả cũng thường luôn sinh khởi lên mới hoại hoại, chẳng phải sinh khởi rồi lại tồn tại an trụ suốt được. Chẳng hạn như Thọ với Ái Dục làm thành Nhân và làm thành Quả một đôi sinh khởi; khi đã sinh rồi cũng diệt mất đi, thế rồi lại sinh lên mới nữa và không có của cái cũ còn tồn tại, mà thường luôn chỉ là của cái mới. Bởi do thế, quan điểm chỗ nhận thấy rằng “vĩnh hằng” tức là **Thường Kiến** mới được diệt mất đi.

+ Việc thâm sát thể theo **Phương Pháp Phi Cần Lao** thì có khả năng từ bỏ được **Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ (Issaranimmànavaḍaditṭhi)** và **Kiến Chấp Ngã**

(Attaditṭhi), vì lẽ **Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ** có quan điểm rằng “*Tất cả sự vật đã hiện khởi ở trong Thế Gian này là do có Thượng Đế là Đấng Sáng Tạo Chủ. Nếu không có Thượng Đế là Đấng đã kiến tạo lên rồi, thì những thể loại sự vật này cũng không thể nào sinh khởi lên được.*”

Còn **Kiến Chấp Ngã** có quan điểm rằng trong bản tính của tất cả Chúng Hữu Tình hiện hữu cái Tự Ngã; và chính cái Tự Ngã đấy, làm người sắp bầy cho thực hiện những hành động đi theo sự duyệt ý vừa lòng của Tự Ngã đấy. Bởi do thế, khi thâm sát nhận thấy rằng những Nhân và những Quả sinh khởi lên, thì thường hiện hành đi theo Pháp Thực Tính của mình. Pháp làm thành Nhân cũng chẳng phải có bất luận một việc lo lắng nỗ lực nào để sẽ cho quả báo của mình trở sinh cả. Việc sinh khởi đích thực chính là Vô Ngã. Khi đã nhận thấy ở thể loại này rồi, thì mới diệt trừ được cả hai Tà Kiến như đã vừa đề cập đến đây.

+ Việc thâm sát thể theo **Phương Pháp Như Thị Pháp** thì có khả năng từ bỏ được **Vô Nhân Kiến** và **Vô Hành Kiến**, vì lẽ Vô Nhân Kiến ấy có quan điểm rằng “*Những sự vật đã khởi sinh lên là chẳng phải được sinh do bởi nương vào bất luận một Tác Nhân Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực nào cả. Tất cả Chúng Hữu Tình có sự an vui, sự khổ đau; đó chẳng qua là tự phát sinh lên theo lẽ thường nhiên, và chẳng phải khởi sinh lên từ ở nơi bất luận một Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực làm thành Nhân chi cả.*”

Còn Vô Hành Kiến thì có quan điểm rằng: “*Hành động tạo tác cho dù là Thiện hoặc Bất Thiện đi nữa, thì cũng không gọi là Thiện hoặc Bất Thiện; muốn làm thì cũng cứ tự tiện làm.*” Bởi do thế, người đã thâm sát thể theo Phương Pháp Như Thị Pháp đây, thì ắt hẳn trông thấy được rằng Pháp làm thành Nhân làm thành Quả thì thường sinh khởi thành từng đôi một với nhau, và không thể tách ly được; chính vì thế mới có khả năng diệt trừ được cả hai Tà Kiến như đã vừa đề cập đây.

Trình Bày Kệ Ngôn Nói Lời Khuyên Bảo Trong Việc Thâm Sát Liên Quan Tương Sinh

*Anàdidam bhavacakkam
Niccasukhasubhattehi*

*Vitakàrakavedakam
Suñnam passe punappunam.
(Bhàsàṭṭikà)*

“*Toàn bộ Xa Luân đều là một khối thông khổ hằng luân chuyển tuần hoàn một cách lâu dài, tính đếm về Hữu và kiếp sống khôn xiết, hẳn nhiên không thể biết được khởi thủy của việc luân chuyển tuần hoàn đấy được. Đoạn lưu Tự Ngã, tức là người sáng tạo và người thụ hưởng, chỉ là Vô Ngã; chẳng có Thực Tính là Thường Lạc Ngã Tịnh, bất luận trường hợp nào. Bậc Hữu Trí nên thâm sát thường luôn, như đã vừa đề cập đến tại đây.*” (Được trích trong Bộ Phụ Chú Giải Phật Ngôn)

Người đã theo Phật Giáo thường luôn ưa thích thăm sát và tìm kiếm đến các sự kiện; cho dù sẽ có niềm tin rằng Thế Gian mà Ta đang sinh sống đây hẳn nhiên là chẳng có tồn tại và bền vững lâu dài, ắt hẳn phải bị hoại diệt, và một khi đã bị hoại diệt đi rồi, thì lại khởi sinh lên mới nữa. Còn sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình mà đã có niềm tin theo Liên Quan Tương Sinh thì nói rằng: “*Vì Vô Minh làm Nhân mới sinh Hành, vì Hành làm Nhân mới sinh Thức,*” như vậy v.v. nhưng vẫn không vui đi nổi nghĩ suy thắc mắc rằng việc sinh khởi của Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình khởi thủy phát sinh lên lúc ban đầu là trong thời gian nào. Khi đã cố gắng thăm sát đi rồi, nhưng vẫn không thể đi đến quyết định được. Những hạng người đã có thăm sát nhưng vẫn không quyết định được đây, thì cũng phát sinh lên sự tự hiểu biết lấy. Có nghĩa là một vài nhóm người tự hiểu biết rằng Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình đây, thường hiện khởi bằng cách đoạn lưu Tác Nhân đã làm cho sinh khởi ở trong giai đoạn khởi thủy. Đối với sự việc Thế Gian bị hoại diệt và Thế Gian lại khởi sinh lên mới nữa; hoặc Vô Minh làm Nhân, Hành làm Quả; Hành làm Nhân, Thức làm Quả, v.v. với những thể loại này cũng chỉ làm thành Nhân khởi sinh về sau cho có Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình hiện khởi lên mà thôi; thế nhưng chắc chắn rằng chẳng phải là Tác Nhân khởi thủy lúc ban đầu. Bởi do thế, người có sự tự hiểu biết lấy ở thể loại này, mới trở thành người có Vô Nhân Kiến khởi sinh lên bởi do bất tri bất giác. Lại có một nhóm khác nữa đã khởi lên tự hiểu biết lấy rằng Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình phát sinh lên, là bởi do nương vào Nhân Quả như đã đề cập rồi đây, mà Nhân Quả chỉ phát sinh lên theo lẽ thường nhiên, là sau khi Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình đã hiện khởi lên rồi mà thôi. Còn Tác Nhân khởi thủy ban đầu đây, là cần phải có Bạc Đại Nhân, là Thượng Đế sáng tạo lên mới được. Nếu giả như không có Thượng Đế là Đấng sáng tạo lên rồi, thì những sự vật này cũng không thể phát sinh lên được. Bởi do thế, người có sự tự hiểu biết lấy ở thể loại này, mới trở thành nhóm người *Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ (Issaranimmànavàdadditthi)* bởi do bất tri bất giác, cũng tương tự như nhau.

Cả hai nhóm người như đã vừa đề cập đến đây, đều có những sự nghĩ suy đã làm cho mất đi sự lợi ích; tức là trong sự việc không đáng nghĩ suy lại lấy đi nghĩ suy, cho đến nỗi đã làm cho mình trở thành là nhóm Tà Kiến đi rồi. Với lý do này, Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý khuyến giáo đến tất cả Chư Tỳ Khưu rằng: “*Cattàrimàni bhikkhave acinteyyàni na cintetabbàni, yàni cinto ummàdassa vighàtassa bhàgì assa, katamàni cattàri ? Buddhànaṃ bhikkhave buddhavisayo acinteyyo na cintetabbo yaṃ cinto ummàdassa vighàtassa bhàgì assa, jhàyissa bhikkhave jhànavisayo acinteyyo na cintetabbo, yaṃ cinto ummàdassa vighàtassa bhàgì assa, kammavipàko bhikkhave acinteyyo na cintetabbo, yaṃ cinto ummàdassa vighàtassa bhàgì assa, lokacintà bhikkhave acinteyyà na cintetabbà yaṃ cinto ummàdassa vighàtassa bhàgì assa, imàni kho bhikkhave cattàri acinteyyàni na cintetabbàni yàni cinto ummàdassa*

vighàtassa bhàgì assàti.”- “*Này tất cả Chư Tỳ Khuru, sự việc không nên để nghĩ suy, thì được gọi tên là **Bất Khả Tư Nghi** (**Acinteyyadhamma** – Chẳng thể nghĩ bàn), hiện hữu ở bốn trường hợp; và nếu giả như có người nào lấy để nghĩ suy rồi, thì người ấy sẽ có thể đi đến thành người cuồng loạn và có sự thống khổ ở nội tâm. Bốn thể loại sự việc không nên để nghĩ suy đây, là gồm có những chi ? Này tất cả Chư Tỳ Khuru,*

1. Một là **Phật Giới (**Buddhav isaya**)** là sự kiện hữu quan với sự hiện hành của Chư Phật, cùng với Uy Lực (**Ānubhava**) của Chư Phật, và Ấn Đức Phật Bảo (**Buddhagūṇa**) từ ở nơi Chư Phật; là sự việc không nên để nghĩ suy;
2. Hai là **Thiền Giới (**Jhānavisaya**)** là Thắng Trí Thiền Định từ ở nơi tất cả các Bậc lập ý Thần Túc Thắng Trí; cũng là sự việc không nên để nghĩ suy;
3. Ba là **Nghiệp Quả (**Kammavipāka**)** là quả báo từ ở nơi tất cả Nghiệp Lực, có Hiện Báo Nghiệp Lực, v.v.; cũng là sự việc không nên để nghĩ suy;
4. Bốn là **Tâm Tư Thế Gian (**Lokacintā**)** là sự hiện hành của Thế Gian; tức là Thế Gian là chỗ nương trú của Chúng Sinh và tất cả Chúng Hữu Tình; mặt đất, núi đồi, sông nước, cây cối, v.v. những thể loại này cũng là sự việc không nên để nghĩ suy.

Này tất cả Chư Tỳ Khuru, bốn thể loại sự việc không nên để nghĩ suy như đã vừa đề cập đến đây; và nếu giả như có người nào lấy để nghĩ suy rồi, thì chắc chắn rằng người ấy sẽ có thể đi đến thành người cuồng loạn và có sự thống khổ ở nội tâm.” (Trích trong Chánh Tạng Pàli, Tăng Chi Bộ Kinh; Chương thứ IV, Phẩm Bốn Chi Pháp)

Với lý do như đã vừa đề cập đến đây, tất cả hàng Phật Tử nên thẩm sát việc luân chuyển tuần hoàn từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh với cả bốn Phương Pháp, có Phương Pháp Thống Nhất, v.v. như đã có được trình bày; và một khi đã thẩm sát một cách thấu đáo rồi, thì sẽ phát sinh tri kiến tự liễu tri được rằng sự hiện hành của Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình hẳn nhiên là chẳng có Tác Nhân khởi thủy ban đầu vậy.

Lại nữa, người đã có được liễu tri sự hiện hành từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh, thì sẽ vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi, ắt hẳn chưa từng có được, ngay cả dù chỉ sẽ là mơ tưởng. Chính vì thế, người Phật Tử là bậc có kỳ vọng sẽ vượt thoát ra khỏi toàn bộ khối Thống Khổ, phải nên cố gắng để liễu tri đến sự hiện hành từ ở nơi sự luân chuyển tuần hoàn của Xa Luân chỗ được gọi là Liên Quan Tương Sinh một cách thấu đáo.

**Việc Thẩm Sát Liên Quan Tương Sinh Của Ngài Trưởng Lão Ānanda
Và Lời Giáo Giới Của Bậc Chánh Đăng Giác**

Vào một thời, Đức Thế Tôn ngự ở thị trấn *Kammāsaddhamma* trong Xứ *Kuru*. Ngài Trưởng Lão *Ānanda* đi trì bình khất thực từng từng mỗi nhà ở trong một thôn làng, để tể độ tất cả Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, ví tựa như mang một túi tài sản đi phân phát đến với những dân làng ấy vậy. Một ngày nọ, khi Ngài Trưởng Lão đã đi trì bình khất thực và đã quay trở về độ thực xong; thể rồi y theo bốn phận của Ngài đã đi đến phụng dưỡng phục vụ Đức Thế Tôn. Khi đã đến thời gian giữa trưa nọ, Đức Thế Tôn đã ngự vào Hương Thất để chỉ tịnh, và rồi Ngài Trưởng Lão *Ānanda* đã quay trở lại Tịnh Thất của Ngài, thực hiện việc huấn giáo dạy dỗ đồ đệ của Ngài cũng đã vừa xong, thì liền đi tĩnh tọa tâm cầu thụ hưởng lạc vị giải thoát. Tức là *Nhập Thiên Quả (Phalasampatti)* ngay tại nơi đấy; và khi đã xuất khỏi Thiên Quả, thể rồi đã thâm sát Liên Quan Tương Sinh theo phần Thuận, phần Nghịch, rồi lại thâm sát từ đầu cho đến đoạn giữa theo phần Thuận, theo phần Nghịch từ cuối cho đến đoạn giữa; thể theo phương cách thâm sát rằng “*Chỉ có Hành sinh khởi bởi do nương vào Vô Minh làm Nhân mà thôi; chứ chẳng phải là Tụ Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, sinh khởi bởi do nương vào Vô Minh; và lại Vô Minh cũng là Pháp Quả sinh khởi bởi do nương vào Nhân tùy theo thích hợp. Chỉ có Thức sinh khởi bởi do nương vào Hành làm Nhân mà thôi; chứ chẳng phải là Tụ Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, sinh khởi bởi do nương vào Hành; và lại Hành cũng là Pháp Quả sinh khởi bởi do nương vào Nhân tùy theo thích hợp.*” Ngài cứ mãi lần lượt thâm sát theo phương cách này, cho đến Lão Mai – Tử Vong ngàn ấy đã sinh khởi bởi do nương vào Sinh làm Nhân, chứ chẳng phải là Tụ Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, sinh khởi bởi do nương vào Sinh. Ngài đã thâm sát đến ba lần; tức là từ đầu cho đi đến cuối và từ cuối cho đi đến đầu; từ đầu cho đi đến giữa và từ giữa cho đi đến đầu; từ cuối cho đi đến giữa và từ giữa cho đi đến cuối. Trong khoảng giữa thời gian đang thâm sát đấy, sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh có việc hiệp trợ thể theo Nhân và Quả, ở cả 12 Chi Phần, cũng hiện bày lên rõ ràng ở trong Trí Tuệ của Ngài, và Ngài mới nghĩ suy rằng “*Tất cả Chư Phật, Đức Thế Tôn Ngài đã lập ý trình bày rằng Pháp Liên Quan Tương Sinh này có thực tính thậm thâm vi diệu cực nan kiến; và trạng thái hiện hành cũng biểu hiện cho được nhận thấy rằng thậm thâm vi diệu cực nan kiến. Chính tự Ta đây cũng chỉ là hạng Thịnh Văn và có Trí Tuệ chỉ một phần ngàn ấy thôi, thế mà cũng có sự sáng tỏ rõ ràng trong sự hiện hành của Pháp Liên Quan Tương Sinh này làm thành một cách tốt đẹp. Các bậc Thịnh Văn khác sẽ có được cảm thọ tương tự ở thể loại như Ta không nhỉ?*” Khi đã đến lúc hoàng hôn, Ngài Trưởng Lão *Ānanda* đã đi đến diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác, và rồi đã quỳ lạy tác bạch rằng: “*Acchariyaṃ bhante, abbhutaṃ bhante, yāvagamhiro cāyaṃ bhante paṭiccasamuppādo gambhīrābhāso ca, atha ca pana me uttānukuttānako viya khāyati*”- “*Kính bạch Đức Thế Tôn, quả thật là điều rất huyền diệu, là một điều rất đặc biệt, đã không từng hiện bày từ trước đây. Kính*

bạch Thế Tôn, Ngài là bậc tiến hóa, Pháp Liên Quan Tương Sinh này đã hiện bày rõ ràng đối với con tương tự như rằng Pháp này rất là nông cạn vậy.”

Khi Đức Thế Tôn Ngài đã lập ý lắng nghe Ngài Trưởng Lão **Ānanda** tác bạch như thế rồi, thì rủ lòng bi mẫn nghĩ suy rằng “**Ānanda** đệ tử của Ta đây đã đề cập đến lãnh vực địa hạt của tất cả hàng Chư Phật, là Pháp Liên Quan Tương Sinh này đã hiện bày thấu đáo rõ ràng đến với mình. Sự việc **Ānanda** đã nói như vậy, y như thể là cố gắng với tay lên cho đến Cõi Cùng Tột Hữu, cố gắng bỏ Tu Di Sơn cho tách ra để sẽ lấy thạch ngọc ở bên trong vậy, cố gắng sẽ vượt qua đại dương mà chẳng phải nương nhờ vào thuyền bè, cố gắng sẽ lật ngược quả địa cầu để sẽ lấy bỏ phàm ở trong lòng đất vậy. Khi đã là như thế, thì Ta cần phải cản ngăn lời nói này.” Khi Đức Phật đã suy nghĩ như thế rồi, mới phán truyền với Ngài **Ānanda** rằng: “**Mā hevaṃ Ānanda mā hevaṃ Ānanda gambhīro cāyaṃ Ānanda Paṭīccasamuppādo gambhīravābhāso**”- “*Này Ānanda, chớ nên nói như vậy, chớ nên nói như vậy, này Ānanda; Pháp Liên Quan Tương Sinh đây có Thực Tính thậm thâm vi diệu cực nan kiến, và có trạng thái hiện hành cũng biểu hiện cho được thấy rằng thậm thâm vi diệu cực nan kiến. Pháp Liên Quan Tương Sinh là Pháp có Thực Tính thậm thâm vi diệu cực nan kiến, và có trạng thái hiện hành biểu hiện cho được thấy rằng thậm thâm vi diệu cực nan kiến; cũng tỷ như nước trong đại dương ở sát cận Tu Di Sơn, dường như thế ấy.*”

Theo lẽ thường nhiên, sự hiện hành của nước hiện hữu ở bốn thể loại, đó là:

1. Một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là sâu thẳm; tuy nhiên sự thật thì chỉ cạn độ 2 – 3 hắc tay mà thôi. Chẳng hạn như nước ở trong hồ hoặc trong mương lạch có lá cây rụng xuống, đã rã mục ở dưới đáy hồ hoặc đáy mương; và đã làm cho nước ấy hiện bày sắc màu xanh lam. Người trông thấy, thì sẽ hiểu biết rằng nước ở trong hồ, hoặc trong mương ấy rất sâu thẳm; tuy nhiên nếu như dò xem nông hay sâu, thì sẽ hiện bày là cạn hều.

2. Nước ở một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là nông cạn; tuy nhiên sự thật thì rất sâu thẳm. Chẳng hạn như nước ở trong hồ, hoặc ở trong ao, trong suối; thì một vài nơi có sự trong vắt cho đến nỗi nhìn thấy được các sự vật hiện hữu ở tầng ấy một cách rõ ràng; và đã làm cho người trông thấy có sự hiểu biết rằng là cạn hều. Tuy nhiên nếu như dò xem nông hay sâu, thì sẽ hiện bày là sâu thẳm.

3. Nước ở một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là cạn hều, và sự thực nước ở trong chỗ đáy cũng có Thực Tính là cạn hều; chẳng hạn như nước ở trong cái lu, trong cái chậu, trong cái nôi, v.v.

4. Nước ở một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là sâu thẳm; và sự thực nước ở trong chỗ đáy cũng có Thực Tính là sâu thẳm, chẳng hạn như nước ở trong đại dương hùng vĩ.

Sự thâm thâm của Pháp Liên Quan Tương Sinh đây, là thuộc ở trong nhóm nước được phân loại thứ tư, và đích thực rất khó khăn với người thông thường để sẽ được liễu tri một cách sáng tỏ rõ ràng. Với lý do như vậy, Đức Chánh Đẳng Giác mới phán truyền cản ngăn Ngài **Ananda** không cho được nói rằng Pháp Liên Quan Tương Sinh này y như thể là loại Pháp rất là nông cạn đối với Ngài **Ananda**.

Trong tất cả các hàng Chư Thinh Văn của Đức Chánh Đẳng Giác – ngoại trừ hai Bậc Chí Thượng Thinh Văn ra – thì các Chư vị Thinh Văn khác để sẽ có được tri kiến trong Pháp Liên Tương Sinh một cách rõ ràng thấu đáo tương tự với Ngài **Ananda** đây quả thật không có; và trong sự việc Ngài **Ananda** có Trí Tuệ liễu tri được rõ ràng thấu đáo như vậy, thì cần phải nương vào bốn yếu tố Tác Nhân, đó là:

1. *Kỳ Phúc Thị Giả (Upaṭṭhakaadhikāro)*: Là người đã từng kiến tạo Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; và rồi đã có sở nguyện vọng được làm Thị Giả Đức Phật.
2. *Môn Đồ (Antevāsiko)*: Được làm người thân cận (môn đồ, đệ tử) với Bậc Đại Tôn Sư.
3. *Thất Lai Giả (Sotāpanno)*: Đã thành tựu viên mãn Quả vị Thất Lai.
4. *Đa Văn Giả (Bahussutadharo)*: Làm thành bậc đa văn quảng kiến.

Kết Thúc Việc Trình Bày Pháp Liên Quan Tương Sinh Thể Theo Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng (Suttantabhājanīyanaya)

-----00000-----

Việc Trình Bày Pháp Liên Quan Tương Sinh Thể Theo Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp (Abhidhammabhājanīyanaya)

Việc trình bày Pháp Liên Quan Tương Sinh của Bậc Chánh Đẳng Giác đây, hiện hữu ở hai phương pháp; đó là:

- 1/. Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng,
- 2/. Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng.

Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** đã dẫn dắt để trình bày ở trong Chương thứ Tám này đây, ấy là việc trình bày thể theo Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng; là việc trình bày đến sự hiện hành ở trong rất nhiều cái Tâm từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh, đã được gọi tên là *Dị Tâm Dị Thời Liên Quan Tương Sinh (Nānācittakkhaṇikapāṭicasamuppāda)*.

Và tiếp nối theo đây, sẽ trình bày thể theo Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng, là việc trình bày đến sự hiện hành ở trong từng mỗi cái Tâm từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh, đã được gọi tên là *Đồng Tâm Hợp Thời Liên Quan Tương Sinh (Ekacittakkhaṇikapāṭicasamuppāda)*.

Việc Trình Bày Thê Theo Phương Pháp Phân Tích
Theo Tạng Vô Tỷ Pháp Thì Được Chia Ra Làm Ba Nhóm, đó là:

1/. Câu Bất Thiện (*Akusalapada*), 2/. Câu Thiện (*Kusalapada*), 3/. Câu Vô Ký (*Abyàkatapada*).

I. CÂU BẤT THIỆN (AKUSALAPADA)

Trong Câu Bất Thiện đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Ứng Kiến chỉ ở trong 4 Tâm Tương Ứng Kiến ngần ấy mà thôi.

“Avijjàpaccayà saṅkhàro saṅkhàrapaccayà viññāṇaṃ viññāṇapaccayà nāmaṃ nāmapaccayà chaṭṭhayatanam chaṭṭhāyatanapaccayà phasso phassapaccayà vedanā vedanāpaccayà tanhā tanhāpaccayà upādānam upādānapaccayà bhavo bhavapaccayà jàti jàtipaccayà jarāmaraṇam evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti.”- “Vô Minh làm duyên cho Hành, Hành làm duyên cho Thức, Thức làm duyên cho Danh, Danh làm duyên cho Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm duyên cho Xúc, Xúc làm duyên cho Thọ, Thọ làm duyên cho Ái Dục, Ái Dục làm duyên cho Chấp Thủ, Chấp Thủ làm duyên cho Hữu, Hữu làm duyên cho Sinh, Sinh làm duyên cho Lão Mại – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khối Khổ Uẩn.”

Bởi do **Vô Minh** làm Nhân thì **Phi Phúc Hành**, tức là Tư Tác Ý Bất Thiện Tương Ứng Kiến hiện hành cùng câu sinh với Vô Minh đây mới sinh khởi.

Bởi do **Phi Phúc Hành** tức là Tư Tác Ý Bất Thiện Tương Ứng Kiến làm Nhân, thì **Tâm Tương Ứng Kiến** mới sinh khởi.

Bởi do **Tâm Tương Ứng Kiến** làm Nhân, thì **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến đây mới sinh khởi.

Bởi do **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến làm Nhân, thì **Ý Xứ** tức là Tâm Tương Ứng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Xứ** tức là Tâm Tương Ứng Kiến làm Nhân thì **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến làm Nhân, thì **Thọ** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **Thọ** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến làm Nhân, thì **Ái Dục** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **Ái Dục** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến làm Nhân, thì **ba Chấp Thủ** (loại trừ Dục Chấp Thủ) phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **ba Chấp Thủ** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến làm Nhân, thì **Hữu** tức là Tâm Khởi Sinh Tương Ứng Kiến (loại trừ Tà Kiến) mới sinh khởi.

Bởi do **Hữu** tức là Tâm Khởi Sinh Tương Ứng Kiến (loại trừ Tà Kiến) làm Nhân, thì **Danh Sinh** tức là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Tâm Tương Ứng Kiến đây mới sinh khởi.

Bởi do **Danh Sinh** tức là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Tâm Tương Ứng Kiến làm Nhân, thì **Danh Lão Mại – Danh Tử Vong** tức là sát na Trụ và sát na Diệt của Tâm Khởi Sinh Tương Ứng Kiến mới sinh khởi.

Việc sinh khởi từ ở nơi toàn bộ khối Thống Khổ đây cũng bởi do nương vào những Tác Duyên có Vô Minh, v.v. như đã vừa đề cập đến ở tại đây.

Đặc Biệt Giải Thích Thêm Cho Được Rõ

+ Tại nơi đây, ở chỗ trình bày nói rằng “*Viññāṇapaccayā nāma*” (Thức làm duyên cho Danh) mà chẳng phải trình bày là “*Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ*” (Thức làm duyên cho Danh Sắc), cũng bởi vì thiết yếu trình bày Pháp phối hợp với từng mỗi cái Tâm, và cũng thiết yếu trình bày cho hiện hành ở trong Cõi Giới mà Tâm sinh khởi được cùng khắp; chính vì thế mới không sử dụng câu nói rằng “*Nāmarūpaṃ*” (cho Danh Sắc).

+ Chỗ trình bày rằng “*Nāmapaccayā chaṭṭhāyatanam*” (Danh làm duyên cho Xứ thứ sáu) mà chẳng trình bày là “*Nāmapaccayā salāyatanam*” (Danh làm duyên cho Lục Xứ), cũng bởi vì chính Danh Pháp làm thành Nhân, tức là chỉ đơn nhất có Tâm Sở, và chẳng có Sắc; chính vì thế Pháp làm thành Quả mới cũng phải là Danh Pháp với nhau, tức là Xứ thứ sáu (tức là Ý Xứ), và đơn nhất chính là Tâm.

+ Chi Pháp của *Viññāṇam* trong câu nói rằng *Sanhàrapaccayā viññāṇam* (Hành làm duyên cho Thức) và Chi Pháp của *Chaṭṭhāyatanam* (Xứ thứ sáu) trong câu nói rằng *Nāmapaccayā chaṭṭhāyatanam* (Danh làm duyên cho Xứ thứ sáu); cả hai đây, chính là Tâm Tương Ứng Kiến tương tự như nhau. Thế nhưng có phần đặc biệt, đó là ở trong câu “*Sanhàrapaccayā viññāṇam*” thì Tư Tác Ý làm Nhân đặc biệt của Thức, và ba Uẩn Tâm Sở thì làm Quả phổ thông của Thức.

+ Trong câu nói rằng “*Nāmapaccayā chaṭṭhāyatanam*” thì ba Uẩn Tâm Sở làm Nhân phổ thông của Xứ thứ sáu (tức là Ý Xứ), và Tâm Sở Xúc thì làm Quả đặc biệt của Xứ thứ sáu (tức là Ý Xứ).

+ Trong Phương Pháp Phân Tích Theo Tạng Vô Tỷ Pháp đây, thì Đức Phật Ngài không có lập ý trình bày đến Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. ấy là Quả của Sinh; mà chỉ có lập ý trình bày “*Jātipaccayā jarāmarañam*” (Sinh làm duyên cho Lão Mại – Tử Vong) ngàn ấy mà thôi. Tất cả sự việc như vậy, cũng bởi vì ở trong từng mỗi cái sát na Tâm thì những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. đây thường chẳng có được sinh khởi. Và lại một trường hợp khác nữa, những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. đây cũng chẳng có sinh khởi trong khắp cả các Cõi Giới, chẳng hạn như trong Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới. Với lý do này, Đức Phật Ngài mới không có lập ý trình bày Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. cho làm thành Quả của Sinh.

+ Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh ở trong 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến thì đặc biệt có như vậy: **“Vedanà paccayà tanhà tanhàpaccayà adhimokkho adhimokkhapaccayà bhavo.”**- “Thọ làm duyên cho Ái Dục, Ái Dục làm duyên cho Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên cho Hữu.”

+ Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh ở trong Tâm căn Sân thì đặc biệt có như vậy: **“Vedanàpaccayà paṭighaṃ paṭighapaccayà adhimokkho adhimokkhapaccayà bhavo.”**- “Thọ làm duyên cho Khuể Phẫn, Khuể Phẫn làm duyên cho Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên cho Hữu.”

+ Trong Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi thì đặc biệt có như vậy: **“Vedanàpaccayà vicikicchà vicikicchàpaccayà bhavo.”**- “Thọ làm duyên cho Hoài Nghi, Hoài Nghi làm duyên cho Hữu.”

+ Trong Tâm Si Tương Ứng Trạo Cử thì đặc biệt có như vậy: **“Vedanàpaccayà uddhaccaṃ uddhaccapaccayà adhimokkho adhimokkha paccayà bhavo.”**- “Thọ làm duyên cho Trạo Cử, Trạo Cử làm duyên cho Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên cho Hữu.”

II. CÂU THIỆN (KUSALAPADA)

Trong Câu Thiện đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh chỉ ở trong 4 Tâm Tương Ứng Trí ngàn ấy thôi.

“Kusalapaccayà saṅkhàro saṅkhàrapaccayà viññāṇaṃ viññāṇapaccayà chaṭṭhàyatanaṃ chaṭṭhàyatanaṃ paccayà phasso phassapaccayà vedanà vedanàpaccayà pasādo pasādapaccayà adhimokkho adhimokkhapaccayà bhavo bhavapaccayà jāti jātipaccayà jarāmaṇaṃ evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti.”- “Pháp Thiện làm duyên cho Hành, Hành làm duyên cho Thức, Thức làm duyên cho Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm duyên cho Xúc, Xúc làm duyên cho Thọ, Thọ làm duyên cho Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên cho Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên cho Hữu, Hữu làm duyên cho Sinh, Sinh làm duyên cho Lão Mại – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khối Khổ Uẩn.”

Bởi do **ba Căn Thiện** làm Nhân thì **Phúc Hành** tức là Tư Tác Ý Đại Thiện Tương Ứng Trí hiện hành cùng câu sinh với ba Căn Thiện mới sinh khởi.

Bởi do **Phúc Hành** tức là Tư Tác Ý Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí** mới sinh khởi.

Bởi do **Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí** làm Nhân thì **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Ý Xứ** tức là Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Xứ** tức là Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Thọ** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Thọ** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Thanh Triệt** tức là Tín phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Thanh Triệt** tức là Tín phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Thắng Giải** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Thắng Giải** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Hữu** tức là Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ứng Trí (loại trừ Thắng Giải) mới sinh khởi.

Bởi do **Hữu** tức là Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ứng Trí (loại trừ Thắng Giải) làm Nhân thì **Danh Sinh** tức là việc sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Danh Sinh** tức là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Danh Lão Mại – Danh Tử Vong** tức là sát na Trụ và sát na Diệt của Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Việc sinh khởi từ ở nơi toàn bộ khối Thống Khổ đây cũng bởi do nương vào những Tác Duyên có Căn Thiện, v.v. như đã vừa đề cập đến ở tại đây.

Đặc Biệt Giải Thích Thêm Cho Được Rõ

Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh ở trong Câu Thiện đây, chẳng có được trình bày đến **“Vedanàpaccayà tanhà tanhàpaccayà upàdànam”** (Thọ làm duyên cho Ái Dục, Ái Dục làm duyên cho Chấp Thủ) mà chỉ có trình bày là **“Vedanàpaccayà pasàdo pasàdapaccayà adhimokkho”** (Thọ làm duyên cho Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên cho Thắng Giải), cũng bởi vì Ái Dục và Chấp Thủ đây chỉ có phối hợp với Tâm căn Tham mà thôi, và chẳng có phối hợp với Tâm nào khác; chính vì thế mới trình bày Tín thay thế Ái Dục, Thắng Giải thay thế Chấp Thủ. Như đã có trình bày rằng **“Vedanàpaccayà pasàdo pasàdapaccayà adhimokkho”** (Thọ làm duyên cho Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên cho Thắng Giải) khi đem so sánh cảnh trạng hiện hành thì Ái Dục có Thực Tính hoan hỷ đắm nhiễm ở trong Cảnh; Tín thì cũng có Thực Tính hoan hỷ đắm nhiễm ở trong Cảnh tương tự như nhau; và Chấp Thủ có Thực Tính đi vào bám chặt giữ lấy trong Cảnh, còn Thắng Giải thì cũng có Thực Tính đi vào bám chặt giữ lấy trong Cảnh tương tự như nhau; chính vì thế mới rút lấy Tín và thắng Giải lên trình bày đặng thay thế Ái Dục và Chấp Thủ.

Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh ở trong những Tâm Thiện khác cũng tương tự như nhau. Tuy nhiên đối với trong Câu cuối cùng, khi trình bày với Tâm Siêu Thế thì đã có trình bày rằng **“Evametesam dhammànam samudayo**

hoti” dịch nghĩa là “Việc sinh khởi của Pháp Thiện Siêu Thế thường hiện hành như vậy.”

III. CÂU VÔ KÝ (ABYÀKATAPADA)

Trong Câu Vô Ký đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh chỉ ở trong 10 Tâm Ngũ Song Thức ngắn ấy thôi.

“Saṅkhàrapaccayà viññāṇaṃ viññāṇapaccayà nāmaṃ nāmapaccayà chaṭṭhāyatanam chaṭṭhāyatanapaccayà phasso phassapaccayà vedanā vedanapaccayà bhavo bhavapaccayà jāti jātipaccayà jarāmaraṇam evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti.”- “Hành làm duyên cho Thức, Thức làm duyên cho Danh, Danh làm duyên cho Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm duyên cho Xúc, Xúc làm duyên cho Thọ, Thọ làm duyên cho Hữu, Hữu làm duyên cho Sinh, Sinh làm duyên cho Lão Mại – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khối Khổ Uẩn.”

Bởi do **Phúc Hành, Phi Phúc Hành** tức là 8 Tư Tác Ý Đại Thiện, 12 Tư Tác Ý Bất Thiện làm Nhân thì **10 Tâm Ngũ Song Thức** mới sinh khởi.

Bởi do **Ngũ Song Thức** làm Nhân thì **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Ý Xứ** tức là 10 Tâm Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Xứ** tức là 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Ngũ Xúc** có Nhãn Phủ Xúc, v.v. phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **Ngũ Xúc** có Nhãn Phủ Xúc, v.v. phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Thọ** phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **Thọ** phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Hữu** tức là Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức (loại trừ Thọ) mới sinh khởi.

Bởi do **Hữu** tức là Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức (loại trừ Thọ) làm Nhân thì **Danh Sinh** tức là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **Danh Sinh** tức là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Danh Lão Mại – Danh Tử Vong** tức là sát na Trụ và sát na Diệt của Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Việc sinh khởi từ ở nơi toàn bộ khối Thống Khổ đây cũng bởi do nương vào những Tác Duyên có Phúc Hành, Phi Phúc Hành, v.v. như đã vừa đề cập đến đây.

Ghi chú:Việc trình bày Liên Quan Tương Sinh ở trong Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân còn lại và hai *Tâm Khai Môn (Āvajjanacitta)* thì đã có đặc biệt trình bày trực tiếp rằng: *“Vedanāpaccayā adhimokkha adhimokkhapaccayā bhavo”*- (Thọ làm duyên cho Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên cho Hữu) ngắn ấy mà thôi.

Và trong Tâm Dị Thục Quả Hữu Nhân thì đã có trình bày rằng: **“Vedanàpaccayà pasàdo pasàdapaccayà adhimokkha adhimokkhapaccayà bhavo”** (Thọ làm duyên cho Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên cho Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên cho Hữu). Câu ngoài ra thì cũng trình bày tương tự như nhau.

Trong câu cuối cùng Tâm Quả Siêu Thế thì đã không có trình bày rằng **“Evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti”**- “Việc sinh khởi của toàn bộ khối thống khổ thường hiện hành như vậy.” thay vào đó đã trình bày rằng **“Evametassa dhammānaṃ samudayo hoti”** dịch nghĩa là “Việc sinh khởi của Pháp Quả Siêu Thế thường hiện hành như vậy.”

Ghi chú: Trong Bộ Phân Tích đã có trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng đã chia ra làm sáu *Xiển Minh (Niddesa)*, đó là:

1. *Bất Thiện Xiển Minh (Akusalaniddesa)*
2. *Thiện Xiển Minh (Kusalaniddesa)*
3. *Vô Ký Xiển Minh (Abyàkataniddesa)*

Cả ba Xiển Minh này, đích thị tương tự với Câu Bất Thiện, Câu Thiện, Câu Vô Ký trong Khóa Trình Giảng Dạy vậy.

4. *Xiển Minh Thiện Căn Nguyên Vô Minh (Àvijjāmùlakusalaniddesa)* tức là Xiển Minh của 21 Tâm Thiện có Vô Minh làm Căn Nguyên. Trong Xiển Minh này có 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh, đó là Vô Minh, Hành, Thức, Danh, Xứ thứ sáu, Xúc, Thọ, Thanh Triệt, Thắng Giải, Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong.

5. *Xiển Minh Quả Dị Thục Căn Nguyên Thiện (Kusalamùlavipàkaniddesa)* tức là Xiển Minh của 29 Tâm Dị Thục Quả Thiện có Thiện làm Căn Nguyên. Trong Xiển Minh này, 5 Tâm Ngũ Thức ở phần Dị Thục Quả Thiện có 10 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là Căn Nguyên Thiện, Hành, Thức, Danh, Xứ thứ sáu, Xúc, Thọ, Hữu, Sinh, Lão Lại – Tử Vong.

Ba Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân còn lại có 11 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là thêm Thắng Giải trong khoảng giữa Thọ với Hữu; thành Thọ, Thắng Giải, Hữu, và chi Phần còn lại thì cũng tương tự với Ngũ Thức ở phần Tâm Dị Thục Quả Thiện.

6. *Xiển Minh Dị Thục Quả Căn Nguyên Bất Thiện (Akusalamùlavipàkaniddesa)* tức là Xiển Minh của bảy Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện có Bất Thiện làm Căn Nguyên. Trong Xiển Minh này, 5 Tâm Ngũ Thức ở phần Dị Thục Quả Bất Thiện có 10 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là Căn Nguyên Bất Thiện, Hành, và Chi Phần còn lại thì cũng tương tự với Ngũ Thức ở phần Tâm Dị Thục Quả Thiện.

Hai Tâm Di Thực Quả Bất Thiện có 11 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là thêm Thắng Giải trong khoảng giữa Thọ với Hữu; và như thế thành Thọ, Thắng Giải, Hữu ngân ấy mà thôi.

Kết Thúc Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh

-----00000-----

MỘT CÁCH GIẢN LƯỢC VỀ 24 DUYÊN

**Trình Bày Phần Pàli Và Lời Dịch Nghĩa
Thể Theo Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp**

1. *“Hetupaccayo àrammaṇapaccayo adhipatipaccayo anantarapaccayo samanantarapaccayo sahaḥjātapaccayo aññamaññapaccayo nissayapaccayo upanissayapaccayo purejātapaccayo pacchājātapaccayo àsevanapaccayo kammappaccayo vipākapaccayo àhārapaccayo indriyapaccayo jhānapaccayo maggappaccayo sampayuttapaccayo vippayuttapaccayo atthipaccayo natthipaccayo vigatappaccayo avigatappaccayo ayamettha paṭṭhānanayo.”*- “*Nhân Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Vô Gian Duyên, Đẳng Vô Gian Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Trùng Dung Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Di Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiên Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên, Vô Hữu Duyên, Ly Khứ Duyên, Bất Ly Duyên. Trên đây là trình bày Phương Pháp Phát Thủ thể theo định lý tương quan của Duyên Hệ.*”

Có nghĩa là:

1. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Nhân Duyên**.
2. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Cảnh Duyên**.
3. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Trưởng Duyên**.
4. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Vô Gian Duyên** (sự nối tiếp nhau không gián đoạn, không có xen kẽ giữa).
5. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Đẳng Vô Gian Duyên** (sự liên tục nối tiếp nhau liên tức thì không gián đoạn, không có xen kẽ giữa).
6. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Câu Sinh Duyên** (cùng câu sinh với nhau).
7. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Hỗ Tương Duyên** (sự níu kéo hỗ trợ lẫn nhau).
8. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Y Chỉ Duyên** (sự làm thành chỗ nương nhờ).

9. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Cận Y Duyên** (sự làm thành chỗ nương nhờ với năng lực mạnh mẽ (sát cận).
10. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Tiền Sinh Duyên** (sự sinh trước).
11. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Hậu Sinh Duyên** (sự sinh đằng sau).
12. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Trùng Dụng Duyên** (sự thường luôn thụ hưởng).
13. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Nghiệp Lực Duyên** (sự sắp bày tạo tác nhằm để cho những hành động được hoàn thành).
14. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Di Thực Quả Duyên** (cho đi đến sự chín muồi và diệt năng lực).
15. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Vật Thực Duyên** (sự làm người dẫn dắt).
16. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Quyền Lực Duyên** (sự làm người cai quản).
17. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Thiền Na Duyên** (sự làm người thăm thị Cảnh).
18. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Đồ Đạo Duyên** (sự làm thành đạo lộ).
19. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Tương Ứng Duyên** (sự làm người phối hợp).
20. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Bất Tương Ứng Duyên** (sự làm người bất phối hợp).
21. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Hiện Hữu Duyên** (sự làm người vẫn còn hiện hữu).
22. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Vô Hữu Duyên** (sự làm người không còn hiện hữu).
23. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Ly Khứ Duyên** (sự làm người đã lìa khỏi đi rồi).
24. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Bất Ly Duyên** (sự làm người chẳng có lìa khỏi).

Đích thị việc kết hợp 24 Pháp Duyên như đã vừa đề cập đến tại đây, ấy là Phương Pháp Phát Thủ trong Tổng Hợp Duyên Hệ.

Kệ Ngôn Tổng Hợp Trình Bày Đến Sáu Nhóm Duyên Hệ

<p>2. Chadhà nàmantu nàmassa Ekadhà puna rùpassa Paññattinàmarupàni</p>	<p>Pañcadhà nàmarupinam Rùpam nàmassa cekadhà Nàmassa duvidhà dvayam</p>
--	---

Dvayassa navadhà ceti Chabbidhà paccayà katham

“Bằng sáu phương cách mà Danh liên hệ với Danh. Bằng năm phương cách mà Danh liên hệ với Danh và Sắc. Bằng một phương cách mà Danh liên hệ với Sắc, và Sắc liên hệ với Danh. Bằng hai phương cách mà Chế Định, Danh và Sắc liên hệ với Danh. Bằng chín phương cách mà cả hai Danh và Sắc liên hệ với Danh và Sắc. Như vậy những Pháp Duyên có được sáu nhóm liên hệ với nhau. Như thế nào ?”

Có nghĩa là: **Phân tích 24 Duyên ra thành nhiều nhóm, đó là:**

1. Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh thì có được sáu Duyên.
2. Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc thì có được năm Duyên.
3. Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc thì có được một Duyên.
4. Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh thì có được một Duyên.
5. Chế Định, cả hai Danh Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh thì có được hai Duyên.
6. Cả hai Danh Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả hai Danh Sắc thì có được chín Duyên.

Tất cả Pháp Duyên được phân chia ra làm thành sáu nhóm đã có được như vậy.

Việc phân chia Duyên ra thành sáu nhóm như thế nào, thì tiếp theo đây sẽ tuần tự trình bày:

3. ***“Anantaraniruddhà cittacetāsikā dhammā paṭuppannānaṃ cittacetāsikānaṃ dhammānaṃ anantasamanantaranatthivigatavadena, purimāni javanāni pacchimānaṃ javanānaṃ āsevanavasena, sahaṅgānaṃ cittacetāsikā dhammā aññamaññaṃ sampayuttavasenehi ca chadhā nāmaṃ nāmassa paccayo hoti”***- “Bằng sáu phương cách mà Danh liên hệ với Danh, đó là: Những Tâm và Tâm Sở vừa mới diệt liên hệ với những Tâm và Tâm Sở sinh khởi liền theo đó ngay trong hiện tại, thể theo phương cách Vô Gian Duyên, Đẳng Vô Gian Duyên, Vô Hữu Duyên, và Ly Khứ Duyên. Những Tâm Đồng Lực sinh trước liên hệ với Tâm Đồng Lực sinh khởi theo liền kế sau, thể theo phương cách Trùng Dụng Duyên. Những Tâm và Tâm Sở cùng sinh khởi câu hữu liên hệ với nhau, thể theo phương cách Hỗ Tương Duyên.”

Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh, thì có được sáu Duyên đó là:

- Những Pháp Tâm và Tâm Sở đây sinh khởi và diệt mất một cách không có xen kẽ giữa, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Tâm và Tâm Sở

mới sinh khởi nối tiếp liền kế sau, với mãnh lực từ ở nơi Vô Gian Duyên, Đẳng Vô Gian Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên.

- Những Tâm Đồng Lực đây sinh trước trước, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Tâm Đồng Lực sinh sau sau, với mãnh lực từ ở nơi Trùng Dụng Duyên.
- Những Pháp Tâm và Tâm Sở đây cùng câu sinh với nhau, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, với mãnh lực từ ở nơi Hỗ Tương Duyên.

4. “*Hetujhànaṅgamaggaṅgāni saḥajātānaṃ nāmarūpānaṃ hetādivasena, saḥajātā cetanā saḥajātānaṃ nāmarūpānaṃ nāmakkaṅkhaṇikā cetanā kammaḥhinibbattānaṃ nāmarūpānaṃ kammavasena vipākakkaṅkhandhā aññaṃaññaṃ saḥajātānaṃ rūpānaṃ vipākavasenetī ca pañcadhā nāmaṃ nāmarūpānaṃ paccayo hotī.*”- “*Bằng năm phương cách mà Danh liên hệ với Danh và Sắc, đó là: Những yếu tố Nhân, Chi Thiên và Chi Đạo liên hệ với Danh và Sắc câu hữu, thể theo phương cách Nhân Duyên, Thiên Na Duyên và Đồ Đạo Duyên. Tư Tác Ý liên hệ với Danh và Sắc cùng câu hữu với nhau; và Tư Tác Ý khác biệt sát na liên hệ với Danh và Sắc bởi do Nghiệp Lực tạo tác, thể theo phương cách Nghiệp Lực Duyên. Những Uẩn Dị Thục Quả (thuộc Danh Pháp) liên hệ với nhau, và liên hệ với các Sắc Pháp cùng câu sinh, thể theo phương cách Dị Thục Quả Duyên.*”

Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh và Sắc, thì có được năm Duyên, đó là:

- Lực Nhân, Ngũ Chi Thiên và Cửu Chi Đạo, với những thể loại này làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc cùng câu sinh hiện hữu với mình, với mãnh lực từ ở nơi Nhân Duyên, Thiên Na Duyên và Đồ Đạo Duyên.
- Tư Tác Ý cùng câu sinh với nhau, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc cùng câu sinh cùng chung một sát na; và Tư Tác Ý sinh khởi khác biệt sát na, tức là đã diệt đi rồi, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc cùng câu sinh bởi do nương vào Nghiệp Lực đã diệt mất đi rồi, với mãnh lực từ ở nơi Nghiệp Lực Duyên. Tức là Câu Sinh Nghiệp Duyên và Dị Thời Nghiệp Duyên.
- Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, và giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Pháp cùng câu sinh với nhau, với mãnh lực từ ở nơi Dị Thục Quả Duyên.

5. “*Pacchajātā cittacetāsikā dhammā purejātassa imassa kāyassa pacchajātavasenetī ekadhāva nāmaṃ rūpassa paccayo hotī.*”- “*Chỉ bằng một phương cách mà Danh liên hệ với Sắc, đó là: Những Tâm và Tâm Sở sinh khởi liền*

theo sau liên hệ với sắc thân đã sinh trước đó, thể theo phương cách Hậu Sinh Duyên.”

Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc, thì có được một Duyên, đó là:

- Những Pháp Tâm và Tâm Sở sinh liền kế sau sắc thân đã sinh trước đó, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với sắc thân ấy, với mãnh lực từ ở nơi Hậu Sinh Duyên.

6. “Cha vatthùni pavattiyam sattannaṃ viññāṇadhātunaṃ pañcàrammaṇāni ca pañcaviññāṇavithiyā purejātavaseneti ekadhāva rūpaṃ nāmassa paccayo hoti”- “Chỉ bằng một phương cách mà Sắc liên hệ với Danh, đó là: Cả Lục Vật liên hệ với Thất Thức Giới trong Thời Kỳ Chuyển Khởi; và cả Ngũ Cảnh liên hệ với Ngũ Lộ Trình Tâm Thức, thể theo phương cách Tiền Sinh Duyên.”

Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh, thì có được một Duyên, đó là:

- Cả Lục Vật làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thất Thức Giới trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, và
- Cả Ngũ Cảnh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Lộ Trình Ngũ Thức, với mãnh lực từ ở nơi Tiền Sinh Duyên. Tức là Vật Tiền Sinh Duyên và Cảnh Tiền Sinh Duyên.

7. “Àrammaṇavasena upanissayavaseneti ca duvidhā paññattināmarūpāni nāmasseva paccayā honti.”- “Bằng hai phương cách mà những Pháp Chế Định, Danh và Sắc liên hệ với Danh, đó là thể theo Cảnh Duyên và Cận Y Duyên.”

Cả ba Chế Định, Danh và Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh, thì có được 2 Duyên đó là: Với mãnh lực từ ở nơi Cảnh Duyên và Cận Y Duyên.

8. “Tattha rūpādivasena chabbidham hoti àrammaṇam”- “Nơi đây, Cảnh có sáu, đó là Sắc, Thinh, Khí, v.v.”

Trong cả hai Duyên đây, thì Cảnh Duyên có được sáu thể loại, bởi do phân loại từ ở nơi Cảnh có Cảnh Sắc, v.v.

9. “Upanissayo pana tividho hoti àrammaṇūpanissayo anantarūpanissayo pakatūpanissayo ceti.”- “Thế nhưng, Cận Y Duyên thì chỉ có ba, đó là Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gian Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên.”

Còn Cận Y Duyên thì chỉ có ba thể loại, đó là: Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gian Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên.

10. “*Tattha àrammaṇameva garukatam àrammaṇupanissayo*”- “Nơi đây, tự ở nơi Cảnh trở thành nổi trội lên đã tác hành thành một Cảnh Cận Y Duyên.” (Điều kiện trọn vẹn tùy thuộc ở nơi Cảnh).

Trong cả ba Cận Y Duyên đây, Cảnh thích đáng đã làm cho chú tâm một cách đặc biệt, thì được gọi tên là Cảnh Cận Y Duyên.

11. “*Anantaraniruddhà cittacetasikà dhammà anantarupanissayo*”- “Những Tâm và Tâm Sở vừa diệt mất tác hành thành một Vô Gian Duyên.” (Điều kiện trọn vẹn tùy thuộc liên tục, không gián đoạn).

Đích thị chính Pháp Tâm và Tâm Sở sinh khởi và diệt mất liên tục một cách không có xen kẽ giữa, thì được gọi tên là Vô Gian Cận Y Duyên.

12. “*Ràgàdayo pana dhammà saddhàdayo ca sukham dukkham puggalo bhोजनाṃ utu senāsanañca yathàrahaṃ ajjhatañca bahiddhà ca kusalàdidhammaṇaṃ kammaṃ vipàkànanti ca bahudhà hoti pakatupanissayo*.” – “Và Thường Cận Y Duyên thì có nhiều thể loại, trạng thái Tham Ái, trạng thái Tín, an lạc, khổ đau, cá nhân, vật thực, quý tiết, điều kiện lưu trú, nội và ngoại cảnh tùy theo trường hợp, v.v. liên hệ với các Pháp Thiện, v.v. Nghiệp Lực – cùng thể ấy – cũng liên hệ với Nghiệp Quả.”

Còn Pháp Bất Thiện có Tham Ái, v.v., Pháp Thiện có Tín, v.v., sự Lạc Thân Khô Thân, con người, vật thực, hư không, trú xứ; với những thể loại này làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với tất cả các Pháp, có Pháp Thiện, v.v. mà sinh khởi ở nội phần và ngoại phần tùy theo trường hợp. Và Nghiệp Lực đang có năng lực mãnh liệt, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Uẩn Dị Thục Quả; thì tất cả đều được gọi tên là Thường Cận Y Duyên hết cả thấy, và hiện hữu ở rất nhiều thể loại như vậy.

13. “*Adhipati sahaṇṇa aññamañña nissaya àhàra indriya vippayutta atthi avigātaseneti yathàrahaṃ navadhà nàmarupāni nàmarupānaṃ paccayā bhavanti*.”- “Bằng chín phương cách và tùy theo trường hợp mà Danh và Sắc liên hệ với Danh và Sắc; đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên, và Bất Ly Duyên.”

Danh Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc, thì có được chín Duyên, đó là:

Bằng cách phân loại từ ở nơi Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên, và Bất Ly Duyên, tùy theo trường hợp.

14. “*Tattha garukatamàrammaṇaṃ àrammaṇàdhipativasena nàmànaṃ sahajàtàdhipati catubbidhopi sahajàtavasena sahajàtanaṃ nàmarùpànantì ca duvidho hoti adhipatipaccayo*”- “Nơi đây, Trưởng Duyên có hai thể loại: Cảnh thích đáng đã làm cho chú tâm một cách đặc biệt, bởi theo phương cách Cảnh Trưởng Duyên. Tứ Danh Pháp sinh khởi liên hệ cùng câu hữu với Danh Sắc, bởi theo phương cách Câu Sinh Trưởng Duyên.”

Trong những cả chín Duyên đây, thì Trưởng Duyên có được hai thể loại Duyên, đó là:

Một thể loại, là Cảnh thích đáng đã làm cho chú tâm một cách đặc biệt, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh, với mãnh lực từ ở nơi Cảnh Trưởng Duyên.

Một thể loại khác nữa, ấy là Cả Tứ Chi Trưởng có Dục, v.v., cùng câu sinh với nhau, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc cùng câu sinh với nhau, với mãnh lực từ ở nơi Câu Sinh Trưởng Duyên.

15. “*Cittacetasiakà dhammà aññamaññaṃ sahajàtarùpànañca mahabhùtā aññamaññaṃ upàdàrùpànañca, paṭisandhikkhaṇe vatthuvipàkà aññamaññaṃti ca tividho hoti sahajàtapaccayo*”- “Câu Sinh Duyên có ba thể loại: những Tâm và Tâm Sở liên hệ cùng câu sinh với nhau và liên hệ cùng câu hữu với các Sắc Pháp; Tứ Sắc Đại Hiện liên hệ hỗ tương với các Sắc Ý Sinh; trong sát na Tái Tục, Sắc Ý Vật và những Uẩn Dị Thục Quả liên hệ hỗ tương với nhau.”

Câu Sinh Duyên có ba thể loại, đó là:

1. Pháp Tâm và Tâm Sở làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, và giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Pháp cùng câu hữu với nhau.
2. Cả Tứ Sắc Đại Hiện làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, và giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Ý Sinh.
3. Trong sát na Tái Tục, Sắc Ý Vật và Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau.

16. “*Cittacetasiakà dhammà aññamaññaṃ mahabhùtā aññamaññaṃ paṭisandhikkhaṇe vatthuvipàkà aññamaññaṃti ca tividho hoti aññamañña paccayo*”- “Hỗ Tương Duyên có ba thể loại, đó là: Pháp Tâm và Tâm Sở liên hệ hỗ tương với nhau; cả Tứ Đại Hiện liên hệ hỗ tương với nhau; trong sát na Tái Tục, Sắc Ý Vật và những Uẩn Dị Thục Quả liên hệ hỗ tương với nhau.”

Hỗ Tương có ba thể loại, đó là:

1. Pháp Tâm và Tâm Sở làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau.
2. Cả Tứ Sắc Đại Hiện làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau.
3. Trong sát na Tái Tục, Sắc Ý Vật và Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau.

17. *“Cittacetāsikā dhammā aññamaññaṃ sahaḷātarūpānañca, mahābhūta aññamaññaṃ upādārūpānañca, cha vatthūni sattannaṃ viññāṇadhātūnanti ca tividho hoti nissayapaccayo”*- “*Y Chỉ Duyên có ba thể loại, đó là: những Tâm và Tâm Sở liên hệ cùng câu sinh với nhau và liên hệ cùng câu hữu với các Sắc Pháp; Tứ Sắc Đại Hiện liên hệ hỗ tương với các Sắc Y Sinh; và Lục Sắc Vật liên hệ với Thất Thức Giới.*”

Y Chỉ Duyên có ba thể loại, đó là:

1. Pháp Tâm và Tâm Sở làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, và giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Pháp cùng câu hữu với mình.
2. Cả Tứ Sắc Đại Hiện làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, và giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Y Sinh.
3. Lục Sắc Vật làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thất Thức Giới.

18. *“Kabalīkaro āhāro imassa kāyassa arūpino āhāra sahaḷātānaṃ nāmarūpānanti ca duvidho hoti āhārapaccayo.”*- “*Vật Thực Duyên có hai thể loại, đó là: Đoàn Thực liên hệ sắc thân này; Vật Thực Vô Sắc (Danh Vật Thực) liên hệ cùng câu sinh với Danh Sắc.*”

Vật Thực Duyên có hai thể loại, đó là:

1. Vật Thực thích hợp để cho làm thành từng miếng, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau.
2. Cả ba Danh Vật Thực có Xúc, v.v., làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc cùng câu sinh với nhau.

19. *“Pañca pasāda pañcannaṃ viññāṇānaṃ rūpajīvitindriyaṃ upādinna rūpānaṃ, arūpino indriyā sahaḷātānaṃ nāmarūpānanti ca tividho hoti indriyapaccayo.”*- “*Quyền Lực Duyên có ba thể loại, đó là: Ngũ Thanh Triệt liên hệ với Ngũ Thức; Sắc Mạng Quyền liên hệ với Sắc Y Sinh; Quyền Vô Sắc (Danh Mạng Quyền) liên hệ cùng câu sinh với Danh Sắc.*”

Quyền Lực Duyên có ba thể loại, đó là:

1. Ngũ Sắc Thanh Triệt làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ngũ Thức.
2. Sắc Mạng Quyền làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Y Sinh.
3. Bát Chi Pháp Danh Mạng Quyền có Tâm Sở Mạng Quyền, v.v. làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc cùng câu sinh với nhau.

20. *“Okkantikkhaṇe vatthu vipākānaṃ, cittacetāsikā dhammā sahaḷātarūpānaṃ sahaḷātavasena, pacchājāta cittacetāsikā dhammā purejātassa imassa kāyassa pacchājātavasena, cha vatthūni pavattiyaṃ sattannaṃ viññāṇadhātūnaṃ purajātavasenetī ca tividho hoti vippayuttapaccayo.”*- “*Bất Tương Ứng Duyên có ba thể loại, đó là: Trong sát na Tái Tục, Sắc Ý Vật liên hệ với các Tâm Di Thực Quả, và những Tâm và Tâm Sở liên hệ với các Sắc Pháp*

cùng câu sinh; bởi theo phương cách Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên. Những Tâm và Tâm Sở hậu sinh liên hệ với sắc thân tiền sinh; bởi theo phương cách Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên. Lục Vật trong Thời Kỳ Chuyển Khởi liên hệ với Thất Thức Giới; bởi theo Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.”

Bất Tương Ứng Duyên có ba thể loại, đó là:

1. Trong sát na Tái Tục, Sắc Ý Vật làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả; và Pháp Tâm và Tâm Sở làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Pháp cùng câu sinh với nhau, với mãnh lực từ ở nơi Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên.
2. Pháp Tâm và Tâm Sở sinh sau sau làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với sắc thân sinh trước trước, với mãnh lực từ ở nơi Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên.
3. Trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, Lục Sắc Vật làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thất Thức Giới, với mãnh lực từ ở nơi Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên. Tức là Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên và Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

21. *“Sahajàtaṃ purejàtaṃ pacchajàtañca sabbathà kabaḷikàro àhàro rūpañivitaṃmiccayanti pañcavidho hoti atthipaccayo avigatapaccayo ca.”*- “Bằng theo mọi phương cách liên hệ với Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên thì có được năm thể loại Duyên, đó là: Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Đoàn Thục, và Sắc Mạng Quyền.”

Từng mỗi Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có được năm thể loại Duyên tùy theo mọi phương cách, đó là:

1. Bởi do làm thành chủng loại Câu Sinh.
2. Bởi do làm thành chủng loại Tiền Sinh.
3. Bởi do làm thành chủng loại Hậu Sinh.
4. Bởi do làm thành một thể loại Đoàn Thục.
5. Bởi do làm thành một thể loại Sắc Mạng Quyền.

22. *“Àrammaṇūpanissayakammatthipaccayesu ca sabbepi paccayà samodhānaṃ gacchanti.”*- “Tất cả mọi duyên hệ đều được bao gồm ở trong Cảnh Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên và Hiện Hữu Duyên.”

Nếu sẽ phải trình bày Duyên Hệ bởi theo giản lược, thì tất cả những thể loại Duyên này thường được tập hợp vào trong Cảnh Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên, hết cả thảy.

23. *“Sahajàtarūpanti panettha sabbatthāpi pavatte cittasamuṭṭhānānaṃ paṭisandhiyaṃ kaṭattàrūpānañca vasena duvidhaṃ hotīti veditabbaṃ.”*- “Nơi đây, Sắc câu sinh cần phải được hiểu theo hai phương cách: trong sự diễn tiến

cuộc sống, thì cần phải hiểu là những Sắc Pháp do Tâm Xuất Sinh Xứ; và trong Thời Kỳ Tái Tục thì cần phải hiểu là do Nghiệp Quá Khứ tạo ra.”

Ghi chú: Trong Phương Pháp Phát Thú đây, chỗ nói rằng “Sắc Câu Sinh” ở trong hết tất cả chủng loại Câu Sinh đã được chia ra làm hai thể loại, đó là: bằng cách phân loại từ ở nơi Sắc Tâm sinh trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, và Sắc Nghiệp sinh trong Thời Kỳ Tái Tục. Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết như vậy.

Kệ Ngôn Sau Cùng Trong Phương Pháp Phát Thú

24. *“Iti tekàlikà dhammà Kàlamuttà ca sambhavà
Ajjhatañca bahiddhà ca Sañkhatàsàñkhatà tathà.
Paññattinàmarùpànaṃ Vasena tividhà ÷hità
Paccayà nàma paṭṭhàne Catuvisati sabbathà.”*

“Nhu vậy, các Pháp sinh khởi thuộc ba Thời Kỳ hoặc vượt ngoài thời gian, nội và ngoại, hữu vi và vô vi, và chia ra thành ba thể loại: Chế Định, Danh và Sắc. Tất cả có 24 Duyên ở trong Phát Thú.”

Bởi theo Phương Pháp như đã vừa được đề cập tại đây, tất cả Pháp được sinh ở trong cả ba Thời Kỳ và Ngoại Thời Kỳ, sinh ở trong Nội Bộ và Ngoại Bộ, là Hữu Vi và Vô Vi; hoặc đã phân loại từ ở nơi Chế Định, Danh và Sắc; những thể loại này được gọi tên là 24 Duyên ở trong Bộ Kinh Phát Thú bởi theo tất cả mọi trường hợp, và tùy theo thích hợp sẽ được hiện hành.

Ghi chú: Về việc trình bày Phương Pháp Phát Thú một cách mãn túc thì đã có ở trong bộ Kinh Đại Phát Thú một cách đặc biệt ở trong Khóa Trình của Lớp Đại Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất.

[Chú thích trong 24 Duyên:

Nơi đây, từ ngữ *Paccaya* có đôi phần khó hiểu. Từ ngữ này được định nghĩa là “Cái chi do nhờ vào đó có hệ quả phát sinh.” Nói cách khác, đó là nguyên nhân. Hơn nữa, từ ngữ này được giải thích là “yếu tố thuận lợi”, hoặc “yếu tố hỗ trợ” (*Upakàrako dhammo*).

Từ ngữ *Paccayadhamma* (Pháp Năng Duyên) là một Pháp giúp đỡ. Từ ngữ *Paccayuppannadhamma* (Pháp Sở Duyên) là Duyên Khởi Pháp, là Pháp khởi lên được do nhờ vào Pháp Năng Duyên. Sự liên hệ giữa cả hai Pháp này, được gọi là Năng Duyên (Pháp Nhân) và Sở Duyên (Pháp Quả) tùy thuộc theo đặc tính của Pháp Năng Duyên. Ví dụ như một *Àrammaṇa* (Cảnh) là một Pháp Năng Duyên, liên hệ với Tâm và Tâm Sở khởi lên từ đối tượng này. Tâm và Tâm Sở được gọi là một Pháp Sở Duyên. Đối với Pháp Năng Duyên và sự liên hệ giữa hai Pháp này được gọi là *Àrammaṇapaccaya* (Cảnh Duyên), trong trường hợp này thì Pháp Năng Duyên hoạt động như một *Àrammaṇa* (Cảnh) của Pháp Sở Duyên. Như

thể, nếu một Phật Tử khởi lên Thiện Tâm khi nhìn thấy hình ảnh kim thân Đức Phật, thì có thể nói rằng: **“Buddharūpaṃ upāsakassa kusalacittassa ārammaṇa paccayena paccayo hoti”**- “Hình ảnh kim thân Đức Phật (Pháp Năng Duyên) liên hệ với Thiện Tâm của Cận Sự Nam (Pháp Sở Duyên) duyên hệ theo phương cách Cảnh Duyên” vì lẽ Pháp Năng Duyên trong trường hợp này tác hành như một **Ārammaṇa** (Cảnh) của Pháp Sở Duyên. Trong bộ Kinh Phát Thú (**Paṭṭhāna**), bộ thứ bảy của Tạng Vô Tỷ Pháp, thì có trình bày tất cả 24 định lý Duyên Hệ và đã được đặt tên theo Pháp Năng Duyên liên hệ.

1/. Nhân Duyên (Hetupaccaya): Nơi đây, từ ngữ **Hetu** (Nhân) được định nghĩa là “cái chi từ đó một hệ quả được thiết lập”. Từ ngữ được sử dụng trong ý nghĩa “cội rễ” (**Mūlatṭhena**). Như rễ của cây là **Hetu**, nâng đỡ và nuôi dưỡng cây; cùng thế ấy, Pháp Năng Duyên nâng đỡ và nuôi dưỡng Pháp Sở Duyên (**Mūlatṭhena upakārako dhammo**). Có tất cả sáu Nhân (**Hetu**), đó là: Tham, Sân, Si (Nhân Bất Thiện); Vô Tham, Vô Sân, Vô Si (Nhân Thiện), làm Pháp Năng Duyên. Những Tâm và Tâm Sở sinh khởi lên, tương ứng với những Nhân này, và các Sắc Pháp cấu hữu với các Danh Pháp này, làm Pháp Sở Duyên.

2/. Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya): Nơi đây, từ ngữ **Ārammaṇa** hoặc **Ālambana** có nghĩa là “Trần Cảnh”, hoặc “Đối Tượng”. Khi chiết tự thì **Ārammaṇa** do “A”+ căn “**Ram**”, thích thú trong. Từ ngữ **Ālambana** do “Ā”+ căn “**Lamb**”, đeo níu theo. Những cái chi mà chủ thể thích thú trong đó, hoặc đeo níu theo đó, được gọi tên là “Cảnh”, hoặc “Đối Tượng”. Đây là sự liên hệ, trong ấy Pháp Năng Duyên là một Đối Tượng của Pháp Sở Duyên; và Pháp này phải là một Tâm Thức, hoặc Tâm Sở. Mọi Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn, mọi quan niệm đều có thể là Pháp Năng Duyên trong sự liên hệ này. Có sáu thể loại Cảnh, đó là Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc và Pháp. Và sự thật là, không có một Pháp nào mà không thể thành một **Ārammaṇa** cho Tâm và Tâm Sở, kể cả Hiệp Thế và luôn cả Siêu Thế. Tỷ dụ như hình sắc tác hành như tương quan duyên hệ với Tâm Nhân Thức theo phương cách “Cảnh Duyên”.

3/. Trưởng Duyên (Ādhipatipaccaya): Nơi đây, từ ngữ **Ādhipati** mang ý nghĩa “lớn trội lên”, hoặc “Tăng Trưởng”. Có nghĩa là “Tự chủ quyền lấy chính mình” hoặc “Chính mình tự làm chủ vị.” Đây là một sự liên hệ trong ấy Pháp Năng Duyên có ảnh hưởng trưởng trội, chủ vị đối với Pháp Sở Duyên. Có hai thể loại Trưởng Duyên, đó là: Cảnh Trưởng Duyên (**Ārammaṇādhipatipaccaya**) và Câu Sinh Trưởng Duyên (**Sahajātādhipatipaccaya**).

+ Cảnh Trưởng Duyên là một liên hệ trong ấy Pháp Năng Duyên có một ảnh hưởng trưởng trội đối với Pháp Sở Duyên. Pháp Năng Duyên ở đây là một **Ārammaṇa** và Pháp Sở Duyên là những Tâm hoặc Tâm Sở. Đối tượng phải là một đối tượng rất có ảnh hưởng, Cảnh Tư Duy Duyệt Ý hoặc Cảnh Thực Tính Duyệt Ý.

+ Câu Sinh Trưởng Duyên gồm có Tứ Trưởng, đó là: *Dục (Chanda)*, *Cần (Viriya)*, *Tâm (Citta)*, *Thâm (Vimamsa)*. Cũng tương tự như trên, Pháp Năng Duyên rất có ảnh hưởng đối với Pháp Sở Duyên.

4/. Vô Gian Duyên (*Anantarapaccaya*), và 5/. Đẳng Vô Gian Duyên (*Samanantarapaccaya*): Vô Gian và Đẳng Vô Gian mang ý nghĩa là “*liên tục không gián đoạn, nối tiếp không có xen kẽ giữa.*” Trong ý nghĩa thì không có sự khác biệt giữa hai từ ngữ này; và chỉ có sự khác biệt ở phần ngữ nguyên mà thôi. Trong liên hệ này, Pháp Năng Duyên đi trước và Pháp Sở Duyên kế liền theo sau. Khi một chấp tư tưởng vừa chấm dứt thì tạo điều kiện cho một chấp tư tưởng khác tức thì khởi sinh kế liền nối tiếp theo sau. Chấp tư tưởng sau thừa hưởng tất cả năng lực của chấp tư tưởng trước đó. Trạng thái của chấp tư tưởng hoại diệt duyên hệ với chấp tư tưởng kế liền theo sau đó, bởi theo phương cách Vô Gian Duyên và Đẳng Vô Gian Duyên. Và như thế, hai Duyên Hệ này chi phối hoàn toàn đời sống của tất cả Chúng Hữu Tình, từ vô thủy chí đến vô chung, và trừ phi chứng đắc Quả vị Vô Dư Y Níp Bàn.

6/. Câu Sinh Duyên (*Sahajàtapaccaya*): Nơi đây, Pháp Năng Duyên câu sinh với Pháp Sở Duyên. Cả hai cùng đồng sinh, đồng trụ, đồng diệt một lần. Nơi đây, thì các Tâm cùng câu sinh với Tâm Sở; Tứ Danh Uẩn của Thức Tái Tục cùng câu sinh với Sắc Ý Vật; và Tứ Sắc Đại Hiện cùng câu sinh với nhau.

Một Tâm Sở có thể cùng câu sinh với một Tâm Sở. Một Danh Pháp có thể cùng câu sinh với Sắc Pháp (Thời Kỳ Tái Tục). Một Sắc Pháp có thể cùng câu sinh với một Sắc Pháp (Tứ Sắc Đại Hiện). Một Danh Pháp có thể cùng câu sinh với một Danh Pháp.

7/. Hỗ Tương Duyên (*Aññamaññapaccaya*): Tương tự ví như cây nạng chống có ba chân, và bất luận với chân nào cũng cần thiết cho việc giúp chống đỡ ở hai chân kia; cùng thế ấy, Danh Pháp liên hệ hỗ tương với Sắc Pháp theo phương cách Hỗ Tương Duyên. Nên phân biệt giữa hai Duyên Hệ, Câu Sinh Duyên và Hỗ Tương Duyên, cả hai khác biệt với nhau. Ví dụ như Sắc Pháp do bởi Tâm Xuất Sinh Xứ không liên hệ hỗ tương với cái Tâm hiện hữu. Các Sắc Ý Sinh không có liên hệ hỗ tương với Tứ Sắc Đại Hiện. Và thông thường thì Danh Pháp và Sắc Pháp liên hệ hỗ tương với nhau.

8/. Y Chi Duyên (*Nissayapaccaya*): Nơi đây, Pháp Năng Duyên là một chỗ sở y, là chỗ nâng đỡ cho Pháp Sở Duyên nương dựa vào; cũng ví như cây mọc trên mặt đất, cũng như bức tranh tùy thuộc vào cái khung vẽ để người họa sĩ vẽ trên đó. Các Pháp sau đây bị chi phối do bởi liên hệ này:

a/. Tương tự với Câu Sinh Duyên và Hỗ Tương Duyên.

b/. Lục Căn (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý Vật) đối với Lục Thức khởi lên.

9/. Cận Y Duyên (*Upanissayapaccaya*): Khi chiết tự thì có được “*Upa*”+ “*Ni*”+ căn “*Si*”, nói dối. Tiếp đầu ngữ *Upa* nằm tăng cường ý nghĩa. Cận Y Duyên có ba thể loại, đó là:

- a/. *Cảnh Cận Y Duyên (Àrammùpanissayapaccaya)*,
- b/. *Vô Giác Cận Y Duyên (Anantarùpanissayapaccaya)*, và
- c/. *Thường Cận Y Duyên (Pakatùpanissayapaccaya)*.

Và Cảnh Cận Y Duyên thì tương tự với Cảnh Trường Duyên. Vô Giác Cận Y Duyên thì tương tự với Vô Giác Duyên và Đẳng Vô Giác Duyên. Thường Cận Y Duyên thì sự liên hệ trong ấy Pháp Năng Duyên làm thành một chỗ sở y cho Pháp Sở Duyên với Tâm hiện tại và các Tâm Sở cùng câu hữu. Tất cả mọi Tâm thuộc về Quá Khứ, Hiện Tại và Vị Lai, Nội Ngoại, với các Tâm Sở cùng câu hữu, các Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định đều hoàn toàn thuộc Thường Cận Y Duyên, liên hệ với nhiều mặt tùy theo trường hợp cho tất cả Tâm Thức hiện tại và các Tâm Sở cùng câu hữu.

+ Nơi đây, cả hai Y Chi Duyên và Cận Y Duyên, được so sánh như những cơn mưa mà cây cối tùy thuộc nương nhờ. Y Chi Duyên mang ý nghĩa “*tùy thuộc nương nhờ*”, và Cận Y Duyên với ý nghĩa “*trộn vện tùy thuộc nương nhờ*” với hình thức mạnh mẽ hơn Y Chi Duyên.

Ví dụ như Ngũ Nghịch Cực Trọng Nghiệp Lực với việc sát mạng Mẹ, Cha, v.v. sẽ là một *Upanissaya* điều kiện đầy đủ để tạo quả tái tục trong Cõi Khổ Thú. Giới thân cận, giáo dục tốt đẹp, v.v. sẽ là duyên hệ theo phương cách *Nissaya*, tức điều kiện nương nhờ, ngõ hầu có được sức khỏe, tài sản sự nghiệp, và kiến thức sâu rộng trong một kiếp sống vị lai. Cũng như một Thiện Hạnh trở thành *Upanissaya* tức sự nương nhờ mãnh liệt, cho những hành vi tốt đẹp trong tương lai; cùng thế ấy, cũng có thể trở thành *Upanissaya* cho những hành vi xấu xa, tỷ dụ như lòng kiêu hãnh ngạo mạn.

10/. Tiền Sinh Duyên (*Purejàtapaccaya*): Sinh ra trước, hoặc cái chi hiện hữu trước đó. Lục Căn Môn và Lục Trần Cảnh liên hệ với các Tâm Thức được khởi lên, thế theo phương cách Tiền Sinh Duyên. Nói một cách khác, Tâm Nhân Thức, v.v. không thể khởi sinh lên nếu như không có sự hiện hữu trước đó của các Căn Môn và Trần Cảnh. Tuy nhiên, khi Thức Tái Tục sinh khởi thì Ý Thức Giới và Sắc Ý Vật cùng câu sinh một lượt. Những vật tiền sinh, đã hiện hữu trước đó, chỉ được xem là duyên hệ một khi nó vẫn còn tiếp tục hiện hữu ngay trong Thời Kỳ Hiện Tại, chẳng phải chỉ vì trước đó đã có hiện hữu.

11/. Hậu Sinh Duyên (*Pacchajàtapaccaya*): Trong liên hệ này thì Pháp Năng Duyên là Tâm và Tâm Sở cùng câu hữu, khởi sinh lên sau Pháp Sở Duyên, là sắc thân của Hữu Tình. Nơi đây, Pháp Năng Duyên giúp đỡ cho Pháp Sở Duyên khởi lên, thế nhưng Pháp Sở Duyên lại hiện hữu trước Pháp Năng Duyên. Tỷ dụ như người Mẹ chuẩn bị tã lót cho trẻ sơ sinh sắp được sinh ra; nước mưa của những năm kế tiếp giúp đỡ cho cây cỏ đã mọc trước đó, cho được tươi tốt và phát triển lên. Trong 89 Tâm thì có 85 thể loại Tâm, ngoại trừ bốn Tâm Quả Vô Sắc Giới và 52 Tâm Sở, duyên hệ tiền sinh với sắc thân vật chất, bởi theo phương cách Hậu Sinh Duyên.

12/. Trùng Dụng Duyên (*Àsevanapaccaya*): Tức thói quen huân tập, lặp đi lặp lại. Nơi đây, Pháp Năng Duyên lặp đi lặp lại nhiều lần, giúp đỡ cho Pháp Sở Duyên được mạnh hơn, được thuần thực và điều luyện hơn. Thông thường, một thói quen được lặp đi lặp lại có chiều hướng giúp cho bản thân thuần thực trong công việc làm. Điều này áp dụng cho cả việc tốt cũng như cho cả những việc làm xấu. Bằng cách lặp đi lặp lại nhiều lần, Ta có thể tự tạo nhiều kỹ năng trong một công việc. Tỉ như một sinh viên hiểu và nhớ một đoạn văn nhiều hơn, nếu đọc đi đọc lại đoạn văn ấy nhiều lần. Trong Lộ Trình Tâm Đổng Lực, sát na thứ nhì duyên hệ với sát na thứ nhất, sát na thứ ba duyên hệ với sát na thứ nhì, sát na thứ tư duyên hệ với sát na thứ ba, v.v., thể theo phương cách Trùng Dụng Duyên. Trong những sát na Tâm này, từng mỗi sát na Tâm giúp cho các sát na Tâm kế tiếp được mạnh thêm lên, được thuần thực và điều luyện thêm lên.

13/. Nghiệp Lực Duyên (*Kammapaccaya*): Nghiệp Lực có nghĩa là Tư Tác Ý, vốn dĩ đóng vai trò trọng yếu trong hành động tạo tác Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực qua Thân, Lời và Ý. Tư Tác Ý này còn được gọi là Nghiệp Lực, duyên hệ với những Sắc Pháp khởi sinh bởi do Nghiệp Xuất Sinh Xứ, v.v. cũng như hạt giống duyên hệ với cây cối, cùng thể ấy Nghiệp Lực duyên hệ với Quả Dị Thực ắt phải có, không thể tránh được.

Trong liên hệ này, Pháp Năng Duyên là *Tư Tác Ý (Cetanà)* đã hướng dẫn và điều hành; Pháp Sở Duyên là những Tâm Thức và các Tâm Sở câu hữu, cùng với những Sắc Pháp do Nghiệp Xuất Sinh Xứ và Tâm Xuất Sinh Xứ tạo ra.

14/. Dị Thực Quả Duyên (*Vipàkapaccaya*): Trong liên hệ này, Pháp Năng Duyên là 36 Tâm Dị Thực Quả và các Tâm Sở câu hữu. Pháp Sở Duyên cũng là những Pháp Dị Thực Quả ấy, khi chúng liên hệ hỗ tương, cùng với các Sắc Pháp do Nghiệp Xuất Sinh Xứ và Tâm Xuất Sinh Xứ. Ví như một làn gió mát làm êm dịu lòng người khi ngồi dưới tàng bóng mát mẻ của một cội cây; cùng thể ấy, các Tâm Dị Thực Quả liên hệ với các Tâm và Tâm Sở cùng với các Sắc Pháp câu hữu, thể theo phương cách Dị Thực Quả Duyên với đặc tính thuần tịnh của chúng.

15/. Vật Thực Duyên (*Àhàrapaccaya*): Pháp Năng Duyên gồm có Tứ Thực, đó là: Đoàn Thực, Xúc Thực, Tư Thực và Thức Thực. Những vật thực này nuôi dưỡng những Tâm Pháp và Sắc Pháp, ngõ hầu chug Cũng như thức ăn vật chất bồi bổ cơ thể vật chất; cùng thể ấy, thức ăn tinh thần đem chất bổ phẩm dinh dưỡng đến cho những trạng thái Tâm Thức. Đoàn Thực liên hệ với sắc thân theo phương cách Vật Thực Duyên, hoặc điều kiện dinh dưỡng vật chất; cùng thể ấy, những cảm xúc tinh thần (*Phassa*) duyên hệ với những cảm thọ, với những Tư Tác Ý hoặc hành động Thiện và Bất Thiện (*Manocetanà*), với Thức Tái Tục (*Paṭisandhi viññàṇa*) duyên hệ với Danh và Sắc.

16/. Quyền Lực Duyên (*Indriyapaccaya*): Quyền Lực là những yếu tố đã được đề cập đến trong Chương thứ VII, trở thành duyên hệ với Danh Pháp và Sắc Pháp, đồng thời hiện hữu bởi do tác hành chức năng kiểm soát trong lãnh vực của

chính mình. Tỷ dụ như Tín Quyền kiểm soát những Tâm Sở cùng câu sinh thuộc lãnh vực đức tin trong tôn giáo; Danh Mạng Quyền và Sắc Mạng Quyền kích thích, khơi dậy sức sống linh động của Danh và Sắc; Niệm Quyền kiểm soát các Tâm Sở câu hữu trong lãnh vực chú niệm hoặc quán niệm; Thọ Quyền trong sự ưu phiền và hạnh phúc, v.v.

Trong liên hệ này có ba thể loại, đó là: Câu Sinh, Tiền sinh, và Mạng Quyền.

+ Trong thể loại Câu Sinh, Pháp Năng Duyên là 15 Quyền câu sinh, gồm có: Mạng Quyền, Ý Quyền, Lạc Quyền, Khổ Quyền, Hỷ Quyền, Ưu Quyền, Xả Quyền, Tín Quyền, Tấn Quyền, Niệm Quyền, Định Quyền, Tuệ Quyền, Vị Tri Đương Tri Quyền, Dĩ Tri Quyền, Cự Tri Quyền. Pháp Sở Duyên là những Pháp cùng câu sinh, có cả Tâm Pháp và Sắc Pháp.

+ Trong thể loại Tiền Sinh thì Pháp Năng Duyên gồm có Ngũ Căn: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân. Pháp Sở Duyên gồm có Ngũ Thức với các Tâm Sở câu hữu.

+ Trong thể loại Mạng Quyền thì Pháp Năng Duyên là Sắc Mạng Quyền. Pháp Sở Duyên là những Sắc Pháp do Nghiệp Xuất Sinh Xứ, ngoại trừ Sắc Mạng Quyền này ra.

17/. Thiền Na Duyên (*Jhànapaccaya*): Từ ngữ *Jhàna* nên được hiểu biết theo nghĩa rộng rãi, không phải chỉ thuộc về Sắc Giới, Vô Sắc Giới và Siêu Thế. Pháp Năng Duyên tại đây gồm có Thất Chi Thiền, đó là: Tầm (*Vitakka*), Tứ (*Vicàra*), Hỷ Lạc (*Pīti*), Lạc Thọ (*Somanassa*), Ưu Thọ (*Domanassa*), Xả Thọ (*Upekkhà*), và Nhất Thống (*Ekaggatà*). Pháp Sở Duyên là những Tâm Thức, ngoại trừ Ngũ Song Thức, các Tâm Sở câu hữu và các Sắc Pháp câu sinh với Thất Chi Thiền; tương quan duyên hệ theo phương cách tri giác và quán niệm. Tỷ dụ như Chi Thiền Tầm duyên hệ với các Tâm Sở câu sinh theo phương cách hướng dẫn những Tâm Sở ấy chú mục hoặc thẩm thị về đối tượng.

18/. Đò Đạo Duyên (*Maggapaccaya*): Từ ngữ *Magga* mang ý nghĩa phương thức hoặc đạo lộ. Một đạo lộ dẫn đến những trạng thái đau khổ, Khổ Cảnh hoặc Khổ Thú; và một đạo lộ dẫn đến những trạng thái an lạc hạnh phúc, Thiện Cảnh hoặc Thiện Thú.

Trong liên hệ này thì Pháp Năng Duyên gồm có 9 hoặc 12 Chi Đạo; và Pháp Sở Duyên là những Tâm và Tâm Sở cùng với các Sắc Pháp câu sinh. Những Chi Đạo này duyên hệ với cả hai Danh và Sắc, đưa đi đến Khổ Thú với trường hợp Bất Thiện Pháp; và đưa vượt ra khỏi những kiếp sinh tồn trong trường hợp Thiện Pháp.

Đạo lộ dắt dẫn đi đến Khổ Thú bao gồm những Chi Đạo Tà Kiến, Tà Tư Duy, Tà Tinh Tấn và Tà Định. Đạo lộ dắt dẫn đi đến Thiện Thú gồm có những Chi Đạo Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định.

19/. Tương Ứng Duyên (*Sampayuttapaccaya*): Tất cả Tâm đều liên hệ với các Tâm Sở câu hữu thể theo phương cách Tương Ứng Duyên, bởi theo đặc tính Tứ Đồng giữa Tâm và Tâm Sở.

20/. **Bất Tương Ứng Duyên (*Vippayuttapaccaya*)**: Nơi đây, Pháp Năng Duyên không hòa trộn thống nhất với Pháp Sở Duyên. ***Vippayutta*** nghịch nghĩa với ***Sampayutta***. Danh Pháp liên hệ với Sắc Pháp thể theo phương cách Bất Tương Ứng Duyên; tỷ dụ như Tâm Thức với Sắc Ý Vật bất tương quan dính liền.

21/. **Hiện Hữu Duyên (*Atthipaccaya*)**: Trong liên hệ này thì Pháp Năng Duyên có mặt với sự hiện hữu của Pháp Sở Duyên. ***Atthi*** là sự duyên hệ của những trạng thái đồng phát sinh trong hiện tại, tương tự như Câu Sinh Duyên. Tỷ dụ như thấy được đối tượng bởi do có sự hiện hữu của ánh sáng.

22/. **Vô Hữu Duyên (*Natthipaccaya*)**: Trong liên hệ này thì Pháp Năng Duyên vắng mặt trong hiện tại khi Pháp Sở Duyên hiện hữu; cũng ví như ánh sáng tan biến thì tiếp liền theo sau là bóng tối, thể theo phương cách Vô Hữu Duyên. Tỷ như Tâm Nhân Thức tương quan duyên hệ với Tâm Tiếp Thâu tiếp liền theo sau để hiểu biết được đối tượng, thể theo phương cách Vô Hữu Duyên.

23/. **Ly Khứ Duyên (*Vigatapaccaya*)** và 24/. **Bất Ly Duyên (*Avigata paccaya*)**: Trong liên hệ của cả hai Duyên này, thì Hiện Hữu Duyên tương tự với Bất Ly Duyên; và Vô Hữu Duyên thì tương tự với Ly Khứ Duyên.

Kết Thúc Phương Pháp Phát Thú

-----00000-----

Phân Tích Nội Dung Của Tạng Vô Tỷ Pháp Thể Theo Danh Sắc Và Chế Định

1. ***“Tattha rūpadhammā rūpakhandho ca cittacetāsikaṅkhātā cattāro arūpino khandhā nibbānañceti pañcavidhampi arūpanti ca nāmantī ca pavuccati”***- “Nơi đây, Sắc Pháp tức là Sắc Uẩn. Tâm và Tâm Sở vốn bao gồm Tứ Uẩn Vô Sắc, và Níp Bàn là năm thể loại Vô Sắc Pháp; và cũng được gọi là Danh.”

Trong nội dung của Tạng Vô Tỷ Pháp, chỗ gọi là Sắc Pháp thì ấy cũng chính là Sắc Uẩn vậy. Tứ Danh Uẩn là Tâm, các Tâm Sở, và Níp Bàn; tập hợp cả năm thể loại này lại thì gọi là Vô Sắc cũng được, là Danh cũng được.

Trình Bày Chế Định (*Paññatti*)

2. ***“Tato avasesā paññatti, sà pana paññāpiyattā paññatti, paññāpanato paññattīti ca duvidhā hoti.”***- “Ngoài ra các Pháp còn lại được gọi là Chế Định, gồm có hai thể loại: Chế Định như cái chi được biết đến; và Chế Định làm cho được biết đến.”

Còn ngoài nội dung Danh Sắc ấy ra thì gọi là Chế Định. Và Chế Định này được chia ra làm hai thể loại: đó là:

1/. **Nghĩa Lý Chế Định (*Atthapaññatti*)**, vì làm thành Chế Định thích đáng cho được biết đến với từng mỗi trường hợp sai khác; và

2/. *Thinh Danh Chế Định (Saddanàmapaññatti)* vì làm thành Chế Định thích đáng cho được biết đến nội dung với từng mỗi trường hợp sai khác.

Trình Bày Phân Loại Nghĩa Lý Chế Định (*Atthapaññatti*)

3. *“Kathaṃ ? Taṃ taṃbhùtavipariṇàràkàramupàdàya tathà tathà paññattà bhù mipabbatàdikà, sambhàrasannivesàkàramupàdàya geharathasakatàdikà, khandhapaññakamupàdàya purisapuggalàdikà, candavaṭṭanàdikamupàdàya disakàlàdikà, asamphuṭṭhàkàramupàdàya kùpaguhàdikà, taṃ taṃ bhùtanimittaṃ bhàvanàvisesaṅca upàdàya kasiṇanimittàdikà ceti, evamàdippabhedà pana paramatthato avijjamànàpi atthachàyàkàrena cittupàdànamàrarammaṇabhùtā, taṃ taṃ upàdàya upànidhàya karaṇaṃ katvā tathà tathà parikappiyamànā saṅkhàyati samaññāyati vohariyati paññāpiyatitī paññattitī pavuccati. Ayaṃ paññatti paññāpiyattā paññatti nāma.”*- “Như thế nào ? Có những từ ngữ như “đất”, “núi”, v.v. được gọi như vậy vì thể thức biến trạng của Tố Chất; những từ ngữ như “nhà”, “xe cộ”, v.v. được gọi như vậy vì thể thức kết hợp của các vật dụng; những từ ngữ như “người”, “hữu tình”, v.v. được gọi như vậy vì thể theo Ngũ Uẩn; những từ ngữ như “phương hướng”, “thời gian”, v.v. được gọi như vậy vì thể thức vận chuyển của mặt trăng, v.v.; những từ ngữ như “giếng nước”, “hang động”, v.v. được gọi như vậy vì thể thức bắt xúc chạm; những từ ngữ như biến xứ tương (đề mục hoàn tịnh) được gọi như vậy vì sự sai biệt của các phương cách tu tập, và vì đặc tướng sai biệt của các Đại Hiện. Tất cả các sự sai biệt như vậy, thể theo ý nghĩa cùng tột của Chân Đế, quả thật bất hiện hữu, tuy nhiên đã trở thành những đối tượng của Tâm dưới hình thức những hình bóng của sự vật. Những sự vật ấy được gọi là “Chế Định” vì người ta nghĩ tưởng đến, được nhận thức, được thấu hiểu, được biểu lộ; và đã làm cho được hiểu biết vì lý do, vì nguyên nhân, vì đối với thể thức này, thể thức khác. Chế Định được gọi như vậy vì chúng được làm cho hiểu biết như vậy.”

Phân Loại Cả Hai Chế Định Ấy Như Thế Nào ?

1. *Hình Thức Chế Định (Saṅghānapaññatti)*: Có mặt đất, núi đồi, v.v. và đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là “mặt đất”, “núi đồi”, v.v., là cũng do dựa vào những biến trạng hiện hành của Tứ Sắc Đại Hiện.
2. *Hiệp Thành Chế Định (Samūhapaññatti)*: Có nhà cửa, xe cộ, xe bò, v.v., và đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là “nhà cửa”, “xe cộ”, “xe bò”, v.v., là cũng do dựa vào trạng thái tập hợp, hội tụ từ ở nơi các vật thể vào với nhau.

3. *Chúng Sinh Chế Định (Satvapaññatti)*: Có người nam, nhân loại, v.v., và đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là “người nam”, “nhân loại”, v.v., là cũng do dựa vào cả Ngũ Uẩn.
4. *Phương Hướng Chế Định (Disapaññatti)*: Có hướng Đông, v.v. và
5. *Thời Gian Chế Định (Kàlapaññatti)*: Có buổi sáng, v.v., đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là “hướng đông”, “buổi sáng”, v.v. là cũng do dựa vào việc xoay theo quỹ đạo, luân chuyển tuần hoàn theo chiều kim đồng hồ quanh Tu Di Sơn, của những tinh tú thiên thể, của mặt trời, mặt trăng.
6. *Hư Không Chế Định (Àkàsapaññatti)*: Có hố giếng, hang động, v.v., đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là “hố giếng”, “hang động”, v.v., là cũng do dựa vào cả Tứ Sắc Đại Hiện không được tiếp xúc với nhau.
7. *Hình Tướng Chế Định (Kasiṇapaññatti)* và *Trầm Triệu Chế Định (Nimitta paññatti)*: Có *Chuẩn Bị Tướng (Parikammanimitta)* v.v., đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là “Chuẩn Bị Tướng”, v.v., là cũng do dựa vào sự hiện hành một cách đặc biệt nương theo tuần tự từ ở nơi Tu Tập, có Chuẩn Bị Tướng, v.v.

Phân loại từ ở nơi Nghĩa Lý Chế Định, thì có Hình Thức Chế Định, v.v. như đã vừa đề cập đến đây, cho dù sẽ chẳng có hiện bày thể theo Thực Tính Siêu Lý đi nữa, tuy nhiên:

1/. Đã trở thành đối tượng của Tâm và Tâm Sở dưới hình thức là hình bóng của Pháp Siêu Lý, có những Sắc Tứ Đại Hiện v.v.

2/. Đã trở thành Chế Định của tất cả các Bạc Hiện Trí cần phải nắm bắt giữ lấy cho việc nghiên cứu thẩm sát với những trường hợp sai khác. Bởi do nương vào các vật dụng ấy cũng có, dựa vào việc tỷ dụ so sánh cũng có, làm thành nguyên nhân, lý do để mà định đặt tên gọi cho được đúng đắn; và làm cho tất cả dân gian cũng được hiểu biết, cho được nói năng với nhau, cho được người khác hiểu biết; và chính vì thế, những thể loại danh từ “đất”, “núi”, “nhà”, v.v. này đây mới gọi là **Chế Định**.

Bản chất của Pháp Chế Định v.v. như đã vừa đề cập ở tại đây, được gọi tên là **Nghĩa Lý Chế Định**; là vì làm thành Chế Định cho được biết đến nội dung một cách thích hợp bởi theo những trường hợp sai khác.

Trình Bày Chỉ Duy Nhất Thịnh Danh Chế Định Mà Đã Được Gọi Tên Thành Sáu Phân Loại

4. *“Paññāpanato paññatti pana nàmanàmakammàdinàmena paridìpità”-*
“Vì chúng làm cho hiểu biết như vậy, nên được gọi là “Chế Định”; chúng được

diễn tả theo hai thể loại: *Danh hoặc do Danh làm ra, v.v.*” Bậc Hiền Trí nên trình bày Thỉnh Danh Chế Định cho được hiểu biết nội dung với những trường hợp sai khác thể theo sáu phân loại tên gọi, có Danh, Định Danh, v.v., đó là:

1. *Danh Từ (Nàma)*: Tức là những tên gọi, có Thực Tính dẫn đến nội dung, tức là Nghĩa Lý Chế Định; và đã làm cho nội dung ấy dẫn đến bản thân mình; tức là những tên gọi với nhau.
2. *Định Danh (Nàmakamma)*: Tức là Danh Chế Định mà tất cả các bậc hiền nhân thông thái trong Thời Cổ Đại kêu gọi với nhau, chẳng hạn gọi là “mặt đất”, “núi đồi”, v.v.
3. *Biệt Tự (Nàmadheyya)*: Tức là Danh Chế Định mà tất cả các bậc hiền nhân thông thái trong Thời Cổ Đại định đặt tên gọi dùng cho đến mỗi ngày; chẳng hạn định đặt tên gọi là “mặt đất”, “núi đồi”, v.v.
4. *Từ Nguyên (Nirutti)*: Tức là Danh Chế Định mà tất cả các bậc hiền nhân thông thái nghĩ suy thâm sát gọi tên các sự vật cho được hiện khởi lên.
5. *Mẫu Tự (Byañjana)*: Tức là Danh Chế Định có khả năng trình bày nội dung là Nghĩa Lý Chế Định cho được hiện khởi lên.
6. *Thoại Thuyết (Abhilāpa)*: Tức là Danh Chế Định mà người ta nói chuyện với nhau, thường trực tiếp nhắm đến nội dung để cho cuộc trò chuyện được khởi lên.

5. ***Sà vijjamànapaññatti avijjamànapaññatti, vijjamànaavijjamàna paññatti, avijjamànavijjamànapaññatti, vijjamànavijjamànapaññatti, avijjamànaavijjamànapaññatti, ceti chabbidhà hoti.***”- “Thỉnh Danh Chế Định có sáu phân loại: *Hiện Hữu Chế Định, Bất Hiện Hữu Chế Định, Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định, Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định, Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định, Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.*”

Thỉnh Danh Chế Định đây có sáu phân loại, đó là:

1. *Hiện Hữu Chế Định (Vijjamànapaññatti)* (còn được gọi là Danh Siêu Chế Định),
2. *Bất Hiện Hữu Chế Định (Avijjamànapaññatti)* (còn được gọi là Phi Danh Siêu Chế Định),
3. *Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (Vijjamànaavijjamàna paññatti)* (còn được gọi là Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định),
4. *Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định (Avijjamànavijjamàna paññatti)* (còn được gọi là Phi Danh Siêu Danh Siêu Chế Định),
5. *Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định (Vijjamànavijjamàna paññatti)* (còn được gọi là Danh Siêu Danh Siêu Chế Định),

6. *Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (Avijjamàna avijjamànapaññatti)* (còn được gọi là Phi Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định).

Trình Bày Việc Nêu Lên Thí Dụ Trong Sáu Phân Loại Thinh Danh Chế Định

6. *“Tattha yadà pana paramatthato vijjamànaṃ rūpavedanàdiṃ etàya paññàpenti tadàyaṃ vijjamànapaññatti.”*- “Nơi đây, khi dùng danh từ để chỉ những sự vật thật sự hiện hữu như “Sắc”, “Thọ”, v.v, như vậy gọi là **Hiện Hữu Chế Định.**”

Trong sáu phân loại Thinh Danh Chế Định, khi nào tất cả các bậc Hiền Trí thường làm cho hiểu biết qua việc gọi tên “Sắc”, “Thọ”, v.v. hiện bày hiện hữu với sự làm thành Siêu Lý, thì khi đó Thinh Danh Chế Định này được gọi là **Hiện Hữu Chế Định.**

7. *“Yadà pana paramatthato avijjamànaṃ bhùnipabbatàdiṃ etàya paññàpenti tadàyaṃ avijjamànapaññattiti pavuccati.”*- “Khi dùng danh từ để chỉ những sự vật không thật sự hiện hữu như “mặt đất”, “núi đồi”, v.v. như vậy gọi là **Bất Hiện Hữu Chế Định.**”

Khi nào tất cả các bậc Hiền Trí thường làm cho hiểu biết qua việc gọi tên “mặt đất”, “núi đồi”, v.v. không có hiện bày sự làm thành Siêu Lý, thì khi đó Thinh Danh Chế Định này được gọi là **Bất Hiện Hữu Chế Định.**

8. *“Abhinnaṃ pana vomissakavasena sesà yathàkkamaṃ chaḷabhiñño atthisaddo cakkhaviññāṇaṃ rājaputtoti ca veditabbā.”*- “Các Chế Định còn lại cần phải hiểu biết bằng cách tuần tự phối hợp cả hai, tỷ dụ như “bậc đã chứng đắc Lục Thắng Trí”, “tiếng nói của người nữ”, “Nhãn Thức”, “Hoàng Tử”, v.v.

Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết bốn Thinh Danh Chế Định còn lại bằng cách tuần tự phối hợp với cả hai phân loại nội dung, đó là: Hiện Hữu Chế Định và Bất Hiện Hữu Chế Định; chẳng hạn như “Bậc đã chứng đắc Lục Thắng Trí”, “âm thanh nữ nhân”, “Nhãn Thức nương nhờ Nhân Vật sinh”, “con trai của vị vua”, v.v.

Kệ Ngôn Trình Bày Việc Hiểu Biết Về Cả Hai: Thinh Danh Chế Định Và Nghĩa Lý Chế Định, Và Nguyên Nhân Tiên Khởi Làm Cho Thinh Danh Chế Định Được Hiện Khởi

9. *“Vacìghosànusàrena Sotaviññāṇavithiyà
Pavattānantaruppanna Manodvārassa gocarā.
Atthà yassànusàrena Viññāyanti tato paraṃ
Sàyaṃ paññatti viññeyyà Lokasaṅketanimmitā.”*

“Khi một tiếng nói được phát lên, thì các Lộ Trình của Nhĩ Thức được khởi sinh lên cho mỗi âm thanh, và từ đó cũng khởi lên các Chế Định xuyên qua Lộ Ý Môn, và nhờ đó các ý nghĩa được nhận biết. Những Chế Định ấy phải được hiểu biết, là theo quan điểm của Thế Tục.”

Tất cả mọi người đã được hiểu biết đến Nghĩa Lý Chế Định, tức là từng các sự vật, những sự kiện do bởi hiện hành nương theo Thịnh Danh Chế Định ở phía đằng sau Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng (*Nàmaggahaṇavithi*). Thịnh Danh Chế Định đã là Cảnh, là đối tượng của Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng sinh khởi trong sự tuần tự từ ở nơi Lộ Trình Nhĩ Môn (*Sotadvāravithi*), và Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ (*Atiṭtaggaṇavithi*), Lộ Trình Thu Dung Tập Thành (*Samūhaggahaṇavithi*) đã sinh khởi hiện hành nương theo tiếng nói ấy. Tất cả các Học Giả cần phải thấu hiểu Thịnh Danh Chế Định ấy là của các Bậc Triết Giả, thường đã được định đặt thuận hợp theo thành ngữ của dân gian mỗi lần một ít, từng tí một.

“Iti Abhidhammatthasaṅgahe paccayaṅgahavibhāgo nāma aṭṭhamo paricchedo.”- “Đây là Chương thứ Tám đề cập đến Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ của bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp.”

Chương thứ Tám có tên gọi là **Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ** ở trong bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, đã được kết thúc tại đây chỉ là bấy nhiêu.

-----00000-----

Giải Thích Trong Phần Pāli Trình Bày Việc Phân Tích Thế Theo Tuần Tự Về Danh Sắc Và Chế Định

Khi đã kết thúc việc trình bày về Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và Phương Pháp Phát Thú xong rồi, thì cũng là việc thích hợp để sẽ cho phần Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ được kết thúc một cách viên mãn. Tuy nhiên, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* cũng vẫn còn tiếp tục trình bày thêm nữa ở trong phần Pāli chỗ nói rằng: **“Tattha rūpadhammā rūpakhandho ca cittacetasaṅkhatā cattāro arūpino khandhā nibbānañceti pañcavidhampi arūpanti ca nāmanti ca pavuccati”**- “Nơi đây, Sắc Pháp tức là Sắc Uẩn. Tâm và Tâm Sở vốn bao gồm Tứ Uẩn Vô Sắc, và Níp Bàn là năm thể loại Vô Sắc Pháp; và cũng được gọi là Danh” cho đến kệ ngôn chỗ nói rằng:

“Vacìghosànusàrena	Sotaviññāṇavithiyā
Pavattānantaruppanna	Manodvārassa gocarā.
Atthā yassanusàrena	Viññāyanti tato paraṃ
Sāyaṃ paññatti viññeyyā	Lokasaṅketanimmitā.”

“Khi một tiếng nói được phát lên, thì các Lộ Trình của Nhĩ Thức được khởi sinh lên cho mỗi âm thanh, và từ đó cũng khởi lên các Chế Định xuyên qua Lộ Ý

Môn, và nhờ đó các ý nghĩa được nhận biết. Những Chế Định ấy phải được hiểu biết, là theo quan điểm của Thế Tục.” Tất cả sự việc này cũng vì trong kệ ngôn thứ hai sau cùng đã có trình bày rằng: **“Paññatti nàmarùpanam vasena tividdhà thitā”** được dịch nghĩa là: “Pháp được gọi tên là 24 Duyên, một khi đề cập thể theo Chi Pháp thì đích thị chính là Chế Định, Danh và Sắc.” Chính với lý do này, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới cần phải trình bày tiếp theo nhằm để phân tích những thể loại Danh Sắc ấy cho được thấu hiểu rõ ràng.

+ Phần Pàli ở điều thứ nhất:

Trong phần Pàli ở điều này đã có trình bày đến Danh và Sắc cho được biết rằng: Sắc có một thể loại duy nhất, tức là Sắc Uẩn. Danh thì có năm thể loại, tức là Thọ Uẩn, Hành Uẩn, Tưởng Uẩn, Thức Uẩn thuộc bên phía Pháp Hữu Vi; và Níp Bàn thuộc bên phía Pháp Vô Vi, và lại những thể loại Danh Pháp này sẽ gọi là Vô Sắc cũng được.

+ Phần Pàli ở điều thứ hai:

Trong phần Pàli ở điều này đã có trình bày đến Pháp ngoài cả hai Danh và Sắc đây ra, đã được gọi tên là Chế Định. Và Pháp Chế Định này, khi đề cập thể theo phân loại thì có được hai Phân Loại lớn, ấy là: Nghĩa Lý Chế Định và Thịnh Danh Chế Định.

Từ ngữ **Chế Định** có ý nghĩa là “với thể loại có nội dung như các sự vật, những sự kiện thích đáng để cho được hiểu biết, thì được gọi là **Nghĩa Lý Chế Định**.” Như trình bày câu Chú Giải nói rằng:

“Paññàpiyattā = Paññatti”- “Nội dung như các sự vật, những sự kiện v.v. thích đáng để cho được hiểu biết, thì gọi tên là **Chế Định**.”

Hoặc một phần khác nữa:

“Pakàrena ñàpiyatitī = Paññatti”- “Những sự vật, các sự kiện được gọi tên là **Chế Định** thích đáng để cho được hiểu biết bởi theo những trường hợp sai khác, ấy chính là **Nghĩa Lý Chế Định**.”

“Paññàpanato = Paññatti”- “Những tiếng nói được gọi tên là **Chế Định** cũng vì đã làm cho hiểu biết đến nội dung các sự vật, những sự kiện; và lại có được **Thực Tính Siêu Lý**.”

“Pakàrena ñàpetitī = Paññatti”- “Âm thanh là tiếng nói thường làm cho hiểu biết nội dung; là các sự vật, những sự kiện và có được **Thực Tính Siêu Lý** với mọi trường hợp sai khác; bởi do thế mới gọi tên là **Chế Định**.” Tức là Thịnh Danh Chế Định.

Câu Chú Giải như đã vừa đề cập đến đây, trình bày cho được thấy rằng Pháp được gọi tên là **Siêu Lý** thì chỉ có trạng thái Thực Tính của chính mình mà thôi; và ngoài Pháp ấy ra rồi, thì hết tất cả đều là **Chế Định**. Sẽ nói là “Pháp có Thực Tính hiểu biết được Cảnh, thì ấy chính là **Tâm Siêu Lý**”. Tuy nhiên chỗ nói rằng:

“*Somanassasahagatam dīṭhigatasampayuttam asaṅkhàrika v.v.*” (Câu hành Hỷ Thọ, Tương Ứng Kiến Vô Dẫn, v.v.) ấy chẳng phải là cái Tâm Siêu Lý, chỉ là tên gọi của Tâm mà thôi, và như thế gọi là **Thịnh Danh Chế Định**.

Những thể loại Pháp có Thực Tính tiếp xúc Cảnh, thụ hưởng Cảnh, tưởng nhớ Cảnh, v.v. này đây, chính là cái Tâm Sở Xúc, Tâm Sở Thọ, Tâm Sở Tưởng, v.v. Tuy nhiên chỗ nói rằng “*Xúc*”, “*Thọ*”, v.v. ấy chẳng phải là cái Tâm Sở Xúc, Tâm Sở Thọ, v.v. chỉ là tên gọi của Tâm Sở Xúc, Tâm Sở Thọ, v.v. mà thôi, và như thế gọi là **Thịnh Danh Chế Định**.

Những thể loại Pháp có Thực Tính cứng mạnh và mềm yếu, hoặc Thực Tính tan chảy và quén tụ, Thực Tính nóng và lạnh, Thực Tính căng phồng và lay động, v.v. này đây, chính là Địa Tổ Chất, Thủy, Hỏa, Phong, v.v., là thuộc Sắc Siêu Lý. Tuy nhiên chỗ nói rằng “*Địa*”, “*Thủy*”, “*Hỏa*”, “*Phong*” v.v., chỉ là tên gọi của Địa, Thủy, Hỏa, Phong Tổ Chất mà thôi, và như thế gọi là **Thịnh Danh Chế Định**.

Pháp có Thực Tính tĩnh lặng tợ như chấm dứt khỏi Phiền Não và Ngũ Uẩn Danh Sắc đây, ấy chính là Níp Bàn Siêu Lý. Tuy nhiên chỗ nói rằng “*Níp Bàn*”, hoặc “*trường sinh*”, “*bất tử*”, v.v. cũng chẳng phải là cái Níp Bàn Siêu Lý, chỉ là tên gọi của Níp Bàn Siêu Lý, và như thế gọi là **Thịnh Danh Chế Định**.

Tiếp theo đây sẽ nêu lên một sự vật để trình bày cho được nhận thấy đến Thực Tính Siêu Lý và Chế Định nhằm để làm thành kiểu mẫu điển hình. Chẳng hạn như tấm bảng đen, khi gọi tên là “*tấm bảng đen*” ấy là Thịnh Danh Chế Định. Sắc thái hình dạng có bốn cạnh, rộng, dài, v.v. đã làm cho chúng ta nhận biết được rằng ấy là một tấm bảng đen; ấy là Nghĩa Lý Chế Định có bốn chỗ hiện bày cho được trông thấy. Và lại khi lấy tay cầm nắm thì sẽ có cảm giác cứng và lạnh. Nếu lấy ngửi xem thì sẽ cảm thọ là có mùi nước sơn v.v. Màu sắc, cứng, lạnh, mùi hơi, v.v. những thể loại này là thuộc của Sắc Siêu Lý.

Còn trong vật hữu sinh mạng, chẳng hạn như con rắn, chỗ gọi tên là “*con rắn*” là Thịnh Danh Chế Định. Sắc thân của rắn có thân hình dài và tròn, v.v. là Nghĩa Lý Chế Định. Màu sắc của rắn đã làm cho nhận thấy được. Nếu rắn ấy phát ra âm thanh hú dọa thì Ta cũng nghe được âm thanh ấy. Nếu chụp vào thân rắn thì sẽ có cảm giác mềm lạnh. Rắn ấy cũng có việc trông thấy đủ mọi thứ, cũng được lắng nghe các âm thanh. Nếu bị người ta đánh đập thì cũng có cảm giác đau đớn, có sự sợ hãi, sự tức giận. Màu sắc, âm thanh, mềm lạnh, v.v. những thể loại này là thuộc Sắc Siêu Lý. Việc trông thấy, việc được lắng nghe, sự cảm giác đau đớn, sự sợ hãi, sự tức giận của rắn, v.v. những thể loại này là thuộc Tâm và Tâm Sở Siêu Lý.

Tóm lại; những tên gọi, các thực tính, và những tiếng nói, ấy là **Thịnh Danh Chế Định**. Những sự vật, các sự kiện, ấy là **Nghĩa Lý Chế Định**. Trạng thái Thực Tính của tên gọi hữu quan với Danh Sắc; và trạng thái Thực Tính hiện hữu ở trong những sự vật, ấy là **Siêu Lý**.

+ **Phần Pàli ở điều thứ ba:**

Trong phần Pàli ở điều này đã có trình bày đến sáu phân loại theo giản lược và 17 phân loại theo mãn túc của **Nghĩa Lý Chế Định**; đó là:

I. (1) Hình Thức Chế Định (*Sanṭhànapaññatti*): Tức là “*nền mặt đất*”, “*núi đồi*”, “*sông nước*”, “*đại dương*”, “*cây cối*”, v.v., gọi tên hết cả thấy những thể loại này là cũng bởi do:

- nương vào sự hiện hành của tám **Sắc Bất Giản Biệt (*Avinibhogarūpa*)** sinh khởi liên tục thành một dãy không gián đoạn.
- có đặc tính trạng thái khác biệt nhau, chẳng hạn như nếu sự hiện hành của Sắc Bất Giản Biệt cùng tụ hội lại chung với nhau thành một khối, một đồng, và có trạng thái dính liền nhau thành một dãy dài xuyên suốt thì giả định gọi là “*nền mặt đất*”. Nếu như sự hiện hành của Sắc Bất Giản Biệt ấy có trạng thái dính liền và chồng chất cao lên thì giả định gọi là “*núi đồi*”. Nếu như sự hiện hành của Sắc Bất Giản Biệt ấy có Thủy Tố Chất làm trưởng trội và có trạng thái chuyển động, có khả năng di dịch đi được, thì giả định gọi là “*sông nước*”, “*đại dương*”. Nếu như sự hiện hành của Sắc Bất Giản Biệt có trạng thái thành thân cao thẳng lên và có cành nhánh, cuống lá chia ra, thì giả định gọi là “*cây cối*”.

Tuy nhiên trong chỗ này, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** đã đặc biệt chỉ nêu lên Tứ Sắc Đại Hiện mà thôi; còn bốn Sắc còn lại thì đã không được đề cập đến. Tất cả đây, là cũng do bởi trong tất cả những Sắc Pháp đấy, thì Tứ Sắc Đại Hiện làm trưởng trội và làm chỗ nương nhờ của các Sắc khác; chính vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới đặc biệt chỉ có trình bày Sắc làm thành trưởng trội mà thôi.

Vả lại **Hình Thức Chế Định** này đây, cũng có một vài Ngài Giáo Thọ gọi là **Hiệp Thành Chế Định**.

+ Câu Chú Giải trình bày đến **Hình Thức Chế Định**:

“**Vividham parisamantato namanam = Vipariṇāmo**”- “Gọi tên sự hiện hữu một cách tuần hoàn với mọi trường hợp sai khác, ấy là **Biến Hóa**.”

“**Bhùṭānam vipariṇāmo = Bhùṭavipariṇāmo**”- “Gọi tên sự hiện hữu một cách tuần hoàn với mọi trường hợp sai khác của Sắc Đại Hiện, ấy là **Đại Hiện Biến Hóa**.”

“**Bhùṭavipariṇāmo ca so àkàro cāti = Bhùṭavipariṇāmākàro**”- “Đích thị chính sự hiện hữu một cách tuần hoàn với mọi trường hợp sai khác của Sắc Đại Hiện ấy, và đã hình thành đặc tính trạng thái hiện hành, mới được gọi tên là **Hành Trạng Đại Hiện Biến Hóa**.”

II. (2). Hiệp Thành Chế Định (*Samùhapaññatti*): Tức là “*căn nhà*”, “*chiếc xe*”, “*xe bò*”, và “*thôn làng*”, “*cái lu*”, “*hàng vải*”, v.v. Việc định đặt tên gọi với

những thể loại như là “*căn nhà*”, “*chiếc xe*”, v.v. là cũng do bởi trạng thái tập hợp từ những vật thể vào với nhau; như có cây gỗ, sắt thép, gạch ngói, đinh kềm, v.v. đã được kết hợp lại hình thành những sắc tướng hình dạng, và cho sử dụng làm thành các điều hữu ích. Nếu như các vật thể đã được kết hợp vào với nhau cho việc sử dụng hữu ích trong việc nương trú, thì được giả định gọi là “*căn nhà*”. Nếu như các vật thể đã được kết hợp vào với nhau cho việc sử dụng hữu ích trong việc hành trình viễn du, thì được giả định gọi là “*chiếc xe*”. Nếu như nhiều căn nhà cùng hội tụ vào với nhau hình thành một quần thể, thì được giả định gọi là “*thôn làng*”. Nếu như lầy đất kết hợp vào nhau, rồi nặn cho làm thành dụng cụ trong việc để chứa đựng nước, thì được giả định gọi là “*cái lu*”. Nếu lấy tơ sợi kết hợp vào nhau, rồi cho dệt làm thành hàng vải, thì được giả định gọi là “*mảnh vải*”, v.v.

Và **Hiệp Thành Chế Định** này đây, cũng có một một vài Ngài Giáo Thọ gọi là **Hình Thức Chế Định**.

+ Câu Chú Giải trình bày đến **Hiệp Thành Chế Định**:

“*Sambhàranam sanniveso = Sambhàrasanniveso*”- “*Gọi tên sự kết tập vào với nhau của các vật thể, có cây gỗ, v.v., ấy là Kết Tập Vật Thể.*”

“*Sambhàrasanniveso ca so àkàro càti = Sambhàrasannivesàkàro*”- “*Đích thị chính sự kết tập vào với nhau của các vật thể, có cây gỗ, v.v. và đã hình thành đặc tính trạng thái hiện hành, mới được gọi tên là Hành Trạng Kết Tập Vật Thể.*”

III. (3) Chúng Sinh Chế Định (Satvapaññatti): Tức là “*người nữ*”, “*người nam*”, “*nhân loại*”, “*bản ngã*”, “*sinh mệnh*”, v.v. Việc định đặt tên gọi với những thể loại như là “*người nam*”, “*người nữ*”, v.v., là cũng do nương vào sự hiện hành của Ngũ Uẩn gồm có Sắc Thân, Thọ, Tưởng, Hành và Thức với đủ mọi trường hợp sai khác; do đó mới được giả định gọi là “*người nam*”, “*người nữ*”, “*bản ngã*”, “*sinh mệnh*,” v.v.

IV. (4) Phương Hướng Chế Định (Disapaññatti): Tức là hướng Đông, hướng Tây, hướng Bắc, hướng Nam, v.v. Việc định đặt tên gọi với những thể loại như là “*hướng Đông*”, v.v., là cũng do nương vào việc xoay theo quỹ đạo luân chuyển tuần hoàn của mặt trăng, mặt trời, các vị tinh tú, thể theo sự di chuyển vòng theo chiều kim đồng hồ chung quanh Tu Di Sơn. Có nghĩa là nếu như mặt trời bắt đầu hiện khởi trong lộ trình của phương hướng nào thì Nhân Loại sống ở trong Bộ Châu ấy giả định gọi hướng ấy là “*Đông Phương*”(Puratthimadisa) tức là hướng Đông. Nếu như mặt trời xoay theo quỹ đạo lặn khuất xuống trong lộ trình của phương hướng nào thì Nhân Loại sống ở trong Bộ Châu ấy giả định gọi hướng ấy là “*Tây Phương*”(Pacchimadisa) tức là hướng Tây. Nếu như người ở trong Bộ Châu ấy đã quay trực diện về hướng Đông, thì phương hướng ở trên thuộc bên phía tay trái của người ấy và giả định gọi hướng ấy là *Bắc Phương* (Uttaradisa) tức là

hướng Bắc. Phương hướng trục thẳng bên phía tay phải của người ấy thì cũng giả định gọi là *Nam Phuong (Dakkhiṇadisa)* tức là hướng Nam, chẳng hạn như vậy.

Còn (5) *Thời Gian Chế Định (Kàlapaññatti)*: Tức là “ban sáng”, “giữa trưa”, “ban chiều”, “nửa đêm”; những thể loại này cũng tương tự như nhau, có nghĩa là cũng do nương vào việc xoay theo quỹ đạo luân chuyển tuần hoàn của mặt trời, mặt trăng, v.v. Chẳng hạn như trong thời gian mặt trời bắt đầu hiện khởi lên nhưng vẫn chưa đến ngay chính giữa, thì thời gian ấy giả định gọi là *Ngọ Tiền (Pubbanha)* tức là ban sáng. Khi mặt trời xoay theo quỹ đạo đi đến ngay chính giữa rồi, thì thời gian ấy giả định gọi là *Ngọ Trung (Majjhanha)* tức là giữa trưa. Khi mặt trời xoay theo quỹ đạo rời khỏi chính giữa đi dần cho đến sẽ lặn khuất, thì thời gian ấy giả định gọi là *Ngọ Hậu (Aparanaha)* tức là ban chiều. Khi mặt trời xoay theo quỹ đạo đã khuất khỏi tầm mắt rồi, thì thời gian ấy giả định gọi là *Vãn Gian (Ratti)* tức là khoảng nửa đêm.

+ Trong câu nói rằng “*Disakàlādika*” mà đã dịch nghĩa là *Phương Hương Chế Định (Disapāññatti)*, *Thời Gian Chế Định (Kàlapaññatti)* v.v. đấy, cũng có nghĩa là vẫn còn có thêm các thể loại Chế Định khác nữa, đó là:

(6) *Quý Tiết Chế Định (Utupaññatti)*: Tức là *Đông Tiết (Hemantautu)* mùa đông, *Hạ Tiết (Gimhantautu)* mùa hè, *Vũ Tiết (Vassantautu)* mùa mưa.

(7) *Nguyệt Phận Chế Định (Màsapaññatti)*: Tức là *Đệ Tứ Nguyệt (Citto)* tháng Tư (dương lịch), *Đệ Ngũ Nguyệt (Vesàkko)* tháng Năm (dương lịch), *Đệ Lục Nguyệt (Jettho)* tháng Sáu (dương lịch), *Đệ Thất Nguyệt (Àsàlaho)* tháng Bảy (dương lịch), *Đệ Bát Nguyệt (Sàvano)* tháng Tám (dương lịch), *Đệ Cửu Nguyệt (Poṭṭhapàdo)* tháng Chín (dương lịch), *Đệ Thập Nguyệt (Assayujo)* tháng Mười (dương lịch), *Đệ Thập Nhất Nguyệt (Kattiko)* tháng Mười Một (dương lịch), *Lạp Nguyệt (Màgasiro)* tháng Chạp (dương lịch), *Nguyên Nguyệt (Phusso)* tháng Giêng (dương lịch), *Đệ Nhị Nguyệt (Màgho)* tháng Hai (dương lịch), *Đệ Tam Nguyệt (Phagguṇo)* tháng Ba (dương lịch).

(8) *Niên Lịch Chế Định (Saṅvaccharapaññatti)*: Tức là năm Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

(9) *Nhật Lịch Chế Định (Vàrapaññatti)*: Tức là *Nhật Diệu (Suriyavàra)* ngày Chủ Nhật (ngày thứ nhất trong tuần), *Nguyệt Diệu (Candavàra)* ngày Thứ Hai (trong tuần), *Hỏa Diệu (Bhumavàra)* ngày Thứ Ba (trong tuần), *Thủy Diệu (Budhavàra)* ngày Thứ Tư (trong tuần), *Mộc Diệu (Guruvàra)* ngày Thứ Năm (trong tuần), *Kim Diệu (Sukkavàra)* ngày Thứ Sáu (trong tuần), *Thổ Diệu (Sorivàra)* ngày Thứ Bảy (trong tuần).

V. (10) *Hư Không Chế Định (Àkàsapaññatti)*: Tức là hồ giếng nước, hang động, địa đạo, lỗ trũng, lỗ hồng, hốc hang, v.v. Việc định đặt tên gọi những thể loại như là “*giếng nước*”, “*hang động*” v.v. là cũng do nương vào trạng thái của

tám *Sắc Bất Giản Biệt (Avinibhogarūpa)* không có được tiếp xúc với nhau. Có nghĩa là một cạnh mé mặt đất, đá, cây với một cạnh mé khác không có được dính liền với nhau, có lỗ trống xen ở giữa; và đích thị chính lỗ trống này được gọi tên là **Hư Không Chế Định**.

VI. (11) Hình Tượng Chế Định (Kasiṇapaññatti): Tức là “*Địa Biến Xứ (Pathavikasīṇa)*”, “*Thủy Biến Xứ (Āpokasīṇa)*”, v.v. Việc gọi những thể loại như “*Địa Biến Xứ*” v.v. là cũng bởi do nương vào sự hiện hành *Cảnh Tượng (Nimittārammaṇa)* của tám *Sắc Bất Giản Biệt*.

(12) Trăm Triệu Chế Định (Nimittapaññatti): Tức là *Chuẩn Bị Tượng (Parikammanimitta)*, *Cận Tượng (Uggahanimitta)*, *Quang Tượng (Paṭibhāga nimitta)*. Việc gọi tên cả Tam Tượng này đây, là cũng bởi do nương vào sự hiện hành có trạng thái đặc biệt của việc tiên hóa Tu Tập.

+ Trong câu nói rằng “*Evamādippabhedā*” được dịch nghĩa là “*Phân loại từ ở nơi Nghĩa Lý Chế Định*”, có Hình Thức Chế Định, v.v. Có nghĩa là Nghĩa Lý Chế Định như đã vừa đề cập ở tại đây vẫn chưa có hết, vẫn còn hiện hữu thêm rất nhiều thể loại khác nữa, chẳng hạn như **(13) Vô Hữu Chế Định (Natthibhāvapaññatti)**, **(14) Số Tức Chế Định (Ānāpānapaññatti)**, **(15) Bất Tịnh Chế Định (Asubhapaññatti)**, **(16) Cháp Thủ Chế Định (Upādānapaññatti)**, là những Pháp Chế Định đã nương nhờ vào Pháp Siêu Lý. Việc trình bày đặt để ở trong bộ *Chú Giải Nhân Chế Định (Puggalapaññatti Atthakathā)* thì **(17) Tỷ Giáo Chế Định (Upānidhāpaññatti)** là Chế Định trong việc so sánh, chẳng hạn như nói rằng “*thứ nhất*”, “*thứ nhì*”, “*thứ ba*”, hoặc “*dài*”, “*ngắn*”, “*lớn*”, “*nhỏ*”, v.v.

Những Pháp Chế Định như đã vừa đề cập đến đây, một khi đã thâm sát đến Thực Tính thì ắt hẳn là không có; chẳng hạn như chỗ gọi là “*mảnh đất*” thì tất cả mọi người thường được hiểu với nhau rằng trạng thái của đất ấy là “*một miếng*”, là “*một mảnh*” và chính vì vậy mới gọi với nhau là “*mảnh đất*”. Tuy nhiên sự thật thì không có “*mảnh đất*”, mà chỉ có *Bộn Tổng Hợp Sắc Pháp (Rūpakalāpa)* hoặc gọi là *Nguyên Tổ Sắc Pháp (Rūpaparamāṇu)* đã tập hợp vào nhau mà thôi. Còn Nghĩa Lý Chế Định hữu quan với Hữu Tình Nhân Loại thì chỉ có Nguyên Tổ Sắc Pháp và Tâm Tâm Sở mà thôi. Thế nhưng những thể loại Pháp Nghĩa Lý Chế Định này đây, hiện bày cho Tâm và Tâm Sở có được liễu tri, cũng chính là bởi do nương vào việc bảo chứng của Thực Tính Siêu Lý. Bởi do thế, tất cả các bậc Hiền Triết một khi sẽ định danh cho các sự vật ở trong thế gian này, thì cũng cần phải nương vào việc nghiên cứu thâm sát trạng thái đặc tính của từng mỗi sự vật ấy, hoặc sẽ nương vào việc so sánh tỷ giáo giữa các sự vật ấy với nhau, cho làm thành cơ sở, và việc ấy được gọi là *Chuyển Hình Tượng (Pavattanimitta)* của Nghĩa Lý Chế Định. Thế rồi mới định đặt tên gọi cho các sự vật ấy lên, và những tên gọi đã được định danh lên rồi đây, cũng chính là việc định danh một cách đúng đắn; bởi

do thế, tất cả mọi con người mới hiểu biết được, gọi tên với nhau được, làm cho người khác hiểu biết được suốt trọn từng mỗi ngày.

Kết Thúc Việc Giải Thích Trong Nghĩa Lý Chế Định

-----00000-----

Giải Thích Trong Thỉnh Danh Chế Định

+ Phần Pàli ở điều thứ tư:

Trong phần Pàli ở điều này đã trình bày cho được biết đến duy nhất chỉ một **Thỉnh Danh Chế Định** mà đã có đến sáu thể loại tên gọi, có Danh Từ, Định Danh, v.v. chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “*Cõi Giới*” (***Bhùmi***) tức là “*đất đai lãnh thổ*” đây đã có được sáu thể loại tên gọi; ấy là Danh Từ, Định Danh, Biệt Tự, Từ Nguyên, Mẫu Tự, và Thoại Thuyết.

Trình Bày Nguyên Nhân Duy Nhất Chỉ Một Thỉnh Danh Chế Định Có Được Sáu Thể Loại Tên Gọi

1. Việc gọi tên là *Danh Từ (Nàma)* có ý nghĩa là “*có Thực Tính dẫn đến nội dung, tức là Nghĩa Lý Chế Định; và đã làm cho nội dung ấy dẫn đến bản thân mình; tức là những tên gọi với nhau.*”

“*Có Thực Tính dẫn đến nội dung*”, chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “*Cõi Giới*” (***Bhùmi***) hoặc “*đất đai lãnh thổ*” đây thì thường có khả năng làm cho người nghe hoặc người đọc (***Suñantapuggala – Thỉnh Giả***) hiểu biết được nội dung Thực Tính đất đai lãnh thổ đấy. Vì lẽ từ ngữ nói rằng “*Cõi Giới*” hoặc “*Đất đai lãnh thổ*” thường luôn dắt dẫn vào trong sự việc sẽ biểu thị sắc thái hình dạng của bản thân mình cho được hiện bày. Như trình bày câu Chú Giải rằng: “***Attham namatiti = Nàmaṃ***”- “*Pháp nào thường có Thực Tính dẫn đến nội dung, chính vì thế Pháp ấy mới được gọi tên là **Danh Từ.***”

“*Làm cho nội dung ấy dẫn đến bản thân mình*”, chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “*Cõi Giới*” hoặc “*đất đai lãnh thổ*” đây thì thường có khả năng làm cho người sẽ nói hoặc người sẽ viết ra (***Vadantapuggala – Thuyết Giả***) biết đến nội dung ấy là Thực Tính của “*đất đai lãnh thổ*” trước gọi mới gọi được là “*Cõi Giới*” hoặc “*đất đai lãnh thổ*”. Vì lẽ từ ngữ nói rằng “*Cõi Giới*” hoặc “*đất đai lãnh thổ*” thì thường làm cho nội dung ấy dẫn đến bản thân mình. Như trình bày câu Chú Giải rằng: “***Attani attham nàmetiti = Nàmaṃ***”- “*Pháp nào thường làm cho nội dung dẫn đến bản thân mình, bởi do thế Pháp ấy mới gọi tên là **Danh Từ.***”

2. Việc gọi tên là *Định Danh (Nàmamma)* có ý nghĩa là từ ngữ “*Cõi Giới*” hoặc “*đất đai lãnh thổ*,” đây là từ ngữ mà tất cả các Bậc Hiền Triết ở trong Thời Kỳ Cổ Đại đã kêu gọi, nói năng với nhau rồi. Như trình bày câu Chú Giải

rằng: “*Kattabbanti = Kammaṃ*”- “*Nàmeva kammaṃ = Nàmakammaṃ*”- “Sự vật mà tất cả các Bậc Hiền Triết kêu gọi, nói năng với nhau; bởi do thế sự vật ấy mới được gọi tên là **Việc Làm**.”- “Chính vì gọi tên các sự vật ấy làm thành tên gọi mà tất cả các Bậc Hiền Triết đã kêu gọi, nói năng với nhau; bởi do thế tên gọi các sự vật ấy mới được gọi tên là **Định Danh**.”

3. Việc gọi tên là *Biệt Tự (Nàmadheyya)* có ý nghĩa là từ ngữ “*Cõi Giới*” hoặc “*đất đai lãnh thổ*,” đây là từ ngữ mà tất cả các Bậc Hiền Triết ở trong Thời Kỳ Cổ Đại đã giả định đặt tên rồi. Như trình bày câu Chú Giải rằng: “*Dhīyati thapīyatīti = Dheyyaṃ*”- “*Nàmeva dheyyaṃ = Nàmadheyyaṃ*”- “Từ ngữ nào mà tất cả các Bậc Hiền Triết đã định danh rồi; bởi do thế từ ngữ ấy được gọi tên là **Biệt Tự**.”- “Chính vì gọi tên các sự vật ấy làm thành tên gọi mà tất cả các Bậc Hiền Triết đã có định đặt lên; bởi do thế tên gọi các sự vật ấy mới được gọi tên là **Biệt Tự**.”

4. Việc gọi tên là *Từ Nguyên (Nirutti)* có ý nghĩa là từ ngữ “*Cõi Giới*” hoặc “*đất đai lãnh thổ*”, đây là từ ngữ mà tất cả các Bậc Hiền Triết đã có nghĩ tưởng đến và đã có thăm sát rồi mới định danh lên những thể loại tên gọi này cho hiện bày như thế nào. Cũng tương tự với Tam Tạng, trong khoảng giữa thời gian mà Bậc Chánh Đẳng Giác vẫn chưa có đản sinh lên ở trong Thế Gian đây, thì Tam Tạng cũng vẫn không có cơ hội để hiện khởi lên được. Tiếp đến khi Bậc Chánh Đẳng Giác đã đản sinh lên rồi, thì Tam Tạng mới hiện khởi lên được như thế ấy. Như trình bày câu Chú Giải rằng: “*Uccateti = Utti*”- “*Nīharitvā utti = Nirutti*”- “Từ ngữ nào thích hợp nói lên; bởi do thế từ ngữ ấy mới được gọi tên là **Nói Năng**.”- “Từ ngữ nào thích hợp nói năng, và đã làm cho được hiện bày ra; bởi do thế từ ngữ ấy mới được gọi tên là **Từ Nguyên**.”

5. Việc gọi tên là *Mẫu Tự (Byañjana)* có ý nghĩa là từ ngữ “*Cõi Giới*” hoặc “*đất đai lãnh thổ*” có khả năng biểu thị nội dung cho được hiện khởi lên. Như trình bày câu Chú Giải rằng: “*Atthaṃ byañjayati pakāsetīti = Byañjana*”- “Từ ngữ nào thường có khả năng biểu thị nội dung cho được hiện khởi lên; bởi do thế từ ngữ ấy mới được gọi tên là **Mẫu Tự**.”

6. Việc gọi tên là *Thoại Thuyết (Abhilāpa)* có ý nghĩa là từ ngữ “*Cõi Giới*” hoặc “*đất đai lãnh thổ*” này đây, một khi tất cả mọi người cần phải nói năng hoặc đề cập đến, thì thường nghĩ tưởng đến nội dung, tức là sắc thái hình dạng của đất đai lãnh thổ ấy trước rồi mới kêu gọi, nói năng với nhau. Như trình bày câu Chú Giải rằng: “*Abhilappatīti = Abhilāpo*”- “Từ ngữ nào mà người nói đã nghĩ tưởng đến nội dung trước rồi mới nói lên; bởi do thế từ ngữ ấy mới được gọi tên là **Thoại Thuyết**.”

Khi kết luận lại thì từ ngữ nói rằng “*Cõi Giới*” hoặc “*đất đai lãnh thổ*” đã có đến sáu thể loại tên gọi, như đã vừa được đề cập đến tại đây. Và ngay cả trong những tên gọi khác khác nữa, như có “*núi đồi*”, “*cây cối*”, “*người nam*”, “*người*

nữ”, v.v., và luôn cả những ngôn ngữ đã sử dụng với nhau ở trong Thế Gian này; từ mỗi từ ngữ cũng đều có sáu thể loại tên gọi, như có Danh Từ, Định Danh, v.v. tương tự như nhau. Vì lẽ lời nói và những thể loại ngôn ngữ đây cũng đều là Thỉnh Danh Chế Định với nhau hết cả thảy; cũng tỷ như từng mỗi một người có được sáu thể loại tên gọi với nhau, dường như thể ấy vậy. Và những thể loại Thỉnh Danh Chế Định này cũng còn được gọi là **Danh Chế Định** (*Nàmapaññatti*).

Giải Thích Trong Sáu Phân Loại Thỉnh Danh Chế Định Hoặc Danh Chế Định

+ Phần Pàli ở điều thứ năm, sáu, bảy, và tám:

Trong phần Pàli ở cả bốn điều đây đã trình bày đến sáu phân loại của Thỉnh Danh Chế Định với cả việc nêu lên thí dụ điển hình riêng từng mỗi điều, đó là:

1. *Hiện Hữu Chế Định* (*Vijjamànapaññatti*) (còn được gọi là Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thỉnh Danh Chế Định mà có Thực Tính Siêu Lý đang hiện hữu; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “*Sắc*”, “*Thọ*”, “*Tương*”, “*Hành*”, “*Thức*”, “*Níp Bàn*”, v.v. Hoặc khi nói một cách tóm tắt thì đây chính là lời nói hữu quan với Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn ấy vậy.

Như trình bày câu Chú Giải rằng:

“*Vijjamànassa paññatti = Vijjamàna paññatti*”- “Gọi tên ngôn từ giả định của Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang hiện hữu ấy là **Hiện Hữu Chế Định**.”

2. *Bất Hiện Hữu Chế Định* (*Avijjamànapaññatti*) (còn được gọi là Phi Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thỉnh Danh Chế Định mà không có Thực Tính Siêu Lý cùng hiện hữu; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “*đất đai lẫn thổ*”, “*núi đồi*”, “*cây cối*”, “*sông nước*”, “*đại dương*”, “*căn nhà*”, “*người nam*”, “*người nữ*”, v.v.

Như trình bày câu Chú Giải rằng:

“*Avijjamànassa paññatti = Avijjamànapaññatti*”- “Gọi tên ngôn từ giả định của Pháp mà không có Thực Tính Siêu Lý cùng hiện hữu ấy là **Bất Hiện Hữu Chế Định**.”

3. *Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định* (*Vijjamànaavijjamàna paññatti*) (còn được gọi là Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thỉnh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “*Lục Thắng Trí*” (*Chalàbhiñño*), “*Tam Minh*” (*Tevijjo*), “*Vô Ngại Giải Đạo*” (*Paṭisambhidappatto*), “*Thất Lai*” (*Sotapanno*). Và những thể loại ngôn từ này nhằm đến bao gồm những hạng Người: “*Bậc Lục Thắng Trí*” (*Chalàbhiñña puggala*), “*Bậc Tam Minh*” (*Tevijjapuggala*), “*Bậc Vô Ngại Giải Đạo*” (*Paṭisambhidappattopuggala*), “*Bậc Thất Lai*” (*Sotapannopuggala*).

Từ ngữ nói rằng: *Lục Thắng Trí* = Sáu Thắng Trí; *Tam Minh* = Ba Minh; *Vô Ngại Giải* = Trí Vô Ngại Giải; *Thất Lai* = Quả Thất Lai; và những thể loại này từ ngữ này có Thực Tính Siêu Lý hiện bày. Còn từ ngữ “*Người*” (*Puggala*) là không có Thực Tính Siêu Lý hiện bày; bởi do thể những từ ngữ nói rằng “*Bạc Lục Thắng Trí*” v.v. đây mới làm thành **Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định**.

Như trình bày câu Chú Giải rằng: “*Vijjamànena avijjamànassa paññatti = Vijjamànenaavijjamànapaññatti*”- “Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là **Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định**.”

Trong những từ ngữ “*Lục Thắng Trí*”, “*Tam Minh*” v.v. ở phần Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định đây, khi đã được dịch theo Việt Ngữ thì sẽ phải nói là “*Bạc đã được chứng đắc Lục Thắng Trí*”, “*Bạc đã được chứng đắc Tam Minh*”, v.v. Bởi do thế, từ ngữ đề cập đến bởi theo Việt Ngữ đây mới xoay trở lại thành **Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định**.

4. **Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định** (*Avijjamànavijjamàna paññatti*) (còn được gọi là Phi Danh Siêu Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “*Âm thanh của người nữ*” (*Itthisaddo*), “*Sắc vàng*” (*Suvanṇavanno*), “*Hương bông hoa*” (*Pupphagandho*), v.v. Những thể loại từ ngữ như *Itthi* = người nữ; *Suvanṇa* = vàng; *Puppha* = bông hoa, đây không có Thực Tính Siêu Lý hiện bày. Còn những thể loại từ ngữ như *Saddo* = âm thanh; *Vanno* = màu sắc; *Gandho* = hương thơm, đây có Thực Tính Siêu Lý. Bởi do thế, những thể loại từ ngữ như nói rằng “*Âm thanh của người nữ*” (*Itthisaddo*) v.v. này đây mới làm thành **Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định**.

Như trình bày câu Chú Giải rằng:

“*Avijjamànena vijjamànassa paññatti = Avijjamànavijjamànapaññatti*”- “Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là **Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định**.”

Còn ở trong phần Việt Ngữ thì nói rằng “*âm thanh của người nữ*”, “*sắc vàng*”, “*hương bông hoa*”, v.v. bởi do thế từ ngữ đề cập đến bởi theo Việt Ngữ đây mới xoay trở lại thành Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.

5. **Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định** (*Vijjamànavijjamàna paññatti*) (còn được gọi là Danh Siêu Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “*Nhãn Thức*” (*Cakkhuvīñṇaṇaṃ*) = Thức nương vào Nhãn Căn khởi sinh; “*Nhãn Phũ Xúc*” (*Cakkhusamphasso*) = Việc tiếp xúc ở Lộ Nhãn Môn, v.v. Những thể loại từ ngữ như *Cakkhu* = Nhãn Thanh Triệt; *Vīñṇaṇaṃ* = Tâm; *Phasso* = Tâm Sở

Xúc, này đây đều có Thực Tính Siêu Lý hiện bày trong từng mỗi từ ngữ; bởi do thể những thể loại từ ngữ như nói rằng “*Nhãn Thức*” (*Cakkhuvīññanam*) v.v. này đây mới làm thành **Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định**.

Như trình bày câu Chú Giải rằng: “*Vijjamānena vijjamānassa paññatti = Vijjamānavijjamānapaññatti*”- “Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là **Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định**.”

6. Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (*Avijjamānena avijjamānapaññatti*) (còn được gọi là Phi Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “*Con trai của Đức Vua*” (*Rājaputto*), “*Cháu nội trai của Đức Vua*” (*Rājanattā*), “*Vợ của bá hộ*” (*Setṭhibhariyā*), “*Chị cả*” (*Jeṭṭhabhagini*), v.v. Những thể loại từ ngữ như *Rāja* = Đức Vua; *Putto* = con trai; *Nattā* = cháu nội trai; *Setṭhi* = bá hộ; *Bhariyā* = người vợ; *Jeṭṭha* = người anh; *Bhagini* = người em; v.v. này đây đều không có Thực Tính Siêu Lý hiện bày trong từng mỗi từ ngữ; bởi do thể những thể loại từ ngữ như nói rằng “*Con trai của Đức Vua*” (*Rājaputto*) v.v. này đây mới làm thành **Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định**.

Như trình bày câu Chú Giải rằng: “*Avijjamānena avijjamānassa paññatti = Avijjamānenaavijjamānapaññatti*”- “Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là **Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định**.”

**Giải Thích Trong Kế Ngôn Trình Bày Việc Hiểu Biết Đến
Thinh Danh Chế Định – Nghĩa Lý Chế Định
Và Nguyên Nhân Đầu Tiên Làm Danh Chế Định Hiện Khởi**

+ Phần Pàli ở điều thứ chín:

Trong phần Pàli ở điều này đã trình bày đến Lộ Trình Tâm liễu tri trong Thinh Danh Chế Định – Nghĩa Lý Chế Định, và việc định danh cho hiện khởi đối với tất cả mọi người.

Khi được lắng nghe lời nói rằng “*con bò*” thì *Lộ Trình Nhĩ Thức* thường sinh khởi lên tiếp thân Cảnh Thinh, tức là từ ngữ “*con bò*”; thế rồi cũng diệt mất đi. Tiếp nối theo đây thì *Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành* (*Tadanuvattika manodvāravithi*) thường sinh khởi lên tiếp thân Cảnh Thinh, tức là từ ngữ “*con bò*”; thế rồi cũng tiếp tục diệt mất đi; được gọi là *Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ* (*Atiṭaggahanavithi*). Chính vì thế cho nên Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới trình bày đề nói rằng “*Vacìghosānusārena sotaviññānavithiyā*”- ““*Khi một tiếng nói được phát lên, thì các Lộ Trình của Nhĩ Thức được khởi sinh lên cho mỗi âm*

thanh.” Trong phần Pàli này thì không có trình bày đến một cách trực tiếp Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ; tuy nhiên theo lẽ thường nhiên thì *Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng (Nāmaggaṇavithi)* và *Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa (Atthaggaṇavithi)* cả hai Lộ Trình này thường luôn sinh khởi ở đằng sau từ ở nơi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ. Hoặc *Lộ Trình Thu Dung Tập Thành (Samūhaggāṇavithi)* sẽ không thể sinh khởi một cách trực tiếp tiếp nối từ ở nơi Lộ Trình Nhĩ Thức ấy được; tuy nhiên trong lời nói rằng “*con bò*” đã được nêu lên làm thí dụ điển hình đây, lại là lời nói có từ đơn âm tiết; bởi do thế mới không có Lộ Trình Thu Dung Tập Thành. Với lý do này, Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng và Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa mới phải sinh khởi tiếp nối từ ở nơi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ; và sẽ không thể nào loại trừ Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ ấy đi được. Chính vì thế, cho dù Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ này sẽ không có được trình bày đến một cách trực tiếp đi nữa, tuy nhiên cũng nên hiểu rằng ắt phải có Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ này; thế theo phần được gọi là *Phần Bất Ly Biệt (Avinābhavanaya)* tức là phần được nói đến một sự vật sẽ không thể nào tách biệt một sự vật khác được.

Khi Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ sinh tiếp nối từ ở nơi Lộ Trình Nhĩ Thức đã diệt đi rồi, thì người lắng nghe ấy cũng vẫn chưa có khả năng để sẽ hiểu biết đến ý nghĩa của lời nói “*con bò*” ấy được; mà chỉ có hiểu biết được âm thanh rằng là “*con bò*” mà thôi. Tiếp nối từ nơi đây, thế rồi Lộ Trình thứ ba - ấy là Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng thường sinh khởi lên; thì ngay sát na ấy, người lắng nghe thường có khả năng hiểu biết đến Danh Chế Định, tức là ý nghĩa của lời nói “*con bò*” ấy được; thế nhưng cũng vẫn chưa hiểu biết đến Nghĩa Lý Chế Định, tức là sắc tướng hình dạng con bò. Bởi do thế Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới trình bày để nói rằng “*Pavattānantaruppanna manodvārassa gocarā*”- “*và từ đó cũng khởi lên các Chế Định xuyên qua Lộ Ý Môn.*”

Khi Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng đã diệt đi, thế rồi Lộ Trình thứ tư - ấy là Lộ Trình Thu Dung Nghĩa Lý sinh khởi tiếp nối Nghĩa Lý Chế Định; thì ngay sát na ấy, người lắng nghe thường hiểu biết đến sắc tướng hình dạng của *con bò* một cách đầy đủ trọn vẹn. Bởi do thế Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới trình bày để nói rằng “*Atthā yassānusārena viññāyanti tato param*”- “*và nhờ đó các ý nghĩa được nhận biết.*”

Việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình liễu tri đến Danh Chế Định và Nghĩa Lý Chế Định ngay sát na đang lắng nghe âm thanh của lời nói chỉ là từ đơn âm tiết như đã vừa đề cập đến ở tại đây, đã ứng hợp với kệ ngôn trình bày như vậy:

*Saddaṃ paṭhamacittena
Nāmaṃ tatiyacittena*

*Titāṃ dutiyacetasa
Atthaṃ catutthacetasa*

“*Thường thì được lắng nghe âm thanh đang hiện bày với Lộ Trình Nhĩ Thức thứ nhất.*”

Thường thì được hiểu biết âm thanh đã diệt đi rồi với Lộ Trình Ý Môn thứ hai, tức là Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ.

Thường thì được hiểu biết tên gọi với Lộ Trình Ý Môn thứ ba, tức là Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng.

Thường thì được hiểu biết ý nghĩa sắc tướng hình dạng với Lộ Trình Ý Môn thứ tư, tức là Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa.”

Thịnh Danh Chế Định và Nghĩa Lý Chế Định hiện bày hằng mỗi ngày ở trong Thế Gian này, là cũng do bởi tất cả các Bạc Hiền Triết ở trong Thời Kỳ Cổ Đại và trong Thời Kỳ Hiện Tại, đã định đặt thuận hợp theo thành ngữ của dân gian mỗi lần một ít, từng tí một.

Trong Thời Kỳ tân kiến thủy Thế Gian và đã có nhóm Nhân Loại sinh trú rồi, thì tất cả những Nghĩa Lý Chế Định đã được định đặt tính kể đến lục địa, đất đai lãnh thổ, núi đồi, sông nước, cây cối; và các sự vật ấy thì cũng đã có được hiện hữu rồi, thế nhưng vẫn chưa có Thịnh Danh Chế Định, tức là vẫn chưa có tên gọi để kêu nhau. Tiếp đến thì đã có bậc tiên thiên thông tuệ nghĩ suy định đặt danh xưng cho đặng thích hợp đối với sự hiện hành của những sự vật ấy. Chẳng hạn như khi đã trông thấy đất đai lãnh thổ rồi, thì định danh ấy là **“Bhùmi”** (Cõi Giới) hoặc **“Pāṭhavi”** (Đất Đai). Khi đã trông thấy núi đồi rồi, thì định danh ấy là **“Pabbato”** (Núi Đồi). Khi đã trông thấy sông núi thì cũng định danh ấy là **“Nadi”** (Sông Nước). Khi đã trông thấy cây cối thì cũng định danh ấy là **“Rukkho”** (Cây Cối) v.v. Và tất cả mọi người dân một khi đã được lắng nghe lời nói rằng “Cõi Giới”, v.v. thì cũng hiểu biết được rằng là tên gọi của sự vật này sự vật nọ; và một khi đã được trông thấy đất đai lãnh thổ, núi đồi, v.v. thì cũng gọi được tên gọi ấy là **“Bhùmi”, “Pabbato”,** v.v. cho được làm thành ngôn ngữ được sử dụng với khắp tất cả và cùng hiểu biết hết tất cả ở trong Thế Gian. Còn đối với những ngôn ngữ khác khác, như có Thái Ngữ, Miến Ngữ, Ấn Ngữ, Pháp Ngữ, v.v. cũng có các Bạc Trí Tuệ nghĩ suy định danh đặng sử dụng kêu gọi với nhau ở trong những quốc độ của mình cho đến cả thường luôn hằng mỗi ngày. Và giả như có một sự vật nào mới lạ đã hiện bày lên rồi, thế là nhóm các Bạc Hiền Triết có kiến thức ở trong lãnh vực thâm sát nghiên cứu, cũng lại định danh thêm tên gọi mới nữa tùy thuộc vào quốc độ của mình. Chính vì thế Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới trình bày để nói rằng **“Sāyaṃ paññatti viññeyyā lokasaṅketanimmitā”**- **“Những Chế Định ấy phải được hiểu biết, là theo quan điểm của Thế Tục”** như vậy.

***Kết Thúc Việc Phân Tích Phần Danh Sắc Và Chế Định
Và Kết Thúc Lời Dịch Nghĩa Phần Pāli Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp
Luôn Cả Lời Giải Thích Trong Chương Thứ Tám***

-----00000-----

VẤN HỎI TRONG CHƯƠNG THỨ TÁM VẤN HỎI TRONG LIÊN QUAN TƯƠNG SINH

(Câu hỏi có văn tự **A.** ở phía trước ấy là câu hỏi dành cho Bạc Giáo Thọ; còn câu hỏi không có văn tự **A.** ở phía trước ấy là câu hỏi dành cho tất cả mọi người.)

1/. **Hỏi:** Hãy vẽ họa đồ trình bày đến việc phân tích Pháp Liên Quan Tương Sinh thể theo Chi Pháp và Thời Kỳ, v.v.

2/. **Hỏi:** Hãy vẽ họa đồ trình bày đến Tam Thời Kỳ, Thập Nhị Chi Phần, 20 Hành Tướng, Tam Liên Kết, Tứ Tóm Lược, Tam Luân Hồi, Nhị Căn Nguyên, và Nhị Luân Xa.

3/. **Hỏi:** Hãy vẽ họa đồ trình bày đến Tiên Hữu Luân.

4/. **Hỏi:** Hãy vẽ họa đồ trình bày đến Hậu Hữu Luân.

5/. **Hỏi:** Tại làm sao Chương thứ tám này được gọi tên là **Tổng Hợp Duyên Hệ**, và cho trình bày Nhân Quả trong sự việc Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** trình bày đến các Pháp Chế Định để chung trong Chương này; luôn cả xin dịch nghĩa Kệ Ngôn Thệ Nguyên của Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** có **“Yesam saṅkhata dhammānaṃ”** v.v.

6/. **Hỏi:** Hãy trình bày ý nghĩa của từ ngữ nói rằng **“Paccaya”**(Năng Duyên) với **“Paccayuppanna”** (Sở Duyên); và Pháp làm được Năng Duyên nhưng không làm được Sở Duyên bao gồm những Pháp chi ?

7/. **Hỏi:** Hãy giải thích trong Kệ Ngôn Thệ Nguyên một cách tỷ mỉ chi tiết.

8/. **Hỏi:** Tổng Hợp Duyên Hệ đây có được mấy Phương Pháp, là những Phương Pháp chi ? Và hãy trình bày đến sự khác biệt giữa các Phương Pháp ấy (không cần phải nêu câu Chú Giải).

9/. **Hỏi:** Hãy trình bày câu Chú Giải của những từ ngữ tiếp theo đây: **“Paṭṭicasamuppādo”**, **“Paṭṭhānaṃ”**, **“Nayo”**, **“Paṭṭicasamuppādanayo”**, **“Paṭṭhānanayo”**.

10/. **Hỏi:** Pháp Năng Duyên Liên Quan Tương Sinh có ý nghĩa là chi ? Có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Pháp Sở Duyên Liên Quan Tương Sinh có ý nghĩa là chi ? Có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Và xin hãy trình bày câu Chú Giải có ý nghĩa đến Pháp làm thành Pháp Quả.

11/. **Hỏi:** Hãy dịch nghĩa trong phần Pàli thuộc Liên Quan Tương Sinh kể từ **“Avijjāpaccayā saṅkhārā”** v.v. cho đến **“samudayo hotīti”**.

A. 12/. Hỏi: Hãy giảng giải đến sự lợi ích được đón nhận từ nơi việc liễu tri Danh Sắc thể theo Nhân Quả bởi qua Phương Pháp của Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú.

13/. **Hỏi:** Vô Minh một khi chiết tự ra thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Hãy nói ý nghĩa của những từ ngữ ấy, và cho trình bày câu Chú Giải

của từ ngữ nói rằng “**Avijjà**” (Vô Minh), “**Vijjà**” (Minh); đối với Vô Minh thì chỉ trình bày hai câu mà thôi.

14/. Hỏi: Việc bất liễu tri thể theo Chân Lý của Vô Minh đây, thì có được bao nhiêu thể loại? Là những chi? Cho nêu lên một điều giải thích đặng cho làm thành cơ sở.

15/. Hỏi: Hãy trình bày đến sự hiện hành của người bất tự liễu tri bản thân hoặc tha nhân đã từng có tục sinh và sẽ còn phải tiếp tục đi tục sinh ở trong kiếp sống kế sau.

16/. Hỏi: “**Idappaccayatàpaṭiccasamuppennesu dhammesu aññaṇaṃ**” được dịch nghĩa là thế nào? Cho giải thích ý nghĩa của câu này với.

17/. Hỏi: Cả ba nhóm người bao gồm “người có Vô Minh ở phần đại đa số”, “người có Vô Minh ở phần nhiều” và “người có Vô Minh ở phần cuối cùng” đây, là thuộc những nhóm hạng người nào? Cho giải thích theo riêng từng mỗi hạng người.

A. 18/. Hỏi: Ngài nói rằng: “Tất cả các Bậc Vô Sinh là Bậc không còn có Vô Minh”, một khi đã là như vậy thì Bậc Vô Sinh có phải là Bậc liễu tri hết tất cả mọi sự việc hay không? Và giả như vẫn chưa có sự toàn tri toàn giác thì sẽ có sự mâu thuẫn hoặc để sẽ nói rằng “Bậc Vô Sinh đã đoạn lưu khởi Vô Minh rồi” hay chẳng? Xin cho lời giải thích một cách thấu đáo qua việc thẩm định này.

19/. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiết của Vô Minh.

20/. Hỏi: Từ ngữ “**Saṅkhàra**” (Hành) có nghĩa là thế nào? Cho nêu câu Chú Giải lên trình bày; và có bao nhiêu Hành làm thành Quả của Vô Minh? Cho trình bày Chi Pháp của từng mỗi thể loại Hành.

21/. Hỏi: Do bởi nguyên nhân nào mà Tư Tác Ý hiện hữu ở trong những Tâm Dị Thục Quả và Duy Tác đây không được sắp làm thành Hành, có Phúc Hành, v.v.? Và có hay là không ở phần Tư Tác Ý Thiện chỗ gọi là Phước Báo nhưng không được sắp làm thành Phúc Hành hoặc Bất Động Hành? Nếu giả như có, thì sẽ là thể loại Tư Tác Ý nào? Cho giải thích.

22/. Hỏi: Hãy phân tích Phúc Hành v.v. bởi theo Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực, Ý Hành Nghiệp Lực, Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập và Thập Ác Hạnh?

23/. Hỏi: Hãy trình bày các câu Chú Giải của những từ ngữ như tiếp theo đây: “**Puññaṃ**” (Phước Báo), “**Apuññaṃ**” (Phi Phước Báo), “**Aneñjaṃ**” (Bất Động), “**Puññaḥhisāṅkhàraṃ**” (Phúc Hành), “**Vacisaṅkhàraṃ**” (Ngữ Hành).

A. 24/. Hỏi: Hãy giảng giải đến Phúc Hành, Phi Phước Hành, và Bất Động Hành hiện khởi bởi do nương vào Vô Minh làm Nhân.

A. 25/. Hỏi: Đồng ý với những Bất Thiện Sự đã được thành tựu là do bởi Vô Minh làm Nhân, nhưng thật đáng nghi ngờ với những Thiện Sự được thành tựu là cũng vẫn do bởi Vô Minh làm Nhân; vậy xin cho lời giải thích để được thấu hiểu.

A. 26/. Hỏi: Trong câu “*Avijjàpaccayà saṅkhàra*” (Vô Minh làm duyên cho Hành) đã làm cho hiểu biết rằng những thể loại Xả Thí Thiện, Trì Giới Thiện, Tu Tập Thiện đây chỉ đặc biệt sinh khởi với người vẫn đang còn có Vô Minh. Khi đã là như vậy thì có phải cũng ngang bằng với Bạc đã thành tựu Quả vị Vô Sinh thường không còn tiếp tục thực hiện việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập nữa, vì lẽ đã đoạn lưu Vô Minh rồi hay không ? Xin Ngài cho lời giải thích thâm định về vấn đề một cách thông suốt rõ ràng.

27/. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Căn Thiết của Hành.

A. 28/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa và giải thích một cách tóm lược trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

A. 29/. Hỏi: Vô Minh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả Tam Hành thì có được bao nhiêu mãnh lực của Duyên Hệ ? Là những chi ? Cho trình bày theo riêng từng mỗi phần.

30/. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt giữa Hành làm thành Quả của Vô Minh với Hành làm thành Nhân của Thức; và cho trình bày Chi Pháp của Hành làm thành Nhân của Thức.

31/. Hỏi: Cho trình bày câu Chú Giải của từ ngữ “*Viññāṇam*” (Thức), cùng với cả Chi Pháp.

32/. Hỏi: Cho trình bày Chi Pháp của Thức thể theo cả hai Phương Pháp, cùng với cả lời giải thích.

A. 33/. Hỏi: Cho lời giải thích ở trong câu Chú Giải của *Viññāṇa* (Thức) thuộc điều thứ nhất và điều thứ hai; và Thức làm thành Quả của Hành đấy, khi phân chia ra thì có được bao nhiêu nhóm ? Là những chi ?

34/. Hỏi: Hãy phân tích 19 Thức Tái Tục bởi theo Hồn Hợp (*Missaka*), Thuần Nhất (*Suddha*), Cõi Giới (*Bhūmi*), Chủng Loại (*Jāti*), Sinh Thú (*Gati*), Thức Trụ (*Viññāṇathiti*), Lục Cư Địa Giới (*Sattavāsa*); luôn cả trình bày số lượng Thức trong từng mỗi Phần.

35/. Hỏi: Hãy phân tích 32 Thức Dị Thục Quả bởi theo cả Tam Hành, có Phúc Hành, v.v. rằng thể loại Thức nào thì sinh khởi bởi do nương vào thể loại Hành nào làm Năng Duyên.

36/. Hỏi: Thức Dị Thục Quả sinh khởi trong Thời Kỳ Chuyển Khởi ở Cõi Dục Giới, Cõi Sắc Giới, và Cõi Vô Sắc Giới thì gồm có những chi ? Và khi sinh khởi trong Thời Kỳ Tái Tục thì gồm có những chi ? Cho trình bày theo riêng từng mỗi Phần.

37/. Hỏi: Hãy trình bày Thức Dị Thục Quả như tiếp theo đây:

1. Thức Dị Thục Quả sinh được ở trong Thời Kỳ Tái Tục nhưng lại không được sinh ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi.
2. Thức Dị Thục Quả sinh được ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi nhưng lại không được sinh ở trong Thời Kỳ Tái Tục.

3. Thức Dị Thục Quả sinh được ở cả hai Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi.
4. Thức Dị Thục Quả sinh không được ở cả hai Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi.

38/. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Căn Thiệt của Thức. Và trong sự việc Hành làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thức đây thì có được bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ? Là những chi?

39/. Hỏi: Hãy trình bày phân loại Thức làm thành Nhân của Danh Sắc, cùng luôn cả Chi Pháp. Và lại từ ngữ “**Nàmarùpaṃ**” (Danh Sắc) thì Danh ấy là chi? và Sắc ấy là chi?

40/. Hỏi: Hãy phân tích Danh Sắc làm thành Quả của Thức thể theo Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi. Và cho lời giải thích trong câu Chú Giải “**Nàmañca rùpañca nàmarùpañca = Nàmarùpaṃ**”.

41/. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiệt của Danh Sắc.

42/. Hỏi: Hãy trình bày mãnh lực Duyên được kết hợp vào trong việc giúp đỡ ủng hộ như tiếp theo đây:

1. Thức Dị Thục Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Pháp tức là Tâm Sở phối hợp.
2. Thức Tái Tục làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Cơ (Sắc Ý Vật).
3. Thức Tái Tục làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Tái Tục (loại trừ Sắc Tâm Cơ).
4. Thức Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Tái Tục trong Cõi Hữu Tình Vô Tướng.
5. Thức Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Chuyển Khởi trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Nhất Uẩn.

43/. Hỏi: Cho trình bày Chi Pháp theo riêng từng mỗi Phần ở trong câu “**Nàmarùpapaccayà saḷàyatanam sambhavati**”- “Danh Sắc làm duyên cho Lục Xứ khởi sinh”; và hãy trình bày câu Chú Giải của các từ ngữ như tiếp theo đây: “**Āyatanam**” (Xứ), “**Saḷàyatanam**” (Lục Xứ). Và lại cho lời giải thích từ ngữ “**Saḷàyatanam**” (Lục Xứ) ở trong câu “**Nàmarùpapaccayà saḷàyatanam**” (Danh Sắc làm duyên cho Lục Xứ), và cho dịch nghĩa các câu như tiếp theo đây:

1. **Āyatanalakkhaṇam**
2. **Dassanarasam**
3. **Vatthudvārabhāvapaccupaṭṭhānam**
4. **Nàmarùpapadaṭṭhānam**

A. 44/. Hỏi: Hãy trình bày mãnh lực Duyên Hệ được liệt kê vào trong câu “**Nàmarùpapaccayà saḷàyatanam**” (Danh Sắc làm duyên cho Lục Xứ).

45/. Hỏi: Sẽ trình bày những câu Chú Giải thế nào ở trong các từ ngữ “Phassa” (Xúc), “Samphassa” (Phủ Xúc), “Cakkhusamphassa” (Nhãn Phủ Xúc), “Manosamphassa” (Ý Phủ Xúc).

A. 46/. Hỏi: Hãy giảng giải ở trong câu “*Saḷāyatanapaccayā phasso sambhavati*” (Lục Xứ làm duyên cho Xúc khởi sinh).

47/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa ở trong những câu như tiếp theo đây:

“*Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso*”

“*Manañca paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso*”

48/. Hỏi: Cho lời giải thích đến việc tiếp xúc Cảnh của “Xúc” rằng như thế nào mà được gọi tên là “Xúc” ?

49/. Hỏi: Hãy cho việc phân tích Lục Xúc bởi theo Cõi Giới.

50/. Hỏi: Xúc sinh khởi bởi do nương vào Lục Xứ làm Năng Duyên, một khi tính theo mãn túc thì có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ?

51/. Hỏi: Theo lẽ thường nhiên đơn nhất một Xúc sinh khởi bởi do nương vào hết tất cả các Xứ là không thể có được, và hết tất cả các Xúc sinh khởi chỉ do nương vào đơn nhất một Xứ thì cũng không thể có được; thế nhưng tại làm sao Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết bằng cách sử dụng câu thuộc đơn số (*Ekavacana*) để nói rằng “*Saḷāyatanapaccayā phasso*” ?

52/. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiết của Xúc; và trình bày việc liệt kê số lượng Duyên Hệ ở trong câu “Lục Xứ làm duyên cho Xúc” (*Saḷāyatanapaccayā phasso*).

53/. Hỏi: Có bao nhiêu Thọ sinh khởi bởi do nương vào Xúc ? Và ý nghĩa của từng mỗi thể loại ấy có như thế nào ?

54/. Hỏi: Hãy trình bày câu Chú Giải của từ ngữ “*Vedanā*” (Thọ); và Nhãn Phủ Xúc Thọ, với luôn cả phân tích cả Lục Thọ bởi theo Lạc Thọ (*Sukha*), Khổ Thọ (*Dukkha*) và Xả Thọ (*Upekkhā*).

A. 55/. Hỏi: Cho lời giải thích trong sự việc của An Lạc – Khổ Đau có nhiều hoặc ít tùy thuộc vào sự hiện hành của Xúc; luôn cả trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiết của Thọ; và việc liệt kê số lượng Duyên Hệ ở trong câu “Xúc làm duyên cho Thọ” (*Phassapaccayā vedanā*).

A. 56/. Hỏi: Hãy giảng giải trong câu “*Vedanāpaccayā taṇhā sambhavati*” (Thọ làm duyên cho Ái khởi sinh).

57/. Hỏi: Hãy trình bày câu Chú Giải của từ ngữ “*Taṇhā*” (Ái Dục) là sự hoan hỷ, duyệt ý, mong muốn đã được sinh khởi bởi do nương vào việc trông thấy, được lắng nghe, được ngửi, v.v. trong Cảnh tốt đẹp; bởi do thế mới nói được rằng Ái Dục sinh khởi từ ở nơi cả Lục Cảnh. Tuy nhiên tại làm sao Đức Phật Ngài mới lập ý trình bày rằng “*Vedanāpaccayā taṇhā*” (Thọ làm duyên cho Ái Dục) mà

không trực tiếp trình bày rằng “*Arammaṇapaccayā taṇhā*” (Cảnh làm duyên cho Ái Dục) ? Do bởi lý do nào ? Cho lời giải thích.

A. 58/. Hỏi: Cho lời giải thích theo riêng từng mỗi phần trong sự việc Ái Dục sinh khởi do bởi nương vào Lạc Thọ, Khổ Thọ, Xả Thọ.

59/. Hỏi: Ái Dục sinh khởi bởi do nương vào Lạc Thọ và Xả Thọ thì cũng có thể hiểu biết được, thế nhưng Ái Dục sinh khởi do bởi nương vào Khổ Thọ thì làm thế nào có được ? Cho lời giải thích.

60/. Hỏi: Lục Ái Dục gồm có những chi ? Cho trình bày ý nghĩa với.

61/. Hỏi: Cho lời giải thích trong đoạn văn Pàli chỗ nói rằng: “*Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuvīññānaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso phassapaccayā vedanā vedanāpaccayā taṇhā*” (Nhãn Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc. Đích thị chính do việc tụ hội vào nhau giữa cả ba Nhãn Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Nhãn Thức đây, mới được gọi tên là Xúc. Xúc làm duyên cho Thọ. Thọ làm duyên cho Ái Dục) luôn cả trình bày việc sinh khởi của Pháp Ái (***Dhammataṇhā***).

62/. Hỏi: Nếu có người nói rằng Sắc Ái đây cũng là Dục Ái (***Kāmatāṇhā***), hoặc cũng được là Hữu Ái (***Bhavataṇhā***), hoặc cũng được là Ly Hữu Ái; thế thì Ngài sẽ phản đối hoặc đồng ý như thế nào ? Cho trình bày một cách rõ ràng.

63/. Hỏi: Sự ưa thích đắm nhiễm ở trong việc tiến hóa An Chỉ và Minh Sát thì có phải là **Pháp Ái** hay không ? Cho lời giải thích thẩm định với việc nêu lên cơ sở dẫn chứng.

64/. Hỏi: Thọ sinh khởi do bởi không nương vào Xúc làm Năng Duyên thì có được hay không ? Và nhóm Thọ nào thì làm tác nhân cho Ái Dục sinh khởi ? Và việc thụ hưởng ấy chính là Thọ sinh khởi trong sát na trông thấy, được lắng nghe, v.v. thì sẽ nói rằng Ái Dục thường luôn được sinh khởi hay không ? Cho lời giải thích.

65/. Hỏi: Ái Dục chỗ được gọi tên là Dục Ái và Hữu Ái ấy là chi ? Cho nêu câu Chú Giải lên để phối hợp với việc trình bày.

66/. Hỏi: Khi trình bày thế theo Bộ Chú Giải Đại Phẩm thuộc Kinh Tạng (***Suttantamahāvagga Atthakathā***) thì **Hữu Ái** đây có được số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Cho trình bày ý nghĩa luôn cả việc nêu cơ sở lên để phối hợp dẫn chứng với.

67/. Hỏi: Chỗ nói rằng “Ly Hữu Ái” thì Ngài có sự hiểu biết như thế nào ? Cho lời giải thích thế theo sự hiểu biết của Ngài cho thật đúng đắn.

68/. Hỏi: Phương pháp tính đếm 108 Ái Dục thì sẽ phải tính đếm như thế nào ? Cho trình bày việc tính đếm một cách rõ ràng.

69/. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiết của Ái Dục; và lại cho trình bày Duyên Hệ được liệt kê ở trong câu “Thọ làm duyên cho Ái Dục” (***Vedanāpaccayā taṇhā***).

70/. Hỏi: *Thể loại Ái Dục và Tà Kiến nào đã được gọi tên là Cháp Thủ ? Và lại hãy trình bày câu Chú Giải của Cháp Thủ với.*

A. 71/. Hỏi: *Có bao nhiêu Kiến Cháp Thủ ? Là những chi ? Cho trình bày một cách tỷ mỉ chi tiết.*

72/. Hỏi: *62 Tà Kiến gồm có những chi ?*

73/. Hỏi: *Hãy trình bày Thập Hữu Biên Tướng Vô Biên Tướng Kiến (Antaggahikaditthi) cùng với ý nghĩa.*

74/. Hỏi: *Thể loại Tà Kiến nào đã được gọi tên là “Sīlabbatupàdāna” (Giới Cẩm Cháp Thủ) và “Attavàdupàdāna” (Ngã Luận Cháp Thủ) ? Cho lời giải thích một cách tóm lược.*

A. 75/. Hỏi: *Hãy giải thích ở trong câu chuyện về Giới Cẩm Cháp Thủ và Ngã Luận Cháp Thủ ? Cho lời giải thích một cách tóm lược.*

76/. Hỏi: *Một cách ngắn gọn Hữu Thân Kiến sinh khởi bởi do nương vào cả Ngũ Uẩn đầy thì có được bao nhiêu ? và một cách tròn đủ thì có được bao nhiêu ? Và lại hãy trình bày việc sinh khởi của Hữu Thân Kiến một cách ngắn gọn và một cách tròn đủ với việc nương vào bất luận một Uẩn nào trong Ngũ Uẩn đầy cho được trông thấy một cách rõ ràng.*

77/. Hỏi: *Cho bổ sung nội dung ở trong câu chuyện như tiếp theo đây:*

“Giải thích rằng người đã có Ngã Luận Cháp Thủ đây; thì bất kiến, bất liễu tri, v.v., và sắc thân cũng đã thực hiện theo Bản Ngã chỉ thị”.

A. 78/. Hỏi: *Hãy giảng giải ở trong câu chuyện Chí Tôn Bản Ngã (ParamaAtta), và Bản Sinh Mệnh Ngã (JivaAtta) một cách tỷ mỉ chi tiết.*

79/. Hỏi: *Sự Cháp Thủ rằng là Bản Ngã (Atta) đây, thì có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho lời giải thích một cách ngắn gọn.*

80/. Hỏi: *Cho dịch nghĩa ở trong đoạn văn Pàli như tiếp theo đây: Ayam kho bhavam brahmà mahàbrahmà abhibhū anabhibhūto aññadattthudaso vasavatti issaro kattà nimmàtā seṭṭho sajjitā vasi pitā bhūtabhabyānaṃ iminā mayaṃ bhotā brahmunā nimmitā.”*

81/. Hỏi: *Hãy trình bày ý nghĩa của những từ ngữ sau đây:*

1. Tự Hành Mệnh Ngã (**Kàraka JivaAtta**),
2. Tự Thọ Mệnh Ngã (**Vedaka JivaAtta**),
3. Chủ Quyền Mệnh Ngã (**Sàmi JivaAtta**),
4. Trường Tồn Mệnh Ngã (**Nivāsī JivaAtta**),
5. Tự Ché Mệnh Ngã (**Sayaṃvasī JivaAtta**),
6. Đắc Quyền Mệnh Ngã (**Vasavatta JivaAtta**);

và cho lời giải thích trong độ chừng một vài từ ngữ của những từ ngữ này.

82/. Hỏi: *Nếu như đã không có Hữu Thân Kiến thì những Tà Kiến khác có được sinh khởi hay không ? Cho sự thẩm định và lời giải thích.*

A. 83/. Hỏi: *Hãy trình bày sự khác biệt giữa Ái Dục với Dục Cháp Thủ một cách tỷ mỉ chi tiết.*

84/. Hỏi: Xin cho bổ túc nội dung ở trong câu chuyện như tiếp theo đây:

“Lại nữa, đa số Phật Tử cho dù sẽ không có quyết định được rằng là thuộc bất luận một nhóm Bản Sinh Mệnh Ngũ nào đi nữa, v.v. dịch nghĩa là “Này kẻ ngu si kia, tất cả Nhân Loại có sự chấp thủ rằng cây cỏ có mạng sống.”

85/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

Sattiyà yassa jivassa Loko vattati maññito
Kàrako vedako sàmi Nivàsi so sayamvasi

Luôn cả thắm định trong điều nói rằng “Chính tự Ta là chỗ nương tựa của chính mình” hoặc lời nói rằng “tự tin”; những lời nói này có được liệt kê vào Ngũ Luận Chấp Thủ hay không? Và thể loại Tà Kiến nào thì được gọi tên là Kiến Chấp Thủ? Cho lời giải thích và nêu lên cơ sở dẫn chứng để trình bày với.

A. 86/. Hỏi: Hãy giảng giải trong Ái Dục làm Năng Duyên cho cả Tứ Chấp Thủ đi.

87/. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiết của Chấp Thủ; và lại cho trình bày Duyên Hệ được liệt kê ở trong câu “Ái Dục làm duyên cho Chấp Thủ” (**Tañhàpaccayà upàdàna**).

88/. Hỏi: Có bao nhiêu thể loại “Hữu”? Cho trình bày cả Dĩ Pháp Bản Nguyên và Dĩ Nhân Bản Nguyên; luôn cả trình bày câu Chú Giải của các từ ngữ như tiếp theo đây: “**Bhava**” (Hữu), “**Kammabhava**” (Nghiệp Hữu), “**Uppatti**” (Sinh), “**Uppattibhava**” (Sinh Hữu).

89/. Hỏi: Cho phân tích Nghiệp Hữu bởi theo “**Dvāra**” (Môn), và hãy trình bày Cửu Sinh Hữu có Dục Hữu, v.v.

90/. Hỏi: Hãy trình bày cả Cửu Sinh Hữu bởi theo Dĩ Nhân Bản Nguyên, và trình bày Chi Pháp của Cửu Sinh Hữu có Thân Dị Tướng Dị Hữu (**Nànàttakāyanànàttasaññibhava**) v.v.

91/. Hỏi: Cửu Sinh Hữu khi tính theo giản lược thì có được bao nhiêu? Và cả hai Nghiệp Hữu với Sinh Hữu đây có được làm thành Nhân làm thành Quả với nhau như thế nào? Cho lời giải thích.

A. 92/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa ở trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

Amataṃ niyyamānena Jaramānena nijjaraṃ
Nibbutaṃ tapamānena Nimeyya bondinā sivaṃ

và hãy trình bày việc sinh khởi của Nghiệp Hữu và Sinh Hữu bởi do nương vào cả Tứ Chấp Thủ.

93/. Hỏi: Cho trình bày ý nghĩa của Tà Kiến như tiếp theo đây: Vô Hữu Kiến (**Natthidiṭṭhi**), Vô Nhân Kiến (**Ahetukadiṭṭhi**), Vô Hành Kiến (**Akiriyaḍiṭṭhi**).

94/. **Hỏi:** Cho trình bày sự khác biệt giữa Hành với Nghiệp Hữu, với luôn cả trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiết của Nghiệp Hữu.

A. 95/. **Hỏi:** Cho trình bày việc liệt kê Duyên Hệ ở trong câu “Chấp Thủ làm duyên cho Hữu” (**Upàdānapaccayā bhāvo**) một cách tỳ mỹ chi tiết.

96/. **Hỏi:** Cho giảng giải ở trong câu “**Bhavapaccayā jāti sambhavati**” (Hữu làm duyên cho Sinh khởi sinh).

97/. **Hỏi:** Từ ngữ “**Jāti**” (Sinh) dịch nghĩa như thế nào ? Trình bày câu Chú Giải ra sao ? Và Sinh đây - rằng khi theo Dĩ Pháp Bản Nguyên và theo Thời Gian thì có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ?

98/. **Hỏi:** Tái Tục Sinh rằng khi tính theo Sinh Chung thì có được bốn, rằng tính theo Uẩn thì có được ba; thật khó biết được rằng có bốn là như thế nào và có ba là như thế nào ?

99/. **Hỏi:** Hãy bỏ túc nội dung ở trong câu chuyện như tiếp theo đây: “**Sinh Chung (Jāti)** là việc sinh khởi của tất cả Chung Hữu Tình ở trong 31 Cõi Giới với rất nhiều trường hợp sai khác, có nhóm Hữu Tình Khổ Thú, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên. Những thể loại này v.v. bởi do thế, tất cả các bậc Hiền Trí nên thấu hiểu được rằng **Nghiệp Hữu** đây làm Năng Duyên của **Sinh** vậy.”

100/. **Hỏi:** Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiết của Sinh; và Nghiệp Hữu làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sinh thì có được bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ ? Là những chi ? Với luôn cả trình bày quan điểm của Ngài Phụ Chú Giải Căn Nguyên và Ngài Chú Giải Sư ở trong câu “Hữu làm duyên cho Sinh” (**Bhavapaccayā jāti**).

A. 101/. **Hỏi:** Hãy giảng giải ở trong câu “**Jātipaccayā jarāmarañam sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti**”- “Sinh làm duyên cho Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Nỗi Hại khởi sinh” một cách tóm lược.

102/. **Hỏi:** Cho trình bày câu Chú Giải của những từ ngữ như sau: “**Jarā**” (Lão Mại), “**Marāṇa**” (Tử Vong), “**Soka**” (Sầu Muộn), “**Parideva**” (Bi Ai), “**Dukkha**” (Khổ Đau), “**Domanassa**” (Ưu Thọ), “**Upāyāsa**” (Nỗi Hại).

103/. **Hỏi:** Chi Pháp của Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Khổ Đau, Ưu Thọ, Nỗi Hại là chi ?

104/. **Hỏi:** Lão Mại có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho nói lên ý nghĩa với.

105/. **Hỏi:** Ngài nói rằng “Lão Nhược Điều Tàn Lão Mại” (**Vayovuddhijarā**) rằng khi tính theo Niên Hạn (**Vaya**) thì có Tam Niên Hạn hoặc Thập Niên Hạn; thật khó hiểu được rằng Tam Niên Hạn là những chi ? Thập Niên Hạn là những chi ? Có quy phạm hạn định như thế nào ?

106/. Hỏi: Từ ngữ “**Jarà**” (Lão Mại) ở trong Liên Quan Tương Sinh lập ý nhằm đến thể loại Lão Mại nào ? Và hãy phân tích những thể loại Lão Mại đây bởi theo Pháp Siêu Lý và Chế Định.

A. 107/. Hỏi: Một vài Ngài nói rằng Lão Mại thì trông thấy được; một vài Ngài thì đã nói rằng không trông thấy được. Vấn đề này xin Ngài cho thẩm định quyết đoán để được nhận thấy một cách rõ ràng.

108/. Hỏi: Tử Vong có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Và trong Liên Quan Tương Sinh này có ý định lấy thể loại Lão Mại nào vậy ?

A. 109/. Hỏi: Hãy giảng giải việc hủy diệt mầm **Sinh** là tác nhân của Lão Mại – Tử Vong; với luôn cả nêu điều tỷ dụ lên so sánh.

110/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa ở trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

Anumattopi puñña

Attho mayhaṃ na vijjati

Yesañca attho puñña

Te mào vuttamarahati

Với luôn cả trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiết của Lão Mại và Tử Vong.

111/. Hỏi: Có bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Lão Mại – Tử Vong ? Là những chi ?

112/. Hỏi: Có bao nhiêu Pháp Điều Tàn (**Bayasana**) đã làm tác nhân của sự sầu muộn buồn lòng ? Là những chi ? Với lại cho trình bày ý nghĩa; và Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Căn Thiết của Sầu Muộn; và lại Bi Ai là những chi ?

113/. Hỏi: Sự khổ đau có bao nhiêu thể loại ? Là những chi, với luôn cả trình bày ý nghĩa; và sự khổ đau ở trong Liên Quan Tương Sinh đây, tức là thuộc thể loại khổ đau nào ?

114/. Hỏi: Việc hình phạt (**Kammakaraṇa**) với 32 thể loại đã làm cho phát sinh về Thân Khổ Thọ, đó là những chi ?

115/. Hỏi: Cho dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây:

Mà piyehi samàgañchi

Appiyehi kudàcanam

Piyànam adassanam dukkham

Appiyànañca dassanam

Và trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Căn Thiết của Khổ Đau và Ưu Thọ.

A. 116/. Hỏi: Từ ngữ “**Upàyàsa**” (Não Hại) khi chiết tự ra thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Có ý nghĩa như thế nào ? Cho lời giải thích về Thực Tính của Não Hại, và nói đến sự khác biệt với nhau giữa Sầu Muộn, Bi Ai, Não Hại.

117/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa kệ ngôn trình bày đến sự khác biệt với nhau giữa Sầu Muộn, Bi Ai, Não Hại; và cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Căn Thiết của Não Hại.

118/. Hỏi: Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. có được bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ ? Là những chi ? Và cho lời giải thích ở trong câu “*Evametassa kevalassa dukkhandhassa samudayo hoti*” một cách tỷ mỷ chi tiết.

A. 119/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa ở trong Liên Quan Tương Sinh thể theo Phân Nghịch Thuyết có “*Avijjaya tveva asesā virāgaṇirodhā saṅkhāraṇirodho*” v.v. “Hẩn thật, Vô Minh diệt thì Hành diệt,” v.v. với cả lời giải thích.

120/. Hỏi: Sự việc Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết Liên Quan Tương Sinh ở Phân Nghịch Thuyết là do bởi nguyên nhân nào ?

A. 121/. Hỏi: Cho lời giải thích ở trong điều này “Sự diệt diệt từ ở nơi Vô Minh, ấy cũng chính là Níp Bàn vậy” và hãy giảng giải vấn đề hữu quan người đã bất liễu tri đến Thực Tính của Níp Bàn trong Thời Kỳ Đức Phật và trong Thời Kỳ Hiện Tại.

122/. Hỏi: Hãy trình bày Tứ Phương Thức Liên Quan Tương Sinh của Bậc Chánh Đẳng Giác là những chi ? Cho trình bày ý nghĩa cùng với cả những lợi ích khi đã được đón nhận từ nơi việc thuyết giảng thể theo cả Tứ Phương Thức đấy.

123/. Hỏi: Cho lời giải thích ở trong việc nói rằng Pháp Liên Quan Tương Sinh đây là **Pháp Vận Hành Hoàn Bảo (Samantabhaddadhamma)**, và ở trong đoạn văn Pàli chỗ nói rằng “*Tattha tayo addhā, dvādasāṅgaṇi, viśatākārā, tisaṅdhi, catusaṅkhepā, tīṇi vaṭṭāni, dve mūlāni ca veditabbāni.*”- “Ở nơi đây cũng cần nên hiểu biết rằng có **3 Thời Kỳ, 12 Chi Phần, 20 Hành Tướng, 3 Liên Kết, 4 Tóm Lược, 3 Luân Hồi, và 2 Căn Nguyên**” đây có sự lập ý như thế nào ?

124/. Hỏi: Câu vấn hỏi có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Và từ ngữ nói rằng “**Katham**” đây, là câu vấn hỏi ở thể loại nào ?

125/. Hỏi: Hãy phân tích cả năm Câu Vấn Hỏi có Bất Đắc Nhi Tri Sở Vấn (**Adiṭṭhajotanāpucchā**), v.v. bởi theo Nhân Loại.

126/. Hỏi: Chi Phần Liên Quan Tương Sinh có được bao nhiêu ? Là những chi ? Và cho phân tích những Chi Phần Liên Quan Tương Sinh đấy bởi theo cả Tam Thời Kỳ cùng với cả lời giải thích.

127/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa ở trong đoạn văn Pàli “**Sokādivacanāṃ panettha nissandaphalanidassanāṃ**” và lời giải thích.

128/. Hỏi: Hãy bỏ túc đoạn văn Pàli trong câu có dấu hiệu “v.v.” như tiếp theo đây, cùng với lời dịch nghĩa:

“**Avijjā saṅkhāraggaḥaṇena v.v. gahitā bhavanti.**”

129/. Hỏi: Hãy giảng giải ở trong 20 thể loại Hành Tướng ?

130/. Hỏi: Cho trình bày đến Tam Luân Hồi, Nhị Căn Nguyên cùng với cả Chi Pháp.

131/. Hỏi: Liên Kết (**Sandhi**) và Tóm Lược (**Saṅkhepa**) có ý nghĩa như thế nào ? Và cho phân tích Chi Phần Liên Quan Tương Sinh bởi theo Tam Liên Kết và Tứ Tóm Lược.

A. 132/. Hỏi: Sẽ trình bày câu Chú Giải của từ ngữ “**Vatṭa**” (Luân Hồi) như thế nào ? Và cho lời giải thích Tam Luân Hồi.

133/. Hỏi: Từ ngữ “**Mūla**” (Căn Nguyên) có ý nghĩa như thế nào ? Và Pháp Liên Quan Tương Sinh một khi tính theo Xa Luân thì có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho trình bày đến sự hiện hành từ ở nơi Chi Phần Liên Quan Tương Sinh trong những thể loại Xa Luân đây.

A. 134/. Hỏi: Hãy giải thích ở trong điều nói rằng: “cả 7 Chi Phần có Vô Minh, Hành, v.v. đang luân chuyển tuần hoàn, thì những cả 5 Chi Phần gồm Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong đây cũng lại lần nữa luân chuyển theo cùng”.

A. 135/. Hỏi: Cho lời giải thích ở trong điều nói rằng: “cả 5 Chi Phần có Ái Dục, Chấp Thủ, v.v. đang luân chuyển tuần hoàn, thì những cả 7 Chi Phần gồm Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ này đây cũng luân chuyển theo cùng”.

136/. Hỏi: Sát na mà Ngài đang thâm sát Chi Phần Liên Quan Tương Sinh ở trong cả hai phía Xa Luân ấy là Tiền Hữu Luân và Hậu Hữu Luân đây, thì Ngài có những nghĩ suy như thế nào ? Cho lời giải thích.

137/. Hỏi: Hãy giảng giải sự liễu tri khi đã được đón nhận từ ở nơi cả hai Xa Luân.

138/. Hỏi: Hãy trình bày kệ ngôn với cả phần Pàli và lời dịch nghĩa đã trình bày đến việc tận diệt cả Tam Luân Hồi.

A. 139/. Hỏi: Cho lời giải thích ở trong tác nhân đã làm cho cả Tam Luân Hồi bị tận diệt.

A. 140/. Hỏi: Hãy giải thích ở trong kệ ngôn như tiếp theo đây một cách tỷ mỉ chi tiết:

**“Jaràmarāmuccāya Pīṭānamabhiṇhaso
Āsavānaṃ samuppāda Avijjā ca pavattati”**

141/. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt với nhau giữa Sinh và cả Tứ Lộ Hoặc đã làm tác nhân của Sầu Muộn, v.v.

142/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa ở trong đoạn văn Pàli như tiếp theo đây:

1. “**Āsavaṃsamudayaṃ cete sokādayaṃ honti**”

2. “**Āsavaṃsamudayaṃ avijjāṃ samudayaṃ**”

3. “**Āsavānaṃ samuppādaṃ avijjāṃ ca pavattati**”

4. “**Iti yasmā āsavaṃsamudayaṃ ete dhammā honti tasmā ete sījhamānā avijjāya hetubhūte āsave sādheti āsavesu ca saddhesu paccayabhāve bhāvato siddhā hoti**”

A. 143/. Hỏi: Hãy giảng giải việc sinh khởi của Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. bởi do nương vào cả Tứ Lộ Hoặc.

144/. Hỏi: Hãy trình bày nguyên nhân lấy Vô Minh lên định đặt làm thành tác nhân diệt đầu tiên ở trong Liên Quan Tương Sinh; và Xuất Sinh Xứ của Lưu Hoặc ấy là chi ?

145/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa và giải thích ở trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

“Vatṭamàbandha miccevaṃ tedhùmakamanàdikam. Paṭṭicasamuppàdo ti paṭṭhapesi mahàmuni.”

146/. Hỏi: Hãy phân tích Chi Phần Liên Quan Tương Sinh thế theo Đé (Sacca) nương vào Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp (Abhidhamma bhàjanìyanaya).

147/. Hỏi: Có bao nhiêu Phương Pháp trong việc thăm sát Liên Quan Tương Sinh để từ bỏ Thất Tà Kiến (Ditṭhi 7) ? Cho giảng giải.

Cả hai nhóm người như đã vừa đề cập đến đây, đều có những sự nghĩ suy đã làm cho mất đi sự lợi ích; tức là trong sự việc không đáng nghĩ suy lại lấy đi nghĩ suy, cho đến nỗi đã làm cho mình trở thành là nhóm Tà Kiến đi rồi. Với lý do này, Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý khuyến giáo đến tất cả Chư Tỳ Khuru rằng: **“Cattàrimàni bhikkhave acinteyyàni na cattetabbàni, yàni cinto ummàdassa vighàtassa bhàgì assa, katamàni cattàri ? Buddhànaṃ bhikkhave buddhavisayo acinteyyo na cinto tabbo yaṃ cinto ummàdassa vighàtassa bhàgì assa, jhàyissa bhikkhave jhànavisayo acinteyyo na cinto tabbo, yaṃ cinto ummàdassa vighàtassa bhàgì assa, kammavipàko bhikkhave acinteyyo na cinto tabbo, yaṃ cinto ummàdassa vighàtassa bhàgì assa, lokacintà bhikkhave acinteyyà na cinto tabbà yaṃ cinto ummàdassa vighàtassa bhàgì assa, imàni kho bhikkhave cattàri acinteyyàni na cattetabbàni yàni cinto ummàdassa vighàtassa bhàgì assati.”**- “Này tất cả Chư Tỳ Khuru, sự việc không nên để nghĩ suy, thì được gọi tên là **Bất Khả Tư Nghì (Acinteyyadhamma** – Chẳng thể nghĩ bàn), hiện hữu ở bốn trường hợp; và nếu giả như có người nào lấy để nghĩ suy rồi, thì người ấy sẽ có thể đi đến thành người cuồng loạn và có sự thông khô ở nội tâm. Bốn thể loại sự việc không nên để nghĩ suy đây, là gồm có những chi ? Này tất cả Chư Tỳ Khuru,

5. Một là **Phật Giới (Buddhav isaya)** là sự kiện hữu quan với sự hiện hành của Chư Phật, cùng với Uy Lực (Ànubhava) của Chư Phật, và Ân Đức Phật Bảo (Buddhaguna) từ ở nơi Chư Phật; là sự việc không nên để nghĩ suy;
6. Hai là **Thiền Giới (Jhànavisaya)** là Thắng Trí Thiền Định từ ở nơi tất cả các Bậc lập ý Thần Túc Thắng Trí; cũng là sự việc không nên để nghĩ suy;
7. Ba là **Nghiệp Quả (Kammavipàka)** là quả báo từ ở nơi tất cả Nghiệp Lực, có Hiện Báo Nghiệp Lực, v.v.; cũng là sự việc không nên để nghĩ suy;

8. Bốn là *Tâm Tư Thế Gian (Lokacintà)* là sự hiện hành của Thế Gian; tức là Thế Gian là chỗ nương trú của Chúng Sinh và tất cả Chúng Hữu Tình; mặt đất, núi đồi, sông nước, cây cối, v.v. những thế loại này cũng là sự việc không nên để nghĩ suy.

Này tất cả Chư Tỳ Khuru, bốn thế loại sự việc không nên để nghĩ suy như đã vừa đề cập đến đây; và nếu giả như có người nào lấy để nghĩ suy rồi, thì chắc chắn rằng người ấy sẽ có thể đi đến thành người cuồng loạn và có sự thống khổ ở nội tâm.” (Trích trong Chánh Tạng Pàli, Tăng Chi Bộ Kinh; Chương thứ IV, Phẩm Bốn Chi Pháp)

Với lý do như đã vừa đề cập đến đây, tất cả hàng Phật Tử nên thẩm sát việc luân chuyển tuần hoàn từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh với cả bốn Phương Pháp, có Phương Pháp Thống Nhất, v.v. như đã có được trình bày; và một khi đã thẩm sát một cách thấu đáo rồi, thì sẽ phát sinh tri kiến tự liễu tri được rằng sự hiện hành của Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình hẳn nhiên là chẳng có Tác Nhân khởi thủy ban đầu vậy.

Lại nữa, người đã có được liễu tri sự hiện hành từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh, thì sẽ vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi, ắt hẳn chưa từng có được, ngay cả dù chỉ sẽ là mơ tưởng. Chính vì thế, người Phật Tử là bậc có kỳ vọng sẽ vượt thoát ra khỏi toàn bộ khối Thống Khổ, phải nên cố gắng để liễu tri đến sự hiện hành từ ở nơi sự luân chuyển tuần hoàn của Xa Luân chỗ được gọi là Liên Quan Tương Sinh một cách thấu đáo.

148/. Hỏi: *Hãy dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây*

*Anàdidam bhavacakkam
Niccasukhasubhattehi*

*Vitakàrakavedakam
Suññam passe punappunam.
(Bhàsàtikà)*

luôn cả trình bày sự nghĩ suy trong việc thẩm sát cái làm thành tác nhân cho Vô Nhân Kiến và Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ (Issaranimmànavadadiṭṭhi) sinh khởi.

149/. Hỏi: *Có bao nhiêu sự việc không đáng phải nghĩ suy ? Là những chi ? Và hãy tiết diệt trong vấn đề người vẫn chưa liễu tri trong sự hiện hành từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh đấy rồi, thì có sẽ thành đạt bậc Thánh Nhân hay không ?*

A. 150/. Hỏi: *Cho giảng giải trong việc thẩm sát Liên Quan Tương Sinh của Ngài Trưởng Lão Ànanda, và Lời Giáo Giới của Bậc Chánh Đẳng Giác, với luôn cả nêu lên điều tỷ dụ dẫn chứng.*

151/. Hỏi: *Bởi do nương vào nguyên nhân nào mà Ngài Trưởng Lão Ànanda đã có sự liễu tri trong Liên Quan Tương Sinh một cách thấu triệt rõ ràng như thế ấy.*

A. 152/. Hỏi: *Hãy trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phương Pháp Phân Tích theo Vô Tỷ Pháp Tạng có cả ở trong Câu Thiện, Câu Bất Thiện, và Câu Vô Ký.*

153/. Hỏi: *Cho trình bày Liên Quan Tương Sinh sinh khởi bởi do nương vào Lộ Nhân Môn v.v. làm Nhân; và có những Phương Pháp như thế nào sẽ hủy diệt được Liên Quan Tương Sinh sinh khởi bởi do nương vào Lộ Nhân Môn đấy.*

Kết Thúc Vấn Hỏi Trong Liên Quan Tương Sinh

-----00000-----

VẤN HỎI TRONG PHÁT THỨ (PAṬṬHANA)

1/. Hỏi: *Hãy trình bày trong Chánh Tạng Pàli về Phần Duyên Xiển Thuật (Paccayuddesa) như có “Hetupaccayo Ārammaṇapaccayo v.v.”*

2/. Hỏi: *Hãy nói tên gọi những Duyên Hệ có việc giúp đỡ ủng hộ như tiếp theo đây:*

1. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do sự nối tiếp nhau không gián đoạn, không có xen kẽ giữa.
2. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do cùng câu sinh với nhau.
3. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành chỗ nương nhờ với năng lực mạnh mẽ (sát cận).
4. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành sự sinh trước.
5. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành sự sinh đằng sau.
6. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành sự sắp bày tạo tác nhằm để cho những hành động được hoàn thành.
7. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người dẫn dắt.
8. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người thẩm thị Cảnh.
9. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người vẫn còn hiện hữu.
10. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người chẳng có lìa khỏi.

3/. Hỏi: *Hãy trình bày kệ ngôn tổng hợp đề cập đến sáu nhóm Duyên Hệ với luôn cả lời dịch nghĩa.*

4/. Hỏi: *Hãy dịch nghĩa ở trong đoạn văn Pàli như tiếp theo đây: “Anantaraniruddhà cittacetāsikā dhammā paṭuppannānaṃ cittacetāsikānaṃ dhammānaṃ anantarasamanantaranatthivigatavadena, purimāni javanāni pacchimānaṃ javanānaṃ āsevanavasena, sahaṅgānaṃ cittacetāsikā dhammā aññaṃaññaṃ sampayuttavasenehi ca chadhā nāmaṃ nāmassa paccayo hoti”.*

5/. Hỏi: *Hãy trình bày tên gọi những Duyên Hệ hiện hữu ở trong các nhóm như tiếp theo đây:*

1. Danh làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên.
2. Danh làm Năng Duyên, Sắc làm Sở Duyên.

3. Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên.
4. Chế Định - Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên.
5. Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên.

6/. Hỏi: Hãy trình bày phân loại từ ở nơi Cảnh Duyên, và Cận Y Duyên; luôn cả nêu lên Chi Pháp và cả hai Duyên này liệt kê vào ở trong nhóm Duyên Hệ nào trong những sáu nhóm Duyên Hệ đây vậy ?

7/. Hỏi: Hãy trình phân loại từ ở nơi Trường Duyên và Pháp đã được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ ở nơi những thể loại Duyên đây, là Pháp thuộc ở thể loại nhóm nào ?

8/. Hỏi: Hãy trình Pháp Sở Duyên của Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên như tiếp theo đây:

1. Tâm, Tâm Sở làm **Câu Sinh Năng Duyên**.
2. Tứ Sắc Đại Hiện làm Câu Sinh Năng Duyên.
3. Tứ Danh Uẩn Tái Tục làm Câu Sinh Năng Duyên.
4. Ý Vật Tái Tục làm Câu Sinh Năng Duyên.
5. Tâm, Tâm Sở làm **Hổ Tương Năng Duyên**.
6. Tứ Sắc Đại Hiện làm Hổ Tương Năng Duyên.
7. Tứ Danh Uẩn Tái Tục làm Hổ Tương Năng Duyên.
8. Ý Vật Tái Tục làm Hổ Tương Năng Duyên.
9. Tâm, Tâm Sở làm **Y Chỉ Năng Duyên**.
10. Tứ Sắc Đại Hiện làm Y Chỉ Năng Duyên.
11. Cả Lục Sắc Vật làm Y Chỉ Năng Duyên.

9/. Hỏi: Hãy trình bày Pháp Năng Duyên của Pháp Vật Thực Sở Duyên, và Pháp Quyền Lực Sở Duyên như tiếp theo đây:

1. Sắc thân làm **Vật Thực Sở Duyên**.
2. Danh Sắc là Tâm, Tâm Sở, Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục làm Vật Thực Sở Duyên.
3. 10 Tâm Ngũ Song Thức làm **Quyền Lực Sở Duyên**.
4. Sắc Y Sinh là Sắc Nghiệp làm Quyền Lực Sở Duyên.
5. Danh Sắc là Tâm, Tâm Sở, Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục làm Quyền Lực Sở Duyên.

10/. Hỏi: Hãy trình bày Duyên Hệ cùng được vào với nhau trong việc giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau của những Pháp như tiếp theo đây:

1. Tâm và Tâm Sở.
2. Tứ Sắc Đại Hiện.
3. Ý Vật và Tứ Danh Uẩn Dị Thực Quả ở trong Thời Kỳ Tái Tục.

11/. Hỏi: Cho trình bày Pháp Sở Duyên của Bất Tương Ứng Duyên như tiếp theo đây:

1. Ý Vật Tái Tục làm Bất Tương Ứng Năng Duyên.
2. Tâm, Tâm Sở làm Bất Tương Ứng Năng Duyên.

3. Tâm, Tâm Sở sinh sau sau làm Bất Tương Ứng Năng Duyên.
4. Lục Sắc Vật ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi làm Bất Tương Ứng Năng Duyên.

12/. Hỏi: Có bao nhiêu thể loại Pháp làm thành Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên ? Luôn cả nêu nên tạng Pàli lên để cho trình bày với (không cần phải dịch nghĩa).

13/. Hỏi: Những thể loại Duyên nào tựu hội được hết tất cả các Duyên ? Và cho trình bày Sắc Pháp có tên gọi là “Sắc Câu Sinh” (*Sahajàtarūpa*).

14/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa ở trong cả hai kệ ngôn như tiếp theo đây:

<i>“Iti tekàlikà dhammà Ajjhattañca bahiddhà ca Paññattinàmarupànaṃ Paccayà nàma paṭṭhàne</i>	<i>Kàlamuttà ca sambhavà Saṅkhatàsaṅkhatà tathà. Vasena tividhà ṭhità Catuvisati sabbathà.”</i>
---	---

Kết Thúc Vấn Hỏi Trong Phát Thú

-----00000-----

VẤN HỎI TRONG CHẾ ĐỊNH (PAÑÑATTI)

1/. Hỏi: Đoạn văn Pàli trình bày phân tích đến Danh, Sắc, Chế Định đầy đã trình bày như thế nào ?

Và cho dịch nghĩa ở trong những từ ngữ Pàli như tiếp theo đây:

1. *Paññàpiyattà paññatti*
2. *Paññāpanato paññatti*

2/. Hỏi: Nghĩa Lý Chế Định có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Luôn cả dịch nghĩa đoạn văn Pàli như tiếp theo đây:

“Taṃ taṃbhūtavipariṇāmakāramupādāya tathà tathà paññattà bhūmipabbatādikā, sambhārasannivesakāramupādāya geharathasakaṭādikā, khandhapañcakamupādāya purisapuggalādikā, candāvaṭṭanādikamupādāya disākālādikā, asamphuṭṭhākāramupādāya kùpagùhādikā, taṃ taṃ bhūtanimittaṃ bhāvanāvīsesañca upādāya kasiṇanimittādikā ceti, evamādippabhedà pana paramatthato avijjamaṇāpi atthachàyākàrena cittuppādānamārarammaṇabhūtā, taṃ taṃ upādāya upānidhāya karaṇaṃ katvā tathà tathà parikappiyamaṇā saṅkhāyati samaññāyati vohariyati paññāpiyatīti paññattīti pavuccati. Ayaṃ paññatti paññāpiyattà paññatti nāma.”

A. 3/. Hỏi: Hãy giảng giải ở trong cả Lục Nghĩa Lý Chế Định có Hình Thức Chế Định, v.v.

4/. Hỏi: Thinh Danh Chế Định có bao nhiêu phân loại ? Là những chi ? Luôn cả nêu thí dụ điển hình để trình bày với.

5/. **Hỏi:** Chỉ duy nhất Thỉnh Danh Chế Định mà đã được gọi thành bao nhiêu tên gọi ? Là những chi ? Luôn cả trình bày ý nghĩa.

A. 6/. **Hỏi:** Hãy giảng giải ở trong cả sáu phân loại Thỉnh Danh Chế Định.

7/. **Hỏi:** Cho dịch nghĩa ở trong đoạn văn Pàli như tiếp theo đây: “*Sà vijjamànapaññatti avijjamànapaññatti, vijjamànenaavijjamàna paññatti, avijjamànenavijjamànapaññatti, vijjamànenavijjamànapaññatti, avijjamànena avijjamànapaññatti, ceti chabbidhà hoti.*”

8/. **Hỏi:** Hãy dịch nghĩa ở trong kệ ngôn trình bày đến việc hiểu biết đến cả hai Pháp Chế Định, và việc sinh khởi của Thỉnh Danh Chế Định.

9/. **Hỏi:** Cho giảng giải ở trong cả hai kệ ngôn như tiếp theo đây:

<i>“Vacìghosànusàrena</i>	<i>Sotaviññàṇavithiyà</i>
<i>Pavattànantaruppanna</i>	<i>Manodvārassa gocarà.</i>
<i>Atthà yassànusàrena</i>	<i>Viññàyanti tato param</i>
<i>Sàyaṃ paññatti viññeyyà</i>	<i>Lokasaṅketanimmità.”</i>

Kết Thúc Vấn Hỏi Trong Chế Định

-----00000-----

LỜI SỞ NGUYỆN (PARÀRATHANA)

<i>Iminà puññakammena</i>	<i>Buddho homi anàgate</i>
<i>Yattha yattha bhavè jàto</i>	<i>Mà daliddo bhavàmahaṃ</i>

“Với mãnh lực từ ở nơi Thiện Sự sinh khởi của việc soạn tác kinh điển này, thì xin cho Bản Đạo đạt được Trí Hạnh (*Puññàdhika*) của Bậc Tuệ Toàn Giác ở trong thời gian vị lai; và xin cho Bản Đạo không phải là người nghèo khổ trong những kiếp sống vị lai”.

<i>Apattaṃ yàva buddhattaṃ</i>	<i>Paññàdhikaṃ bhavàmihaṃ</i>
<i>Jàtisaraṇànikova</i>	<i>Jeṭṭhaseṭṭho nirantaraṃ</i>

“Chừng nào Tuệ Chí Thượng Giác Hữu của Bản Đạo vẫn chưa đạt thành kết quả, thì xin cho Bản Đạo luôn là người tiến hóa, là người thanh cao, và có Trí Tuệ làm thành vật truy niệm luôn mãi ở trong mọi kiếp sống (*Anussaranaṇa* – Truy Niệm Trí) ”.

<i>Kareyyaṃ gàraṃ garuṃ</i>	<i>Màneyyaṃ mìnàràhaṃ</i>
<i>Vandeyyaṃ vandanàrahaṃ</i>	<i>Pùjeyyaṃ pùjanàrahaṃ</i>

“Xin cho Bản Đạo được quý trọng Bậc đáng quý trọng, xin cho Bản Đạo được tôn kính Bậc đáng tôn kính, xin cho Bản Đạo được lễ bái Bậc đáng lễ bái, xin cho Bản Đạo được cúng dường Bậc đáng cúng dường.”

-----00000-----

Bảng Chính Phương: Tóm Lược Pháp Liên Quan Tương Sinh

Phần thứ I	Phần thứ II	Phần Thứ III				Phần thứ IV	Phần thứ V	Phần thứ VI	Phần thứ VII
		Nhân Quả Khứ	Quả Hiện Tại	Nhân Hiện Tại	Quả Vị Lai				
Tam Thời Kỳ	12 Chi Phần	20 Hành Tướng				Tam Liên Kết	Tứ Tóm Lược	Tam Luân Hồi	Nhị Căn Nguyên
Q. K.	V. M.	1		4			1	P.N.L.	V. M.
“	Hành	2		5		*	1	N. L.	
						1 L K.			
H. T.	Thức		1		1	*	2	D.T.L.	
“	D. Sắc		2		2		2	“	
“	6 Xứ		3		3		2	“	
“	Xúc		4		4		2	“	
“	Thọ		5		5	*	2	“	
						1 L K.			
“	A. D.	3		1		*	3	P.N.L.	A. D.
“	C. Thù	4		2			3	“	
“	Hữu	5		3		*	3	N. L.	
						1 L.K.		D.T.L.	
V. L.	Sinh					*	4	D.T.L.	
“	L.Mại Tử						4	“	

Ghi chú: Hữu được phân ra làm hai, đó là: *Nghiệp Hữu* gọi là *Nghiệp Luân Hồi*; và *Sinh Hữu* gọi là *Dị Thục Quả Luân*.

**Kết Thúc Liên Quan Tương Sinh Minh Giải
Và Giải Lược 24 Duyên Hệ**

**KẾT THÚC CHƯƠNG THỨ VIII – TỔNG HỢP PHÂN TÍCH DUYÊN HỆ
LIÊN QUAN TƯƠNG SINH MINH GIẢI
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP**

-----00000-----

Có Năm Nguyên Nhân Làm Cho Chánh Pháp Được Kiên Trụ

“Này Chư Tỳ Khuru, năm điều Pháp này thường luôn hiện hành để làm cho sự kiên trụ, bất mô hồ thối giảm ở nơi *Chánh Pháp (Saddhamma)*, và thế nào là năm điều Pháp? Đó là:

1. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, thường luôn lắng nghe Giáo Pháp một cách tôn kính.
2. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, học hành Giáo Pháp một cách tôn kính.
3. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, ghi nhớ thuộc lòng Giáo Pháp một cách tôn kính.
4. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, suy tư nghĩ ngợi ý nghĩa của Giáo Pháp đã học thuộc lòng một cách tôn kính.
5. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, liễu tri ý nghĩa liễu tri Giáo Pháp rồi thực hành với tâm tùy tâm, tùy tứ, ý tùy quán Pháp thích hợp như đã được lắng nghe, như đã được học thuộc lòng một cách tôn kính.

Này Chư Tỳ Khuru, chính năm điều Pháp này thường luôn hiện hành để làm cho sự kiên trụ, bất mô hồ thối giảm của Chánh Pháp.

(Tăng Chi Bộ Kinh – Chương Năm Pháp - *Aṅguttaranikàyaṇāṇṇanipāṭa*)

Có Năm Nguyên Nhân Làm Chánh Pháp Bị Thối Giảm

“Này Chư Tỳ Khuru, năm điều Pháp này thường luôn hiện hành để làm cho sự mô hồ thối giảm ở nơi *Chánh Pháp (Saddhamma)*, và thế nào là năm điều Pháp? Đó là:

1. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, không lắng nghe Giáo Pháp một cách tôn kính.
2. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, không học hành Giáo Pháp một cách tôn kính.
3. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, không ghi nhớ thuộc lòng Giáo Pháp một cách tôn kính.
4. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, không suy tư nghĩ ngợi ý nghĩa của Giáo Pháp đã học thuộc lòng một cách tôn kính.
5. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, liễu tri ý nghĩa liễu tri Giáo Pháp, thế rồi không thực hành với tâm tùy tâm, tùy tứ, ý tùy quán Pháp thích hợp như đã được lắng nghe, như đã được học thuộc lòng một cách tôn kính.

Này Chư Tỳ Khuru, chính năm điều Pháp này thường luôn hiện hành để làm cho sự mô hồ thối giảm từ ở nơi Chánh Pháp.

(Tăng Chi Bộ Kinh – Chương Năm Pháp - *Aṅguttaranikàyaṇāṇṇanipāṭa*)

Thu vãng phù dung đoạt lợi tranh
Tinh thần dụng tận vạn thiên thiên
Hóa tài hao tán giai nhân mệnh
Cốt nhục oan cừ mạc oán thiên
Nhạn quá quan san dong dục quyện
Hoa khai hàn lĩnh nhất chi tiên
Đáo đầu phùng đắc dương sơ hữu
Ngã diệc lãng vân thượng bích thiên

Bình sinh từ thiện lạc thiên chân
Mao tiết lưu phương cập hậu côn
Thân hữu kỷ đa vinh hiển sự
Trùng trùng điệp điệp báo hoàng ân.
Long xà đảo xứ thị quy kỳ
Vạn lý giang sơn bất cái di
Thiên bạn chi lan hương ánh nhật
Phi phạm trực hướng cửu thiên thời

-----00000-----

PHỤ LỤC KINH ĐIỂN THI TẬP

(Do Ngài Đại Trưởng Lão **TỊNH SỰ** Soạn Tác)

BÀI TỤNG LỄ PHẬT VÔ DƯ Y NÍP BÀN

Chúng ta đã quy y Chánh Giác
Đấng Thế Tôn Giáo Chủ hiện nay
Dạy truyền Chánh Pháp quý thay,
Hài lòng thật đáng bậc Thầy cao siêu.
Sinh tại xứ Trung Ương Thế Giới,
Giữa trong vòng Nhân Loại mở mang,
Cò Đàm là giống cao sang,
Trong dòng họ Thích con hàng Đại Vương.
Xuất gia đã vì phương cứu thế,
Đắc Đạo màu Toàn Giác tột ngôi,
Không còn một kẻ sánh bằng,
Đủ đầy công đức khỏi phần hoài nghi.
Hiệu Ứng Cúng nêu trừ phiền não,
Thật phước điền quý báu đáng trông.
Biết cùng hiểu tột khắp thông,
Chánh Biến Tri hiệu đâu không rõ ràng.

Minh Hạnh Túc tượng trung hai Pháp,
Thập Ngũ Hành lại với Bát Minh.
Thiện Thệ tốt khéo hành trình,
Níp Bàn thắng tới tịnh minh tuyệt nguồn.
Thế Gian Giải trong đời đều tỏ,
Chẳng một chi lớn nhỏ không tường.
Tế độ người đáng đủ phương,
Hiệu Vô Thượng Sĩ phô trương với cùng.
Thêm Điều Ngự Trượng Phu liên tiếp,
Trạng giúp người duyên hiệp hữu căn.
Thiên Nhân Sư hiệu chỉ phân,
Làm Thầy ba Cõi dạy răn lợi đời.
Hiệu Phật Đà vì Ngôi thức tỉnh,
Đã khỏi trong phiền não giấc nồng.
Thế Tôn hiệu chót do lòng,
Từ Bi thuyết Pháp lưu thông độ đời.
Pháp Tam Tạng Thế Tôn Ngài thuyết,
Học đại truyền tế độ nhân sinh
Pháp Hành Giới Định Huệ Minh
Người tu thấy rõ đạt trình tự ta.
Phát hành Đạo Quả sinh liên tiếp,
Không chậm chày cách hờ thì giờ.
Đặng rồi chắc chắn nào lơ.
Nên kêu người lại bây giờ đến xem.
Pháp tịch tịnh rất là trong sạch,
Đáng cho người đem để vào lòng.
Các hàng Tri Thức nên mong,
Tìm ra sẽ biết tự trong phận mình.
Tăng đệ tử Thế Tôn Chánh Giác
Thọ trì theo Giới Luật đàng hoàng,
Tăng hành ngay lối đã an,
Tăng tu thấy rõ con đàng cao siêu.
Tăng thành tựu đến nơi Đạo Quả,
Có bốn chỉ là chỉ đếm theo đôi,
Tíng người tới tám đủ rồi,
Trong nền Tăng Bảo là ngôi phước điền.
Đồng cả thấy chúng ta quy hướng,
Ngay Thế Tôn kính lạy cúi đầu,
Nhớ phần ân đức cao sâu,
Phát tâm cảm động âu sâu thiết tha.

Lòng trong sạch mới là đức tin,
 Sẽ làm Nhân đến Níp Bàn.
 Nhằm ngày kỷ niệm sửa sang,
 Chúng ta làm lễ trang hoàng rất đông.
 Bồ Tát trước giáng sinh Nhân Giới,
 Lúc Ngài thành Đạo Quả Phật Đà,
 Đến khi viên tịch đều là
 Trăng tròn đầy đủ Rằm và tháng Tư.
 Dem lễ vật cùng nhau bày sắp,
 Cả nhang đèn bông tốt thơm tho,
 Dùng thân quỳ bái khúc ca,
 Chí thành nhiều Phật tâm lo nhớ ngày.
 Xin nhờ Đấng Thế Tôn phản chiếu,
 Đã Níp Bàn ân hiệu còn đây,
 Phát ra cảm ứng lòng này,
 Chứng minh lễ vật hiện đây cúng dường.
 Cầu cho đặng đủ phương lợi ích,
 Hằng an vui vĩnh viễn lâu dài,
 Làm Nhân giải thoát tương lai,
 Mong cầu mau sớm ra ngoài Tử Sinh.
 -----00000-----

LỄ TAM BẢO TÓM TẮT GIẢN DỊ

Cúi đầu cung kính Đức Thế Tôn (*cúi lạy*)
 Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Vị nào đã ngời thanh tịnh,
 Dưới cây Bồ Đề quý báu, Thắng đặng bọn Ma Vương,
 Đã chứng ngôi Toàn Giác, Trí Huệ rất vô cùng,
 Cả trong đời là Ngài cao quý.
 Con xin cúi đầu làm lễ, Đến Đức Phật Thế Tôn.
 Chư Phật quá khứ vị lai, Và Chư Phật hiện tại này.
 Con cúi đầu lạy Tam Thế Phật (*cúi lạy*)
 Bởi nguyên do như vậy: Mới là Đấng Thế Tôn,
 Bạc đã xa lìa phiền não, Và đáng kính lạy cúng dường.
 Ngài tự chứng Nhất Thiết Trí, Đã đầy đủ Bát Minh.
 Và Thập Ngũ Hành, Bạc đã đi con đường tốt,
 Là người thấu cả trong đời, Điều trị kẻ nên điều trị.
 Trang Vô Thượng chẳng ai bì
 Làm Thầy Chư Thiên và Nhân Loại.
 Đã là người thức tỉnh, Phân phát Pháp cao siêu.

Con trọn đời xin quy y Phật, Và cho đến Níp Bàn.
 Chẳng có chi con đáng quy y,
 Chỉ nương Phật là quy y cao tột. Do lời thành thật này,
 Xin các sự kiết tường thắng lợi; Hằng có đến cho con.
 Xin cúi đầu kính lạy (*cúi lạy*),
 Dưới chân quý của Đức Thế Tôn,
 Lỗi nào con phạm đến Phật Bảo,
 Cầu xin xá tội cho con ! (*cúi lạy*)
 Bát Thánh Đạo là con đường quý, Của tất cả Nhân Sinh.
 Thật là đường ngay thẳng, Để đi đến Níp Bàn.
 Pháp nhiệm màu vắng lặng, Là Pháp siêu độ tử sinh.
 Con xin đánh lễ Pháp ấy (*cúi lạy*)
 Pháp Bảo quá khứ, vị lai, Và Pháp hiện tại này.
 Con xin kính lạy Tam Thế Pháp (*cúi lạy*)
 Pháp Bảo của Đức Thế Tôn, Ngài đã khéo thuyết.
 Pháp Bảo để đắc rồi tử hiểu,
 Pháp Bảo không xen hở thời giờ,
 Pháp Bảo dạy cho người kinh nghiệm,
 Pháp Bảo đáng để ý lưu tâm,
 Pháp Bảo những người trí thức, Nên hiểu biết tự phần.
 Con trọn đời quy y Pháp Bảo, Và cho đến Níp Bàn.
 Chẳng có chi con đáng quy y,
 Nương Pháp Bảo là quy y cao tột. Do lời thành thật này,
 Xin các sự kiết tường thắng lợi, Hằng có đến cho con.
 Con xin lạy hai ngôi Pháp Bảo (*cúi lạy*),
 Lỗi nào con phạm đến Pháp Bảo,
 Cầu xin xá tội cho con ! (*cúi lạy*)
 Tăng Bảo là ngôi trong sạch, Thật quý đáng cúng dường.
 Lục căn của các Ngài thanh tịnh, Người dứt khỏi bợn nhơ.
 Đặng đủ đầy công đức, Bạc Tứ Lộ không còn.
 Con xin lạy cả Thánh Tăng (*cúi lạy*)
 Tăng Bảo quá khứ, vị lai, Và Tăng Bảo hiện tại này.
 Con xin lạy cả Tăng Tam Thế (*cúi lạy*)
 Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành đặng tốt.
 Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành đúng đắn.
 Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành thật trụng.
 Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành mãn ý.
 Là bậc Thánh có bốn đôi, Nếu đếm người thời đủ tám.
 Đây là Tăng đệ tử, Của Đức Thế Tôn.
 Bạc đáng đem đồ dâng kính, Xứng thọ kẻ tiếp nghinh.

Đủ chịu cho người bố thí, Vừa chúng cho người lễ bái.
Thật ruộng phước của đời, Không ruộng nào bì kịp.
Con trọn đời quy y Tăng Bảo, Và cho đến Níp Bàn,
Chẳng có chi con đáng quy y,
Nương Tăng Bảo là quy y cao tốt. Do lời thành thật này:
Xin các sự kiết tường thắng lợi, Hằng có đến cho con.
Con cúi lạy hai ngôi Tăng Bảo (*cúi lạy*)
Lỗi nào con phạm đến Tăng Bảo,
Cầu xin xá tội cho con ! (*cúi lạy*)
Hiện nay con lạy ngôi Tam Bảo (*cúi lạy*)
Bạc đáng kính cao siêu, Đã đặt nguồn phước lớn,
Nhờ oai đức ngăn hết tai ương.

-----00000-----

BÀI CẦU NGUYỆN CHƯ THIÊN (I)

Chí thành miệng vái tâm cầu,
Chư Thiên lớn nhỏ bất câu bậc nào,
Bốn tầng Sắc Giới rộng cao,
Xin nghe hiểu biết hiện vào trợ duyên.
Đặng tâm sáng kiến phát liên,
Biết nơi đáng sắp bày tuyên vừa người,
Dầu ai cản sái luận dư,
Chuyên lòng tinh tấn ngăn trừ sự lui.
Chư Thiên Dục Giới hưởng vui,
Vừa nghe cầu khẩn, tạm ngừng xét qua,
Từ Trời Tha Hóa cao xa,
Đến Cung Đạo Lợi bao la năm tầng,
Giàu lòng bác ái thọ xung,
Thấy đều bố cáo chuyên luân sắp bày.
Vị nào hoan hỷ cầu đây,
Ra ân trợ giúp chẳng chầy mau xong.
Hiện nay con rất hết lòng,
Mong cho Thiên Tướng oai phong bốn Ngài,
Thường luôn an lạc vui thay,
Tránh xa khổ não hằng ngày tiến lên,
Đặng ngôi Nguyên Soái vững bền,
Lòng Từ ủng hộ các nền Giáo Chân,
Chẳng nài khó nhọc ra ân,
Chúng con hữu sự có nhân nên cầu.

Vì e công chuyện trễ lâu,
Làm cho nhiều kẻ hao sầu thân tâm.
Ngờ Ngài xuống lệnh quyền thâm,
Chư Thiên lòng tốt quang lâm giúp thành.
Rất là ân trọng cao thanh,
Chúng con hồi hướng Phước lành kính dâng,
Chư Thiên lớn nhỏ các tầng,
Tùy hỷ công đức đồng mừng trợ chuyên.

Nương theo căn bản Ba Li,
Hết lòng cúng vái trong khi hữu cầu,
Tâm thành tưởng đến như châu,
Trước sau chủ nguyện chẳng lâu ứng cùng.
Chúng con lễ vật phụng cung,
Khẩn cầu cho đặng theo trung thuật trần.
Mong nhờ Tứ Đại Thiên Vương,
Oai thần chuyển hóa tùy phương giúp thành.

Kính cầu Tứ Đại Thiên Vương,
Chúng con hữu sự nhờ nương Quý Ngài.
Cho bậc đủ sức giúp ngay,
Đặng mau thành tựu việc này đội ân.

-----00000-----

BÀI CẦU TẶNG TRƯỞNG THIÊN VƯƠNG

Nguyện cầu Tặng Trượng Thiên Vương,
Hoan tâm nhân loại Nam Phương Châu này.
Thời kỳ tai nạn lắm thay,
Nhiều điều khổ sở hiện nay thêm hoài.
Nhứt là giặc giã hằng ngày,
Làm cho dân chúng phải rày tứ oan.
Những người còn lại nào an,
Nghèo khổ thiếu thốn đa đoan lắm bề.
Lại thêm chứng dịch đáng ghê,
Sau giây chết chóng khổ bề thuốc men.
Ngoài ra lại có bệnh soàn,
Hoặc do chất độc lắm phương nhiễm truyền.
Thất mùa, thất rẫy, thất vườn,
Bán buôn eo hẹp lắm thường hỏa tai.

Biết bao khổ sở khó bài,
Chỉ còn cầu nguyện đến Ngài Thiên Vương.
Hết lòng mong mỏi tứ phương,
Muốn Ngài trọn vẹn thường thường an vui.
Xa lìa khổ não không sầu,
Hỷ xả oan trái còn đâu hại mà.
Chúng con có dạ thiết tha,
Nguyện cầu sớm đặng tránh xa nạn này.
Nhờ ân xuống đức cao đây,
Hộ trì tất cả từ đây hết nài.

-----00000-----

BÀI CẦU NGUYỆN CHƯ THIÊN (II)

Thỉnh cầu tất cả Chư Thiên,
Tột cùng Sắc Giới khắp miền nhân gian,
Chư Thiên lớn nhỏ các hàng,
Mỗi tầng Trời cả đến sang chúng này.
Chư Thiên ở chốn gần đây,
Hoặc nơi xa cách Đông, Tây các miền.
Ở nơi cung điện động tiên,
Núi dài núi nhọn đất liền hư không,
Ở theo nhà cửa hay đồng,
Nương cây bóng mát hoặc sông hoặc rừng,
Cù lao hòn biển mênh mông,
Cùng nơi rẫy bãi hư không giảng từng.
Bao nhiêu tất cả đã xung,
Từ bi đến chúng cúng dựng yêu cầu.
Giúp con các sự chẳng lâu,
Đặng như ý muốn sẽ hầu đội ân.

-----00000-----

THẬP CHÁNH KIẾN (SAMMÀDIṬṬHI 10)

Mười điều Chánh Kiến nên làm,
Nương theo tiến hóa Phước linh phát vào.
Một tin Phước Thí về sau,
Chắc rằng cho Quả hoặc mau hoặc chầy.
Hai tin Nghiệp Phước trước – nay,
Giới cùng Tịnh Huệ hành rày Quả cao.

Ba tin Tâm sạch lâu lâu,
Tâm tốt Quả tốt thể nào chẳng sai.
Bốn tin Thiện Ác cả hai,
Tạo chi gặp nấy không ai khỏi gì.
Năm tin hành động điều chi,
Tội Phước hai lẽ cũng thì do Ta.
Sáu tin hiếu thảo Mẹ Cha,
Cố nhiên Quả Phước phát ra cho mình.
Bảy tin Nga Quỷ Ngục Hình,
Chư Thiên, Phạm Chúng Hữu Tình tứ sanh.
Tám tin hiện thể phải đành,
Đời này do bởi Tư Hành hiện đây.
Chín tin hậu thế sau này,
Vị Lai còn Nghiệp thời thay nối đời.
Mười tin đủ bậc cao vời,
Người tu đắc Quả có lời Phật Ngôn.
Ai ai xin ráng bảo tồn,
Noi gương Chánh Kiến trí khôn lợi mình.

-----00000-----

THẬP PHÁP Y (NUỜNG NHỜ)

Mười điều nương đỡ đặng nhờ,
Ai tu cũng phải bao giờ tìm luôn.
Một là Giữ Giới làm nguồn,
Trau dồi Thân Ngữ luôn luôn tốt hoài.
Hai là Nghe đặng nhiều thay,
Thành người thông thái biết rày cao xa.
Ba là có Bạn Tốt mà,
Giúp nhau lợi ích trợ qua tu hành.
Bốn là Dễ Dạy khéo lanh,
Nghe theo Giáo Hóa lòng đành trọn vâng.
Năm là Siêng Sấn rất cần,
Tương tế cùng bạn trong phần xuất gia.
Sáu là không thích Pháp Tà,
Rất ưa Pháp Chánh những mà đúng chân.
Bảy là Tinh Tấn cao hơn,
Tứ Cần thường giữ làm nhân Níp Bàn.
Tám là Tri Túc tự an,
Mặc, ăn, thuốc, ở, theo đàng có ra.

Chín là Chánh Niệm cho già,
Mỗi khi làm nói điều mà biết theo.
Mười là Trí Huệ chẳng nghèo,
Thấu đáo thực tướng rành theo Pháp Hành.
Muốn cho giải thoát Tử Sinh,
Phải nhờ mười Pháp trợ thành đến nơi.

-----00000-----

THẬP KHỔ NÃO (DUKKHA 10)

Trong đời khổ sở biết bao,
Cõi nào cũng có người nào cũng mang.
Mười điều khổ não chứa chan,
Tỏ bày thức tỉnh mở đàng xét suy.
Một là trạng thái bất kỳ,
Sanh già với chết chẳng vì một ai.
Hai là tom góp khổ thay,
Buồn rầu nhiều cảnh đêm ngày khóc than.
Ba là thường trực khổ tràng,
Nóng nực lạnh lẽo bởi mang thân này.
Bốn là khổ bệnh chẳng chầy,
Bất hòa tứ đại nổi gây tật nguyên.
Năm là nóng nảy khổ duyên,
Việc chi rắc rối chẳng yên như thường.
Sáu là khổ quả bất lương,
Bởi Nghiệp chẳng tốt vẫn vương chịu hoài.
Bảy là xen trộn cả hai,
Khổ Lạc nhị chủng đi hoài cận lân.
Tám là sự khổ vì ăn,
Tìm tòi nuôi miệng đa phần hơn chi.
Chín là khổ giặc nặng nguy,
Tìm đường chạy trốn có gì là hơn.
Mười là Khổ Uẩn hằng cơn,
Năm ám sanh diệt các đơn đôi đời.

-----00000-----

THẬP PHÚC HÀNH TÔNG (Puññakiriyavatthu 10)

Mười điều hạnh phúc tâm lành,
Nhân vui tiến hóa nên hành tốt thay.

Một là Bồ Thí giúp rầy,
Cúng dường cho trợ cách bày rộng tâm.
Hai là Trì Giới thật nhằm,
Ngăn ngừa tội ác lỗi lầm ít sanh.
Ba là Tu Tiến chánh thanh,
Tịnh tuệ các Pháp lối hành rộng cao.
Bốn là Cung Kính cùng nhau,
Lễ phép khiêm nhượng hợp vào tục nghi.
Năm là lựa chọn điều gì,
Chánh Tà trúng trật biết thì mới xong.
Sáu là Hồi Hướng chư vong,
Hoặc cùng cho Phước người đồng hiện nay.
Bảy là Tùy Hỷ vui thay,
Thấy nghe công đức đặng hay như làm.
Tám là Thính Pháp càng ham,
Phát sinh tịnh tuệ hằng kham tỏ tường.
Chín là Thuyết Pháp chánh phương,
Như phun châu ngọc phô trương lợi người.
Mười là tạo Chánh Kiến như,
Roi đèn khai sáng để trừ tối tăm.
Mấy điều gọi Phước chớ lầm,
Sự vật trợ giúp cho Tâm sạch thường.

-----00000-----

THẬP PHƯỚC LUÂN HỒI

Mười điều cần nhứt chúng sanh,
Ở trong ba Cõi vòng quanh Luân Hồi.
Một là Tình Mẹ thương ôi,
Nhớ ơn nhũ bộ đèn bồi sao xong !
Hai là Nghĩa Phụ mệnh mông,
Công lao cứu dục nhọc lòng gian nan.
Ba là Chồng Vợ đôi đàng,
Mặc dù y phục nghĩa mang nặng nề.
Bốn là Nhi Tử thường lễ,
Có ra thì phải lo bề dưỡng nuôi.
Năm là Dòng Họ tới lui,
Bà con cũng phải khổ vui cảm tình.
Sáu là thân thiết Bạn mình,
Sanh tử hoạn nạn giữ gìn tương giao.

Bảy là Cửa Cải dường bao,
Hoặc nhiều hay ít tâm nào rảnh đâu.
Tám là Lộc thiếu bất câu,
Có lòng thọ hưởng nhiều sâu trong đời.
Chín là Chức Phận cao nơi,
Ham theo quyền tước khó rồi mê danh.
Mười là Dục Lạc sẵn dành,
Làm cho dễ nhiệm tu hành khó hơn.
Người đời đâu khỏi các nhân,
Ai mà có trí tìm Nhân Níp Bàn.

-----00000-----

Đặng thân Nhân Loại rất là may,
Gặp Phật ra đời cũng mấy ai,
Thính Pháp văn kinh đâu phải dễ,
Hiểu lời Phật dạy mới người hay.

Thế gian bầy bấu lợi thường đời,
Chỉ giúp cho ta đến dứt hơi,
Pháp Phật hộ trì vô lượng kiếp,
Đến cùng tận khổ mới là thôi.

Đời là Người Cõi với hành vi,
Rốt ráo Níp Bàn chẳng có chi.
Tính kể bao lâu hoài chớ hết,
Được mà tận thế đó toàn vui.

Tìm tòi học hỏi lợi cho ta,
Hiểu biết rồi, phân lẽ Chánh Tà,
Phật Ngữ nay còn lưu đủ Tạng,
Giáo truyền chính đốn chấp sai ngoa.

-----00000-----

THẬP ĐỨC TÀI THIỆN TÍN

Mười điều công đức gia tài,
Của người thiện tín hằng ngày quý trau.
Một là đồng chịu cùng nhau,
Khổ vui chẳng bỏ việc nào với Tăng.
Hai là Thân Ngữ nói năng,

Các điều hành động ở ăn đàng hoàng.
Ba là trọng Pháp như vàng,
Làm chi thời cũng nương đàng y Kinh.
Bốn là vui dạ sẵn gìn,
Tùy theo sức có lòng tin cúng dường.
Năm là cần mẫn cho thường,
Học trong Phật Giáo theo đường Pháp cao.
Sáu là Chánh Kiến hằng trau,
Xét theo lý Pháp nâng cao tinh thần.
Bảy là xa lánh tín xằng,
Điềm cho hay trước với phần hên xui.
Tám là dẫu thác vẫn vui,
Không đành tín ngưỡng tới lui đạo ngoài.
Chín là đoàn kết chớ phai,
Xả giao bạn Pháp thường hoài hòa nhau.
Mười là chẳng dối chút nào,
Quy y Tam Bảo Phước cao quý mầu.
Khuyên cùng thiện tín đâu đâu,
Thấy đều học biết sẽ hầu lợi chung.

-----00000-----

LỜI PHỤC NGUYỆN CỦA DỊCH GIẢ

Với tài trí bất khả tỷ giáo của Ngài Đại Trưởng Lão *SADDHAMMA JOTIKA* đã hình thành trí tuệ sắc bén, soạn tác bộ sách Chú Giải này, luôn cả toàn bộ Tạng Vô Tỷ Pháp vô cùng quý báu. Tất cả Nhân Thiên kính cung trí kính lễ ân đức sâu dày của Ngài Đại Trưởng Lão.

Ngưỡng mong trí tuệ đặc thù mà Ngài có được, xin được thâm nhập và khai trí vào sở học sở cầu Kỳ Hạ, và vun bồi Tam Thập Pháp Ba La Mật hạnh Trí Tuệ xuyên suốt cho đến ngày chứng đắc Quả vị Chánh Đẳng Giác.

Ngưỡng mong công đức phiên dịch bộ sách Chú Giải *Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp* (Tập V – Chương Thứ VIII – Quyển I), hội túc duyên Phước Báu to lớn, xin thành tâm chấp thủ trí kính lễ và kính dâng Quả Phước Báu thanh cao này hướng đến hai bậc Ân Sư, Ngài Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ (*SANTAKICCO MAHÀ THERA*), và Ngài Đại Trưởng Lão SIÊU VIỆT (*ULÀRO MAHÀ THERA*) với tất cả lòng thành kính của con.

Ngưỡng mong công đức phiên dịch bộ sách Chú Giải *Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp* (Tập V – Chương Thứ VIII – Quyển I), hội đủ túc duyên Phước Báu to lớn, xin thành kính dâng Quả Phước thanh cao này hướng đến Song Thân trí

kính của con (Cha: Lê Văn Bé / Mẹ: Võ Thị Lý), Cô Tư Tu Nữ Phạm Thị Yên kính thương (Chùa Siêu Lý – Phú Định – Quận 6), Cô Diệu Pháp (thế danh là Vũ Thị Phương, Annapolis – Maryland), đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ thù từ hộ trì Chánh Pháp, đến tất cả những bậc Hữu Ân Phật Tử đã ủng hộ cho việc đánh máy, điều chỉnh, bổ túc với tất cả những kỹ năng kỳ công và phát hành bộ sách Chú Giải **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp** (Tập V – Chương Thứ VIII – Quyển I), và chí đến toàn thể quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thấy.

Ngưỡng mong **ÁN ĐỨC PHÁP BẢO** luôn mãi được tồn tại lâu dài cho đến năm ngàn năm, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Thiên, Chư Phạm Thiên, Nhân Loại và tất cả chúng sanh.

(Anumodanà, Anumodanà, Anumodanà).

Với tấm lòng Từ Ái,
Mettàparamatthapàramì
Sàdhu, Sàdhu, Sàdhu

Hết lòng cần kính,
Bhikkhu PASÀDO

-----00000-----

*Bố Thí, Pháp Thí vô song
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp Hương.
Bậc Trí biết cách cúng dường
Kiên trì chân chánh, con đường phúc vinh.*

*In this world, there are three things of value for one who gives...
Before giving, the mind of the giver is happy.
While giving, the mind of the giver is peaceful.
After giving, the mind of the giver is uplifted.
A 6.37*

*Gió Từ quét sạch rừng phiền não,
Mưa Pháp trôi đùa áng lợi danh.*

-----00000-----

SABBADÀNAM DHAMMÀNAM JINÀTI
PHÁP THÍ THÙ THẮNG HƠN MỌI THẾ GIAN THÍ

-----00000-----

VÔ NHÂN KÍCH XÚC ĐẠO QUẢ NAN THÀNH
Không Người Công Kích - Đạo Quả Khó Thành

“Trắc ản chi Tâm

Nhân chi đoan dã

Tu ố chi Tâm

Nghĩa chi đoan dã”

“Có lòng trắc ản là nguồn gốc của con người !

Có biết xấu hổ là nguồn gốc của nghĩa khí !”

-----00000-----

“Đạo tất kiên Tâm,

Kiên Tâm tất Đạo thành

Kiến công huân tảo hồi trình

Tốc tiến am tu chân thân

Nhất nhật phi thăng

Tiên ban liệt danh”

“Khi tin Đạo phải dâng lòng thành,

Sự nghiệp huy hoàng ắt vượng thân.

Nhưng hãy xây Chùa sớm tụng niệm,

Phi thân tiên vị với biệt danh.”

